

TRINH HIẾU GIANG - NGUYỄN AN

1 Bản in màu

NHỮNG HIỂU BIẾT VỀ

Cuộc đời

(Sinh mệnh, Sinh tồn, Cuộc sống và Cuộc đời)



nhà xuất bản Hà Nội

Table of Contents

Lời mở đầu

Chương Một - Khám phá bí mật của bản chất sinh mệnh

1. “Hãy nhận biết bản thân mình”
2. Phân biệt giữa con người và cầm thú
3. Điều đáng buồn của việc sống vì vật chất
4. Không có “sống” thì không có “chết”
5. Nâng cốc chúc mừng niềm vui
6. Dễ mất đi và vĩnh viễn
7. Có phải người đối với người như “chó sói” không?
8. Hỏi han “vận mệnh”
9. “Khí khái” là cái gì?
10. Nam giới và nữ giới
11. Cái tôi bẩm sinh và cái tôi nhào nặn
12. “Vị kỷ” và “vị tha”
13. Dục vọng và đau khổ
14. Ưỡn thẳng sống lưng
15. Lạc quan tếu và bi quan mù quáng
16. “Đẹp” là gì?
17. Tai nghe, mắt quan sát, lòng kiểm tra
18. Vào đời và tránh đời
19. “Yêu” là gì?
20. “Tù nhân” của cảm tính
21. Gian nan khốn khổ và yên vui
22. Chí của Tăng Điểm
23. Chết là trạng thái ngủ không có mộng

Chương Hai - Phân tích nội dung đời người

1. Sức hấp dẫn của quan niệm đời người
2. Tiến lui trong dòng đời chảy gấp
3. Đời người “hoàn cảnh” quyết định
4. Đời người phải theo “Lẽ triết trung”
5. “Nhược trượng phu”, “giả trượng phu”, “tiểu trượng phu” và “đại trượng phu”
6. Uống công vô ích nên đời người rút ngắn
7. Cương trực và nhu nhược
8. Ngọn đèn sáng của đời người hạnh phúc
9. Đời người tự phụ
10. Đời người và “giấc mơ đẹp”
11. Làm quan hay là câu cá
12. Tự do đời người tìm kiếm ở đâu?
13. Đời người khó lường
14. Bí quyết thành công của đời người
15. Thắng mình không dễ
16. Nguồn động lực của đời người tìm ở đâu?

17. Tự dụng dụng chuyện

18. Xây lâu đài trên không

19. Tự biết mình

20. Giữ mình trong sạch

Chương Ba - Phân tích trạng thái sinh tồn

1. Phân tích “thói xấu”

2. Phân tích “tính cách”

3. Phân tích “thể diện”

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời mở đầu

Sách này mang tên *Những Hiểu Biết Về Cuộc Đời* là có ý muốn đem sinh mệnh sinh tồn, cuộc sống và cuộc đời trong giấy lát không thể tách rời với con người xác lập thành những đối tượng có thể nghiên cứu tỉ mỉ, qua việc nhìn thấu rõ quá trình sinh mệnh, trạng thái sinh tồn và sự thay đổi cuộc sống của con người, để giúp người ta nhận thấy tính phức tạp của đời người, phân tích mọi mặt của cuộc sống, tiến tới tìm tòi các con đường và phương pháp làm tiêu tan mọi đau khổ của đời người, loại bỏ mọi vất vả mệt nhọc của đời người, vượt qua mọi bước gập ghềnh khúc khuỷu của đời người, giành được cuộc đời thuận lợi và hạnh phúc.

Sách này tập trung khai thác và trình bày trí tuệ đời người phong phú của các hiền triết trong và ngoài nước, giúp con người hiện đại từ nguồn tư liệu có tinh thần tích góp vững chắc này rút ra những điều bổ ích, từ đó nhìn thẳng vào đời người nghiệt ngã, thay đổi trạng thái sinh tồn của mình, làm tăng thú vui của đời người, giảm bớt nỗi buồn rầu, đau khổ, buồn giận và nhạt nhẽo của đời người.

Sinh mệnh mọi người đều có, nhưng đối với nó dễ có mấy người thường thấu hiểu? Cuộc sống là cái theo sát mọi người, nhưng liệu có mấy người thường xét lại mình đối với nó? Đời người là tiếng gọi chung của đời sống vật chất, đời sống tinh thần, hoạt động cơ thể sinh mệnh, nhưng trên đời lại có mấy người thường kiên trì nghiên cứu sâu về đời người?

Không nhìn thấu rõ đối với sinh mệnh thì không thể thật sự quý trọng sinh mệnh; không xét lại mình đối với cuộc sống thì không thể thật sự hiểu được phải sống như thế nào. Không tìm hiểu sâu đối với đời người thì không thể tránh được tai họa, gian nan và ngoắt ngoéo của cuộc đời.

Cả ba điều đó đều không có, đương nhiên sẽ khó mà giành được cuộc đời như ý, hạnh phúc và trọn vẹn.

Các nhà hiền triết thời xưa của Trung Quốc có cảm thụ nhạy bén khác thường và tôn sùng hết sức đối với sinh mệnh. Họ xem sinh mệnh là bản thể và bản chất của vũ trụ, đem tất cả mọi cái trên đời đều chỉ là quá trình sinh ra, phát dục, nuôi dưỡng lớn lên và tử vong, lại sinh ra và phát triển lại lần nữa. Cho nên, “trời đất” có hiếu sinh chi đức, con người cũng nên có tinh thần sinh sinh bất tức, quý trọng sinh mệnh, tu dưỡng tâm tính để xứng đáng với thiên đức.

Sinh mệnh của con người đã cao cả như thế, con người không có lý gì không trân trọng. Tính quan trọng của sinh mệnh không chỉ ở chỗ nó đối với con người là duy nhất, mà còn ở chỗ con người cũng cần phải trong thời hạn sinh mệnh ngắn ngủi nên sống cho ra sống, sáng tạo ra giá trị để làm cho sinh mệnh của mình phần chấn và cố gắng ghi được những dấu ấn của mình trong lịch sử nhân loại, từ đó vượt qua được thời hạn của sinh mệnh, giành được sự sống mãi với thời gian.

Các nhà hiền triết của phương Tây thì có nhận thức sâu sắc và vạch ra tính bi kịch đối với sinh mệnh. Nỗi khổ của sinh mệnh sinh ra, nỗi đau buồn trong quá trình sinh mệnh, nhiều mặt đen tối của cuộc đời v.v... đều được hiện ra trước mắt người đời. Người ta trong khi bị rung cảm, cũng nên và cần phải thăng hoa ra một sứ mệnh và ý thức phấn chấn: tẩy rửa tội lỗi của thế gian, biến thế giới bi thảm thành cảnh sung sướng của thế gian.

Đây là trách nhiệm và định mệnh của mỗi người có sinh mệnh chúng ta. Mặc dù, đây hoàn toàn không phải là quá trình sinh mệnh của một người có thể hoàn thành, thậm chí cũng không phải mấy đời người có thể làm được, nhưng trong quá trình người trước ngã xuống người sau kế tiếp, không ngừng cố gắng này, toàn thể sinh mệnh của loài người phát ra ánh sáng sán lạn nhất, huy hoàng nhất, khiến cho thế giới bi thảm này có ánh sáng, có hy vọng, đồng thời có cải thiện, có phát triển không ngừng.

Nhìn thấu rõ sinh mệnh, nắm chắc sinh mệnh, xếp sắp sinh mệnh như thế, chắc chắn sẽ làm cho đời người đi tới huy hoàng.

Đặc điểm bản chất nhất của đời người là tính phức tạp. Cùng với sự phát triển của xã hội, sự khai thác lĩnh vực cuộc sống, sự đa dạng của văn hóa tinh thần của loài người, cuộc đời của mỗi người đều đang phát sinh thay đổi rất lớn. Trạng thái sinh tồn khó mà lựa chọn được, phẩm chất cuộc sống theo đuổi vô cùng tận, thái độ nhân sinh biến đổi khôn lường, đều làm cho nội dung của đời người phức tạp vô cùng.

Nhiều người chắc chắn là đều có sinh mệnh, cũng đang sống, nhưng trong mê hoặc của đời người luống cuống không biết đối xử với đời người như thế nào, không biết sắp xếp cuộc sống như thế nào, càng không thể làm thay đổi quỹ đạo đã định của đời người, khiến cho đời người phát triển theo phương hướng vừa ý vừa lòng, như thế là không có cách gì giành được đời người hạnh phúc.

Phương diện quan trọng nhất của đời người, các nhà triết học trong và ngoài nước xưa nay đều có cảm tưởng giống nhau, là sự xác lập của quan niệm nhân sinh. Nghĩa là người ta không thể sống một đời không có lý tưởng, không có theo đuổi, không có nguyện vọng, xây dựng mục tiêu nào đó của đời người, mới có thể làm cho cuộc sống của con người có phương hướng và nguồn động lực, mới có thể thay đổi đời người đại đột ngột ngất kiểu trôi theo dòng nước, trở thành ý chí chủ quan lo liệu cho con người, có thể điều chỉnh trí tuệ nhân sinh kiểu năng động tăng giảm.

Nói chung, lý tưởng và mục tiêu phấn đấu của đời người không thể quá theo cảm tính, quá theo ham muốn vật chất, quá thế tục, quá vụ lợi, nó cần phải có tính vượt trước, tính cao cả và tính tinh thần. Bởi vì thế giới cảm tính biến ảo vô cùng khó mà cố định mãi mãi, không thể nào trở thành mục tiêu đời người con người vì nó phấn đấu suốt đời được. Còn mục tiêu có tính ham muốn vật chất, tính thế tục và tính vụ lợi, mặc dù cũng có thể tăng thú vui của đời người, nâng chất lượng cuộc sống lên, nhưng nó vĩnh viễn không có khả năng thỏa mãn, xét đến cùng chỉ là một bộ phận nào đó trong sinh mệnh của con người, lấy nó làm mục tiêu phấn đấu của

đời người, thì nguồn động lực đời người cho con người chắc chắn là có hạn, mà còn có thể dẫn đến đời người tầm thường hóa, tiêu cực hóa, thậm chí bước vào con đường sai lầm. Cho nên, quan niệm đời người phải có tính cao cả, lý tưởng của đời người phải có tính vượt trước, theo đuổi của đời người cuối cùng vẫn nên trở về với chốn tinh thần. Chỉ có như thế, sinh mệnh của con người mới có khả năng đạt được thành tựu xuất sắc, quá trình sống của con người mới có hứa hẹn có giá trị, đời người mới có thể đi tới huy hoàng.

Trong quá trình của đời người, nếu xác lập được quan niệm nhân sinh, thế thì cuộc sống sẽ có mục tiêu, nó có thể làm cho người ta có tiêu chuẩn đánh giá của giá trị, khi bạn làm một việc gì hoặc không làm một việc gì, khi bạn muốn một trạng thái nào đó hoặc từ chối một trạng thái nào đó, đều có thể dùng tiêu chuẩn của giá trị này để cân nhắc, phân biệt rõ tốt xấu, hơn thua, đẹp xấu, thật giả. Như thế, đời người của bạn mới có tính thiết thực, cuộc sống của bạn mới có thể đi vào con đường đúng đắn, việc theo đuổi của bạn mới có khả năng hiện thực.

Việc xác lập quan niệm đời người còn có thể làm cho người ta có nguồn động lực nhân sinh to lớn. Trong cuộc sống, con người trôi theo dòng nước không có chút thành tích gì, hay là niềm tin kiên định, tích cực, có triển vọng, đây là vấn đề thái độ nhân sinh, là vấn đề có động lực nhân sinh không và nguồn động lực nhân sinh mạnh yếu. Lịch sử từ xưa đến nay đều thuyết minh rõ đời người của người thành công đều có nguồn động lực nhân sinh lớn nhất, họ tràn trề sức sống của sinh mệnh, có tính xốc nổi đời người to lớn, cho nên có thể coi thường đau khổ của nhân gian, chiến thắng mọi gian nan hiểm trở trong đời người một cách dũng cảm. Dù cho có lúc thất bại, họ cũng không hề biết sợ hãi, vẫn vui vẻ, tích cực đi tới, thẳng tiến không lùi. Trên thực tế, nguồn động lực nhân sinh lớn nhỏ, thường quyết định đời người thành công hay không. Đây có thể nói là một trong những nguyên lý quan trọng của đời người, người ta quyết không thể phớt lờ được.

Có cách nhìn sâu sắc đối với sinh mệnh, có quan niệm nhân sinh sinh ra từ đó và động lực nhân sinh, người ta lại cố gắng nắm vững một số kỹ xảo của cuộc sống, liền có thể khiến cho đời người tiến lên một tầng nấc mới.

Kỹ xảo của cuộc sống là chỉ trong quá trình sống, trong sự chìm nổi của cuộc đời người, người ta vận dụng trí tuệ, khéo giải quyết các vấn đề khó, làm tiêu tan đúng mức cảnh khó khăn trong cuộc sống, mọi trở ngại trong đời người, từ đó làm cho cuộc sống tràn ngập niềm vui, đời người càng thêm hạnh phúc.

Kể từ trong và ngoài nước xưa nay có cuộc sống từng trải rất phong phú, lại có sự tu dưỡng lý luận rất cao sâu, hàng ngàn năm nay đã tổng kết vô số trí tuệ nhân sinh, nó là của cải tinh thần đáng quý nhất của người hiện đại, người ta có thể từ trong đó thu hút chất dinh dưỡng nhân sinh vô cùng tận, tiến tới nghiền ngẫm kỹ, tiêu hóa, chuyển hóa thành phương thức và phương pháp ứng phó với xã hội và cuộc sống ngày càng phức tạp, khiến cho sự sinh tồn của người ta càng thêm vững chắc, khiến cho cuộc sống của họ càng thêm tốt đẹp, khiến cho đời người của chúng ta có ý nghĩa và giá trị hơn.

Trên đây là những nội dung quan trọng của cuốn sách này muốn cung cấp cho bạn đọc. Chúng tôi cảm thấy rằng, sống trong xã hội biến ảo khôn lường, chìm nổi trong dòng đời nhấp nhô bất

định, con người hiện đại nhất định phải đi tìm tòi bản chất của sinh mệnh, nội dung của đời người, trạng thái sinh tồn, kỹ xảo của cuộc sống, đồng thời tiến tới học tập kinh nghiệm cuộc đời của các nhà hiền triết xưa, xét lại trạng thái sinh tồn của mình, từ đó xây dựng cuộc đời của chúng ta trôi chảy hạnh phúc mỹ mãn.

Chương Một

Khám phá bí mật của bản chất sinh mệnh

Sinh mệnh là toàn bộ quá trình thu hút, tiêu hóa, hấp thụ và bài tiết của sinh vật đối với vật chất bên ngoài, biểu hiện thành sức sống trong quá trình thời gian liên tục. Sinh mệnh của con người là hiện tượng phức tạp nhất, lạ lùng nhất trong mọi sinh mệnh trong vũ trụ. Nó không chỉ là một sự vận động của cơ thể mà còn là hoạt động của tinh thần, tâm lý và tư tưởng.

Điều đó khiến cho sinh mệnh của con người có thể cao hơn sinh mệnh của các sinh vật khác, đạt được sự tồn tại và phát triển tốt hơn. Nhưng cũng định trước sinh mệnh của con người trong quá trình tự nhận thức và tự hồi lỗi sẽ bị hỏi và đòi giải đáp những điều nghi ngờ gấp bội.

Bởi vì các sinh vật khác không thể hỏi sinh mệnh từ đâu tới? Sinh mệnh phải sống như thế nào? Cũng không thể có ý thức thể nghiệm mọi đau khổ, buồn rầu chứa chất trong quá trình sinh mệnh và đành chịu vậy. Đương nhiên càng không thể cảm thấy sinh mệnh tất nhiên kết thúc, mà quá trình lại vô cùng ngăn ngủ đã để lại cho sinh mệnh dấu ấn của sắc thái bi kịch.

Cho nên, con người có thể ý thức được mọi trạng thái và quá trình của sinh mệnh, điều đó hơn hẳn mọi sinh vật khác. Nhưng, cũng khiến cho vấn đề sinh mệnh của loài người nổi bật lên một cách khác thường, hơn nữa ngày càng phức tạp hơn.

Mỗi một người sống trên thế giới này, đều nên và cần phải tìm hiểu bản chất của sinh mệnh, “nhận biết chính bản thân bạn”, nhận rõ bản chất khác nhau của người và động vật, từ đó nắm vững sinh mệnh của mình một cách hoàn chỉnh, khai thác nội dung phong phú chất chứa trong đó, cố gắng tạo dựng một sinh mệnh lành mạnh, đồng thời vượt lên trên mọi buồn rầu và đau khổ trong sinh mệnh, ôm chầm lấy mọi nỗi vui mừng và sung sướng.

1. “Hãy nhận biết bản thân mình”

Con người sinh ra, lớn lên, sống, nếu như tự hỏi lương tâm mình: Bạn đã hiểu bản thân

mình chưa? Bạn có biết “người” là gì không? Có lẽ bạn sẽ cứng lưỡi không thể trả lời được. Chẳng lẽ tôi vẫn không biết tôi là ai! Tôi còn không biết người là gì ư? Nhưng đích thực bạn có thể không hiểu biết hoặc hiểu không rõ ràng lắm. Mỗi người chúng ta đều không nên coi thường vấn đề có vẻ đơn giản này, nó thực tế rất quan trọng đối với đời người.

Miền Bắc Hy Lạp có một thị trấn nhỏ phong cảnh đẹp gọi là Delphi, tựa lưng vào núi Parnassos đá tai mèo lởm chởm, nhìn ra vịnh Corinth nước xanh trong vắt. Gió biển đưa phe phẩy, vạn vật sức sống dạt dào, con người làm việc cần cù, vui vẻ hưởng thụ vẻ đẹp tự nhiên ban tặng. Thị trấn nhỏ bãi biển êm đềm này vì có một ngôi đền thờ thần Apollon nên trở thành nơi thu hút du khách bốn phương.

Nghe nói, lời dự đoán của vị thần Apollon này rất linh nghiệm, người ta thắp hương lễ bái, khấu đầu trước thần để cầu xin “thần ý” một cách thành tâm. Trên tường đền thờ thần Apollon cao vút khắc một câu châm ngôn: “Hãy nhận biết bản thân mình” - Đây có thể nói là lời dự đoán tốt nhất, sâu sắc nhất của thần Apollon tặng cho toàn nhân loại.

Con người cần phải suy nghĩ: “Mình là cái gì? Mình cần phải là gì? Mình sẽ có thể là gì?”

Thường nghe người ta than thở: Tôi đến bản thân mình cũng không tự hiểu, tôi không biết mình cần gì? Đây chẳng phải chính là kết quả không nhận biết “tôi” đó sao?

Thần Apollon còn có một lời dự đoán quái lạ nói nhà triết học đương thời Socrates có trí tuệ hơn bất cứ ai. Bản thân Socrates hoảng hốt lo sợ muốn thăm dò xem thần vì sao lại khen ngợi ông ta như thế, bèn đi thăm các nhà triết học, nhà bi kịch, nhà kỹ nghệ khắp nơi. Kết quả sau khi trao đổi sâu với những học giả này, Socrates đã phát hiện họ mặc dù được coi là tri thức uyên bác, nhưng trên thực tế thực ra họ không hiểu những cái mà tự nhận là đã hiểu.

Do đó Socrates đi đến kết luận: Thần Apollon sở dĩ khen ông là người có trí tuệ nhất, hoàn toàn là vì ông nhận thức được sự dốt nát của mình!

Nhận thấy được và thừa nhận mình dốt nát, mới là người có tri thức nhất. Cách nói này hầu như tự mâu thuẫn nhau, song ngẫm nghĩ kỹ một chút: người ta thừa nhận mình dốt nát mới có thể đi tìm tri thức, còn người tự nhận không có cái gì không biết, hoặc căn bản không cần biết, thì làm sao có thể đi tìm hiểu biết?

Đến lòng ham muốn cầu hiểu biết đều không có, thì đâu có hiểu biết được?

Đáng tiếc là người hiểu điều này ở trên đời còn quá ít.

Thế là, Socrates khoác chiếc áo choàng không tay cũ rách, đi chân không, giữa ban ngày tay xách chiếc đèn lồng đi dạo khắp nơi trong đám người đông đúc náo nhiệt.

Có người hỏi: “Tìm cái gì?”

Ông đáp: “Tìm người!”

Mọi người đều hết sức ngạc nhiên.

Tìm người trong đám người, không phải mắt mù mà không nhìn thấy người, cũng không phải là hồ đồ mà không nhận ra người, mà là đi tìm người có hiểu biết tự biết mình dốt nát, tức là người “nhận biết chính bản thân mình”.

Người ta sinh ra ở đời, nếu không truy hỏi một chút vấn đề “mình là cái gì?” thì sẽ không thể xác định vị trí cho mình trên vũ đài của đời người. Nếu không tiếp tục hỏi vấn đề “mình phải là cái gì?” sẽ rất khó có được mục tiêu phấn đấu cho đời xác định, từ đó mất cơ chế nguồn động lực của đời người. Còn nếu không tiếp tục tìm tòi vấn đề, “tôi sẽ là cái gì?” thì sẽ rất khó quy hoạch đường đời của mình mang tính vượt trước.

Một người nếu như chẳng tự hỏi điều gì, vấn đề gì đều không có, thì sẽ đành liệt vào phạm vi của “người” mà Socrates phải xách đèn lồng đi tìm giữa ban ngày.

2. Phân biệt giữa con người và cầm thú

Con người là chúa tể của muôn loài, cầm thú là các loại động vật. Sự phân biệt người với cầm thú hầu như đã quá rõ ràng, không cần phải nói rườm rà nữa. Nhưng trong cổ ngữ có câu “cầm thú mặc áo mũ”, trong nhân gian có người hung tàn hơn dã thú, điều này đã dẫn tới việc thảo luận của các học giả thời xưa của Trung Quốc đối với sự khác biệt giữa người và cầm thú rốt cuộc là tại đâu.

Đại triết gia Mạnh Tử đã kể một câu chuyện: Một đứa trẻ ngây thơ hồn nhiên, đang chơi ở bên cạnh một cái giếng cổ, nhảy nhót, vui mừng hơn hở. Nhưng nó không trông thấy mình cách cái giếng sâu khôn lường ngày càng gần, sắp rơi xuống đó chết mất mạng. Lúc này, mỗi người đi qua đây mắt nhìn thấy cảnh đó, chắc chắn sẽ không chút do dự bay về phía trước để cứu giúp. Cũng chính lúc này, cái mà trong đầu người ấy nổi lên, chắc chắn không phải là muốn vì thế mà nhận được lời cảm ơn của cha mẹ đứa trẻ, cũng không cầu mong được mọi người đồng thanh ca ngợi, càng không phải là ghét tiếng khóc của đứa trẻ mà làm. Đương nhiên, ý định cứu người phát ra ngay lúc đó, không phải nghĩ ngợi gì, không có bất cứ một suy tính vụ lợi thế thường nào làm nhơ bẩn, Mạnh Tử gọi nó là “lòng trắc ẩn”, tức là tình thương xót đồng tình mà người ta thường nói.

Mạnh Tử nói: Kẻ không có lòng trắc ẩn sẽ không phải là người, bởi vì anh ta không có lòng nhân ái đồng tình giúp đỡ người khác, không khác gì cầm thú.

Ngoài ra, người ta sinh ra còn có “lòng biết xấu hổ”, tự biết những việc nào nên làm, những việc nào không nên làm, những cái gì có thể giành lấy, những cái gì không thể đòi hỏi. Người ta lại có “lòng nhường nhau”, hiểu biết lời nói cử chỉ của mình phải thích đáng, khi đối xử với người tự giác cung kính khiêm nhường. Người ta còn có “lòng thị phi” có thể phân biệt rành mạch đúng sai thiện ác, tốt xấu, đẹp xấu, từ đó cầu cái đúng loại bỏ cái sai, giương cao điều thiện vứt bỏ điều ác, chọn cái tốt chê cái xấu, chọn đẹp bỏ xấu.

Cuối cùng Mạnh Tử tổng kết nói, con người có bốn “tấm lòng” giống như thân thể có tứ chi, chúng làm cho người ta trở thành người, tạo nên cái thiện của “nhân tính”; còn cầm thú thì không có bốn “tấm lòng” đó, cho nên chỉ có thể là thú mà không phải là người. Nếu như một người không có bốn “tấm lòng” này, thì chỉ có thể liệt vào loài cầm thú có bộ mặt của người, có hành động của người nhưng lại không phải là người.

Thuở ấy có một học giả khác là Cáo Tử rất không hài lòng với thuyết tính thiện của Mạnh Tử. Ông phản bác nói: Bản tính của con người sở dĩ là người không có cái gọi là thiện và ác, giống như dòng nước chảy xiết, ở phía đông mở một cửa khẩu, nước liền chảy về phía đông, ở phía tây đào một chỗ khuyết thì lại cuộn cuộn chảy về phía tây. Dòng nước không có định hướng, tính người cũng không có định tính thiện ác.

Mạnh Tử không chút suy nghĩ, liền bật ra lời phản bác: Dòng nước quả thực không phân định hướng đông và tây, nhưng ông có thể phủ nhận nước có chảy xuôi và chảy ngược không? Cái thiện của tính người đúng như dòng nước tuôn chảy về xuôi, con người không ai không hướng thiện như dòng nước nhất định phải chảy xuôi.

Cáo Tử rất cuộc phản bác lại cách nói của Mạnh Tử lần nữa ra sao, chúng ta không thể nào biết được, chỉ biết về sau có một nhà tư tưởng lớn là Tuân Tử đã nêu lên một cách nhìn hoàn toàn trái ngược với thuyết tính thiện của Mạnh Tử: Tính người là ác.

Tuân Tử nói, người ta sinh ra liền theo đuổi tư lợi, nếu buông lỏng không quản lý, giữa con người với nhau thường tràn ngập sự tranh giành mà không nhường nhịn; Người ta sinh ra đã hay ghen tỵ thù hằn nhau, nếu thả lỏng họ tự nhiên, sự tin cậy trung thành trong xã hội sẽ mất đi, việc tàn hại những người thực thà lương thiện nảy sinh tới tấp. Người ta sinh ra mà có ham muốn của tai mắt về lời đẹp người xinh, nếu phát triển theo bản tính của loại người này, thì việc dâm loạn sẽ phát sinh, quy tắc xã hội cũng không còn gì nữa.

Bản tính con người đã là ác, cho nên Tuân Tử nêu lên cần phải xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh cơ chế quyền lực chính trị mạnh và chế độ lễ nghi xã hội để đưa hành vi của con người vào khuôn khổ nề nếp, sửa chữa tính ác của con người làm cho nó hướng thiện.

Cho nên, tính người có thiện không, có ác không, có không thiện không ác không phải là một vấn đề chứng minh thuộc lý tính và dẫn chứng trong thực tiễn, mà phải là vấn đề niềm tin của loài người.

Cũng có nghĩa là xét từ khía cạnh làm cho đời người thêm trôi chảy, hạnh phúc hơn, từ phương diện xã hội càng hài hòa càng ổn định hơn, loài người vẫn cần phải vững tin tính người là thiện. Một người chỉ có tin tưởng “Nhân chi sơ tính bản thiện” (Người ta sinh ra vốn đã có bản tính lương thiện), mới có thể tự giác xuất phát từ tính lương thiện để phân biệt sự khác nhau giữa con người và cầm thú, từ đó biểu hiện rõ bản tính lương thiện của mình, quan tâm người khác, đồng tình với người khác một cách sâu sắc, giơ tay viện trợ vô tư đối với những người cô đơn,

nghèo hèn, bệnh tật, để cho xã hội này chứa chan tình người ấm áp, để cho thế giới này tràn ngập lòng nhân ái, làm cho cuộc đời của mỗi người đều tràn đầy hạnh phúc.

3. Điều đáng buồn của việc sống vì vật chất

Thường có thể nghe và thấy một số người như sau: họ dốc hết tâm trí, luồn lụy khổ sở, liều mạng kiếm tiền là để nhìn thấy số dư tiết kiệm gửi ngân hàng không ngừng tăng lên, hoặc muốn tiền và vàng chôn vùi dưới đất và xếp trong đáy tủ ngày càng nhiều; còn một số người đi sớm về khuya, không ngại vất vả, làm việc quên mình, nhưng chỉ vì công việc mà làm, trong chu kỳ lặp đi lặp lại của các động tác có tính máy móc đã quên hẳn đi các mục đích khác; lại có một số người theo đuổi kinh sử đến già, quanh năm suốt tháng bò trên đồng sách vì đọc sách để mà đọc, không biết còn có những cái khác của đời người cần phải theo đuổi nữa.

Có thể nói cuộc đời của những người thuộc loại thứ nhất là chịu sự nô dịch của đồng tiền, cuộc đời của những người thuộc loại thứ hai là vì công việc nên hoàn toàn che lấp và để mất mình, cuộc đời của những người thuộc loại thứ ba lại chìm ngập trong biển sách nhìn không thấy mình nữa, những người khác như các loại này đều đem cuộc đời của mình gửi cả vào sự nô dịch của vật chất bên ngoài, có thể nói là đã sống uổng phí cả đời người.

Điều đáng buồn của sinh mệnh bị vật chất nô dịch, mấy ngàn năm trước đã có người phát hiện và đã nêu lên cách giải cứu.

Khoảng thế kỷ thứ 5 trước công nguyên, ở thành Abudla cổ Hy Lạp đã sinh ra một cậu bé, về sau đã trở thành học giả nổi tiếng Protagoras.

Protagoras trí tuệ siêu quần, tài hoa nổi lộ, hiểu biết tỉ mỉ đối với sự vật, hơn thế có tài ăn nói và hùng biện xuất khẩu thành chương. Sau khi trưởng thành, ông được mời đến A-ten đảm nhận chức gia sư của danh môn vọng tộc Gania lúc đó.

Hàng ngày, ông chậm bước trong hành lang rộng lớn theo sau là các con của Gania và Bolikeli cùng với học sinh của ông. Ông giảng thao thao bất tuyệt, các đệ tử thì lắng nghe một cách cung kính. Khi đến đầu kia hành lang, ông liền quay người đi trở lại, các đệ tử cũng vội vàng cùng quay tất cả về phía sau, rồi lại bắt đầu giảng theo kiểu vừa đi vừa nói. Tất cả đều hiện ra tinh mịch và hài hòa như thế.

Protagoras ngoài việc truyền lại cho các đệ tử thuật biện luận ra, nổi tiếng nhất không gì bằng câu danh ngôn “Người là thước đo của vạn vật, là thước đo tồn tại của sự vật tồn tại, cũng là thước đo không tồn tại của sự vật không tồn tại”.

Vì sao “người là thước đo của vạn vật” mà không phải “vạn vật là thước đo của con người”?

Protagoras giải thích nói: Một làn gió mát phớt qua mặt, đối với người cảm thấy lạnh mà xét thì là lạnh, đối với người cảm thấy không lạnh là không lạnh. Một loại thức ăn nào đó, đối với người cảm thấy ăn ngon là thức ăn ngon, đối với người cảm thấy không ngon thì là thứ chán ngấy. Cho nên, vật cũng chỉ là vật, nó tốt xấu, khá kém đều là do con người định ra. Còn người dựa theo cảm giác của mình đưa ra phán đoán, cái đó sẽ gọi là “người là thước đo của vạn vật”.

Cho nên, con người sống không phải vì vật, không nên bị vật nô dịch; Ngược lại, vạn vật chịu sự quan sát, cảm giác và suy nghĩ của con người một cách bị động. Sự vật khách quan là gì, không phải ở chỗ trạng thái và tính chất của bản thân nó, mà quyết định bởi nó đối với người để xét có ý nghĩa và giá trị gì.

Từ đó ta thấy, con người cố nhiên phải kiếm tiền, nhưng không nên vì kiếm tiền mà kiếm tiền, mà là phải dùng tiền để đổi lại sự phục vụ và tư liệu sinh hoạt để hiện ra giá trị của tiền đối với nhu cầu của con người. Người ta cố gắng chăm chỉ làm việc, không nên vì công tác mà công tác, mà phải thông qua công việc đổi lại vật phẩm tiêu dùng, để hiện ra giá trị của công việc đối với sinh hoạt của con người. Người ta quên ăn quên ngủ đọc và nghiên cứu sách vở, không nên vì đọc sách mà đọc, mà cần phải từ trong sách vở học được các tri thức chuyển hóa thành trí tuệ, giành được tài năng để hiện ra giá trị của sách đối với nhu cầu phát triển của đời người v.v...

Chỉ có đối xử với vật chất như thế, mới có thể làm cho đời người thoát khỏi trạng thái đáng buồn bị vật chất nô dịch, khiến cho đời người của chúng ta càng thêm phong phú, xác định được mục tiêu sinh hoạt của chúng ta, để cho vạn vật phục vụ cho nhu cầu của loài người tốt hơn.

Nhưng, mệnh đề “người là thước đo của vạn vật” có một nhược điểm lớn, bởi vì “người” không phải là con người trừu tượng chung chung mà là một con người cụ thể sống động; còn việc cảm nhận của người có chỗ giống nhau, lại có chỗ khác nhau. Dùng cảm nhận của con người cân đong vạn vật, tất nhiên là không có tiêu chuẩn thống nhất, khiến cho tất cả đều trở thành sự tồn tại có tính tương đối. Người ta vì thế mà không thể dùng bất cứ tên gọi xác định nào để cân đong bất cứ vật gì, bởi vì trong cảm giác của một số người thì vật này là nhẹ, nhưng một số người khác thì cảm thấy nặng; có một số người gọi vật kia là lớn, nhưng một số người khác thì nói là nhỏ và cứ như thế diễn ra mãi. Những ý kiến trái ngược nhau này trong cuộc sống khiến cho đời sống trong nhân gian trở nên phức tạp.

Có một lần Protagoras thu nhận một học sinh thông minh tên là Uaxuletx, anh ta vừa vào học đã nạp một nửa học phí, và giao hẹn với thầy giáo, một nửa kia chờ sau khi anh ta học được bản lĩnh thắng kiện sẽ nạp thêm. Uaxuletx rất nhanh đã học xong, tốt nghiệp xong đã trở thành một người giỏi hùng biện, thường xuất đầu lộ diện trong các phiên tòa, nhưng lại không nhắc đến một nửa tiền học phí phải nạp nữa.

Protagoras vô cùng bức bối, quyết định tố cáo Uaxuletx và nói với anh ta: “Nếu tôi thắng kiện, theo phán quyết của tòa án, anh phải trả tiền học phí; nếu anh thắng kiện, theo hứa hẹn ban đầu, anh cũng phải trả tiền học phí”.

Protagoras tràn ngập niềm tin, không tránh khỏi bắt đầu ngênh ngang tự đắc. Uaxuletx khoan thai nói: “Nếu vụ kiện của tôi thắng, theo phán quyết của tòa án, tôi không phải trả tiền học phí cho Thầy; nếu tôi thua kiện, theo như đã hứa hẹn, tôi không phải nạp tiền học phí, bởi vì Thầy chưa dạy tôi thắng kiện!”

Protagoras rốt cuộc đã nhận được một nửa tiền học phí kia hay chưa, cho đến giờ không ai biết được. Nhưng có phần nửa là khẳng định, mỗi người đều kiên trì xuất phát từ cảm giác của mình, lập trường của mình, giá trị của mình, lấy cá nhân làm thước đo của vạn vật, cuối cùng ắt sẽ gây nên hỗn loạn xã hội và đời người. Chỉ có hòa tan cái tôi của từng cá nhân vào cái tôi lớn của toàn thể loài người, không chỉ dùng cảm giác, nhận biết của mình làm thước đo sự vật, mà còn phải dùng cảm giác, nhận biết của toàn thể loài người làm thước đo sự vật mới có thể xây dựng nên một hệ thống đánh giá có giá trị chung, làm cho quan hệ giữa người với người hòa hợp, trật tự xã hội tốt đẹp, từ đó bảo đảm cuộc sống của mỗi người hạnh phúc mỹ mãn.

4. Không có “sống” thì không có “chết”

“Chết” là việc người người đều lo lắng và sợ, nhưng người ta lại nhất định phải chết, độ tương phản lớn nhất giữa sự ngưỡng mộ và sự tồn tại thực tế đành chịu vậy của tinh thần này, khiến cho khi người ta đang sống sẽ rơi vào trạng thái lo sợ và vô vọng, điều này khiến cho sự tử vong của con người phủ lên trên sự “sống” của con người một sắc thái bi kịch, trở thành khắc họa chân thực của đời người đành chịu vậy.

Từ xưa đến nay, các nhà triết học đều đua nhau nghiên cứu thảo luận vấn đề “chết”. Có người hy vọng thông qua việc tu luyện thân tâm, uống “ngoại đan”, luyện “nội đan” để kéo dài tuổi thọ, thậm chí “nhục thể” thành tiên, sống mãi không bao giờ chết. Cũng có người cho rằng sự sống ấy, thân thể ấy của con người muốn thoát khỏi tử vong chắc chắn là chuyện hoang đường của người ngốc, hoàn toàn không thể có. Cho nên sẽ phải ẩn dật vào chốn rừng sâu núi thẳm, trốn chiều chuông sớm suốt cả một đời, tụng kinh niệm Phật, dốc lòng vào việc bồi dưỡng Phật tính, cuối cùng thông qua việc “chết” (Nát bàn) mà đạt đến “thế giới Tây phương cực lạc”, siêu thoát tử vong. Lại có những nhà tư tưởng theo chủ nghĩa hiện thực, họ vừa không cho rằng “nhục thể” có thể thông qua tu luyện thoát khỏi được tử vong, vừa chỉ ra rằng cái gọi là “thế giới cực lạc” không có sống chết là giả dối, con đường vượt qua tử vong thực tế nhất chỉ có thể là: hoặc dựng nên sự nghiệp trong lĩnh vực chính trị, hoặc trở thành mẫu mực đạo đức trong xã hội thể thường hoặc sáng tạo nên những trước tác lớn nổi tiếng trong thế giới tinh thần. Như vậy, họ sau khi chết sẽ có vô số người chịu ơn, vô số người lấy họ làm gương, vô số người mãi mãi truyền đọc những bài thơ, áng văn và trước tác, đây chẳng phải đã thông qua con đường “lập đức, lập công, lập ngôn” để đạt được sinh mệnh bất hủ phải không?

Nhưng, các học giả phái Đạo gia của Trung Quốc cổ đại đối với cả ba thuyết này đều không cho là đúng, họ đòi thông qua nổi thông giới hạn sinh và tử, lấp bằng hố ngăn cách lớn của chúng, từ phương diện “tử sinh như nhất” vượt qua tử vong.

Một hôm, Tử Tụ, Tử Dư, Tử Lê, Tử Lai, bốn người tụ tập lại với nhau tán gẫu, nghiên cứu cái lý của việc sinh tử. Họ cảm nhận thấy, bề ngoài “sinh” và “tử” xem ra hoàn toàn không giống nhau, nhưng trên thực tế thì là một thể. Thử nghĩ xem, con người ta trước khi “sinh” ra là trạng thái gì đây? Cứ truy xét cho đến cùng chẳng phải chính là “vô” (không) đó sao? Còn người ta sau khi chết là cái gì? Cứ tìm cho đến chót chẳng phải cũng là “vô” (không) phải không? Cho nên từ “sinh” đến “tử” chẳng phải chính là từ không đến không, phải không? Từ đó ta thấy “sinh” gắn chặt với “tử” không thể phân tách được, bản chất của hai cái là một. Thảo luận đến đây, họ chỉ ra: người ta nên xem “vô” là “đầu”, xem “sinh” là xương sống, xem “tử” là xương móng, thể hiện một cách sâu sắc đạo lý sinh tử tồn vong (sống chết còn mất) là một thể.

Bốn người đạt đến nhận thức chung đối với sinh và tử này, rất ý hợp tâm đầu, không có chỗ nào đối lập, trở nên tình bạn tâm đầu ý hợp.

Người ta nếu hiểu rõ đạo lý “sinh tử tồn vong” là một thể lại có thể sao đây? Điều hết sức quan trọng là, liệu có thể từ đó thoát khỏi lo sợ đối với việc tử vong không?

Lại một hôm khác, Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phản, Tử Cầm Trương, ba người tụ tập lại cùng nhau trò chuyện. Họ cảm thấy rằng người ta sinh ra ở đời phải thấm nhuần cái lý cuối cùng của “Vô” đạt đến giới hạn của “vô vi, vô hình”. Ví như, người ta đi lại với nhau nên tự nhiên, không nên có một chút cơ mưu riêng tư lẫn lộn vào trong đó. Người ta giúp đỡ lẫn nhau cũng nên xuất phát từ “chân tình thực ý”, không có một dấu vết gì, không có một chút miễn cưỡng. Từ đó, người ta về tinh thần nên bay bổng nhẹ nhàng, chu du khắp vũ trụ bao la, đến sinh mệnh đều quên đi, đâu còn biết tử vong? “Vô tri, vô thức, vô cảm” lại vì sao có thể “tử vong”?

Ba người nhìn nhau, vỗ tay reo cười, tâm ý thông nhau liền trở thành tình bạn hợp ý nhau.

Từ đó ta thấy, người ta có ý nghĩ về “sinh”, cảm nhận về “sinh”, theo đuổi về “sinh” ắt sẽ sản sinh ý nghĩ về “tử”, cảm nhận về “tử”, buồn rầu về “tử”. Các học giả phái Đạo gia mong muốn người ta thể nghiệm cái diệu kỳ của “Vô”, trong vòng vây của vạn vật không ngừng lại với vật chất, trong xã hội phức tạp không phụ thuộc chỗ nào, đã “lòng không gắn bó với vật” lại thân thể tiêu dao, thông qua việc làm tiêu tan dục vọng của “sinh” và thu hoạch của “sinh” để thực hiện nổi thông sinh tử, thoát khỏi “tử vong”, đạt tới tự do hoàn toàn về tinh thần.

Không có sống mới không có chết; Vượt qua “sinh” mới có thể giải thoát “tử”, đây chính là con đường kết cục của các học giả phái Đạo gia bảo cho người đời tránh lo sợ của cái “chết” và thoát khỏi cái “chết”.

5. Nâng cốc chúc mừng niềm vui

Người ta sinh ra ở đời, rốt cuộc là vì cái gì? Đây là một vấn đề mà mỗi người đang sống nên suy nghĩ, càng là vấn đề mà mỗi người muốn nhận được cuộc đời hạnh phúc phải làm rõ.

Con người có thể xác, nhu cầu sinh lý khiến người ta phải theo đuổi hưởng thụ vật chất và thỏa thích tình cảm; nhưng con người lại có tinh thần, nhu cầu lý trí khiến người ta theo đuổi cái thiện của đạo đức và sự hài hòa giữa người với người, giữa người với xã hội. Nhu cầu sinh ra từ hai cơ sở khác nhau có lúc có thể thống nhất, nhưng nhiều lúc sẽ sinh ra mâu thuẫn.

Thế là, có người vì một “thiên quốc” thần bí nào đó mà lên án cuộc sống thế tục, xem nhục dục là trần hồng thủy là mãnh thú, một lòng muốn trở lại đời sống tâm linh trong sạch, xem khoái lạc của tình cảm đời người ngang với tội ác. Cho nên, họ theo đuổi chủ nghĩa cấm dục, từ chối tất cả mọi hưởng lạc của cuộc sống.

Lại có một số người khác thì xem khoái lạc nhục dục là mục đích cuối cùng cao nhất của đời người, lấy việc đem hết mình giành được sự hưởng thụ đời sống tình cảm làm nguyên tắc cao nhất, không hề do dự thoát khỏi mọi thứ ràng buộc của lý tính và lương tâm để thực hiện hành vi của mình, toàn thân toàn ý chìm đắm trong sự thỏa mãn nhục dục, theo đuổi chủ nghĩa buông thả dục vọng đến cùng.

Nhà triết học cổ Hy Lạp Epicuros rất hứng thú với sự chia rẽ đối với quan niệm nhân sinh và thao tác nhân sinh nói trên, ông đã lập ra một trường học của mình trong một vườn hoa xinh đẹp tại A-ten, chuyên nghiên cứu và giảng dạy triết học.

Epicuros ngồi bên cạnh những bông hoa tươi đang nở rộ, nói với học sinh của ông: “Tại sao phải học triết học? Bởi vì mỗi người chúng ta đều đang sống, đều phải sống qua một đời của mình, mà mục đích cơ bản của triết học là giải quyết vấn đề giá trị của đời người, nói rõ ràng đời người là vì cái gì, cuối cùng nên theo đuổi cái gì”.

Tất cả học sinh đều yên lặng kính cẩn lắng nghe. Bởi vì có ai lại không muốn làm rõ những vấn đề này?

Epicuros nhấp một hớp nước, lại tiếp tục bài giảng của ông: “Đời người chính là vì đạt tới khoái lạc, con người sẽ nên theo đuổi khoái lạc. Bởi vì khoái lạc là cái thiện cao nhất, là hoàn toàn phù hợp với bản tính và đạo đức của con người”.

Mọi người nghe nhốn nháo lên một hồi, một học sinh đứng dậy hỏi: “Thưa thầy, thầy nói theo đuổi khoái lạc là mục đích của đời người, thế thì phải chăng chính là cổ vũ người ta đi tìm hưởng lạc cảm tính, thậm chí đi tới hoang dâm xa xỉ?”

“Không, không phải như thế.”, Epicuros ung dung thông thả nói, mẩu chốt ở chỗ các bạn quan niệm từ “khoái lạc” này như thế nào. Cảm quan mạnh mẽ kích thích khoái lạc phải không? Có lẽ

lúc ấy là khoái lạc, nhưng sau đấy sẽ tất nhiên mang lại sự trống trải, buồn bã của tinh thần và tổn thương thể xác, đó là đau khổ chứ không phải là khoái lạc. Hoang dâm xa xỉ có khoái lạc không? Có lẽ có thể dẫn đến khoái lạc trước mắt, nhưng cuối cùng ắt sẽ tổn hại thân thể, tinh thần sâu muộn, tuổi thọ rút ngắn, chẳng lẽ những thứ đó được gọi là khoái lạc ư? “Khoái lạc” mà tôi nói là chỉ “thể xác không đau khổ, tâm hồn không rối bời”.

“Thưa thầy, thế thì làm thế nào mới có thể làm được điều này?”, một học sinh lại hỏi.

Epicuros trả lời: Muốn làm cho thể xác của chúng ta không đau khổ, thì cần phải tiến hành chọn lựa và kiểm chế hợp lý đối với mọi ham muốn sinh ra đối với nhục dục, bằng không thì chỉ có thể dẫn đến đau khổ mà không phải là khoái lạc. Ví như uống rượu quá mức, sẽ có thể “rượu vào lời ra” không ngớt, đây chẳng phải là đau khổ vạn phần ư? Mà “tính giao xưa nay chưa từng có ích đối với người, nếu như nó chưa từng làm tổn hại người ta, thì đó chính là vận may”.

Còn về việc khiến chúng ta “tâm hồn không rối bời”, mấu chốt là ở chỗ làm tiêu tan nỗi lo sợ đối với “thần” và tử vong, đạt tới sự yên bình của thế giới tinh thần.

Cái gọi là “thần” thật ra không đáng sợ Epicuros thẳng thắn nói: “Thần” cũng giống người là do các hạt vật chất - “nguyên tử” tạo nên, nhưng tinh vi hơn một chút mà thôi. “Thần” ở tản khắp bốn phương tự lo liệu chỗ mình ở, sống một cuộc sống hạnh phúc như ý, căn bản không thể giáng tai họa làm hại nhân gian, người ta cần phải lo sợ. Còn về tử vong, cũng không đáng sợ, bởi vì khi người ta đang sống, tử vong không đến, còn khi người ta chết đi, thì người đã không tồn tại, sao có sợ gì đối với cái chết? Lại làm sao có thể sợ được?

Khi con người ta đã chiến thắng nỗi lo sợ đối với “thần” và tử vong, lại có thể sống một cách đúng đắn một cuộc sống hiện thực có kiểm chế, người ta bèn đạt tới khoái lạc và hạnh phúc của đời người.

Epicuros sau khi giảng hàng loạt triết lý đời người, đã rất mệt, nhưng đôi mắt của ông vẫn phóng ra những tia sáng của trí tuệ. Ông nói: khi người ta lựa chọn nguyên tắc đời người “khoái lạc” cũng sẽ tăng thêm cho mình trách nhiệm xã hội và đạo đức. Thỏa mãn lòng ham muốn mặc dù có thể đem lại cho người ta khoái lạc, nhưng phải tiến hành chọn lựa thận trọng và tỉ mỉ đối với nó.

Nguyên tắc đúng đắn của đời người nên là: “Khi một số khoái lạc nào đó có thể mang đến cho chúng ta đau khổ lớn hơn, mỗi chúng ta nên bỏ qua những khoái lạc này. Nếu khi chúng ta nhất thời chịu đựng đau khổ mà có thể có những khoái lạc lớn hơn theo nó đến, chúng ta sẽ cho rằng có nhiều loại đau khổ còn có giá trị hơn khoái lạc”.

Epicuros sống rất giản dị chất phác, thường ngày chỉ dùng bánh mì để ăn, ngày lễ tết mới ăn một mẩu bơ nhỏ, việc kiểm chế này đối với nhục dục khiến ông rất vui vẻ. ở trong trường ông viết trước tác sáng lập lý thuyết truyền lại cho các đệ tử, dùng sức quan sát sâu xa chọc thẳng

vào quan niệm giả dối ngu muội, việc đó lại khiến ông thu được vui mừng rất lớn về tinh thần.

6. Dễ mất đi và vĩnh viễn

Người ta ở trên đời phần nhiều đều ham vui hiếu sắc, các bậc thánh hiền cổ xưa cũng phải thừa nhận “thực” và “sắc” là bản tính vốn có của người, không thể diệt trừ được. Nhưng sức khỏe và tinh thần lành mạnh, năng lực vũ dũng và quả cảm là vẻ đẹp của nam giới, còn hình dáng thu hút tha yếu điệu, nhan sắc đẹp như tiên là vẻ đẹp của phụ nữ, không chỉ trên đời khó kiếm, dù cả người có được nó cũng rất nhanh chóng sẽ tàn phai theo thời gian trôi đi.

Vì vậy, những người dốc lòng muốn tìm được sắc đẹp, ôm ấp người đẹp trong đời phần nhiều đều thất vọng, điều này cũng đã định trước cuộc sống hôn nhân của họ đa số đều đi đến kết cục thất bại. Vậy thì, trong đời người nên theo đuổi đời sống tình yêu nào đây? Mấu chốt là ở chỗ không thể lấy những thứ dễ mất đi như sắc đẹp, tiền của làm cơ sở của đời sống tình yêu, mà phải tìm được những thứ có tính vĩnh viễn như hai bên đều vừa lòng nhau, tính tình hòa hợp, chí hướng và sở thích của cuộc sống chung làm cơ sở vững chắc của đời sống vợ chồng.

Thời Đông - Hán, vùng đồi phẳng Phù Phong có một người tên là Lương Hồng, nhà rất nghèo nhưng do cố gắng quyết chí phấn đấu đã trở thành một nhà bác học. Ông hàng ngày việc gì cũng làm, tối đến thì thắp đèn đọc sách chăm chỉ, dần dần danh tiếng truyền đi khắp thôn xóm. Lúc đó, Lương Hồng đã ba bốn mươi tuổi, vì nhà nghèo nên vẫn sống độc thân. Có nhiều người mến mộ tài của ông, cảm thấy ông ta sau này ắt có thể làm quan to, cho nên đã đến tận nhà tỏ ý muốn đem con gái gả cho ông, Lương Hồng đều không vì thế mà động lòng, vẫn kiên trì không lấy vợ.

Cách nhà Lương Hồng không xa, có gia đình họ Mạnh có người con gái tên là Mạnh Quang, lớn lên tướng mạo trông bình thường, quanh năm lao động trên đồng ruộng, người vừa đen lại vừa to, thậm chí có thể dùng tay nâng cả chiếc cối đá rất nặng. Cô ta đã gần ba mươi tuổi, vẫn chưa lấy chồng. Mỗi khi có bà mối đến nhà dạm hỏi, Mạnh Quang đều không để cha mẹ nhận lời, cô ta chỉ nói: Không phải là người đàn ông như Lương Hồng, thì con quyết không lấy chồng! Ông trời sao khéo chấp mối, người có lòng cuối cùng trở thành người nhà, quả nhiên Lương Hồng đã lấy Mạnh Quang làm vợ. Đồ cưới của nhà vợ rất hậu, cô ta mặc lộng lẫy và sang trọng, Lương Hồng nhìn không quen mắt, lại không tiện tức giận, nên đã bảy ngày liền không nhìn ngó đến cô ta. Đến ngày thứ tám, Mạnh Quang đã trút bỏ bộ đồ trang sức đó, mặc lên bộ quần áo vải thô, dọn dẹp trong nhà ngoài sân bộn tít tít. Lúc này Lương Hồng mới vui mừng quá đỗi, nói: “Đây mới giống người vợ của ta!”

Không lâu, hai vợ chồng đã dọn đến vùng núi sâu của Bá Lăng bắt đầu ở ẩn, chồng cày cấy vợ dệt vải lụa, dựa vào nhau để sống. Về sau lại dời đến Ngô địa, ở trong một ngôi nhà nhỏ dưới

hành lang Cao Bá Thông dựa vào việc giã gạo thuê để sống.

Cuộc sống vô cùng gian khổ, nhưng giữa vợ chồng với nhau vẫn quý trọng nhau như khách. Hàng ngày Lương Hồng đi làm về, Mạnh Quang đều dọn cơm nước đậm bạc còn nóng hổi đặt lên mâm, hai tay bưng giờ cao tận ngang mày, cung kính đưa đến trước Lương Hồng. Hai người ăn uống đơn giản, nhưng họ vẫn sung sướng biết bao!

Cuộc kết duyên kỳ lạ của Lương Hồng và Mạnh Quang, tình sâu nghĩa nặng giữa vợ chồng, sự êm ấm, hài hòa và cùng vui vẻ trong nhà, rốt cuộc thực hiện như thế nào? Một là chẳng phải tiền tài, nhà Lương Hồng nghèo rớt mồng tơi tro trọi chỉ bốn bức tường, gia cảnh của Mạnh Quang tuy giàu có, nhưng lấy chồng lại đây tự bằng lòng sống những ngày nghèo khổ. Hai là không phải vì sắc đẹp, tiểu thư Mạnh Quang vốn lớn lên trông người vừa đen vừa to, làm cô dâu mới được đến ngày thứ tám đã bắt đầu làm việc, không có nhan sắc riêng, đó là khẳng định. Như thế thì cơ sở chân chính là cái gì đây? Phải nói là sự say mê và tìm được cái giống nhau của hai người đối với nhân phẩm của đối phương.

Mạnh Quang lấy Lương Hồng, mà không phải là anh ta thì không lấy là bởi vì cô ta đã coi trọng Lương Hồng đồng thời với lao động gian khổ vẫn có thể ham học không ngừng, không ngưỡng mộ vinh hoa phú quý, chỉ mong dùng tài học để bồi bổ thêm cho mình. Còn Lương Hồng lấy Mạnh Quang mà đã chọn lựa rất lâu mới không phải là cô thì không lấy, là coi trọng cô tuy sinh ra trong gia đình giàu có vẫn giữ được bản sắc lao động, có thể chịu khó chịu khổ. Sắc đẹp của con người dễ tàn phai, của cải của con người cũng dễ mất, duy chỉ có phẩm chất của con người thường giữ được vĩnh viễn. Mạnh Quang và Lương Hồng chỉ ngưỡng mộ phẩm chất của nhau, cho nên sẽ vứt bỏ những thứ dễ tàn phai và dễ mất, giành được cơ sở có tính vĩnh viễn của tình yêu và cuộc sống vợ chồng. Cho nên cuộc sống của họ mặc dù gian khổ vẫn có thể hòa thuận và vui vẻ đã trở thành giai thoại lưu truyền nghìn xưa. Đây chẳng phải là việc đáng để cho mọi người suy nghĩ kỹ và bắt chước sao?

7. Có phải người đối với người như “chó sói” không?

Trong quá trình sống, người ta thường cảm thấy thấm thía nhiều việc tàn nhẫn và không chút kiêng nể gì của đồng loại. Không cần nhắc đến sự tàn sát một mất một còn của hai bên đối địch nhau trong chiến tranh, những tính toán và tranh đấu nhau, lừa gạt lẫn nhau trong thương trường, dù là thân nhau như anh chị em, tình như bạn bè thầy trò, trong nháy mắt cũng có thể vì mọi nguyên nhân trở nên như người đi đường, thậm chí rút kiếm giương cung, đấu nhau một trận thua liểng xiểng.

Cho nên ngay từ thời xưa của Trung Quốc đã lưu truyền một số câu danh ngôn miêu tả tình người đậm bạc, lòng người nham hiểm, đường đời gian nguy như: “Gặp người chỉ nói đôi câu,

chưa thể tung ra hết cội lòng”, “Vẽ hổ vẽ da khó vẽ xương, biết người biết mặt mà không biết lòng”; “Bần cư náo thị vô nhân vấn, phú tại thâm sơn hữu viễn thân” (Nghèo ngồi giữa chợ không ai hỏi, giàu chốn sơn lâm có khách tìm); “Không nói xấu sau lưng người khác”, “Có tiền có rượu lắm anh em, gian nan nào thấy có ai một người”; “Tình người như trang giấy mỏng, việc đời như thế cờ mới”; “Như thân mà không thân, không thân mà lại thân”; “Mệnh mang bốn bể đầy người, đâu chàng quân tử là chồng em đây”, “Tình người như nước chảy xuôi, thế sự như mây cuốn chạy hoài”; “Đời người như chim ngủ cùng rừng, gian nan kéo đến tức thời bay đi”; “Người tốt bị người lừa, ngựa tốt bị người cưỡi”; “Ở lâu khiến người khinh, nghèo đến thân cũng xa”, “Bọ ngựa bắt ve, chim sẻ chực sắn” (chỉ tham lợi trước mắt mà quên họa sau này) v.v... Những câu cách ngôn và lời răn này phần nhiều đều tích lũy sự từng trải đời và kinh nghiệm vững vàng của người ta, tỏ rõ thói đời lạnh lùng, chân tướng thế gian mà tình người nhạt nhẽo, cũng vạch ra bộ mặt đen tối của tính người không sót.

Không phải là “độc nhất vô nhị”, nhà triết học lớn thế kỷ 17 của phương Tây Thomas Hobbes cũng nhìn thấu chân tướng thói đời trong trần gian, vạch ra những cái xấu xa của tính người. Ông thậm chí đã nói toạc ra rằng: “Người đối với người đà như chó sói”. Thoạt nhìn câu nói này, người ta không khỏi kinh ngạc, chần chừ do dự, thậm chí lắc đầu không đồng ý. Thời xưa ở Trung Quốc chẳng phải đã có thuyết “Nhân chi sơ, tính bản thiện” đó sao? Khổng Tử, Mạnh Tử chẳng phải đã nói từ lâu con người có “lòng nhân ái” đó sao? Còn trong lịch sử phương Tây cũng không thiếu những người nói tính người tốt lành. Như vậy, Hobbes dựa vào cái gì để đưa ra kết luận kinh động thói đời này? Ông cho rằng, trạng thái sinh tồn của loài người trải qua hai giai đoạn: Một là trạng thái tự nhiên, hai là trạng thái xã hội. Con người trong trạng thái tự nhiên dựa vào bản năng để sống, không có quy phạm đạo đức, không có khung quyền lực chính trị, để mặc cho tính người triển khai tự nhiên. Mà bản tính của người sẽ ở chỗ “cầu lợi, cầu an và cầu danh”. Cho nên trong trạng thái tự nhiên, người ta theo đuổi chiếm hữu tất cả, mà còn luôn tìm cách tước đoạt mọi thứ của người khác để chiếm làm của mình. Do đó, “người đối với người giống như chó sói”, tiến hành lâu dài là “chiến tranh của những người này chống lại những người khác”. Trong xã hội cũng không tồn tại sự khen chê lương thiện và gian ác, trong nhân gian cũng không có sự khuyên răn điều phải điều trái, có khi chỉ là giữa người với nhau độ sức lớn nhỏ, kết quả chỉ là sinh ra không có ai quan tâm, văn hóa khoa học không tài nào phát triển được. Các cuộc hỗn loạn và tranh đấu phổ biến, khiến cho mỗi người đều tổn hại, mọi thứ “danh”, “lợi” và “an toàn” mà mỗi người mong đợi như những bong bóng xà phòng xinh đẹp có thể nhìn thấy mà không với tới.

Loài người nói cho cùng là có lý tính, để bảo tồn mình cũng để giành được những cái mà mỗi người đều mong chờ, người ta tìm mọi cách thoát khỏi “trạng thái tự nhiên” mà mỗi người đều tổn hại này. Hobbes nói: “Người ta bảo tồn yêu cầu của mình và đối với sự lo sợ của tử vong, khiến người ta tiến tới cố gắng tìm kiếm hòa bình, thoát khỏi chiến tranh kéo liên miên”.

Mọi người dần dần hiểu ra, người ta không thể chỉ dựa vào tình dục để sống, cần phải theo quy tắc sống chung do lý tính quy định - tức “phép tự nhiên” để sắp xếp cuộc đời, đạt được mục đích an toàn. Cái gọi là phép tự nhiên này chính là quy phạm đạo đức, tinh thần cơ bản là:

những cái người ta không mong muốn đặt lên bản thân mình, cũng nên suy rộng nhận thức ra là người khác cũng không muốn tiếp nhận nó. Như thế sẽ có thể hạn chế cách nghĩ quá đáng của mình và hành vi làm tổn hại người khác, làm cho loài người được sống cuộc sống chung sống hòa bình hài hòa.

Nhưng Hobbes chỉ rõ, tính người là tự tư tự lợi, nó khiến cho con người bất chấp tất cả, hòng chiếm hữu lợi ích của người khác, từ đó bất chấp cả “phép tự nhiên”. Do đó, xã hội loài người còn cần phải có một quyền lực công cộng đủ mạnh, tức quyền lực chính trị, nó có thể dùng để hạn chế bản tính ích kỷ của con người. Khi người ta thông qua hình thức giao kèo với nhau nhường một bộ phận quyền lực cho một người nào đó, như thời quân chủ, nhà nước đã ra đời, điều này có nghĩa là loài người đã thoát khỏi trạng thái tự nhiên bước vào trạng thái xã hội.

Từ đó ta thấy, con người đương nhiên nên vui mừng vì từ trạng thái tự nhiên “người đối với người như chó sói” bước vào trạng thái xã hội có đạo đức và chính trị hạn chế. Nhưng lúc này bản tính tự nhiên của con người bị kiềm chế, một phần quyền lợi trời ban cho bị tước đoạt, cũng tạo nên những đau khổ lớn lao của đời người. Điều này hiện ra đặc biệt nổi bật ở thời kỳ “bạo quân bạo chính” thường xảy ra luôn trong lịch sử nhân loại.

Ôi! Con người quả thực là một nửa giống như dã thú, một nửa kia như “thiên sứ”. Có lẽ “một nửa của dã thú” là sự sót lại của cái gọi là “trạng thái tự nhiên” chăng? Có lẽ “một nửa của thiên sứ” là sử dụng việc hạn chế của đạo đức và chính trị chăng? Bất kể nói như thế nào, người ta sinh ra ở đời, đều phải xuất phát từ hai loại khả năng này. Ví dụ đi lại với người khác, vừa phải vững tin đối phương có tính lương thiện và thành ý hợp tác tốt, đồng thời cũng phải có sự chuẩn bị ứng phó với bụng dạ nham hiểm khó lường, giả dối của tính gian ác của đối phương.

Có lẽ đây mới là cách xử thế tốt nhất.

8. Hỏi han “vận mệnh”

“Vận mệnh”, nó làm cho mỗi người thế tục đôi lúc phần chấn mãi không thôi, đôi lúc lại luôn luôn run sợ. Là một sức mạnh siêu tự nhiên siêu nhân gian thâm trầm, nhiều người phải đi lễ cúng bái trước nó, tin tưởng nó đang chi phối cả đời mình, có thể làm cho đời người thuận lợi, cũng có thể làm cho đời người gian nan vất vả muôn phần, có thể làm cho tài vận của người ta may mắn, cũng có thể làm cho người ta nghèo rớt mùng tơi. Hàng ngàn năm trở lại đây, người ta tin “mệnh”, từ “vận mệnh” giải thích cái thu hoạch của mình, cũng dùng “vận mệnh” an ủi cái bị mất của mình, gian nan mà ngoan cường sống qua một đời của mình.

Đương nhiên, cũng có một số người không tin “mệnh”, phủ định đời người chịu “thần” trong sâu kín chi phối. Họ tin phục là tự mình phấn đấu, cái họ sùng bái là cố gắng cá nhân. Nhưng

khi đột nhiên bị vấp vấp lớn trong đời, và ngẫu nhiên gặp tai nạn trong đời không có cách nào giải thích được vẫn phải quay sang tin “mệnh”, nghe theo “mệnh”.

“Vận mệnh”, người ta vừa yêu lại vừa hận, vừa muốn lại sợ, nó như bóng với hình theo sát cả quá trình của cuộc đời. Tin hay không tin đều có ảnh hưởng rất lớn đối với quá trình thực tế của đời người. Đương nhiên nó cũng thu hút vô số người thích học nghĩ sâu hỏi han đến.

Vào khoảng thế kỷ thứ 2 sau công nguyên, đế quốc cổ La Mã đã xảy ra hàng loạt thiên tai, động đất, nạn dịch và loạn lạc kéo dài, dẫn đến ngàn dặm hoang vắng, dân không biết sống vào đâu, chính quyền nhà nước lung lay sắp đổ. Nhà triết học lớn hiện đại Rút-xô (Rousseau) gọi thời kỳ này là “thời kỳ mệt mỏi” của đế quốc cổ La Mã.

Hoàng đế La Mã lúc đó là Marcus Aurelius, ban ngày xử lý mọi công việc chính sự phức tạp mà lại làm cho người ta chán nản, lúc rỗi thì lại suy nghĩ sâu vấn đề triết học, đã trở thành người duy nhất của thế giới phương Tây vừa là Hoàng đế lại vừa là nhà triết học.

Xã hội rối ren, thiên tai nặng nề, khiến cho Aurelius mệt lử, đương nhiên ông không cho rằng tài năng quản lý đất nước của mình kém gây nên, cũng nhất quyết phủ định chế độ hoặc các đại thần phò tá có vấn đề, vậy thì tất cả mọi tai nạn này là do đâu gây nên? Aurelius cho rằng là “thiên mệnh” trong sâu kín mà không phải sức người có thể làm được điều khiển.

Theo ông, thiên nhiên và cả vũ trụ là một hệ thống vô cùng rộng lớn liên hệ với nhau theo một trật tự tự nhiên, bất cứ một bộ phận nào đều liên kết với nhau theo một quy tắc nào đó chứng tỏ trật tự nghiêm chỉnh, biểu hiện tính hợp lý của toàn vũ trụ.

Tính trật tự và tính hợp lý này xét cho cùng là đã sinh ra như thế nào? Lại do cái gì quyết định? Aurelius nói: Là “thiên mệnh” (mệnh trời) hoặc ý chí của thượng đế sắp đặt.

Đồng đảo dân chúng rõ ràng là một bộ phận của cả vũ trụ tự nhiên, cũng giống như bất kỳ sự vật nào khác, con người và các bộ phận tạo thành của vũ trụ liên hệ chặt chẽ lại với nhau, cũng chịu trật tự có tính tất yếu - tức “thiên mệnh” qui định.

Đành là một đời người đều chịu “thiên mệnh” quyết định là được sắp đặt sẵn trước, vậy thì tất cả mọi việc xảy ra vẫn là nhất định phải xảy ra, con người lại vì sao phải ngạc nhiên? Tất cả mọi việc không thể xảy ra thì nhất định không thể xảy ra, con người sao lại phải ân cần mong đợi cầu xin? Cho nên, con người ta phải bằng lòng đối với mọi hiện trạng, mọi biến đổi xảy ra, không nên oán trách - bởi vì chẳng có gì đáng trách móc cả. Người ta đối với những cái không được thực hiện cũng không nên miễn cưỡng đi tìm kiếm - bởi vì chẳng có tác dụng gì.

Aurelius chân thành dạy thần dân của ông: “Phải nhớ rằng, do tôi là một bộ phận, đối với tất cả sự vật từ toàn thể phân phối cho tôi, tôi đều sẽ vừa lòng. Bởi vì nếu là vì lợi ích của toàn thể mà tồn tại, đối với bộ phận sẽ không thể có hại”.

Theo học thuyết của Hoàng đế Aurelius, vì sao người ta phải chán ghét nghèo khó và sợ tử vong? Nó chẳng phải đều là “thiên mệnh” xui khiến đó sao? Con người không thể chống cự lại “vận mệnh”, chỉ có thể tự giác phục tùng sự sắp đặt của “mệnh”. Khi con người hoàn toàn thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của họ theo “thiên mệnh”, thì họ là thiện, sẽ có cuộc sống hạnh

phúc. Nếu họ không tuân theo sự chi phối của “vận mệnh, luôn tìm mọi cách để làm thay đổi trật tự có tính tất nhiên, họ sẽ là ác, ắt sẽ rơi vào quá trình cuộc sống đau khổ.

Vì trật tự tất nhiên của vũ trụ hài hòa, vì sự tương quan mật thiết của mỗi người, mỗi sự vật, mọi người phải thương yêu lẫn nhau! Kết luận của Hoàng đế Aurelius chỉ ra từ quan niệm “vận mệnh” của ông là: “Yêu thương nhân loại, nghe theo Thượng đế”. Cho nên người ta không nên đi theo đuổi công danh lợi lộc, làm tổn hại lợi ích của người khác, những cái này đều là dễ mất đi, nhỏ nhặt chẳng đáng kể, mà những hành vi này là bỉ ổi và không có ích lợi. Trách nhiệm của đời người là phục tùng “thiên mệnh”, hướng tới sự hài hòa, thiêng liêng và cao cả của “thiên mệnh”, đối với sự giàu nghèo, vinh nhục, sướng khổ, sinh tử của trần thế đều nên chọn thái độ siêu nhiên coi thường.

“Chết” là việc lo sợ nhất của con người, nhưng Hoàng đế Aurelius khuyên răn mọi người hãy suy ngẫm kỹ một chút, “chết” chẳng phải cũng là mệnh điều khiển ư? Chết sớm và chết muộn, cái mất đi đều là “sinh mệnh”, người ta lại cần gì phải để ý đến việc thọ yếu? Cho nên, con người phải “dùng tâm tình vui vẻ chờ đợi cái chết”. Còn về cái trạng thái cuộc đời như giàu nghèo, vinh nhục, sướng khổ chẳng phải cũng đều là như thế chẳng? Con người dùng tấm lòng nghe theo “thiên mệnh” đối xử với nó, sẽ tránh được tất cả mọi ưu phiền và đau khổ của đời người.

Học thuyết của Aurelius này mặc dù không thể làm thay đổi được thiên tai nhân họa, nhưng lại có thể làm cho những người bị những khổ nạn này nóng vội không yên sẽ bình tĩnh trở lại, bắt đầu tin tưởng, bắt đầu thuận theo. Giá trị điều khiển của quan niệm “vận mệnh” trong chính trị ở đây chỉ đại để nhìn thấy một số tình huống nhưng chưa được toàn diện.

Người ta sinh ra ở đời vẫn nên kiềm chế quan niệm “vận mệnh” chi phối đời người, tích cực đầy hứa hẹn sáng tạo cuộc đời rực rỡ của mình. Dù là thất bại, trong hiện thực gặp đầu bươu máu chảy, thế thì cũng có thể an ủi mình: Tôi đã cố gắng, đã phấn đấu, như thế đã đủ rồi!

Nhưng khi người ta đột nhiên gặp khổ nạn to lớn, trong hiện thực lại không có cách gì chống lại và làm thay đổi, người ta có thể trong tâm lý dùng quan niệm “số mệnh phải như thế” an ủi mình, bằng không sẽ sinh ra đau khổ tinh thần như ngao ngán, buồn phiền, bức bối cực độ, thậm chí vì thế mà tự đoạn tuyệt với đời. Đây chính là chỗ quan niệm “vận mệnh” vẫn có giá trị điều khiển cuộc đời hiện thực của nó, Hoàng đế Aurelius cũng vì thế mà có thể mỉm cười để nhắm mắt ở nơi chín suối.

9. “Khí khái” là cái gì?

Nhà tâm lý học Mỹ Abraham Maslow từ lâu đã nói: Sức thúc đẩy bên trong của sự tồn tại và

trưởng thành của loài người là động cơ do các nhu cầu khác nhau của con người tạo nên. Giữa các nhu cầu này có phân biệt mức cao thấp được xếp sắp lần lượt là: nhu cầu sinh lý, nhu cầu an toàn, nhu cầu yêu và lệ thuộc, nhu cầu tôn trọng, nhu cầu hiểu biết, nhu cầu đẹp, nhu cầu tự thực hiện. Sau khi một mức nhu cầu thỏa mãn xong, người ta bèn sinh ra nhu cầu ở một nấc cao, dựa vào nó, việc theo đuổi bền bỉ của đời người cuối cùng dẫn đến việc tự thực hiện.

Theo Maslow, người ta chỉ có thỏa mãn nhu cầu mức thấp với tỉ lệ phần trăm tương đối cao mới có thể nảy ra việc tìm kiếm nhu cầu ở mức cao. Nhưng chứng tỏ nó bằng sự thực của lịch sử Trung Quốc xưa lại không hoàn toàn như vậy. Bởi vì có khi nhu cầu sinh lý của người trước khi chưa thể thỏa mãn, đã có nhu cầu tự trọng mãnh liệt, người xưa gọi nó là: người có khí phách.

Có một năm, nước Tề xảy ra nạn đói rất ghê gớm, một người tên là Kiềm Ngao rất có lòng từ thiện, đã chuẩn bị sẵn rất nhiều đồ ăn đặt ở bên đường bố thí cho những người đói.

Ở nơi xa có một người bơ vơ đi một mình, nhưng thấy người ấy dùng tay áo che kín cả mặt, đang lê đôi dép chân thấp chân cao khó khăn lắm mới đi lại được, rõ ràng là đang trong trạng thái đói rét hoành hành. Kiềm Ngao tay trái bưng cơm, tay phải xách đồ uống với dáng vẻ rất tự hào, gào to: “Này! Đi lại đây ăn!”

Người đang đói kia miễn cưỡng ngược đầu lên, mở mắt nhìn một lát, với giọng vững chắc khác thường nói: “Tôi chính vì không ăn của ăn xin, nên mới đói đến bộ dạng này” rồi quay đi không thèm ngó lại.

Kiềm Ngao biết việc gào to vừa rồi của mình đã làm tổn thương lòng tự trọng của ông ta, bèn vội vàng xin lỗi. Nhưng người bị đói kia đến cùng vẫn không ăn của bố thí có tính sỉ nhục này, cuối cùng đã chết đói ở bên đường.

Tăng Tử sau khi nghe nói việc này liền có lời nghị luận: “Không cần như thế mới phải. Ông ta gào to sỉ nhục bạn đương nhiên có thể bỏ đi không chấp, nhưng người ta đã xin lỗi, cũng có thể dừng lại để ăn chứ!”

Người đang đói này, mặc dù nhu cầu sinh lý đang trong thiếu thốn cực độ, thậm chí không có cách gì chống đỡ nổi, nhưng nhu cầu tự trọng của ông ta vẫn rất hùng hục, cả đến kết cục vì thế mà bị chết cũng không thay đổi.

Dùng giá phải trả là cái chết đổi lấy khí khái hào nhoáng, có lẽ sẽ bị nhiều người chê cười. Người ta có thể nghĩ: Cần gì phải thế? Khí khái là cái gì? “Mệnh” luôn quan trọng hơn! Sẽ càng có nhiều người nói như Tăng Tử, sau khi lòng tự trọng hơi thỏa mãn, nổi sỉ nhục trước đó sẽ có thể tiêu tan bỏ qua không tính.

Nhưng, bất kể người ta nghĩ như thế nào, bình luận như thế nào hành động của người đang đói khát này, đều phải hiểu một lẽ thô thiển: Chỉ cần là một con người sẽ khác với động vật vì một

miếng ăn mà phải tranh cướp không chút kiêng nể, không chút kiềm chế gì, anh ta có nhân cách tạo nên bởi truyền thống văn hóa lịch sử, có chuẩn tắc bất di bất dịch xác định nào đó bám chắc trong lòng. Khi những sự việc xảy ra trong hiện thực có tổn hại đến nhân cách của họ, khi việc chọn lựa buộc phải đưa ra trái với chuẩn tắc xác định bên trong của họ, anh ta sẽ phải đành từ chối, để giữ vẻ tôn nghiêm của mình và sự hoàn chỉnh của nhân cách, đó là người có khí phách.

Nhưng, có một số người có lẽ sẽ cười khẩy đối với tình huống này, họ xem nhân cách có thể có, có thể không, càng thiếu hẳn một số chuẩn tắc.

Xác định nào đó ở bên trong, biểu hiện trong quá trình cuộc sống hiện thực, họ cũng sẽ có thể không từ một việc xấu xa nào. Việc khom lưng quỳ gối cầu xin, họ làm rất tự nhiên, không hề xấu hổ. Việc lừa dối cưỡng đoạt của cải và quyền lợi bất mạng, họ làm không biết ngượng ngùng và sợ. Nhân cách, tự trọng đối với họ tất thấy đều là những thứ dư thừa. Khí phách, nguyên tắc cũng đều là những cái làm cản trở việc hưởng thụ của cuộc sống. Triết học nhân sinh của họ là: tất cả lấy việc giành lợi ích làm cái mốc, chẳng phải rồi hơi bàn các thứ khác?

Nhưng đây có phải là người không? Đây phải chăng là suy nghĩ của con người, là hành động của con người? Khẳng định không phải. Con người vẫn phải có tinh thần, phải có nhân cách, phải có lòng tự trọng, phải có khí phách. Mặc dù đôi khi có thể có thể biến báo đôi chút, nhưng đối với những cái người phải là người vẫn phải giữ một cách xác đáng.

10. Nam giới và nữ giới

Người, không phải nam giới thì là nữ giới, người ái nam ái nữ chẳng qua chỉ là ngoại lệ. Trong quan hệ qua lại giữa người với người, không phải là giao thiệp với nam giới thì là cùng qua lại với nữ giới. Trong cuộc sống, nam giới không thể tách khỏi nữ giới, nữ giới cũng không tách khỏi nam giới. Đây là một trong những việc kỳ diệu nhất trong đời người kỳ diệu.

Cho nên, trong “kinh thánh” của đạo Cơ đốc nói, nữ giới là do Thượng đế rút ra một chiếc xương sườn từ người nam giới tạo nên, cho nên hai giới vốn là cùng một thể, tách ra chẳng qua là để hợp lại. Thế là nam nữ trong đời người không có lúc nào không hấp dẫn nhau, không có lúc nào không khát khao hợp lại với nhau. Nếu suy nghĩ sâu hơn một chút: Giá như không có sự tách ra này trên đời lại đâu có thân thiết, gắn bó với nhau nhiệt liệt như thế? Nếu không có sự khác nhau về sinh lý và tính nết nam nữ, đâu có thể sinh ra những nụ hôn và thân thiết xiêu hồn lạc phách? Từ đó ta thấy, nam nữ “phân một thành hai”, cuối cùng là để “hợp hai thành một” mà thôi.

Nam giới bị tập tục xã hội, truyền thống văn hóa đúc nặn thành có nghị lực, kiên nhẫn, có trách

nhệm và cường tráng. Nữ giới thì được xã hội và truyền thống dạy dỗ và khuyên bảo thành hiền dịu, xinh đẹp, tế nhị, lòng thương, thương tha yếu đuối, v.v... Nội dung quan trọng một đời của con người là nam giới và nữ giới lần lượt thực hiện những mục tiêu này để làm cho mỗi người đều có thể từ giới hạn nam nữ về sinh lý đạt tới sự nổi bật đặc trưng nam nữ về văn hóa. Người ta nếu không cố gắng như vậy, các cậu con trai sẽ có thể bị chế nhạo là "Mùi con gái quá nặng", các cô gái thường bị quở trách là "Làm sao mà ngang ngược giống con trai như thế!" Thế là, loài người ra công ra sức làm nổi bật sự khác nhau về sinh lý nam nữ, khác nhau về thói quen, sự khác nhau về sở thích theo đuổi, cả đến sự khác nhau về trí năng và thể lực v.v... Trên thực tế, các loại khác nhau này đều làm tăng mức độ thắm thiết và tính bức xúc của việc thân thiết và yêu nhau của nam nữ, chúng đã tạo nên một bộ phận thần bí nhất trong đời người thần bí.

Kant, nhà triết học lớn người Đức, mọi người đều biết rõ ông một đời không lấy vợ, sống cuộc sống độc thân cứng nhắc tại thành Königsberg thuộc thành phố nhỏ Preussen. Nhưng bằng sức quan sát phi thường ông lại đã vạch ra nhiều điều huyền diệu của đặc trưng nam nữ thần bí này, đến nay đọc lại nó cũng có thể gây nên tiếng cười trong lòng mọi người.

Một hôm, Kant vừa dạo bước trên "con đường nhỏ triết học" của ông, vừa đang suy nghĩ đặc tính kỳ diệu của nam giới và nữ giới. Ông cảm thấy trí tuệ mà nữ giới biểu hiện ra thường là tốt đẹp, đẹp như ban ngày, nó làm cho nam giới chứa chan lòng yêu mến đối với nữ giới. Trí tuệ của nam giới thì sâu lắng, thuộc loại hình thức cao cả, càng như cái cao cả của bầu không khí lúc sẩm tối, thường làm cho chúng ta kích động vô cùng.

Trong cuộc sống, nữ giới sở dĩ luôn ghét bỏ những cái xấu và ác, thật ra không phải họ ý thức được chúng là phi nghĩa, mà là cảm thấy chúng là bẩn thỉu. Nữ giới không hiểu đâu là "cần phải", "trách nhiệm" và buộc lòng làm vậy, họ đi làm một sự việc nào đó là hoàn toàn dựa theo sở thích của mình. Cho nên nữ giới nói chung không chịu ràng buộc bởi quy tắc. "Thượng đế" nhân từ khi sáng tạo ra nữ giới, đã đồng thời chú ý đưa vào tâm linh của họ sự đồng tình lương thiện, ban cho họ tình cảm tế nhị để biết lẽ phải. Nhưng cần nhớ rằng, bạn rất khó đòi hỏi nữ giới phải chấp nhận sự hy sinh và hạn chế.

Kant quay sang suy nghĩ sự khác nhau của nam giới với nữ giới, ông cảm thấy rằng đối với một người nam giới để xét, nổi sỉ nhục lớn nhất không có gì hơn là bị coi là người ngu. Còn đối với nữ giới thì nổi sỉ nhục lớn nhất là ở chỗ bị chê là xấu xí. Nam giới và nữ giới là một thể hòa hợp cùng bổ sung lẫn nhau, thông qua hôn nhân họ kết thành một cá thể của đạo đức, bên trong tràn đầy trí tuệ của nam giới và tình thú của nữ giới. Nhưng sau khi kết hôn bằng mặt không bằng lòng, giữa họ với nhau không được đối đãi bình đẳng, thế thì sẽ hỏng bét hết. Khi người ta vừa mới kết hôn, cái có tác dụng nhất là tình cảm hiền dịu quan tâm chăm sóc, sau đó trong cuộc sống gia đình thường ngày, tình cảm này tất nhiên dần dần giảm, cuối cùng chuyển thành một thứ tình bạn.

Mọi người cần biết rằng, bất kể bạn là nam giới hay nữ giới, đều phải ghi nhớ một điều: Kỹ xảo khôn khéo nhất là vĩnh viễn làm cho tình cảm hiền dịu quan tâm chăm sóc buổi ban đầu kết hôn đó duy trì được mãi, khiến cho niềm vui của hôn nhân không đến nỗi bị vẻ thờ ơ ghẻ lạnh và buồn tẻ vô vị bóp nghẹt hết.

Kant nghĩ đến đây, cảm thấy rất hứng thú, điều huyền bí của nam giới và nữ giới, gia đình và hôn nhân đều bày ra trước mặt ông, lộ ra hết từng li từng tí. Ông phân cắt từng lớp từng lớp bằng con “dao phẫu thuật” tư duy đi đến những kết luận hứng thú này.

Về đến nhà, ông vội vàng đi vào “thư phòng” lấy giấy bút viết ra các suy nghĩ vừa rồi. Đây chính là quyển sách *Sự quan sát đối với tình cảm tốt đẹp và cao cả* xuất bản năm 1764 đã từng chấn động một thời. Thanh niên nam nữ rất thích đọc sách này, bởi vì nó giống như một tấm gương phản chiếu mọi tập tính của nam giới và nữ giới, cũng rất bổ ích đối với việc người ta sắp xếp cuộc đời của mình ra sao.

Kant mất tháng 2 năm 1804 tại nhà ở thành Königsberg (năm 1945 đổi thành Kaliningrad thuộc Liên Xô cũ), trên mộ trang nghiêm và mộc mạc giản dị có đặt một tượng bán thân của ông, trên khắc hai dòng thơ (dịch ý) như sau:

Ở đây, người thầy vĩ đại sẽ lưu danh muôn thuở
Các bạn trẻ! Hãy nghĩ làm sao để tên tuổi mình trường tồn!

Kant không những dùng tinh thần cứng rắn, tư tưởng sâu xa của mình xây dựng nên một hệ thống triết học đồ sộ, mà còn dùng cái nhìn sắc bén, đầu óc minh mẫn yêu nhân loại thân thiết của mình cho người đời những lời khuyên quý báu.
Ông thật xứng đáng là người thầy của nhân loại.

11. Cái tôi bẩm sinh và cái tôi nhào nặn

Sự sinh tồn của con người có hai trạng thái: Một là để mặc bản tính tự nhiên phát ra, sống tùy ý, tùy hứng, tùy tâm và tùy ham muốn, có thể gọi nó là cái tôi bẩm sinh. Hai là cái tôi từ xã hội, tập tục, truyền thống và văn hóa nhào nặn lên, tôi lúc này không thể tùy tâm tùy ý suy nghĩ và hành động mà phải tuân theo tập tục của xã hội, chuẩn tắc của văn minh và quy phạm của chế độ để sống, đây có thể gọi nó là cái tôi nhào nặn.

Con người hầu như nên có cuộc sống của Cái tôi bẩm sinh, cuộc sống thuận theo tình ý đó làm cho người ta mê say biết bao nhiêu. Nhưng con người lại buộc phải thừa nhận Cái tôi nhào nặn, bởi vì mọi người đều sống tùy ý, ắt sẽ sinh ra tranh chấp nhau giữa người này với người kia, đánh nhau giữa nước này với nước khác, người sẽ không nhân đạo, xã hội sẽ hỗn loạn không chịu nổi. Cho nên, người ta phải dùng lễ nghi phong tục, văn hóa và chế độ tự ràng buộc hoặc chịu sự ràng buộc có tính cưỡng chế của xã hội. Lúc này, con người có thể cảm thấy rất khó tiếp nhận, rất không thoải mái, có cảm giác bị tước đoạt quyền sinh tồn tự do của con người. Nhưng lại cần phải tiếp nhận nó, tuân theo nó. Đương nhiên bậc thánh hiền thời xưa cũng có cuộc đời có thể làm cho Cái tôi bẩm sinh đạt được thành tựu xuất sắc.

Con trai nhà thư pháp lớn đời Tấn Vương Hy Chi là Vương Tử Du, ông ở Sơn Âm tức huyện Thiệu Hưng Triết Giang ngày nay. Một đêm tuyết bay trắng trời, ông bỗng nhiên từ trong mơ tỉnh dậy, bắt đầu đi ra khoác áo vào rồi mở cửa giữa, nhìn thấy những bông tuyết trắng phau bay lượn khắp trời, trong lòng rất vui, liền ra lệnh bày rượu ra một mình ngồi uống.

Trông ra bốn phía, một vùng sáng trong. Ông đứng dậy đi đi lại lại, ngâm lên bài thơ Chiêu ẩn của Tả Tư miêu tả cái thú điền viên. Bất giác trong đầu chợt nghĩ đến người bạn tốt Đái An Đạo. Ông này ở tại đất Diệm, tức huyện Thặng, Triết Giang ngày nay, đường xá tương đối xa xôi.

Vương Tử Du không chút do dự, liền ra lệnh chuẩn bị thuyền, ban đêm chèo thuyền tới nhà họ Đái. Thuyền nhỏ đi trọn một đêm mới đến được đất Diệm, đến cửa nhà Đái An Đạo, Vương Tử Du bỗng nhiên lại không đi vào, lệnh cho thuyền quay đầu về thẳng Sơn Âm.

Có người hỏi nguyên nhân thì được trả lời: “Ta chính là vì nhân hứng thú mà đi, hứng thú hết thì trở về, vì sao lại cứ nhất định phải gặp Đái An Đạo nữa?”

Hành vi của cái gọi là “nhân hứng thú mà đi, hết hứng thú trở về” của Vương Tử Du chính là thái độ sống của Cái tôi bẩm sinh nổi trội của ông ta. Phương thức tư duy của ông là: Người ta vì sao trong đi lại và trong cuộc sống lại phải giữ một mục tiêu nhất định nào đó? Vì nó, người ta đành phải kiềm chế bản tính, vứt bỏ những điều tốt mình muốn, chịu đựng đủ mọi khó khăn gian khổ, cuối cùng có lẽ cũng đạt được mục tiêu, nhưng cái giá phải trả rất lớn, nhất là Cái tôi bẩm sinh bị bóp méo đi. Nếu như trải qua cố gắng khắc khổ lại không thực hiện được mục đích của đời người như thế thì tổn thất người ta phải chịu sẽ càng lớn hơn, làm cho tự mình lâm vào tình cảnh đáng buồn không chịu nổi một cách vô nghĩa.

Quan niệm nhân sinh của Vương Tử Du là: Cái tốt của tính bẩm sinh của con người lại là cái đòi người cần phải biểu lộ rõ hoàn toàn. Còn cái xấu của tính bẩm sinh của con người lại là cái trong đời người cần phải tránh xa.

Giữa đêm bật dậy, khoác áo nhìn tuyết, ngâm thơ uống rượu, chèo thuyền đi chơi đêm, có việc nào không phải là việc vui của đời người? Có chỗ nào không tràn ngập chất thơ chất họa? Nhớ tới bạn bè liền tùy hứng để đi, hết hứng thì về, cần gì cứ nhất định phải gặp ông ta? Đây là thái độ nhân sinh độ lượng biết bao! Lòng chuyển theo ý, ý liên quan theo tình, cái tôi bẩm sinh có thể gọi là thể hiện ra không sót điểm gì!

Con người không thể không có cái tôi nhào nặn, tuân theo quy tắc xã hội cần thiết. Nhưng cũng không thể hoàn toàn kiềm chế cái tôi, làm phai mờ vẻ thơ ngây, bóp méo tính cách, phải luôn luôn nghe theo tiếng gọi của cái tôi bẩm sinh giành được tự do tinh thần vừa ý và sự giải thoát trong hành vi.

12. “Vị kỷ” và “vị tha”

Trên đời có hai thái độ sống đối lập nhau rõ rệt: Một là vị kỷ (vì mình), hai là vị tha (vì người khác). Người sống với thái độ vị kỷ, nghĩ bất cứ vấn đề gì, làm bất cứ việc gì, mục tiêu duy nhất là mưu lợi và làm toại nguyện cho mình, dù làm một số việc vì người khác, cuối cùng vẫn là vì làm cho mình giành được lợi lớn hơn, toại lòng ham muốn nhiều hơn. Còn người sống với thái độ vị tha, thì những vấn đề suy nghĩ, hành vi làm, phần lớn đều là vì hạnh phúc của người khác và sự phát triển của xã hội. Dù có lúc hầu như suy nghĩ và tính toán vì mình, nhưng cuối cùng vẫn là vì cống hiến tốt hơn cho người khác và xã hội.

Nho sinh thời Minh là Giang Doanh Khoa trong sách *Tuyệt đào tiểu thuyết* đã ví hai thái độ sống này như sự khác biệt của nhện và tằm.

Một hôm, nhện đang chăng lưới, bỗng nhiên nhìn thấy tằm ở phía dưới đang bận rộn nhả tơ, liền châm biếm nói: “Bạn ơi! Ăn no suốt ngày cho mãi đến già, sau đó mới nhả được ít sợi tơ rối tung rối mù, có vàng có trắng, óng ả tươi sáng, rồi lại từng lớp từng lớp bọc mình lại. Người nuôi tằm sẽ đem bạn nhúng vào nước sôi, rút ra thành sợi tơ dài, thế là sinh mệnh của bạn sẽ không còn nữa. Mặc dù bạn có thể xứng đáng là người thợ khéo léo, nhưng khéo đến nỗi tự giết mình chết thì chẳng phải là ngu xuẩn cực độ ư?”

Con tằm đang từ trên chiếc lá dâu hơi cất đầu lên nhìn nhện kiêu ngạo, nói: “Tôi cố nhiên là tự giết mình, nhưng tơ tôi nhả ra có thể dệt thành vóc lụa thiên tử sẽ làm áo long bào, còn quần thần thì dùng nó khâu quan phục, tất cả những thứ này, không có tôi liệu có thể có không? Còn hãy thử nhìn lại bạn mà xem, suốt ngày bận rộn chỉ để tìm miếng ăn. Bạn nhả tơ ra kết thành lưới, ngồi canh hể nhìn thấy muỗi, ruồi, ong con và bướm bay lại đã ao ước bắt được tất cả chúng để nuôi sống mình. Bạn khéo thì có khéo đấy, nhưng vì sao lại quá tàn nhẫn thế!”

Nhện hơi hiểu ra: “Nếu lo cho người khác thì học tập bạn, nếu tính toán cho mình thì thà giống tôi thôi”.

Tác giả viết xong câu chuyện ngụ ngôn này, hết sức cảm khái nói: “Ôi, những người trên cái thế giới này bằng lòng làm tằm mà không làm nhện, thật là quá ít ỏi!”

Lời nói này thật hết sức chân thành. Người vị tha bỏ ra sức lao động, tinh lực và tài nguyên khác đều không thể cuối cùng làm cho mình thu lợi ích, toàn bộ hướng hoạt động đời người họ đều là vì người khác, cho nên giống như một ngọn nến đem ánh sáng để lại cho thế giới, còn giữ lại sự tiêu vong (cháy rụi) cho mình, lại giống như con tằm trung thành đem những sợi tơ quý báu dâng cho người khác, còn mình thì tiêu tan.

Còn về phần đông những người vị kỷ trên thế gian này cũng siêng năng, cố gắng không mệt mỏi làm việc, dày công suy nghĩ, tìm tòi, bỏ ra sức lao động lớn, điều động tất cả mọi nguồn tài

nguyên có thể chi phối, nhưng mục đích duy nhất của họ là theo đuổi lợi ích của mình. Do đó giống như con nhện, hao tổn tâm trí, khéo léo chăng thành lưới, bèn gan chờ đợi, tất cả mọi ước ao đều dồn vào việc bắt được con mồi để làm no cái bụng của mình.

Chỉ quan sát từ góc nhìn sinh mệnh ngắn ngủi của cá thể, người mang thái độ sống vị tha là thiệt thòi, bởi vì họ không được đền đáp tương ứng với cái họ đã bỏ ra. Mà người mang thái độ sống vị kỷ thì thắng, bởi vì ít nhất họ cũng giành được sự đền đáp tương ứng với cái họ bỏ ra, thậm chí lợi ích nhận được vượt hẳn cái giá bỏ ra rất nhiều.

Nhưng nếu, nhìn vấn đề này từ sinh mệnh lớn của nhân loại, có lẽ sẽ có thể rút ra những kết luận khác nhau. Như con tằm, sự hoạt động suốt cả đời nó, cuối cùng kết thành lưới bọc gọn mình, rồi chết trong quá trình người nuôi tằm rút tơ, nhưng vóc lụa do sợi tơ dệt thành lại để lại cho nhân gian lâu dài, khi nhận được cái ân huệ mềm mại, ấm áp, người ta lại nghĩ đến tằm, nhớ đến tằm, con tằm cũng vì vậy thoát ra khỏi sự ràng buộc của sinh mệnh ngắn ngủi, giành được sự bất tử. Mặc dù lúc còn sống chưa nhận được lợi riêng, nhưng sau khi mất lại được cái lợi lớn là có tiếng tằm. Con nhện suốt đời đều nhả tơ chăng lưới, rình mò ước đoán sự động tĩnh của con mồi chỉ để làm no cái bụng của mình. Mọi ý nghĩ, việc làm của nó đều không ngoài vì mình, cũng đích thực làm cho mình nhận được lợi, nhưng những việc này chẳng qua chỉ là cái lợi nhỏ khi sống, bởi vì không để lại ân huệ gì cho vật khác, cho nên cũng sẽ chẳng có bất cứ cái gì đáng để cho vật khác lưu luyến và nhớ nhung. Có thể nói một đời của nhện là vội vàng để sống, vội vàng vì mình, lại vội vàng để mất, im hơi lặng tiếng, đây quả thực chẳng phải là lợi ích chân chính.

Đời người lại càng như thế. Con người là động vật có tính xã hội, từ khoảnh khắc sinh mệnh vừa mới manh nha, đã mang dấu ấn xã hội sâu sắc. Sau đó con người sinh ra, lớn khôn sống trong xã hội tiếp nhận sự hun đúc của lịch sử, truyền thống, ngôn ngữ, phong tục của nhân loại. Cho nên, con người nhìn từ bên ngoài đều là người của từng cá thể một, nhưng tư duy, cuộc sống và tinh thần của họ đều mang tính xã hội. Xuất phát từ đó, con người sẽ quyết không thể chỉ chú ý đến cá thể mình, chỉ đi theo đuổi cái lợi của mình, mà phải đồng thời đem việc mưu lợi ích cho người khác, cho xã hội là một phần trách nhiệm của mình.

Đương nhiên con người cũng rất khó làm được hoàn toàn vị tha như con tằm, nhưng tuyệt nhiên không nên học con nhện thuần túy chỉ vì mình như thế. Có lẽ đem hai thái độ sống này kết hợp một cách hữu cơ lại với nhau, mang quan niệm sống như thế để sống là thích hợp hơn: những việc vị tha mà không tổn hại mình có thể làm, những việc vị tha mà lại lợi cho mình cũng có thể làm, những việc vị kỷ mà có thể lợi lớn cho thiên hạ càng nên tích cực làm. Những việc vị kỷ mà tổn hại người khác không nên làm, những việc vì mình mà không có lợi cho người khác cũng không nên làm, những việc vì lợi ích của xã hội mà tổn thất lớn đến mình cũng nên làm không chút do dự.

Đời người có nhiều dục vọng mạnh mẽ. Con người có cơ thể có tính sinh lý sẽ sinh ra ham muốn về ăn, uống, chơi, vui. Con người lại có lĩnh vực tinh thần sẽ sinh ra theo đuổi như đối với tính phong phú, tính nghệ thuật, tính đầy đủ, tính giải trí. Còn người ta sau khi kết thành xã hội lại sinh ra khát vọng như đối với địa vị, quyền thế, danh dự, của cải. Người ta nói chung đều cho rằng trong đời người nếu thỏa mãn được một phần dục vọng cũng sẽ có thể được sung sướng một phần. Nếu người ta thỏa mãn toàn bộ dục vọng, đương nhiên sẽ được tất cả sung sướng. Nhưng trên thực tế thì không phải như vậy.

Quan sát tỉ mỉ con người trong thế gian, bạn có thể phát hiện, người được thỏa mãn càng nhiều so với dục vọng của mình, lập tức có thể sản sinh ra ham muốn mới, niềm sung sướng vừa nhận được rất nhanh chóng liền bị nhấn chìm bởi nỗi đau khổ sinh ra do ham muốn không đạt. Hơn nữa sự ham muốn của con người là vô hạn, bất kể lúc nào bất kể nơi nào trên thực tế đều không có khả năng thỏa mãn hoàn toàn, đời người vì thế trở thành con đường đau khổ trải qua trong sự hành hạ, dày vò của ham muốn.

Nhà triết học Đức Arthur Schopenhauer đã viết một quyển sách *Là thế giới của ý chí và biểu tượng* chuyên thảo luận những vấn đề bản chất của sinh mệnh, đồng thời đem dục vọng và đau khổ của con người làm chỗ dựa cơ bản.

Thế giới là gì? Schopenhauer hỏi.

Người ta chỉ cần hơi suy nghĩ một chút liền có thể buột miệng nói: Thế giới chính là tất cả mọi cái chúng ta nhìn thấy, sờ tới và tiếp xúc tới.

“Đúng”, Schopenhauer đính đạc nói: “Thế giới đã chính là hình dáng người ta mắt nhìn thấy, tay chân tiếp xúc tới. Vậy thì thế giới chỉ có thể là thế giới của con người, thế giới chỉ có thể là biểu tượng của con người để tồn tại. Cho nên thế giới chính là biểu tượng của tôi!”

Nhà đại văn hào Đức Goethe đã từng trao đổi lâu với Schopenhauer. Schopenhauer nói với Goethe: “Cả hệ Mặt trời đều là một biểu tượng của chúng ta, nếu như chúng ta không trông thấy ánh sáng, thế thì ánh sáng sẽ không tồn tại”. Goethe suy nghĩ một lát rồi nói: “ý của ngài là, nếu ánh sáng không chiếu đến ngài, thì ngài sẽ không tồn tại ư?”

Mặc dù như thế, Schopenhauer vẫn kiên trì nguyên lý của ông về Thế giới là biểu tượng của tôi. Đồng thời Schopenhauer tuyên bố, nhận thức được Thế giới là biểu tượng của tôi, chỉ là một nửa chân lý, đồng thời còn phải nhận thức được thêm một bước Thế giới còn là ý chí mới thu được chân lý hoàn chỉnh.

Trong cách nhìn của Schopenhauer, khắp mọi nơi trên thế giới đều tràn đầy ý chí, con người có ý chí, động vật có ý chí, tất cả các vật vô tri cũng đều có ý chí. Mà ý chí chính là cái gọi là ý chí sinh tồn, ý chí sinh mệnh. Về bản chất nó là một loại ham muốn không gì ngăn cản nổi, mù quáng nông nổi, nó không ngừng thực hiện cái tôi. Mục đích cuối cùng mà ý chí theo đuổi là

sinh mệnh cũng tức là duy trì sự sinh tồn và sinh sôi đời sau, do vậy ý chí kỳ thực chính là ý chí sinh mệnh.

Schopenhauer đã đặt ý chí sinh mệnh dưới ống kính của tư duy quan sát tỉ mỉ, kết quả đã phát hiện bản chất của nó chính là đau khổ. Bởi vì việc thực hiện dục vọng của thực vật hoàn toàn là mù quáng, khó mà đạt được, dễ bị chết yếu, nhưng chúng lại không thể cảm thấy đau khổ. Còn động vật và người có hệ thần kinh phát triển, nếu ham muốn không thể thỏa mãn được, sẽ có thể dẫn tới đau khổ.

Con người sở dĩ có ham muốn là vì thiếu thốn và không thỏa mãn, mà con người lại vĩnh viễn không tài nào thỏa mãn được. Bởi vì sự thỏa mãn của con người không có lấy một lần có thể giữ lâu, ham muốn này vừa được thỏa mãn, thì ham muốn kia lại đã sinh ra. Hơn nữa ham muốn một khi được thực hiện, con người lại có thể cảm thấy trống trải và buồn tẻ. Tóm lại, sự ham muốn là vô hạn khiến cho đời người đau khổ vô bờ. Sự ham muốn của con người không thể đem lại niềm vui và hạnh phúc chân chính, mà là gây ra đau khổ.

Làm sao để giải thoát đau khổ? Schopenhauer nói với người đời rằng: “Hãy học tập Phật giáo - Đức Phật nói: Người sinh đau khổ, người lớn lên đau khổ, người chết cũng đau khổ. Nguyên nhân dẫn đến những đau khổ này của đời người là ở cái tham, cái giận, cái ngu; dục vọng tham lam quá mạnh, tính tình giận dữ cộc cằn, si mê không biết nghĩa tinh túy của thế gian. Do đó muốn thoát khỏi đau khổ của đời người cần phải xem dục vọng là nước lũ, là thú dữ, trước hãy kiềm chế nó, sau bóp chết nó. Phương pháp và đường lối đi của nó là: vào rừng sâu núi thẳm, khoác áo nhà sư, một lòng niệm Phật, ăn chay gõ chuông, hiểu rõ đạo Phật, cuối cùng thì ngồi hóa vào cõi Nát bàn, đi sang thế giới cực lạc để sống”.

Schopenhauer rất tự tin đối với ngôn luận sâu xa này của mình, bởi vì nó lật nhào tòa lâu đài của chủ nghĩa lý tính, đặt nền móng cho trào lưu tư tưởng phi lý tính bước lên vũ đài triết học thế giới. Ngày 18 tháng 3 năm 1818 ông đã viết một bức thư gửi cho nhà kinh doanh xuất bản Brockhaus nói: “Trước tác của tôi là một hệ triết học mới, mà còn là một hệ mới một trăm phần trăm. Đây không phải là việc trình bày mới đối với một hệ triết học đã có nào đó, mà là một hệ triết học mới đem hàng loạt tư tưởng cho đến nay vẫn chưa từng có người nghĩ đến kết hợp một cách cao độ lại với nhau. Bộ trước tác này hoàn toàn khác với phái triết học mới dùng lời văn vẻ và nói xằng trống rỗng vô ý nghĩa, tương tự cũng căn bản có khác với những lời vô dụng kể lể con cà con kê và những lời tầm thường không có gì lạ ở thời đại trước Kant”.

Brockhaus sau khi đọc xong bản thảo quyển sách, bi quan nói: “Tôi lo rằng quyển sách của Ngài chỉ có thể là một đồng giấy loại, nhưng mong rằng lời lo lắng này không thành hiện thực”. Nhưng vận mệnh lại trêu ngươi người, sự lo lắng này chớ trêu đã thành hiện thực, một năm rưỡi trôi qua mà số lượng tiêu thụ quyển sách này không đầy 100 bộ.

Schopenhauer mặc dù tỏ vẻ bất bình đối với việc quyển sách của mình bị đối xử lạnh nhạt, nhưng vẫn chưa nản lòng. Năm 1820 ông bước lên bục giảng trường Đại học Berlin, muốn thông qua hình thức báo cáo khiêu chiến với Hegel, nhà triết học lớn lúc đó cùng là giáo sư ở trường Đại học Berlin, kết quả là số học sinh đến nghe ông báo cáo trước sau không quá bốn,

năm người, ông đành im hơi lặng tiếng tuyệt vọng hoàn toàn.

Những năm cuối đời Schopenhauer định cư tại Frankfurt, sống rập khuôn đơn điệu, phần lớn thời gian dùng vào việc nghiên cứu và viết sách. Ông tính cách quái lạ, vì sợ người khác ăn trộm tiền của ông nên đem các tờ séc kẹp vào trong các bì thư cũ chẳng ai thèm để ý, còn tiền bạc thì giấu dưới đáy lọ mực, lại dùng chữ La tinh và chữ Hy Lạp ghi các khoản thu chi cá nhân, khiến cho người bình thường xem không hiểu. Khi ngủ dưới gối phải đặt một khẩu súng ngắn, khi ăn tiệc nơi công cộng chỉ dùng chiếc cốc giấy mình mang theo người, lo bị bệnh truyền nhiễm. Ông không yên tâm nhất là lưỡi dao cạo của người thợ cắt tóc lướt lên lướt xuống miết trên cổ ông, nên đành tự mình lo liệu bộ râu của ông. Có một lần, ông xô ngã một cô thợ may tán gẫu bên ngoài cửa phòng ông lẫn xuống cầu thang, vì ông không tài nào chịu nổi tiếng ồn ào. Kết quả là ông bị tòa án xử buộc phải đảm nhận tiền phụng dưỡng suốt đời cho cô gái đáng thương này. Hai mươi năm trôi qua, Schopenhauer mới có thể viết trên sổ theo dõi câu: “Bà già chết, trút được gánh nặng”.

Một hôm, trong England Hotel mà hàng ngày ông thường lui tới, khách hàng ngồi ghế bên cạnh chăm chú nhìn với vẻ kinh ngạc: ông ung dung ăn hết các đồ ăn bằng lượng ăn của ba người. Schopenhauer dùng chiếc khăn ăn lau qua miệng, nói với ông khách này với giọng nghiêm túc: “Tiên sinh, Ngài có lẽ kinh ngạc lượng ăn của tôi chứ! Đúng thế, tôi ăn nhiều gấp hơn ông ba lần, nhưng trí tuệ của tôi cũng uyên bác hơn ông ba lần trở lên”.

Người khách kia cứng lưỡi không biết nói gì hơn. Trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người, Schopenhauer với dáng vẻ thân sĩ nện bước khinh khỉnh bỏ đi.

Cho mãi đến tuổi “cổ lai hy”, Schopenhauer mới dần dần được người đời coi trọng. Năm 1859, bộ trước tác Là thế giới của ý chí và biểu tượng đã từng được ông lấy làm tự hào mà lại bị đối xử rất lạnh nhạt, bản in lần thứ 3 được hoan nghênh hơn bao giờ hết, ông không thể không đặc ý viết thư cho con trai nhà kinh doanh xuất bản Brockhaus nói: “Trước tác của tôi được hoan nghênh lớn, giống như núi lửa bùng nổ, toàn châu Âu đều biết quyển sách này, có người từ Matxcova và Upuchala của Thụy Điển đến gặp tôi. Tình hình ngày càng khả quan, nhiều năm sau, danh vọng của tôi chắc chắn còn cao hơn nữa.

Năm sau, nhà triết học một đời gian truân, đem sinh mệnh nói thành đau khổ đã từ biệt cõi đời. Sự việc đúng như lời ông dự đoán, danh vọng của ông ngày càng cao, trào lưu tư tưởng phi lý tính ông dẫn ra làm cho nhân loại có nhận thức hoàn toàn mới đối với tác dụng của các thành phần phi lý tính như tình cảm, ý chí, trực giác, tín ngưỡng trong quá trình của đời người, lý tính, cơ sở vững chắc của triết học truyền thống bắt đầu lung lay.

Cần phải nói rằng, Schopenhauer nói đối với bản chất đời người tương đối sâu sắc. Dục vọng là cái gốc sinh tồn của con người, là cơ sở của sinh mệnh, mà thỏa mãn dục vọng thì không dễ dàng mà mãi mãi không có đủ khả năng thỏa mãn. Bởi vì mỗi một lần thỏa mãn đều tất nhiên dẫn đến ham muốn mới, cho nên bản chất của ý chí sinh mệnh chính là đau khổ.

Song Schopenhauer cũng phạm một sai lầm lớn, bởi vì các thành phần phi lý tính như tình cảm, ý chí là những bộ phận quan trọng tạo nên sinh mệnh con người, nhưng không thể vì thế mà đẩy lý tính ra ngoài sinh mệnh con người. Trên thực tế, lý tính của con người có khả năng kiềm chế, điều chỉnh dục vọng của con người. Khi giới hạn tinh thần của con người rất cao, tố chất văn hóa tốt, sẽ có thể khống chế một cách hữu hiệu dục vọng trong phạm vi thích hợp có thể cho phép, có thể đạt tới, và do đó làm cho sinh mệnh được vui sướng, đời người được hạnh phúc.

Khi Schopenhauer giống như một kẻ tham ăn đã ăn uống no nê, khi ông hiện rõ tập tính tham lam, lạnh lùng khắc nghiệt trong cuộc sống, học thuyết của ông về đời người vĩnh viễn rơi vào trong đau khổ của dục vọng, không thể thực hiện hầu như trở thành một chú thích về cuộc sống của ông. Còn kết luận cần phải thông qua việc tu luyện ngăn chặn dục vọng của Phật giáo cứu vớt đời người trong bể khổ thì hoàn toàn đi ngược lại với tập tính cuộc sống của ông.

Điều này gợi ý chúng ta: trong quá trình của đời người đối xử với dục vọng như thế nào là những điểm mấu chốt quan hệ đến đời người là đau khổ hay là vui sướng, bất kể bạn có thể thỏa mãn nó rất tốt hay không. Mặc kệ dục vọng không quản, nghe theo tự do lan tràn ắt sẽ cho đời người đau khổ vĩnh viễn, bất kể bạn có thể thỏa mãn nó tốt hay không. Còn như nếu hoàn toàn kiềm chế dục vọng, xem dục vọng như nước lửa và thú dữ, cả đến như tín đồ tôn giáo, vì cầu hạnh phúc của kiếp sau mà cố ý tạo nên đau khổ của kiếp này, như thế cũng không thỏa đáng. Cách làm này còn có thể hình thành trái ngược, khiến cho dục vọng của con người trong khoảnh khắc nào đó bùng nổ ra càng thêm ác liệt. Việc duy nhất có thể làm là: phát huy năng lực lý tính vốn có của mỗi người xem xét kỹ hoàn cảnh xã hội mình sống, ước đoán mọi khả năng và điều kiện năng lực của bản thân, dùng phương thức, phương pháp đúng đắn tìm được sự thỏa mãn dục vọng hợp lý. Đồng thời kiên quyết gạt bỏ những dục vọng không hợp lý vượt quá năng lực của mình và điều kiện xã hội cho phép. Chỉ có như vậy, đời người mới có thể thoát khỏi được vương vấn của dục vọng vượt qua đau khổ vươn tới vui sướng.

14. Ưỡn thẳng sống lưng

Người ta sống trên đời, thường gặp thiên tai nhân họa lớn nhỏ khác nhau, rồi thông qua bậc tiền bối và bạn bè kể lại hoặc nghe được nhiều chuyện người khác gặp tai họa, cho nên phần nhiều đều cẩn thận và thận trọng. Từ một ý nghĩa nào đó để xét, đây không hẳn không phải là việc tốt. Con người, quả thật nên cẩn thận làm việc và thận trọng làm người. Nhưng người ta nếu từ cẩn thận phát triển đến nhát gan sợ việc, từ thận trọng trở thành không dám vượt ra ngoài khuôn khổ, đời họ không những sẽ vì xương sống không uốn thẳng nổi nên sống khá vất vả, có khi sẽ dẫn tới bị người khác cố ý bắt nạt và bị áp chế vô cớ của thế lực mạnh trong xã hội.

Tục ngữ có câu: Ma cũng sợ người ác, câu này có chút đạo lý. Thường có thể thấy một số kẻ nhất gan sợ việc, bị dọa nạt một cách vô duyên cớ, bị ép tống tiền để giải nạn, chính là vì họ không có xương sống, không dám vùng dậy tranh cãi và chống cự lại, làm cho kẻ xấu, kẻ ác có chỗ hở để lợi dụng.

Vì thế, kẻ càng sợ việc lại có thể chuốc lấy nhiều phiền phức. Kẻ càng nhất gan, lại có thể gặp nhiều việc làm cho vỡ gan mất mật. Nếu có thể uốn thẳng lưng, quang minh chính đại, có lý hợp tình thì có thể gạt phắt ngay mọi khiêu khích vô cớ, không có lý không hợp tình thì mạnh dạn đưa một lời xin lỗi. Làm một người đường đường chính chính, dù nửa đêm cũng không cần phải sợ ma gõ cửa. Như vậy, trái lại không ai dám bắt nạt bạn, không ai muốn châm chọc bạn, những ngày tháng êm ả hài lòng sẽ bày ra trước mắt bạn.

Nghe truyền lại thời xưa có một người đi săn tên là Điền Bất Mãn. Một hôm, ông đi đường về ban đêm bị lạc hướng, đi nhầm vào một vùng đồi gò rộng lớn đầy mồ mả ngổn ngang lộn xộn. Đi đi lại lại, một chân giẫm lên chiếc đầu lâu của một người chết, chỉ nghe tiếng kêu phạch phạch, thật là khiếp vía.

Đầu lâu bỗng nhiên mở miệng kêu lên: “Không nên giẫm hỏng mặt tôi, nếu không thì tôi sẽ giáng họa vào ông”.

Điền Bất Mãn tính cách mộc mạc nhanh nhẹn, lớn tiếng nạt lại đầu lâu: “Ai bảo mày chặn đường đi của tao!”

Đầu lâu lại nói: “Đó là do người khác dời tôi đến đây, không phải là tôi có ý muốn chặn đường của ông”.

Người đi săn này lại bác lại: “Thế vì sao mày không giáng họa vào người dời mày đến đây?”

Đầu lâu nói: “Người ấy thời vận đang thịnh, tôi chẳng làm sao được ông ta”.

Điền Bất Mãn vừa buồn cười lại vừa phát cáu: “Chẳng lẽ tao là một người đang đen đủi chẳng? Mày sợ người đang gặp vận may, lại bắt nạt người vận đen, đó là nghĩa lý gì?”

Đầu lâu bèn òa lên khóc: “Ông cũng là một người thời vận rất tốt, đương nhiên tôi không dám giáng họa vào ông, nhưng tôi muốn dùng lời nói suông dọa ông một chút thôi. Người trong thế gian, chẳng phải đều là kẻ gặp vận may dọa nạt người đen đủi phải không? Vì sao ông chỉ quở mắng cái hồn ma tôi này? Thật đáng thương hại cho cái hồn ma tôi này, đem tôi dời đến một cái hố, đây cũng là ân huệ của ông đối với tôi đấy!”

Điền Bất Mãn căn bản không thèm để ý đến nó, bước đi qua nhanh như một mũi tên. Phía sau lưng vọng lại tiếng khóc hu hu thảm thiết. Sau đó cũng không xảy ra sự việc lạ gì nữa. (tham khảo sách *Duyệt vi thảo đường bút ký* của Kỷ Vân thời Thanh).

Đương nhiên đầu lâu không thể nói được lời của người, nhưng chuyện ngụ ngôn này đã nói ra

một tình huống chân thực của người trong thế gian, cũng tức là lời hồn ma này nói: Sợ kẻ thịnh 망 người suy, nhân tình đều thế cả.

Người ta đối với những người thời vận đang thịnh, vì đời người đang trong cảnh thuận lợi nên tỏ ra rần rỏi, đối với họ thường mang lòng kính nể, căn bản không dám dọa nạt họ. Còn đối với những người luôn luôn đen đui, đời người rơi vào nghịch cảnh, mặt luôn lộ ra vẻ mệt mỏi ỉu xiu, thì hay lăng nhục họ. Ấn hiệp người thiện sợ kẻ ác là lẽ thường tình của đời. Hiểu được đạo lý này, người ta trên đường đời sẽ phải học người đi săn Điền Bất Mãn có tính dũng mãnh mà cương trực, dù cho gặp ma dọa nạt, cũng điềm tĩnh thản nhiên, tranh giành lý lẽ rõ ràng, vượt qua khó khăn, đi theo con đường rộng lớn của mình.

15. Lạc quan tếu và bi quan mù quáng

Người lạc quan tếu, nói chung đều có đánh giá quá cao đối với năng lực và cuộc đời đang sống của mình. Bởi vì họ giành được một số thành công, cải thiện trạng thái sinh tồn, liền phát triển tâm lý kiêu căng: cảm thấy việc gì cũng đều làm tốt, đều có thể giải quyết dễ dàng, chóng vánh, từ đó quá tự tin đối với năng lực của mình cả đến trời cao đất dày cũng không biết nữa.

Người bi quan mù quáng thì ngược hẳn là, họ mất hết lòng tự tin đối với năng lực của mình, không may mắn có chút lòng tin đối với việc làm thay đổi trạng thái cuộc đời đang sống, cả đến không muốn cũng không dám đưa ra bất cứ cố gắng nào nữa. Nói chung, tâm lý của người bi quan mù quáng thường là lòng tự tin rất mạnh, cảm thấy mình việc gì cũng đều làm không tốt, dù có cố gắng hơn, phấn đấu hơn cũng uống công, không bằng khoanh tay chờ sự sắp đặt của số phận.

Người ta sinh ra ở đời, nên lạc quan, nhưng không thể rơi vào lạc quan tếu được. Khi đột nhiên gặp phải cuộc đời trắc trở lớn, đối mặt với khó khăn lớn của đời người, mỗi người trước hết phải có lòng tin đối với mình, kiên định cho rằng mình kinh qua cố gắng có thể làm thay đổi nó, xoay chuyển nó. Có được tinh thần lạc quan này, mới có thể không bị khó khăn gian khổ của đời người đè ngã, cũng mới có thể tiến thêm một bước dùng hành động cần thiết để chiến thắng khó khăn, bước vào con đường đời bằng phẳng. Còn người lạc quan tếu thì đặt mình vào chỗ không thấy rõ tình huống chân thực, đánh giá quá cao đối với năng lực bản thân chủ quan, đối với việc quan sát cuộc sống thực tế lại nhìn quá dễ dãi, quá đơn giản. Mặc dù có thể giữ được niềm vui trong lòng, nhưng trong hoạt động thực tế của đời người ắt sẽ gặp thất bại.

Con người trong cuộc sống đôi khi cũng phải có chút bi quan, nhưng tuyệt đối không thể bi quan mù quáng. Sách *Lão Tử* có câu: Ai binh tất thắng, có nghĩa là quân đội có đánh giá chân thực đối với gian nan, khiếm khuyết nhiều, điều kiện không tốt trong tình cảnh của mình, mà lại giữ được bình tĩnh tuyệt đối, không kiêu căng nóng nảy thì nhất định có thể thắng trận. Đời

người giống như chiến trường, một người tâm tình giữ được trầm tĩnh, có nhận thức đầy đủ đối với những chông gai và ngoắt ngoéo trên đường đời, nói chung sẽ có thể cố gắng khắc phục mọi hiểm trở trên đường tiến lên phía trước, giành được thành công của đời người. Nhưng nếu bị quan mù quáng sẽ khiến người ta không có chút lòng tin đối với mình, về tinh thần đã không ấp ủ bất cứ hy vọng nào, liệu còn có thể đưa ra được hành động gì không? Nếu như không dùng bất cứ hành động gì, lại làm thế nào có thể giải quyết mọi việc khó của đời người đây? Cho nên, bị quan mù quáng, không nghi ngờ gì nữa sẽ rơi vào cảnh bị động tiêu cực, không tài nào bước nổi những bước đi chắc chắn cần thiết trên đường đời.

Đào Tông Nghi thời Nguyên đã viết một truyện trong sách *Thôi làm ruộng (Chuyết canh lục)* rất đáng thuyết minh điều đáng cười của lạc quan tếu và điều đáng buồn của bi quan mù quáng.

Trên núi Ngũ Đài có một giống chim đậu, có tên là chim báo lạnh. Nó có bốn chân, một đôi cánh trụi, nhưng lại không thể bay được. Phần của nó lại có thể chế thành một loại thuốc tốt gọi là Ngũ linh chi. Mỗi khi giữa hạ, nó mọc lông vũ sặc sỡ nhiều màu đầy mình, đối với việc này nó rất tự hào, hàng ngày tự lấy làm vui sướng hót: “Phượng hoàng không bằng ta! Phượng hoàng không bằng ta!”

Trời dần dần chuyển lạnh, khi ngọn gió núi buốt xương buốt thịt bắt đầu thổi, bộ lông vũ xinh đẹp của chim báo lạnh dần dần rụng hết tất cả, thân hình trụi trụi trông thật xấu giống như một con chim non nhỏ. Lúc này nó rụt cổ lại, hết sức buồn rầu lẩm bẩm một mình: “Đến đâu hay đó, đến đâu hay đó!”

Khi chim báo lạnh có bộ lông đẹp đặc ý đến mức quên hết tất cả, cảm thấy phượng hoàng đều không bằng mình. Đây là kết quả đáng cười do lạc quan tếu của nó dẫn đến. Còn khi nó rụng trụi hết cả lông, run cập cập trong gió lạnh, nó lại đành chịu và kêu “Đến đâu hay đó”, đây lại là trạng thái bi thảm do bi quan mù quáng của nó dẫn tới.

Từ đó ta thấy, lạc quan tếu và bi quan mù quáng đều khởi đầu từ việc không có đánh giá khách quan đối với trạng thái sinh tồn và năng lực của mình, không có đầu óc sáng suốt nhận thức khách quan đối với sự biến đổi phát triển của thế giới bên ngoài. Sự sai lệch nhận thức hai mặt cộng với khiếm khuyết về tâm lý có thể làm cho người ta hoặc trở thành một người lạc quan tếu hoặc trở thành một người bi quan mù quáng. Bất kể là lạc quan tếu hay là bi quan mù quáng đều có trở ngại rất lớn đối với sự phát triển thuận lợi của cuộc sống.

Quan sát sâu thêm một bước nữa còn có thể phát hiện, một người lạc quan tếu thường rất dễ chuyển thành người bi quan mù quáng. Bởi vì người lạc quan tếu đã không nắm được tình huống chân thực, dùng tâm trạng kiêu ngạo để đối nhân xử thế, để giải quyết vấn đề hóc búa của đời người, cuối cùng khẳng định gặp thất bại. Lúc này, anh ta sẽ có thể cảm thấy mình tài giỏi như thế mà đều lâm vào cảnh khó khăn này, gặp trục trặc đến mức này, thế thì mình hoàn toàn không có năng lực đối với sự biến đổi, phát triển khác. Thế là người lạc quan tếu đầy kiêu ngạo sẽ tự nhiên chuyển hóa thành phản diện, trở thành một người bi quan mù quáng mất hết tinh thần.

Con người muốn làm cho sự sinh tồn của mình khá hơn một chút, cuộc đời thuận lợi hơn một chút, đôi khi có thể lạc quan, cũng có thể bi quan. Nhưng nên nhớ rằng, quyết không thể lạc quan tếu, càng không thể bi quan mù quáng.

16. “Đẹp” là gì?

Bẩm tính của con người là yêu vẻ đẹp, theo đuổi vẻ đẹp, khát khao có vẻ đẹp, điều này không có gì đáng nghi ngờ. Về phương diện này phụ nữ lại càng nổi bật, để có được vẻ đẹp, họ có thể giảm ăn, có thể hao tổn phần lớn tinh lực và tiền bạc vào việc trang điểm, thậm chí không tiếc chịu đựng đủ mọi cái khổ của da thịt để làm thay đổi vẻ mặt vốn có, làm cho mình đẹp đến xúc động lòng người.

Nhưng, thời gian là tên sát thủ bẩm sinh của vẻ đẹp, bất cứ vẻ đẹp khỏe khoắn, vẻ đẹp thanh tú, đều sẽ nhanh chóng mất đi trước mặt tên sát thủ không chút nương tay này. Mà sự vật đẹp, giới hạn đẹp, cuộc sống đẹp lại là việc mà mỗi người có nhận xét riêng, từ chỗ không có một tiêu chuẩn xác định, cũng không có một kết luận vĩnh viễn, người ta thường thường trước vẻ đẹp - vật sáng tạo của mình càng ngày càng mơ hồ, càng ngày càng không biết nghe theo ai nữa.

Ta hãy thử nghe nhà triết học lớn Bacon bàn về cái đẹp ra sao nhé!

Bacon đặc biệt tôn sùng đức hạnh đẹp, tức là bẩm tính lương thiện và phẩm chất tốt đẹp của một người. Ông chỉ ra rằng: “Đức hạnh tốt đẹp giống như đá quý, nó được tôn lên dưới bối cảnh chất phác thì trái lại càng đẹp hơn. Cũng như thế, một người trang điểm không lộng lẫy lại nghiêm túc đoan trang mà có đức hạnh đẹp khiến người ta tôn kính”.

Đức hạnh đẹp nói chung là cái bên trong của con người, nó được biểu lộ ra thông qua cử chỉ cao quý, lịch sự của con người, cho nên giống như đá quý được tôn lên dưới cảnh vật chất phác tỏa ra ánh sáng rạng rỡ, đẹp đến trang trọng, đẹp đến lộng lẫy, khiến người ta tôn kính.

Vẻ đẹp của hình dáng là cái người đời đều khát khao, cách nhìn của Bacon tương đối có ý nghĩa. Ông nói:

“Người có hình dáng đẹp thật ra không hẳn đều có tài năng của các mặt khác. Bởi vì tạo hóa keo kiệt, đã cho người ta cái này thì sẽ không cho cái kia nữa. Cho nên nhiều người có vẻ mặt xinh đẹp lại không có triển vọng. Họ quá theo đuổi cái đẹp bề ngoài mà vứt bỏ cái đẹp bên trong. Nhưng những lời này cũng không hoàn toàn đúng, bởi vì Augustus, Philippe IV, Edward IV... đều là bậc đại trượng phu, lại là những người điển trai”.

Quan sát người trong thế gian, xem chừng người có hình dáng đẹp cũng không nhiều. Nhưng có nhiều nam thanh nữ tú ngó bóng mình mà tự thương hại, mãi mê trong sắc đẹp của mình, sắc đẹp đã cho họ hoàn cảnh và điều kiện sống tương đối ưu việt, cho nên họ cũng sẽ không

muốn phát triển các năng lực khác, chỉ dùng sắc đẹp đối lấy con đường bằng phẳng của đời người. Nhưng kết quả thường không như ý muốn của con người, thậm chí đau khổ buồn thảm, nguyên nhân rất giản đơn: sắc đẹp dễ tàn phai, sự phán đoán cái đẹp của người ta cũng thay đổi nhiều.

Cho nên, Bacon lại nói: “Suy nghĩ kỹ càng hơn, vẻ đẹp hình thể phải thắng vẻ đẹp của nhan sắc, mà vẻ đẹp của hành vi văn minh lịch sự lại thắng vẻ đẹp hình thể. Vẻ đẹp cao nhất thì các họa sĩ không tài nào có thể biểu hiện ra nổi, bởi vì nó khó trực quan. Đây là một vẻ đẹp kỳ diệu. Đã từng có họa sĩ khời hài cho rằng, có thể theo tỉ lệ hình học, hoặc thông qua việc thu hút các đặc điểm đẹp nhất trên thân thể những người khác nhau dùng để vẽ thành một bức tranh người đẹp nhất. Thực ra người đẹp được vẽ ra như thế, e rằng chỉ có bản thân các họa sĩ thích thôi. Đẹp không thể định ra quy phạm, sáng tạo ra nó thường là cơ hội, mà không phải là công thức. Có nhiều khuôn mặt nếu xét theo bộ phận thật ra không đẹp, nhưng với toàn thể lại rất cảm động lòng người”.

Về phương diện vẻ đẹp của nét mặt con người, Bacon lại tôn sùng cảm giác về đẹp toàn thể. Đẹp không phải là một bộ phận đặc biệt nào đó như má, lông mày và mắt, môi, da mà nhiều người theo đuổi, đẹp là một chỉnh thể. Cho nên nói vẻ đẹp hình thể hơn vẻ đẹp sắc mặt, vẻ đẹp của hành vi văn minh lịch sự lại phải thắng vẻ đẹp hình thể. Mà vẻ đẹp chân chính thì các họa sĩ khó mà miêu tả diễn đạt ra được, bởi vì đẹp là toàn thể cũng là quá trình, nó không phải là phiến diện khô cứng. Một bức tranh đẹp chỉ có thể miêu tả vẻ đẹp tức thời, bộ phận, nó không thể biểu hiện ra được người đẹp nhất. Bacon lại nêu ra ví dụ nói: “Có một số người già tỏ ra rất đáng yêu, bởi vì tác phong của họ lịch sự mà đẹp. Ngạn ngữ La tinh từng nói: “Sắc thu của cuối thu là đẹp nhất”. Còn mặc dù có bạn trẻ có hình dáng đẹp, lại vì thiếu tu dưỡng của cái đẹp nên không xứng đáng được ca ngợi”.

Từ đó ta thấy, vẻ đẹp không chỉ là khuôn mặt xinh xắn, mà còn là quá trình của toàn thể, nó còn là một ranh giới của việc tự giác tu dưỡng. Cho nên, người theo đuổi vẻ đẹp, người thích vẻ đẹp, người khát khao có vẻ đẹp, sẽ tuyệt đối không thể chỉ giới hạn vào việc trang điểm mình, càng cần phải trau dồi tấm lòng và nhân cách đẹp, bồi dưỡng phong độ, hành vi và nói năng đẹp, như vậy mới có thể thực hiện việc theo đuổi cuộc sống tự mong cầu vẻ đẹp.

Cuối cùng Bacon khuyên răn người đời nói giọng nhiệt thành: “Vẻ đẹp cũng giống như hoa quả giữa mùa hạ dễ thối rữa nên khó bảo quản. Trên đời có nhiều người đẹp, họ đã từng có tuổi thanh xuân phóng đãng, lại chịu đựng tuổi già hồ thẹn và ân hận. Vì vậy, cần đem hình dáng đẹp kết hợp với đức hạnh đẹp! Chỉ có như thế, vẻ đẹp mới có thể tỏa ra ánh sáng chân chính”.

17. Tai nghe, mắt quan sát, lòng kiểm tra

Con người không chỉ là sự tồn tại có tính sinh lý, càng phải là một sự tồn tại của văn hóa.

Con người đã dùng hai tay sáng tạo ra vô số vật phẩm, mặc dù chúng là vật của khách quan, nhưng đã hòa tan vào đó thể năng, trí năng và sức sáng tạo của con người, cho nên là vật của văn hóa mà không phải là vật thuần túy tự nhiên. Con người lại sáng tạo ra ngôn ngữ hình thành bởi thói quen của mọi người từ lâu đời, nó lại có thể thoát ly trạng thái thực có cụ thể, tạo dựng nên một thể giới văn hóa thuần túy như văn học, nghệ thuật, tôn giáo v.v...

Con người luôn không ngừng sáng tạo văn hóa, cũng sống trong vòng vây của văn hóa, cái đó cố nhiên là niềm hạnh phúc của đời người, nhưng đôi khi cũng có thể mang lại cái họa của đời người.

Ví như có một số người nói chết thành sống, nói sống thành chết, nói đen thành trắng, nói trắng thành đen v.v... khiến cho trên đời tràn ngập tin đồn nhảm nhí, người ta đôi lúc rất khó phân biệt rõ ràng. Khi người ta tin theo những lời không đúng đắn, chịu sự dẫn dắt của nó đi làm việc gì đó, ắt dẫn đến thất bại. Nhưng nếu người ta nhận được sự chỉ đạo của những lời đúng đắn, lại có thể giành được thành công. Phân biệt rõ ràng được hay không, khoảng cách của kết quả rất lớn, chẳng lẽ người ta lại không cẩn thận ư?

Cho nên, người ta sinh ra ở đời khi nghe được đủ mọi thứ chuyện cần phải dùng con mắt để quan sát rõ ràng, càng cần phải dùng tâm trí để cân nhắc nhiều lần. Chỉ có tai nghe nó, mắt quan sát nó, lòng kiểm tra nó, sau đó mới có thể quyết định những lời họ nói có thật đích xác hay không, có thể trở thành điều dẫn dắt hành vi cuộc sống của mình hay không. Về điều này, người xưa đã có nói rất nhiều kinh nghiệm.

Ngụy vương thời trước Tần rất có tài quản lý đất nước, nội chính trong sáng, các thế lực bên ngoài đều quy phục, thiên hạ thái bình. Ông ta ngồi hưởng phú quý vinh hoa, lâu ngày bèn nảy ra ý định khát khao trường sinh bất lão.

Một hôm, ông gọi một đại thần tin cẩn đến và nói: “Trẫm từng nghe nói, các đạo sĩ nếu trèo lên núi Hoa Sơn, thì có thể trường sinh bất tử. Trong lòng trẫm rất mong muốn mình cũng có thể được như thế!”

Vị đại thần liền ngậy người ra, cân nhắc cẩn thận một lát rồi thưa: “Tâu Đại vương, việc trường sinh bất tử, từ xưa đã không có lẽ này, đây không phải là việc Đại vương nên làm”.

Trong lòng vị đại thần biết rõ, bậc quân vương nếu chìm đắm vào việc thần tiên, theo đuổi việc trường sinh bất tử, ắt sẽ bê trễ chính sự, tiền đồ của đất nước không thể tưởng tượng được, cho nên cố hết sức khuyên can ông.

Ngụy vương vẫn giữ ý kiến của mình: “Trẫm nghe nói đích thực có việc đó”.

Vị đại thần đáp lại: “Thần không hoàn toàn rõ đại vương làm sao nghe được việc này, đại vương tự tai nghe người trường sinh bất tử nói, hay là chỉ nghe lời đồn đại? Nếu như đại vương nghe được chỉ là tin đồn thì khẳng định là không có căn cứ, không đáng tin. Nếu là nghe được chính người trường sinh bất tử từ miệng nói ra, vậy thì người trường sinh bất tử này hiện tại

đang ở đâu?! Người trường sinh bất tử này thật sự hãy còn sống, vậy thì đại vương có thể nhanh chóng đến học tập ông ta, không cần phải chần chừ. Người trường sinh bất tử là giả dối không tồn tại, vậy thì đại vương xin chớ nên đi học, đây cũng là điều không có gì đáng nghi ngờ nữa!”

Ngụy vương vừa nghe cảm thấy có lý. Trẫm đâu có gặp người trường sinh bất tử nào? Rõ ràng chỉ là một tin đồn thôi, xem ra việc trường sinh bất tử này quả thực không thể tin được.

“Việc này coi như thôi không làm nữa”, ông phẩy tay.

Xã hội hiện đại, đặc trưng nổi bật nhất không gì qua việc thông tin hóa. Trong bầu trời đầy rẫy sóng phát thanh truyền hình và sóng thông tin liên lạc truyền đến, trong nhà thì đầy rẫy điện thoại, máy thu hình, con người bị các thông tin bao vây, nội dung quan trọng của cuộc sống lại là lựa chọn thông tin, phân biệt thông tin, thu nhận thông tin. Nhưng đáng tiếc là bên cạnh chúng ta lại thiếu vị đại thần trung thành này của Ngụy vương có thể nêu lên cách nhìn nhận tài giỏi như thế. Chúng ta đều là ngẫu nhiên bị ném vào trong xã hội bùng nổ thông tin này, cho nên chỉ có thể một mình đảm nhận trách nhiệm phân biệt rõ thông tin.

Nếu chúng ta thiết tha mong chờ đường đời trót lọt, chúng ta sẽ phải rất thận trọng tiếp nhận mọi thứ thông tin nghe thấy và nhìn thấy, điều động đầy đủ tất cả mọi phương thức khoa học kỹ thuật có thể để phân biệt nó, vận dụng đầu óc của mình để suy nghĩ về nó, cắt bỏ mọi thông tin giả dối không thực, giữ lại những thông tin thực sự có ích. Cần đặc biệt chú ý là những thông tin dễ kích thích dục vọng cá nhân nhất và biểu hiện ra có thể làm thỏa mãn con người nhất về những việc đang cầu mong, nó thường được thổi phồng rất nhiều, mức độ giả dối rất cao, nó mang sức mạnh có thể thỏa mãn dục vọng của con người, dễ lừa bịp người ta nhất. Lúc này, người ta quyết không nên bị dục vọng trào dâng khống chế, cần phải tĩnh tâm thôi suy nghĩ, gạt bỏ mọi quấy rầy của dục vọng, nghe tin gì cần phải suy nghĩ kỹ ý tứ của tin đó, phân biệt hết sức tỉ mỉ nó, cẩn thận lựa chọn nó. Như thế, mới có thể tránh được bị thông tin đầu độc, hoặc không bị nhầm bởi chuyện tầm phào, làm cho cuộc đời càng thêm thuận lợi như ý.

18. Vào đời và tránh đời

Người ta sinh ra ở đời, phần nhiều đều muốn có chút triển vọng. Hoặc chăm chỉ cầm bút viết lách để tạo ra những tác phẩm lớn, lời văn hay và lời khuyên răn được người đời ca ngợi. Hoặc xếp bút nghiên theo việc binh đao, giáo vàng ngựa sắt tung hoành thiên hạ, trên chiến trường và trong chính trường nhẹ bước thang mây. Hoặc tính toán kỹ lưỡng chăm chỉ kinh doanh, tích tụ khoản tiền tài lớn, trên thương trường như gió xuân phơi phới.

Nhưng văn đàn có nhiều gian nan, thiên hạ có không biết bao nhiêu tài tử tầm chương trích cú

đều không dễ dàng, sao có thể nhàn nhả viết nên những chương hay tác phẩm lớn? Chính đàn lại càng nhiều tai họa, chỉ hơi bất cẩn là nhẹ thì thất bại và mang tiếng xấu, mất quan chức, nặng thì đầu lìa khỏi cổ, giết sạch chín họ. Trên thương trường phần nhiều gian trá, kiếm tiền của người khác là việc khó vào hạng nhất dưới gầm trời tràn ngập những việc lừa gạt lẫn nhau, đâm đá lẫn nhau và không khí chiến trường một mất một còn. Tóm lại là vào đời thực tế là không dễ dàng mà còn nhiều tai nạn.

Thế là, liền có một số người nhìn thấu thế giới hồng trần cuộn cuộn, sợ mọi hiểm ác của văn đàn, quan trường và thương giới, giấu họ giấu tên lánh vào một xó, chỉ cầu ngày ba bữa cơm, chống rét có áo, bất chấp việc đời, không nghe sự biến đổi của thiên hạ.

Những người lánh đời này trong lịch sử Trung Quốc là không bao giờ hết trong sử sách. Thời Xuân Thu, xã hội Trung Quốc trong thời buổi rối loạn. Nhà tư tưởng lớn, nhà chính trị Khổng Tử dẫn học trò của mình chu du các nước, khắp nơi chào hàng phương án Nhân chính lễ trị của ông, ước mong dùng cái đó đem xã hội vô đạo biến thành cõi yên vui của vương đạo.

Một hôm, thầy trò đánh xe rong ruổi trên đường vô cùng vất vả, đến bên bờ một con sông lớn, mọi người đều nhìn quanh bốn phía, không biết có thể qua sông từ đâu. Khổng Tử sai Tử Lộ đi tìm người hỏi thăm bến đò, còn mọi người thì tản mạn ra ngay bên đường để nghỉ ngơi một lát.

Nước sông cuộn cuộn chảy không ngừng, Khổng Tử nhìn chăm chú xuống dòng sông chảy xiết, trong lòng thật là sốt ruột.

Tử Lộ vội vàng ra đi, vừa may mắn gặp được Trường Thư và Kiệt Nịch đang cày bừa trên cánh đồng, Tử Lộ tiến về phía trước cung kính vái chào và hỏi thăm bến đò.

Trường Thư vươn thẳng lưng, nói: “Người đi chiếc xe kia là ai?”. “Là Khổng Khuru”, Tử Lộ nói. “Trường Thư lại hỏi: “Có phải là ông Khổng Khuru của nước Lỗ không?” Tử Lộ nói: “Phải”. Trường Thư lập tức nói: “Ông ta chẳng phải là ông Thánh ư? Từ lâu phải biết bến đò ở chỗ nào chứ?” Nói xong, ông ta cầm đầu cầm cổ tiếp tục cày bừa.

Tử Lộ ngượng hết cả mặt, toàn thân bối rối, đành quay người đi hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch nói: “Ông là ai?”. Tử Lộ thưa: “Tôi là học trò của Khổng Tử, theo thầy bốn ba đi khắp các nước chư hầu, mong xua đuổi bọn tà ác, làm cho thiên hạ thái bình, trăm họ yên ổn làm ăn”.

Kiệt Nịch cười khẩy một tiếng, hỏi: “Những cái xấu xa giống như nước lũ lan tràn khắp nơi, những người như các ông làm sao có thể ngăn chặn nổi? Ông ơi! Làm sao không đi theo chúng tôi, những người tránh cả xã hội, còn hơn đi theo Khổng Tử, người chỉ tránh người xấu?”

Nói xong, Kiệt Nịch lại cũng chăm chỉ làm việc của mình.

Tử Lộ ngăn người ra, không những hỏi không được bến đò ở đâu, trái lại còn bị châm chọc một hồi. Ông hậm hực quay người về báo lại với Khổng Tử.

Khổng Tử nghe xong chẳng hay biết gì cả, rất thất vọng, thở dài một tiếng, nói: “Ta làm sao có thể tránh núi sâu nhập bọn với chim muông? Ta không tiếp xúc với mọi người, còn tiếp xúc với ai đây? Giá như thiên hạ thái bình, ta cũng sẽ không cùng các trò gian khổ đi làm cải cách”.

Triết học nhân sinh của Trường Thụ và Kiệt Nịch là: Thiên hạ này quá lộn xộn, xã hội này quá tồi tệ, dùng sức lực của cá nhân hòng làm thay đổi nó rõ ràng là như kiến rung cây to, đáng cười là không biết lường sức mình. Đã là như thế, việc giữ mình của cá nhân là quan trọng nhất, cho nên phải tránh đời xa người, tự cày cấy tự cấp.

Triết học nhân sinh của Khổng Tử thì không như thế, ông cho rằng: thiên hạ đại loạn, xã hội quá tồi tệ, đang cần mỗi người phải quan tâm đến nó, tìm biện pháp làm thay đổi nó, làm cho thiên hạ trở lại thái bình, xã hội tràn ngập hài hòa. Cho nên, con người không thể trốn tránh hiện thực, cùng nô đùa với chim muông, tự bằng lòng với cuộc sống ảm đạm, mà cần phải phấn đấu có triển vọng, tích cực cứu đời cứu người, thực hiện hoài bão của đời người và lý tưởng của xã hội.

Từ đó ta thấy, quan niệm của người vào đời và người tránh đời hình dáng như nước và lửa, tính cách như băng và than hồng không thể điều hòa. Có lẽ đối với cá nhân để xét, chúng đều là phương thức xử thế có thể dùng để lựa chọn, mấu chốt là ở chỗ cái bạn theo đuổi là gì.

19. “Yêu” là gì?

Từ xưa đến nay, vô số nam nữ theo đuổi yêu và được yêu, đa số người trong họ cũng cảm thấy mình từng yêu hoặc từng bị người khác yêu, từ đó tạo nên vô số chuyện tình yêu trai gái đau khổ triền miên trong biển đời biến hóa thành tình nghĩa tương thân, tương ái, tương trợ trong trần gian rung động lòng người, đương nhiên còn có tình yêu tha thiết và theo đuổi của người ta đối với các sự vật tốt đẹp.

Nhưng nếu hỏi người ta, thế nào gọi là yêu? Yêu là gì? Có lẽ đa số người sẽ cứng lưỡi không thể trả lời được. Bởi vì yêu là một thứ tình cảm, biến đổi khôn lường thuộc sự biến đổi vĩnh viễn. Làm sao có thể nói rõ ràng được? Huống hồ yêu lại là một loại cảm thụ nào đó, người ta chỉ có thể hiểu thấu đáo mọi ý, đem tất cả thân thể và tâm trí để thể nghiệm, căn bản không thể dùng lời lẽ có ý nghĩa cố định nào đó để miêu tả nó một cách chuẩn xác và hoàn chỉnh.

Nhưng như thế, bạn lại sao biết được đã từng yêu thật? Bạn lại làm sao hiểu được đã từng bị yêu? Có lẽ cảm nhận yêu của bạn là huyền ảo, có lẽ việc theo đuổi được yêu của bạn chỉ là nguyện vọng chủ quan. Thế là trên đời đã xuất hiện bao nhiêu chuyện bi thảm do yêu hoặc được yêu dẫn tới, đã tạo nên trên đời si tình khó hoàn mỹ, sinh tử biệt ly, ý hợp tâm đầu lại đập

gậy vào nhau, ghét nhau như kẻ thù lại thường chụm đầu vào nhau...

Cho nên trên chặng đường đời, người ta không chỉ muốn theo đuổi yêu và được yêu, không những muốn cảm thụ yêu và được yêu, còn phải tiến tới làm rõ như thế nào là yêu? Và cuối cùng yêu là gì? Nhà triết học cổ Hy Lạp Plato bấm tính thích truy tìm tận gốc, ví như ông đã tiến hành phân tích tường tận đối với mỹ (cái đẹp) và thiện, cũng tiến hành thăm dò cận kề đối với các đức tính kiềm chế, dũng cảm, tự do và khảng khái. Hôm ấy, trong cái đầu vĩ đại của ông bỗng nhiên nảy ra điều nghi vấn như thế nào là yêu.

Ông suy nghĩ nhiều mà vẫn không được, mới phát giác muốn trả lời vấn đề này thực tế không dễ dàng. Ông thu xếp hành trang, lặn lội đường xa đến tận Maidila xin ý kiến chỉ bảo của người phụ nữ thần bí Theatima vấn đề yêu là gì?

Theatima hai mắt nhấp nhánh ánh sáng của trí tuệ, khuôn mặt gầy đét lộ ra một vẻ thần bí. Bà ta bảo Plato, yêu không phải là như người ta tưởng tượng là một vị thần lớn mạnh hoàn hảo, nó nằm giữa cái đẹp và xấu, thiện và ác, khôn và ngu, nó không phải là “thần”, mà là một con quỷ quái, không đẹp không xấu, không thiện không ác, không thể chết cũng không phải là bất tử....

Yêu của trần gian chẳng phải chính là như thế sao? Trong cái vỏ khoác ngoài của yêu là không có xấu đẹp, trong con mắt người tình đều là người đẹp. Trong lòng dạ của yêu cũng không có thiện ác, chẳng phải là nên yêu thù địch của bạn phải không? Trong tình cảm của yêu cũng không có khôn dại, bất cứ người tư chất khác nhau đều có thể yêu và được yêu.

Cho nên, yêu chỉ là con quỷ nằm giữa thần và người, nó bay bổng không có chỗ nào không hiện diện, không có lúc nào không tồn tại. Nó nối liền người với thần, làm cho trần gian bình thường, thế tục và cuộc sống tỏ ra có chút vô vị khảm lên một chút màu sắc thiêng liêng, làm cho người ta bền bỉ theo đuổi sự vật chân (chân thực), thiện (lương thiện), mỹ (tốt đẹp).

Yêu đương nhiên không thể chết - nó vĩnh viễn tràn ngập trong lòng dạ người ta. Yêu đương nhiên cũng không phải không chết - ngọn lửa tình yêu bỗng nhiên tắt có lẽ mỗi người đều có thể nghiệm.

Yêu vì sao lại có tính cách lạ lùng như thế? Theatima tiếp tục nói với Plato: Yêu, con quỷ này là con của thần nghèo và thần giàu, đã thừa hưởng đặc tính của cha mẹ, ngày nó sinh ra chính là ngày sinh của thần yêu và đẹp Apolodithe (tức Venus), cho nên nó cũng sẽ luôn luôn theo Venus trở thành kẻ yêu và đẹp vĩnh viễn.

Yêu giống như người mẹ - thần nghèo của nó luôn sống trong thiếu thốn, trước sau đều nghèo khổ. Nó thô lỗ, bẩn thỉu, hai chân trần, không nhà không cửa để trở về, xem trời là chần, xem đất là giường, thường gửi thân ở nơi đầu đường góc phố.

Yêu giống như người cha - thần giàu luôn cố hòng tìm những sự vật đẹp và thiện. Nó khỏe mạnh, dũng cảm, mạnh dạn, là một tay săn nổi tiếng, nó áp ủ ngục kẻ, nhay cảm với trí khôn,

học thức uyên bác, suốt đời theo đuổi chân lý, thậm chí đáng sợ giống như phù thủy, thuật sĩ và nhà thông thái.

Theatima đã nói hàng lô những lời như thế, tỏ ra rất mệt mỏi. Hai mắt nhắm lại, tự nói lầm bầm, gần như không còn cảm thấy có Plato đang ngồi bên cạnh lắng nghe nữa.

Plato nhẹ nhàng bước ra khỏi ngôi nhà nhỏ của bà Theatima thần bí, ngược trông lên bầu trời đêm xa xăm đầy đặc các vì sao, hầu như đã hiểu ra được rất nhiều.

Yêu chính là vĩnh viễn thiếu thốn, bởi vì thiếu thốn, nó mới phiêu bạt khắp góc bể chân trời, cố gắng mưu cầu những cái đẹp và thiện, nó trở thành người bạn suốt đời của thần yêu và đẹp Venus.

Cho nên trong sinh mệnh và cuộc sống của loài người nếu có yêu, đó sẽ nhất định phải là thiếu thốn, chính vì thế con người mãi mãi yêu, mãi mãi được yêu, lại mãi mãi không đạt được yêu hoàn toàn, đến điểm cực đỉnh. Điều đó sẽ làm cho con người có mong đợi vĩnh viễn, theo đuổi vĩnh viễn.

Từ đó ta thấy, việc theo đuổi yêu của loài người là một quá trình vô hạn từ không trọn vẹn đến trọn vẹn mà lại mãi mãi không thể giành được trọn vẹn. Đây là số mệnh của con người, cũng là bi kịch cuối cùng của đời người, nhưng cũng chính vì như thế loài người mới bổ sung nguồn động của đời người mãi mãi không dừng, thúc đẩy con người bền bỉ yêu, theo đuổi và đi tới chân, thiện, mỹ vô hạn.

Đây chính là yêu, đây chính là được yêu.

20. “Tù nhân” của cảm tính

Nhà triết học lớn thời cổ Hy Lạp Plato đã đưa ra một ví dụ trong trước tác Bức tranh lý tưởng của ông.

Trên một ngọn núi cao có một cái hang rất sâu, bên trong nhốt một số tù nhân bị giam lâu năm đã quên hết tất cả sự đời. Người họ bị buộc bằng những chiếc xiềng to sụ, đến quay mình một cái cũng không được, phía trước là một vách đá chắn, phía sau lưng có ngọn lửa lớn đang cháy, trên vách đá hiện lên những cái bóng lắt lự bị ánh lửa phản chiếu ở phía trên. Những cái bóng biến dạng đi cùng với các tù nhân đáng thương này trôi qua hết năm này đến năm khác, xuân đi hạ đến, thu tàn đông về, lâu ngày những người tù nhận định rằng những cái bóng này chính là sự vật chân thực trên thế giới. Họ hoàn toàn chìm ngập trong ảo tưởng, thậm chí tự lấy nó làm vui sướng.

Rốt cuộc có một hôm, một người tù thoát khỏi chiếc xiềng sắt trói buộc anh ta, lão đảo lần mò ra cửa hang. ánh mặt trời trên bầu trời chói lọi, non sông một vùng rộng lớn, cây cối chim thú,

tất cả, tất cả đều hiện ra dưới ánh mặt trời đẹp tuyệt trần. Khi người tù này vừa bước ra khỏi cửa hang, ánh mặt trời đã làm mắt anh hoa lên, anh cảm thấy không dễ dàng nhìn rõ được thế giới của sự vật thật này, hầu như còn xa mới bằng nhìn những cái bóng lắt lư trong đèn tối quanh năm. Nhưng một lát sau, trước mắt anh hiện ra: những ngọn núi cao vút tận tầng mây, hiểm trở mà thẳng đứng, con suối nhỏ nước chảy róc rách, trong veo nghe mà nhẹ nhàng khoan khoái, còn người thì được chim chóc khoác trên mình bộ lông màu sắc xinh đẹp hót véo von làm cho vô cùng cảm động. Bầu trời mặt đất của thiên nhiên hiện ra lộng lẫy mà trong sáng. Người tù này đã nhìn thấy rất rõ ràng, dần dần bị kích động, anh liền quay người chạy thẳng vào trong hang, muốn đem tất cả những cái anh phát hiện ra kể lại cho các bạn bị cầm tù năm này qua năm khác nghe.

Mọi người tù đã công anh lên vẫn không thể nhúc nhích được tí nào, họ yên lặng lắng nghe anh kể lại một cách cảm động, tiếp đó cùng ngồi nhìn nhau, đột nhiên nổ ra một trận cười vang dội. Mọi người nói: “Phải chăng mắt anh bị hỏng rồi? Đâu có gì là non sông một vùng rộng lớn, chim thú và cảnh vật, có chăng chính là những cái bóng lắt lư không rõ này ở trước mắt chúng ta!” Mặc cho người tù này rất cố bồng hòng phân giải như thế nào, giảng giải đến sùi bọt mép, họ đều không tin, hơn thế còn xem những lời nói của anh như những lời nói vớ vẩn của một người điên nói.

Plato dùng ví dụ nổi tiếng này muốn nói lên điều gì? Ông cho rằng, trong thế giới thực của vạn sự vạn vật và ngoài nó ra, có một đạo lý của cái thiện giống như mặt trời trong tự nhiên, nó nuôi nấng chăm sóc vạn vật, nó cho người ta chân lý và năng lực nhận thức.

Điều đáng buồn là con người trong hiện thực thường bị dục vọng riêng tư, mê tín và công xiềng vô tri ràng buộc, căn bản không nhìn thấu cảnh tượng giả, cảnh tượng ảo để nắm chắc cảnh tượng thật, cảnh tượng thực.

Càng buồn hơn là khi người ta rơi vào cảnh không biết một tí gì và cảm giác của cơ quan cảm thụ bị lừa vẫn rất thỏa mãn, giống như những người tù trong hang này không tin tình huống chân thực kia.

Hãy nhìn con người trong trần thế, xét lại đường đời của mình một chút, chúng ta cũng có thể phát hiện: chúng ta thường rơi vào trong sự bao vây của sự vật giả dối, chỉ có thời gian qua đi và thất bại mới có thể làm cho chúng ta hơi tỉnh ngộ một chút, nhưng tất cả hầu như lại đã quá muộn rồi. Chúng ta vẫn thường bị sự dẫn dắt nhầm lẫn của cơ quan cảm giác và cảm giác đã làm nhiều việc ngu dốt phạm vào những điều cần tránh, sau đó chúng ta mới phải phì cười vì nó, có thể sẽ buồn rầu chán nản, thậm chí vì nó mà phải mang gông xiềng vào nhà tù, hối lại không kịp.

Vì vậy, trên đường đời dài dằng dặc, chúng ta phải làm nổi rõ tác dụng của tư tưởng và lý tính, bởi vì chỉ có nó mới làm cho người ta quý vạn vật của tự nhiên, khiến cho người ta thoát ra khỏi động vật để trở thành người. Chúng ta phải dùng ngọn kiếm tư tưởng chọc thẳng vào sự vật giả dối giống như chúng ta xem xét tỉ mỉ và suy nghĩ cân nhắc lập đi lập lại những hàng hóa

giả và kém. Chúng ta phải dùng trí tuệ của lý tính để thống lĩnh cảm giác của mình, không bị mọi kích thích bên ngoài và bỗng bột tự nhiên khống chế giống như chúng ta vì bảo vệ thân thể đã bị tổn hại mà chừa bỏ các thói xấu hút hít ma túy và tham chén rượu chè.

Đời người, chỉ có dưới sự soi chiếu của ánh sáng tư tưởng và lý tính, mới có thể thông suốt trôi chảy.

21. Gian nan khốn khổ và yên vui

Nói chung người ta đều thích yên vui ghét khốn khổ. Có sơn hào hải vị, nhất định sẽ không muốn lại ăn cơm nước sơ sài. Có lụa là gấm vóc không thể lại mặc vải thô. Mọi người khát khao tiền đồ thuận lợi trôi chảy, mọi người đều sợ số mệnh gian nan ngoắt ngoéo. Từ đó dễ dàng trông thấy nguyên nhân bên trong của việc các tín đồ đến và thấp hương đông đúc đến như thế ở trong các đền chùa miếu mạo: mọi người cầu khẩn thần lực trong cõi âm cung giúp đỡ mình tránh được vận đen, cầu được mọi điều hạnh phúc của cuộc đời.

Nhưng hãy giở qua sử sách lại một chút, thì có thể phát hiện: con người trong chốn yên vui thường hay nản chí, say mê với việc hưởng thụ tiêu tan năng lực của mình, do đó trong xã hội thường vấp phải trắc trở, số phận không may. Còn sinh ra trong gian nan khốn khổ, nguy cơ dồn dập xung quanh bốn phía sẽ khiến cho ý chí người ta càng thêm kiên định phần chấn, tai nạn chông chát có thể dẫn đến việc phát huy năng lực ý chí của con người vượt hơn hẳn bình thường, do đó ngược lại sẽ thu được thành công lớn trong đời.

Nhà hiền triết cổ Trung Quốc đã nêu lên nhiều ví dụ để thuyết minh điểm này đối với các học trò của ông.

Thuấn là một ông vua nổi tiếng thời cổ của Trung Quốc. Ông đã từng ở trong núi sâu, dáng tựa người rừng làm bạn với dã thú. Nhưng ông lại có thể phấn đấu ở nơi sơn dã, hoàn thành sự nghiệp lớn.

Phó Thuyết, xuất thân nghèo hèn, để sống qua ngày đoạn tháng đã lưu lạc đến vùng hiểm yếu, dựa vào việc giã đất trong ván ghép làm tường để sống. Về sau vua nhà Thương là Vũ Đinh chọn làm Tế tướng, giúp vua Thương bên trong thì chấn chỉnh triều chính, bên ngoài thì chống giặc dã cướp phá, nhân ái đối với trăm họ, phát triển sản xuất, trở thành Tế tướng nổi tiếng một thời.

Lịch là hiền sĩ thời Ân. Thời Trụ vương ông ẩn cư trong dân gian, dựa vào việc buôn bán cá và muối để sống qua ngày. Chu Văn vương tìm kiếm người tài hiền khắp nơi, sử dụng ông làm đại thần. Trên vũ đài chính trị, ông đã thể hiện đầy đủ tài năng kiệt xuất.

Quản Di Ngô đã từng bị cầm tù, tính mệnh nguy cấp đến nơi. Về sau được người bạn tốt là Bão Thúc Nha tiến cử, được Tề Hoàn công dùng làm Tướng quốc đã lập nên công lớn. Tôn Thúc Ngao ẩn cư ở nơi bãi biển, Sở Trang vương phải mất nhiều công sức mới tìm được ông, bổ làm Lệnh doãn, đã lập nên sự nghiệp.

Bách Lý Hề, sống trong gia đình nghèo khổ dày vò đành phải bán mình làm người ở, giúp người ta chăm sóc trâu, về sau được Tần Mục công cử làm Đại phu, thanh danh hiển hách.

Bất kể là Thuấn, Phó Thuyết, Lịch hay là Tôn Thúc Ngao, Bách Lý Hề, họ sinh ra từ những vùng khác nhau, sự từng trải khác nhau, hoàn thành sự nghiệp cũng khác nhau, nhưng có một chỗ chung đều là sinh ra trong hoạn nạn khốn khó, hoàn cảnh hết sức gian khổ, cuộc sống đặc biệt khó khăn, nhưng về sau một khi thời vận đến liền trở hết tài năng hoàn thành sự nghiệp lớn.

Mạnh Tử tổng kết nói với các học trò của ông đang chăm chú lắng nghe: Nếu Trời muốn đem sứ mệnh quan trọng giao phó cho người nào đó, nhất định phải dùng những sự việc gian nan, hoàn cảnh khốn khổ nào đó để làm khổ não ý chí của anh ta, rèn luyện gân cốt của anh ta, làm lép cái dạ dày của anh ta, làm cùng khổ thân thể của anh ta, khiến cho mỗi một hành vi của anh ta luôn không được như ý. Trời làm như thế chính là để khiến cho ý chí của anh ta vươn lên, tính tình kiên nhẫn để làm tăng tài cán của anh ta.

Hoàn cảnh gian nan khốn khó phải chăng xuất phát từ sự sắp đặt của ý Trời, điều này thật khó nói. Nhưng, người ta trong cuộc đời nếu như xem hoạn nạn gặp phải, bước quanh co khúc khuỷu trên đường đi, buồn lo cảm nhận được là sự thử thách của xã hội và thiên nhiên đối với thân thể, tinh thần và ý chí của mình, thế thì sẽ có thể tăng thêm lòng tin và nghị lực tự chiến thắng khó khăn rất nhiều, đồng thời chuyển những khó khăn này thành cơ chế nâng năng lực của mình lên, như thế sẽ đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển, phát đạt lớn tương lai của mình.

Mạnh Tử tiếp tục đỉnh đạc nói: Một người thường mắc sai lầm, mới có thể sửa chữa nó; một người trong lòng cảm thấy khổ cực, suy nghĩ bế tắc, mới có thể hăng hái sáng tạo; một người trong cảnh khó khăn dấn vật, mặt mày tiều tụy, hăm hở cất lời ca bi tráng, mới có thể được mọi người hiểu.

Đời người như thế, còn việc đất nước tồn vong sao có thể ngoại lệ được? Mạnh Tử nói: một quốc gia, bên trong không có đại thần có khuôn phép và tài giỏi, bên ngoài không có sự xâm lấn do nước thù địch chống đối gây nên, thường dễ diệt vong.

Do đó, kết luận của Mạnh Tử là: buồn lo hoạn nạn thường làm cho người ta có thể sinh tồn, an nhàn vui vẻ làm cho người gục ngã.

Sống trong hoạn nạn gian khó mà chết trong yên vui, câu danh ngôn này trong lịch sử đã trở thành lời răn của vô số chí sĩ yêu nước thương dân tự khuyên nhủ. Nó vạch ra triết lý của cuộc sống là: Khó khăn gian khổ trong đời người là không thể tránh khỏi, người ta không nên bi quan thất vọng, không hoảng hốt chán nản, không oán trời trách người, mà nên nghĩ rằng chịu đựng, chịu khó cố gắng để làm thay đổi hoàn cảnh gian nan một cách kiên trì mãi mãi, từ

đó tâm trí năng lực được rèn luyện, thân thể và ý chí được cọ xát, cuối cùng thì phần khởi thoát khỏi cảnh khó khăn của cuộc sống, nhảy vào một giới hạn mới của sự sinh tồn, tấu vang lên khúc nhạc huy hoàng của cuộc đời, giành lấy thành công lớn của cuộc đời. Còn chìm ngập trong an nhàn, không có bất cứ sức ép bên trong hoặc bên ngoài nào, không có việc phải lo nghĩ, không gặp đường đi ngoắt ngoéo, ý chí của con người sẽ có thể tiêu tan, tài năng của con người sẽ dần dần khô héo, cuối cùng trở thành kẻ thất bại trong quá trình sống.

Người ta nên phải luôn suy ngẫm cái lý sống trong gian nan khổ chết trong yên vui, lấy nó để xử lý mọi việc thì trăm sự đều thuận lợi.

22. Chí của Tăng Điểm

Ngày nay, nếu bước vào Miếu Khổng tường hồng ngói xanh biếc ở khắp mọi nơi, bạn có lẽ sẽ rất kính cẩn trước tượng Khổng Tử đứng ngay ngắn ở chính giữa, râu dài rủ xuống, dáng điệu đàng hoàng. Ông được người ta gọi là Chí Thánh Tiên sư, hàng năm đều được cúng lễ bằng hương hoa, hoa quả và những ngọn nến đỏ.

Dân chúng thời xưa thông thường đi lễ cúng bái là: Trời, đất, vua, cha mẹ, thầy học. Trời đất là cái gốc, cái nền của sinh tồn, đương nhiên phải kính cẩn. Vua, cha mẹ là nguồn gốc sinh ra sinh mệnh con người, là định ra xã hội, cho nên cũng nên kính cẩn. Thánh sư là người sáng lập ra khuôn phép, đạo đức, lễ nghi trên đời, không có nó thì người sẽ không thành người, do đó càng nên kính cẩn.

Kính trọng rồi lễ bái, Khổng Tử được lý tưởng hóa thành Thần thánh ngày càng huyền diệu, ngày càng hoàn mỹ, đây thực tế là việc tạo thần để lại ảnh hưởng xấu cho người. Khổng Tử trong thực tế là người bình dị gần người, có xương có da. Mặc dù mình là bậc thầy nhưng trước nay không hề tỏ vẻ kiêu ngạo, ngược lại bình đẳng đối thoại, giảng dạy những đạo lý của đời người thực thường ngày với học trò.

Một hôm, gió êm nắng đẹp, trong giảng đường Khổng Tử ngồi trên, các đệ tử gồm Tăng Triết, Tử Lộ, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa ngồi hầu ở bên.

Khổng Tử nói: “Ta tuổi tác đã cao không thể thực hiện hoài bão ở trên chính đàn. Các trò hàng ngày nhàn rỗi thường có những lời phàn nàn nói là không có ai mời các trò, giá như thật sự có người mời các trò ra nắm quyền, các trò sẽ làm thế nào?”

Tử Lộ lòng ngay dạ thẳng nhanh mồm nhanh miệng nói: Dù cho là nước nhỏ nằm kẹp giữa các nước lớn, bên ngoài có họa xâm lược, bên trong có nguy cơ đói kém, nếu để cho học trò đi quản lý, thì ba năm sẽ có thể làm cho mọi người đều có dũng khí, hiểu rõ được các đạo lý làm người,

toàn bộ tình hình sẽ có thể đổi mới nhiều.

Khổng Tử mỉm cười, chẳng nói gì cả. Quay người lại hỏi: Nhiễm Cầu (Hữu), chí hướng của trò thế nào?

Nhiễm Cầu chần chừ một lát, đáp: “Học trò có thể quản lý một nước nhỏ rất tốt, mất thời gian ba năm làm cho mọi người đều giàu có lên, nhưng muốn đạt được chế độ làm sáng tỏ lễ nhạc, thế thì vẫn phải mời người tài giỏi khác nữa”.

Khổng Tử lại hỏi Công Tây xích (Hoa). Ông nói: “Học trò không có bản lĩnh gì, chỉ muốn khi tế tự và thết đãi khách khứa, làm một chức quan nhỏ chủ trì nghi lễ, cũng đã hài lòng lắm rồi”.

“Tăng Điểm (Triết)! Anh có ý nghĩ gì?” Khổng Tử hỏi.

Lúc này Tăng Điểm đang đàn một bản nhạc vừa đến âm cuối cùng liền đặt đàn xuống nghe cách một tiếng, ung dung, tự nhiên lễ phép đứng dậy nói: “Chí hướng của học trò không giống ba người họ!

Hết sức mới lạ, mọi người đều kính cẩn lắng nghe.

Tăng Triết chậm rãi nói: “Vào tháng ba cuối xuân, trăm hoa đua nở, liễu xanh rủ bóng, ăn mặc bộ đồ mùa xuân nhẹ nhàng tung bay, dẫn năm sáu người lớn, theo sau sáu bảy tiểu đồng, tùy ý tán hươu tán vượn, dung dăng cùng đi thẳng tới sông Nghi tắm trong sóng xanh biếc, rồi trèo lên Vũ Vu đài hóng gió xuân thoáng mát, cuối cùng trên đường về cất lên lời ca tiếng hát vui vẻ”.

Khổng Tử thở dài một tiếng, nói: “Chí hướng của ta là nhất trí với Tăng Điểm đấy!”

Khổng tử lúc này hầu như hoàn toàn không có hình tượng nhà chính trị oai phong凛冽 và tỏ rõ sức học có sẵn trong đầu trên chính trường, cũng không có gò bó của nhà đạo đức ăn mặc phải hết sức sạch sẽ, nói năng và cử chỉ phải cẩn trọng, tình cảm biểu lộ ra ngoài phải hết sức nghiêm túc và thận trọng, mà đã trở nên một người đi chơi ngoài đồng nội trong tiết Thanh minh, đi đứng tùy tiện, lãng mạn khoan khoái.

Đời người chính phải nên như vậy, mặc dù đời sống chính trị, đời sống đạo đức là bộ phận cấu thành quan trọng của đời người, nhưng xét cho cùng nó không phải là toàn bộ cuộc đời. Nhiều người mơ tưởng trở thành quan trọng của đời người, nhưng xét cho cùng nó không phải là toàn bộ cuộc đời. Nhiều người mơ tưởng trở thành nhà chính trị lớn, tay nắm trọng quyền, muôn người phải cúi đầu, ý chí của cá nhân thông qua sức mạnh phân phối nguồn tài nguyên mà có thể hiện thực hóa, việc này chẳng lẽ không phải là việc thực hiện lớn nhất giá trị đời người của cá nhân hay sao? Nhưng tính ác nghiệt và biến đổi khôn lường của chính trị thường làm cho người ta biến thành con người không có tình cảm, thậm chí mất cả tính người.

Đời sống đạo đức cũng là giới hạn thiên mỹ mà người ta hướng tới, nó làm cho con người có khuôn phép, làm cho xã hội sẽ an ninh, làm cho giữa người với người hài hòa, đời người đích

thực cần đạo đức. Nhưng khuôn phép quá nhiều, đạo đức quá nghiêm, cũng có thể làm cho người ta trở thành tượng gỗ, trở thành vật dị hóa của chế độ lễ nghi, mất đi vẻ ngây thơ chất phác của con người.

Khổng Tử là một nhà chính trị, lại là một mẫu mực của đạo đức, nhưng Ngài hiểu cuộc sống. Khéo đem lĩnh vực đời sống của mình mở rộng ra, kéo dài đường đời, chí của Tăng Điểm chính là điều hướng tới của Ngài. Ngài khát khao giữa chốn tự nhiên trời đất thưởng thức tỉ mỉ sức sống dạt dào của vạn vật, dùng biểu lộ tự nhiên tình ý của mình phối hợp với cảnh đẹp cuối xuân, trong quá trình đời người dồn hết tính tình chân thực của con người làm cho cuộc sống chứa chan hòa thuận và vui vẻ.

23. Chết là trạng thái ngủ không có mộng

Vật lý hiện đại có một thuyết gọi là Lỗ đen, là chỉ trong vũ trụ thiên thể tồn tại một loại vật chất từ trường, đó là một loại thiên thể khối lượng lớn rất chặt do sức hút lớn của bản thân thiên thể co cụm lại với nhau gây nên, trong đó có thiên thể vẫn cứ co cụm tiếp tục, trong điều kiện nhất định, tất cả mọi bức xạ đều sẽ vì chịu tác dụng của lực hút lớn mạnh của bề mặt nên không thể bứt khỏi thiên thể, mà bất cứ sự quan sát nào của loài người lại đều phải nhờ bức xạ, cho nên loại thiên thể này cũng sẽ thành Lỗ đen không nhìn thấy.

Tử vong sẽ giống như Lỗ đen, người ta không có cách gì cảm nhận được, thế giới sau khi chết, loài người cũng nhìn không thấy, sờ không được. Người ta sống, đương nhiên không biết chết. Người sau khi chết lại không tài nào nói được, cho nên chết đối với con người để xét là một Lỗ đen lớn không biết được sự huyền bí của nó. Nói cách khác, chết là sự mất hết tất cả mọi cảm giác, tri giác, tư duy của người, là toàn bộ thế giới của con người đều ẩn đi. Người ta không thể nói những lời xác đáng, lời thực có bằng chứng đối với việc chết, chỉ có thể nêu lên đối với việc chết mọi dự đoán, suy luận ra mọi trạng thái của việc chết và thế giới sau khi chết, đồng thời kèm theo rất nhiều hư cấu.

Có người cho rằng, thế giới sau khi chết chia làm hai = trên là Thiên đường, những người vào trong đó có thể sống cuộc sống vui vẻ hạnh phúc mà người trên đời không dám nghĩ tới; dưới là Địa ngục trong đó có các hình phạt khủng bố đến cực độ như rừng đao, biển lửa, vạc dầu, người vào trong đó sẽ căn cứ vào các tội đã mắc phải khi họ sống lần lượt chịu các trừng phạt tương ứng. Thuyết Thiên đường, Địa ngục này kỳ thực tạo ra là để làm cho những người đang sống càng thêm có khuôn khổ, không làm những việc xấu. Đương nhiên căn bản không có cách gì được chứng thực, nhưng lại có tác dụng làm cho đông đảo chúng sinh thành thật hơn.

Vậy thì nhà triết học Socrates được tôn vinh là người có trí tuệ nhất thời cổ Hy Lạp có cách nhận xét như thế nào đối với sự chết?

Hồi đó có một nhà chính trị, một nhà thơ bi kịch và một nhà tu từ học kiện Socrates tại tòa án đã nêu lên ba tội trạng: nghiên cứu thiên văn; làm hư hỏng thanh niên, không tôn kính thần cả nước tôn kính, mà lại tin thờ vị thần mới.

Khi bào chữa, Socrates gọi mình là con ruồi trâu thần ban tặng cho Aten (Athenae). Quốc gia này giống như một con gia súc vĩ đại giàu có, bởi vì quá to lớn nên hành động chậm chạp; mà nhiệm vụ của ông - con ruồi trâu này là không ngừng kích thích nó, làm cho nó hoạt động mạnh lên. Công khai tuyên bố trách nhiệm của mình kích thích người khác và quốc gia như thế, đương nhiên làm mất lòng nhiều người.

Ông già hơn bảy mươi tuổi này trước phiên tòa đã cất cao đầu trí tuệ và cao quý tiếp tục nói đối với 501 viên hội thẩm và nhiều người đứng xem xung quanh: “Các ông có thể thả tôi hoặc không thả tôi, nhưng bất kể các ông làm như thế nào, đều phải hiểu rằng tôi quyết không thể thay đổi hành động của mình, dù cho tôi phải chết đến bao nhiêu lần đi nữa, cũng không thể thay đổi”.

Socrates tin tưởng thể xác của con người có thể chết, còn linh hồn thì bất diệt, do đó người ta sinh có vô số lần, chết (tử) cũng có vô số lần, trước mắt cái chết này liệu đã thấm vào đâu? Mấu chốt là ở chỗ giữ vững niềm tin và theo đuổi của mình cùng với nhân cách và tôn nghiêm của mình.

Thái độ ngạo mạn như thế, tự nhiên đã làm cho các viên hội thẩm nổi giận, kết quả biểu quyết là 281 phiếu/220 phiếu phán là có tội. Căn cứ pháp luật của Aten hồi đó nguyên cáo và bị cáo có thể đưa ra một loại hình phạt cho mình, sau đó sẽ do tòa án phán quyết cuối cùng. Ba người nguyên cáo nêu lên nên phán Socrates tử hình. Còn ông già đầu tóc bạc phơ này thì tuyên bố, ông vì hạnh phúc của nhân dân Aten và sự an ninh giàu mạnh của quốc gia một đời bôn ba, liêm khiết, việc thích hợp nhất không phải là trừng phạt ông, mà là phải dùng việc hưởng thụ ăn miễn phí suốt đời do Quốc gia cung cấp tại phòng ăn mái tròn để đền đáp ông. Nếu không như thế muốn phạt tiền, ông chỉ trả một đồng bạc ming-na. Về sau, nhờ có các bạn ông như Plato và Kliton khuyên bảo đủ cách mới nhận phạt 30 đồng ming-na.

Viên thẩm phán bị những lời nói mang ý chế giễu của Socrates làm nổi cáu, phán quyết ông tử hình.

Cả phòng lớn chốc lát trở nên im lặng như tờ, những kẻ phỉ báng Socrates đang đứng xem với vẻ hý hứng khi thấy người khác gặp nạn, hy vọng có thể nhìn thấy dáng vẻ ông dũng khí đột nhiên biến mất và hoảng hốt lo sợ. Bạn bè, học trò của ông và cả những người mến mộ ông thì nước mắt lưng tròng, có người khóc không thành tiếng.

Nhưng thấy Socrates vẫn ngẩng đầu không nao núng, lớn tiếng nói: “Chết không phải việc gì xấu, bởi vì chết sẽ giống như đi vào trạng thái ngủ không có mộng, tất cả mọi cảm giác đều chấm dứt, việc này không được xem là tổn thất gì cả. Bằng không thì chết chính là đi vào nơi

cùng tụ tập với những người đã chết trước kia. Các nhà thơ, anh hùng và nhà triết học thời xưa đều ở đó, tôi chuẩn bị trao đổi, tranh luận với họ, nên là việc tốt đẹp đáng quý biết bao nhiêu!... Người tốt bất kể là khi sống hoặc sau khi chết, đều không có gì có thể làm hại họ, thần vẫn luôn quan tâm đến họ. Đối với tôi lúc này chết đi, thoát khỏi được nỗi mệt mỏi của thế tục, cũng là việc tốt. Tôi không căm ghét những người tố cáo tôi và phán tôi tử hình, song họ rắc tâm hại tôi, cho nên họ ắt sẽ bị khiển trách”.

Ông đã nói một thôi một hồi khiến cho kẻ thù của ông hết sức xấu hổ, còn bạn bè của ông thì cảm hân nước mắt, tinh thần phấn chấn hẳn lên.

Cuối cùng Socrates chỉ vào viên thẩm phán nói: “Giờ chia tay đã đến rồi, tôi đi chết đây, các ông đi mà sống, ai đi đường tốt, chỉ có thần biết”.

Nói xong, ông quay người lại, ung dung bước ra khỏi phòng lớn, đi về nhà giam.

Thời gian chấp hành án tử hình vì công việc tế lễ nên kéo chậm lại một tháng. Các bạn bè và học trò của Socrates nắm vững thời cơ vạch ra một kế hoạch vượt ngục hoàn toàn có thể thành công. Sau khi Socrates biết được liền kiên quyết từ chối không trốn, ông cho rằng, mặc dù mình bị phán xử không công bằng, nhưng vì giữ gìn tôn nghiêm pháp luật của quốc gia, ông vẫn nên đi chết mà không nên đi sống.

Hôm ấy, lính canh ngục mang đến một cốc rượu chứa thuốc độc, Socrates không hề thay đổi sắc mặt, tim không hồi hộp đón lấy cốc rượu uống một hơi cạn. Nhiều người đều che mặt khóc. Socrates nói: “Các bạn làm sao đấy? Chính là để tránh cảnh tượng thê thảm tôi mới tìm cách xua đuổi người nhà đi trước. Chúng ta đều nên coi thường nguy hiểm, xem cái chết như không”.

Dưới ánh mắt chăm chú của nhiều người, Socrates từ từ bước chậm rãi, không bao lâu cảm thấy hai mắt tê dại, thế là ngửa mặt nằm trên chiếc giường, lấy chăn che kín mặt lại.

Lính canh ngục bước tới sờ vào người Socrates cảm thấy đã trở nên lạnh ngắt, đang chuẩn bị tuyên bố ông đã chết, Socrates bỗng nhiên lại từ dưới cái chăn lộ mặt ra nói: “Kliton, ông lại đây, tôi đã từng hứa trả lễ một con gà trống cho Kleypius. Hãy thay tôi hoàn thành, xin đừng quên đấy!” Kleypius nén nỗi đau buồn trả lời: “Điều đó nhất định rồi, ông còn dặn dò điều gì nữa không?”

Im lặng không một tiếng động, nhà triết học nổi tiếng một thời cuối cùng đã ra đi. Khuôn mặt của ông đã bước vào trạng thái ngủ không có mộng như thật, một nét cười trên môi lại giống như ông đi vào thiên đường lộng lẫy, đi tiếp tục những lời đối thoại tràn đầy khả năng nhìn thấy tương lai xa xôi với những vĩ nhân đã tạ thế trước kia.

Socrates hoàn toàn có thể tránh được cái chết, nếu như ông trước khi phán xét đã bỏ trốn, nếu như ông không tỏ ra ngạo mạn trước tòa án, nếu như ông có thể nghe theo sự sắp đặt của bạn bè. Nhưng ông cuối cùng đã chọn cái chết vứt bỏ sự sống, đó là vì sao?

Bởi vì Socrates xem trách nhiệm của mình và sự tôn nghiêm có giá trị hơn sống tiếp, xem sự ổn định của xã hội và quốc gia so với sự sinh tồn của cá nhân còn quan trọng hơn, cho nên ông đã từ bỏ sinh mạng chọn cái chết. Ngoài ra, ông miêu tả cái chết như là trạng thái ngủ không có mộng, cảm thấy sau khi chết có thể cùng trao đổi với những người xưa có trí tuệ, do đó ông đã giành được một sức mạnh không biết sợ, xem cái chết như không, có thể từ chối sự ham sống không chút sợ hãi để chọn lấy cái chết.

Đây chính là sức mạnh của quan niệm. Mặc dù chết là một lỗ đen không đáy, không thể biết được, ánh sáng trí tuệ của loài người lại đủ để soi chiếu thấu qua nó, đồng thời vượt qua nó.

Chương Hai

Phân tích nội dung đời người

Đời người bao gồm tất cả đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đời sống xã hội của con người, có thể nói phức tạp vô cùng, khó mà nắm bắt, càng khó điều khiển. Nhưng người ta lại cần phải thâm nhập vào bề sâu của nó, nhìn thấu những tiềm tàng bên trong của nó, làm rõ các mối manh của nó, khống chế sự phát triển của nó. Không như thế, người ta sẽ không thể thành người, đời người sẽ rơi vào bị động và tùy tiện, hạnh phúc và sự đầm ấm của đời người không biết bắt đầu nói từ đâu.

Từ đó ta thấy, sự phức tạp khó lường của đời người càng nổi lên tính quan trọng của việc tự kiểm điểm hành vi của mình. Còn người ta bền bỉ theo đuổi hạnh phúc và thành công lại nổi bật lên tính bức thiết phải nắm chắc đời người.

Mỗi con người trong hiện thực đều cần phải cố gắng xây dựng quan niệm và mục tiêu trong đời người, từ đó nảy sinh nguồn động lực nhân sinh to lớn, đồng thời nắm vững mọi cách đối nhân xử thế, cố gắng khắc phục mọi khó khăn trở ngại trên đường đời, vững vàng phấn đấu không ngừng tới mục tiêu đã định.

Có lẽ chúng ta có thể thất bại, có thể gặp trắc trở, nhưng trong quá trình sống ngắn ngủi, chúng ta đã cố gắng, đã phấn đấu, thế đã đủ rồi. Đương nhiên chúng ta cũng có thể giành được thành công và thắng lợi, thế thì chúng ta sẽ có thể thưởng thức niềm vui lớn trong đời người, hưởng thụ hạnh phúc lớn lao của đời người.

Đời người chính là triển khai như thế. Nội dung phong phú của nó diễn biến thành vô số khả năng cung cấp cho người ta sự chọn lựa, phân biệt và thêm bớt.

Thành công của đời người vĩnh viễn thuộc về những người mong muốn và luôn luôn cần mẫn

tìm tòi. Hạnh phúc của đời người cũng mãi mãi chỉ có thể đến với những người cố gắng phấn đấu, bền bỉ bất khuất.

Đây là quy luật không thể thay đổi của đời người, cũng là nội dung chủ yếu của chương này muốn giới thiệu với bạn đọc.

1. Sức hấp dẫn của quan niệm đời người

Từ xưa đến nay, nhiều người thông minh thường tranh luận vấn đề người là gì. Các nhà hiền triết Trung Quốc nói: Người là động vật có tính thiện, sự khác biệt của họ với động vật là ở chỗ có lòng đồng tình nhân ái. Các nhà triết học phương Tây thì cho rằng, người là động vật có ham muốn riêng, người ta đem hết sức mình theo đuổi sự thỏa mãn ham muốn vật chất, tệ hại này cần phải dùng quy định của xã hội để khống chế chặt chẽ.

Nhưng chỉ cần quan sát tỉ mỉ trong thế gian: nói tính người là thiện, nhưng người tàn nhẫn trên đời vẫn đếm không xuể, đã làm những việc xấu khó mà hình dung nổi. Nếu nói tính người là ác, trên đời này lại có biết bao nhiêu việc của những người nhân ái sưởi ấm lòng người và làm cho người ta cảm động. Do đó nói tính người là thiện, nói tính người là ác đều không đủ làm người ta tin phục. Nhưng nếu khẳng định người là động vật có ngôn ngữ, người là động vật có tinh thần có lý tính, e rằng sẽ không thể có người đưa ra ý kiến khác được.

Trên đời có vô vàn sự vật, động vật gần giống với người cũng có nhiều loại, nhưng đích thực không có loại động vật nào có thể có ký hiệu ngôn ngữ có thể trao đổi tư tưởng tình cảm, có thể giới tinh thần vô cùng sâu xa, có tư duy lý tính chặt chẽ như người.

Những thứ ngôn ngữ, tinh thần và lý tính con người vốn có này đã cho sự sinh tồn và cuộc sống của loại người khả năng vô cùng tận, làm cho xã hội ngày càng tiến bộ, làm cho đời người ngày càng phong phú. Vì sao chúng có thể sinh ra tác dụng như thế? Chủ yếu vì ngôn ngữ, tinh thần và lý tính của con người có thể tạo ra cho loài người một quan niệm về tinh thần nào đó, từ đó loài người giành được mục tiêu và động lực không ngừng nâng mình lên, không ngừng phát triển xã hội.

Vì thế, quan niệm là cái cơ bản loài người được phát triển, cũng là cơ sở của đời người tiến tới không ngừng hoàn thiện. Một người không có quan niệm, đời sống của họ sẽ không có giá trị xác nhận, không biết trạng thái sinh tồn tốt xấu hay dở, cũng sẽ không có cách nào sinh ra sự xóc nổi và cố gắng làm thay đổi trạng thái cũ. Loài người nếu không có quan niệm, cả xã hội sẽ bị đình trệ không tiến lên được, bởi vì phương hướng không rõ ràng, động lực thiếu.

Từ đó ta thấy, quan niệm đối với cá nhân, đối với xã hội là hết sức quan trọng, cho đến thế kỷ 18 nhà tư tưởng khai mông nổi tiếng Pháp Von-te (Voltaire), một mặt kiên quyết phản đối

thuyết thần học của Thiên chúa giáo và sự mông muội của tôn giáo, mặt khác thì kêu gọi: “Dù cho không có Thượng đế, cũng cần phải phịa ra một Thượng đế!”

Vì sao vậy? Vonte cho rằng, dẫu là quan niệm Thượng đế là giả thiết đưa ra, đối với con người cũng có một công năng ràng buộc của đạo đức. Khi người đời hoàn toàn mất hết sự tín ngưỡng đối với Thượng đế, cảm thấy không có bất cứ sức mạnh siêu nhân trừng phạt để răn đe nào tồn tại, sẽ có thể phóng túng mình, không từ một việc kiêu kỳ nào, không từ một việc xấu xa nào, ắt sẽ đưa xã hội rơi vào trong hỗn loạn, ắt sẽ đưa đời người vào trong đau khổ.

Vonte đã viết, nếu một người theo thuyết vô thần nào đó quản lý một nông trang, mà các nông nô trong nông trang lại đều tin theo thuyết vô thần, thì nông trang đó nhất định quản lý không tốt. Vì vậy, một Thượng đế thiêng liêng, có thể thưởng thiện phạt ác giữ lại trong lòng người ta, nhất định có thể sinh ra sức mạnh có quy mô lớn mạnh, khiến người ta không dám làm các việc ác, mà việc thiện thì tranh nhau làm, xã hội và đời người cũng đều chứa chan hài hòa và hạnh phúc.

Vonte nói một cách dí dỏm: “Tôi hy vọng người cung ứng của tôi, người thợ may của tôi, người nô bộc của tôi, người vợ của tôi đều tín ngưỡng Thượng đế. Tôi nghĩ, như thế sẽ rất ít có người đến cướp đoạt tài sản của tôi và chụp chiếc mũ xanh lên đầu tôi”.

Những lời nói khôi hài này kỳ thực chính là nói lên tính quan trọng của quan niệm đối với xã hội và loài người. Về bản chất, Thượng đế không thể là vật tồn tại thực thể nào đó, đây là sự thực nhiều nhà thần học cũng thừa nhận. Thượng đế chỉ có thể là đối tượng tín ngưỡng của người, mà không phải là đối tượng thực có thể chứng minh. Là một quan niệm tập hợp chân, thiện, mỹ lại thành một thể, nó có tác dụng là nguồn gốc giá trị của đạo đức, đem cho những người chịu khổ chịu nạn nguồn an ủi tinh thần, làm cho người ta bằng lòng mà cố gắng đi tìm cái chân, theo đuổi cái thiện và giành được cái mỹ. Thượng đế đến đây đã trở thành mục tiêu cuối cùng của đời người theo đuổi, cho cuộc đời của các tín đồ Cơ đốc giáo nguồn động lực lớn mạnh. Đây là sức mạnh của Thượng đế, trên thực chất cũng chính là sức mạnh của quan niệm.

Con người, trong một đời có thể thiếu cái này cái khác, thế nào cũng rơi vào trạng thái vĩnh viễn thiếu thốn, nhưng cái duy nhất không thể thiếu, không thể xa rời một ngày là quan niệm cao cả nào đó. Không có nó, đời người sẽ rơi vào trong cảnh mịt mù không biết tí gì, đời người cũng không có khả năng cải thiện nâng lên. Nếu như có nó, liền làm cho đời người tỏa ra ánh sáng, mọi trạng thái tinh thần đều có tiêu chuẩn đánh giá tốt xấu hay dở về giá trị, do đó đời người liền có phương hướng và động lực phấn khởi đi lên và không ngừng phát triển.

Cho nên, người ta phải có quan niệm, đời người cần phải có quan niệm.

2. Tiến lui trong dòng đời chảy gấp

Cuộc sống giống như một dòng sông lớn mênh mông, đời người lại như ngồi trên một chiếc thuyền nhỏ chạy trên dòng sông. Nước sông lớn có chỗ chậm chỗ nhanh, dòng sông có chỗ rộng chỗ hẹp, thuyền đời lại lúc nhanh lúc chậm, lúc gian nan hiểm trở, lúc bình an.

Con người không ai không mong muốn sống đời mênh mông mà nước chảy êm đềm, khiến cho người ta lênh đênh trên đó một đời đều thuận lợi và huy hoàng, thành công và đẹp như hoa tươi thắm. Nguyên vọng này tốt thì tốt đấy, nhưng khả năng quá nhỏ bé. Đời người trong hiện thực thường là thành công và thất bại đan xen nhau, huy hoàng và ảm đạm cộng sinh, hoa tươi và cỏ yếu cùng sinh trưởng. Vì thế người ta khi chèo lái trên mặt nước mênh mông trên sông đời, thì nên nghĩ đến chỗ hẹp phải làm thế nào, lúc xuôi theo dòng nên suy nghĩ lúc ngược dòng nên làm thế nào v.v...

Trong quá trình của đời người tầm nhìn và sự chuẩn bị có tính chất vượt trước thời gian vĩnh viễn là cơ sở của thành công và thuận lợi.

Trong đời người còn có một tình huống chịu bó tay là: Khi gặp dòng đời chảy gấp phải xử trí như thế nào? Cái gọi là dòng đời chảy gấp chính là những khó khăn khó mà khắc phục, những tình thế khó mà xoay chuyển trong quá trình của cuộc đời. Đối với điều này, người xưa thông thường dạy người ta nên dòng gấp dừng cảm lui.

Thời Tống có một thư sinh tên là Tiền Nhược Thủy, khi ông ta còn là một sĩ tử được tiến cử dự thi, đã từng đến Hoa Sơn xin gặp đạo sĩ nổi tiếng thời ấy là Trần Hy Di. Trần tiên sinh nhìn thấy Tiền Nhược Thủy ngấm ngấm có năng khiếu bẩm sinh, là một nguồn tốt của việc đi tu, muốn thu nhận ông ta làm đồ đệ, nhưng trong lòng còn có một chút chần chừ chưa quyết, liền bảo ông ta ngày mai đến lại.

Tiền Nhược Thủy theo lời dặn đến đúng hẹn, nhìn thấy một vị lão tăng và Hy Di đang ngồi vây quanh cái lò đất. Vị lão tăng nhìn tỉ mỉ Tiền Nhược Thủy từ trên xuống dưới, trầm ngâm không nói, hồi lâu mới cầm lên một que lửa viết lên trên than bụi ba chữ không làm được. ý của ông là Tiền Nhược Thủy này không thích nghi với việc đi tu, không thể thu nhận làm đệ tử. Sau đó vị lão tăng chậm rãi nói với Tiền Nhược Thủy: “Ông là một người có thể dừng cảm lui trong dòng chảy gấp”.

Tiền Nhược Thủy đứng dậy cáo từ, Trần Di Hy cũng không giữ ông ta ở lại nữa. Về sau Tiền Nhược Thủy thi đỗ Tiến sĩ được bổ nhiệm làm Khu mật sứ, nhưng tuổi vừa bốn mươi đã từ quan nghỉ hưu.

Tác giả sách *Ghi chép lời nói việc làm của các danh thần năm triều đại thời Tống* đã cảm khái nói: Khi Trần Di Hy mới gặp Tiền Nhược Thủy cảm thấy Nhược Thủy có phong thái của người tu tiên, nhưng lại không đưa ra chủ định, liền mời vị lão tăng xem tướng ông ta. Vị lão tăng nói: “Không làm được”, cho nên Di Hy cũng không giữ ông ta lại nữa. Song, Tiền Nhược Thủy có thể

làm được dòng gấp lui mau thì cách đạo đức của thần tiên cũng không xa nữa.

Vị lão tăng giúp Di Hy xem tướng, đã dùng lời người dừng cảm lui trong dòng gấp để khen Tiền Nhược Thủy, nhưng lại nhận định Tiền Nhược Thủy vẫn còn thiếu tư chất tu đạo thành tiên, mà là đem lời dòng gấp dừng cảm lui làm lẽ sống cực kỳ quan trọng trong đời sống thế tục. Phương pháp làm tuổi bốn mươi mới làm quan của Tiền Nhược Thủy đã là chú thích về thao tác cuộc sống cho dòng gấp dừng cảm lui.

Nhưng việc rút lui trong dòng gấp chỉ nên là một thao tác cuộc sống bất đắc dĩ, nghĩa là trên đường đời gặp phải là những khó khăn và trở ngại không thể khắc phục nổi, mà quyết không nên trở thành cái cớ vin vào của sự nhút nhát, sợ hãi và lười biếng trong đời. Cũng chính là nói, khi những khó khăn người ta gặp phải có thể kinh qua cố gắng và phấn đấu vật lộn để khắc phục, thì quyết không thể lui, mà nên dốc hết dũng khí ra thẳng tiến không lùi. Lui trong trạng thái dòng chảy không gấp, chính không phải là dừng cảm lui mà lại là lui thua.

Ngoài ra dừng cảm lui trong dòng gấp của đời nên là một loại lui vì tiến mà lui, mà không phải là một mực tháo lui. Người ta trong một đời mục tiêu phải cao xa, lý tưởng nên cao thượng, theo đuổi phải kiên định, xu thế chung nhất định phải là lành mạnh đi lên, không ngừng tiến lên. Trong quá trình này khó tránh khỏi có thể gặp phải những khó khăn này nọ của cuộc đời, trong đại đa số trường hợp đều nên kiên quyết khắc phục nó, vẫn tiến lên, đây mới gọi là dòng gấp dừng cảm tiến.

Đương nhiên, trong quá trình của đời người lại khó tránh khỏi gặp phải khó khăn trở ngại không tài nào khắc phục được, dòng gấp trở nên sóng lớn của đời người không thể vượt qua, lúc này, người ta đích thực phải lui, cũng nên lui, nhưng lui quyết không phải là mục đích đời người, mà là một loại điều chỉnh tạm thời phải làm vì để tiến tốt hơn. Ví như: Có thể tránh mũi nhọn của nó, vu hồi để tiến lên; có thể tạm thời nghỉ ngơi chỉnh đốn lại, tích tụ năng lượng, có thể dừng một chút, bình tĩnh quan sát sự thay đổi của trạng thái sự việc v.v...

Cho nên lui trong dòng gấp của đời người, trước tiên phải là một loại dừng cảm lui mà không phải là lui thua. Hai là phải cố gắng thực hiện dòng gấp dừng cảm tiến, rèn luyện mình trong sóng to gió lớn của đời, cho dù thất bại mà bại rất thảm hại, cũng vẫn có thể chuyển hóa thành sự từng trải và kinh nghiệm của cuộc đời, để có lợi cho việc tiến tốt hơn. Cuối cùng, việc lui phải là hiện tượng tạm thời trong đời người, phải là một thủ đoạn nghỉ để chỉnh đốn vào đó, người ta sinh ra ở đời, cần phải quán triệt chủ đề trước sau là tiến, là phát triển, nâng cao, là tiến lên phía trước và thăng hoa.

3. Đời người “hoàn cảnh” quyết định

Vì sao có người ngay từ lúc sinh ra đã giống như ác quỷ làm hết mọi việc xấu xa, lòng dạ độc địa, từ trước đến nay không biết thông cảm, giúp đỡ lẫn nhau, yêu thương lẫn nhau là gì? Còn vì sao một số người khác lại sinh ra đã như thiên sứ, quan tâm người khác, giúp đỡ người khác, yêu mến tất cả mọi người, lảng lảng làm vô số việc nhân từ?

Muốn giải đáp điều nghi vấn này, phải trước hết làm rõ vấn đề người là gì? Các nhà thần học đạo Kitô phương Tây mọi người đều nói như một. Con người là tạo vật một ngày nào đó tâm huyết dâng trào của Thượng đế. Về sau con người đã làm trái với ý muốn của Thượng đế, bị cám dỗ của một con rắn xảo quyệt đã ăn vụng quả trên cây trí tuệ trong vườn Iten (Eden), thế là đã mắc tội, cả đời người chỉ có thể cầu nguyện Thượng đế để chuộc và miễn tội của mình. Các nhà hiền triết Trung Quốc cổ đại thì cho rằng, con người là tinh hoa của vũ trụ, là chúa tể của muôn loài, con người hơn hẳn vạn vật chỉ ở tính thiện của nó. Vì thế, đời người nên phải cố gắng đi đến việc tu dưỡng và thực hành đạo đức.

Quan Tổng bao thuế của Quốc vương Pháp thế kỷ 18 là Elvixiu vừa phản đối nhận định con người là tạo vật của Thượng đế, cũng không thừa nhận ý kiến con người là tinh hoa của vũ trụ trời đất sáng tạo ra, ông cho rằng: “Con người là sản vật của hoàn cảnh”. Cũng có nghĩa là, con người không thể trời sinh ra đã là thiện hoặc là ác, khi con người sinh trưởng trong hoàn cảnh tốt sẽ có khả năng trở thành người thiện, khi họ sinh trưởng trong hoàn cảnh xấu, họ sẽ có thể trở thành người xấu. Ông viết: “Sự sai khác về tinh thần mà chúng ta nhìn thấy giữa người này với người khác là do hoàn cảnh họ sống khác nhau, do họ tiếp nhận giáo dục khác nhau gây nên”.

Elvixiu còn chỉ rõ: Loài người có hai loại tình cảm. Một loại là nhu cầu bản năng tự nhiên trực tiếp ban cho con người như đói, khát, tính dục v.v..., chúng bắt nguồn từ cơ thể sinh lý của con người. Một loại khác thì do tài năng, đức hạnh tốt đẹp, tri thức v.v... do con người dựng nên xã hội mà có, nó bắt nguồn từ đời sống xã hội của con người, là sản vật của hoàn cảnh và giáo dục.

Từ đó ta thấy, muốn làm cho con người trở thành tốt, trở thành người có tri thức uyên bác, đức hạnh nổi bật, tài hoa tuyệt vời thì cần phải dựng nên một hoàn cảnh xã hội tốt. Còn muốn ngăn chặn những bọn người xấu không có việc xấu nào không làm, hoành hành ngang ngược trong xã hội, cũng cần phải cải tạo hoàn cảnh xã hội xấu. Bởi vậy, Elvixiu đặc biệt coi trọng phương thức đi lại giữa người này với người khác, tập quán sinh hoạt, chế độ giáo dục của xã hội và nhà trường, cùng với người ta thích đọc loại sách gì, thích môn nghệ thuật gì v.v...

Elvixiu có thể nghiệm rất sâu sắc đối với tác dụng to lớn của tri thức trong quá trình làm cho con người hướng về cái thiện, ông đã viết với tình cảm vô cùng cảm kích rằng: “Ôi tri thức! Chỉ cần cùng với người, con người ngay cả trong gông cùm cũng tự do. Chỉ cần cùng với người, con người ngay cả trong dả kích của nghịch vận cũng hạnh phúc. Có được người, con người sẽ có tất cả, mà không cần có các cái khác. Song, con người nếu để mất người, sẽ có thể trở thành cây lau sậy yếu ớt gặp phải tình dục trêu đùa, trở thành vật hy sinh vô vị buồn tênh, trở thành thực vật lan ra trong bản thân không có cột chống giữ”.

Tri thức giúp người ta tìm hiểu cái huyền diệu của muôn sự vật, làm cho người ta có thể nắm vững sự tồn tại chân thực của sự vật, từ đó tránh cho con người làm nhiều việc ngu xuẩn trong cuộc sống. Tri thức còn khai thác tâm linh và thế giới tinh thần của con người, cho nên Elvixiu có thể nói người có tri thức dù là chịu gông cùm xiềng xích cũng tự do, trong nghịch vận con người cũng hạnh phúc. Tri thức còn có thể cho con người sức mạnh to lớn để làm thay đổi hoàn cảnh tự nhiên con người phải đối mặt, cũng cho con người một sức lực to lớn thoát khỏi sự khống chế của tình dục, trở thành chúa tể chân chính của cuộc đời mình.

Từ đó ta thấy, một trong những con đường quan trọng con người bỏ ác làm điều thiện là học tập nắm vững những tri thức quý báu. Mà việc này đương nhiên có liên hệ chặt chẽ, hoàn thiện với chế độ giáo dục xã hội.

Trong tầm nhìn của Elvixiu, nhân tố thứ hai khác của hoàn cảnh xã hội quyết định con người làm việc thiện hay làm việc ác là chế độ chính trị và chế độ luật pháp.

Ông viết, pháp luật quyết định phong tục và đạo đức của một dân tộc. Trong lịch sử, người ta thường cho rằng tôn giáo là nhân tố chủ yếu khiến người ta tâm linh trong sạch, đạo đức cao thượng. Còn Elvixiu thì cho rằng, dân tộc hưng thịnh hay không chủ yếu có liên hệ chặt chẽ, tốt hay không với pháp luật của họ, bởi vì pháp luật mang sức cưỡng chế nhà nước khiến người ta có thể làm việc như thế này, mà không thể làm việc như thế kia. Pháp luật tốt khiến người ta hướng tới chân, thiện, mỹ, còn pháp luật kém dẫn người ta lâm vào giả dối, ác độc và xấu xa. Kết luận của Elvixiu là: “Pháp luật tạo nên tất cả”.

Elvixiu còn cho rằng, từ kinh nghiệm lịch sử ta biết, tính cách và trí năng của nhiều dân tộc phát sinh thay đổi theo sự thay đổi chế độ chính trị. Thể chế chính trị khác nhau, tính cách của một dân tộc chỉ định nào đó hiện ra lúc cao thượng, lúc đê hèn, lúc kiên quyết không sờn, lúc lạt lọng thất thường, lúc dũng cảm, lúc khiếp nhược.

Cho nên cá nhân làm việc ác hay là làm việc thiện là do hoàn cảnh xã hội quyết định. Còn dân tộc cao thượng hoặc đê hèn thì do pháp luật và thể chế chính trị quyết định. Nhưng chế độ chính trị và pháp luật lại do ai định ra? Elvixiu viết: “Cần phải có thiên tài, mới có thể dùng pháp luật tốt thay thế pháp luật kém. Cái gọi là thiên tài chính là người lập pháp tốt, vì thế trình độ tiến bộ lý trí của người lập pháp quyết định chế độ pháp luật tốt xấu. Như vậy, lại quay trở về điểm khởi đầu con người cần phải được giáo dục tốt, có tri thức chân chính”.

Elvixiu nhấn mạnh: “Giáo dục chính là công cụ lớn mạnh và hạnh phúc, hạnh phúc của con người “vừa quyết định bởi pháp luật chi phối đời sống của người ta, cũng quyết định bởi giáo dục người ta được tiếp nhận, do vậy giáo dục là vạn năng”!

Những nhận định này của Elvixiu chắc chắn là sự khinh mạn đối với tác dụng của tôn giáo, cho nên gây nên sự hoang mang cực độ của giáo hội đương thời. Đại giáo chủ Xlap Đơ Pôman nói, tư tưởng của Elvixiu ghê tởm đáng sợ như địa ngục, mọi người cần phải đề phòng nó giống như đề phòng bệnh dịch. Giáo hoàng Roma đã ra lệnh cấm riêng đối với trước tác Bàn về tinh thần của Elvixiu. Ngày 6 tháng 2 năm 1759, tòa án tối cao đã đưa ra phán quyết, tác phẩm của

Elvixiu và mấy bộ tác phẩm khác đã tự tay bọn đao phủ đốt dưới cầu thang lầu lớn Cung tư pháp.

Nhìn thấy trước tác thắm đẫm tâm sức của mình bị vùi dập trong ngọn lửa, Elvixiu không buồn rầu chán nản. Năm 1769, trong lời tựa trước tác mới Bàn về con người ông đã viết như sau: “Ngày nay chỉ có tìm thấy chân lý trong sách cấm, các sách khác toàn là lời nói dối”. Ông vững dạ yên lòng đem trước tác của mình cất giấu chờ sau khi mình chết sẽ xuất bản, đồng thời vì trước tác của mình bị liệt vào loại sách cấm mà tràn ngập lòng tự hào.

Học thuyết của Elvixiu về Con người là sản vật của hoàn cảnh đã vạch ra ý nghĩa quan trọng của hoàn cảnh con người sinh tồn trong đó đối với tính cách con người và đời người. Sự rèn luyện nhân tính, sự hoàn thiện nhân cách, sự nâng giới hạn đời người lên, quyết không chỉ là một vấn đề tiên nghiệm và bẩm sinh, chúng đích thực trong quá trình đời người hiện thực chịu ảnh hưởng cực kỳ to lớn của hoàn cảnh xã hội, phương thức đi lại giữa người này với người nọ, đặc biệt là chính thể pháp luật và chế độ giáo dục ở trong đó.

Cho nên, con người khát vọng tự hoàn thiện, đời người hạnh phúc, cuộc sống tốt đẹp, thì cần phải chú ý cải thiện hoàn cảnh sinh tồn, cố gắng hấp thu tri thức quý báu, tiếp nhận giáo dục tốt.

4. Đời người phải theo “Lẽ triết trung”

Aten, đô thành xinh đẹp của Hy Lạp cổ vừa là trung tâm thương mại phồn vinh, lại là nơi hội tụ văn hóa nghệ thuật. Vào khoảng hơn 300 năm trước công nguyên, một học giả lừng danh Aristotle đã lập nên một trường học tại Lyceum của Aten, không lâu liền trở thành nơi tụ tập của những người hiếu học.

Các lĩnh vực Aristotle đã bàn đến hết sức rộng rãi, ví như về khoa học tự nhiên gồm y học, giải phẫu học và sinh vật học, cả đến khoa học xã hội nhân văn như chính trị học, xã hội học, logic học, triết học, luân lý học ông đều đọc qua rất rộng và có thành tựu phi thường.

Trong khuôn viên trường có một con đường bóng cây râm mát, lá cây dày đặc che hết ánh mặt trời chói chang, tiếng chim ríu rít hót vui tai, mọi nơi đều hiện ra bầu không khí tĩnh mịch, yên lành và hài hòa.

Aristotle thích bầu không khí ở đây, đôi lúc đi dạo một mình, đi chậm rãi nhưng trong đầu đang suy nghĩ căng thẳng tìm tòi sự huyền bí của sự vật và ý nghĩa tinh túy của xã hội. Nếu không thì cùng các học trò dạo bước dưới bóng cây, vừa đi vừa nói, vừa đem những điều tâm đắc nghiên cứu của mình truyền lại cho học trò, lại nhận được những điều gợi ý trong thảo luận phản bác của mọi người.

Lâu ngày, việc giảng và học trên đường dưới bóng cây đã thành phương thức dạy học cố định, học phái Aristotle cũng được người ta đội cho cái mũ học phái tiêu dao. Từ đó người ta có thể thấy, học tập đối với họ là việc hết sức hào hứng, không hề có gì khô khan, nhợt nhạt làm cho người ta sinh ra chán.

Một hôm, Aristotle lại dạo bước trên con đường dưới bóng cây, vây quanh ông là một đám học trò.

“Thưa thầy, thầy có thể nói qua một chút đức hạnh tốt là gì? Làm như thế nào mới có thể giành được hạnh phúc?” Một học trò trẻ hỏi.

Aristotle suy nghĩ một chút rồi nói: “Đức hạnh tốt chính là một loại vừa phải, quá mức và bất cập đều không hay, chỉ có vừa phải mới là đức hạnh tốt. Cho nên người ta nên lấy lẽ triết trung đối nhân xử thế, mới có thể giành được hạnh phúc đời người”.

Các học trò đều mong muốn thầy giáo nêu ví dụ để thuyết minh rõ thêm một bước nữa. Aristotle hơi trầm tư nói: “Có một số người xem khổ hạnh tuyệt dục làm đức hạnh tốt, cho nên tự hại tự cấm mình, cuộc sống rất khổ hạnh. Còn một số người khác thì đem sự thỏa mãn dục vọng làm đức hạnh tốt, làm hạnh phúc cao nhất của đời người, cho nên đã tha hồ phóng túng, không có việc gì xấu không làm, kết quả làm tổn hại thân thể, cùng làm cho đời người rất đau khổ. Cái đó đều là quá trớn trong quá trình đời người, có thể dẫn đến đau khổ vô hạn. Cho nên, túng dục và cấm dục đều không phải là đức hạnh tốt, đều không phải là cách xử thế tốt, tốt nhất vẫn là phải vừa phải, tức hạn chế. Ăn uống, trai gái, nhu cầu vật chất là do bản tính của con người sai khiến, không thể hoàn toàn chừa bỏ được, phải có sự thỏa mãn nhất định, đó là sự cần thiết của hạnh phúc đời người. Nhưng lại không thể nghe theo sự dẫn dắt của cảm quan về thể xác đi theo đuổi vật dục một cách mù quáng thậm chí điên cuồng, thỏa mãn dục vọng một cách bất chấp tất cả. Làm được điều này gọi là hạn chế, mới có thể làm cho đời người hạnh phúc chân chính.

“Vậy thì, thưa thầy, nguyên tắc lẽ triết trung này có thể thích hợp với mọi phương diện được không?” Một học sinh khác lại hỏi.

“Đương nhiên - Aristotle vẫy vẫy tay - Ví như lỗ mẫn và nhu nhược đều không tốt, cái vừa phải của nó là dũng cảm, dũng cảm chính là một đức hạnh tốt. Buông thả và thờ ơ hờ hững đều không được, cái vừa phải của nó là hạn chế, hạn chế là rất tốt. Ngạo mạn và tự ti đều không hay, cái vừa phải của nó là tự tôn, tự tôn là điều cần thiết của con người. Lãng phí và keo kiệt bủn xỉn đều không nên, cái vừa phải của nó là khảng khái, khảng khái là rất tốt, tục tĩu và nhỏ nhen đều không tốt, cái vừa phải của nó là văn minh lịch sự, văn minh lịch sự là đức hạnh cao thượng v.v... Cho nên, đối nhân xử thế phải vừa phải, không thể quá cũng không nên bất cập, thích cực đoan ắt sẽ làm cho đời người trở nên như một trận tai nạn lớn.

Các đệ tử nghe xong lời thầy giáo cảm thấy trong lòng trong sáng, đối với việc đối nhân xử thế như thế nào đều có một nguyên tắc xác định.

Nhưng nghiên cứu sâu hơn một chút, nguyên tắc của đạo triết trung của Aristotle còn có ý nghĩa sâu xa khác: Bất cứ ai trong quá trình đời người đều có thể gặp đủ mọi vấn đề khó khăn của đời người. Vì vậy cần phải đưa ra nhiều cách lựa chọn, cuối cùng quyết định như thế nào? Điều này sẽ có một quy tắc. Khi những suy nghĩ của người ta phù hợp lý tính, từ góc độ tính phổ biến của xã hội đưa ra lựa chọn thích hợp, thì quan niệm và hành vi của người ta sẽ phù hợp lẽ triết trung. Ngược lại, người ta quên đi bản chất thiện có tính phổ biến xã hội, cố ý thuận theo dẫn dắt của dục vọng riêng của cá nhân để chọn lựa, thế thì sẽ đi chệch yêu cầu của lẽ triết trung. Cho nên lẽ triết trung phù hợp với yêu cầu đức tính không phải ở chỗ chọn lấy điểm giữa của hai đầu một cách máy móc, mà ở chỗ phải phù hợp bản chất của cái thiện tồn tại có tính xã hội, chọn lựa sống và hành động như thế, mới có thể giành được hạnh phúc đời người và thuận cảnh chân chính.

5. “Nhược tượng phu”, “giả tượng phu”, “tiểu tượng phu” và “đại tượng phu”

Nam giới ở trên đời phần nhiều không muốn trở thành nhược tượng phu có tính cách nhu nhược, càng không muốn làm giả tượng phu và tiểu tượng phu chí khí cứng rắn bị teo lại, không đủ sức lực, ngược lại rất muốn trở thành đại tượng phu được người ta kính nể. Ai biết được ngày nay ý nghĩa của từ đại tượng phu thường chỉ chủ nghĩa đại nam tử để gọi những người nam giới coi thường thậm chí bắt nạt nữ giới, đây thật là cách dùng bị bóp méo đi. Bởi vì ngay từ lúc từ ngày mới sinh ra, chỉ để gọi nhân cách cao thượng.

Lão Tử, người sáng lập Đạo gia Trung Quốc, xem đại tượng phu là những người có trí tuệ rất cao, họ có thể đặt mình trong thành thực chất phác, lánh xa vẻ hời hợt, biểu hiện ra vẻ mộc mạc chân chất mà không chuộng hư vinh hào nhoáng.

Đạo gia tôn sùng cách xử thế thuận theo tự nhiên, đem tất cả mọi lễ tiết lời thoại phiền phức của thế tục, công danh lợi lộc, văn chương nhuân sắc, khí cụ tinh xảo đều xem là ngược lại với bản tính con người, cho nên nhất định phải khử bỏ nó đi xong mới vui sướng. Chính thế, muốn trở thành bậc đại tượng phu thì cần phải chất phác tự nhiên, không chuộng hư vinh, cuộc sống thực tại không cầu hiển đạt. Đã không có bất cứ ý nghĩ, theo đuổi nào của thế tục, thế thì sẽ có thể làm đại tượng phu vô tư không sợ, đời người như mây bay nước chảy, việc đến thì thuận theo, vật chất tăng thêm cũng không vương víu để đứng giữa trời đất.

Nhà tư tưởng lớn Nho gia Trung Quốc Mạnh Tử không nhìn nhận như thế, ông nói: “Người đại tượng phu ở trong ngôi nhà nhân nghĩa rộng lớn nhất thiên hạ, đứng trên vị trí lễ nghi đúng đắn nhất thiên hạ, bước chân đi trên con đường nghĩa rộng lớn quang minh nhất thiên hạ. Cho nên, trong họ có đức tính và lòng tự tin đầy đủ, khi đắc chí triển khai kế hoạch lớn rầm rộ, mưu hạnh phúc cho muôn dân trăm họ trong thiên hạ. Mà khi không đắc chí cũng có thể một mình

giữ nguyên tắc đúng đắn, thực hiện được khí tiết phú quý không thể làm rối loạn lòng mình, bần tiện không thể làm thay đổi chí mình, uy vũ cũng không thể làm mình khuất phục”.

Phú (tiền của nhiều) và quý (địa vị cao sang) là cái mà con người theo đuổi. Bần (tư liệu sinh hoạt thiếu thốn) và tiện (địa vị thấp hèn) là cái mà con người phải tránh. Nhiều người vì theo đuổi phú quý trước tiên khắc khổ phấn đấu, chưa kết quả thì bước vào con đường sai lầm, vì mục đích có thể bất chấp lợi ích của người khác và xã hội, thậm chí bất chấp cả lương tâm đạo đức của mình, cuối cùng mất cả tính mạng cũng phải theo đuổi. Cũng có nhiều người, để thoát khỏi nghèo hèn mà không từ bất cứ việc gì không làm, thậm chí bán rẻ cả nhân cách và vứt bỏ mọi ràng buộc của đạo đức, chỉ mong thực hiện được mục đích.

Uy vũ là sức ép lớn mạnh nào đó của bên ngoài, người bình thường rất khó chống cự lại sức mạnh của uy vũ, thế là buộc phải làm những việc ngược lại với lương tâm lẽ trời và đạo đức xã hội.

Duy chỉ có bậc đại trượng phu mới có thể chống lại được sức ép của sức mạnh của uy vũ, chống lại được sự cám dỗ của phú quý (giàu sang), trong nghèo hèn có thể giữ được nguyên tắc của đạo đức, những việc này nếu không có nghị lực của người siêu phàm thì không tài nào làm nổi. Vậy thì người bình thường có thể trở thành đại trượng phu được không?

Mạnh Tử nêu lên hai hướng: Một là rèn luyện tinh thần ngay thẳng cương trực, hai là dưỡng dưỡng.

Tinh thần ngay thẳng cương trực, Mạnh Tử cũng thừa nhận là khó nói, nó là một sức mạnh tinh thần vừa tràn ngập trong vũ trụ, lại có tính vật chất rất cứng rắn. Cho nên, người ta dốc hết mọi cố gắng dùng đạo nghĩa để bồi dưỡng, tinh thần ngay thẳng cương trực liền có thể nổi lên hết sức dồi dào. Lòng kiên định ý chí tinh thần của con người có thể chuyển biến thành tính kiên cường thể xác có tính vật chất của con người, dựa vào nó người ta có thể chống lại bất cứ sức ép nào của xã hội và con người, gạt bỏ bất cứ cám dỗ nào của vật chất và tiền tài. Những cái đó sẽ rèn luyện giới hạn nhân cách và khí tiết của người siêu phàm, trở thành một bậc đại trượng phu.

Dưỡng dưỡng, không phải là chỉ bồi dưỡng cái dưỡng của kẻ thất phu lỗ mãng liều ẩu mà người thể tục thích.

Mạnh Tử nói, trước kia có một người tên là Bắc Cung ảo, ông ta bồi dưỡng dưỡng khí rất đặc biệt. Có người dùng kim đâm vào da thịt của ông, ông ta có thể không kêu một lời. Sau đó lại đâm vào mắt ông, mi mắt đều không nháy. Nhưng người khác động đến một cái lông của ông ta, thì ông chịu không nổi giống như bị quất roi trước đông người trên đường phố, trong lòng cũng không có bất cứ nguyên tắc xác định nào, không tài nào chịu đựng nổi thất thiệt và sỉ nhục.

Lại có một người khác tên là Mạnh Thi Xá, ông ta bồi dưỡng dưỡng khí lại có một cách riêng: Khi đánh trận, ông ta không có chút sợ sệt, đối mặt với quân địch không thể đánh thắng vẫn xông lên phía trước giống như đội quân có thể chiến thắng. Ông ta mặc dù không thể nắm chắc phần

thăng, nhưng lại có thể xông lên đánh rất anh dũng.

Mạnh Tử lại nói: Tăng Tử, nhà hiền triết thời xưa học được từ Khổng Tử một phương pháp dưỡng dưỡng: tự hỏi lại bản thân, mình không có lý thì dù đối phương chỉ là một người dân bình thường cũng không thể ăn hiếp họ. Tự hỏi lại mình, chính nghĩa nằm trong tay thì dù đối mặt với thiên binh vạn mã, cũng không thể thụt lùi, phải anh dũng xông lên phía trước.

Câu chuyện của ba người dưỡng dưỡng này đã nói lên điều gì? Cả ba người đều là vì cái dũng, nhưng tính chất khác nhau. Bắc Cung ảo có thể chịu đựng được cái đau của da thịt, nhưng lại không chịu nổi nỗi nhục về tinh thần, nên cái dũng này không phải là cái dũng thật. Mạnh Thi Xá tuy về tinh thần có thể giữ được khí khái thẳng tiến không lui không hề biết sợ hãi, so với Bắc Cung ảo có tiến hơn một bước, nhưng vẫn thuộc cái dũng của kẻ thất phu. Chỉ có lấy việc có nắm được chính nghĩa hay không làm tiêu chuẩn, những việc không chính nghĩa một tí cũng không làm, những việc chính nghĩa thì có thể xông vào hàng ngàn vạn người, tôi vẫn vào! Đó mới là trượng phu thật, trượng phu vĩ đại, tức đại trượng phu.

Người ta sinh ra ở đời, đương nhiên không nên làm tiểu trượng phu yếu đuối, trượng phu kiểu vô độc bất trượng phu, mà nên làm đại trượng phu. Nhưng lại không thể đi nhằm vào con đường sai lầm, bởi dưỡng mình trở thành người giả trượng phu lên mặt nạt người, coi trời bằng vung, dùng thế để đè người.

Đại trượng phu chân chính không phải ở thể lực lực lưỡng sức như trâu điên, mà là ở ý chí kiên định, không có gì sợ hãi. Việc đó chỉ có thể bắt nguồn từ lòng tự tin và đức tính của người ta vì nắm được chính nghĩa mà thẳng hoa. Do vậy, người đại trượng phu quyết không thể hăm dọa đe nẹt kẻ hèn yếu, cũng quyết không khuất phục trước sức ép và khó khăn lớn mạnh, thẳng tiến không lùi, vì thực hiện lý tưởng dù phải hy sinh cả tính mệnh cũng không tiếc.

Từ đó ta thấy, không những nam giới có thể trở thành đại trượng phu, mà nữ giới cũng có thể trở thành nữ đại trượng phu. Loại ranh giới đời người này cuốn hút người ta như thế đó, chẳng lẽ chúng ta lại không động lòng, lại không thể vì nó mà cố gắng hay sao?

6. Uống công vô ích nên đời người rút ngắn

Người ta trong một đời, nói chung đều đề ra cho mình đủ mọi mục tiêu theo đuổi, sau đó không ngừng cố gắng để mong thực hiện. Nhưng về sau phát hiện nếu ngoảnh đầu nhìn lại, nhiều mục tiêu đều không thể đạt được, tinh lực và thời gian hầu như đều lãng phí vô ích.

Người ta đành thở dài một tiếng: uống công vô ích và tự nhủ mình từ nay về sau cần phải biết thông minh hơn một chút, không nên lại lập những mục tiêu của đời hư ảo thế nữa, lãng phí

nguồn lực quý báu của mình.

Mặc dù người ta nghĩ lại thất bại, nhận được bài học như thế, nhưng về sau lại có thể phát hiện mình vẫn làm rất nhiều việc uổng công vô ích. Lúc đó họ mới có thể vỡ lẽ: tốn công vô ích mà rút ngắn tuổi thọ con người, nói trắng ra, đời người chính là một trò chơi tốn công vô ích!

Đối với điều này, chúng ta thử xem cách nhìn của các nhà hiền triết cổ Trung Quốc. Sách *Trang Tử - Thiên vận thiên* đã ghi một câu chuyện nói Khổng Tử dẫn các đệ tử tây hành đến nước Vệ, vẫn tiếp tục hành trình chu du các nước, bận về việc thực hành phương án trị quốc của Nho gia nhân chính lễ chế.

Hôm đó, học trò của ông là Nhan Uyên gặp Thái sư Kim nước Lỗ, hỏi: “Ngài cho rằng cuộc đi nước Lỗ của Thầy học tôi ra sao?” Nhan Hời (tức Uyên) sở dĩ có câu hỏi này là muốn biết nhận xét của hiền sĩ trong xã hội đối với việc Khổng Tử chạy ngược chạy xuôi, nằm chưa kịp ấm chỗ vất vả đó.

Thái sư Kim vê vê chòm râu cười, nói: “Thật là đáng tiếc! Thầy học của ông không hiểu một tí gì đối với việc đời”.

Nhan Uyên cảm thấy kinh ngạc, nói: “Sao có thể thế được?”

Thái sư Kim nói: “Con chó cỏ bện bằng cỏ mà chúng ta dùng để tế lễ, khi còn chưa tiến hành dâng tế, đem đặt nó vào trong chiếc lồng tre cẩn thận, dùng khăn thêu đẹp để phủ kín lại, mà người chủ trì cuộc tế phải tắm gội người sạch sẽ và ăn chay mới có thể đón nhận nó một cách cung kính. Đợi đến khi tế lễ xong thì con chó cỏ đó liền bị quăng sang một bên, kẻ qua đường dùng chân giẫm đạp lên đầu, lên lưng nó, người tiểu phu nhặt được nó đốt lửa để nấu cơm. Nếu như lúc này lại có người muốn dùng lồng tre đặt nó, khăn thêu để che đậy, người đi kẻ ở đều ngủ ngay bên cạnh nó một cách hết sức cẩn thận, thế thì ông ta dù không nằm mơ thấy mộng dữ, cũng nhất định sẽ cảm thấy bối rối”.

Nhan Uyên nói: “Ngài nói những chuyện này là có ý như thế nào?”

Thái sư Kim lại cười: “Thầy học của ông chính là nhặt con chó cơ mà các bậc tiên vương đã từng dùng rồi bỏ đi làm hiệu triệu, tụ tập đệ tử, đi hoặc ở lại đều ngủ ở bên cạnh nó. Cho nên có thể bị đe dọa của kẻ đồn cây ở nước Tống, bị cảnh cáo không được cư trú ở nước Vệ, còn ở các vùng Thương, Chu cũng hết đường xoay sở, việc đó chẳng lẽ không giống như mộng dữ sao? Lại bị bao vây ở ranh giới của nước Trần và nước Thái, đã bị đói 7 ngày, hàng ngày bị uy hiếp của cái chết, đây chẳng phải là bị bối rối ư?”

Nhan Uyên biện bạch nói: Thầy học của chúng tôi có quyết tâm thực hành lễ chế triều Chu, muốn đem thiên hạ vô đạo cải tạo thành chốn yên vui của vương đạo, mặc dù gặp phải vô vàn gian nan hiểm trở, cũng không thể làm thay đổi quyết tâm của Ngài, đây chẳng phải là đang nói lên ý chí kiên định của Ngài ư?

Thái sư Kim lắc đầu nói: Cách nói này của ông không đúng. Vận hành ở trên sông nước không gì thuận tiện bằng thuyền, còn đi lại trên đất liền thì không gì tốt bằng xe. Nếu cho rằng thuyền có thể đi lại trong nước mà mong muốn có cũng có thể chạy trên đất liền, thế thì một đời cũng đi chẳng được bao xa. Thời xưa và ngày nay hoàn toàn khác nhau như nước và đất liền, triều Chu trước kia và nước Lỗ hiện nay cũng khác nhau như thuyền và xe. Bây giờ Thầy giáo của các ông muốn đem chế độ của thời Chu thi hành ở nước Lỗ, việc này sẽ giống như đem thuyền đẩy lên đất liền để chạy, không những tốn công vô ích, bản thân còn có thể gặp tai ương. Các ông nên thay đổi theo thời thế, giống như xe truyền công vẫn không có phương hướng nhất định, tỏa đi khắp nơi.

Những lời nói của Thái sư Kim nước Lỗ này muốn nói Khổng Tử và các đệ tử không thức thời, kiên trì đem những cái của trước kia thực hành ở hiện tại, việc này không những uống công vô ích mà còn nguy hiểm đến bản thân. Cho nên đời người cần phải biết biến báo, cái gọi là người thức thời là tuần kiệt là như thế.

Nhưng Khổng Tử không thể đồng ý cách nhận xét này. Ông cho rằng mục tiêu lý tưởng của mình phục hưng Chu lễ thi hành nhân chính là cao cả và đúng đắn. Nó là đạo của trời mệnh lệnh cho ông thực hành. Cho nên dù cho khó khăn chông chất, tai họa dồn dập liên tục, thậm chí nguy hiểm cả đến tính mệnh cũng không thể làm lung lay chí hướng và theo đuổi đời người của ông. Đương nhiên, Khổng Tử không thể để ý đến cái gọi là uống công vô ích, vì sự nghiệp ông đã đặt sự an nguy của sinh mệnh ra ngoài sự tính toán, sao có thể lấy uống công để khuyên ngăn ông?

Uống công vô ích, cho nên không nên miễn cưỡng đi làm việc gì đó. Biết nó không thể mà vẫn làm”, đó là biết rõ việc làm không thành lại vẫn kiên trì muốn làm. Hai loại nhân sinh quan này dẫn đến việc điều khiển đời người hoàn toàn trái ngược, có lẽ đều có thể trở thành cách xử thế mà người đời lựa chọn. Cuối cùng chọn cách nào phải xem lý tưởng, mục tiêu, niềm tin của bạn là gì, có lẽ còn phải cộng thêm nhân tố tính tình của bạn như thế nào nữa.

7. Cương trực và nhu nhược

Tài tử thời Minh Phùng Mộng Long tính thích thu thập các chuyện truyền kỳ dân gian và dày công biên soạn thành sách, trong thiên *Quảng tiểu phủ*. Thượng khí có ghi chép một chuyện như sau:

Trước kia có hai cha con tính cách đều rất cương trực, từ trước đến nay trong cuộc sống chưa từng cúi đầu trước người khác, cũng không nhường ai, hơn thế không lùi nửa bước. Một hôm, trong nhà có khách đến chơi, người cha sai người con đi chợ mua thịt. Người con lấy tiền đến hàng thịt mua mấy cân thịt tốt nhất, dùng dây xâu và đi về nhà. Khi đến cổng thành, đối mặt

gặp một người, hai bên đều không lùi bước, cũng kiên quyết không tránh nhau, thế là mặt đối mặt đứng sừng sững ở tại đó, giằng co nhau rất lâu.

Trời đã chính trưa, ở nhà mong đợi thịt nấu để đãi khách cơm rượu, người cha không thể không bắt đầu sốt ruột, ra khỏi nhà để đi tìm người con mua thịt. Đến chỗ cổng thành, nhìn thấy người con vẫn mắc kẹt ở đó, không chịu nhường người khác một li. Người cha sung sướng nghĩ: Đây thật là đứa con tốt của mình, tính tình cương trực như thế. Lại cũng cả giận nghĩ: Người kia là người nào vậy, lại dám láo xược như thế. Liền nhảy vọt lên phía trước lớn tiếng nói: “Con hãy đem thịt về trước, cùng ăn cơm với khách, để cha đứng đây đối chọi với anh ta!”

Lời nói vừa dứt, người cha và người con đối chỗ cho nhau, người con về nhà xào nấu thịt hâm rượu thết khách. Người cha thì đứng đối diện với người kia sừng sững không hề động đậy mắt tròn xoe giống Kim Cương. Nhiều người đứng xem xung quanh cười mãi không thôi.

Nói chung, tính cách của con người có phân biệt cương trực và nhu nhược. Người có tính cương trực thường cố chấp ý kiến của mình, tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc làm người của mình, không nhượng bộ, không biến báo. Người có tính tình nhu nhược thì ngược lại, họ trước nay không có ý kiến, trong cuộc sống cũng không từng giữ quy tắc nhất định nào, gặp việc thì theo đuôi người khác, thường hay chùn lại, thích biến báo. Nói chung, người cương trực trong xử thế không dễ bị hớ, được người khác kính phục, còn người nhu nhược thì thường bị người khác ăn hiếp, bị người ta xem thường.

Người ta sinh ra ở đời không có một chút tính khí cương trực không được, nhất là cần phải có chủ định trong lòng, có một số quy tắc làm người xác định, do đó người ta có thể làm tăng dũng khí, có thể chống lại với người khác, chống chọi lại với những cái đen tối của xã hội, làm nổi trội cá tính và phong cách của mình. Nhưng cương trực không phải là hèn dỗi, không phải là đi theo đuổi thắng lợi cá nhân vô ích, giống như hai cha con cương trực mà Phùng Mộng Long đã miêu tả này, chỉ vì một việc nhỏ không nhường tránh nhau, đi đối phó lại với người khác, bất chấp mọi cái khác, việc đó đã từ cương trực đi đến làm liều, cuối cùng có thể gặp phải chuyện sút đầu mẻ trán trong cuộc đời.

Tính cách nhu nhược hiển nhiên là không thích hợp trong xã hội đầy mùi thuốc súng cạnh tranh này. Sự cạnh tranh của xã hội hiện tại không những đang phải dốc ra hết trí lực và thể lực của con người, mà nhược điểm của tính cách cũng có thể dẫn đến thất bại của đời người. Kẻ nhu nhược ắt hẳn do dự không dám cả quyết, ắt hẳn không dám nhận mạo hiểm, ắt sẽ bị kẻ mạnh ăn hiếp, vì vậy khó thi thố trong xã hội, khó giành được thành công trong đời.

8. Ngọn đèn sáng của đời người hạnh phúc

Bình thường từ tri thức mà người ta thường dùng, thực tế ẩn chứa hai hàm ý: một là tri, hai là thức. Tri là tìm hiểu được bao nhiêu đối với sự vật, cũng có nghĩa là người ta trong đời sống hàng ngày dưới sự dạy dỗ của cha mẹ và thầy giáo, tìm hiểu mọi sự vật, biết được những điều huyền bí của nó, chúng tạo nên bộ phận cơ sở trong kết cấu tri thức của con người.

Thức là kiến thức, nó không chỉ là tìm hiểu sự vật, mà còn là nghiên cứu sự vật, tức là phân tích sâu sắc đối tượng, nắm vững quy luật phát sinh, phát triển của nó, thu được nhận thức về bản chất của sự vật. Thức cũng không chỉ là biết cái gì, mà là trên cơ sở nghiên cứu sâu sinh ra những nhận xét của mình, hình thành kiến giải có tính sáng tạo mới. Cho nên, trên đời có người vô tri vô thức, cũng có người có tri vô thức, lại có người có thức vô tri.

Một người có tri có thể giành được hạnh phúc đời người nhiều hơn, lớn hơn người vô tri. Bởi vì người vô tri đối với sự vật không hề biết một tí gì thậm chí không biết ý nghĩa của trạng thái sinh tồn của sự vật bên ngoài đối với cuộc đời của mình, căn bản không biết cũng không có năng lực làm thay đổi tình hình phát triển của sự vật, cuộc đời của họ hoàn toàn bị khống chế của sự vật bên ngoài, chỉ có thể sống một cách bị động, chịu khổ chịu nan chịu giày vò trong thế giới tàn khốc này.

Nhưng người có tri thì không như thế, họ đối với sự vật về cơ bản hiểu thấu triệt, cũng nắm vững đối với quan hệ của trạng thái bên ngoài và hạnh phúc đời người, cho nên họ có thể chủ động thích ứng với sự phát triển của sự vật, cố gắng điều hòa quan hệ của đời người với tự nhiên và xã hội, từ đó giành được trang cuộc sống tương đối tốt.

Còn về một người có thức lại có thể giành được hạnh phúc đời người nhiều hơn, lớn hơn so với người có tri. Bởi vì người có thức vốn có ý kiến chủ quan của mình, họ không những tìm hiểu tình hình phát triển của tự nhiên, xã hội và cuộc đời, mà còn biết vận dụng cố gắng chủ quan như thế nào để làm thay đổi nó, nhất là họ có thể vượt hẳn người bình thường tìm hiểu và theo đuổi đối với hạnh phúc đời người, cấu tạo nên trạng thái hạnh phúc đời người mà mình chấp nhận, đồng thời cố gắng thực hiện nó. Vì thế, người có thức không chỉ là người giành được hạnh phúc đời người, mà còn là người sáng tạo hạnh phúc đời người.

Nhà triết học lớn cận đại người Anh Roger Bacon hiểu sâu sắc nhất đối với tính quan trọng của tri thức trong đời người. Ông cho rằng những nhà triết học kinh viện đánh lộn trắng đen, có thẩm quyền tri thức giả mạo thời trung thế kỷ rất đáng buồn, họ giống như con mắt khắc trên đá và vẽ trên vải buồm, tuy có cái danh của con mắt lại không có cái thực của con mắt. Ông nói: “Việc xấu nhất là mặc dù họ đang trong bóng đen dày đặc nhất của sai lầm, họ lại tự cho mình là đang trong sự chiếu rọi đầy đủ của chân lý. Do những lý do này, họ liền đem chân lý kiên cố nhất không thể phá nổi xem thành hết sức hoang đường, đem hạnh phúc lớn nhất của chúng ta xem thành không đáng kể, đem quyền lợi chủ yếu của chúng ta xem thành vừa không quan trọng vừa không có giá trị.

Ngược lại, họ lại tuyên dương những cái giả dối, khen ngợi những cái xấu nhất, ca tụng những cái bỉ ổi nhất, bất chấp sự chột hiện của trí tuệ, cười chê những cái họ thu được dễ dàng nhất.

Do họ ngu xuẩn quá mức, trong một sự việc người có tài đức đánh giá là vô vị, vô dụng và không có giá trị, thì họ lại ra sức cố gắng hết mình, lãng phí rất nhiều thời gian, bỏ ra chi phí lớn nhất. Vì thế, trước tiên phải nhận rõ tất cả mọi tội ác của hành vi hung bạo

và độc hại của bốn nguyên nhân như uy quyền, tập quán, thành kiến và khoác lác, lên án chúng, đồng thời gạt bỏ hẳn chúng ra khỏi việc khảo sát của khoa học. Bởi vì mọi chỗ mà uy quyền, tập quán và thành kiến chiếm vị trí thống trị, sẽ không có ảnh hưởng của lý tính, không có phán đoán thẳng thắn, không có ràng buộc của pháp luật, tôn giáo không có địa vị, mệnh lệnh của tự nhiên mất hiệu lực, bộ mặt của sự vật thay đổi, trật tự của chúng hỗn loạn, tội ác lưu hành, đạo đức biệt tăm biệt tích, giả dối thống trị, chân lý thì bị than thở đổ ngã”.

Những ý kiến này của Bacon, chẳng những đã vạch ra nguy hại của vô tri vô thức đối với cuộc sống con người và trật tự xã hội, ông còn phơi bày bộ mặt đáng thương, đáng than đáng ghét của kẻ tri thức giả dối.

Từ đó ta thấy, tri và thức đúng đắn có thể mang lại hạnh phúc cho con người, còn tri và thức sai lầm chỉ có thể mang lại tai nạn cho đời người, mà còn có thể phá hoại trật tự xã hội và sự ổn định đạo đức.

Từ đó, Bacon đã nêu ra một khẩu hiệu nổi tiếng làm chấn động thế giới: Tri thức là sức mạnh! Ông nói: “Tri thức của con người và sức mạnh của con người hợp làm một, bởi vì chỉ cần không biết nguyên nhân thì không thể sinh ra kết quả. Muốn mệnh lệnh tự nhiên thì phải phục tùng tự nhiên. Cái làm nguyên nhân trong suy nghĩ chính là cái làm quy tắc trong hành động”. Đời người muốn giành được hạnh phúc, mấu chốt phải nắm chắc việc làm thay đổi trạng thái của môi trường (hoàn cảnh) sống, làm cho nó phù hợp với mục đích và yêu cầu cuộc sống của mình, mà muốn làm được điều này, phải tìm hiểu và nắm chắc những nguyên nhân căn bản của việc phát sinh và phát triển của thế giới bên ngoài là con đường duy nhất. Do đó, tri thức tạo nên tiền đề đầu tiên của người ta muốn giành được hạnh phúc đời người.

Bacon tiếp tục suy luận nói: “Mục đích khoa học, chân chính và hợp lý là ở chỗ đem lại hạnh phúc cho cuộc sống của loài người, dùng những phát minh và của cải mới làm phong phú cuộc sống của loài người... Khoa học tự nhiên chỉ có một mục tiêu, đó chính là xây dựng và mở rộng một cách củng cố hơn sự thống trị của con người đối với thiên nhiên. Sự thống trị này của con người đối với thiên nhiên chỉ có thể dựa vào kỹ thuật và khoa học mới có thể thực hiện được. Bởi vì con người có bao nhiêu tri thức sẽ có bấy nhiêu sức mạnh, tri thức của họ và sức mạnh của họ là ngang nhau, chỉ có những người lắng nghe tiếng gọi của thiên nhiên (làm cho lý trí của mình phục tùng thiên nhiên) mới có thể thống trị được thiên nhiên).

Con người giành được đủ mọi thứ tri, sinh ra thức có tính sáng tạo mới, thật ra không dừng lại ở đây, con người không phải vì có tri thức mà cố gắng giành tri thức, Bacon nói rất đúng, con người vì giành được đời sống hạnh phúc mới cố gắng đi sâu nghiên cứu tri thức. Cho nên khoa học và tri thức đều phục vụ mục tiêu quan trọng nhất này - đời người hạnh phúc. Khi người ta cố gắng quan sát tỉ mỉ thiên nhiên, đi sâu phân tích và suy nghĩ về xã hội, giành được tri và

hình thành thức, liền dần dần tạo nên tri thức có hệ thống, đây chính là khoa học. Người ta đã nắm được một phần khoa học thì nhận được một phần sức mạnh làm thay đổi thế giới, nắm được tri thức càng nhiều, thì có được năng lực cải tạo môi trường con người sinh tồn trong đó càng lớn. Cho nên tri thức là sức mạnh, trên thực tế chính là nói, tri thức là phương pháp, con đường và động lực của chúng ta cải tạo môi trường sống để đạt được đời người hạnh phúc hơn.

Người ta sinh ra ở đời, không thể không đi mưu cầu hạnh phúc, vì vậy người ta sẽ phải cố gắng giành lấy tri để sinh ra thức, nắm chắc khoa học và tri thức mới có thể thật sự thực hiện được mục tiêu hạnh phúc của đời người.

Đây chính là lời chỉ bảo chân thành của Bacon đối với người đời.

Mùa xuân năm 1626, thời tiết của London lạnh khác thường. Một hôm, khi Bacon đi xe qua Haicaitơ của miền Bắc, đột nhiên ông nghĩ đến lợi dụng thời tiết lạnh này làm một thí nghiệm đông lạnh chống thối rữa. Ông lập tức dặn người lái xe đến chợ mua một con gà, sau khi giết mổ đem nhét tuyết vào trong bụng gà, lại đứng trong gió tuyết quan sát thí nghiệm đông lạnh, thời gian kéo dài nên Bacon bị cảm gió lạnh. Trên giường bệnh, Bacon phẫn chấn viết: Thí nghiệm đông lạnh thu được thành công lớn. Do Bacon thân thể suy yếu không ngờ một khi đã bị bệnh không dậy được nữa, bỗng nhiên chết. Bacon đã từng viết văn có bài Bàn về sự chết, trong đó nói điều ông mong mỏi là phương thức chết đi một cách lặng lẽ trong sự tìm kiếm nhiệt liệt, mà quá trình đời ông chính đã thực hiện được nguyện vọng này.

Chết trong thí nghiệm khoa học giành lấy tri thức đã hoàn thành tâm nguyện của Bacon, bởi vì nó là ngọn đèn sáng dẫn dắt người ta giành được hạnh phúc đời người.

9. Đời người tự phụ

Trên đời có nhiều người không thỏa mãn đối với trạng thái sinh tồn của mình, nhưng cũng có một số người rất thỏa mãn với hiện trạng cuộc sống của mình, hơn thế còn bị đóng khung trong phạm vi cuộc sống và tầm nhìn của mình, đối với trạng thái cuộc sống của người khác thì tỏ ra khinh khỉnh lấy đó để làm nổi rõ sự tốt đẹp và hạnh phúc của cuộc sống của mình. Những người thuộc dạng này có thể gọi là người tự phụ trong đời.

Thái độ nhân sinh thuộc dạng tự phụ, đôi khi không phải không thỏa đáng. Bởi vì đời người hạnh phúc hay không mặc dù có liên quan chặt chẽ với trạng thái vật chất và điều kiện khách quan, nhưng chủ yếu còn là một loại cảm giác của cá nhân. Do đó trong cuộc sống hiện thực, vừa có người ăn mặc không đủ nhưng vẫn vui, cũng có người mặc quần áo lượt là gấm vóc, ăn đủ mọi sơn hào hải vị, ở thì vàng son lộng lẫy, nhưng lại suốt ngày nước mắt đầm đìa. Cho nên, người tự phụ tự cho là đủ, dễ nhìn thấy mặt tốt trong quá trình sống, có thể biểu hiện thái độ

sinh tồn lạc quan, từ đó hưởng thụ hạnh phúc đời người. Đó chẳng phải là rất tốt hay sao?

Nhưng đời người thuộc dạng tự phụ cũng có khiếm khuyết, sự thỏa mãn của họ đôi khi xây nền trên ảo tưởng, họ đóng khung trong phạm vi kinh nghiệm hẹp hòi của cá nhân mình, đối với cuộc sống của người khác, nơi khác tìm hiểu không thật sự, rơi vào trong lạc quan nhân sinh mù quáng. Việc này dễ mất đi mục tiêu phấn đấu của đời người, giảm thấp mức độ cố gắng của mình, làm cho cuộc sống đình trệ không tiến lên được.

Trong sách *Trang Tử - Tiêu dao du* có câu chuyện làm cho người ta phải suy nghĩ nhiều.

Tương truyền ở thời xa xưa, có một loại chim lớn tên là đại bàng. Thân thể nó rất lớn, đáng làm cho người ta kinh ngạc: lưng nó giống như núi Thái Sơn nguy nga, nó giang rộng đôi cánh giống như mây che trời. Bình thường nó lặng lẽ nghỉ trên đỉnh núi Bắc Sơn, đợi chờ đến tháng sáu, trời đất bắt đầu nổi lên những cơn lốc xoáy lớn, chim đại bàng liền mượn thể gió nâng vọt thân lên rồi tung đôi cánh cưỡi gió bay thẳng lên chín vạn dặm, sau đó lưng cõng trời xanh, hai cánh vượt qua mây trôi bay thẳng về phương nam, cuối cùng rơi xuống biển Nam Hải.

Lúc này, một con chim xích yến nhỏ bé đang nhảy nhót trong lùm cỏ, bỗng nhìn thấy chim đại bàng vọt qua. Nó đập đập đôi cánh chế giễu nói: “Anh bay về đâu? Hãy nhìn tôi đây, mặc dù nhảy không quá một thước, bay lên không quá vài trượng, nhưng lại tùy ý nhảy nhót, tùy ý bay trong đồng cỏ, bụi rậm, tự do biết mấy, vui sướng biết mấy! Còn đại bàng, anh tội gì mà phải tốn sức nhờ gió vút lên đến độ cao như thế mới bay, còn phải bay đến nơi xa xôi như thế?”

Chim xích yến vô cùng thỏa mãn đối với mảnh trời con của mình, cảm nhận rất tốt đối với hiện trạng cuộc sống đã có, cảm thấy như thế cũng đủ hạnh phúc một đời rồi, việc gì phải hao tâm tốn sức để theo đuổi những cái xa vời thậm chí là tưởng tượng hảo huyền?

Suy nghĩ kỹ một chút ta có thể biết, thái độ nhân sinh tự phụ này là do chim xích yến bị đóng khung trong mảnh đất sinh tồn nhỏ, hẹp gây nên. Nếu đại bàng sau khi biết được chim xích yến cười chê, nhất định sẽ hỏi vặn lại: Cậu có biết cuộc tiêu dao nhờ cơn gió lốc vọt lên không? Cậu có thể cảm nhận được khoái cảm cõng trời xanh, bay với tốc độ nhanh không?

Chim xích yến đương nhiên là không biết, không cảm nhận được, nhưng nó lại tự mãn, tự cho là đủ và tự phụ. Mục đích kể câu chuyện ngụ ngôn này trong *Trang Tử*, rõ ràng là muốn thuyết minh sự tồn tại và hoạt động của mỗi sự vật đều có điều kiện, chim đại bàng tung cánh bay xa cần nhờ cơn lốc xoáy, chim xích yến bay lượn trong bụi cỏ bông, cũng cần nhờ điều kiện nhất định. Chúng đều có cái mong đợi, cho nên đều không phải là tự do tuyệt đối.

Mọi người có thể đem vấn đề có mong đợi và không mong đợi này giành lại cho các nhà triết học suy nghĩ giải quyết mà đi thẳng vào vấn đề nhân sinh tự phụ của chim xích yến có ý nghĩa gì. Chúng ta ít nhất có thể từ trong đó thu nhận được trí tuệ nhân sinh như sau: trạng thái đời người muốn phát triển, muốn nâng lên thì cần phải mở to hai mắt nhìn người khác, khiêm tốn hỏi cảm nhận sinh tồn của người khác, thể nghiệm thận trọng những cái hay của đời người khác. Trong sự so sánh nhiều mặt nhiều hướng này, người ta mới thật sự có thể phát hiện những khiếm khuyết của đời mình, từ đấy cố gắng thay đổi nó. Giá như giống chim xích

yếu đối với trạng thái sinh tồn của mình thỏa mãn đến mức quên hết tất cả, không thèm đếm xỉa đến đời sống của người khác, vừa không muốn đi tìm hiểu, cũng không muốn thể nghiệm, đương nhiên cũng sẽ không có cách nào biết được chỗ hay của người, thế là đành ắp ủ cuộc sống tự phụ. Kết quả chỉ có thể đóng khung trong phạm vi sinh tồn nhỏ hẹp, thể nghiệm mùi vị cuộc sống của đời người tương đối ít, thậm chí khiến cho đời người hoàn toàn đình lại, mãi mãi lạc hậu, cái gọi là hạnh phúc mà chủ quan họ cảm nhận được kỳ thực là rất nhỏ nhoi, thậm chí là hư ảo.

Đó chính là lý do chúng ta nên vứt bỏ cuộc đời tự phụ.

10. Đời người và “giấc mơ đẹp”

Cảm giác như trong mơ sinh ra trong quá trình của đời người thường có mấy tình huống: Một là khi bị tai nạn lớn của đời người, đột nhiên có bước ngoặt lớn, tất cả đều lật lại, tình cảnh đời người thay đổi triệt để. Lúc đó, người ta đôi mắt ướt nhòa, tựa như mình đang trong mơ, bản thân mình ngỡ ngàng không tin. Còn có một tình huống là người ta đột nhiên gặp việc hoàn toàn không ngờ tới, gặp người không nghĩ tới, sinh ra cảm giác rất đối ngạc nhiên, người ta thường cố sức dụi mắt và xoa mặt, nghĩ rằng đây là giấc mơ. Lại còn một tình huống nữa là: người ta sắp chết, đối mặt với thần chết hung ác từng bước từng bước tiến lại gần, người ta ước ao tất cả mọi việc này chỉ là một giấc mơ. Hôm nay ngủ đi, sáng mai tỉnh lại bầu trời vẫn là ánh nắng đẹp đẽ, trần gian vẫn tốt đẹp như thế, gia đình vẫn yên ấm như thế, nhưng bản thân việc cầu mong này chính là mơ!

Con người trong cuộc sống, đôi khi muốn đem hành trình hiện thực biến thành một giấc mơ, bởi vì nó rất khó tiếp nhận. Đôi lúc lại mong muốn cảnh mơ trở thành hiện thực, bởi vì tình hình đó rõ ràng quá hấp dẫn người ta. Nhưng bản thân hai trường hợp này lại đều là giấc mơ!

Đây là hạnh phúc của đời người? Là bi thương? Là hoang đường? Là giấc mơ hảo huyền! Từ lâu, nhà tư tưởng lớn thời xưa của Trung Quốc Trang Chu nằm ngủ trong ngôi nhà nghèo trơ trọi chỉ có bốn bức tường, ngủ say li bì, ông lơ mơ cảm thấy mình biến thành một con bướm xinh đẹp, đang bay lượn một cách nhón nhơ trong rừng hoa, thật là tự do, thật là đắc ý, thật là hào hứng, thật không biết mình còn là Trang Chu nữa. Sau đó, Trang Chu bỗng nhiên tỉnh giấc, bàng hoàng, ngẩn ngơ không biết mình đang ở đâu, thời gian đến đâu. Một hồi lâu, ông mới hồi tỉnh lại, sờ lên mũi lên mắt của mình, cảm thấy mình lại là Trang Chu. Ông lẩm nhẩm nói một mình: “úa! Không biết là Trang Chu nằm mơ biến thành bướm, hay là bướm nằm mơ biến thành Trang Chu? Thật kỳ quái, Trang Chu và bướm luôn khác xa nhau chứ?”

Trang Tử (tức Trang Chu) gọi trạng thái như mơ mà không phải mơ, không phải mơ mà như mơ này là giới hạn vạn vật và ta đồng hóa.

Theo ông, vạn vật bao gồm cả con người trong đó, đều là do đạo tạo ra, về cội nguồn, về bản chất đều là một khối. Nhiều người sống ở đời đã hoàn toàn quên mất một khối trọn vẹn của cương giới của đạo, vội vàng đi phân biệt sự tốt xấu, khá kém, thật giả, đẹp xấu, biến đời người thành chiến trường của sự phân biệt, chiếm giữ, tranh giành, nhấn chìm đời người vào trong tai nạn lớn, trong bể khổ. Nếu từ lập trường của đạo để xét, vạn sự vạn vật không hề có phân biệt, trạng thái đời người hoàn toàn là một khối nguyên vẹn. Con Bướm và tôi vốn là một khối, tôi mơ trở thành bướm và bướm mơ thành tôi đều không có gì không thể được, đều rất bình thường, người ta không cần cũng không nên phân biệt bừa. Khi người ta có thể đạt tới cương giới đồng hóa với vạn vật này, sao lại có thể đi tranh giành nhau? Sao lại có thể mưu toan thay đổi cái gọi là trạng thái đời người tốt hoặc xấu? Tất cả đều là một, sao lại phải tranh giành? Sao lại có thể thay đổi? Giống như nằm mơ, những cái được, mất phân cắt, chiếm đoạt trong mơ hoàn toàn là hư ảo, người ta sao lại phải so đo tính toán ở trong đó?

Do đó đủ thấy, Trang Chu hoàn toàn nối thông cảnh mơ với cảnh thực của đời người, hợp hai cái thành một. Cho nên Trang Chu mơ thành bướm cũng tốt, mà bướm mơ thành Trang Chu cũng tốt, đều không có gì không thể được, đều có thể là thật, người ta không cần cũng không nên phân biệt bừa. Người ta sao không xem đời người là một giấc mơ đẹp? Người ta sao lại không đem bất cứ giấc mơ đẹp nào đều xem là cuộc đời? Như thế, việc tranh danh đoạt lợi đối với người ta có nghĩa lý gì? Con người vượt ra khỏi cuộc hỗn chiến lớn tranh giành danh lợi của đời người, thế thì liệu có thể có việc, có lúc buồn rầu đau khổ, phật ý lo âu nữa không?

Đời người ảo mộng mà Trang Chu đề xướng này, đích thực rất cuốn hút người ta, nhưng cũng đích thực có rất ít người làm được. Mặc dù ranh giới này không phải người bình thường có thể bước vào được, nhưng nó gợi ý cho chúng ta: Một là đời người đích thực có mặt có tính ảo mộng, nhiều đau khổ của cuộc đời nếu không có cách nào tránh được, người ta có thể đem thực tế tồn tại trong tâm lý đó xem là một giấc mơ trong tinh thần, một giấc mơ rất nhanh chóng có thể qua đi, từ đó để làm tăng năng lực tự mình chống lại tai họa đời người. Hai là ảo mộng cũng có tính hiện thực của đời người. Người ta ngủ say, thường có thể nằm mơ, mơ quả thực là một bộ phận của đời người. Những gì người ta đã làm, đã thấy, đã nghĩ, đã mong, đã nhận được trong mơ, thường cũng có thể cho người ta cảm nhận vui sướng hoặc đau khổ. Sau khi người ta tỉnh lại sống trong hoàn cảnh hiện thực, đôi khi còn nằm mơ giữa ban ngày thêm khát những việc hầu như không thể thực hiện được, nhưng sao biết giấc mơ giữa ban ngày này không thể biến thành hiện thực? Nhiều phát minh khoa học, nhiều thành công lớn của đời người, được thực hiện sau khi người ta mơ giữa ban ngày.

Mọi tình huống đã chỉ rõ, đời người ảo mộng là trạng thái đáng được phân tích cũng đáng được trân trọng trong quá trình đời người.

11. Làm quan hay là câu cá

Làm chính trị, vào quan trường, ở địa vị cao sai khiến hàng ngàn vạn người, đó là trạng thái đời người hấp dẫn biết bao nhiêu. Từ xưa đến nay đã làm cho vô số sĩ phu quân tử đua nhau cầu mong không một mỗi.

Câu cá, cầm chiếc cần câu ngồi bên sông, bên suối nhỏ, một mình buông câu vào trong nước trong sóng lặng, yên lặng chờ đợi để hưởng cái phúc yên tĩnh và cái thú chốn thôn dã, chiều tà mang một vài con cá tươi về nhà, thưởng thức vị ngon lành của bát canh cá. Cái vui thú cảnh đẹp đó, thanh nhàn đó quả thực là cảnh đẹp của đời người, quan sát xưa nay có thể phát hiện, nó cũng thu hút nhiều người rộn ràng nhộn nhịp theo đuổi nó.

Nhưng nếu bày ra vấn đề giữa hai việc hoặc làm quan hoặc câu cá chọn một việc trước mặt mọi người, thì nhiều người đương nhiên không chút do dự chọn ngay việc trước, còn việc sau hãy tạm để lại đó. Quan cao lộc dày, quyền thế sang trọng đó ai mà không thèm đồ mắt, ai lại có thể nén nổi lòng thèm muốn? Ngăn chặn sự cám dỗ to lớn đó?

Nhưng trong lịch sử có một nhà hiền triết lớn là Trang Tử duy nhất có thể làm được. Trang Tử, nhà hiền triết lớn thời xưa, học nhiều học vấn uyên bác, có tài nói năng lưu loát, nhưng một đời không ngưỡng mộ vinh hoa bổng lộc, coi thường quyền quý. Vì thế mà nhà nghèo, bản thân khốn khó thường buông câu ở nơi sông ngòi khe suối, mong được thưởng thức vị ngon lành của bát canh cá tươi.

Một hôm, ông ngồi ngay ngắn bên con suối dưới bóng cây to từ rất sớm buông câu trong ánh nắng ban mai. Gió mát nhẹ nhẽ thối, chim chóc trong rừng cây hót véo von, bốn bề núi xanh lặng lẽ, sức sống của vạn vật dạt dào.

Trang Tử đang chăm chú buông câu, thì hai vị đại thần của nước Sở thở hổn hển đến tìm gặp. Hai người này vâng lệnh của Sở vương đi tìm nhà hiền triết Trang Tử. Bởi vì Sở vương từ lâu đã có chí thôn tính nước khác, một mình thống trị thiên hạ mong muốn tụ tập nhiều mưu thần võ tướng giúp ông sớm thành công. Từ lâu Sở vương đã nghe nói Trang Tử tài hoa tuyệt trần, có phẩm khí khác thường, cho nên sai người đi tìm khắp mọi nơi. Hai đại thần vâng lệnh bốn ba khắp nơi, khó khăn lắm mới hỏi thăm được nơi ẩn cư của Trang Tử, cuối cùng hôm ấy đã gặp được Trang Tử đang câu cá.

“Thưa Ngài”, vị đại thần chấp tay cung kính nói: “Sở vương nghe danh tiếng của Ngài từ lâu, mong muốn mời được Ngài về triều đình, nhất định sẽ giao cho trọng trách, để lo lắng việc nước”. ý tứ rõ ràng không sai, mời Trang Tử bỏ cần câu ra khỏi núi vào chính đàn, mắt nhìn thấy quan cao lộc dày đã với tới dễ như chơi.

Trang Tử vẫn cầm chiếc cần câu không động đậy, ngay ngắn ngồi trên thảm cỏ xanh. Rất lâu, ông vẫn nhìn xuống mặt nước không rời, đầu vẫn không quay lại, miệng nói: “Tôi nghe nói, nước Sở có một con rùa thần lớn đã chết ba ngàn năm rồi, người ta xem nó là vật thần, đem mai rùa treo trên miếu lớn, hàng ngày thắp hương bày hoa quả cúng tế, việc đó có thật không?” Hai vị đại thần vội vàng gật đầu nói đúng là có việc đó.

Trang Tử cuối cùng quay người lại, nhìn thẳng vào hai vị đại thần từ từ nói: “Như thế thì con rùa đen này thà chết đi, để lại bộ xương được người ta tôn sùng? Hay là bằng lòng sống kéo cái đuôi bò trong bùn lầy?”

Hai vị đại thần nhìn nhau, đồng thanh nói: “Đương nhiên bằng lòng sống bò tự do trong bùn lầy”.

Trang Tử bật cười, phẩy tay nói: “Thôi được rồi, xin hai ông về thôi, tôi cũng phải kéo cái đuôi bò tự do trong bùn lầy thôi!”

Hai vị đại thần ngơ ngác nhìn nhau, há hốc miệng ra. Bởi vì họ không hiểu, chức quan cực cao, quyền thế cực lớn, có thể đem lại cho người ta lợi ích hậu hĩnh và thỏa mãn ham muốn quyền thế bẩm sinh của con người, càng khỏi phải nói kèm thêm những cái hay của việc một người làm quan, cả họ được nhờ nữa. Nhưng Trang Tử, chỉ bằng lòng kéo cái đuôi trong bùn, từ chối nơi cung đình của vinh hoa phú quý, há chẳng làm cho người ta khó mà hiểu được ư?

Thực ra, con người mỗi người một chí, con người đối với cùng một sự việc, phán đoán giá trị cũng không hoàn toàn giống nhau, cho nên biểu hiện trên hành vi của đời người cũng không thể giống nhau, điều này không có gì khó hiểu. Trang Tử cho rằng, vinh hoa chốn quan trường là cảnh tượng giả dối nhất thời, sự hống hách của quyền thế là sự hiển hách ngắn ngủi, giống như chiếc mai rùa lớn treo trên tường, mặc dù người ta sẽ xem nó là vật thần, hàng ngày thắp hương bày quả cúng tế nó, biểu hiện lòng kính ngưỡng vô hạn, nhưng nó chỉ là một vật chết, tất cả mọi hiển hách đối với nó phỏng có giá trị gì, có ý nghĩa gì đâu? Trang Tử đã nhìn quan cao lộ đầy là một làn mây khói bay qua mắt nhất thời, không có giá trị gì, đương nhiên sẽ vẫn bằng lòng buông câu ở trong khe nhỏ mà không muốn hưởng thụ vinh hiển ở chốn miếu đường cao vời vợi.

Bởi vậy, người ta sinh ra ở đời cần có ý kiến riêng của mình. Tính tình của con người khác nhau, điều kiện hoàn cảnh sinh tồn cũng mỗi người mỗi khác, theo đuổi của đời người cũng sẽ phải khác nhau. Điều đáng tránh nhất trong đời người là bị những cái mọi người thích lôi cuốn đi một cách mù quáng, tự cho rằng cái người khác theo đuổi sẽ nhất định là cái hay, cho nên mình cũng phải theo đuổi, cách điều khiển đời người này cuối cùng sẽ mang lại trục trặc và đau khổ của đời người. Bởi vì, một là bạn có thể không thật sự thích mục tiêu đời người này, dù là thực hiện được bạn cũng có thể cảm thấy không có ý nghĩa; hai là đối chiếu với mục tiêu đời người này những điều kiện mà bạn có không đầy đủ, bất kể cố gắng theo đuổi như thế nào đều cuối cùng thất bại, mất trắng hết rất nhiều tinh lực và tài nguyên.

Cho nên, con người trong cuộc sống cần phải hiểu: lĩnh vực của đời người vô cùng rộng lớn, việc theo đuổi của đời người cũng vô cùng đa dạng, người ta cần phải có sự phán đoán giá trị riêng biệt và lý tưởng sinh tồn của riêng mình, xây dựng nên mục tiêu đời người của cái mình thích thật sự, và cố gắng thực hiện nó, làm như vậy, mới có thể mang lại cái điểm phúc của đời người thật sự.

Trang Tử chính là đã từ chối sự cảm dỗ của quan cao lộc đầy, bằng lòng làm ngư ông ngồi câu cá, làm ẩn sĩ như thế.

12. Tự do đời người tìm kiếm ở đâu?

Hai chữ tự do cuốn hút người ta biết mấy, khiến cho người ta say mê biết mấy! Mặc dù người người khát khao cầu mong nó, nhưng bình tĩnh nhìn lại thế gian, bèn có thể phát hiện: con người mất tự do biết bao!

Con người bị xiềng xích của vô số quy tắc, trật tự, nguyên tắc, phải chịu đựng ràng buộc của tập tục, xã hội, gia đình và nhà nước đè lên trên nó. Cho nên, tự do đời người ít biết bao nhiêu. Do ít, mới kích động người đời vì nó mà cố gắng phấn đấu, do ít, nó mới trở thành trạng thái đời người tốt đẹp không lúc nào, không chỗ nào không ca ngợi. Nhưng, nếu hỏi thêm: tự do đời người là gì? Tự do có nghĩa là gì? E rằng người ta phần lớn đều khó mà nói rõ ràng được. Có người nói: Tự do chính là nghĩ bất cứ những cái mình muốn nghĩ, làm bất cứ việc gì mình muốn làm, nói bất cứ điều gì mình muốn nói. Nhưng những cái người ta nghĩ, làm và nói, thật ra không thể mang lại cho người ta tin mừng, trái lại tùy tiện tự do phóng khoáng để làm để nói, sẽ mang lại cho đời người những tai họa không ngờ tới. Cho nên, tự do kiểu không có việc gì không làm này lại có ích lợi gì? Người ta không thể yêu cầu thứ tự do như vậy. Vả lại, người ta tuyệt đối không thể muốn nghĩ gì thì có thể nghĩ cái đó, người ta cũng không phải muốn làm gì thì có thể làm cái đó, người ta còn không thể muốn nói gì thì có thể nói điều đó. Truyền thống lịch sử, xã hội, tập tục và ngôn ngữ cùng hun đúc nên con người sống trong đó, trên thực tế nó đã quy định người ta có thể nghĩ gì, có thể làm gì và có thể nói gì. Xét cho cùng, con người chính là không thể tùy ý để làm, vậy thì tự do là gì đây? Một người thợ mài mắt kính Hà Lan thế kỷ 17 đặt đồ vật đang làm trong tay xuống, nghiêm túc và thận trọng nói: “Tự do là nhận thức đối với tất nhiên”.

Người thợ này tên là Spinoza sinh ra trong một gia đình buôn bán Do Thái ở thủ đô Amsterdam Hà Lan. Từ nhỏ ông đã tỏ ra thông minh hơn người, được đánh giá sẽ là ngôi sao hy vọng rạng rỡ của đạo Do Thái. Nhưng người thanh niên Spinoza dần dần được bồi bổ thêm toán học, vật lý học, y học và các kiến thức khoa học khác tỏ ra hoài nghi đối với thần học Do Thái, từ chối sống theo quy chế đạo Do Thái nghiêm ngặt cũng không thừa nhận linh hồn không chết, thiên sứ tồn tại v.v... Vì thế, ông bị khai trừ khỏi Giáo hội.

Ngày 27 tháng 7 năm 1756, Giáo hội Do Thái Amsterdam tuyên bố xóa bỏ giáo tịch của Spinoza, văn bản phát ra nói: “Chúng ta trục xuất, cô lập, căm ghét và nguyên rửa Baruch Spinoza... Chúa sẽ vĩnh viễn không tha thứ ông ta, Chúa sẽ tỏ ra phần nộ và trừng phạt đối với con người này, đồng thời khiến ông ta phải nhận tất cả mọi tai họa nguyên rửa ghi trong sách "Luật Mossheh". Chúa sẽ hủy tên ông ta dưới gầm trời này, hơn thế, Chúa sẽ theo mọi lời

nguyên rửa dưới gầm trời ghi trong sách "Luật Mosheh" trục xuất ông ta khỏi 12 chi tộc của người Israel.

Sự trừng phạt là nghiêm khắc, sự nguyên rửa làm cho người ta hú hồn. Nhưng Spinoza lại cảm thấy như cất đi gánh nặng, thêm tự do hơn. Ông nói: “Rất tốt, như vậy ta sẽ khỏi phải cưỡng ép mình làm bất cứ việc gì mà vốn ý ta không muốn làm, nếu như ta không cần phải lo việc xấu xa nào nữa”.

Do sự tố cáo của đạo Do Thái, Spinoza bị xem là kẻ vô thần, chịu sức ép của nhà cầm quyền Thị chính Amsterdam, ông lánh ở nông thôn, lại di cư đến Hague, cuối cùng thì dựa vào việc mài chế các thấu kính quang học dùng vào kính mắt, kính hiển vi và kính viễn vọng để sống.

Ông vừa mài kính vừa nghĩ, đời người như thế nào mới đạt được tự do? Ông cảm thấy duy chỉ có kiên quyết vứt bỏ những thứ hư ảo vô nghĩa như của cải, vinh dự và sự thỏa thích của giác quan này đem hết sức lực theo đuổi chân lý, mới có thể đạt được tự do của đời người. Ông viết: “Nếu ta quyết tâm triệt để, vứt bỏ ba thứ như của cải, vinh dự và thỏa thích của giác quan làm mê loạn lòng người, thì cái mà ta vứt bỏ chắc chắn là cái ác thật sự, còn cái mà ta nhận được chắc chắn là cái thiện chân chính”, “yêu chuộng những cái vô hạn vĩnh hằng, có thể bồi dưỡng tâm linh của chúng ta, khiến nó thường xuyên vui mừng phấn khởi, không thể bị khổ não chen vào, vì vậy nó rất đáng được chúng ta đem tất cả sức lực đi theo đuổi, đi tìm tòi”.

Có thể dốc hết sức lực, không chút ràng buộc theo đuổi những sự việc đẹp nhất, tốt nhất trong lòng mình, đó chính là tự do của đời người. Còn việc thu nhận lợi ích vật chất, sự hủ hê của dục vọng cảm tính của con người, không thể làm cho đời người giành được tự do chân chính. Đây là những lời chỉ bảo ân cần của Spinoza đối với người đời.

Spinoza dựa vào việc mài mắt kính để duy trì cuộc sống đơn giản, đem tất cả thời gian rảnh rỗi dốc vào hoạt động nghiên cứu và viết trước tác triết học. Tự do là gì, và làm thế nào đạt tới ranh giới tự do của đời người là một trong những vấn đề chủ yếu mà ông nghiên cứu thảo luận.

Spinoza nghiêm khắc chỉ rõ: “Tất cả mọi sự vật trong tự nhiên đều chịu sự kìm hãm của tính tất nhiên nhân quả. Nếu người ta đối với sự biến đổi đột nhiên của sự vật nào đó cảm thấy kinh ngạc và khó hiểu, chính là vì họ vẫn chưa nắm được nguyên nhân biến đổi của nó. Sự lớn lên của một cái cây là vì có hạt giống, săn bắt loài động vật ăn thịt là vì nó có một cơ quan tiêu hóa thịt v.v... Cho nên Spinoza chỉ rõ: “Trong tự nhiên không có bất cứ cái gì ngẫu nhiên”.

Lại xét đến người. Con người khẳng định là một bộ phận của thế giới tự nhiên, cho nên bất kỳ suy nghĩ và hành vi nào của họ cũng đều là có nguyên nhân của nó, đều bị nhiều nhân tố quyết định. Nhưng như thế thì, tự do hành động và suy nghĩ của con người lại từ đâu đến? Đời người há chẳng phải không có tự do đáng nói ư?

Spinoza viết: “Tự do không nằm trong quyết định của tự do, mà nằm trong tính tất nhiên của tự do”, cũng chính là nói, người ta muốn đạt được trạng thái tự do, thật ra không ở chỗ tùy ý lựa chọn, mà ở chỗ ý thức được những tính tất nhiên quyết định hành vi và suy nghĩ của mình,

đồng thời tiến tới dựa theo những tính tất nhiên này sắp xếp hành trình cuộc đời của mình. Cho nên Spinoza tỏ ra vẻ thông thạo chỉ ra: Người ta muốn giành được tự do sinh tồn, con đường duy nhất chính là đi nhận thức, nắm chắc tính tất nhiên của thế giới tự nhiên, tuân theo tính tất nhiên này, dùng nó để chỉ đạo cuộc sống của chúng ta.

Đời người hoặc tự do hoặc không tự do, kỳ thực là đều phải phục tùng tính tất nhiên, chỉ chẳng qua vì người tự do ý thức được tính tất nhiên này và tự giác tuân theo nó. Còn người không tự do là chưa ý thức được tính tất nhiên này, đành bắt buộc hoặc bị ép phục tùng nó.

Đem quan điểm này quán xuyên vào trong việc quan sát đời người thì có thể thấy, tình dục cố nhiên là tình cảm của con người bảo tồn sự rấn sức, bản năng, sự xúc nối của mình, là một loại tính tất nhiên tạo ra từ tự nhiên, là không thể diệt trừ. Nhưng, một người nếu hoàn toàn bị tình dục khống chế, sẽ trở thành nô lệ của tính tất nhiên, không có chút tự do nào đáng nói. Bởi vì dục vọng của họ thường xuyên rơi vào trạng thái không tài nào thỏa mãn nổi, khiến nó mãi mãi rơi vào trong bể khổ của đời người khó mà tự thoát ra được. Ngược lại, giá như một người tự giác dùng lý tính chỉ đạo tình dục của mình, không đòi hỏi những cái căn bản không thể có, tiến hành kiềm chế và dẫn dắt đối với tình dục, như thế, đau khổ tình cảm của họ sẽ rất nhỏ, đạt được tự do của đời người.

Từ đó ta thấy, tự do đời người mà Spinoza chỉ bảo là như thế này: đời người trước tiên cần phải ý thức được vạn sự vạn vật, bao gồm cả con người và xã hội đều chịu sự chi phối của quy luật nhân quả có tính tất nhiên. Sau đó là phải vận dụng năng lực lý tính của con người để cố gắng nắm chắc những tính tất nhiên khách quan này. Cuối cùng thì đem những tri thức có liên quan với tính tất nhiên đã được lý tính nắm bắt vận dụng vào hoạt động thực tiễn của đời người, chỉ đạo, khống chế và quy phạm hóa suy nghĩ và hành vi của đời người, như thế liền đạt được tự do của đời người.

Spinoza viết: “Phàm là một người có thể thật sự nhận là người tài trí, linh hồn của họ là không thích kích thích mạnh mẽ, hơn nữa dựa theo tính tất nhiên vĩnh hằng nào đó có thể tự hiểu bản thân mình, có thể hiểu tinh thần, cũng có thể hiểu vật chất, họ quyết không thể dùng sự tồn tại, mà còn mãi mãi hưởng thụ sự thỏa mãn của linh hồn thật sự”.

Xem ra, tự do mà Spinoza hướng tới nhất là thứ tự do của tinh thần, linh hồn và tư tưởng. Con người của thế tục ước mơ đương nhiên là tự do đời người hiện thực, giành được và dạng tự phóng túng. Nhưng phải nhận thức rõ ràng rằng, bất cứ việc giành được tự do nào đều trước hết phải có nhận thức sâu sắc đối với tự nhiên, xã hội và con người, nắm được tính tất nhiên mới có tự do chân chính, đây là chân lý của người thợ mài kính bảo với người đời.

Nhà thơ vĩ đại Đức Heinrich Heine nói: “Tất cả mọi nhà triết học hiện đại chúng ta, mặc dù có lẽ thường là vô ý thức, đều đã xuyên qua mắt kính của Spinoza mài chế ra nhìn thế giới”. Có lẽ hiện nay còn có thể bổ sung thêm một câu: Tất cả mọi người khát khao giành được tự do trên đời đều nên khiêm tốn nhờ người thợ mài mắt kính này chỉ bảo.

13. Đời người khó lường

Trong cuộc sống, người ta thường có thể sa vào trong một số trạng thái không được như ý muốn mà nguyên nhân rất tế nhị, hơn nữa rất khó phân biệt. Ví như: tôi đối nhân xử thế rất cẩn thận, khi đi lại với người khác cũng suy nghĩ rất chu đáo, nhưng không biết sao, phía bên kia vẫn không cảm kích, vẫn không vừa ý, thậm chí luôn gây khó dễ cho tôi. Lại như: tôi quyết tâm muốn làm thành công một việc gì đó, dày công trù tính, tạo ra rất nhiều điều kiện, cũng nắm chắc thời cơ rất khá, nhưng sự việc thì không phát triển theo hướng mà mình mong muốn, cuối cùng vẫn là làm hỏng, uống phí hết tiền của, thời gian và tinh lực.

Lúc này, bạn có thể cảm thấy rất thất vọng, tâm tình buồn bực, thậm chí rất đau lòng, nếu cái bạn mất đi là bạn bè rất muốn trở thành bạn thân nhất, cái thất bại là sự việc liên hệ mật thiết với cuộc đời sự nghiệp của bạn. Nhưng lúc này, bạn vẫn phải bình tĩnh lại, suy nghĩ thật kỹ một chút.

Trên thực tế, tình huống cuộc đời gặp phải là rối ren phức tạp, có thể nói là thiên hạ rộng lớn không có việc gì là không có. Mà biến lượng quyết định việc nào đó thành công hoặc thất bại cũng khó mà tính được. Thường thường là những chỗ, những lúc bạn hoàn toàn không nghĩ đến và không dự đoán tới, đột nhiên phát sinh biến đổi mới, khiến cho những tính toán kỹ lưỡng của bạn đều tan vỡ. Về điều này, bạn có thể đọc một chuyện ngụ ngôn trong Trang Tử. Sơn bản.

Trong cánh rừng rậm có một con cáo lớn xảo quyết sống, toàn thân nó khoác bộ lông mềm màu đỏ như lửa. Trong vách núi đá cao vút có một con báo gấm lạnh lợi ẩn náu, nó có một bộ lông vàng đen xen nhau. Bình thường chúng nhanh nhẹn cảnh giác, lặng lẽ nghỉ trong lùm cây, ban ngày không ra, ban đêm mới đi kiếm ăn. Khi đói khát không chịu được nữa cũng không dám chạy đến những nơi thôn trang đông người tìm cái gì để ăn, mà lặng lẽ chạy đến những nơi vắng bóng người săn các loại động vật nhỏ ăn. Có thể nói là chúng hết sức thận trọng, dè dặt cảnh giác, nhưng vẫn không tránh nổi bị người đi săn đuổi bắt, rơi tòm xuống cạm bẫy đã giăng từ trước hoặc bị kẹp sắt kẹp, có thể bị người ta ăn thịt, lột da bán kiếm lợi.

Con cáo và con báo đã suy nghĩ đủ điều mà không giải thích được, mình vì sao bị hậu quả như vậy? Chính là do bộ da lông đẹp dễ và đắt giá đã mang lại tai nạn.

Sự nhanh nhạy của con cáo và con báo, giống như sự cẩn thận của con người trong cuộc sống; nhưng ai lại nghĩ được vì bộ lông da chống rét của mình đáng tiền, liền khiến cho nhiều người thêm rõ ràng, ắt phải đặt mình vào chỗ chết mới vui sao? Ai lại tính liệu được trong quá trình của cuộc sống, về phương diện nào của cá nhân, về vấn đề nào có thể sinh ra sơ hở, vì thế bị người khác khinh rẻ, căm ghét và bất mãn? Trạng thái sinh tồn của con cáo và con báo chính là

có thể thuyết mình thay cho đời người khó lường.

Cho nên, người ta sinh ra ở đời, trước tiên phải nhìn thẳng vào việc có thể xuất hiện những sự kiện đột phát không thể lường trước, không thể hoàn toàn suy nghĩ chu toàn được. Khi vạch kế hoạch tốt một việc nào đó, người ta nhất định phải răn mình: kế hoạch này có thể có chỗ sơ hở, kế hoạch này khi thực thi không thể hoàn toàn hoàn thiện không có thiếu sót đúng như trong tưởng tượng. Vì vậy, người ta liền xây dựng nên một cơ chế tâm lý ứng phó sự kiện đột phát, nó có thể làm tiêu tan từng phần công kích của tai họa tạo nên đối với đời người. Khiến người ta có thể kiên cường sống tiếp để lại tiến hành vật lộn với đời một lần nữa.

Ngoài ra, khi người ta thừa nhận mình bất kỳ lúc nào đều không thể nắm chắc hoàn toàn nhịp sống, thì có thể làm cho mình trước khi quyết tâm làm việc gì đó sẽ cẩn thận hơn, sẽ suy nghĩ một số khả năng nhiều hơn, sẽ suy đi nghĩ lại, từ đó người ta sẽ có thể giảm khả năng tai nạn của đời người đến mức thấp nhất, làm cho trạng thái đời người vừa lòng vừa ý xuất hiện nhiều hơn.

Nếu như xét vấn đề này từ trong việc đi lại giữa người này người nọ với nhau, chuyện đau buồn của con cáo và con báo gợi ý cho cuộc đời của chúng ta ở chỗ: chúng ta không thể làm vui lòng tất cả mọi người, chúng ta không thể hoàn toàn không có chỗ đuối bị người bêu riếu. Bởi vì thường thường là cái mà mình cho là tốt thì ở người khác trở thành một cái có uy hiếp, có thể đả kích. Cho nên, trong quá trình đời người, chúng ta phải có đủ dũng khí đối mặt với người khác, nhất là phải cảnh giác với những người có dụng ý riêng, những người mong muốn mình hỏng thì có thể giành lợi. Đương nhiên, biện pháp đơn giản nhất của chúng ta là tránh xa họ một chút, biện pháp tốt nhất là làm cảm động họ, khiến họ không dùng phương thức của người đi săn đối xử với con cáo, con báo để rình mò ước đoán bạn nữa.

14. Bí quyết thành công của đời người

Đời người thành công là mục tiêu mọi người mong muốn. Người thành công, hoặc biểu hiện là thuận buồm xuôi gió, lên nhanh như điều gặp gió chốn quan trường, hoặc vàng bạc hàng ngày lấy đâu mà đong, của cải ùn ùn đổ tới trong thương trường, hoặc nổi trội hơn người, được mọi người hâm mộ trong xã hội, hoặc trở thành tấm gương về đạo đức muôn người tôn kính và bắt chước v.v... Người ta sinh ra ở đời, ai mà không cầu mong vẻ vang như thế? Ai lại bằng lòng âm thầm không tiếng tăm sống qua một đời? Nhưng hãy phóng mắt để nhìn vô số người trong thế gian, người thành công lại lèo tèo được mấy người. Đó là duyên cớ làm sao?

Nguyên nhân quan trọng nhất là mức độ cố gắng của từng người khác nhau, bỏ công sức ra không như nhau, đương nhiên còn có tác dụng của các nguyên nhân như bẩm sinh trời phú cho

và điều kiện môi trường. Nhưng mức độ phấn đấu của con người cuối cùng quyết định một người có thể giành được thành công trong quá trình đời người hay không, đây là điều không còn nghi ngờ gì nữa.

Tương truyền rằng thời xưa có một xạ thủ kỳ lạ, ông chỉ cần vừa giương cung bắn tên đi là chim đang bay cũng phải rơi, thú đang chạy cũng phải gục. Ông có một học trò tên là Phi Vệ, vì chăm chỉ học và khổ công rèn luyện, nên kỹ thuật bắn tên còn vượt hơn cả thầy dạy. Sau khi tin này truyền đi, có một người tên là Kỷ Xương đến gặp Phi Vệ xin học. Phi Vệ nhìn có vẻ dò xét anh ta một hồi rồi nói: “Muốn học tốt việc bắn tên, trước hết phải bỏ công học và tập không chớp mắt”. Kỷ Xương trở về nhà, ngửa mặt nằm dưới khung dệt vải của vợ, hai mắt nhìn chăm chăm vào chiếc thoi chạy qua chạy lại không động dấy. Hai năm trôi qua, có người dùng chiếc dùi nhọn chọc vào hai mi mắt của Kỷ Xương, anh cũng không nháy mắt. Kỷ Xương rất vui sướng, chạy đến nói với thầy dạy là mình đã làm xong việc lớn.

Phi Vệ lắc đầu nói: “Vẫn chưa được, vẫn chưa được”. Anh còn cần phải luyện tập tốt thị lực, mới có thể học tốt việc bắn tên. Nếu anh có thể nhìn vật thật bé thành rất lớn, nhìn mục tiêu lơ mơ thành rất rõ ràng, lúc đó anh hãy trở lại gặp ta”.

Kỷ Xương về đến nhà, suy nghĩ rồi bắt một con rận, dùng một sợi lông đuôi trâu xuyên qua, treo lên trên cửa sổ, hàng ngày anh nhìn về hướng nam, mắt nhìn chăm chăm vào không đảo mắt. Sau mười lăm ngày, con rận dần dần hiện lên rất to trong mắt anh. Ba năm trôi qua, con rận trong mắt anh biến thành rất to giống như một chiếc bánh xe. Kỷ Xương lại nhìn các vật khác, đều to như một ngọn đồi.

Thế là, anh lấy một chiếc cung làm bằng sừng trâu nước Yên, đặt lên một mũi tên làm bằng thân cỏ bông Sóc Đông nhắm vào con rận bắn, dây cung vừa kêu, mũi tên nhọn đã xuyên qua ruột con rận, mà sợi lông đuôi trâu vẫn treo nguyên ở chỗ cũ không hề động dấy.

Kỷ Xương đem kết quả dày công luyện tập của mình báo cáo Phi Vệ, người thầy dạy vui sướng nói: “Giỏi! Anh học đã thành công”.

Kỷ Xương học bắn tên là thật sự muốn học, hơn nữa còn hy vọng có thể trở thành xạ thủ xuất sắc. Việc này sẽ giống như chúng ta sống trong thế gian đều muốn đi qua con đường đời, và lại đều muốn trở thành người thành công trong cuộc đời. Vì đạt được mục đích, Kỷ Xương phải chăm chỉ học tập và khổ công rèn luyện vừa tròn 5 năm, từ việc nhìn con thoi dệt vải không đảo mắt đến việc mắt nhìn chăm chăm vào con rận nhỏ bé không động dấy, hề qua đông tới một phút không nghỉ, cuối cùng đã trở thành một tay thiện xạ danh tiếng đúng với thực tế, có thể bắn một mũi tên xuyên qua bụng rận, còn làm cho dây treo không đứt, thật là kỳ diệu.

Cũng như thế, người đời muốn giành được thành công đời người, cũng không thể không có lòng yêu đời, có thái độ cứng rắn và theo đuổi kiên định của Kỷ Xương. Yêu cuộc đời mới có thể đem hết lòng hết sức thể nghiệm đời người, tìm ra những cái huyền bí trong đó; có thái độ cứng rắn mới có thể bền gan vững chí trong phong ba bão táp của đời người, xem những khó

khắc khổ của đời người là nguồn thu hút kinh nghiệm cuộc sống, làm phong phú kiến thức cuộc sống và sự từng trải của mình, từ đó sống tốt hơn, xếp sắp cuộc đời khoa học hơn. Có sự theo đuổi kiên định, người ta mới có thể có nguồn động lực to lớn của đời người, dẫn bước trên con đường gian nan giành lấy thành công của cuộc đời một cách thẳng tiến không lùi. Bất cứ mọi trở ngại nào trong nhân gian đều có thể vượt qua, bất cứ mọi khó khăn nào đều có thể chiến thắng. Có được ba điều này, lo gì đời người không thể giành được thành công?

15. Thắng mình không dễ

Người ta sinh ra ở đời, có rất nhiều đối tượng phải thắng và có thể thắng, ví như: người ta từ việc tiếp nhận gia giáo đến việc tiếp nhận giáo dục chính quy, trở thành người có trình độ văn hóa nhất định, việc đó là thắng cái gọi là ngu muội vô tri. Người ta muốn tìm sự sinh tồn và cuộc sống khấm khá thì phải cố gắng không mệt mỏi học tập để có một nghề giỏi, đạt được năng lực của một mặt nào đó, giành được nghề nghiệp nhất định, trên thực tế việc này là đã thắng được đối tượng thiên nhiên và đối tượng nào đó, đạt được mục tiêu của đời người. Những việc như thế, mặc dù giữa người này với người nọ về đối tượng thắng và có thể thắng có khác nhau, nhưng một đời của con người cũng chính là quá trình không ngừng thắng mọi đối tượng.

So sánh với chiến thắng những cái bên ngoài, con người không nên quên trong đời người còn có một loại chiến thắng về tâm linh ở bên trong. Hơn thế, mức độ khó khăn của việc thắng về tâm linh, thường thường lớn hơn cái thắng bên ngoài, đây là cái đã được chứng minh từ lâu trong lịch sử nhân sinh.

Cái gọi là chiến thắng bên trong là chỉ việc kiềm chế và làm tiêu tan đối với những mưu toan, dụng ý không tốt, ý hiểm độc, bồng bột quá mức và dục vọng quá đáng tự giác hoặc không tự giác xuất hiện trong tâm linh người ta trong quá trình sinh tồn và cuộc sống. Là người, thường đều có thể ở một lúc nào đó, một nơi nào đó xuất hiện những mưu toan ác ý thế này hoặc thế khác, nếu như không kiềm chế, nó sẽ đưa người ta đi vào con đường sai lầm, làm những việc xấu nguy hại đến người khác và xã hội. Việc đó không những làm cho người khác và xã hội bị tai họa mà còn có thể khiến cho cuộc đời của mình sa vào trong hiểm ác không thể ngờ trước được.

Nhiều người mặc dù có thể dự kiến được những hậu quả xấu này, nhưng vẫn khó mà kiềm chế nổi mưu toan ác ý của mình. Người xưa có nhiều ý kiến đối với việc này.

Tương truyền Tử Hạ và Tăng Tử là những học trò yêu của Khổng Tử, sau khi học xong mỗi người đều bôn ba khắp nơi, đã rất lâu không gặp mặt. Một hôm, hai người cùng gặp nhau trên đường phố, sau một lúc hàn huyên, Tăng Tử nhìn lướt Tử Hạ từ trên xuống dưới một lượt, hơi ngạc nhiên nói: “Lão huynh vốn là người gầy nhom, sao bây giờ béo đầy lên nhiều thế?”

Tử Hạ vui vẻ lộ ra mặt nói: “Tôi đã chiến thắng rồi, cho nên đã béo lên”.

Tăng Tử hơi khó hiểu nói: “Thế nào là chiến thắng?”

Tử Hạ nghiêm nghị nói: “Tôi cần cù đọc sách trong thư phòng, mỗi lần xem những điều đạo đức nhân nghĩa của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, trong lòng liền rất hâm mộ. Đi trên đường phố lại nhìn thấy phú quý vinh hoa của thế tục, trong lòng cũng rất hướng về. Hai ý nghĩ đó luôn đấu tranh không ngừng trong đầu óc tôi, nhất thời không phân thắng bại, cho nên tôi không buồn nghĩ đến cơm nước, nên người cũng vì thế gầy tọp đi”.

“Vậy thì tình hình hiện tại ra sao?” Tăng Tử lại hỏi.

“Những điều đạo đức nhân nghĩa của các bậc tiên vương đã chiến thắng, tôi đã có thể không mù quáng hâm mộ những vụ lợi của thế tục nữa. Cho nên anh xem, Tử Hạ xoa xoa lên má và vỗ vỗ vào bụng, tôi đều béo lên nhiều” (Xem *Hàn Phi tử. Dụ lão*).

Trong lòng Tử Hạ, vốn có hai ý nghĩ trái ngược nhau đang đánh nhau, những cái khó xử của tinh thần đã dẫn đến gầy gò về sinh lý của ông ta, đủ thấy sự đấu tranh kịch liệt. Con người hiện đại muốn kiểm chế thậm chí loại trừ nhiều mưu toan ác ý, trước hết phải học tập tính tự giác này của Tử Hạ, trong lĩnh vực tinh thần cấu trúc một chỗ phán đoán căng thẳng, cũng có nghĩa là suy xét, so sánh những ý niệm bất chính với ý niệm chân chính, ý tốt với ý ác, đạo đức với dục vọng, tốt đẹp với xấu xa v.v... làm nổi bật tính mâu thuẫn của hai cái, dùng phán đoán giá trị bên trong phân rõ tính chất của chúng, thật sự ý thức được những ý niệm nào, những cách nghĩ nào là tốt là hay có thể giữ mãi; những ý niệm nào, cách nghĩ nào là không tốt, phải kiên quyết vứt bỏ, làm được những việc này là bước đầu tiên chiến thắng mình. Sau đó, vẫn phải không ngừng kiên trì, làm cho những nhận thức đúng đắn trong tư tưởng biến thành hành động thực tế, biểu hiện rõ cái thiện, biểu hiện ra cái hay, biểu hiện ra chân thực trong hoạt động của đời người hiện thực. Đến đây, người ta đã đạt được sự thống nhất của tinh thần với vật chất, sự nhất trí của tư tưởng và hành vi, có thể giống như Tử Hạ chiến thắng mình cho nên béo, loại bỏ mọi sầu muộn, mâu thuẫn, băn khoăn trong lòng, tinh thần bắt đầu vui vẻ, hành vi cũng có thể phù hợp với nhu cầu xã hội, trạng thái đời người ắt sẽ hướng tới trạng thái tốt đẹp, do đó con người cũng sẽ thật sự có thể béo lên.

16. Nguồn động lực của đời người tìm ở đâu?

Người ta sinh ra ở đời, điều đáng lo lắng nhất không ở trạng thái nghèo khó của cuộc sống vật chất, điều đáng buồn rầu nhất cũng không ở chỗ tố chất văn hóa thấp và đời sống tinh thần nghèo nàn, bởi vì chúng đều có thể qua sự cố gắng của đời người làm thay đổi được.

Nhưng người ta làm sao có thể cố gắng phấn đấu? Làm sao có thể cần mẫn không mệt mỏi làm

thay đổi hoàn cảnh sống? Mấu chốt ở chỗ họ phải có mục tiêu của đời người và nguồn động lực của đời người. Cho nên việc đáng lo lắng nhất của đời người là người ta rơi vào trạng thái tê liệt lơ mơ không biết tìm từ đâu. Việc đáng buồn nhất là ở chỗ người ta đối với việc gì cũng đều không tỏ ra hứng thú, đối với bất cứ biến đổi nào của sự vật đều mang trạng thái hồn nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

Nhưng nếu hỏi vặn lại thêm nữa, làm thế nào mới có thể làm cho đời người có mục tiêu và cuộc sống có nguồn động lực? Phương pháp và con đường đi có nhiều, nhưng một trong những việc trong đó là thường xuyên nhớ lại những lúc, những việc khó khăn gian khổ nhất trong đời mình, có thể khơi dậy được tình cảm mãnh liệt bột phát của sự sinh tồn của con người, có thể xây dựng nên mục tiêu phấn đấu cao xa của đời người.

Trong sách *Lã thị Xuân thu*. Trục gián đã ghi chép một câu chuyện như sau kể lại thời Xuân thu Tề Hoàn công danh tiếng lừng lẫy cùng ngồi uống rượu với các đại thần tâm huyết như Quản Trọng, Bão Thúc Nha và Ninh Thích. Khi uống đến lúc hào hứng sảng khoái, Tề Hoàn công đặt chén rượu xuống nói với Bão Thúc Nha: “Chỉ uống mà không nói, chẳng có ý nghĩa gì. Vì sao lại không nâng chén chúc nhau?”.

Bão Thúc Nha cung kính nâng chén rượu lên nói: “Mong đại vương đừng quên những khó khăn gian khổ phải vội vàng chạy trốn sang nước Cử”. Tề Hoàn công là em trai của Tề Tương công, người ta gọi là Tiểu Bạch. Tề Tương công khi tại ngôi vô đạo, không nhòm ngó đến chính sự, giết bừa bãi nhiều người vô tội, họa lan tới Tiểu Bạch, ông bị ép phải chạy đến nước Cử. Về sau Tương công bị giết, Tiểu Bạch đã làm vua nước Tề. Bão Thúc Nha chúc rượu như thế là mong ông không nên quên gốc, dốc sức vì nước.

Bão Thúc Nha lại nói với Quảng Trọng: “Mong ông chớ nên quên việc trước kia bị tù ở nước Lỗ”. Quản Trọng từng là thầy học của công tử Cử, Tề Tương công khi ở ngôi, ông cũng bị ép cùng công tử Cử đến nước Lỗ lưu vong. Tương công bị giết, ông bị nước Lỗ bắt giam, cho nên Bão Thúc Nha đã có lời chúc rượu như thế.

Bão Thúc Nha quay người sang phía Khách khanh Ninh Thích nâng cốc nói: “Mong ngài chớ nên quên những năm tháng gian khổ đánh xe trâu chở hàng”. Gia đình Ninh Thích nghèo rớt mồng tơi, quanh năm phải dùng xe trâu chở hàng để sống, về sau ngẫu nhiên gặp được Tề Hoàn công, được đề bạt trọng dụng. Cho nên Bão Thúc Nha chúc lời như thế.

Hoàn công nghe xong những lời chúc rượu của Bão Thúc Nha, tự cảm thấy kính phục, tự mình rời khỏi chỗ ngồi đến từng người chúc mừng và nói: “Ta và các ông đều chớ nên quên những lời của Bão Thúc Nha nói hôm nay thì đất nước sẽ rất hạnh phúc, dân trăm họ rất hạnh phúc”.

Bão Thúc Nha chúc rượu nhắc đến đều là những việc nghĩ lại mà đau lòng trước kia của Hoàn công, Quản Trọng và Ninh Thích, thực tế là vạch ra vết thương để mọi người nhìn thấy lớp sâu máu đầm đìa. Người ta có thói quen hay lãng quên những việc cũ, càng có tính không muốn nhớ đến những lúc, những việc gian nan của đời người đã qua. Nhưng Bão Thúc Nha lại một mực muốn nêu lên những việc cũ, nhắc đến vẫn những việc đã qua đau khổ nhất, gian nan nhất của Hoàn công, Quản Trọng và Ninh Thích, mục đích chính là ở chỗ khêu gợi họ trân trọng

những giờ phút tốt đẹp của hiện tại, phấn chấn cố gắng. Vua phải chăm lo việc nước để trăm họ trong thiên hạ sống yên ổn và hạnh phúc, còn bầy tôi thì nên dốc lòng dốc sức phò tá vua làm cho triều chính trong sáng, dân đen trong thiên hạ được sung sướng.

Một đời người ắt có lúc thuận lợi hạnh phúc, nhưng khảng định cũng có giai đoạn gặp ghềnh, khó khăn và đau khổ. Người ta không những phải thường xuyên nhớ lại những việc cũ hạnh phúc làm mình mãi mê, càng nên luôn luôn khơi ra những quá khứ gian nan khổ đốn đau lòng, lấy nó để răn mình, lấy nó để khích lệ mình. Hơn nữa, những lúc những việc nghĩ lại mà đau lòng của người ta có thể sinh ra nguồn động lực nhân sinh lớn mạnh, nó thôi thúc con người cố gắng không mệt mỏi hướng tới mục tiêu của đời người, làm cho đời người càng thêm đầy đủ, càng thêm huy hoàng. Ngược lại, người ta nếu không những không muốn nhớ lại quá khứ, thậm chí cố ý quên nghĩ đến những việc xưa đau lòng nhức óc, thì không nhận rõ được trạng thái đời người trước mắt ra sao, bởi vì không có cách nào so sánh phân biệt, càng thiếu mục tiêu và động lực của đời người tiến lên, bởi vì không có cơ chế khích lệ. Như vậy ắt hẳn làm cho cuộc sống tương lai của mình sẽ tối tăm mù mịt, tiền đồ mịt mù.

17. Tự dựng dựng chuyện

Con người là một loại động vật có lý trí, cho nên ngoài thế giới vật chất ra, trải qua hàng ngàn vạn năm tích lũy, đã sáng tạo ra thế giới văn hóa so với thế giới vật chất phức tạp rất nhiều. Con người muốn nhận rõ một cách chân thực thế giới vật chất đã là không dễ dàng rồi, loài người đáng thương lại phải hao tổn rất nhiều tinh lực và thời gian tìm nhận thức đối với thế giới văn hóa.

Nói chung, người ta cư xử với người về việc, sinh tồn và đời sống đều nên đạt được nhận thức khách quan đối với thế giới vật chất và thế giới văn hóa, nhưng hoặc là do phương pháp nhận thức không đúng, đường đi có sai lầm, hoặc là thủ đoạn không có đủ, điều kiện không đầy đủ, người ta thường thường không nhận được tri thức thật sự mà lại nhận được tri thức huyền ảo, thậm chí là tự dựng bịa đặt ra, việc này rất có hại đối với đời người.

Tương truyền có một người con trai của trưởng giả, mới cưới một cô vợ đẹp, tình cảm rất chan hòa, yêu mến nhau lại còn kính trọng nhau. Một hôm, chồng nói với vợ: “Cô đến bếp lấy một ít rượu nho ngon lại đây, hai vợ chồng mình cùng uống”.

Người vợ vâng lời đi đến bếp, lấy ấm rượu rồi mở hũ rượu lớn ra, đang muốn múc rượu, chợt phát hiện trong hũ rượu có một cô gái xinh đẹp đang nhìn cô cười. Cô bèn đem cái nắp đây vút xuống đất nghe phạch một tiếng một cách giận dữ, chạy về phòng chính lớn tiếng làm ầm lên với chồng: “Anh đã có vợ, giấu trong hũ rượu, vì sao muốn lừa cưới tôi!”

Người chồng cảm thấy quái lạ, đến tận bếp tự mình mở hũ rượu, kết quả phát hiện một người đàn ông giận dữ ở trong đó đang trừng mắt nhìn anh ta!

Người chồng này nổi giận trở về phòng chính, trách mắng vợ giấu một người đàn ông trong hũ rượu. Hai vợ chồng cãi nhau mãi không thôi, làm om sòm lên càng dữ.

Lúc này, vừa hay có một người bạn rất thân với người chồng đến, hai vợ chồng giành nhau kể những chuyện oan ức của mình cho anh ta nghe, anh ta xoa xoa tay, khuyên hai người họ trước tiên hãy không nên cãi nhau nữa, đợi anh ta đi xuống bếp để phân biệt rõ thực hư.

Anh cũng mở hũ rượu bỗng nhiên nhìn thấy một người đàn ông rất giống mình ẩn ở trong đó, liền nổi lên bực tức trong lòng, lớn tiếng nói với hai vợ chồng đang làm ầm lên: “Chính hai bạn đã có người bạn tốt ẩn nấu trong hũ rượu, vẫn còn đang giả vờ cãi nhau to để làm gì!” nói xong, cầm giận rồi khinh khỉnh bỏ đi.

Lúc này lại có một vị ni sư thường ngày trưởng giả khoản đãi rất ân cần đến, sau khi bà nghe xong đầu đuôi của việc cãi nhau cũng tự mình xung phong đi đến bên hũ rượu đứng xem, kết quả phát hiện ở bên trong rõ ràng hiện ra một ni sư, cũng giận dữ bỏ đi.

Cả nhà càng làm ầm ĩ lên không chịu được nữa. Một lát sau, một vị cao tăng đắc đạo bước vào cửa, đi đến bếp khảo sát ngay tại chỗ, phát hiện trong hũ rượu chẳng qua chỉ là cái bóng người của mình mà thôi, thở dài nói: “Người đời ngu dốt thật, cho cái không là thật!”

Ông gọi mọi người cùng đến bếp, nói: “Tôi sẽ xoa đuổi người trong hũ rượu cho các bạn”. Nói xong liền khuôn một hòn đá lớn đập vào hũ rượu, hũ vỡ tan rượu chảy hết đều chẳng thấy người nào trong đó.

Hai vợ chồng mới cưới cuối cùng đã rõ người trong hũ rượu vốn đều là cái bóng của mình, bất giác bắt đầu xấu hổ.

Xem bóng người là người thật, dần dần nổ ra một trận cãi nhau lớn vốn không nên xảy ra. Có lẽ người ta có thể nói bóng người trong hũ rượu ai mà không biết, chỉ có như đôi vợ chồng quá dốt này mới có thể xem là người thật. Nhưng, người ta nếu bình tĩnh xét lại mình một chút, không đến nỗi quá tự tin như thế, tự vấn lương tâm một cách thực sự cầu thị và khiêm tốn, sẽ có thể phát hiện: mình đã từng có rất nhiều nhận thức sai lầm, có quá nhiều tri thức huyền ảo như thế, từ đó dẫn đến nhiều hành vi sai lầm, thậm chí có thể mang lại tai họa cho đời người.

Trên thực tế, cảm giác và nhận thức hư ảo tự dựng dựng chuyện đó trong quá trình đời người thường thường xuất hiện, thậm chí có thể nói không một người nào có thể tránh được sự quỷ rầy của nó.

Cho nên, người ta sinh ra ở đời phải hết sức cẩn thận, nghiêm chỉnh và khiêm tốn, không nên bị cảnh tượng giả mê hoặc, không nên thói phồng hoặc thu nhỏ sự thực, không nên biến giả thành thật, cũng không nên làm cho cái thật thành giả. Nhận thức vạn sự vạn vật một cách chân thực và khách quan, mới có thể có tri thức và sức mạnh đúng đắn đối xử với đời người,

quy hoạch cuộc đời và sắp xếp cuộc đời, chỉ có như vậy người ta mới có thể nhận được cuộc sống hạnh phúc như ý muốn.

18. Xây lâu đài trên không

Người ta trên đời phần nhiều đều có lòng ước ao ví như hiện nay thường có nhóm người theo đuổi các ngôi sao.

Ngôi sao ca nhạc xinh đẹp đó cất giọng lên hát, âm thanh vang vọng khắp cả thế giới và có thể quán vào không gian mãi không ngừng. Một ngôi sao thể thao vạm vỡ mỗi lần giơ tay vung chân đều có thể làm cho nhiều người phải lú lẫm không nói nên lời. Lại còn có những ngôi sao trên diễn đàn ăn nói hoạt bát, hấp dẫn dắt dẫn được nhiều người lúc sang phía này lúc lại sang phía khác, giống như một con rối theo sau họ. Còn có những ngôi sao điện ảnh hình dáng xinh đẹp khiến người ta chới mắt, hơn nữa hầu như không có việc gì không làm được, hô gió gọi mưa, tự nhiên thoải mái v.v... và v.v... Thế là, người ta trên đời hầu như đều mơ ước nổi trội hơn người, biến thành ngôi sao này hoặc ngôi sao nọ - Loại mục tiêu theo đuổi đời người này, một số người trải qua gian khổ phấn đấu đã đạt được, thật sự trở thành ngôi sao, còn nhiều người thì thế nào cũng thực hiện không nổi mơ ước, không tài nào trở thành ngôi sao, đây là một loại định mệnh của con người. Bởi vì giá như bất cứ người nào cũng đều có thể trở thành những ngôi sao, thế thì bèn chẳng có ngôi sao nữa.

Đáng tiếc là người hiểu được cái lý đó không nhiều, người ta vẫn đang theo đuổi ngôi sao, sau đó khát khao trở thành ngôi sao. Càng có những người quá đáng hơn, nhiều người chỉ nhìn thấy ánh sáng chói mắt của các ngôi sao, lại không biết sự huy hoàng của các ngôi sao có được hôm nay thì những ngày qua họ đã phải tuôn ra không biết bao nhiêu mồ hôi, phải trả giá cao bao nhiêu, phải bước qua những chặng đường gian nan khúc khuỷu bao nhiêu.

Thời xưa có một người nhà giàu, đến chơi một nhà phú hào khác nhìn thấy tòa nhà ba tầng của họ rất lộng lẫy, rộng rãi sáng sủa, trong lòng sinh ra hâm mộ liền nghĩ ngợi rằng: Tiền của của ta căn bản không ít hơn so với người chủ nhà này, vì sao lại cũng không làm được ngôi nhà lầu đồ sộ lộng lẫy như thế?

Người nhà giàu này sau khi về nhà lập tức gọi một nhóm thợ đá và thợ mộc đến, hỏi: “Tòa nhà của nhà kia có phải là các anh làm không?” Những người thợ đáp là đúng. Người nhà giàu bảo: “Thế thì tốt, các anh cũng làm cho ta một ngôi nhà lầu như thế”.

Những người thợ mộc, thợ đá bắt đầu bận rộn tới tấp, trước làm nền móng, sau chuyển gạch ngói, bắt đầu xây cất tầng thứ nhất của ngôi nhà. Sau khi người nhà giàu nhìn thấy, trong lòng sinh nghi ngờ, chạy đến hỏi: “Các anh đang làm cái nhà gì đây?” Những người thợ đáp: “Chẳng phải ông đã bảo xây nhà lầu ba tầng không?”

Người nhà giàu lắc đầu nói: “Không, không! Tôi không muốn hai tầng ở dưới, chỉ cần tầng thứ ba thôi, hãy nhanh làm cho tôi đi!” (Xem *Bách dụ kinh*).

Người nhà giàu ngu ngốc này chỉ muốn tầng thứ ba, vứt bỏ nền móng không thèm để ý, câu chuyện này đủ để làm cho người ta không nhịn được phải phá lên cười. Nhưng cười xong, có thể bình tĩnh lại suy nghĩ, người theo đuổi ngôi sao lại khát khao trở thành ngôi sao đó, người mong ngóng đời người huy hoàng mà theo đuổi thành công lớn đó, nếu chỉ nghĩ một đêm thành danh, một tối thành công trả giá ra càng ít càng tốt, chỉ cần kết quả, không cần đặt nền móng, thế thì sẽ giống như người nhà giàu ngu dốt này, xây dựng nhà là lâu đài trên không, mãi mãi không thể thực hiện được nguyện vọng trong lòng, mà còn bị cười giễu ở đời.

Để không bước theo vết chân của người nhà giàu ngu này, mọi người nên hiểu sau lưng sự thành công là phải có chuẩn bị gian khổ và dài lâu, là phải trả ra cái giá nặng nề và nhiều mặt. Muốn đứng mãi trên đỉnh tòa nhà cao gọi gió xuân, nhìn cảnh đẹp xa thì phải xây tốt cái nền của từng tầng từng tầng vững chắc. Cho nên, người muốn trông mong trở thành ngôi sao, người muốn khát khao sự huy hoàng của đời người thì phải đi từng bước vững chắc, từng bước phải đổ mồ hôi, rảo bước tiến tới mục tiêu một cách điềm tĩnh mà vững chắc.

Có lẽ, vẫn sẽ có rất nhiều người thất bại, điều này đã giải thích rõ ràng việc nhiều người vĩnh viễn không thể trở thành ngôi sao này, ngôi sao nọ. Trên thực tế, ngoài các ngôi sao, lĩnh vực đời người còn rộng lớn vô hạn, không nhất thiết cứ phải trở thành ngôi sao, càng có nhiều người vẫn muốn trên con đường đời bình thường cố gắng sáng tạo ra thành tựu to lớn của đời người phi thường. Xác lập mục tiêu phát triển thích hợp với mình hơn, sự trả giá của bạn, mồ hôi của bạn mới có thể hy vọng có được thành quả to lớn.

19. Tự biết mình

Con người vì sao có thể là quý nhất trong vạn vật, có thể điều khiển vạn vật? Bởi vì con người có thể biết vật, cũng có nghĩa là tìm hiểu sự huyền bí của vạn sự vạn vật, dựa theo đặc tính của nó và nhu cầu của loài người làm thay đổi trạng thái tự nhiên sinh tồn của vạn vật, từ đó đạt được mục đích làm cho vạn vật phục vụ cho mình.

Nhưng con người mặc dù có sở trường nhận thức vạn vật, lại yếu kém về phân tích mình, thậm chí nhận thức đối với mình căn bản lại là hư ảo và méo mó. Con người đích thân đi nhận biết vạn vật có thể không hề tiếc sức lực, còn con người muốn đạt được năng lực tự biết mình lại có nhiều kiêng dè: một là không dám mở hết tâm hồn để cho những điều bí ối, vẫn đục, đen tối ở trong đó phơi trần ra dưới ánh sáng giữa ban ngày. Hai là không bằng lòng cũng không muốn để một số cách nghĩ nào đó của mình hoàn toàn hiện ra rõ ràng ở đời, mặc người đánh giá. Ba

là bản thân mình đối với mọi phương diện của mình ngược lại không nhận ra rõ ràng, thậm chí hoàn toàn làm sai, đến nỗi không biết mình là ai, không hiểu được mình đang yêu cầu cái gì, nhất là đánh giá sai lầm đối với năng lực của mình. Ba điều này đều khiến cho người ta khó mà nhận rõ được mình, từ đó làm trở ngại rất lớn đến sự thông suốt trên đường đời và sự thành công phấn đấu của đời người.

Tương truyền có một người phụ nữ quý phái, vì bị em gái chồng ngược đãi, giận dỗi bỏ nhà đi, trốn vào trong rừng, đang suy nghĩ đến một nơi nào đó tự vẫn, trong chốc lát chưa tìm được nơi thích hợp. Những tiếng bước chân đi lộn xộn ở phía sau truyền tới, người phụ nữ trong lúc hoang mang trèo lên một cây to. Dưới cây có một đầm nước, trên mặt nước hiện lên khuôn mặt xinh đẹp của người phụ nữ.

Vừa đúng lúc này có một cô đầy tớ hình dáng rất xấu gánh hai cái lọ bằng đất nung đến đầm lấy nước, cô đặt hai lọ đất xuống đang muốn lấy nước, bỗng nhiên nhìn thấy một khuôn mặt xinh đẹp hiện lên trên mặt nước, hết sức vui mừng, đứng ngây ra không nhúc nhích, ý nghĩ xoay chuyển rất nhanh: “Mình lớn lên xinh đẹp đoan trang như thế này, vì sao lại chỉ gánh lọ đi lấy nước cho nhà chủ?”

Nghĩ đi nghĩ lại, cô đập tan hai lọ nước, chạy thẳng về nhà, vừa bước vào cửa liền la ầm lên: “Mặt mũi tôi lớn lên xinh đẹp như thế này, tại sao vẫn bắt tôi gánh nước và làm những việc lật vật!” Mọi người kinh ngạc hồi lâu, đều nói: “Cái con đầy tớ này có lẽ ma quỷ đã nhập vào người, đã làm rối loạn tâm trí nó, đến nỗi nói lung tung rồi!” Lại nhét cho cô ta hai lọ nước khác bắt cô phải lập tức đi gánh nước ngay.

Cô đầy tớ hậm hực đi, lại nhìn thấy khuôn mặt xinh đẹp hiện trên mặt nước, trong lòng bỗng chốc sinh ra ầm ứ vô hạn, lại đập tan hai lọ nước lần nữa. Người phụ nữ kia đang ngồi trên cây, thấy thế không nhịn nổi liền phá lên cười khúc khích. Cô đầy tớ nhìn thấy khuôn mặt cười trong nước, ngẩng đầu lên nhìn đã phát hiện ra người phụ nữ quý phái ở trên cây, lúc này mới bừng tỉnh, người phụ nữ xinh trong nước vốn không phải là mình! (xem *Đại trang nghiêm luận kinh*).

Trên đời người ta phần nhiều giống như cô đầy tớ này, nhận thức đối với mình không rõ ràng, đánh giá mình quá cao, từ đó đã làm những việc ngu xuẩn hoặc việc sai lầm, chuốc lấy sự cười chê của người đời, cũng gây ra không biết bao nhiêu việc đau lòng trong đời.

Đương nhiên, trên đời cũng có lắm người đã đánh giá mình thấp. Họ đều đánh giá chưa đủ đối với trí tuệ và năng lực của mình, vì thế gặp việc đều chùn chân chùn tay lại, không dám phấn đấu tự cường làm nên việc gì, đã hoàn toàn lãng phí thời gian tốt đẹp của đời người, để trượt nhiều cơ hội đời người giành được thành công. Đây vừa là tổn thất của sự phát triển xã hội, cũng là bi kịch đời người của mình.

Cho nên, người ta sinh ra ở đời, cố nhiên phải cần mẫn để đi tìm tri thức đối với sự vật khách quan, nắm vững bản chất của sự vật khách quan, quy luật phát triển của xã hội v.v... Nhưng

điều quan trọng ngang nhau là phân tích mình, có nhận thức đúng đắn, sâu sắc đối với tập quán, trình độ trí tuệ, năng lực cao thấp của mình v.v... từ đó hình thành sự đánh giá đúng đắn đối với mình có thể làm cái gì, không thể làm cái gì, nên theo đuổi cái gì, không nên theo đuổi cái gì. Như thế và cũng chỉ có như thế, mới có thể xây dựng nên những mục tiêu đời người đúng đắn nào đó, làm cho thể năng, trí năng và điều kiện khách quan bên ngoài của mình thích ứng và phối hợp với mục tiêu đời người của mình. Chỉ có như thế, một người trong quá trình sinh tồn và sinh hoạt, mới có thể nâng cao hiệu suất thành công, giảm bớt cảm giác sai lạc, giành được trạng thái đời người thuận lòng vừa ý nào đó.

20. Giữ mình trong sạch

Người ta sinh ra ở đời khó tránh có lúc thoái trào, có giai đoạn sinh tồn không như ý mình, thậm chí dấn thân vào trong bầu không khí của hoàn cảnh xấu. Mở mắt nhìn xung quanh bạn có thể phát hiện, xung quanh đều là những người đều cáng, những kẻ trộm cắp và những kẻ thô tục v.v... Lúc này người ta không lưu ý một chút, tâm thần không vững một chút thì sẽ có thể bị chìm đắm vào hoàn cảnh xấu xung quanh và cùng một giuộc với những kẻ bỉ ổi, thế thì sẽ làm hại cả đời mình.

Cho nên, trong hoàn cảnh khó khăn, khi chung sống với kẻ tiểu nhân bỉ ổi, nhất định phải trong lòng có ý kiến riêng, trên tinh thần phải giữ được một mảnh đất thiêng liêng và trong sạch, luôn luôn cảnh giới mình, trên cơ sở này tích tụ năng lượng, cố gắng thoát ra khỏi cảnh khó khăn, cuối cùng đạt được trạng thái sinh tồn tốt hơn.

Nhà đại văn hào thời Đường Liễu Tông Nguyên đã từng kể một câu chuyện nói là: Vùng đất Phù Phong có một chàng thanh niên họ Mã, anh ta nói khi mình mười lăm, mười sáu tuổi thường hay nô đùa với nhiều trẻ con tại đình hóng mát ngoại ô Trạch Châu. Bỗng nhiên từ trên trời giáng xuống một cô gái kỳ diệu, xung quanh người tỏa sáng khắp nơi, cô khoác chiếc áo da màu xanh bên trong có hoa văn màu trắng, trên đầu đội một chiếc mũ phượng bước đi một bước lại lắc một cái. Những đứa con cái nhà giàu chót nhả kia nhìn thấy cô ta trước tiên là ngơ ngác, sau đó là vui thích, dần dần xúm xít lại bắt đầu trêu ghẹo cô ta.

Cô gái kỳ diệu này nghiêm sắc mặt lại, lớn tiếng quở trách: “Các người không được bừa bãi! Ta vốn là ở trên Thiên cung của Ngọc Hoàng Thượng đế, đi đi lại lại giữa các vì sao, hít thở là tinh khí âm dương. Ta khinh rẻ chốn Bồng Lai, xem thường Côn Luân không thèm đi đến những nơi đó. Ngọc Hoàng lấy có ta quá ngông cuồng, nổi giận giáng ta xuống phàm trần, sau bảy ngày ta tự trở lại Thiên cung. Hôm nay, ta mặc dù nuốt nhục hạ xuống trần thế, nhưng quyết không thể trở thành vợ của các người. Các người lại chót nhả với ta như thế, sau khi về Thiên cung, ta nhất định giáng phạt các người!”.

Mọi người nghe cô ta nói một thôi một hồi những lời lẽ nghiêm khắc như thế, thấy đều khiếp

sợ, mọi người nhìn nhau rồi từng người từng người chuẩn khởi.

Cô gái này bắt đầu đi đến một ngôi chùa, ở tại nhà giảng kinh. Bảy ngày sau, cô lấy một cốc nước uống hết, khí thở ra đã biến thành đám mây màu sắc sặc sỡ, sau đó đem chiếc áo da lột lại mặc vào người, phút chốc đã biến thành một con rồng trắng, vụt bay thẳng lên bầu trời, không nhìn thấy tung tích đâu nữa. Người ta không rõ cô ta cuối cùng đi đến đâu, đều cảm thấy rất kỳ lạ (xem *Liêu Tông Nguyên tập*).

Thử nghĩ xem vị nữ thần này sau khi bị giáng xuống trần thế, nếu chán nản ngã lòng, không có niềm tin đối với tiền đồ ắt sẽ cùng một giuộc với thế gian, vứt bỏ nhân cách, sống cuộc đời vô nghĩa, do đó chỉ có thể kết thúc một đời ở chốn phàm trần, há chẳng đáng tiếc lắm sao!

Chuyện của nữ thần đương nhiên là một chuyện ngụ ngôn, nhưng lấy đó làm gương, tương tự có thể phản ánh tình trạng thực tế của đời người. Giống như người ta trong tai họa cần phải điềm tĩnh thản nhiên, người ta trong hoàn cảnh khó khăn không được như ý muốn cũng nhất định phải giữ được nhân cách, khí tiết và niềm tin, quyết không nên để mất lòng tin, vứt bỏ cố gắng, trôi theo dòng nước. Nếu chìm đắm trong hoàn cảnh xấu, chắc chắn là làm hạ thấp giới hạn tồn tại của mình, càng nên không ngừng nâng chất lượng đời người lên.

Trên thực tế, kinh nghiệm cuộc sống của những người thành công chứng tỏ, kết cục của đời người tốt hay xấu, thường thường ở chỗ trong hoàn cảnh khó khăn có kiên trì được hay không, có giữ được sự cao cả và thiêng liêng trong tâm hồn hay không. Mặc dù đôi khi người ta trong hành động hòa cùng với hiện thực như bắn một cách bất đắc dĩ, trà trộn giữa những kẻ tiểu nhân bỉ ổi, nhưng quyết không thể để cho những cái đó xâm nhập vào tâm hồn, làm thay đổi nhân cách, làm như bắn ranh giới tinh thần trong sáng. Chỉ cần người ta còn có một mảnh đất sạch trong tâm hồn, về tinh thần còn có theo đuổi sự cao cả, một người luôn còn có hy vọng. Sau đó thì phải không ngừng cố gắng, khắc phục khó khăn gian khổ làm thay đổi hoàn cảnh xấu, cách xa những kẻ tiểu nhân bỉ ổi, cuối cùng ắt sẽ đón nhận được ngày mai tươi sáng của đời người.

Chương Ba

Phân tích trạng thái sinh tồn

Trạng thái sinh tồn của con người vừa có nhân tố lựa chọn mang tính chủ quan, lại chịu quyết định của hoàn cảnh và điều kiện khách quan. Nếu người ta tự nguyện chọn đi vào chốn rừng sâu tu luyện, quy đến cửa Phật từ đó trở thành cuộc đời của tín đồ theo Phật. Có người bẩm tính thích rượu, lấy cái say làm trạng thái đẹp nhất của đời người, từ đó trở thành cuộc đời của đệ tử Lưu Linh. Có người bẩm tính thích sông núi mong muốn không bị ràng buộc, tự do tự tại một đời trở thành cuộc đời thích tự nhiên khoáng đạt.

Lại có người chỉ muốn sống trong thư phòng, đi sâu nghiên cứu những vấn đề học thuật khiến người ta phải đau đầu, khiến họ trở thành cuộc đời học giả. Có một số người thì lấy việc dựng xây sự nghiệp làm mục tiêu có giá trị nhất của đời người, thế là rèn luyện ý chí của con người, bền gan vững chí trở thành cuộc đời vì sự nghiệp v.v... Điều đáng chú ý là trạng thái của đời người, mỗi cái có giá trị tồn tại riêng có thể lưu truyền lâu dài, không thể dùng một tiêu chuẩn giá trị nào đó để phán xét cao thấp. Đời người vừa có những chỗ giống nhau, cũng có tập tính và sở thích khác nhau, mỗi người đều nên theo sở thích của mình để chọn lựa và theo đuổi trạng thái đời người nhất định. Nhưng không nên quên rằng, trong đó còn cần phải suy nghĩ tính khả năng, tức là điều kiện khách quan thực hiện trạng thái đời người nào đó, như hoàn cảnh, gia đình, được tiếp nhận giáo dục và thời kỳ lịch sử đang sống v.v...

Chỉ có trạng thái đời người vừa phù hợp sở thích bẩm sinh của người ta, lại có điều kiện thực hiện khách quan, mới có thể đem lại cho người ta hạnh phúc. Còn trạng thái đời người làm xoay chuyển sở thích bẩm sinh của con người mà lại không có khả năng thực hiện thì chỉ có thể mang lại đau khổ cho người ta.

Ngoài trạng thái đời người xuyên suốt cả một đời ra, trong cuộc sống hàng ngày người ta còn sẽ gặp nhiều vấn đề của trạng thái sinh tồn nhỏ nhỏ như thói xấu, tính cách, thể diện, điềm báo, nổi nhục, keo kiệt, tính lười biếng, lạnh nhạt, khoe khoang, cảnh ngộ, buồn tẻ v.v..., chúng đều là những vấn đề đáng được coi trọng cao độ trong trạng thái đời người. Bất kể là bản thân bạn có những trạng thái đời người này hay là người khác cũng thế, đều cần tốn một chút công sức để làm rõ cái lợi cái hại của nó, đồng thời tìm được cách cải thiện.

1. Phân tích “thói xấu”

“Thói xấu” hay còn gọi là tập quán không tốt. Người ta sống ở trên đời, suy nghĩ lâu dài cùng một việc, làm cùng một việc thời gian dài, liền trở thành thói quen tự nhiên, thường suy nghĩ và hành động một cách trùng lặp. Đây vốn là bẩm tính của con người, không có gì đáng trách. Nhưng có một số người, hiện lên trong đầu phần nhiều là những ý nghĩ không tốt, còn làm thì luôn là những việc xấu, cũng trở thành thói quen tự nhiên, hơn thế thoái thác trách nhiệm nói nào là thói xấu khó sửa.

Một đời người nếu có thói xấu, thế thì không những sẽ là tai họa của cuộc đời mình, càng tạo nên những đau khổ và không yên cho người khác và xã hội. Bởi vì những điều nghĩ và làm của người có thói xấu có thể uy hiếp đến sự sinh tồn của người khác và sự yên ổn của xã hội, mà loại ảnh hưởng xấu này còn vì là thói xấu nên kéo dài liên tục, trạng thái này thực là làm cho người ta lo lắng.

Trong sách *Mạnh Tử*. *Đặng Văn công hạ* đã ghi chép một câu chuyện như sau: Có một tên trộm

chuyên bắt trộm gà trong hàng xóm, mỗi ngày bắt trộm một con, không ăn trộm thì chân tay ngứa ngáy, từng ngồi không yên. Có một người tốt bụng khuyên anh ta: “Đây không phải là việc làm của người chính nhân quân tử, không nên lại bắt trộm nữa nhé!” Tên bắt trộm gà cúi đầu suy nghĩ một lát, cảm thấy lời nói đó có lý, là nên sửa chữa, liền đáp ứng nói: “Được, tôi muốn ăn năn hối lỗi, nhưng tôi không ăn trộm lại không được bởi vì tôi có tính nghiện ăn trộm gà. Thôi thì như thế này nhé, trước đây tôi mỗi ngày ăn trộm một con gà, từ nay trở đi tôi mỗi tháng ăn trộm một con, đến sang năm thì có thể không ăn trộm nữa”.

Mạnh Tử than thở rằng: Người này rõ ràng biết ăn trộm gà là việc bất nghĩa, thì phải nhanh chóng sửa chữa, vì sao phải đợi đến sang năm?

Lời than thở của Mạnh Tử “Vì sao phải đợi đến sang năm”, trên thực tế là cảm khái nuông chiều thói xấu của mình đối với tên ăn trộm gà này. Cái tên kẻ trộm này ăn trộm gà đã thành mắc nghiện, không ăn trộm thì tay chân ngứa ngáy, biết rõ ăn trộm gà của hàng xóm là việc không có đạo đức, nhưng vẫn không nén được. Thế là tự mình thỏa hiệp với việc đó, hy vọng dùng cách giảm bớt số lượng ăn trộm gà để làm lấy lệ, mong được sự tha thứ và đồng tình của mọi người đối với thói xấu của nó. Ai mà không biết, cái việc ăn trộm xấu này là đã quyết định tính chất, còn số lượng ăn trộm nhiều ít, không thể làm thay đổi sự thật ăn trộm. Đây là sự dăm dớ của tên ăn trộm gà, cũng có thể xem là tai hại của thói xấu đối với đời người.

Người ta sinh ra ở đời, nên học thói hay, bồi dưỡng các tập quán tốt như hiếu lý lẽ, cần cù, lòng yêu thích, cẩn thận, để làm cho sự sinh tồn của mình càng thêm thông suốt, đời người càng thêm hạnh phúc.

Nhưng người ta sống trong xã hội hiện thực, chịu ảnh hưởng của mọi sự vật và hoàn cảnh, lại bị dục vọng mê hoặc có lẽ đã làm một số việc không tốt, lâu ngày bèn tạo thành thói xấu nào đó, hoặc nhiễm phải thói xấu nào đó. Lúc đó, người ta cần phải nhìn thẳng vào sự thực này, đừng nên giấu giếm nó, phải dũng cảm để cho chân tướng thói xấu của mình phơi trần ra trên đời, lấy đó làm bước đi đầu tiên sửa chữa thói xấu. Sau đó, phải suy nghĩ sâu sắc phải thấm nhuần rằng thói xấu mang lại nguy hiểm cho đường đời của mình, phải khiêm tốn lắng nghe, phải thành khẩn tiếp thu lời khiển trách và lời khuyên nhủ của người khác và xã hội. Thật sự tận đáy lòng mình hiểu rõ rằng thói xấu không có mấy may ích lợi nào đối với mình, đối với người khác và đối với xã hội, trái lại hãm hại đời mình vào trong cảnh nguy hiểm, hãm hại người khác và xã hội vào trong đau khổ và không ổn định. Đã vậy, sao không ăn năn hối lỗi? Hơn thế phải ngay tức khắc, hoàn toàn và sạch sành sanh cắt bỏ thói xấu, làm cho nó vĩnh viễn không tái hiện trong cuộc sống và quá trình cuộc đời của mình, như thế mới là thái độ nhân sinh đúng đắn, điều khiển cuộc đời hợp lý, vừa có thể mang lại hạnh phúc cho xã hội và công chúng, lại có thể làm cho con đường đời của mình thông tới hạnh phúc và êm đềm.

2. Phân tích “tính cách”

Là người đều có một số đặc trưng chung vốn có: như sử dụng ký hiệu ngôn ngữ trao đổi tình cảm và tư tưởng. Có tư duy lý tính và thế giới tinh thần để tiếp nhận, so sánh và suy luận những tin tức thu nhận ở cơ quan cảm giác. Lại như phải ăn, uống, bài tiết, chơi, vui đều phải sinh trưởng phát dục, cưới hỏi, tang lễ v.v... và v.v... Nhưng không nên quên rằng, là người còn có tập tính riêng của mình, mà mỗi loại người lại biểu hiện nên đặc tính chung trong phạm vi nhất định nào đó, cái đó gọi là tính cách.

Nhà đại triết học Đức đã từng tạo ra cuộc cách mạng triết học thế giới, Kant, tính khí rất kỳ quặc, ông một đời chưa từng kết hôn, hầu như suốt cả đời chưa từng rời khỏi thị trấn Königsberg thuộc Preussen, sống cuộc sống kiểu ba điểm từ thư phòng, bục giảng đến giường ngủ đơn điệu tẻ nhạt. Điều duy nhất đáng được nhắc đến là ông trước nay không ăn bữa ăn trưa một mình, luôn mời bạn bè cùng ăn trưa. Sau đó là một năm bốn mùa dù mưa gió cũng không hề cản trở ông đi dạo trên con đường nhỏ thông đến cửa ải Fetliê thành lũy của Quốc vương rất đúng giờ. Trong đó phải qua một con đường nhỏ râm mát của cánh rừng cây bồ đề nhỏ, Kant vừa xuất hiện khi đi dạo, lúc đó ắt sẽ là ba giờ rưỡi chiều, đến nỗi cư dân vùng lân cận đồng loạt lấy đó để chuẩn lại đồng hồ của họ.

Cuộc sống này của nhà triết học, người ngoài nhìn vào thấy khô khan tẻ nhạt đến cực độ, bản thân Kant lại có một số tính kỳ cục. Nhà thơ vĩ đại Đức Heinrich Heine nói một cách khó hiểu rằng: Lịch sử cuộc sống của Kant giản đơn đến mức không thể miêu tả nổi, có thể nói ông vừa không có cuộc sống, vừa không có lịch sử, một mình sống những ngày tháng trù tượng.

Nói không có cuộc sống, không phải là nói ông không sinh hoạt, mà là nói trong cuộc sống của Kant không có bất cứ thay đổi và nội dung phong phú nào. Nói không có lịch sử, không phải nói sinh mệnh của ông không có quá trình liên tục, mà là nói cuộc sống của ông đều rập theo một khuôn khổ, thiếu phát triển biến đổi trước sau nối tiếp nhau. Kant một đời đắm chìm trong vương quốc triết học trù tượng để ngao du, liền kéo theo cả cuộc sống cũng bay mất tất cả tính phong phú, biến thành trù tượng hóa như Heine đã nói.

Kant đối với cuộc sống của mình trái lại là có những ý nghĩ ngược lại tương đối sâu sắc, ông cho rằng thái độ sống và điều khiển cuộc sống của mình là nguyên nhân của tính cách.

Ông chỉ rõ, người ta về tính cách có thể chia làm ba loại biểu hiện trong quá trình đời người, nhất là về phương diện đối xử với người sẽ có nhiều cái khác nhau. Loại người thứ nhất thuộc dạng đảm trấp, tính cách của họ thường thường rất bộp chộp, do vậy làm trở ngại sự xác lập và phát triển quan hệ hữu nghị với người khác. Loại người thứ hai là dạng đa huyết, tính cách của họ không giống người thuộc dạng đảm trấp, hiện ra là hoạt bát, nhiệt tình, rất dễ làm quen và kết bạn với người khác. Loại người thứ ba là dạng hậm hực, tính cách của họ phần nhiều là hướng nội, không tài nào kết giao được với nhiều bạn, nhưng những người đã trở thành bạn sẽ đều là những người tốt.

Kant thừa nhận mình thì thuộc dạng hậm hực. Ông nói không nên có thành kiến hoặc thiên kiến đối với người thuộc dạng hậm hực, cho rằng người dạng hậm hực không biết thú vui trong cuộc sống, luôn sa vào trong buồn phiền. Thực ra người dạng hậm hực là khi bị ảnh hưởng ngoại lai và nội tâm dễ co cụm về thế giới tâm linh của mình hơn những loại người khác, mà còn mang tâm lý sầu muộn nào đó. Trên thực tế, người thuộc dạng hậm hực thường có niềm tin cao cả nào đó, hưởng thụ đời người mà họ theo đuổi nói chung đều là nghiêm túc mà không phóng đãng. Họ phần nhiều giúp người khác làm điều tốt, kiên trì không hề thay đổi, cảm xúc phản đối bất kỳ mọi việc không công bằng nào. Người thuộc dạng hậm hực phần nhiều có ý kiến riêng, không bị thiên kiến và ý kiến người khác điều khiển và lôi kéo. Họ trầm lặng ít nói, cho nên có thể giữ được những điều bí ẩn của mình và người khác, đồng thời rất căm ghét giả dối và bộ điệu. Họ giữ được vẻ tôn nghiêm cao thượng của loài người, không thể cũng không khoan dung bất cứ sự khom lưng uốn gối nào, một lòng theo đuổi tự do và tôn nghiêm của đời người. Người thuộc dạng hậm hực còn có một đặc trưng nổi bật là họ đối với ai cũng đều không thỏa mãn, ngay cả đối với chính mình cũng không thỏa mãn, họ giống như một quan tòa hà khắc đối với mình và người khác.

Nhưng, Kant viết: “Phong cách của người thuộc dạng hậm hực một khi phát triển theo tính cách không ngay thẳng quá trớn, thì kết quả của nó sẽ là tai họa: nghiêm túc chuyển hóa thành bi quan, thành kính biến thành nói năng ngông cuồng, đối với việc theo đuổi tự do của đời người sa vào trong phần chấn quá mức, bất cứ sự lảng nhục và không công bằng nào của thế gian thường có thể kích thích họ đứng dậy báo thù mà không để ý đến tính mạng. Nhưng người thuộc dạng hậm hực biết tìm tình bạn chân thành, bởi vì tình bạn và hậm hực là cao thượng. Việc nhớ lại đối với tình bạn đã mất cũng là vô cùng thiêng liêng đối với người dạng hậm hực.

Kant quan sát người, phân tích đời người có thể gọi là rất sâu sắc rất nghiêm khắc và cẩn thận. Cách nhìn nhận của ông đối với tính cách con người đã nói rõ tính cách không thể tách rời khỏi con người, đã là người thì phải có đặc tính riêng, có thể thể hiện rõ tập tính và tính cách nào đó. Vả lại, bất kể bạn là người thuộc dạng dâm thấp, dạng đa huyết hay dạng hậm hực cũng thế, đều có mặt tốt của nó, cũng có mặt dễ mang lại hậu quả đáng buồn của đời người của nó. Lúc này, nhận rõ mình thuộc dạng người nào là vô cùng quan trọng, bởi vì điều đó có lợi cho bạn nhận rõ xu thế tốt xấu và đặc trưng tính cách của mình, từ đó kìm chế, thay đổi vượt qua những khiếm khuyết về tính cách của mình, để làm cho đường đời thông suốt và hạnh phúc. Nếu như không hề hay biết một tí gì đối với phong cách, tính cách của mình, sẽ có thể buông thả, làm lộ rõ và đắm chìm vào trong những nhược điểm về tính cách của mình, điều này ắt sẽ khiến cho đường đời của mình gian nan vất vả vô cùng, tai họa sẽ ùn ùn kéo tới. Do đó người ta sinh ra ở đời không thể không cẩn thận đối xử với nó.

3. Phân tích “thể diện”

Thể diện còn gọi là sĩ diện. Theo người ta nói sĩ diện là đặc trưng nổi bật của người Trung Quốc. Vậy thể diện và sĩ diện là gì? Nó không phải là khuôn mặt và da dẻ của mặt, mà là chỉ một trạng thái sinh tồn đặc biệt của một người do địa vị, uy tín, thanh danh và tín nhiệm tạo nên trước mặt gia đình và công chúng xã hội, thường biểu hiện thành mức độ được tôn kính, ngưỡng mộ, ủng hộ và yêu mến, sự rạng rỡ của một người ra sao.

Người Trung Quốc được xem là sống chết đều cần sĩ diện, đều phải giữ thể diện. Thường thường vì về sĩ diện được yên lòng, hoặc về thể diện rất rạng rỡ, mà không tiếc tốn phí rất nhiều tiền của và tinh lực, có một số người lại vì thể mà xông vào chỗ nguy hiểm và khuynh gia bại sản.

Người ta sống trên đời, cố nhiên nên theo đuổi sự tôn nghiêm và địa vị xã hội của mình, cố nhiên nên làm cho công chúng tôn trọng mình, cả đến có thể hưởng thụ một chút vẻ rạng rỡ và kiêu hãnh sinh ra do sự hâm mộ của công chúng, một cảm giác thỏa mãn và tự hào. Nhưng nếu vì thể mà lại tiếp tục phát triển để đạt được sự yên lòng về sĩ diện, được mát mặt về thể diện, liền không tiếc tất cả, thậm chí người thì chả mề lại khỏe làm dáng, thế thì sẽ làm cho cuộc đời của mình biến thành trạng thái bọt, con người sẽ cảm thấy sống quá mệt quá khổ, danh dự hảo huyền ở bên ngoài đã tổn hao đời người quá nhiều tài nguyên. Người ta cuối cùng sẽ phát hiện. Ta đã để lại cho mình cái gì? Ta có còn là ta nữa không? Cuộc sống của ta cuối cùng là cuộc sống của ai?

Các vấn đề cứ như vậy, người thích sĩ diện, người cầu mong rạng rỡ về thể diện nên tự hỏi mình nhiều hơn một chút.

Nước Tề thời xưa có một người, cưới một vợ cả và một vợ lẽ. Ông ta hàng ngày đi ra ngoài đều ăn no rượu say bí tỉ mới trở về. Vợ ông hỏi ông những người cùng ngồi uống rượu với ông đều là những người như thế nào? Ông ta uởn ngực tự hào nói: đều là những người có tiền có thế lực, những người giàu sang lớn.

Người vợ nghe xong trước tiên rất vui, sau đó tỏ ra nghi ngờ, lặng lẽ nói với người vợ lẽ: “Ông chồng của chúng ta luôn nói cùng ngồi uống rượu với những người có quyền thế, nhưng tôi từ trước đến nay chưa bao giờ nhìn thấy người giàu sang nào đến nhà chúng ta. Tôi nghĩ là phải đi xem xem ông ấy rốt cuộc là đi đến đâu?”.

Sáng sớm hôm sau, bà ta quả thực lén lút đi theo sau ông chồng, nhưng thấy ông ta đi khắp cả trong thành, không có một ai muốn đứng nói chuyện với ông ta. Bất ngờ đã xuất hiện ở cổng thành, đi thẳng tới nghĩa địa ngoại thành về phía đông. Người vợ nhìn thấy người chồng ghé đến trước mặt người tảo mộ, ra sức xin những thứ cơm thừa canh cặn còn sót lại sau khi cúng người chết; ăn chưa đủ lại nhìn đông nhìn tây lại tiếp tục xin ăn. Té ra đây chính là cách mà ông ta ăn no uống say.

Người vợ ông ta trông thấy không chịu nổi, cúi đầu chạy về nhà, nói với người vợ lẽ một cách căm giận: “Chồng ta là một người chúng ta một lòng ngưỡng vọng gửi gắm suốt một đời, nhưng ông ấy đã không phải như thế, thực tế là hết sức bỉ ổi!” Hai người cùng nói hồi lâu, ôm

đầu gào khóc trong sân và bắt đầu chửi rửa người chồng.

Đúng lúc đó, người chồng lão đảo đi về nhà, mặt mày đỏ bừng, trên môi nhòe ánh mỡ. Ông ta không biết tấn kịch của mình đã bị vạch trần, vẫn lớn tiếng quát tháo, tỏ vẻ oai phong với hai người phụ nữ kia, kể ra hôm nay lại cùng với những người quyền quý nào, hào phú nào ăn trong một tiệm rượu lớn bày biện ra bao nhiêu thứ.

Hai người vợ cả và vợ hai nhìn nhau, thờ ơ không thèm nói đến.

Người chồng này là một người thì chả mẽ lại khỏe làm dáng điển hình. Nhà ông nghèo khó không đủ sức duy trì cuộc sống xa xỉ mà mình thèm muốn. Địa vị ông thấp hèn, không có cách gì đạt được địa vị cao quý mà mình ước mong. Nhưng ông ta lại hoàn toàn có thừa ham muốn theo đuổi đối với sĩ diện và làm rạng rỡ thể diện, vì vậy ở ngoài thì lấy việc xin ăn để sống, về nhà lại khoe khoang với hai vợ cùng ngồi ăn những sơn hào hải vị với những người giàu sang. Điều đáng buồn là, ông ta thậm chí chẳng có cách gì nhận được sự tôn trọng cần có trong công chúng, càng không cần phải nói về phong quang về sĩ diện nữa, bởi vì những cách ăn ở của ông đều được mọi người biết cả, đành phải phô trương tí chút trước mặt hai vợ không bước ra khỏi cổng. Đương nhiên sau khi chân tướng tấn kịch của ông bị phơi trần, cuộc đời ông sa vào cảnh lúng túng khó xử không tài nào thoát ra được. Đây chính là đạo lý chết cần sĩ diện sống chịu tội, phô trương thể diện thực tế rỗng tuếch.

Người ta sống ở đời, mặc dù cần có sự tôn nghiêm của mình, mong muốn được sự thừa nhận và tôn trọng của công chúng nhất định, nhưng quyết không thể vượt ra khỏi trạng thái đời người chân thực, theo đuổi những cái phô trương về sĩ diện và thể diện hảo huyền, vì nó sẽ làm trở ngại người ta thực hiện những cố gắng thiết thực để thay đổi trạng thái đời người không lợi. Ngược lại còn có thể làm cho người ta sa vào trong trạng thái cảm giác thỏa mãn và tự say sưa giả dối, không suy nghĩ không hành động, phó mặc tình cảnh đời người trầm trọng thêm, lâu ngày tích lại ắt sẽ nổ bùng lên, lúc này người ta sẽ đành tự ném quả đấm.

Khi sự sinh tồn của con người phát sinh nguy cơ, còn nói gì đến việc phô trương về sĩ diện và thể diện nữa?

4. Phân tích “điềm báo”

Điềm báo là đầu mối, việc vừa chớm nở, trạng thái dấu hiệu. Có cách nói của cái gọi là điềm chẳng lành là chỉ đầu mối, việc vừa chớm nở hoặc trạng thái dấu hiệu của sự phát triển không tốt, sự biến đổi không tốt, trạng thái không tốt sắp sửa sinh ra.

Nhiều người đem tính liên hệ với nhau giữa các sự vật mở rộng tới vô hạn, khiến cho giữa hai sự kiện không có liên hệ mang tính tất nhiên cũng có quan hệ nhân quả, như cảm thấy quạ kêu trước mặt thì vận xấu sẽ đến ngay; mi mắt giật không theo quy tắc, sẽ dự báo việc xấu sắp đến v.v... Đương nhiên còn có cách nói của điềm lành: chim khách hót trên đầu, người sẽ tinh thần sáng khoái, cảm thấy ắt có việc tốt việc mừng đến, nhìn thấy hoặc sử dụng số 8 liền cảm thấy có thể mang lại “phát to”, không chỉ là phát tài, phát quan, gia đình cũng phát lớn v.v.... và v.v...

Không nên coi thường việc trọng thị của người ta đối với điềm báo, trên thực tế nó sản sinh tác dụng dẫn hướng rất lớn đối với suy nghĩ và hành vi của đời người. Như người ta đang chuẩn bị làm một việc gì đó, bỗng nhiên quan tài chắn đường liền cảm thấy hôm nay xúi quẩy rất nặng, việc đó cũng sẽ không làm nữa. Đôi khi người ta không chuẩn bị làm việc gì đó, nhưng sáng sớm mai tỉnh giấc dậy, ánh mặt trời chói lọi, chim khách hót trước mặt, bỗng nhiên cảm thấy điềm báo rất tốt, liền lập tức làm ngay việc đó.

Từ đó ta thấy điềm báo đối với cuộc sống của người Trung Quốc sinh ra ảnh hưởng to lớn. Nhưng cần phải hiểu rõ ràng rằng, người hiện đại không thể giống người xưa, đem một số việc không hề có liên quan trong tự nhiên, xã hội và đời người xem là có liên hệ tất nhiên nhân quả, mà lại thờ ơ không hay biết đối với một số việc có liên quan, do vậy khiến cho đời của mình sa vào trong bầu không khí thần bí, dẫn đến thao tác đời người sai lầm, vì thế cần phải học tập người xưa.

Người nước Tề thời xưa có một tập tục lưu truyền rất rộng rãi là coi hổ và trăn là con vật không tốt, nếu gặp nó liền cho rằng sẽ có thể gặp không may.

Có một lần, Tề Cảnh công phi ngựa đi săn trong rừng núi, lên núi thì gặp hổ, xuống đầm thì liền gặp trăn, đành hậm hực quay về. Trong cung điện Cảnh công triệu Tể tướng Yến Tử đến, nói: “Hôm nay quả nhân đi săn, lên núi thì gặp hổ, xuống đầm thì lại gặp trăn, e rằng đây là điềm chẳng lành của nước Tề chúng ta?”.

Yến Tử trầm tĩnh trả lời: “Một quốc gia đích thực có ba loại điềm không lành, nhưng những điều đại vương đã gặp thì không nằm trong đó. Ba điều không lành của một nước là: có nhân tài hiền minh mà đại vương không biết, đó là điều không lành thứ nhất. Đã biết mà lại không trọng dụng, đó là điều không lành thứ hai. Dùng rồi mà lại không tín nhiệm họ, đó là điều không lành thứ ba. Quốc gia chẳng lành đều nằm trong đó cả! Hôm nay đại vương lên núi gặp hổ, bởi vì trên núi chính là sào huyệt của hổ. Đại vương xuống đầm gặp trăn, bởi vì đầm nước chính là nơi cư trú của trăn, việc này làm sao có liên quan đến vận nước? Làm sao có thể nói là

điềm không lành của nước Tề được?”.

Cách giải thích của Yến Tử có thể gọi là những lời sáng suốt chí lý. Theo ông, điềm không lành của quốc gia chỉ ở chỗ hiền mà không biết, biết mà không dùng và dùng mà không tín nhiệm, cũng chính là nói sự quản lý đất nước được an ninh dài lâu, sự giàu có tôn nghiêm của một quốc gia chủ yếu dựa vào việc chọn và đề bạt nhân tài và sử dụng hợp lý, xử trí chúng có thỏa đáng hay không mới là điềm báo của sự phát triển đất nước. Còn về việc lên núi gặp hổ, xuống đầm gặp trăn thì không có liên quan gì với vận mệnh của quốc gia, bởi núi và đầm là nơi cư trú của nó, đi đến đó đương nhiên dễ gặp nó, việc đó không thể xem là điềm không lành của quốc gia. Tiếp thu những lời bình luận này của Yến Tử, các bậc quân vương không thể sinh ra những ý nghĩ kỳ lạ và làm những việc quái gở nữa, mà theo những cách đúng đắn để làm kịp thời tuyển chọn và đề bạt, sử dụng hợp lý những người hiền minh để quản lý đất nước.

Người hiện đại có thể nhận được những gợi ý sâu sắc từ trong lời nói của Yến Tử. Chúng ta tuyệt đối không nên đem những biến đổi của tự nhiên và những hoạt động của sinh vật và động vật liên hệ lại với trạng thái đời người một cách vô lý, đồng thời dùng trạng thái ngẫu nhiên bột phát của người trước để chỉ đạo hành vi đời người của mình, việc đó ắt sẽ hãm mình vào trong bầu không khí mê tín, mà còn tạo nên tổn thất to lớn đối với đời người.

Điều chúng ta cần không phải là sợ thần thánh đối với mọi cái gọi là điềm chẳng lành, mà là phải tích cực vận dụng lý tính sâu sắc để hiểu rõ mọi nguyên nhân đích thực của trạng thái cuộc đời, dùng thao tác lý tính tinh thần đi trước đạt được kết quả đời người tất nhiên dẫn đến do dự đoán, suy luận và đánh giá hành động nào đó của cuộc đời một cách khoa học, lại từ nhận thức có tính chất dự kiến đối với kết quả để điều chỉnh hành vi của đời người trước mắt, khiến nó hợp với ý muốn của mình. Đó tức là dùng dự kiến lý tính của đời người đối chỗ những điềm chẳng lành hão huyền, như thế mới có thể khiến người ta tránh làm những hành vi quái dị không thể hiểu nổi, tổn phí tài nguyên một cách vô ích và dễ lỡ mất thời cơ. Đương nhiên, cuối cùng còn có thể tránh được nhiều tai nạn của đời người, tìm được thuận lợi của sự sinh tồn và hạnh phúc đời người của mình.

5. Phân tích “nhục”

“Nhục” là bị người khác làm nhục, nó thường không phải là chỉ người ta phải chịu cái khổ về da thịt, mà là phải chịu vết thương về tinh thần, về tâm lý. Người ta sống ở trên đời, giành được lợi ích vật chất cố nhiên rất quan trọng, nhưng không thể bỏ qua sự thoải mái về tâm lý, về tinh thần.

Cho nên, có nhiều người cảm thấy con người sống chính là giành tiếng nói. Giành tiếng nói có nghĩa là trong quá trình đời người không thể để cho người khác bắt nạt, phải sống cho ra người, đứng thẳng lưng, tự mình đứng ra làm một mình, từ chối, chống lại bất cứ hình thức làm

nhục nhân cách nào.

Một đời người chống lại sự sỉ nhục như thế cố nhiên rất tốt, là người luôn phải có chút khí khái anh hùng, không khuất phục trước quyền thế ngang ngược, giữ nhân cách và chí khí của mình. Nhưng xã hội là phức tạp, tình cảnh của đời người biến đổi khôn lường, đôi lúc nén chịu sỉ nhục nhất thời, có thể hoàn thành sự nghiệp vĩ đại. Cho nên, chịu khổ nhục để gánh trọng trách được người đời xem là đức tốt, thậm chí là càng tỏ khí phách anh hùng hơn người không thể chịu nhục. Quá trình đời người của nhà quân sự, khai quốc công thần tuyệt vời thời nhà Hán, Hàn Tín chính đã giải thích rõ điều này một cách điển hình.

Hàn Tín do chiến công hiển hách được phong là Hoài Âm hầu, trước kia khi ông còn là một người dân thường, nghèo khó khốn khổ lại không biết chú ý trọng cử chỉ, lời nói và giao thiệp. Hầu như ông vừa không mong được tuyển chọn và cất nhắc lên làm quan, lại không có năng lực đi buôn bán để sinh sống, chỉ biết dựa vào người khác để ăn cơm thừa, bị mọi người chán ghét. Đôi lúc, ông liên tục hàng mấy tháng ở lý trong nhà đình trưởng đình Nam Xương ăn cơm, làm cho bà chủ rất ghét ông ta, lại không tiện nói ra. Thế là vào buổi sáng một hôm, trời chưa sáng đã làm xong cơm cả nhà ngồi trên giường ăn hết cả cơm. Hàn Tín vẫn theo thời gian ăn sáng đến, vợ đình trưởng không phần cơm cho ông. Lúc này Hàn Tín mới biết rõ tình cảnh của mình, vô cùng bức bối, rũ áo bỏ đi, và từ đó cũng không đến cửa nhà này nữa.

Đói khát không chịu nổi, Hàn Tín vác cần câu đến bờ sông dưới thành Hoài Âm câu cá. Mấy bà già đang giặt bông tơ dưới sông, trong đó có một bà già tốt bụng, thấy Hàn Tín không có cơm ăn, liền cung cấp cơm cho ông, liên tục hơn mười ngày, ngày nào cũng như thế. Hàn Tín vô cùng cảm động, nói với bà cụ: “Tôi sau này nhất định sẽ đền đáp cụ nhiều”. Bà già bức mình nói: “Đại trượng phu không thể mình nuôi sống mình, chẳng lẽ không xấu hổ ư? Ta vì thương ông mà cho ông cơm ăn, chẳng lẽ là vì mong ông đền đáp ư?”. Những lời nói của bà già làm cho Hàn Tín cảm động rất nhiều.

Trong chợ bán thịt Hoài Ân có một thanh niên trước mặt mọi người sỉ nhục Hàn Tín, chỉ vào mũi của ông ta nói: “Người mặc dù thân thể to cao, còn thích mang đao đeo kiếm, thực tế thì nhát như chuột. Người nếu không sợ chết thì dùng kiếm đâm ta, nếu sợ chết thì phải chui qua háng ta!”.

Hàn Tín ngậy người ra, trong lòng giống như đánh đổ bình ngũ vị mà không có mùi mè gì. Ông nhìn chòng chọc vào tên vô lại này rất lâu, cuối cùng nghiêng răng cúi đầu chui qua chỗ hai chân nó giăng ra, còn bò rồi đi vài bước. Người đứng trông đầy phố đều cười ầm lên, đều cảm thấy Hàn Tín quá hèn nhát.

Nhiều năm trôi qua, Hàn Tín tòng quân nhiều lần lập công to. Tháng giêng năm thứ 5 đời nhà Hán, Lưu Bang phong lại cho Hàn Tín là Sở vương, đô thành định tại Hạ Phi. Hàn Tín áo mũ tươi sáng trở về nước Sở. Trước tiên tìm gặp bà già đã từng cho ông cơm ăn, tặng cho nghìn cân vàng. Còn về việc xuống nhà đình trưởng đình Nam Xương chỉ thưởng cho ông ta một trăm tiền và nói: “Anh là một kẻ tiểu nhân, làm việc tốt có đầu mà không có đuôi”. Lại triệu kiến người khiến mình chịu nhục luồn háng, đề bạt anh ta làm Trung úy của nước Sở.

Hàn Tín nói với các quan văn võ: “Người này là một tráng sĩ. Lúc đầu anh ta làm nhục ta. Chẳng lẽ ta không thể giết anh ta được? Nhưng giết anh ta thì có gì đáng được ca ngợi nữa? Vì vậy ta đã nén nhịn, kết quả đã hoàn thành được sự nghiệp như ngày nay”.

Hàn Tín tuy nghèo, nhưng cũng là một chàng trai có khí phách cương trực, việc này có thể nhìn thấy từ trong việc ông ở nhà đình trưởng bị đối đãi không chu đáo nên rũ áo bỏ đi, cũng có thể biết từ trong việc được bà già cho cơm ăn nên thề sẽ đền ơn. Nhưng ông lại có thể rèn luyện ý chí con người, ghìm nén cơn tức giận lại, chịu nhục luồn háng, việc đó không phải người bình thường có thể chịu nổi, chỉ có con người của Hàn Tín này mới có thể chịu được nó.

Hàn Tín có khí phách mạnh mẽ vì sao có thể làm được điều này? Ông cảm thấy mình cố nhiên có thể rút kiếm đâm tên vô lại kia, giành được sự tán thưởng thuộc loại người có khí phách của mọi người, nhưng rất cuộc ắt sẽ mạng phải đền mạng, chịu hình phạt rồi chết. Cho nên ông nhẫn nhịn, luồn qua háng bị mọi người chê cười. Từ chối sỉ nhục, cố nhiên là bậc trượng phu, thân chịu sỉ nhục lớn vẫn có thể không làm giảm phẩm hạnh và chí hướng của một người, đó mới là bậc trượng phu chân chính. Hàn Tín thuộc loại người sau này, do đó ông đã tránh được hình phạt, đã làm nên công danh của mình.

Cho nên, nhục cố nhiên là không tốt, nhục đối với đời người là một trạng thái khó mà chịu nổi, nó chà đạp lòng tự tin của con người, bóp chết lòng tự tôn của con người, nó thậm chí có thể hủy diệt cuộc sống bình thường của con người. Cho nên, mỗi người đều nên vùng dậy chống lại, vùng dậy từ chối.

Nhưng cũng cần phải nhìn thấy, nhục trong tình huống nhất định, có thể rèn luyện đức hạnh của con người, kiên định ý chí của con người, đồng thời chuyển hóa thành nguồn động lực lớn mạnh phấn đấu có triển vọng. Từ đó ta thấy, người chịu khổ nhục gánh trọng trách càng tỏ rõ bản sắc anh hùng của họ.

6. Phân tích “keo kiệt”

Keo kiệt còn gọi là nhỏ nhen, chỉ một người đối với bất cứ vật gì của mình đều hết sức quý trọng, cả đến trước nay chưa bao giờ muốn mất một xu dù là tiền tài và vật chất chẳng đáng là bao cũng đều không nỡ cho người khác, thậm chí tiêu pha bình thường cũng bị giảm đến mức thấp nhất một cách cố ý.

Nói chung, người keo kiệt, phần nhiều xuất thân từ nghèo khó, trải qua cố gắng gian khổ, cảnh nhà mới dần dần khá lên, hiểu được của cải đến không phải dễ, cho nên hết sức quý trọng. Từ chỗ quý trọng sâu sắc dẫn đến giữ gìn thắm thiết, không muốn giảm bớt hoặc nhường cho người khác tí nào. Đây còn là loại keo kiệt bình thường.

Còn có một loại keo kiệt trở thành bệnh trạng, tiền của và vật chất của họ nhiều đến mức

không có chỗ chứa, những cái mà họ chiếm hữu vượt xa mức mà họ và người nhà có thể tiêu phí hết, nhưng anh ta chính là nhỏ nhen, xưa nay không muốn thả ra, để một số ra đi, mà so hơn tính thiệt, tiếp tục tham lam vợ vét không kiếm chế nổi, và không muốn bỏ ra bất cứ giá nào, hoặc cố gắng giảm bớt trả giá, dẫu rằng phải chịu khổ nhiều hơn nữa cũng vẫn cam lòng. Thậm chí trước khi chết, vẫn không bao giờ quên kiểm tiền nhập hàng, hơn nữa không để cho bất cứ ai chiếm được một tí chút tiện lợi.

Thời xưa có một người ở thôn quê, ông ta bình thường vì hết sức keo kiệt, nên cuối cùng đã giàu to. Không bao lâu ông bị ốm nặng, thoi thóp sắp sửa tắt thở. Nhưng ông vẫn cố gắng miễn cưỡng duy trì, chính là vì không muốn nuốt xuống hơi thở cuối cùng này. Ông ta cầu khẩn nói với vợ rằng: “Tôi một đời đều tiết kiệm đến mức nhỏ nhen, khổ tâm kinh doanh gom góp dành dụm từng ly từng tí, cắt đứt mọi đi lại với họ hàng thân thuộc, cuối cùng mới được giàu có như thế này. Sau khi tôi chết, bà có thể lột da của tôi bán cho thợ da, cắt thịt của tôi tiêu thụ cho lò mổ, lấy xương của tôi bán cho hiệu sơn, việc này có thể kiếm được khoản tiền lớn”.

Người keo kiệt này nhất định muốn vợ ông nhận lời để làm theo lời ông dặn xong, mới tắt thở chết. Khoảng được nửa ngày trôi qua, khi người nhà đều đang gào khóc âm lên, ông ta lại tỉnh lại, gọi vợ lại dặn dò thêm: “Ngày nay thói đời thay đổi thất thường, tình người đậm bạc nhất thiết không thể đem da, thịt, xương của tôi cho họ mua chịu!” (xem sách *Quảng tiểu phủ. Tham thân* của Phùng Mộng Long, thời Minh).

Nói xong hai mắt trợn ngược, cuối cùng mệnh đã đi về tuổi vàng.

Người keo kiệt này, những lời nói và hành động của ông ta rõ ràng đã đến bước làm cho người ta sồn tóc gáy. Khi còn sống ông ta cực kỳ keo kiệt để làm giàu. Sau khi chết còn muốn người nhà lột da, cắt thịt và lấy xương ông bán cho người khác để kiếm tiền. Điều không yên tâm, còn muốn tỉnh lại để yêu cầu người nhà nhất thiết đừng bán chịu cho người khác - sợ không kiếm được tiền, đây thật sự là một con quỷ keo kiệt rất sinh động, rất thần tình.

Có lẽ đây chỉ là một chuyện văn học, tính cường điệu rất lớn, nhưng đối với những người có thái độ keo kiệt sống một đời cũng chẳng khác nào như một đòn phủ đầu cảnh tỉnh.

Người keo kiệt chỉ chăm chú đem của cải của thế gian chiếm làm của mình, rất mong muốn lấy tất cả của cải trong thiên hạ cho vào túi riêng của mình, anh ta không hiểu hoặc không biết việc giành được vật chất chỉ vì nó có giá trị sử dụng, việc giành được vật chất và tiền tài chỉ là vì nó có thể cải thiện và nâng cao mức sống của con người.

Do đó đủ thấy, giá trị sử dụng của tiền tài và vật chất mới là nguyên nhân con người sở dĩ mong cầu, còn người keo kiệt phần lớn đều chỉ chú ý đến giá trị thu giữ của tiền tài và vật chất. Điều họ theo đuổi là nhiều đến mấy cũng không vừa, nhiều không phải là để dùng, chỉ là nhiều để mà nhiều. Do đó, họ giảm ăn bớt dùng, họ một tí không nhường, từng hào từng xu đều nhặt, nhu cầu tiêu dùng ép đến mức thấp nhất, ham muốn thu lấy để cất giữ thì bành trướng đến cao nhất. Kết quả ắt là đoạn tuyệt với họ hàng thân thiết, không có bạn bè, ắt sẽ là một đời gian khổ, không yên ổn không có thú vui đời người, cả đến chết không nhắm mắt, vẫn muốn chiếm lấy tiền của và hàng hóa.

Người ta sống ở trên đời, mưu cầu tiền tài và vật chất một cách hợp lý, hợp pháp, tăng thu

nhập kinh tế là không thể chê trách được, mấu chốt là ở chỗ phải làm rõ mục đích, tức là mưu cầu tiền tài hàng hóa là vì tiêu dùng hay là vì thỏa mãn cái thích tích tụ. Việc tiêu dùng của con người luôn là có hạn mà tiền tài và hàng hóa lại là vật ở ngoài con người, cho nên thái độ sống hào phóng một chút là trạng thái tâm hồn lành mạnh hơn so với keo kiệt, nó có thể làm cho con người thật sự đi hưởng thụ thú vui đời người do tiền tài và hàng hóa mang lại, có thể làm cho người ta có quan hệ nhân tế vui vẻ tốt đẹp, còn có thể làm cho nhân gian tràn ngập lòng yêu thương và đầm ấm.

7. Phân tích “tính lười biếng”

Người ta, không một ai ngoại lệ đều có tính lười biếng, có nhiều người thì rất nghiêm trọng, điều mà họ mong cầu là: Có thể giảm bớt vất vả thì cứ cố gắng giảm bớt vất vả, có thể giảm bớt tổn thương tinh thần thì cứ cố gắng giảm bớt tổn thương tinh thần, tốt nhất là: hãy thoải mái, thoải mái nằm chờ, trên trời sẽ không ngừng rơi những chiếc bánh nướng nhân thịt xuống, há miệng tiếp nhận là được. Việc này đương nhiên không thể có, họ liền miễn cưỡng đứng dậy đi làm, nhưng điều trong lòng họ khát vọng vẫn là không vất vả mà giành được, ít nhất cũng phải ít vất vả mà thu được nhiều.

Đây là bệnh chung mà nhiều người đều mắc, mặc dù cái mà kinh tế học theo đuổi đích thực là dùng giá phải trả ra ít nhất nhận được lợi ích lớn nhất. Nhưng từ góc độ đời người để xét, người ta quyết không thể vì thế mà hình thành tính lười biếng, tính ỷ lại và thói xấu không quan tâm đến điều gì.

Người xưa thường than rằng sự giàu sang của các bậc công khanh không đủ để truyền được ba đời, điều muốn nói là con cháu họ vì có chỗ dựa của quyền thế và cơ sở của của cải, ỷ lại vào nó không nghĩ tiến lên, không cầu mong phát triển, từng người một trở nên lười biếng, dần dần mất đi bản lĩnh tìm cách sống, cũng không có mục tiêu phấn đấu cao xa của đời người, ngày tháng trôi qua tất nhiên làm cho họ bị xã hội đào thải.

Do vậy, tính lười biếng của con người sinh ra, nói chung bắt nguồn từ hoàn cảnh và điều kiện tương đối tốt, nhất là tâm lý tự thỏa mãn cộng với tâm trạng hoảng sợ đối với gian khổ của đời người khiến cho người ta không nghĩ cách tiến thủ chỉ cầu mong gặp sao hay vậy, từ lười biếng đến trụy lạc tạo nên tổn thất rất lớn cho cuộc đời của mình.

Lục Quy Mông thời Đường trong sách *Lạp trạch tùng thư* kể một chuyện về rồng, đã giải thích vấn đề nhân sinh có liên quan với tính lười biếng rất sinh động.

Trước đây rất lâu, có một người chuyên nuôi rồng, ông ta chịu khó nghiên cứu sâu thị hiếu và nguyện vọng của rồng, tình cờ còn thật sự bắt được hai con rồng, thế là ông đã nhốt chúng lại để nuôi theo phương pháp nhân tạo.

Rồng và người vốn không phải cùng loại, nhưng người nuôi rồng lại có thể thuận theo tập tính

của nó, khiến cho hai con rồng này yên tâm nằm trong chiếc ao nhỏ ở trong sân, còn cho rằng sông ngòi biển cả không đủ để tạo cho chúng nô đùa. Hai con rồng này còn cảm thấy thức ăn người cho ăn rất thơm ngon, đến nỗi cảm thấy những con cá voi to lớn trong biển cả cũng không hợp với khẩu vị của chúng nữa. Rồng cao hứng nằm ở chỗ nào thì nằm chỗ đó, thích vùng vẫy một lát thì vùng vẫy. Chẳng bao lâu, hai con rồng này đều thích hoàn cảnh và thức ăn ở đây, không muốn đi đến nơi khác nữa.

Có một hôm, một con rồng được nuôi dưỡng gặp một con rồng hoang, phần khởi chào hỏi với nó nói: “Cậu đang làm gì đó? Đi ngao du khắp mọi nơi giữa trời đất rộng bao la mãi không thôi thế? Mùa đông giá lạnh thì ẩn náu trong động; mặt trời mọc lên, dần dần lại bay lên trời. Đây chẳng phải là quá gian khổ, quá vất vả ư? Nếu đem so sánh thì nơi tôi ở đây vẫn thanh vắng an nhàn hơn”.

Rồng hoang phì cười, ngẩng đầu nói: “Con mắt của cậu không tránh khỏi quá hẹp hòi. Thế giới tự nhiên giành cho chúng ta làm đẹp thân thể, đầu lộ sừng ngất ngễ, thân khoác lớp vảy phát sáng lung linh. Trời đất lại cho chúng ta đức tính tốt đẹp, làm cho chúng ta vừa có thể lặn xuống đáy nước, lại vừa có thể bay vút vào trong mây. Thế giới tự nhiên còn ban cho chúng ta trí tuệ tuyệt vời, có thể gọi mây, sai khiến gió. Thế giới tự nhiên cũng giao cho chúng ta nhiều chức trách: kiềm chế nắng gắt, làm tươi tốt cỏ héo. Như vậy, tầm nhìn của chúng ta có thể đạt tới ra ngoài vũ trụ mê mông. Tôi sống trong đồng hoang bát ngát đi khắp chân trời góc biển, từng trải hết tất cả mọi biến đổi, việc này chẳng lẽ không phải là niềm vui lớn ư? Còn hãy nhìn cậu kìa, nhút nhát nằm trong cái ao to bằng dấu chân ngựa như thế, bùn đất hạn chế cậu tự do hành động, các loại đĩa và giun đất làm bạn với cậu, ăn thì toàn là những thứ cơm thừa canh cặn. Cho nên, mặc dù tôi và cậu thân thể hình dáng giống nhau, nhưng niềm vui thì hoàn toàn không giống nhau! Cậu bị người ta đùa giỡn, được người ta nuôi nấng, chẳng bao lâu sẽ có thể bị người ta bóp họng, xả thịt của thân thể cậu để ăn. Bây giờ tôi giơ tay cứu viện cho cậu, sao cậu lại quay ngược lại dụ dỗ tôi, muốn cùng tôi kéo tôi rơi vào trong cạm bẫy? Xem ra như thế, cậu không tránh khỏi tai họa sẽ đến!”.

Nói xong, con rồng hoang bay vút lên không trung mất hút chẳng thấy còn bóng dáng đâu nữa. Con rồng được nuôi nấng kia lắc đầu không hiểu, vẫn trở lại cuộn tròn ở bên cạnh chiếc ao nhỏ, đợi người nuôi đem thức ăn đến. Chẳng bao lâu, hai con rồng đều bị dè ra giết thịt, trở thành món ăn của nhà họ Hạ Hạo.

Tính rồng vốn là như ngựa trời lướt gió tung mây chu du giữa trời đất, nhả gió bủa mây, nhìn ra ngoài vô cực tự do bao nhiêu, hùng dũng bao nhiêu, chững chạc bao nhiêu. Nhưng nó vẫn không tránh khỏi có tính lười biếng có mặt cầu an nhàn, cho nên sau khi trở thành rồng được nuôi nấng, đã tự thỏa mãn với việc lặn lội đùa giỡn trong cái ao nhỏ bé, đồng bọn với con giun đất, con đĩa, ăn uống những thứ cơm thừa canh cặn, căn bản đã không nghĩ đến bay vút lên trời, chu du bốn phương nữa.

Đó là vì sao? Nguyên nhân chính là ở chỗ nếu là rồng hoang sẽ phải phấn đấu cố gắng, phải trải hết mọi gian khổ. Còn trở thành rồng nuôi thì có thể an nhàn không phải lo nghĩ, hưởng cái phúc của thanh nhàn.

Chuyện ngụ ngôn này nói về rồng, nhưng ý của tác giả chắc chắn là chỉ người. Con người theo tính cách của nó là tinh hoa của trời đất, là đứng đầu muôn vật, họ biến vũ trụ tự nhiên thành thế giới của con người, sáng tạo ra hệ thống giá trị của người, từ đó chỉnh lý những việc tốt xấu của vạn vật tự nhiên, cải tạo vạn vật dùng thích hợp cho loài người, sáng tạo văn hóa, phát triển xã hội, để làm cho cuộc sống của con người được nâng lên thêm một tầng nấc mới nữa.

Nếu người ta vứt bỏ bản tính này của mình, hiện rõ mặt lười biếng, thì sẽ rơi vào trong hoàn cảnh như con rồng được nuôi nấng kia, tự thỏa mãn với khoảng trời đất sinh tồn đáng thương trong phạm vi cuộc sống chật hẹp, đặt mình vào trong cuộc sống chất lượng cực thấp còn lơ mơ không hay không biết gì cả, cuối cùng đến một ngày nào đó, mộng lớn bắt đầu tỉnh, quay đầu nhìn lại mới phát hiện ra nội dung cuộc đời của mình thực tế quá nghèo nàn, con đường đời của mình thật quá vô vị, thậm chí gặp phải kết cục, giống như con rồng được nuôi nấng kia trở thành món ăn để xã hội và người khác hưởng.

Cho nên, con người quyết không thể vứt bỏ lòng hiếu thắng hiếu cường, nghị lực phấn đấu không ngừng kia, dũng cảm dấn thân vào trong cuộc vật lộn sóng to gió lớn của đời người. Gian nan cố nhiên đem lại đau khổ cho người ta, nhưng chỉ có chiến thắng nó mới có thể giành được hạnh phúc của đời người. Quanh co khúc khuỷu cố nhiên khiến cho người ta cảm thấy gian khổ gấp bội, nhưng chỉ có thông qua quanh co khúc khuỷu mới có thể đón được con đường bằng phẳng của cuộc đời, thưởng thức được mùi vị cuộc đời vô cùng phong phú.

8. Phân tích “lạnh nhạt”

“Lạnh nhạt” là bị người ta khinh thường, bị người ta xa lánh, chán ghét. Người ta sống ở trên đời, thường đôi lúc thời vận không may, hoặc nghèo khổ thất vọng, hoặc lưu lạc tha hương, hoặc ăn nhờ ở gửi, những trạng thái này đều có thể làm cho người ta bị lạnh nhạt.

Người lạnh nhạt người khác, thường thường chiếm trạng thái ưu thế của đời người, trong tay nắm những thứ tài nguyên mà người bị lạnh nhạt thiếu thốn, anh ta có thể giúp phía bên kia khiến họ thoát khỏi một phần khó khăn, nhưng nếu anh ta cảm thấy làm như thế không thể nhận được sự đáp lại tương ứng, thì rất không muốn bỏ ra, hoặc không muốn bỏ ra lâu dài, thế là liền lạnh nhạt với người khác. Nói chung, người lạnh nhạt người khác thường có quan hệ nào đó với người bị lạnh nhạt, điều này làm tăng thêm một bước sự mất cân bằng tâm lý của người bị lạnh nhạt.

Người bị lạnh nhạt ở vào trạng thái thế kém của đời người, họ cần có sự giúp đỡ của phía bên kia không ở việc này thì ở việc kia, nhưng lại không tài nào có thể giúp phía bên kia làm được việc gì, thế là họ là một người bị động, một người tiếp nhận bố thí. Trong trường hợp bình

thường, sau khi bị lạnh nhạt, người ta luôn có thể sinh ra đau khổ tâm lý, nhất là khi sự lạnh nhạt đến từ bà con thân thích, bạn tốt thậm chí người trước kia đã từng được mình giúp đỡ, thì đả kích tinh thần họ nhận được càng lớn hơn.

Thời nhà Đường có một thanh niên tên là Vương Bá, nhà rất nghèo, lưu lạc ở nơi đất khách quê người, sống một mình không nơi nương tựa. Về sau ở nhờ tại Viện Mộc Lan chùa Huệ Chiêu, Dương Châu. Chùa miếu vì để giương cao tinh thần quan tâm yêu thương người của Phật giáo nói chung đều bố thí cơm chay cho khách qua đường ăn. Vương Bá đã theo các sư trong chùa hàng ngày đi ăn cơm chay. Lâu ngày, các sư trong chùa rất ghét ông ta, cảm thấy cách ăn nhờ này làm sao có thể kéo dài được mãi? Quy tắc trong chùa chiều là trước mỗi lần ăn cơm chay đều gõ chuông làm hiệu, hôm đó các hòa thượng cố ý ăn cơm chay xong mới gõ chuông.

Vương Bá hàng ngày đều chăm chỉ đọc kinh sách, làm thơ viết văn, hôm đó vừa khéo đã viết được vài khổ thơ hay, nghiền ngẫm thưởng thức lặp đi lặp lại nhiều lần, bỗng nhiên trong bụng cảm thấy đói, vừa đúng lúc đó tiếng chuông gọi ăn cơm vang lên. Vương Bá thu xếp bút mực, vui vẻ đi về phía nhà ăn, vừa bước vào cửa nhìn thấy các hòa thượng đã ăn cơm xong, kéo nhau ra về!

Vương Bá bỗng chốc cảm thấy thói đời biến đổi đến bước này, đây rõ ràng là lạnh nhạt đối với ông ta, đuổi ông đi một cách chẳng nói chẳng rằng. Vương Bá đành hậm hực quay về nhà ở, buộc khăn gói, bước lên con đường tốt xấu khó phân biệt trong cảnh chiều hôm.

Hơn hai mươi năm trôi qua, Vương Bá trải qua cố gắng gian khổ, đã khắc phục vô vàn khó khăn trên đường đời, cuối cùng vượt hẳn người khác, đã làm quan cao, được bổ nhiệm làm quan địa phương quản lý vùng Dương Châu.

Hôm đó ông về chơi lại chốn cũ, thăm cảnh vật mới, hồi tưởng lại chuyện cũ, vô cùng cảm khái. Bất thành lình ông đến chùa miếu ở nhờ năm xưa, cảnh vật vẫn như xưa, chỉ có điều bài thơ năm xưa mình viết lên đã được người ta tốn khoản tiền lớn dùng lụa xanh biếc phủ lên trên để bảo vệ. Nhìn nó rồi đọc, Vương Bá trong lòng cảm thấy như đánh đổ bình ngũ vị, ngọt chua đắng cay mặn cả năm mùi vị đều có cả. Ông vui vẻ cầm bút viết hai bài thơ tứ tuyệt, trong đó có bài thứ hai (dịch ý như sau):

Ta đến nhà ăn, hòa thượng đã dùng xong cơm của họ.

Mặt tằm ngần nhìn họ cố ý gõ chuông sau.

Hai mươi năm bên ba, bụi trần đầy mặt.

Nay mới được lụa xanh phủ giữ thơ xưa.

(Xem sách *Đường chí ngôn* quyển 7 của Vương Định Bảo)

Vương Bá là một người thành công về sự nghiệp, cho nên mới có thể tự chế giễu một phen đối với sự lạnh nhạt mình phải chịu trước đây. Trên thực tế, vải lụa xanh che phủ giữ bài thơ ông đề trước kia, lại càng làm nổi bật lên sự thay đổi của thói đời, sự nhạt nhẽo của tình người và tác phong nịnh hót của người đời hơn.

Vương Bá từ chỗ bị lạnh nhạt của việc gõ chuông sau đến chỗ được nịnh nọt của việc lựa xanh che thơ, thực tế có liên quan chặt chẽ với việc thăng tiến địa vị của ông, Vương Bá sở dĩ cảm khái như thế, nguyên nhân sâu sắc nhất cũng là ở chỗ đó.

Do vậy có thể thấy, người ta sinh ra ở đời, không nên sợ bị lạnh nhạt, trạng thái này của đời người luôn đi theo cùng với hành trình của sinh mệnh, con người không bị lạnh nhạt ở lúc này, chỗ này ắt sẽ bị lạnh nhạt ở lúc khác chỗ khác. Bởi vì con người không thể trọng cả một đời đều là huy hoàng, luôn có thể có trạng thái thoái trào, mềm yếu và không vừa ý xuất hiện. Khi người ta nhờ người khác giúp đỡ, hy vọng được cứu giúp dù không thể thuận buồm xuôi gió, cuối cùng cũng có thể được vừa lòng vừa ý, trái lại lại thường có thể bị người ta tỏ ý khinh bỉ, phớt lờ, giả vờ, đối đãi giả dối v.v... Những thái độ lạnh nhạt này có thể làm cho người ta thất vọng chán ngán, nhất là khi bị đối đãi lạnh nhạt của người thân và bạn bè, người ta càng cảm thấy chẳng có gì là cuộc sống nữa, thế giới này thật quá tàn khốc.

Nhưng bị lạnh nhạt có thể sinh ra hai kết quả hoàn toàn khác nhau: một là với sự đả kích của lạnh nhạt, người ta hoàn toàn thất vọng, từ đó không còn bất cứ lòng tin nào đối với cuộc sống, sống được ngày nào hay ngày đó. Một tình huống khác là với sự kích thích của lạnh nhạt người ta quyết tâm làm thay đổi trạng thái đời người thua kém này, từ đó phấn khởi cố gắng, cuối cùng có một ngày giành được thành công, đón lấy cao trào phát triển của đời người, sẽ giống như Vương Bá phần đấu hai mươi năm cuối cùng đã thành công. Trong lúc này, người ta có lẽ sẽ phát hiện được, mình đã gạt bỏ hết lạnh nhạt ra xa, chỉ còn không khí bao trùm tràn ngập đều là nhiệt tình, nịnh nọt lấy lòng, giống như bài thơ của Vương Bá đề được phủ lựa xanh hào nhoáng để giữ gìn.

Nhưng, người ta quyết không nên quên, lạnh nhạt lại có thể đang chờ đợi bạn ở một chỗ nào đó ở phía trước.

9. Phân tích “khoe khoang”

Người ta giành được một vật ưa thích, làm được một việc gì vừa ý thường hay phô trước người khác một hồi, một là sợ người ta không biết nên không tán thưởng, hai là cho rằng mình có được vật báu đó, làm được việc đẹp như thế nên ngông nghênh tự đắc.

Nói chung, đem những vật đẹp mình có ra cho người khác xem, đem những việc vừa ý của mình nói cho người khác nghe, cũng cần phải thưởng thức, cũng không có gì là không tốt cả. Nhưng nếu lòng khoe khoang hùng hực, khát vọng muốn nghe lời nói hay, lời nịnh nọt, lời ca ngợi quá mạnh người ta sẽ sa vào con đường khoe khoang.

Người khoe khoang thường hay làm kiểu cách mất vẻ tự nhiên, cố ý muốn để lộ ra những cái gì đó, trông chờ được người khác lớn tiếng khen hay, để thỏa mãn lòng háo hức huyền của mình. Trạng thái đời người này tuy không nhất định mang đến cho người ta tai họa gì, nhưng lại

thường gây ra sự chán ghét của người khác, thậm chí coi khinh, hơn nữa dễ bồi dưỡng thành tâm lý kiêu ngạo tự mãn của mình, tạo nên bất lợi lớn đối với sự phát triển của đời người. Phùng Mộng Long thời Minh trong sách *Tiểu phủ. Thù bầm* có kể câu chuyện của hai người thích khoe khoang.

Có hai người đã kết thành thông gia, đều có tật thích khoe khoang. Một người trong họ làm được một chiếc giường lớn rất rộng rãi, mình rất vừa ý, suốt ngày thưởng thức. Một hôm, ông ta ngồi trên giường nghĩ: Có chiếc giường đẹp này mà ông thông gia không đến xem, thật cũng không phát huy được tác dụng. Nhưng thông gia đến nhà nói chung đều phải ngồi ở phòng chính, làm sao có thể mời vào trong phòng ngủ để xem giường được?

Vất óc suy nghĩ thầm mãi, ông ta bỗng nhiên trong lòng nghĩ ra được một kế, giả bờ bị ốm, nằm gục trên giường, để khiến cho thông gia khi vào thăm nhìn thấy chiếc giường mới rộng rãi này của ông.

Lúc này, nhà thông gia kia cũng đang buồn, bởi vì ông ta đã làm xong một chiếc quần mới, cũng muốn phô trước mắt thông gia một phen, nhưng khổ vì chưa có cơ đi đến nhà thông gia. Bỗng chốc có tin truyền đến, ông thông gia kia bị ốm. Ông ta vui mừng quá đổi: đây chẳng phải là cơ hội khoe cái quần đẹp nhất của mình đó sao?

Thế là, ông ăn diện hoàn toàn mới vui vẻ ra đi. Vừa bước vào trong cửa lớn của nhà thông gia, liền đi thẳng vào phòng ngủ, ngồi bên cạnh chiếc giường mới của ông thông gia, hầu như căn bản không nhìn chiếc giường mới, chỉ đem một chân gác lên rất cao để cho chiếc áo dài mặc ở ngoài lật lên để lộ ra chiếc quần mới ở bên trong. Về bề ngoài thì thân thiết hỏi: “Ông thông gia bị bệnh gì mà đến nỗi gầy gò như thế này?”

Người thông gia kia thực tế không ốm, nên nhất định không cảm thấy gầy gò. Ông ta trong lòng hiểu ra rằng, ông thông gia kia căn bản không phải là đến thăm mình ốm, mà là đến để phô cái quần mới của ông ấy, cho nên ông ấy cũng không chú ý đến cái giường mới của mình.

Ông này đành than thở, vạch trần tấn kịch chung của hai người nói: “Cái bệnh của tiểu đệ hầu như cũng giống với cái bệnh trong lòng ông thông gia đấy!”

Hai ông thông gia đều thích khoe khoang, ông kia không nhìn cái giường mới của ông này, còn ông này lại không nhìn cái quần mới của ông kia, tấn trò khoe khoang thế là tan vỡ, cả hai người đều bị đặt vào cảnh lúng túng khó xử.

Trong cuộc sống hiện thực cũng đích thực như thế, người thích khoe khoang thường sẽ phát hiện, đối phương hầu như không có chút hứng thú nào đối với những vật mình bức thiết muốn phô và những việc mình tự cho là vô cùng tự hào dẫn ra, có người miễn cưỡng ca ngợi vài câu, có người dứt khoát không nói ra một lời, còn có người thì tỏ ra không thèm nhìn đến. Lúc này nhiệt tình tràn ngập trong lòng của người khoe khoang ắt sẽ hứng chịu một thùng nước lạnh vô tình, thất vọng và chán nản tập kích trong lòng, đau khổ không thể nói ra được.

Sự xuất hiện của tình huống này, thực ra có tính tất nhiên của nó, bởi vì sở thích hứng thú của mỗi người không giống nhau, vật mà bạn cho là vừa ý chưa hẳn người khác cũng xem như thế. Ngoài ra tâm trạng con người khác nhau, sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách nhìn nhận đối với mỗi sự vật nào đó, người ta không thể tâm tư đều hoàn toàn giống nhau, cho nên việc đánh giá đối với vật, với việc như nhau cũng sẽ phần nhiều không giống nhau.

Từ đó dễ thấy, muốn tránh được những trắc trở mạnh mẽ của việc khoe khoang, người ta sẽ nên giảm bớt tính hiếu kỳ này, sửa chữa tật thích phô trương. Những cái mình giành được là thật sự tốt, những việc mình làm là thật sự hay, người ta tự nhiên sẽ thưởng thức, sẽ ca ngợi, sẽ tuyên dương, không cần phải cố ý tô vẽ, phô trương và khoe khoang.

10. Phân tích “tập quán”

Tập quán đi theo người ta cả một đời, là một trong những nhân tố ắt không thể thiếu của quá trình đời người. Vậy tập quán là gì? Tập quán tức là sự lặp lại, là những kinh nghiệm nhất định sẽ như thế hình thành sau khi cảm giác của con người đối với sự vật hiện rõ lại lần nữa, sự lặp lại của kinh nghiệm này lại hình thành sự phán đoán liên hệ nhân quả của người ta, sau đó dưới sự chỉ đạo của những kinh nghiệm này và tập tục, truyền thống và tri thức của mối liên hệ nhân quả người ta sinh sống, tiếp tục, mà thành tập quán. Do đó tập quán làm cho quá trình đời người có một cảm giác ổn định, khiến người ta khi việc nào đó còn chưa xuất hiện đã biết trước nó, khiến người ta khi còn chưa bước vào trạng thái sinh hoạt nào đó đã biết nội dung của nó đồng thời làm tốt việc chuẩn bị. Từ một ý nghĩa nào đó để xét, nói rằng đại đa số người chỉ là theo truyền thống và tập quán sống một đời của họ, đúng hơn nói là họ sống theo lý tính nghiêm ngặt.

Cho nên, nhà triết học vĩ đại Anh thế kỷ 18 David Hume đã chỉ rõ: “Tập quán là hướng dẫn vĩ đại của đời người”. Vì sao Hume lại đặc biệt tôn sùng tập quán? Bởi vì từ đó về trước, người ta phần nhiều đều cho rằng cuộc sống của con người là lấy nhận thức của mối liên hệ có tính tất nhiên nhân quả làm chỉ đạo.

Theo Hume, một cách nhìn liên tục kéo dài và được đa số người cùng thừa nhận là: Nguyên nhân và kết quả là liên hệ phổ biến và tất nhiên của sự tồn tại giữa các sự vật là hoàn toàn sai lầm.

Ngày nay người ta nhìn thấy mặt trời mọc ở phía đông và lặn ở phía tây, sẽ đoán chắc ngày mai cũng có thể như thế, nhưng trên thực tế thì không có tính tất nhiên, ngày mai mặt trời có lẽ sẽ có thể không mọc lên nữa. Người ta thấy nước ở trong bình nước sôi lên ở nhiệt độ nhất định, liền đoán điều kiện như nhau, nước ở trong bất cứ bình nước nào đều sẽ sôi, đây cũng là một

sai lầm, bởi vì bình nước sau có thể sôi trên ngọn lửa được không, không ai có thể bảo đảm được. Người ta thông qua kinh nghiệm hàng ngày cho rằng ăn bánh mì có thể đỡ đói, nhưng không ai có thể nói ngày mai ăn bánh mì sẽ nhất định có thể đỡ đói. Cũng chính là nói, kinh nghiệm của nhân loại chỉ có thể bảo tôi quá khứ là như thế, mà hoàn toàn không thể chứng minh tương lai cũng nhất định như thế. Cho nên, cách nhìn giữa nguyên nhân và kết quả có mối liên hệ mang tính tất nhiên mà người ta trước kia vẫn giữ, hoàn toàn là sai lầm.

Trên thực tế, giữa nguyên nhân và kết quả không mấy may có liên hệ tất nhiên, chúng sở dĩ được xem là có liên hệ tất nhiên, đều là vì tập quán sai bảo. Ví như viên bi-a A va chạm vào viên bi-a B, viên bi-a B bắt đầu lăn, khi người ta lần đầu nhìn thấy hiện tượng này, tất nhiên không thể đoán được viên bi-a B lăn là do sự va chạm của viên bi-a A, cũng không thể nói chỉ cần viên bi-a A va chạm viên bi-a B, viên bi-a B sẽ nhất định có thể lăn. Chỉ vì sau khi hiện tượng này xuất hiện lặp lại, khiến người ta dần dần hình thành một sự liên tưởng có tính tập quán, đoán viên bi-a A va chạm viên bi-a B, viên bi-a B nhất định sẽ lăn. Sự phán đoán như thế hoàn toàn không phải là cái trong hiện thực thật sự có liên hệ mang tính tất nhiên của nhân quả, bởi vì người ta không thể hoàn toàn xác định lần sau viên bi-a A va chạm sẽ nhất định có thể làm cho viên bi-a B lăn. Vì thế, bất cứ sự suy đoán tính tất nhiên nhân quả nào của người ta trước kia, trên thực tế đều là tập quán sinh ra trong lòng người ta khi đối tượng xuất hiện lặp đi lặp lại không ngừng. Chính là sự liên tưởng có tính tập quán của con người để ra cái gọi là sự liên hệ tất nhiên có tính nhân quả.

Suy luận đến đây, Hume chỉ ra rằng, loài người không thể dùng quan hệ có tính tất nhiên của nhân quả chỉ đạo cuộc sống của mình, mà chính tập quán mới là sự hướng dẫn vĩ đại của đời người. Con người dựa vào tập quán để sống, mà không phải là dựa vào nhân quả để tồn tại, đây chính là lời khuyên chân thành của Hume cho người ta phải sống như thế nào.

Chưa chừng từ lý luận nhìn thấu rõ, cách nhìn của Hume đối với tính tất nhiên của nhân quả này vẫn có vấn đề; nhưng từ góc độ của đời người phân tích học thuyết của Hume, có thể phát hiện, đời người nếu như đặt dưới sự chi phối tính tất nhiên nhân quả hoàn toàn, sẽ có thể dần dần mất sự biến đổi, phát triển và tính sống động mới mẻ.

Đời người vốn phải là một quá trình chứa đầy mọi khả năng, nó luôn luôn biến đổi, luôn luôn chuyển động, xem ra như một sự việc tất nhiên phải xảy ra, nhưng trong ý nghĩ thoáng qua ngẫu nhiên của con người, lại biến đi biệt tăm biệt tích. Một sự kiện của đời người xem ra như nhất định không thể xuất hiện, nhưng trong tình huống đột phát, nó lại bỗng nhiên xuất hiện. Đây chính là đời người, chưa chừng nó là cái không có tính tất nhiên nhất trên thế giới.

Do vậy, cách nhìn của Hume có lẽ giúp cho người ta giải thoát cuộc sống khỏi sự ràng buộc của chủ nghĩa giáo điều, chạy trốn khỏi gông cùm của tính tất nhiên, làm cho cuộc sống tràn ngập sức sống, làm cho cuộc sống mãi mãi cho người ta cảm giác mới mẻ, cảm giác biến động, cảm giác sung sướng và cảm giác nhảy vọt.

Chỉ có không ngừng mở ra cuộc đời mới lạ mới là cuộc đời người ta đáng lưu luyến, ngắm nghía và theo đuổi. Còn cuộc đời chỉ tràn ngập tính tất nhiên sẽ làm cho người ta nhạt nhẽo, chán

ghét và quên mất.

11. Phân tích “cảnh ngộ đời người”

Cảnh ngộ, nói chung chỉ trạng thái sinh tồn hiện tại. Trạng thái này có tốt có xấu, lúc này biến ảo khôn lường, việc đó khiến cho cái gọi là cảnh ngộ đời người trở nên hơi khó biết rõ đầu đuôi. Đôi khi, người ta tiến hành chuẩn bị rất tốt, mọi điều kiện cũng đủ cả, trạng thái đời người mong muốn nhất định phải đến, nhưng kết quả lại là kết cục bi thảm đến. Mà ở thời điểm khác, người ta không hề xét đến, cũng không có bất cứ sự chuẩn bị nào, lại đột nhiên đạt được cảnh tốt của đời người hết sức ngọt ngào, ngay đến mình cũng đều cảm thấy thật kỳ lạ.

Phật giáo có một cách giải thích cảnh ngộ đời người vì sao như thế này mà lại không như thế kia. Theo Phật giáo, bất cứ trạng thái đời người nào, là tốt là xấu, đều không phải là ngẫu nhiên, đều có nhân quả xuyên suốt bên trong của nó. Hạnh phúc, giàu sang, thuận đạt của người ta ở đời này là vì kiếp trước đã làm việc thiện. Nếu đời này tràn ngập tai nạn, nghèo hèn, khổ đốn thì kiếp trước của người đó nhất định đã làm việc ác. Điều này sẽ gọi là cái nhân của kiếp trước đã tạo nên cái quả của kiếp sau. Cho nên, người ta nếu trông mong kiếp sau hạnh phúc, giàu sang lớn, thì cần ở đời này phải bỏ ra lòng từ thiện lớn, làm nhiều việc thiện, tốt nhất là thường vào chùa, bố thí nhiều hơn, thắp hương cầu khẩn, niệm kinh lễ Phật.

Xem ra như thế thì nhân quả báo ứng không sai chút nào, người ta phải yên tâm với trạng thái đời người đang chịu trước mắt, bất luận nó là tốt là xấu, là hay là kém, bởi vì chúng đều là do hành vi kiếp trước của bạn quyết định, không tài nào có thể thay đổi được. Người ta cũng nên ở đời này chịu khổ nhục để gánh trọng trách, thay đổi tập quán xấu, một lòng hướng thiện, lấy đó xoay chuyển cảnh ngộ kiếp sau của mình, giành được cuộc đời tương đối hạnh phúc.

Cách giải thích theo kiểu Phật giáo đối với cảnh ngộ đời người này đã từng bao trùm khắp hai bên bờ sông Trường Giang Trung Quốc, đã chinh phục vô vàn tâm linh của con người, nhất là trong Tề, Lương thuộc Nam triều thời xưa của Trung Quốc, càng được mọi người tin theo, tuân theo nó.

Bấy giờ, học giả nổi tiếng Phạm Chấn làm Thị khách trong nhà Cảnh Lăng vương Tiêu Tử Lương - Tiêu Tử Lương là người thành tâm lễ Phật, chân thành tin Phật, còn Phạm Chấn thì thường nói một số lời lẽ phản đối báo ứng nhân quả của Phật giáo.

Một hôm, Tiêu Tử Lương đưa ra câu hỏi đối với Phạm Chấn đứng hầu bên cạnh: “Ông không tin có báo ứng nhân quả, vậy thế gian vì sao có một số người giàu mà sang, còn một số người khác lại nghèo mà hèn?”

Phạm Chấn ung dung trả lời: “Người ta sinh ra ở đời giống như những đóa hoa trên cành cây

này, cuống liền cùng một cành, một cơn gió mạnh thổi đến, bay lung tung khắp trời, có cái rơi trên giường ngọc trắng, có cái rơi xuống hố phân. Cái rơi trên giường ngọc trắng chính là điện hạ ngài, còn cái rơi xuống đồng phân chính là hạ quan tôi. Giàu nghèo sang hèn sai khác nhau mặc dù chênh lệch rất xa như thế, nhưng nhân quả rốt cuộc ở chỗ nào? Cánh Lăng vương Tiêu Tử Lương không có lời nào đối lại, trong lòng càng căm ghét Phạm Chấn (xem sách *Lương thư. Nho lâm truyện*).

Phạm Chấn dùng những lời đòi người ngẫu nhiên như thế phản đối thuyết báo ứng nhân quả của Phật giáo, mặc dù có thể thắng được việc đấu khẩu của Tiêu Tử Lương, nhưng không thể cảm phục được lòng ông ta, có thể suy ra, cuộc sống từ đây về sau của Phạm Chấn tiên sinh chắc chắn sẽ không dễ chịu.

Đoạn chuyện quá khứ này đã nói lên điều gì? Nó vừa đúng đã nói lên tính phức tạp của cảnh ngộ đời người. Người ta sống trong trạng thái nào đó rất cuộc là do kiếp trước quyết định hay là ngẫu nhiên như vậy, thực tế không có cách gì khẳng định hoặc phủ định một cách chính xác. Bởi vì, trên đời có vô số người khổ khổ cố gắng, đến chót vẫn hai bàn tay trắng, cũng có người đều chẳng làm gì hoặc trả giá rất ít lại được giàu sang. Cho nên, người ta tự nhiên sẽ rút ra kết luận Đây e rằng là ý trời như thế, mà cách nói này vừa khéo hợp với thuyết báo ứng nhân quả của Phật giáo. Đây chính là những nguyên nhân sâu xa nhiều người trên đời đều tin nhân duyên, nhân quả.

Nhưng, sinh mệnh của con người không thể kéo dài về trước đến kiếp đã qua, cũng không thể kéo về sau đến tận kiếp tương lai, kiếp trước ra sao kiếp sau như thế nào, thật không có cách nào biết đích xác, không thể chứng thực, cho nên cũng có nhiều người tỏ ra hoài nghi và không tin đối với nó. Do đó, việc phủ định thuyết định mệnh sẽ dẫn đến thuyết ngẫu nhiên giống như Phạm Chấn tiên sinh đem việc tốt xấu của trạng thái đời người hoàn toàn đều quy về ngẫu nhiên, nó cung cấp thêm một con đường khác an ủi mình. Bởi vì, đời người là giàu là nghèo, là sang là hèn đều là ngẫu nhiên, ta việc gì lại phải vì cái nghèo hèn của mình mà lòng lo như lửa đốt, toàn thân không tự do tự tại? Ta tại sao không có rượu thì lấy trà thay rượu, không có thịt thì dùng đậu phụ cho đỡ thèm? Đời người chỉ cần lấy thỏa mãn tâm lý thay cảnh khốn đốn của cuộc sống hiện thực, yên lặng ngồi đợi sự quan tâm đến luôn của thần vận mệnh, đây chẳng phải là thái độ sống tốt nhất ư?

Từ đó ta thấy Thuyết nhân quả có chỗ không đầy đủ đối với việc giải thích của cảnh ngộ đời người, thuyết ngẫu nhiên cũng có chỗ không thỏa đáng đối với sự thuyết minh trạng thái đời người. Nhân sinh quan đúng đắn nhất bất quá là thả đặt trọng điểm lên trên sự cố gắng đời người của chính mình, còn hơn tin vào sự khống chế của sức mạnh chúa tể thần bí siêu phàm kia đối với cuộc đời. Sáng tạo sự huy hoàng của đời người, giành được thành công của đời người, làm thay đổi hoàn cảnh khốn quẫn của đời người, xét đến cùng vẫn là ở chỗ sự trả giá của trí não và sự trả giá của thể lực lúc này kiếp này của con người, là ở mức độ phấn đấu cố gắng như thế nào.

12. Phân tích “vắng vẻ”

Người xưa nói: “Từ xưa bậc thánh hiền phần nhiều chịu vắng vẻ”. Thánh là chỉ bậc vương giả, là người vừa đạt được đạo đức cao nhất lại vừa nắm được quyền lực chính trị cao nhất. Hiền là những người chuyên tâm tu dưỡng đạo đức và thực hiện. Vì sao họ phần nhiều chịu vắng vẻ? Bởi vì lý tưởng của Thánh hiền rất cao cả, suy nghĩ và hành vi vượt hẳn ra khỏi những người bình thường, còn giới hạn nhân cách của họ lại cao như thế khó mà với tới, cho nên uyên thâm quá nên ít người hiểu, khó có người sinh ra đồng cảm, cũng thiếu người lý giải và bắt chước, cho nên một đời vắng vẻ, không có người biết. Ngược lại là sau khi bậc Thánh hiền mất, thường thường được người ta nhắc đến, nhớ đến và ra sức tôn sùng, thanh danh sau khi mất như mặt trời đứng giữa trời cao, như tiếng sấm bên tai, vừa khéo trở thành sự đối chiếu sáng ngời với việc sống lặng lẽ không ai biết, cô đơn lạnh lẽo của họ lúc sinh thời.

Không những bậc Thánh hiền phần nhiều phải sống vắng vẻ mà cả những người nghiên cứu sâu một loại công nghệ nào đó, một loại học vấn nào đó, cũng phần nhiều phải chịu cái vất vả của sự vắng vẻ. Bởi vì những cái họ nắm quá khó được người khác tìm hiểu, vượt hẳn tầm nhìn của người đời và hầu như cũng không có liên quan mấy với cuộc sống thường ngày, thế là bị xã hội và nhiều người lạnh nhạt, thờ ơ thậm chí còn cười chê bói móc.

Lúc đó, bậc Thánh hiền cũng thế, người học vấn công nghệ tinh thông cũng thế, có thể chịu đựng được sự vắng vẻ hay không sẽ trở thành ranh giới của đời người. Chưa chừng họ chịu không nổi sự vắng vẻ liền nhanh chóng vào hòa với thế tục, vứt bỏ ý chí cao xa và mong cầu cao cả, hòa vào trong biển người mê mông. Những mô thức nhân sinh này sau khi chuyển đổi, có thể sẽ cảm thấy khi sống sẽ náo nhiệt hơn, ngôn luận bình thường tự nhiên sẽ có nhiều người hiểu. Nhưng không nên quên rằng, đây là cái giá phải trả để hạ thấp giới hạn sinh tồn và sự cao cả của đời người.

Nhưng cũng có nhiều bậc Thánh hiền và những người công nghệ học vấn tinh thông vẫn giữ được vẻ vắng lặng, coi như không có ai, một mình lặn lội trên đường đời. Không có người tìm hiểu cũng được, không có người khen cũng được, họ tự nhắm đích của mình bình tĩnh kiên định bước tới, đến nỗi trở thành trung tâm mọi người chăm chú nhìn, nên lúc sinh thời và sau khi mất đều vắng vẻ, đều náo nhiệt sẽ không phải là điều mà họ quan tâm nữa. Tương truyền có một nhạc công chơi đàn ngay trong chợ, mới đầu mọi người cho là đàn hát những bài thuộc loại đàn tỳ bà ba dây, người xúm lại để nghe ngày càng đông, chen chúc nhau đông nghịt. Về sau mọi người mới nghe ra là một kiểu diễn tấu thanh nhã, càng nghe càng nhạt nhẽo, dần dần đám người tản mạn bỏ đi hết.

Duy chỉ có một người vẫn đứng lại như hết sức chuyên chú nghe đàn, người nhạc công từ buồn rầu chuyển thành vui mừng, không ghìm nổi mình nói: “Tốt quá! Cứ xem như là còn có tri âm, cũng không uổng sự khổ tâm của tôi!”

Người này chậm rãi nói: “Nếu như không phải cái bàn ông đặt đàn này là của nhà tôi, còn phải mang về, thì tôi cũng đã đi từ lâu”. Người nhạc công đàn lạng lẽ chẳng nói gì nữa (xem sách *Tiểu đắc hảo* của Thạch Thành Kim thời Thanh).

Trên đời, người ta phần nhiều thích đàn hát những bài nghe vui nhộn, sang sảng, mà người nhạc công này lại diễn tấu những khúc nhạc thanh nhã vắng lặng, tự nhiên người nghe đang từ đông đúc trở nên vắng vẻ. Người nhạc công thầm vui một mình là vẫn có một người tri âm như thế, ai ngờ ông ta là một người đang đợi để khiêng bàn đi, cũng không phải là người thưởng thức khúc nhạc của mình, điều đó có thể gọi là vắng vẻ đến tột cùng.

Đương nhiên, ngoài bậc thánh hiền, những người học vấn công nghệ tinh thông, còn có như người nhạc công đáng thương này, họ không cố ý đi tìm sự vắng vẻ, thậm chí ngược lại, họ rất hy vọng được nhiều người thừa nhận, thưởng thức và bắt chước, nhưng việc này thường dường như là không tưởng. Trong tình huống này, sự vắng vẻ của đời người sẽ trở thành bạn đi theo họ suốt cả cuộc đời.

Đây là điều đáng tiếc, nhưng lại cũng là một thứ định mệnh.

Trong vắng vẻ mới thật sự tôi luyện tập tính của mình, nâng cao sự tu dưỡng tinh thần, nghiên cứu sâu công nghệ và học vấn. Còn rầm rộ, sôi nổi, muôn người chăm chú nhìn, chỉ có thể mang lại sự xúc nổi và nông cạn, chỉ có thể hình thành lòng khoe khoang và hành vi thô bạo.

Trong vắng vẻ mới có thể suy tư, tự tĩnh ngộ, tìm được sự tĩnh mịch của tâm linh và sự trong sáng của tinh thần. Từ đó mà làm trong sáng nhân cách, làm tăng năng lực và học vấn, đạt đến hoàn cảnh sinh tồn mà người bình thường khó mà trông thấy bóng dáng của nó. Còn theo đuổi hiệu ứng náo nhiệt, khát khao cầu mong tiếng hoan hô, tiếng khen như sấm dậy, chắc chắn là hãm mình vào trong trạng thái cõi lòng trống trải, thần kinh căng thẳng, không thể yên ổn, quên đi thậm chí gạt bỏ sự theo đuổi cần bồi bổ thêm cho mình, nâng cao mình, thực hiện mục tiêu rộng lớn và cao cả trong quá trình đời người.

Từ đó ta thấy, người trong vắng vẻ đương nhiên hướng tới náo nhiệt, bởi vì họ khát khao mong ngóng dùng nhân cách đạo đức cao cả dẫn dắt mọi người, dùng học vấn công nghệ tinh thông tạo hạnh phúc cho dân chúng, đây chính là cái gọi là náo nhiệt. Nhưng họ hoàn toàn không cố ý theo đuổi náo nhiệt, chỉ bằng xem náo nhiệt là kết quả tự nhiên nào đó của cố gắng của mình. Cho nên họ không chút để ý là lúc sống vắng vẻ sau khi chết náo nhiệt, hay lúc sống náo nhiệt, sau khi chết vắng vẻ, hoặc khi sống và sau khi chết đều vắng vẻ! Họ chỉ là dốc hết tinh thần và sức lực vào trong việc theo đuổi sự nghiệp của mình.

Cho nên vắng vẻ là trạng thái sinh tồn cơ bản của các bậc Thánh hiền và những người nghiên cứu học vấn công nghệ tinh thông, chịu đựng nơi vắng vẻ trở thành thái độ nhân sinh cần có của họ, vắng vẻ chính là định mệnh của họ!

13. Tránh “thích làm thầy người khác”

Trên đời có nhiều người thích làm thầy người khác, luôn cảm thấy mình rất thông minh, thấy nhiều biết rộng, hơn nữa nếu không thể đem những điều biết của mình nói với người khác, dùng để chỉ bảo người khác thì cảm thấy người không thoải mái, trong lòng rất khó chịu. Bởi vì nếu không thể đối với người khác chỉ ra một cái gì đó, thì sự “hiểu rộng”, “nhiều tài năng” của mình lại làm thế nào hiện rõ trong thế gian được? Lại làm thế nào giành được sự ca ngợi của xã hội và sự khâm phục của người khác được?

Nói chung, niềm vui lớn nhất của người “thích làm thầy người khác” là vô số người nghe vây xung quanh, mở to đôi mắt khát khao, ngưỡng mộ, khâm phục chăm chú nhìn mình không chớp, luôn luôn tuôn ra những lời khen tấm tắc vì những lời hay ý đẹp và sự nói năng bằng trí sáng suốt nhìn xa trông rộng của mình.

Lúc này, “người thích làm thầy người khác” nhất định có thể dạt dào niềm vui, toàn thân thư thái, đều không chút để ý đến sự mệt mỏi về tinh thần và khô miệng rát họng nữa. Ngược lại càng mệt mỏi, hai mắt lại càng phóng ra vẻ hưng phấn, bởi vì những người được chỉ bảo có thể chú ý tập trung lâu đến thế, chẳng phải là đang nói lên sự tài giỏi của người thầy sao?

Nếu nói, người ta tự giác hạn chế hoạt động của “người làm thầy người khác” trong một phạm vi nhất định còn là một đức hạnh tốt, vậy thì đem ý nguyện của người “làm thầy người khác này” đẩy đến đầu cùng, trở thành người “thích làm thầy người khác”, sẽ có thể biến thành một người thuyết giáo nói huyền thiên không nghỉ, một người tự coi mình là cao nhất, kiêu ngạo, một người xem người khác là người ngu, một người cố giữ kết cấu kiến thức của mình mà không biết trên đời nó đã có hàng ngàn năm. Như vậy, người “thích làm thầy người khác” bèn trở thành đối tượng làm cho người khác ghét.

Thời xưa ở vùng đất Sơn Đông có một anh chàng, một hôm anh ta hớn hỏ cầm một cây sào dài đi vào thành làm việc, đến cửa thành, anh ta đầu tiên cầm cây sào dựng đứng, hai đầu chống vào tường thành không vào được. Anh ta lại cầm nằm ngang, hai bên cũng chạm vào cửa thành vẫn không vào được. Chàng trai này thở hổn hển, vò đầu bứt tai loay hoay suy nghĩ mãi, không biết cầm cây sào như thế nào mới có thể đi vào cửa thành được.

Vừa đúng lúc đó, một ông già từ từ đi dạo tới, nhìn thấy tình huống này liền chủ động bước tới nói với chàng trai kia: “Tôi không phải là ông thánh nào cả, nhưng những việc đã từng trải lại không ít. Tôi chỉ cho anh làm, sao anh không lấy một cái cưa cắt ngang cây sào đứt đôi rồi cầm vào thành?”.

Anh chàng này bỗng nhiên tỉnh ngộ, tươi cười hớn hỏ, quả nhiên lấy cưa sắc cắt ngang giữa cây sào ra làm đôi, rồi cầm ơn rỗi rít đối với ông già, dạt dào vui sướng cầm hai đoạn sào đi vào thành. (Xem sách *Tiểu lâm* Hàm Đan Thuần soạn).

Anh chàng này cố nhiên là ngu đến cực độ, chỉ biết cầm đứng và cầm ngang cây sào, không biết còn có thể cầm thẳng cây sào để vào thẳng. Còn ông già “thích làm thầy người khác” lại đáng cười hơn, mặc dù khiêm tốn gọi mình không phải là ông thánh, nhưng lại tự nói đã nhìn thấy nhiều việc rồi, tỏ ra mình đã từng trải phong phú, thấy nhiều biết rộng, cho nên hoàn toàn có thể chỉ bảo anh chàng vô tri này. Nhưng cái mà ông dạy người khác lại là biện pháp ngu hơn: “lấy cửa cắt đứt ở giữa mà đem vào”, sao lại không làm cho người đời cười đến rụng cả răng!

Người đời nếu như đích thực có chân tài thực học, đích thực trong bụng có tri thức, có thể đáng làm thầy người khác. Nhưng cho dù như thế, cũng tốt nhất không nên “thích làm thầy người khác”. Loại người này phần nhiều thích nổi trội hơn người khác, nói liên tục, giảng giải luôn mồm, mà còn tha thiết và bức thiết mong muốn nhiều người ngưỡng mộ và ca ngợi. Như vậy, ắt sẽ sa vào con đường ông già kia đã chỉ cho anh chàng dùng cửa cắt sào để vào cửa thành.

Việc ở thế gian vô cùng nhiều, người trong xã hội vô cùng phức tạp, sự hiểu biết của một người dù nhiều đến đâu cũng chỉ có thể có hạn có chừng. Về phương diện này, trong việc này bạn có thể là thầy người khác, nhưng về phương diện kia, trong việc kia bạn chỉ có thể làm học sinh, v.v... Cho nên, người “thích làm thầy người khác” trước hết cần phải trút bỏ lòng ham thích đi, vừa có thể làm thầy, cũng có thể khiêm tốn thành học sinh. Ngoài ra, dù là “làm thầy người khác” bình thường, cũng phải nhìn đối tượng có bằng lòng tiếp nhận chỉ bảo hay không để thực hiện, còn nếu đối phương không có tinh thần học hỏi, cần bản không muốn người khác chỉ bảo, vậy thì lại cần gì phải liên thoắng không ngừng, huyên não mãi không thôi? Việc mấu chốt đạt được giới hạn này còn ở chỗ tự mình phải gạt bỏ tâm lý thích khoe khoang, thích nghe lời khen của người khác đi.

Cần phải hiểu rõ một lý dễ hiểu là chân tài thực học của con người ở trong bụng là không thể mốc hỏng, đối với người đáng chỉ bảo thì chỉ bảo họ, đối với người không đáng chỉ bảo thì lặng lẽ chờ họ. Hãm bớt tính nết, giữ thái độ sinh tồn bình tĩnh vững vàng, ắt có thể tự nhiên được người đời tôn kính. Còn “thích làm thầy người khác”, nói sùi bọt mép ra, cuối cùng sẽ làm cho người ta sinh ghét, đây là kết cục có thể thấy trước trong cuộc đời, cũng là những lúng túng khó xử chúng ta cần chú ý tránh trong quá trình cuộc đời.

14. Tránh “tính khí vênh váo”

Tục ngữ nói Người gặp việc vui tinh thần sáng khoái, người ta nếu như đối với trạng thái hiện thực vô cùng mãn nguyện, liền có thể xuất hiện dáng vẻ dạt dào lòng vui sướng, tinh thần phấn chấn. Nếu phát triển thêm một bước nữa thì sẽ ngênh ngang tự đắc, vênh váo tự mãn. Lúc đó, người ta băng khuâng không biết đến mặt khó khăn sinh tồn của mình, không chút xem xét đến họa hoạn ẩn náu trên đường đời, cuối cùng là sẽ bị đòn cảnh cáo, tai họa sẽ giáng

xuống đầu.

Cho nên, người tính khí vênh váo thường bị trạng thái đời người tương đối tốt đẹp trước mắt làm choáng váng đầu óc, vẻ đắc ý trào lên nét mặt và lời nói, sẽ có thể chuốc lấy sự căm ghét và ghen tỵ của người khác, khiến cho quan hệ nhân tế trở nên căng thẳng, chôn vùi mầm tai họa trong hành trình dài đằng đẵng của cuộc đời từ nay về sau.

Nước Tề thời xưa có một Tể tướng có tài năng và sáng suốt là Yến Tử. Một hôm, ông ngồi xe ngựa ra ngoài làm việc, trên đường đi qua một thị trấn náo nhiệt. Vợ người đánh xe lúc đó đang đứng ở cửa nhà mình, vừa nhìn liền thấy chồng của chị đang ngồi trên chiếc xe to bốn ngựa kéo ngất ngưỡng, vẻ mặt đầy kiêu ngạo, vênh váo tự mãn đang vung chiếc roi ngựa trong tay, dương dương tự đắc quát tháo, phất chốc chiếc xe ngựa đã vượt qua cửa.

Buổi tối, người đánh xe về nhà, thấy vợ gói bọc quần áo tuyên bố muốn ly hôn với anh ta. Người đánh xe hoang mang bối rối, vội vàng hỏi nguyên nhân. Người vợ đáp: “Tể tướng Yến Tử người cao tuy không đầy sáu thước (tức 2 mét) là Tể tướng đường đường của một nước, thanh danh truyền tụng khắp các nước chư hầu. Hôm nay tôi trông thấy ông ta ngồi ngay ngắn trong xe, cúi đầu suy tư, thái độ khiêm tốn lễ phép. Còn anh, tuy thân cao tám thước, chẳng qua chỉ là một anh chàng đánh xe ngựa, nhìn cách đánh xe kia của anh, nhìn cái vẻ vênh váo kia của anh, tôi không muốn cùng sống chung với một người kiêu ngạo tự mãn nữa!”.

Người đánh xe ngựa nghe những lời của vợ nói vô cùng hổ thẹn, anh quyết tâm ăn năn hối lỗi. Về sau cứ mỗi lần đánh xe anh ta đều rất chú ý đến những lời nói và hành vi của mình. Yến Tử cảm thấy một cách nhạy cảm sự thay đổi của người đánh xe, liền hỏi anh ta vì sao có thể như vậy? Người đánh xe cứ sự thực nói lại. Yến Tử gật đầu khen, cảm thấy người đánh xe này không đơn giản, có thể rất mực phục thiện, về sau liền tiến cử anh ta làm chức quan đại phu.

Người đánh xe vốn là một người hay ngông nghênh, làm được người đánh xe của danh tướng Yến Tử, tự nhiên trong lòng sinh ra thỏa mãn nên đắc ý, từ đó liền trở nên vênh váo tự mãn, chưa chừng đây cũng là con đường chung của nhiều người đi. May thay vợ người đánh xe không phải là hạng người dễ dàng tùy tiện, biết đạo lý của kẻ kiêu ngạo ắt sẽ thất bại, ắt sẽ tổn hại, cảm thấy lại tiếp tục cùng sống với người chồng tính khí vênh váo, cuối cùng có ngày sẽ gặp tai nạn lớn. Vì vậy lấy quyết tâm và hành vi ly hôn để khuyên răn chồng mình. May sao người đánh xe cũng là một người thông tình đạt lý, tiếp nhận lời khuyên của vợ đã sửa chữa hẳn thiếu sót kiêu ngạo tự mãn. Kết quả lại được Yến Tử nhìn thấy, cuối cùng đều hết sức vui mừng người đánh xe đã trở thành quan Đại phu. Câu chuyện này là một đoạn giai thoại được truyền trong lịch sử.

Một đời của con người, mặc dù trục trặc không ngừng, khó khăn chồng chất, nhưng luôn có lúc thuận lòng, có việc vừa ý. Khi khó khăn trắc trở, người ta không nên mặt ủ mày ê, mọi ý nghĩ đều tan biến hết, mà cần phải tự cổ vũ phấn chấn tinh thần, phấn đấu tự cường, làm thay đổi tình cảnh túng quẫn của đời người. Còn khi đắc ý vừa lòng, lại nhất thiết không được thỏa mãn đến mức quên hết tất cả, vẻ đắc ý hiện lên nét mặt, tràn ra lời nói, mà cần phải trong lòng cẩn thận, bề ngoài tỏ ra khiêm tốn lễ độ, nói năng nhỏ nhẹ. Người ta xử thế như thế, mới có thể vừa

trong nghịch cảnh giành được thành công của đời người, lại có thể trong thuận cảnh giữ được tâm tình bình thường, loại bỏ ẩn họa trong quá trình đời người, giữ được thể tốt phát triển của đời người.

15. Tránh “người ta nói sao mình nói vậy”

Con người xét từ vẻ mặt, thân thể, da tóc đều là thuộc cụ thể, cá biệt, nhưng xét từ sự sinh tồn và cuộc sống, từ sinh mệnh và đời người của con người thì họ đều thuộc về xã hội, thuộc về quần thể.

Điều này nên nói như thế nào nhỉ? Ví dụ khoảnh khắc sinh mệnh của con người vừa mới nảy mầm đã quyết định tính quần thể của nó. Bởi vì hạt giống của sinh mệnh là do cha và mẹ hòa hợp với nhau tạo thành. Con người sau khi sinh ra, họ sinh tồn trong gia đình, mà gia đình là tế bào tạo thành xã hội. Người ta rời khỏi gia đình lại đều sinh tồn và sống trong xã hội, điều này sẽ làm cho mỗi một người đều đánh một dấu ấn xã hội sâu xa. Ngoài ra, con người học được ngôn ngữ, tuân theo phong tục xã hội nhất định, lại có dịp được giáo dục v.v..., những việc này đều làm cho con người liên hệ khăng khít với cả dân tộc, ngay cả với lịch sử, văn hóa và truyền thống của loài người, khiến cho con người không thể không trở thành bộ phận tạo thành của toàn thể loài người.

Con người từ sự tồn tại cụ thể và cá biệt lĩnh hội được tính xã hội, tính toàn thể và tính nhân loại chất chứa trong bản thân mình, là tiêu chí quan trọng của đời người đi tới chín muồi. Nó vừa là cơ sở của sinh mệnh con người, lại vừa là sự cần thiết của sinh tồn của con người, đồng thời cung cấp khả năng cho đời người hướng tới huy hoàng, đi tới thành công.

Nhưng, chính vì con người chỉ có trong xã hội mới có thể sinh tồn, cuộc sống của con người không ai không phát sinh các mối quan hệ với người khác, làm cho con người ta sinh ra tâm lý hòa theo mọi người mạnh mẽ và tập quán người ta nói làm sao thì mình nói vậy.

Hòa theo mọi người vốn không có gì không thỏa đáng, người ta lúc nhỏ chính là lấy cái cha mẹ yêu ghét làm cái yêu ghét của mình. Người ta trong xã hội tỏ ra nhỏ bé như thế, đến nỗi đành bị động chịu sự bắt ép của đám đông mà làm. Nhưng hành vi hòa theo mọi người này phát triển quá đáng trở thành tâm lý hòa theo mọi người, liền sẽ làm mai một tính đặc biệt của cá nhân mình, vứt bỏ ý kiến riêng của mình, theo đuôi người ta. Nếu việc theo đuôi đó mà tốt thì còn có thể, nhưng nếu việc theo đuôi đó có lúc không tốt, thế thì việc hòa theo mọi người mù quáng đó sẽ có thể làm cho bạn phải trả giá rất đắt, đối với đời người sẽ nguy lớn.

Tâm lý hòa theo mọi người trong cuộc sống hiện thực của người ta thường biểu hiện thành người ta nói sao mình nói vậy. Người có tập quán này, từ trước đến nay đều không có ý kiến

riêng của mình, cũng không muốn có cách nhìn của cá nhân, người khác nói như thế nào mình sẽ nói như thế ấy, phụ họa theo, không thêm hơn một chữ một lời. Lâu ngày, tính sống động mới mẻ của đời người của cá nhân sẽ không tồn tại lại nữa, tính đặc biệt của cá nhân sẽ không thể nào hiện ra, càng khởi cần nói khiến cho đời người lên xuống trầm bổng, tràn đầy ý thức sáng tạo của tình cảm mãnh liệt bột phát. Đời người như thế khẳng định là nhạt như nước lã không mùi không vị. Trước khi người ta tạ thế ngoảnh đầu nhìn lại những việc đã qua sẽ có thể vì đời người quá bình thường chẳng có gì lạ mà than thở mãi không thôi.

Nhà nho lớn thời Minh Lưu Cơ đã từng kể một câu chuyện nói: Trên đỉnh núi Nữ Kỷ có một đám cây rậm rạp lớn, một đàn chim khách đông làm tổ ấm trên các cành cây.

Một hôm, một con hổ đột nhiên từ trong rừng rậm nhảy đến, đàn chim khách nhìn thấy không lợi, lập tức tụ tập lại trên cây nhằm vào con hổ cùng đồng thanh kêu to lên. Những con sáo làm tổ trong hang đất nghe tiếng kêu cũng cùng lên tiếng kêu loạn lên. Con hổ bỗng vừa nghe tiếng ầm ĩ ở ba bề bốn bên làm cho khiếp sợ đến nỗi hoang mang chuồn khỏi.

Con quạ ở bên, sau khi nghe tiếng kêu liền hỏi chim khách: “Con hổ đi ở dưới đất, còn các bạn làm tổ ở trên cây, thì có can hệ gì mà phải kêu rối rít lên như thế?”.

Chim khách đáp: “Lão hổ mà gầm rống lên kéo dài, thì nhất định đất bằng cũng phải nổi lên giông tố bão bùng, chúng tôi sợ trận gió to bão lớn này có thể lật nhào tổ mất, cho nên tất cả đều đồng lòng hợp sức kêu lên để xua đuổi hổ đi”.

Con quạ lại quay đầu hỏi con sáo kêu to là nguyên nhân gì, con sáo chẳng đối đáp được điều gì, mãi không cất lên được một tiếng, chúng cũng không biết mình vì sao cũng kêu mãi không thôi. Con quạ liền cười to: “Chim khách người ta làm tổ trên ngọn cây, sợ hổ đem đến bão tố nên mới kêu đuổi hổ đi, còn tổ của sáo bạn ở trong hang đất, căn bản không sợ gió, sao lại phải theo chim khách cùng kêu loạn lên?” (xem sách *Úc Ly tử. Thiên lý mã*).

Mọi việc làm của con sáo rõ ràng là tâm lý hòa theo mọi người mạnh mẽ, sa vào một trạng thái người ta nói sao mình cũng nói vậy. Có thể thấy được, sự tồn tại và cuộc sống của người người ta nói sao mình cũng nói vậy đều rất mệt mỏi, những lời trong lòng họ không muốn nói, những việc trong hành vi không muốn làm, lại dưới sức bắt ép của nhiều người nhất định phải nói, trong hành vi nhất định phải làm, những điều suy ngẫm nội tâm bên trong hoàn toàn tách rời với lời nói và hành vi bên ngoài, ắt sẽ dẫn đến đời người tràn ngập buồn phiền và đau khổ, không có chút hứng thú nào đáng nói.

Lại còn một tình huống là, kết quả của việc hòa theo và mình cũng nói vậy là làm tăng những lời nói xấu và hành vi xấu trong xã hội, tạo nên tổn hại cho người khác, ngược lại cũng làm cho mình bị lương tâm khiển trách, việc đó cũng làm cho đời người rơi vào trạng thái khó chịu đựng.

Cho nên, người có tâm lý hòa theo mọi người hay người ta nói sao mình cũng nói vậy, nhất định phải sửa đổi tập quán, khôi phục tính đặc biệt của cá nhân mình, nhen nhóm lại ngọn lửa ngùn ngụt độc lập suy nghĩ, từ trong quần thể, trong cả xã hội làm nổi bật lên ý nghĩa và giá trị tồn tại của cá nhân mình, dũng cảm biểu lộ cách nhìn, cách nghĩ của mình, dám tự mình đứng

ra hành động riêng, kiên trì theo cách hiểu của mình để sống. Như thế cuộc đời mới có thể rõ ràng mồn một trong sóng cả trào dâng, nhấp nhô trăm bỗng, cách sống như thế mới có thể làm cho người ta cảm thấy cuộc sống thật sự có mùi vị, sống giống như một người thật sự có cái tôi, thật sự là con người của tôi.

16. Cuộc sống của tín đồ Phật giáo

Trên thế giới có nhiều loại tôn giáo, phần nhiều bắt nguồn từ nhận thức đối với bản chất cuộc sống và mong muốn tha thiết giải thoát đau khổ của đời người. Người đời phần nhiều hay hỏi mấy vấn đề có tính kết cục, như vũ trụ sinh ra từ đâu? Do ai quyết định? Loài người từ phương nào đến? Do ai làm chúa tể? Con người vì sao sinh ra, lại vì sao chết? v.v... và v.v...

Hơn hai ngàn năm trước đức Phật tổ Thích Ca Mâu Ni suy nghĩ chân tướng của thế gian và nghĩa tinh túy của đời người, cho rằng đời người ít nhất chứa tám nỗi khổ. Một là sinh khổ. Khi người ta chưa sinh ra, thai nằm trong bụng mẹ, chắc chắn là giống như trong địa ngục tối tăm không có ánh mặt trời, người mẹ húp canh nóng, thân thai chịu cái khổ của việc sấy nóng. Người mẹ uống nước lạnh, thai lại như xối nước lạnh vào lưng. Khi sinh ra, trẻ sơ sinh đột nhiên bị vứt bỏ vào trong thế giới khắc nghiệt này, trước tiên là khí lạnh thâm nhiễm vào người, gió lạnh hắt vào mặt, sau đó thì phải chịu đủ mọi loại khổ hơn. Hai là lão khổ, chỉ con người vừa sinh ra liền bước vào tử vong, vừa nhìn là thanh thiếu niên, trong nháy mắt liền người già mắt lòa, tóc bạc phơ, cái già đã ập đến. Lúc này, người ta ngoài cái chết ra không chọn được cái gì khác. Ba là bệnh khổ. Con người có thể xác, ắt thân thể có bệnh tật, như tứ chi không điều hòa, huyết mạch không thông suốt, bệnh tật đầy người, trăm bệnh đều phát sa vào trong đau khổ không thể tự dứt ra được. Con người còn có tinh thần, cho nên còn có bệnh tâm thần như buồn rầu, thâm trầm, buồn bực tức tối, cô đơn do dự, những cái này đều là việc đau khổ nhất của đời người. Bốn là tử khổ. Chết là số mệnh của con người, người ta ai cũng phải chết, không chết vì binh đao tai nạn thì cũng chết vì bệnh hiểm nghèo đầy người, hoặc tuổi trời đã hết, cuối cùng phải chết. Cách chết, thời kỳ chết có thể khác nhau, kết cục chết thì bất cứ ai cũng đều giống nhau, đây chẳng lẽ không phải là đau khổ lớn nhất của đời người? Lại còn cái gọi là khổ vì oán hận, khổ vì yêu mà phải biệt ly và khổ vì cầu mong không được. Người ta càng là người chán ghét, hoảng sợ, căm giận càng là khó hòa hợp với nhau, càng như kẻ thù gặp nhau, gọi nó là khổ vì oán hận. Người ta càng là người ái mộ, yêu thương nhau, thân thiết với nhau, càng là mỗi người một phương trời, khó mà được gần nhau, cái đó gọi là khổ vì yêu mà phải biệt ly. Những cái người ta càng khát khao, ham muốn, cầu mong giành được, càng không thể giành được như lòng mong muốn, cái đó gọi là khổ vì không cầu được.

Phật giáo còn chỉ ra rằng, con người không chỉ đời này kiếp này chịu đủ mọi nỗi đau khổ, thông qua cái chết ở giữa, con người chuyển thành đời sau kiếp sau, vẫn rơi vào trong bể khổ. Ví như kiếp này làm điều ác thì kiếp sau biến thành quỷ đói, rơi vào trạng thái cầu cơm ăn không

được, thực là khổ hết chỗ nói. Cho nên, chỉ cần người ta còn ở trong tam giới (chỉ trời, đất và người) thì không tài nào thoát khỏi nỗi phiền não và đau khổ vô cùng tận đó.

Do vậy, Phật giáo chỉ rõ, người ta chỉ có vào trong núi sâu khổ luyện, hiểu sâu phép Phật, xem mọi vật của thế gian đều như mãnh thú và lũ lớn, một lòng niệm Phật bóp chết mọi ham muốn, cuối cùng thì thông qua Nát bàn vượt ra khỏi vòng sinh tử, đi đến thế giới Tây phương cực lạc mới có thể không có đau khổ, vĩnh viễn vui sướng.

Một cách nhìn đối với đời người như vậy, khiến cho cuộc đời của các tín đồ Phật giáo có nhiều tính chất và đặc sắc hoàn toàn khác với cuộc đời thế tục.

Năm đầu thời Bắc Tống, triều đình phái đại quân chinh phạt vùng Giang Nam, Trần Hậu chủ đầu hàng, nhưng có một số tướng bảo vệ địa phương như Hồ Tắc của Cửu Giang vẫn kiên trì giữ. Đại tướng quân Tào Hàn vâng lệnh tiến công. Trong việc cấp bách của chinh chiến, ông dẫn quân vượt sông đi vào một cái chùa. Binh sĩ sát khí đằng đằng làm cho các hòa thượng khiếp sợ bốn bề chạy trốn hết, chỉ có một vị Lão hòa thượng tên là Duyên Đức vẫn như thái sơn ngồi xếp bằng đọc kinh không dừng.

Tào Hàn tay ấn bảo kiếm sải bước lớn đi vào điện đường của chùa, Hòa thượng Duyên Đức vừa không đứng dậy cũng không vái chào. Tào Hàn cả giận mắng: “Lão hòa thượng, ông chẳng lẽ không nghe nói tướng quân giết người không chớp mắt phải không?” Hòa thượng Duyên Đức ánh mắt hơi rời khỏi quyển kinh, nhìn chằm chằm vào Tào Hàn một lát, nói: “Ông chẳng lẽ không hiểu trên đời có hòa thượng không sợ chết ư?”

Tào Hàn bị khí phách kiên cường bất khuất của hòa thượng Duyên Đức làm rung cảm, trong lòng kính phục mãi, đã hòa dịu rất nhiều, lại hỏi: “Các hòa thượng ở trong chùa vì sao đều chạy hết?” Duyên Đức đáp: “Chỉ cần hễ gõ trống là họ đều sẽ quay về thôi”.

Tào Hàn tức khắc sai bộ hạ đi đánh trống, đã khá lâu vẫn không có một hòa thượng nào trở về. Tào Hàn quay đầu nói: “Không trở về, là vì sao?” Hòa thượng Duyên Đức chấp hai tay chử thập nói: “Lòng sát nhân của ông quá nặng, làm sao có thể gọi họ trở về được?” Nói xong, ông tự tay cầm dùi đánh trống, quả nhiên các hòa thượng đã tản đi chốc lát đã tụ họp lại.

Tào Hàn càng thêm hết sức kính phục, cúi lạy hòa thượng Duyên Đức, lại hỏi mưu lược làm thế nào giành được thắng lợi ở chiến trường. Hòa thượng Duyên Đức nhắm mắt nhẹ nói: “Đây không phải là điều một người xuất gia biết”. (xem sách *Ngũ đăng hội nguyên*, quyển 8, Viên thông Duyên Đức thuyên sư).

Từ câu chuyện này có thể biết cuộc đời của tín đồ Phật giáo: Một là không sợ sinh tử. Các hòa thượng xem thân xác như là túi da thối, đi tới thế giới cực lạc sẽ cần phải vứt bỏ cái túi da thối này đi, cho nên căn bản không chú ý đến cuộc sống ở thế gian, không quan tâm đến việc sinh tử ở nhân gian, đương nhiên cũng sẽ không sợ sống chết. Đối với những người không sợ sống chết này, tất nhiên không thể đem những lời giết người không chớp mắt ra để dọa nạt họ. Hai là từ bi tránh sát sinh. Sát khí quá nặng đến gõ trống đều không có tác dụng, phải do hòa thượng Duyên Đức tu dưỡng đức hạnh rất cao tự tay đánh trống, tiếng trống mới có tác dụng.

Ba là thoát khỏi công danh phú quý của thế tục. Người xuất gia không biết cũng không màng đến vinh hoa phú quý của thế gian, cũng không cầu ăn uống ngon lành, chỉ dốc một lòng vào việc niệm Phật và hướng tới thành Phật.

Do đó đủ thấy, cuộc đời của tín đồ Phật giáo có tính chất cương nhu hỗ trợ nhau: họ cấm chỉ mọi dục vọng đa số chân tay trói gà không chặt, chỉ biết đọc mấy câu kinh, không thể ngăn chặn bạo lực bên ngoài, rơi vào địa vị mềm yếu nhất trên đời, nhưng họ giữ lòng tín ngưỡng bền vững, không sợ sống chết, lại biểu hiện rõ thái độ sống rất cứng rắn và mạnh mẽ.

Người ta trên đời không cần phải đều như tín đồ Phật giáo, vào núi sâu khổ luyện, một lòng hướng tới sau khi chết vào thế giới cực lạc. Nhưng cuộc đời của tín đồ Phật giáo cũng gợi ý mọi người: không màng đến việc sống chết mới có thể không sợ chết. Không màng vinh hoa phú quý, mới có thể giành được tự do lớn về tinh thần và chí hướng độc lập không lẫn với thế tục trong cuộc sống.

17. Cuộc sống của người nghiện rượu

Rượu là một chất nước uống có chứa alcohol, uống nó vào có thể làm cho tinh thần người ta hưng phấn, quên hết tất cả mọi đau khổ và những điều không vui trong đời. Vì thế, uống rượu xưa nay vẫn được người ta xem là một việc vui lớn của đời người, mà người ta xưa nay trong và ngoài nước đều nhất loạt không thể vượt ra ngoài.

Cuộc đời trong hiện thực đau khổ quá nhiều, gian nan của quá trình sống quá phổ biến, những cái đó đều là những nguyên nhân sâu xa nhất làm cho người ta thích rượu. Đương nhiên, rượu là chất rượu Ê-ti-lic, tham ăn uống ắt sẽ tham chén. Rượu còn là chất hoạt huyết bồi dưỡng thân thể, người mong kéo dài tuổi thọ cũng thích nó v.v... Những điều như vậy, đều là bối cảnh sâu sắc mà đời người không tách rời với rượu.

Còn tệ hơn là, có một số người dứt khoát xem uống rượu là sinh mệnh, trong cuộc sống không thể thiếu rượu, lúc nào cũng lưu luyến với rượu. Họ cảm thấy đời người sẽ nên uống rượu, không có rượu thì không sống nữa. Người giữ nhân sinh quan này, đích thực rất cởi mở, đích thực là người rất thoáng trong cuộc sống, nhưng cuối cùng rất có thể bị rượu - con dao hai lưỡi này làm tổn thương, đó là cái gọi là uống rượu quá mức bị tổn hại thân thể.

Lưu Linh triều Tấn là một trong Trúc Lâm thất hiền được truyền tụng rộng rãi thời đó. Ông thường xuyên ngồi xe hươu kéo, mang theo một hũ rượu lớn, lệnh cho một người vác chiếc xẻng sắt theo sát sau xe, nói với người đó rằng: “Ta nếu chết, anh sẽ đào một cái hố chôn ta”. Ham thích của ông đối với rượu và không thêm để ý đến trạng thái thân thể của mình đã đến bước như thế.

Có một lần, ông lên cơn nghiện rượu, trong tay lại không có rượu, đành cầu xin vợ. Vợ ông tức giận, hăng lên đem xô đổ hũ rượu, đập vỡ hết đồ uống rượu, khóc không ra tiếng khuyên Lưu Linh nói: “Ông uống rượu quá nhiều, đây không phải là biện pháp chăm sóc thân thể, ông nhất định phải cai rượu đi!”.

Lưu Linh mắt say lờ mờ nói: “Thôi được! Nhưng tôi sao có thể tự mình cai rượu được? Phải khẩn cầu quỷ thần và phát lời thề nguyện mới được. Bà vẫn phải nhanh chóng đi chuẩn bị rượu thịt dùng để khẩn cầu đây!”

Vợ ông bỏ giận làm vui, liền ra khỏi nhà đi mua sắm rượu thịt, cung kính bày đặt trước bài vị thần linh.

Lưu Linh miễn cưỡng xuống cầu khẩn trước quỷ thần rằng:

*Ông trời sinh ra tôi là Lưu Linh
Đã lấy tài uống rượu mà nổi tiếng
Một lần có thể uống liền mười đấu,
Lại dùng thêm năm đấu nữa cho tỉnh táo
Lời nói của phụ nữ xin đừng nghe!*

Nói xong, ông lấy rượu cúng tế thần linh đem uống, đem thịt đã cúng ra ăn, không đầy một lát ông đã say mềm, uể oải ngã lăn xuống đất.

Lưu Linh uống rượu, không những lượng rượu đến kinh người, càng làm người ta ngạc nhiên là tính ham rượu của ông. Lúc bình thường uống rượu đã không chú ý đến việc sống chết, luôn luôn có thể vì rượu phải trả giá cả sinh mệnh. Khi bị quản thúc thì tìm mưu kế lừa để uống rượu, mà căn bản không để ý khinh nhờn cả thần linh, đến những đồ vật cúng tế quỷ thần cũng dám uống dám ăn. Nói đó là cuộc đời nghiện rượu thì không có ai phản đối.

Đời người vốn có cái vui của nó, như trạng thái muốn sao làm vậy, giành được lợi ích rất hậu hĩnh, đạt được đôi bên đều vui vẻ v.v... đều là những việc vui trong quá trình đời người. Lúc này, người ta có lẽ phải dùng rượu để giúp vui, dùng rượu để chúc mừng, từ đó có thể thấy rượu có thể làm tăng niềm vui của đời người. Nhưng mặt khác, đời người vốn lại có nỗi đau khổ của nó, như hoàn cảnh trái với ý nguyện, trạng thái thiếu thốn vừa đói vừa rét, nỗi lo âu có người tình mà khó thành người nhà, v.v..., những cái này đều là những việc khổ trong quá trình đời người. Nhân lúc này, người ta sẽ càng mong có thể mượn rượu giải sầu, dùng rượu để quên đi bất cứ việc gì ở trên đời. Do đó ta thấy, rượu có thể làm tiêu tan cái khổ của đời người, mặc dù là tạm thời, mặc dù là hư ảo, nhưng người ta còn có thể có phương pháp và con đường nào làm quên đi nỗi đau khổ của đời người tốt hơn không?

Rượu, xem ra quả thực là cái cần của đời người, nó theo người sống những lúc vui mừng, càng luôn theo sát người ta làm tiêu tan những lúc đau khổ. Nhưng, người ta khi nâng cốc uống thoải mái, cũng phải nhìn thấy rượu có thể làm tổn hại tinh thần, rượu có thể làm tan rã ý chí và những cố gắng phấn đấu hiện thực của con người, nó mãi mãi là con dao hai lưỡi, có thể ban

cho con người cái hay, cũng có thể hại người ta không phải là ít.

18. Cuộc đời tự do thoải mái

Đời người, xét theo thời gian bao gồm toàn bộ quá trình từ sau khi người ta sinh ra đến lúc trở về với cát bụi, xét theo không gian, nó là sự tổng hòa mọi sự kiện cuộc sống đã từng trải qua trong một đời người. Tính phức tạp của sự tồn tại và quá trình sinh mệnh của bất cứ vật tự nhiên và động thực vật nào trên thế giới đều không thể sánh được với đời người. Cho mãi đến hiện nay, tính phong phú của toàn bộ cuộc đời của loài người vẫn chưa hoàn toàn bộc lộ hết. Còn về quá trình đời người của mỗi cá thể, nó cũng bao trùm tính khả năng vô hạn và tính phong phú phát triển, nó làm cho người ta khi sắp sửa rời khỏi thế gian thường có một cảm giác đáng tiếc. Bởi vì người ta luôn cảm thấy nhiều việc chưa làm xong, nhiều mùi vị của đời người chưa được thưởng thức, cảm thấy quá trình đời người của mình vẫn chưa triển khai hoàn toàn v.v..., những cảm xúc này trên thực tế đều là biểu hiện tính phức tạp của đời người.

Con người, muốn sống qua một đời thì cần phải nắm vững một số lý lẽ của đời người, tức là nhận thức đối với bản chất đời người, hiểu rõ cái kỳ diệu của đời người, nắm chắc kỷ xảo của đời người, quy luật điều khiển cuộc đời v.v... Việc này rất khó, nhưng vô cùng quan trọng, cũng vô cùng cần thiết.

Con người, không ai không khát vọng đời người trôi chảy, hạnh phúc mỹ mãn, nhưng nếu không nắm vững lý lẽ của đời người nhất định là không thể nào thực hiện được nguyện vọng này. Làm thế nào đạt được điều này? Ta hãy xem một câu chuyện trong Trang Tử. Đạt sinh trước đã.

Một hôm, Thánh nhân Khổng Tử đứng bên bờ Lữ Lương xem nước, nhưng thấy dòng nước chảy xiết ào ào gầm thét từ trên vách đá cheo leo tuôn chảy đổ xuống nghìn trượng, bọt nước trắng xóa bắn tung tóe tới bốn mươi dặm, tiếng vang chấn Động đất trời, khí thế rợn người. Dòng nước nguy hiểm đáng sợ như thế, ngay cả ba ba và con giải cũng không tài nào bơi lội được.

Bỗng nhiên, Khổng Tử trông thấy một chàng trai đang chìm nổi trong dòng nước xiết, ngờ là người có việc không vừa lòng trong cuộc sống nên tự sát, liền sai các đệ tử đứng xung quanh nhanh chóng đi cứu vớt. Những người đi cứu còn chưa chạy đến, người được cứu lại đã từ trong sóng lớn chui lên, đầu tóc rũ rượi, cất cao giọng hát, lại nhảy vào trong một cái đầm nước lặng ở chỗ ngoặt để bơi.

Khổng Tử bước chân về phía trước, nói: “Ta vừa rồi còn tưởng rằng anh là một con quỷ dưới nước, bây giờ quan sát kỹ thấy anh vẫn là một người. Xin hỏi, việc bơi trong dòng nước chảy

xiết một cách tự do tự tại này có quy luật và phương pháp gì không?”

Chàng trai kia đang đập nước một cách thành thạo, ngẩng đầu lên nói: “Không, tôi đâu biết quy luật và phương pháp gì? Tôi chẳng qua chính là thủy hồ cố, trưởng hồ tính, thành hồ mệnh thôi. Hàng ngày tôi đều nhảy vào dòng xoáy cùng cuộn theo, lại cùng với sóng cả bị tung lên. Tôi cố gắng làm thuận theo dòng nước mà không pha lẫn bất cứ tính hiếu ác nào của cá nhân, đây chính là lý lẽ của việc bơi dưới nước của tôi.

Khổng Tử vẫn còn chưa thật rõ ràng lắm, hỏi lại: “Như thế nào gọi là thủy hồ cố, trưởng hồ tính, thành hồ mệnh?”

Chàng trai kia thở một hơi dài, nói: “Tôi sinh ra ở bên sông, yên tâm ở bên sông, đây chính là thủy hồ cố. Tôi trưởng thành ở trong nước, hiểu sâu tính chất của nước, đây gọi là trưởng hồ tính. Tôi nhảy xuống nước bơi lội một cách tự nhiên, đó là thành hồ mệnh!

Khổng Tử như đã hiểu ra, chàng trai kia liền hụp vào trong nước, không thấy bóng hình đâu nữa.

Dòng nước lớn cuộn cuộn trào dâng, nước hồ lặng lẽ trong suốt giống như dòng đời, lúc nhấp nhô cuộn cuộn không ngừng, lúc lại êm đềm hòa hoãn chảy. Chàng trai kia bất kể là ở trạng thái trước hay là ở trạng thái sau, đều có thể hành động thoải mái theo ý muốn, trầm nổi cùng với sóng cả, vui đùa cùng với nước trong, tiến tới chỗ tuyệt mỹ.

Người ta trong quá trình sống nếu như có thể giống như chàng trai này, kiên trì trong khó khăn, quật khởi trong nghịch cảnh, ung dung dạo bước ứng phó như thường trong sóng to gió lớn của cuộc đời. Mà khi thuận lợi lại rất cẩn thận, trong hạnh phúc biết hưởng thụ như thế thì họ cũng sẽ đạt được chỗ tuyệt mỹ của đời người. Điều này e rằng mỗi người trong hiện thực đều cần mãi mong cầu. Vấn đề hiện tại là: Làm thế nào mới có thể làm được những điều này? Đây là điều nghi vấn của Khổng Tử đối với chàng trai kia, cũng là câu hỏi của chúng ta đối với đời người.

Từ trong lời đáp của chàng trai kia đối với Khổng Tử, chúng ta có thể nhận được một số gợi ý về lẽ của đời người. Cái gọi là thủy hồ cố đề cập đến vấn đề lý lẽ của đời người, chính là chỉ, người ta phải yêu mến cuộc sống, yên tâm với cuộc sống và tiến tới suy tư về cuộc sống, khai thác những điều thú vị trong cuộc sống. Có nhiều người hoặc chịu ảnh hưởng của một số học thuyết tôn giáo nào đó, hoặc những khiếm khuyết trong tính cách điều khiển, hoặc gặp phải vết thương của đời người quá nặng, thế là áp ủ một thứ tình cảm không cần gì hết, thậm chí chán ghét đối với cuộc sống, đối với sinh mệnh và đối với đời người. Như vậy, có nghĩa là họ đã mất thủy hồ cố, không yêu cuộc sống, đương nhiên cũng có nghĩa là không có cuộc sống, không có đời người.

Lại chính là muốn đạt được trưởng hồ tính, nghĩa là trong dòng đời lớn dũng cảm với thực tiễn, can đảm trong cuộc sống, toàn tâm toàn ý ôm lấy cuộc sống, hoàn toàn hòa thành một khối với cuộc sống, dần dần từ trong đó hiểu biết được cái lý của đời người và cái lẽ của cuộc sống, ngược lại chúng lại có thể giúp người ta sống tốt hơn, xếp sắp đời người càng đẹp hơn. Tách xa cuộc sống hoặc có thái độ lạnh nhạt, hờ hững, không quan tâm đến cuộc sống, cố nhiên không

tài nào sống cuộc sống tốt. Còn không nhảy vào trong sông hồ, đương nhiên không tài nào học biết bơi, không thâm nhập sâu vào cuộc sống, đương nhiên cũng không thể hiểu đời người.

Cuối cùng thì phải thành hồ mệnh. Đây là giới hạn cao nhất của việc đập nước của chàng trai kia, cũng có thể nói là giới hạn cao nhất của đời người. Người ta cố gắng trong thực tiễn của cuộc sống, quan sát suy nghĩ, thể nghiệm tổng kết ra nhiều lý lẽ của đời người một cách chu đáo tỉ mỉ, lại vận dụng chúng vào trong cuộc sống, từ đó đạt được trạng thái sinh tồn tương đối tốt, điều đó tốt thì tốt thật đấy, nhưng là rất mệt. Đương nhiên đời người đạt đến giới hạn này so với trạng thái hỗn độn không chút cảm ngộ, không chút hiểu biết đối với đời người kia tốt hơn nhiều, nhưng đây vẫn không thoải mái, vẫn không tự do, vẫn không thể theo ý muốn. Giới hạn đời người thuộc thành hồ mệnh là chỉ người ta vì đem lý lẽ của đời người ứng dụng tự nhiên, không chút trở ngại trong đời sống hiện thực, đã không cần mình cố ý để thể nghiệm, để suy nghĩ, để tinh luyện, để vận dụng. Con người sống một cách tự nhiên, lại có thể hợp với lý lẽ của đời người một cách tự nhiên, như vậy liền chuyển thẳng tới trạng thái đời người đẹp nhất. Một đời của con người nếu có thể bắt đầu từ thủy hồ cổ, tiến đến trưởng hồ tính, cuối cùng thì có thể thành hồ mệnh, như thế thì đời người sẽ trôi chảy và hạnh phúc, con người cũng tự do thoải mái, không chút gò bó, không cần phải làm kiểu cách, trở thành cuộc đời tự do thoải mái hoàn toàn.

19. Cuộc đời học giả

Vô số người trên đời đều ấp ủ mục tiêu đời người, thái độ nhân sinh khác nhau sống trong thế gian. Trong đó có một số người không nhiều, họ có lòng hiếu kỳ rất mạnh luôn muốn làm rõ những điều kỳ diệu sâu xa của tự nhiên, xã hội và con người. Họ cũng thích làm thầy người khác, thích đem những tri thức mình giành được sau khi khắc khổ nghiên cứu chuyển thành tín điều chỉ đạo đông đảo người khác, mong muốn người đời cố gắng như thế này mà không sống như thế kia v.v... Họ còn có một sở thích là thích múa bút viết ra bao nhiêu chữ hoặc tối nghĩa khó hiểu hoặc ngắn gọn trong sáng tạo nên những tác phẩm đồ sộ văn thơ hoa mỹ, thường để cho người ta phải ngưỡng vọng và cảm thán khi đứng bên quầy sách; đương nhiên cũng có thể miệt mài ở trong đó để chuyện trò với những người giàu trí tuệ này.

Những người này gọi là học giả. Học giả có đời sống của học giả, học giả có sự theo đuổi của học giả; quan niệm, thái độ sống, mục tiêu đời người của họ hoàn toàn hợp với tính chất công việc của họ. Nếu phân tích sâu cuộc đời của một học giả chân chính, người ta có thể nhìn thấy bên trong bóng chốc đập là một trái tim tự cường không ngừng, dâng trọn lòng trung thành.

Nhà tư tưởng Đức sống vào cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, Johann Gottlieb Fichte chính là một học giả điển hình. Ông xuất thân từ bần hàn, từ nhỏ không có tiền đi học. Một lần, có một người nhà giàu đến thôn nhỏ gia đình Fichte ở để thăm người nhà, luôn tiện muốn nghe mục sư giảng

đạo, nhưng bị lỡ thời gian. Người dân thôn này tự hào dẫn ông này đến trước Fichte mới vừa 9 tuổi, chỉ thấy Fichte nhỏ con con đem lời giảng của mục sư truyền đạo nói lại một lượt không bỏ sót một chữ. Người nhà giàu khâm phục năng khiếu thông minh sẵn có của cậu bé Fichte, liền quyết định tài trợ cho cậu đi học. Chính trong bối cảnh như thế, thần đồng Fichte được bước vào cổng trường. Về sau, ông dựa vào khoản tiền học bổng ít ỏi đã học xong chương trình Trung học và Đại học.

Năm 1791, Fichte đến thành K nigsberg, một lòng muốn gặp nhà học giả lớn nổi tiếng Đức và Châu Âu Kant. Hai người lần đầu gặp nhau, Kant rất lạnh nhạt đối với ông, hầu như không có chuyện gì đáng nói. Fichte trở về một quán trọ nhỏ đem giấy ra viết nhanh sách vừa trọn một tháng lẻ 5 ngày, ông đã viết xong quyển sách *Phê phán tất cả mọi gọi ý*. Kant sau khi xem xong bản thảo này khen ngợi rất nhiều đối với tài hoa của Fichte, hai người cuối cùng gặp nhau rất vui vẻ.

Được sự giúp đỡ của Kant, Fichte dần dần trở nên nổi tiếng. Ông 32 tuổi đã làm Giáo sư của Đại học Jena nổi tiếng, viết rất nhiều trước tác bất hủ như Cơ sở tri thức học, Cương yếu tri thức học, Cơ sở pháp quyền tự nhiên, Hệ thống luân lý học v.v... Ông còn phát biểu hàng loạt luận văn, nổi bật sự thông minh và tài trí của ông.

Fichte còn là một nhà diễn thuyết thiên tài, ông đã từng tiến hành 14 lần diễn thuyết yêu nước Gửi tới nhân dân Đức khích lệ nhân dân Đức phấn chấn tinh thần, đoàn kết nhất trí cùng nhau chống sự xâm lược và áp bức của nước ngoài, đấu tranh cho sự thống nhất và phục hưng của dân tộc.

Một đời của Fichte chính là một đời của học giả. Ông dùng thực tiễn của đời học giả phong phú của mình phối hợp với suy nghĩ thâm thúy, đã từng một lần diễn thuyết với chủ đề Bàn về sứ mệnh của học giả, đã làm xúc động tâm hồn của vô số trí thức, đến nay người ta đọc đến lời của bài diễn thuyết này, vẫn có thể lĩnh hội được tài hùng biện, tư tưởng sâu sắc của Fichte và tấm lòng của ông lo cho nước cho dân. Đồng thời người ta cũng có thể hiểu được sự vẻ vang, nổi gian nan và trách nhiệm to lớn với tư cách là một học giả.

Fichte nói: “Sứ mệnh của học giả chủ yếu là phục vụ cho xã hội, bởi vì họ là học giả, cho nên họ so với bất cứ người giai tầng nào cũng có thể thật sự tồn tại thông qua xã hội, tồn tại vì xã hội”.

Xã hội là một tập hợp của đông đảo người, phục vụ cho xã hội, cũng là phục vụ cho nhiều người. Học giả tìm kiếm khoa học, nắm chắc tri thức, xây dựng hệ thống lý luận, mục đích không phải là để giành lấy danh dự, địa vị, của cải mà là vì phát triển xã hội, vì hạnh phúc của nhân loại. Người bình thường không thể tự giác đem theo đuổi đời người của mình móc nối lại với phục vụ xã hội, phục vụ nhiều người. Chỉ có học giả, vì học thức của họ nên mới có thể vượt ra khỏi giới hạn cục bộ của cá nhân mình, đứng trên góc độ phát triển xã hội và hạnh phúc của loài người để xem xét vấn đề, đồng thời tự giác đem sứ mệnh đời người của mình liên hệ chặt chẽ với việc phục vụ xã hội. Như vậy thì học giả làm thế nào mới có thể phục vụ cho xã hội?

Fichte chỉ ra rằng: “Hiện tại học giả cần đem những tri thức mình vì xã hội thu được, thật sự dùng vào việc đem lại hạnh phúc cho xã hội... Học giả rốt cuộc làm thế nào mới có thể và cần phải truyền bá tri thức của mình như thế nào? Không tin tưởng sự thành thực và tài năng của người khác, xã hội sẽ không thể tồn tại,... Khi học giả nhận được sự tín nhiệm cần có của mình, họ mới có thể trông cậy vào sự tín nhiệm đối với sự thành thực và tài năng này. Ngoài ra, tất cả mọi người đều có cảm giác chân lý, đương nhiên chỉ có cảm giác chân lý vẫn không đủ, nó còn cần phải tiến hành trình bày, kiểm nghiệm và làm sáng tỏ, mà đó chính là nhiệm vụ của học giả... Xét theo khái niệm học giả mà cho đến nay chúng tôi đã trình bày, xét theo sứ mệnh của học giả thì học giả chính là người thầy giáo của nhân loại”.

Do đó ta thấy, phương thức và con đường của học giả phục vụ xã hội là: nghiên cứu tất cả mọi hiện tượng, tìm ra chân lý, đồng thời trình bày, kiểm nghiệm và làm sáng tỏ, lại dùng tri thức của chân lý dạy bảo cho toàn nhân loại, khiến người ta nhận rõ bản chất của tự nhiên và xã hội đang sống, xác lập nhân sinh quan và giá trị quan đúng đắn, áp dụng thái độ nhân sinh đúng đắn để sống. Từ đó làm cho nhân gian tràn ngập sự hài hòa, xã hội tràn đầy niềm vui và tiền đồ của nhân loại đầy rực rỡ.

Fichte nói tiếp: “Nâng cao nếp sống đạo đức của toàn nhân loại là mục tiêu cuối cùng của mỗi người, không những là mục tiêu cuối cùng của toàn xã hội, mà cũng là mục tiêu cuối cùng của toàn bộ công việc của học giả trong xã hội... Chúng ta không những chỉ dạy bằng lời nói, chúng ta cũng phải dạy bằng việc làm của chính mình, sức thuyết phục của việc làm của mình lớn rất nhiều,...”.

Fichte xem việc nâng cao nếp sống đạo đức của xã hội là mục tiêu cuối cùng của toàn bộ công việc của học giả, là vì quy phạm đạo đức là một thứ tự ràng buộc tự giác của con người, nó thường có thể làm cho lợi ích của cá nhân bị tổn thất, hoặc cảm giác bị ràng buộc, cho nên có nhiều người vứt bỏ trách nhiệm đạo đức, không tuân theo quy chuẩn của đạo đức, từ đó làm cho nếp sống xã hội trở nên tồi tệ. Còn trách nhiệm của học giả sẽ ở chỗ không ngừng lên tiếng hô hào tính quan trọng của đạo đức đối với nhân loại và tính tất yếu mọi người phải tuân theo quy chuẩn đạo đức, chỉ rõ quan hệ nhân tế của đạo đức và bầu không khí xã hội là tiền đề không thể thiếu để đời người giành được hạnh phúc, xã hội được phát triển.

Fichte tràn đầy tình cảm mãnh liệt bột phát nói: “Sứ mệnh của tôi chính là luận chứng chân lý, sinh mệnh của tôi và vận mệnh của tôi lại ít ỏi chẳng đáng kể, nhưng ảnh hưởng sinh mệnh của tôi lại vĩ đại vô hạn. Tôi là người hiến thân của chân lý, tôi phục vụ cho nó, tôi cần phải vì nó đảm nhận tất cả, dám nói dám làm, chịu đựng mọi đau khổ. Nếu tôi vì chân lý mà phải chịu bức hại, mà bị thù hằn, nếu tôi vì chân lý mà chết với cương vị công tác, tôi làm như vậy thì có gì là đặc biệt đây? Những điều tôi làm chẳng phải là tôi hoàn toàn nên làm sao?”

Học giả lấy việc tìm kiếm mọi nhận thức đúng đắn, luận chứng chân lý là toàn bộ nội dung của đời người, mà lấy việc truyền bá chân lý làm sứ mệnh cao nhất của đời người, làm mục tiêu cao cả của họ, có thể khiến họ chịu đựng bất cứ gian nan nào của thế gian và đau khổ nào của đời người, nhờ vào ảnh hưởng rộng lớn của chân lý và hạnh phúc đem lại cho loài người mà làm cho sinh mệnh của mình vượt qua vòng hạn chế của tử vong đạt tới vĩnh hằng.

Đây chính là cuộc đời của học giả, nó tràn đầy gian nan và khổ nhọc, nhưng mãi mãi tỏa ra ánh sáng huy hoàng của đời người chói lọi.

20. Cuộc đời sự nghiệp

Một đời của con người thực ra trôi qua như thế nào? Về chủ quan người ta phải cố gắng có mọi kế hoạch; nhưng đồng thời điều kiện khách quan cho phép hay không, lại nảy ra vấn đề lớn thứ hai của đời người: một đời của con người có thể trôi qua như thế nào?

Có người lấy việc kiếm tiền làm mục tiêu lớn nhất của đời người, từ đó đem tất cả tinh lực và tài nguyên đầu tư vào trong đó, có thể lại thành công, liền bước vào cuộc sống hào phú; Có thể thất bại thì những tiền bạc vật báu hóa mất đó chuyển thành vật trong ảo mộng, sống những ngày còn lại trong nghèo khổ thất vọng.

Lại có người lấy việc mong cầu quyền thế làm lý tưởng cao nhất của đời người, thế là liền dốc hết sức mình dấn thân vào giới chính trị, không sợ bêu riếu, tổn thương, đau đớn thể xác, thậm chí mất mạng, cần mẫn mong cầu, có thể thành công thì trong tay nắm quyền lớn, chiếm địa vị cao, thống lĩnh muôn dân, quán triệt ý chí của mình trong sinh hoạt chính trị của quốc gia, buộc người ta phải làm như thế này mà không làm như thế kia, thỏa mãn ham muốn quyền thế bẩm sinh của mình. Nhưng trong thực tiễn, đại đa số người theo đuổi quyền lực ắt sẽ quay về với thất bại, hoặc trở thành một bộ phận nhỏ bé không đáng kể, trông không nổi trội trong bộ máy chính trị nhà nước, im hơi lặng tiếng qua một đời buồn tẻ, hoặc bị chết toi mạng trong bão táp chính trị tàn khốc, chết đi quá sớm.

Từ đó ta thấy xây dựng mục tiêu đời người dễ, nhưng thực hiện mục tiêu này thì khó. Đạt được lý tưởng từng phần thì dễ, nhưng hoàn toàn thực hiện lý tưởng vẻ vang này đã khó lại càng thêm khó.

Đây chính là chân tướng của đời người, cũng là con đường gian nan khúc khuỷu của đời người. Lại có một số người, mục tiêu đời người của họ vừa không vì háms lợi cũng không theo đuổi quyền thế, họ khát vọng hoàn thành sự nghiệp vĩ đại nào đó mà sự nghiệp đó đủ để đem lại hạnh phúc cho những người đương thời, cả đến đem ân huệ vĩnh viễn cho nhân loại. Nhà tư tưởng và là nhà khoa học kiệt xuất thế kỷ 18 người Pháp Denis Diderot chính là người thuộc dạng theo đuổi sự nghiệp thành công này.

Paris hồi ấy có một con đường có nhiều cây, một nhà buôn sách tên là Pulây tông đã mở trên đó một hiệu sách. Vào một ngày mùa đông năm 1736, ông tiếp một thanh niên mới 33 tuổi, đó chính là Denis Diderot. Pulây tông có giấy phép xuất bản bộ *Bách khoa toàn thư* của Ephraim Chambers bản tiếng Anh tại Pháp, muốn tìm người dịch, qua người khác giới thiệu, ông mời Diderot đến.

Diderot thẩm tra tỉ mỉ kế hoạch ký trước, ông cho rằng bộ từ điển do Chambers biên soạn đến nay đã có 15 năm rồi, mà các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học nhân văn lúc bấy giờ đã giành được những tiến bộ khá dài, do đó việc phiên dịch đơn thuần đã tỏ ra không thích hợp, không bằng triệu tập lại hàng loạt các học giả ưu tú nhất lúc đó, biên soạn lại một bộ bách khoa toàn thư có thể giới thiệu với toàn thể nhân loại tất cả thành tựu khoa học mới nhất và thu tập tất cả mọi kiến thức chủ yếu.

Cách suy nghĩ của Diderot ngay tức khắc nhận được sự tán thưởng của Pulây tông, bởi vì ông cảm thấy đây là một kế hoạch có thể kiếm tiền. Ông đề xuất Diderot trong thời gian biên soạn *Bách khoa toàn thư* hàng tháng được lĩnh chi phí 100 ph-răng. Mặc dù đây là một khoản tiền nhỏ chẳng đáng là bao, nhưng đối với Diderot đang trong nghèo túng cũng vẫn là không phải không có ích.

Diderot trước sau có một niềm tin đời người kiên định, đúng như ông đã nói: “Tôi đem mảnh vườn khoa học rộng xem là một thảo nguyên rộng lớn, trong đó rải rác một số nơi đen tối và một số nơi sáng sủa. Mục đích công việc của chúng tôi phải là hoặc mở rộng giới hạn nơi sáng sủa, hoặc trong thảo nguyên tăng thêm những trung tâm sáng sủa”. Đây rõ ràng trở thành mục tiêu đời người của những người phái bách khoa toàn thư về sau rất lớn mạnh cùng chung theo đuổi.

Không bao lâu, Diderot bằng nhiệt tình và hiệu suất cao nhất đã tổ chức thành nhóm làm việc của *Bách khoa toàn thư*, trong đó do nhà khoa học tự nhiên nổi tiếng d’Alembert làm phó chủ biên, mà do các nhà tư tưởng khả mông nổi tiếng nhất như Montesquieu, Voltaire, Rousseau, d’Holbach đều tụ tập dưới ngọn cờ lớn *Bách khoa toàn thư* trở thành những người biên tập chủ yếu. Ngoài ra, nhà khoa học tự nhiên Buffon, nhà kinh tế học Quesney và Turgot đều tích cực biên soạn *Bách khoa toàn thư*.

Đội ngũ tác giả đồ sộ tài hoa nổi trội đã làm cho bộ *Bách khoa toàn thư* về nội dung khái quát được các thành quả mới nhất trong tất cả các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học nhân văn của loài người thu được trước thế kỷ 18. Còn thân phận của tác giả, những nhà tư tưởng kiệt xuất lại làm cho *Bách khoa toàn thư* phát ra hơi thở chống ngu muội tôn giáo, chống chủ nghĩa phong kiến mãnh liệt, điều đó đã làm cho quá trình xuất bản của bộ *Bách khoa toàn thư* trở nên gian nan và ngoắt ngoéo khác thường, có lẽ nó hoàn toàn dựa vào niềm tin không lay chuyển của Diderot đối với sự nghiệp vĩ đại này mới có thể tiếp tục.

Diderot đã dùng toàn bộ nhiệt tình, tinh lực và thời gian đầu tư vào các công việc nặng nề như thiết kế tổng thể, mời các tác giả, thẩm duyệt bản thảo, giao xuất bản của *Bách khoa toàn thư*, mà còn tự tay biên soạn hơn 1269 mục, đề cập đến các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt của loài người.

Ngày 1 tháng 7 năm 1751, quyển I của bộ *Bách khoa toàn thư* cuối cùng đã ra đời, chính thức đặt tên là “*Bách khoa toàn thư, hoặc Từ điển giải thích tỉ mỉ về khoa học, nghệ thuật và công nghệ*”. Voltaire tràn ngập tình cảm hăng hái nói: “*Bách khoa toàn thư* là tác phẩm vĩ đại nhất

trên thế giới, là Kim tự tháp hùng vĩ nguy nga”. Một linh mục tên là Râyнал cũng ca ngợi: “*Bách khoa toàn thư* là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất, lời gọn ý sâu nhất, chuẩn xác nhất, vẻ vang nhất, có tính triết lý nhất, nhất trí từ đầu đến cuối nhất trong các trước tác ngôn ngữ đã có”.

Mọi tiếng khen, lời ca ngợi vang lên khắp nơi làm cho chủ biên Diderot đang hết sức mệt mỏi vui sướng vô cùng, nhìn thấy sự nghiệp mình suốt đời theo đuổi dần dần thành công, Diderot rất say sưa.

Nhưng đến khi quyển II bộ *Bách khoa toàn thư* vừa mới ra đời, thì ngày 7 tháng 2 năm 1752, Nghị chính viện vương quốc chính thức tuyên bố kiểm tra và cấm hai quyển sách đã xuất bản, thông báo tuyên bố: “Bệ hạ cho rằng, hai quyển sách này có nhiều luận điểm, mưu đồ tiêu diệt chính quyền vương quốc, kích động đòi độc lập và tâm tư phần uất, dùng những câu chữ mờ ám lấp lửng nước đôi, mê hoặc lòng người, làm bại hoại thuần phong mỹ tục; rêu rao không tin Thượng đế”. Sau khi các tội danh bịa đặt này công bố, lại phát ra lệnh truy nã Diderot, toàn bộ tư liệu biên tập sách cũng đứng trước nguy cơ bị tịch thu.

Khi trận cuồng phong đột nhiên nổi dậy, bão chớp sắp đến, Diderot không hề chán nản, bôn ba khắp chốn, cầu viện khắp nơi, cuối cùng khiến tình hình có chút hòa hoãn, ông vẫn dẫn dắt con tàu *Bách khoa toàn thư* vẫn như xưa rẽ sóng anh dũng tiến lên.

Năm 1757, quyển VII của bộ *Bách khoa toàn thư* xuất bản, Diderot còn chưa kịp thưởng thức sách mới, liền đứng trước một trận bão táp hủy và cấm lớn hơn. Nhiều quan lại hiền đạt và dòng quý phái cùng bọn bồi bút cho rằng, quyển sách *Bàn về tinh thần* do một nhà tư tưởng là Helvétius viết là được trích từ *Bách khoa toàn thư* ra, nó khinh rẻ tôn giáo, là uy hiếp rất lớn đối với đạo đức xã hội và tôn giáo, cho nên *Bách khoa toàn thư* là sự sỉ nhục của dân tộc Pháp. Tháng 3 năm đó, chính phủ chính thức tuyên bố bãi bỏ quyền xuất bản *Bách khoa toàn thư*, cấm những sách đã xuất bản bán tiếp, bằng không sẽ xử tội nặng.

Lúc đó d’Alembert vì nhiều nguyên nhân, xin từ chức phó chủ biên, còn thuyết phục những người khác cũng làm như thế. Voltaire thì kiến nghị Diderot di cư ra nước ngoài để tiện hoàn thành công việc tốt hơn.

Diderot quyết tâm sắt đá, kiên cường bất khuất cố gắng khắc phục những khó khăn do d’Alembert từ chức tạo nên, cũng từ chối đề nghị của Voltaire. Ông nói: vứt bỏ công việc này chính là trước tấn công của sóng gió sợ sệt không dám tiến lên, vừa đúng là bọn côn đồ bức hại chúng ta đang hy vọng chúng ta làm như thế. Bất kể phải trả bất cứ giá nào, tôi đều phải nắm chắc *Bách khoa toàn thư* không buông. Tôi đã cảm thấy chán nản đối với mọi gian kể và nhiều lần quấy rối. Tôi từ sáng sớm đến tối rất mong muốn nghỉ ngơi, nhưng chưa có lấy một ngày, tôi không được khích lệ tiến lên và sống trong im hơi lặng tiếng, yên lòng chết trong nơi hoang vu hẻo lánh của tổ quốc cổ kính của tôi. Một người cần phải làm việc, cần phải có thể dùng được, cần phải nhận thức và phát huy tài năng của mình mới có ích đối với nhân loại!

Dựa vào nhiệt tình hết mức đối với việc theo đuổi sự nghiệp, dựa vào sự kiên trì và cố gắng hết mức đối với công việc, Diderot đã khắc phục mọi khó khăn nguy hiểm chông chát trên bước

đường đi lên, đã vượt qua vô vàn gian truân, làm cho sự nghiệp vĩ đại biên soạn bộ *Bách khoa toàn thư* dần dần tiến tới thành công cuối cùng.

Một ngày năm 1765, Diderot thẩm duyệt những trang bản thảo cuối cùng của bộ sách *Bách Khoa toàn thư* dưới ánh nến, hết sức cảm khái viết: “Qua 8 hoặc 10 ngày nữa, một công việc đã chiếm thời gian của tôi 20 năm sẽ hoàn thành. Việc này thật ra không làm tăng tài sản của tôi nhiều, lại làm cho tôi phải nhiều phen nguy hiểm, suýt nữa phải xa tổ quốc, tiêu hao một đời của tôi có thể càng có ích hơn, càng vẻ vang hơn”.

Bộ *Bách khoa toàn thư* tất cả gồm 35 quyển, thời gian biên tập và xuất bản mất trọn 30 năm, nó đã đóng góp sự cống hiến to lớn khó mà lường hết đối với tiến bộ của sự nghiệp văn hóa của nhân loại, cũng có tác dụng thúc đẩy rất lớn đối với sự phát triển xã hội và nâng cao việc bồi dưỡng văn hóa khoa học của nhân loại.

Diderot đã đem tinh lực và bầu nhiệt huyết hầu như suốt đời của mình cống hiến cho sự nghiệp vĩ đại biên tập và xuất bản bộ sách *Bách khoa toàn thư*. Đúng như lời ông nói, ông chưa nhận được bất cứ lợi ích vật chất nào, cũng không giành được quyền cao chức trọng, nhưng lại nhận được sự tôn trọng to lớn của mọi người và những lời ca ngợi của xã hội trong quá trình xúc tiến sự nghiệp này phát triển. Ông cũng có được toàn bộ niềm vui đời người trong sự thành công của sự nghiệp này, nhất là nhìn thấy ảnh hưởng to lớn của bộ *Bách khoa toàn thư* đối với thế giới và đối với sản xuất của nhân loại, Diderot đã sinh ra niềm tự hào vô hạn trong quá trình đời người.

Đây chính là cuộc đời thuộc dạng sự nghiệp, loại người này không cầu lợi không cầu quyền, chỉ chuyên chú vào sự thành công của sự nghiệp nào đó. Vì nó, họ có thể trả ra tiền của, tinh lực và thời gian quý báu, thậm chí cả sinh mệnh, để thực hiện lý tưởng. Việc giành được toàn bộ hạnh phúc cuộc đời của họ đều liên hệ chặt chẽ với việc sự nghiệp có thành công hay không, còn việc giành được toàn bộ niềm vui thú của đời người họ cũng không thể tách rời với trạng thái tiến triển của sự nghiệp.

Biết đâu họ có thể thất bại, nhưng vì họ có sự theo đuổi đời người cao cả, khiến đời người của họ tỏa ra vẻ huy hoàng chói mắt. Biết đâu họ thành công, thế thì sẽ không chỉ cho mình niềm hạnh phúc đời người rất lớn, càng làm cho nhân loại và xã hội thêm có ích.

Chương Bốn

Tìm kiếm kỹ xảo cuộc sống

Cuộc sống giống như một ống kính vạn hoa, bất cứ một điểm nào biến động đều có thể phát ra hình thái màu sắc sắc sỡ khác nhau. Cho nên, người ta sau khi nắm được sự huyền bí của bản chất sinh mệnh, nội dung đời người và trạng thái sinh tồn, còn phải tiến tới thu nhận được mọi kỹ xảo cuộc sống.

Cái gọi là kỹ xảo cuộc sống là chỉ những phương pháp và đường lối xử lý vấn đề, đi lại với bạn bè, bồi dưỡng thú vui, nhận được vừa ý trong cuộc sống con người. Xã hội ngày nay biến đổi khôn lường, phát triển nhanh chóng. Con người ngày nay trí tuệ ngày càng cao, sự cạnh tranh với nhau cũng ngày càng diễn ra ác liệt, việc đó sẽ đòi hỏi người ta phải quan sát tỉ mỉ, suy đoán, học tập từ trong sự từng trải của người xưa, người nước ngoài, nhất là từ trong cuộc sống hiện thực, thu nhận được nghệ thuật sống cao siêu, vận dụng kỹ xảo cuộc sống một cách trôi chảy thuận lợi, từ đó nâng cao chất lượng đời người, tìm được cuộc sống hài lòng.

Do đó, người ta suốt cả cuộc đời đều nên xây dựng thái độ khiêm tốn “Việc học hỏi là không có bờ bến”, cố gắng tìm được kỹ xảo sinh tồn, cách xử sự cùng với những phương pháp và đường lối làm tiêu tan mọi trạng thái cuộc sống không tốt. Còn cần phải có thái độ cẩn thận, lời nói hành vi không chút cẩu thả, thật lòng đối đãi với bạn bè, tiếp nhận vật chất có cách, thỏa mãn dục vọng biết kiềm chế, tránh xa kẻ xấu, v.v... Chỉ có như thế, mới có thể làm thay đổi khó khăn, nghịch cảnh, làm tiêu tan những việc lo lắng, những chướng ngại làm cho con người bứt rứt trong cuộc sống, khiến cho cuộc sống thuận lợi, hài lòng và hạnh phúc.

1. Kỹ năng sinh tồn

Con người muốn sinh tồn được, cần phải có một số bản lĩnh. Con người muốn sinh tồn được tốt, thì cần phải có kỹ năng điều luyện, cái lẽ đời này e rằng mọi người đều hiểu biết cả. Nhưng bản lĩnh và kỹ năng khó tìm được, mà muốn đạt được mức độ điều luyện thì càng không dễ dàng. Vì thế, người không có bất cứ bản lĩnh nào thì không nhiều, còn người thiếu kỹ năng thâm thúy thì đâu đâu cũng có. Điều đó cũng nói lên rằng, người ta ở trên đời vì sao phần nhiều cuộc sống đều bình thường, vì sao hiện tượng trạng thái đời người khó vừa lòng người đều phổ biến tồn tại.

Kỹ năng yêu cầu phải điều luyện, bản lĩnh yêu cầu phải tốt, việc này phải trở thành mục tiêu quan trọng hàng đầu của mỗi người khát khao trở thành người đời người hạnh phúc.

Cuộc đời ngắn ngủi, thời gian chóng vánh càng làm tăng mạnh tính quan trọng và tính bức thiết việc người ta cần phải có kỹ năng sinh tồn tương đối tốt, đặc biệt là về phương diện này người ta quyết không thể không đi sâu nghiên cứu được. Vừa có được một số bản lĩnh và kỹ năng đã vội thỏa mãn đến mức đặc ý quá quên hết tất cả mọi việc, lại không muốn hao tâm tốn sức đi sâu hơn nữa, đã tốt lại càng đòi hỏi tốt hơn nữa. Cần phải biết rằng, khi bạn chỉ mong bản lĩnh bình thường, kỹ năng sinh tồn xoàng xoàng, bạn làm sao có thể mong đạt được cuộc đời trôi chảy và hạnh phúc được?

Người xưa thường đưa ra ví dụ của “chuột bay” để thuyết minh vấn đề này.

Chuột bay là một loại động vật nhỏ sống ở ngoài đồng ruộng, lông màu vàng đất, đầu của nó hơi giống thỏ, trên đuôi mọc lông tơ. Loại chuột này còn được người ta gọi là chuột năm kỹ năng, bởi vì nó nổi lên có năm bản lĩnh: biết bay, biết chạy, biết bơi, biết leo cây, còn có thể dũi đất làm hang. Nhưng tuy một mình nó có cả năm kỹ năng, nhưng không cái gì tinh thông: nói là biết bay, lại bay không lên đến nóc nhà; nói là biết bơi, nhưng một con sông nhỏ cũng không vượt nổi; nói là biết leo cây, nhưng không lên nổi ngọn cây; chạy thì có thể chạy, nhưng vẫn chạy không nhanh bằng người; dũi đất thì biết dũi đấy, nhưng hang đào khoét ra đều không che khuất thân mình (xem *Tuân Tử. Khuyến học*).

Chuột bay một mình biết đủ cả năm kỹ năng, vốn là việc đáng vui mừng, vốn nên vì thế đạt được trạng thái sinh tồn rất tốt. Nhưng sự thật lại không phải như thế, nó chỉ có thể sợ khiếp vía, trốn chui trốn lủi miễn cưỡng sống qua ngày. Nguyên nhân cơ bản nhất chính là ở chỗ kỹ năng của nó tuy nhiều, nhưng lại đều như nhau không có cái gì điều luyện.

Cái lẽ người ta sống ở trên đời cũng giống như thế, hơn nữa thời gian sống của con người có hạn, thời gian và sức lực người ta dùng vào việc học bản lĩnh, học kỹ năng cũng rất có hạn, vì thế bản lĩnh họ học được và kỹ năng họ có được không thể có thật nhiều. Thường có thể nhìn thấy một số người, họ đích thực rất hiểu học, đã đạt đến trạng thái say mê, nhìn thấy cái gì đều muốn học, cần học và đi học. Thái độ học tập của họ tốt thì tốt thật đấy, nhưng kết quả chắc chắn không tốt: họ không thể học hết tất cả mọi bản lĩnh, mọi kỹ năng trên đời, kết quả của việc học bừa bãi chắc chắn là hiểu được không ít bản lĩnh và kỹ năng, nhưng chỉ học được những tri thức lơ mơ, biết một chút kỹ năng qua loa, căn bản không tài nào ứng phó được sự phát triển xã hội và sự thái đời người ngày càng phức tạp, thậm chí đến lúc trên đầu hai thứ tóc vẫn hai bàn tay trắng, không biết một tí gì, càng không có gì là tinh thông, giống như “dùng giỏ tre để gánh nước chẳng được gì cả”.

Cho nên, người ta sinh ra ở đời, nhất định phải hiểu rõ cái lý đời người có hạn, tinh lực con người có hạn, đem trí năng và thể năng quý báu tập trung vào lĩnh vực mình yêu thích nhất mà lại có điều kiện thực hiện nhất, để dốc lòng dốc sức học tập lấy một loại hoặc vài loại bản lĩnh và kỹ năng. Việc này đòi hỏi phải kiên trì mãi mãi, không thể một ngày vãi chài, bảy mươi ngày phoi lưới được. Việc này đòi hỏi phải khắc khổ cố gắng, mà không thể bụng dạ để tận đâu, qua loa đại khái được. Có cơ sở quan niệm đúng đắn lại có chịu khó cố gắng về chủ quan và điều kiện khách quan cho phép, người ta nhất định có thể học được một số bản lĩnh, cũng nhất định tinh thông một số kỹ năng, như vậy, người ta sẽ mở ra cánh cửa thông đến hạnh phúc đời người và bước vào con đường bằng phẳng của đời người.

2. Việc học tập là vô bờ bến

Một trong những nội dung quan trọng của đời người là học tập. Người ta từ nhỏ đã nhận được nhiều tri thức từ người mẹ. Lớn lên, lại từ các bạn bè người quen tìm hiểu được nhiều cái, còn phải vào trường học, do thầy giáo chuyên nghiệp truyền cho các tri thức. Người ta còn từ trong cuộc sống thực tiễn, tự mình hiểu và thể hiện ra nhiều lý lẽ v.v... Tất cả những việc đó đều có thể nói là học tập trong đời người.

Vạn vật trong tự nhiên vô cùng đa dạng, mọi việc trong xã hội bề bộn phức tạp khó mà đếm hết, từ đó quyết định việc học trong đời là một quá trình mãi mãi không có chỗ tận cùng. Người ta nếu hiểu rõ điều này, đồng thời làm từ đó sẽ đặt được nền móng giành được thuận cảnh và hạnh phúc của đời người. Không hiểu điều này, mà học được một chút ít tri thức đã thỏa mãn đến mức đặc ý quá quên hết tất cả, thì sẽ cung cấp khả năng cho tai họa và nghịch cảnh đến với đời.

Nhiều người trên đời vì sao có thể sinh ra cách nghĩ là việc học có chỗ tận cùng, đồng thời trong hoạt động đời người thực tế thỏa mãn với sự hiểu biết nông cạn và tri thức ít ỏi đến đáng thương? Điều đó không ngoài hai nguyên nhân: Học là một việc hao tổn tinh thần và sức lực, là một việc hết sức gian khổ, người ta học đến một giai đoạn liền có tâm tư sợ khó, không dám hoặc không muốn tiếp tục cố gắng thêm. Hai là kiến thức của cá nhân có hạn, tâm lý tự cho là đủ tương đối mạnh, ngồi dưới đáy giếng nhìn trời không biết vũ trụ bao la ở bên ngoài, không biết tính đa dạng vô hạn và tính phong phú của tri thức, vì thế tự thỏa mãn với những cái mình tìm hiểu, không đi sâu nghiên cứu.

Lúc đó, người ta có thể đọc phần Trang Tử. Thu thủy, bắt chước có thể thay đổi thái độ học tập trong quá trình đời người của mình.

Phần này kể một câu chuyện nói là hễ đến mùa thu nước trong vô số sông lớn sông bé đều chảy về sông Hoàng Hà làm cho mặt nước của sông Hoàng Hà bỗng nhiên mênh mông, đến nỗi người ta đứng ở phía bên này sông không thể nhìn thấy rõ mọi vật ở bờ sông phía bên kia. Thần Hà Bá của sông Hoàng Hà thế là bắt đầu hý hứng cho rằng khắp thiên hạ thì mình là vĩ đại nhất.

Hà Bá thuận dòng đi về phía đông đến biển Bắc Hải. Trông xa về phía đông, trắng xóa một màu rộng mênh mông bắt đầu cảm thấy mình nhỏ bé không đáng kể. Hà Bá ngoảnh đầu lại nói với vị thần của Bắc Hải: “Tục ngữ có câu: “Hiểu được một số lý lẽ thì tự cho là nhất trong thiên hạ, có thể tôi chính là người như thế! Tôi đã từng nghe người khác nói: “Học vấn của Trọng Ni (Khổng Tử) không uyên thâm lắm, đạo đức của Bá Di không hẳn là ghê gớm lắm như thế”, tôi vẫn không đồng ý, luôn cảm thấy họ là bậc nhất trong thiên hạ. Hôm nay tôi tận mắt nhìn thấy

cái mệnh mỏng bát ngát của anh mới thấu hiểu được mình là kiến thức hẹp hòi bao nhiêu. Do đó thấy, tôi nếu không gặp được anh thế thì sẽ nguy hiểm, bởi vì tôi chắc chắn sẽ bị những người có kiến thức chê cười”.

Vị thần của Bắc Hải nói: “Chúng ta không thể bàn về biển với con ếch ngồi dưới đáy giếng, bởi vì nó bị hạn chế bởi nơi ở của nó. Chúng ta cũng không thể bàn về băng với những côn trùng xứ nhiệt đới, bởi vì nó bị hạn chế của mùa vụ. Cũng như thế, chúng ta cũng không thể bàn luận học vấn cao sâu với những người nông cạn, bởi vì họ đóng khung trong một số rất ít kiến thức có được. Bây giờ bạn thông qua tự mình thấm nhuần được từ dòng sông có bến có bờ đến biển cả mệnh mỏng không bến bờ, hiểu ra cái nhỏ bé của mình. Có được thái độ khiêm tốn này, tôi có thể bàn với anh học vấn cao sâu”.

Thần biển trên thực tế đã chỉ ra hai giới hạn lớn của đời người: một là giới hạn của không gian. Người sống ở khu vực nhất định, tuy dựa vào công cụ giao thông ngày càng nhanh chóng thuận tiện, người ta có thể đi lại nhiều địa phương, tầm mắt cũng ngày càng mở rộng, nhưng cuối cùng người ta vẫn chịu hạn chế của khu vực. Sự hạn chế này dễ làm cho phạm vi của thị giác và cảm giác của con người nhỏ hẹp, đặc biệt là khi người ta tự cao tự đại, dễ dàng coi những tri thức của phạm vi hữu hạn là toàn bộ tri thức, xem những điều mình biết, thu nhận được bao gồm hết tất cả, như vậy thì hết sức sai lầm. Hai là, người ta còn chịu hạn chế của thời gian. Con người bắt đầu từ lúc sinh ra ở thế giới này từ thơ ấu đến tuổi nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, đứng tuổi, cuối cùng từ tuổi già rồi trở về với đất bụi, đời người trải qua so với lịch sử của loài người, so với thời gian của vũ trụ để xét chỉ là một khoảnh khắc. Người ta nếu lấy tri thức trong thời gian hữu hạn làm tri thức của vô hạn thì cũng hết sức nguy.

Con người cố nhiên không thể thoát khỏi giới hạn thời gian, không gian, cho nên không thể giành được tri thức toàn bộ. Nhưng khi người ta nhìn thấy một cách đúng đắn tính giới hạn của mình, nhận thức được cái hữu hạn đời người của mình và cái vô hạn của tri thức, thì nên trong hành trình của đời người hãy vứt bỏ cảm giác tự thỏa mãn, khiêm tốn học tập, khiêm tốn xin chỉ bảo, trở thành một người có tri thức uyên thâm, một người có tấm lòng rộng mở, một người có thể dung nạp cả vật chất, cả người khác và cả mình nữa. Tri thức tăng chắc chắn làm cho kinh nghiệm của đời người ngày càng phong phú, cách nhìn của con người cũng ngày càng nhạy cảm, đường đời tự nhiên cũng sẽ trôi chảy thuận lợi.

Nhưng ngài Trang Thu (tức Trang Tử) kể chuyện thần sông và thần biển lại hết sức phản đối người ta trong thời gian đời người hữu hạn lại đi theo đuổi tri thức vô hạn, cho rằng đây là mối nguy đó. Nhưng người hiện đại hoàn toàn có thể không hẳn nghe lời khuyên ở mức này, dùng đời người hữu hạn theo đuổi tri thức vô hạn, mới thật sự có thể lĩnh hội được vẻ đẹp lộng lẫy của đời người “không vui nào lớn hơn” hơi mang ẩn ý bị kịch.

3. “Không động lòng”

Một con tàu chạy trên mặt nước, gió êm nắng đẹp, hành khách tựa vào lan can đang chuyện trò vui vẻ, trong đó có cả nhà triết học cổ Hy Lạp Pyrrhon, ông chủ động nói những điều tâm đắc đời người của mình với các hành khách.

Ông nói: Trạng thái tốt nhất của đời người chính là không đưa ra bất cứ sự phán đoán nào hết. Cái gọi là phán đoán, một mặt chính là nhận thức, phân biệt đối với tính chất của sự vật. Sau khi phân biệt người ta bèn sẽ chọn cái tốt chê cái xấu, giành cái tốt bỏ cái xấu, ca ngợi cái hay vứt bỏ cái ác, như thế đời người ắt sẽ sa vào tranh giành nhau, một mất một còn, đánh giết lẫn nhau hỗn độn. Con người ta, không nên gây khó khăn, tự chuốc lấy đau đầu cần gì phải làm khổ cho mình? Mặt khác, nếu tìm xét tỉ mỉ có thể phát hiện, nhận thức, phán đoán của người ta đối với sự vật bên ngoài thực ra đều là sai, người ta hoàn toàn sẽ không thể nhận thức và đưa ra phán đoán được. Ví như, người ta đều nói tuyết là trắng, mà tuyết do nước bắn tạo thành lại có màu đen. Người ta nhìn cây to ở nơi xa cảm thấy chỉ cao có 1 tấc, cảm giác hồng đến như thế, liệu người ta còn có thể tin được không? Một trận mưa xuân làm cho nông dân vô cùng vui sướng, nhưng lại mang đến cho người đi đường vô cùng buồn phiền. Bạn sống ở một thị trấn nhỏ nhìn thấy một ngôi nhà lớn có thể cảm thấy thật là quá đồ sộ hùng vĩ, nhưng anh ta đã từng đến thành phố lớn, nhìn thấy cùng một ngôi nhà đó sẽ cảm thấy thô sơ và thấp nhỏ như thế thật không đáng nhắc đến. Sự phán đoán trái ngược nhau như thế, liệu người ta có thể giữ được không?

Cho nên, cảm giác của mỗi người đều khác nhau, mỗi một chủ đề chính đều tất nhiên có một chủ đề ngược ngang nhau đối lập với nó, bất cứ một phán đoán nào thật ra không chân thực hơn so với một phán đoán khác. Làm thế nào bây giờ? Dễ thôi, Pyrrhon tiên sinh khuyên bảo mọi người: Không nên cảm thấy, không nên phán đoán, không nên hứng thú đối với bất cứ sự vật nào! Đối với việc đời giữ thái độ siêu nhiên, không động lòng là triết học nhân sinh tốt nhất, là cách xử sự tốt nhất.

Mọi người lắng nghe rất thú vị, nhưng cũng có hành khách không hiểu rõ Pyrrhon tiên sinh nói không động lòng rốt cuộc là chỉ cái gì.

Bỗng nhiên mặt nước vừa còn gió yên sóng lặng đã nổi lên một trận gió lớn, bầu trời quang đãng cũng bị mây đen ùn ùn bao phủ, con tàu bắt đầu tròn trành dữ dội.

Hành khách bắt đầu lo lắng, có người càng hoang mang bối rối, không biết làm thế nào để qua tai họa này. Có người dòm bên này, ngó bên kia nhìn về đất liền, có người lăm nhăm cầu trời giúp đỡ, càng có người tâm thần rối loạn hốt hơ hốt hải.

Duy chỉ có một con lợn, một con lợn uể oải béo phệ đứng ở chỗ nó bị buộc vào, đang chăm chú nuốt những miếng thức ăn của nó. Ung dung, nhàn nhã, không chút động lòng cũng không cảm thấy hứng thú đối với bất cứ sự biến đổi nào của bên ngoài.

“Các bạn hãy nhìn kia!” Pyrrhon tiên sinh kích động chỉ vào con lợn kia nói: “Ôi con người, nên không động lòng giống như con lợn kia!”

Mọi hành khách ngay tức khắc bỗng nhiên tỉnh ngộ cái không động lòng của Pyrrhon tiên sinh té ra là như thế.

Con tàu cuối cùng tránh được sóng gió, đã cập bến cảng. Mọi người thở phào nhẹ nhõm, xách hành lý nối nhau lên bờ. Nhưng người ta nhìn thấy Pyrrhon tiên sinh ung dung dạo bước, vẫn đang như suy ngẫm ý tưởng triết lý huyền diệu của ông.

“Ồi, tiên sinh phía trước có bức tường chắn!” Hành khách trông thấy Pyrrhon tiên sinh đi thẳng tới bức tường chắn, không kìm nổi sợ hãi kêu lên như thế.

Pyrrhon tiên sinh như nghe thấy lại như không nghe thấy, như nhìn thấy lại như không nhìn thấy vẫn tiếp tục đi.

Nghe “đốp” một tiếng, đầu của Pyrrhon tiên sinh đã đụng vào bức tường đá, ngay tức khắc máu tươi chảy ra.

Pyrrhon tiên sinh nói với mọi người quan tâm ông: “Tôi không tin cảm giác của tôi về ở phía trước có bức tường đá là thật, tôi không thể thừa nhận sự phán đoán ở phía trước có bức tường chắn vì thế phải đi vòng là đúng. Vì sao tôi không thể đi thẳng?”

Trong đám đông, có người kinh ngạc, có người khâm phục, có người không hiểu nổi, có người cười ầm lên.

Pyrrhon tiên sinh bắt đầu từ sự hoài nghi tính chân thực của cảm giác, phản đối người ta đi nhận thức, đi phán đoán đối với sự vật bên ngoài, cho nên chỉ bảo người ta quyết không nên đi nhận thức, đi phán đoán, chỉ mong linh hồn tuyệt đối an ninh - giống như con lợn “không động lòng” kia.

Người đời bức bối, kích thích mạnh mẽ, tổn hao tinh thần, trong lòng thấp thỏm, chẳng phải đều vì bận rộn để cảm nhận sự vật, phân biệt sự vật, giành lấy sự vật ư? Xét từ việc ổn định tâm tư quá kích động, ghìm nén đòi hỏi vật chất quá mức, làm tiêu tan nỗi day dứt tổn thương thân thể và nguy hại tính mệnh, “không động lòng” đích thực là thao tác nhân sinh có ích đối với con người, có thể học tập nó vận dụng nó.

Nhưng hoàn toàn “không động lòng”, hoàn toàn phủ định cảm giác, tri giác và lý tính đối với sự vật bên ngoài, đó chẳng phải chính là ruồng bỏ đối với bản thân con người ư? Do đó chỉ có thể sa vào trường hợp con lợn “không động lòng” nổi tiếng kia mà thôi.

Cuộc sống giống như lợn e rằng chẳng có ai bằng lòng như thế phải không?

4. Nhận biết người không dễ

Nhận biết người chính là trong quá trình gặp gỡ với người khác, dần dần từ ngoài vào trong tìm hiểu tính cách, sở thích, tài năng và theo đuổi của phía bên kia. Một người liệu có thể chuyển những người gặp thành người quen biết và xây dựng nên tình thân thiết hay không, điều đó quan hệ đến những vấn đề lớn như khi gian nan khốn đốn, mình có thể nhận được sự giúp đỡ của phía bên kia hay không, khi hoàn cảnh thuận lợi vừa lòng mình có thể nhận được sự nhắc nhở và lời khuyên thiện ý của phía bên kia hay không, đó là một trong những mấu chốt đời người có thuận lợi hay không.

Bởi vì, bạn nếu có thể biết được đối phương, sẽ có thể bảo đảm đi lại với người quân tử thực lòng nhất, đương nhiên có thể nhận được sự giúp đỡ của đối phương. Còn không biết nổi tính tình chân thực của đối phương, thì có thể đi lại với kẻ tiểu nhân gian trá, thế thì sẽ có thể bị tổn hại rất lớn.

Một trong những nội dung quan trọng của đời người chính ở chỗ đi lại làm quen với đủ mọi loại người, từ trong quá trình này, trước hết nhận rõ đối phương sau đó mới quen đối phương, cuối cùng thì chuyển đối phương thành bạn bè có mối quan hệ thân thiết của mình. Cho nên người ta phải quen nhiều người, càng phải biết nhiều người. Việc làm quen với người khác không khó, hai bên thông báo họ tên mình là được, nhưng biết người thì khó, bởi vì phải thật sự tìm hiểu những cái sâu sắc bên trong của đối phương, không phải là quan sát sơ sài qua loa một tí đã có thể hoàn thành, cũng không phải là chỉ một, hai ngày có thể thực hiện được.

Cho nên, người ta quen người, biết người, đi lại với người không thể không thận trọng được.

Nước Tề thời Chiến quốc vì có Yến Tử là Tướng quốc, đất nước rất giàu mạnh. Lúc đó có một người tên là Bắc Quách Tao, ẩn cư ở nông thôn, hàng ngày đan lưới bắt cá, cắt cỏ cắt lau, lấy việc bện giày cỏ làm kế sinh nhai. Vì nhà có mẹ già phải nuôi dưỡng, thu nhập lại quá ít ỏi, đời sống rất gian nan. Một hôm, ông ta đến tướng phủ của Yến Tử, nói: “Người ta đều nói Ngài vô cùng nhân ái, xin Ngài hãy cứu tế cho tôi một ít để nuôi mẹ nhé”. Yến Tử chẳng nói gì, sai người đem tặng lương thực và tiền bạc. Bắc Quách Tao chỉ nhận lương thực, còn tiền bạc thì trả lại.

Tề Cảnh công bắt đầu trở nên kiêu ngạo và ngang ngược, Yến Tử mấy lần can gián đều không nghe, trái lại bị Cảnh công xem là cái đinh trong mắt, cái gai trong thịt, muốn ám hại ông. Yến Tử chẳng có cách nào hơn đành bí mật trốn ra nước ngoài. Trên đường ghé qua cửa nhà Bắc Quách Tao, xuống xe bước vào nhà để tạm biệt. Bắc Quách Tao chẳng chút vội vàng cứ từ từ tắm xong mới ra gặp Yến Tử, hỏi: “Ngài rốt cuộc là đi đâu?” Yến Tử đáp: “Tôi bị Quốc quân nghi kỵ, không có chỗ dung thân, đành trốn sang nước khác”. Bắc Quách Tao chấp tay: “Thế thì Ngài nên chú ý giữ gìn sức khỏe nhiều hơn” rồi quay người bước vào nhà.

Yến Tử trong lòng không vui, lại không tiện biểu hiện ra trước mặt, ra khỏi cửa lên xe thỏ dài một tiếng: “Người chạy trốn thì phải chịu đối xử như thế đấy! Ai bảo ta không nhận biết người?” Vẻ lạnh nhạt của lời nói việc làm của Bắc Quách Tao như đâm mạnh vào trái tim Yến Tử.

Thực ra, Bắc Quách Tao đợi Yến Tử vừa đi khỏi liền đi tìm bạn chí tình của mình đến bàn bạc. Ông ta nói: “Tôi chịu ơn lớn của Yến Tử, được lương thực nuôi sống mẹ già. Đã chịu ân huệ của người khác, khi họ gặp tai nạn, nhất định phải dũng cảm xông ra để giải cứu. Hiện tại Yến Tử bị vua Tề nghi kỵ, tôi phải lấy sinh mệnh của mình ra để phân trần rõ cho ông ấy!”.

Bắc Quách Tao lấy ra bộ quần áo tốt nhất, mặc vào rất chỉnh tề, bạn của ông đeo kiếm cùng đi theo ông đến gặp những người tùy tùng của Tề Cảnh công. Ông ta hô lớn: “Yến Tử là người hiền tài trong thiên hạ, ngày nay lại bị ép trốn khỏi nước Tề, xem chừng nước Tề sắp loạn to rồi! Tôi thề chết lúc này tại đây, dùng đầu của tôi báo ơn Yến Tử, còn hơn sống nhìn nước Tề gặp bất hạnh!” rồi quay người sang nói với người bạn: “Tôi sau khi chết, xin hãy đem đầu của tôi cắt ra bỏ vào trong hộp, giao cho Yến Tử”. Nói xong, liền tự mình dùng dao cắt cổ chết.

Người bạn của ông vừa buồn vừa căm giận, liền hô lớn: “Bắc Quách tiên sinh đã chết vì nước Tề, tôi cũng phải chết vì ông ấy!” Nói xong cũng tự sát.

Tề Cảnh công ở trong cung nghe nói chuyện này, sợ quá mặt tái đi, tự nghĩ thầm trong bụng: Các hiền sĩ trong thiên hạ lại coi trọng Yến Tử như thế, cam lòng chết vì ông ta, có thể ta thật đã trách nhầm ông ta rồi. Vội vàng sai người đánh xe đuổi theo. Lúc này Yến Tử đã chạy trốn đến biên giới rồi, được biết lệnh vua đã quay về đô thành của nước Tề.

Sau khi trở lại tướng phủ bố trí lại ổn thỏa, Yến Tử mới nghe nói Tề Cảnh công sợ dĩ thay đổi ý nghĩ là vì việc tự sát của Bắc Quách Tao và bạn của ông ta, không ghìm nổi cảm khái than thở: “Ta mới đầu còn trách người này không có nghĩa tình nữa! Quả là thật không biết người rồi!”.

Yến Tử là Tướng quốc hiền đức nổi tiếng thiên hạ, trí tuệ hơn người, tài hoa nổi trội, còn không thể biết được tấm lòng chân thực của Bắc Quách Tao, nghi kỵ nhân phẩm của ông ta, huống hồ loại phàm phu tục tử hạng ta?

Do đó, từ việc quen được một người đến việc biết được một người cần phải đi lại nhiều, quan sát nhiều. Nghe lời họ nói, càng phải quan sát hành vi của họ. Nhìn hình dáng của họ càng phải hiểu sâu tấm lòng của họ. Chỉ có nhất loạt tìm hiểu đối phương từ trên xuống dưới, từ trong đến ngoài thật rõ ràng, mới có thể quyết định có gắn bó keo sơn hoặc chỉ giữ việc đi lại qua loa hay không? Là xem họ là bạn tri kỷ, hay là chỉ xem họ là khách qua đường? Lúc nguy nạn có thể trông mong họ đem hết sức giúp đỡ hay là nghĩ theo cách khác? v.v...

Trong một đời của một người sẽ quen biết vô số người, nhưng những người thật sự thổ lộ hết tình cảm với nhau lại có được bao nhiêu? Cho nên quen người, biết người phải thận trọng, phải tích cực, phải dùng đầu óc suy nghĩ nhiều, còn phải có lòng kiên nhẫn.

5. “Đạo lý” trong “hũ rượu”

Việc quan trọng nhất trong một đời của người Trung Quốc xưa không gì hơn đi lễ bái Thiên Địa, Tổ tiên và Thánh sư. Thiên Địa không phải là bầu trời và mặt đất tự nhiên mà người hiện tại gọi, mà là thần thánh cao nhất có thể thưởng thiện phạt ác có dáng dấp của thần nhân cách, ẩn trong “minh minh chi trung” không biết ở chỗ nào, cho nên dùng Thiên Địa để gọi. Tổ tiên là cội nguồn của sinh mệnh mỗi người, mà người chết là thần. Là tổ tiên của mình, họ trong cõi âm gian người ta nhìn không thấy đang theo dõi chặt chẽ con cháu của mình, có thể xua ma đuổi tà, ban phúc cho đời sau. Thánh sư là người dạy bảo người rõ ràng đạo làm người, họ định ra nghi lễ cho nhân gian, xác định khuôn phép cho luân thường đạo lý và quan hệ giữa người với người. Ba việc này có liên quan chặt chẽ với sinh mệnh và cuộc sống của mỗi người, mà còn đều vĩ đại, cao cả và thiêng liêng như thế, cho nên dân chúng của Trung Quốc thời xưa không tiếc tiền bạc đã lập đền đài khắp mọi nơi, không tiếc thời gian để tế lễ, việc này đã tạo nên nội dung quan trọng trong một đời của người Trung Quốc thời xưa.

Một hôm, Khổng Tử dẫn các đệ tử đến nước Lỗ, ông là một người đặc biệt coi trọng truyền thống và nghi lễ cúng tế, trước tiên dẫn mọi người đến tông miếu của Lỗ Hoàn công tham quan lễ bái.

Đây là một ngôi tông miếu thờ tổ tiên của vua, quy mô to lớn, trang hoàng lộng lẫy, khói hương nghi ngút, trang nghiêm cung kính.

Mọi người nín thở yên lặng theo Thầy giáo nối tiếp nhau đi vào, cung kính thắp hương tế bái. Lễ xong, một đệ tử bỗng nhiên trông thấy trên bàn thờ có một hũ rượu hình dáng kỳ lạ, gây nên sự hiếu kỳ và khó hiểu của mọi người.

Khổng Tử hỏi người coi miếu: “Cái hũ đựng rượu này có công dụng gì?” Người coi miếu trả lời: “Nó là cái hũ rượu dùng làm lời răn của các bậc quân vương”.

“Lời răn mình” tức thường đặt nó ở đầu bàn để nhắc mình cần chú ý những câu danh ngôn nào, nói chung viết nó vào giấy hoặc sổ, treo nó trên tường. Nhưng đây là một hũ đựng rượu hình dáng kỳ lạ, mà đặt ở trên bàn, thì làm sao gọi là lời răn?

Các đệ tử lại càng thêm kỳ lạ và khó hiểu.

Khổng Tử nói: “A! Ta biết công dụng của nó rồi”. Quay người sai một đệ tử đi ra ngoài múc một gáo nước, Khổng Tử tự tay đem nước đổ từ từ vào hũ rượu. Nhưng thấy ông hết sức chăm chú, nét mặt trang nghiêm, mọi người yên lặng đứng im nhìn các thao tác của thầy giáo.

Nước đổ vào hũ từ từ, thân hũ rượu bỗng nhiên nghiêng đi, như đứng không vững nữa. Khi nước đổ đến một nửa thân hũ, hũ rượu đã khôi phục lại tư thế đứng đoan chính. Nước lại tiếp tục đổ vào cho đến lúc trào ra miệng hũ. Nhưng thấy hũ rượu vừa nghiêng, ào một tiếng, hũ

nhào đổ, nước chảy ra hết.

Mọi người đều lùi về phía sau, đứng nhìn khiến chẳng ai hiểu gì cả, “Quá lạ! Quá lạ!” người học trò Tử Lộ có năng khiếu thông minh rất cao liền tuôn ra hai tiếng “quá lạ” quay mình hỏi Khổng Tử: “Thưa Thầy, chiếc hũ rượu này khi có lượng nước ít thì nghiêng lệch, đổ nước vào đến giữa hũ lại đứng ngay ngắn, mà nước đổ vào đầy lại đổ nhào. Vậy chỗ giữa này có điều gì huyền bí không?”.

Khổng Tử rất hài lòng đối với Tử Lộ có thể nêu lên vấn đề như thế, nói với các đệ tử: “Chúng ta đều là người thì phải hiểu rõ đạo lý đối nhân xử thế, ba trạng thái của hũ rượu hiện ra chính là đạo làm người. Một người trong bụng rỗng tuếch là không thể đứng trong xã hội, giống như hũ rượu khi có nước rất ít ắt sẽ bị nghiêng lệch. Một người thông minh học rộng, lại khiêm tốn không kiêu ngạo, đối nhân xử thế thận trọng, thì có thể giống như trong hũ có nước một nửa hũ có thể đứng thẳng ngay ngắn. Một người nếu như giả bộ tự cao, không coi ai ra gì, làm việc làm người đều quá mức quá đáng, thế thì ắt gặp phải thất bại, giống như chiếc hũ này nước đầy nên lật nhào. Cho nên, cho dù mình có sức lực hùng dũng, cũng không thể để lộ ra ngoài. Giàu có cường thịnh cũng không thể tự cho là thỏa mãn, mà nên cần cù tiết kiệm. Đây chính là đạo lý mà người ta thường nói đến làm người phải không ngã vào một bên nào, lấy hơn bù kém!”.

Khổng Tử lấy tính chất vốn có kỳ lạ của chiếc hũ rượu - lờ rần của bậc quân vương đã trình bày một số lẽ đời sâu xa. Làm người nhất thiết phải tránh ngu muội rỗng tuếch, lại phải tránh tràn ngập kiêu căng. Xử thế phải có chừng mực dôi dư, không thể một mực theo đuổi đến cực đỉnh. Đây đích thực là những danh ngôn chí lý của đời người.

Các đệ tử của Khổng Tử từ trong chuyện hũ rượu đã hiểu ra được rất nhiều, người hiện đại cũng nên từ đó hiểu ra được đạo làm người lấy đó để sắp xếp đời người ắt có nhiều lợi ích rất lớn.

6. Muốn câu cá lớn phải thả dây cho dài

Con người ngày nay, phần lớn trong đầu óc đều đầy rẫy quan niệm kinh tế học đưa vào sản xuất, có một phần tinh lực hoặc tiền tài đưa vào, sẽ trông mong có một phần thu hoạch, thậm chí có hai, ba phần thu hoạch. Đương nhiên, chi phí giá thành ít nhất thu được kết quả thu lợi lớn nhất là điều mọi người ước mơ.

Thế là đầu cơ trục lợi trở thành hành vi của đời người phổ biến, người ta không thể ghìm nén nổi trái tim cháy bỏng, mong ngóng và nhảy nhót mạnh, luôn luôn tất tả ngược xuôi trên con đường cầu danh cầu lợi và hưởng thụ. Cuối cùng tĩnh tâm nghĩ lại, mới phát hiện học thuyết “đưa vào sản xuất” về kinh tế là chính trực vô tư. Đưa vào bao nhiêu chỉ có thể sinh ra tương

ứng bấy nhiêu, trên đời không thể rơi xuống chiếc bánh có nhân, mà dưới đất cũng không thể phun ra rượu nho. Người ta muốn có thu hoạch thì phải có tiêu phí. Người ta muốn có thu hoạch lớn ắt phải trả ra giá lớn, đây là đạo lý từ xưa đến nay vững chắc không gì phá vỡ nổi.

Nước Nhiệm thời xưa (nay thuộc Tế Ninh, Sơn Đông) có một công tử mất rất nhiều công sức làm một lưới câu lớn, buộc vào một sợi dây to, trên lưới câu mắc vào một cái mồi câu làm bằng thịt của 50 con trâu thiến. Sau đó ngồi ngay ngắn trên núi Cối Kê, vung cần câu vào trong biển Đông, ngày này qua ngày khác, suốt một năm ông đều chưa câu được một con cá nào. Nhưng ông quyết chí không lay chuyển, kiên trì làm mãi mãi.

Cuối cùng có một hôm, một con cá to đã nuốt mồi, nó kéo chiếc lưới câu đi theo, thoát chìm vào trong nước, thoát lại quay cuồng chạy trốn, vung vây xòe vẩy biển cả bị cuộn sóng lên như đỉnh núi, tiếng rung như quỷ thần gào khóc, tiếng ầm truyền đi xa đến hàng ngàn dặm, khiến cho người ta phải biến sắc mặt và kinh sợ.

Nhiệm công tử bình tĩnh vững vàng, cuối cùng đã kéo được con cá to này lên khỏi mặt nước, dùng thịt cá khô do mổ thịt nó chế biến thành để cho tất cả mọi người thuộc vùng từ phía đông Triết Giang đến phía bắc Thương Ngô cùng ăn một bữa sượng miệng.

Con cá to như thế đủ để làm cho đông đảo người đời háms lợi ước ao thêm muốn. Nhưng không nên quên rằng, muốn câu được nó Nhiệm công tử đã phải chuẩn bị biết bao nhiêu, hao tổn không biết bao nhiêu vật liệu, mất đi cả một thời gian dài! Vị công tử này hiểu được đạo lý này, nhưng người đời có hiểu không?

Cho nên, người ta sinh ra ở đời, bất kể muốn thu nhận được cái gì, tri thức cũng vậy, của cải cũng vậy hay sức khỏe thân thể, hưởng thụ vật chất v.v... đều phải có trả giá, hơn nữa phải có mong muốn trả giá tương ứng. Cũng có nghĩa là trả giá ít, thì chỉ giành được ít, trả giá lớn mới có thể giành được nhiều, không muốn trả giá, vậy thì quyết không nên mong cầu có thu hoạch.

Chuyện Nhiệm công tử câu cá, đích thực nói với chúng ta rất nhiều lý lẽ của đời người.

7. Làm thế nào để làm tiêu tan ghen tỵ, đố kỵ và bất mãn?

Ghen tỵ là bệnh chung của những người bình thường, là một thứ tình cảm căm ghét sinh ra đối với người khác có cuộc sống ở trạng thái tốt hơn và sự vật nhiều hơn so với mình, phát triển đến cực độ sẽ có thể làm cho người ta mất hết lý trí, làm nhiều việc ngu xuẩn.

Đố kỵ là mới đầu do người ta sinh ra lòng hâm mộ đến cực độ đối với sự vật người khác có, sau đó dùng trăm phương ngàn kế, thậm chí không từ một việc xấu xa nào để đoạt lấy, kèm theo đó là những hành vi ác ý làm tổn thương, rêu rao phỉ báng và giở trò âm mưu đối với người khác, muốn đặt họ vào chỗ chết mới hả dạ.

Hoạt động tâm lý bất mãn thì tương đối phức tạp, người bất mãn luôn cảm thấy người khác và xã hội mắc nợ anh ta rất nhiều, mình từ trước đến nay chưa được đãi ngộ công bằng, vì vậy về tâm lý luôn trong trạng thái không cân bằng, trong cuộc sống luôn nhìn ai cũng đều không vừa mắt.

Do đó ta thấy, ghen tỵ, đố kỵ và bất mãn là rơi vào trong bể khổ đời người mệnh mang, khiến cho người ta cảm thấy cuộc sống tẻ nhạt, xã hội hoàn toàn xa lạ đối với mình, mọi người không một ai dính líu với mình. Thế giới này đã không có một nơi nương tựa, con người trong chạng đường đời cô độc sẽ đành lặng lẽ chịu đựng bệnh tâm lý như thú dữ cầu xé tim gan.

Vậy thì có phương thuốc hay nào để làm tiêu tan ghen tỵ, đố kỵ và bất mãn không? Đương nhiên là có, hơn nữa rất thần kỳ.

Nghe nói ở thành Abdera cổ Hy Lạp, có một gia đình quý tộc giàu có, tất cả có ba anh em.

Người em út tên là Democritos, ông khá thông tuệ hơn người.

Sau khi cha mẹ qua đời, Democritos không có hứng thú đối với tiền tài, một lòng muốn đi du lịch ra ngoài, tăng thêm kiến thức. Hôm đó, ông và hai người anh phân chia gia tài, số tiền mặt nhận được là rất ít, chỉ có một trăm Taradon. Ông đem số tiền này nhét vào bao, tinh thần phấn chấn lên đường.

Democritos ăn gió nằm sương, nhiều năm vượt đèo lội suối, đã từng đến Ai-cập, Babilon, Batur, cũng đã đến Athène. Đến khi cuộc lữ hành của ông kết thúc trở về quê hương, tiền của ông đã tiêu hết, trở thành một người nghèo rớt mùng tơi.

Theo phong tục địa phương, những người tiêu pha phung phí tài sản của cha ông, sau khi chết không được an táng theo trật tự bình thường, người đó cũng bị người địa phương xem thường cho là con cháu bất hiếu.

Democritos vẻ mặt không hề hổ thẹn, lớn tiếng nói với mọi người: Mặc dù tôi đã tiêu pha phung phí, bởi vì tôi đã từng đến rất nhiều nơi, làm quen với rất nhiều bạn bè thông minh tột đỉnh, tăng thêm kiến thức và tài cán. Tôi mặc dù mất hết tài sản, nhưng đã làm đầu óc phong phú. Người cùng trang lứa với tôi, có ai đã từng đến những nơi xa xôi như thế giống như tôi? Có ai đã thấy và biết nhiều đất nước, nhân dân khác nhau và cuộc sống khác nhau ở mỗi nơi nhiều như tôi không? Lại có ai như tôi đã tự mình được lắng nghe nhiều cuộc diễn thuyết tràn ngập trí tuệ như thế không?

Mọi người đứng nhìn nhau, quả thực không có lấy một người về phương diện này có thể so sánh được với Democritos.

“Tôi còn học được việc dựng hình học và đưa ra chứng minh, ngay cả những người chuyên đo đạc ruộng đất Ai-cập cũng không thể làm được tốt hơn tôi”. Democritos nói xong rút từ trong túi ra một quyển sách đưa cho đám người ngày càng đông xem, chỉ thấy tên sách là *Đại hệ*

thống thế giới.

Democritos lại lớn tiếng đọc lên. Mọi người càng nghe càng náo nức, càng nghe càng bị hấp dẫn bởi nội dung tuyệt vời của nó.

Democritos có học thức phong phú như mọc thêm đôi cánh, phút chốc liền truyền đi khắp thị trấn nhỏ, mọi người bỏ hết công việc đang làm, không gọi mà đến tập trung đông đúc xung quanh Democritos.

Democritos thấy người đến ngày một đông, liền nói lên đạo lý sống như thế nào tốt hơn. Ông nói:

“Cách sống của mỗi người đều có thể có nhiều phương thức, nếu như sống một cách hèn hạ, ngu xuẩn, phóng túng, tà ác thì chỉ có là sống trong quá trình chết dần chết mòn. Cho nên, bất cứ người nào khi sắp xếp cuộc đời của mình đều nên theo đuổi những cái có ích lợi đối với tâm hồn, theo đuổi những vật thiêng liêng, làm người tốt, học tập người tốt.

Mọi người chỉ cần suy xét tỉ mỉ một chút thì có thể hiểu rõ, cái làm cho người ta hạnh phúc không phải là thân thể dũng mãnh và tiền bạc lóa mắt, mà là lòng ngay thẳng của con người và sự công bằng xác đáng của xã hội.”

Democritos ngừng một lát, bằng ánh mắt sáng quắc quét nhìn đám người đông nghịt một lượt, tiếp tục nói:

“Người ta không khiếm tốn học tập thì không nhận được bất cứ tài nghệ nào. Y học có thể loại bỏ được bệnh tật của thân thể con người, duy chỉ có triết học có thể loại bỏ được nỗi buồn trong tâm hồn con người. Nhiều người chỉ biết khẩn cầu thần linh cho mình có thân thể bình yên khỏe mạnh, không ai biết chỉ có mình mới là người chúa tể thật sự của việc có khỏe mạnh hay không. Họ làm tổn thương sức khỏe của mình một cách không kiểm chế, như buông lỏng tình dục, chính là làm nguy hại đối với sức khỏe của mình.”

Đám người hơi náo động. Democritos biết, những lời nói này của mình chưa hẳn có thể làm cho tất cả mọi người tin phục, bởi vì nhiều người cảm thấy trong buông thả tình dục nhận được khoái cảm cực lớn, làm sao có thể làm nguy hại sức khỏe?

Democritos nói giọng chậm lại: “Điều quan trọng nhất trong cuộc sống của con người là làm cho tâm hồn được yên ổn, đây cũng là hạnh phúc lớn nhất, cao nhất của đời người. Mà việc này chỉ có thông qua việc kiểm chế đối với mọi hưởng lạc của cuộc sống và việc phối hợp nhịp nhàng hữu hiệu của cuộc sống mới có thể đạt được. Sự thiếu thốn và việc thay đổi vị trí quá mức trong cuộc sống đều sẽ dẫn đến xáo trộn mạnh mẽ của tâm hồn, tâm hồn nghiêng ngả không ngừng giữa hai cái này là không tài nào ổn định được. Cho nên nguyên tắc cao nhất của đời người phải là: chỉ đặt tâm tư của mình vào sự việc có thể làm được, phải thỏa mãn với những cái mình có thể chi phối. Một người nếu như chỉ đi ngưỡng mộ những người có trạng

thái tốt hơn mình, chỉ đi theo đuổi những sự việc vượt quá khả năng của mình có thể làm được, lòng tham không thỏa mãn, ắt sẽ làm cho tâm hồn sa vào trong xáo động mãi mãi không được yên ổn. Để đạt được trạng thái đó lại phải suy nghĩ, dùng mưu tính kế, thậm chí không từ một hành động xấu xa nào không làm, cuối cùng đã làm việc phạm pháp không thể cứu vãn nổi. Lúc đó, con người không chỉ tâm hồn sa vào trong đau khổ, mà thể xác cũng khổ không sao kể hết. Cho nên, không nên ham muốn những thứ không thuộc về mình, phải thỏa mãn với những cái đã có, đã nhận được, thường nên so với những người không bằng mình, ngẫm nghĩ những đau khổ của họ, mình sẽ có thể vui mừng một lần, tâm hồn sẽ yên ổn một thời rồi. Khi người ta có thể đi xử sự và làm người như thế, ắt có thể xua đuổi được mấy việc tệ hại làm nguy hại con người không ít trong cuộc sống: ghen tỵ, đố kỵ và bất mãn”.

Cuộc diễn thuyết của Democritos được một trận vỗ tay nhiệt liệt, ông đã giành lại được sự tôn kính của mọi người. Không những không bị công chúng khiển trách, người thị trấn Abdera còn cung cấp cho ông một khoản tiền lớn để ông chuyên tâm nghiên cứu học vấn, còn dựng một bức tượng, ông đã trở thành niềm kiêu hãnh của thị trấn nhỏ. Sau khi Democritos tạ thế, người ta lại cử hành tang lễ long trọng, để cho nhà hiền triết cổ Hy Lạp này an giấc trong non xanh nước biếc.

Democritos đã du lịch khắp bốn phương, dày công suy nghĩ tích tụ thành “phương thuốc tốt” cứu trị bệnh ghen tỵ, đố kỵ và bất mãn. Nói một cách khái quát là: Hãy thỏa mãn với trạng thái sinh tồn đã có, không đi so đo với người tốt hơn mình. Làm như thế chẳng lẽ không phải là làm cho con người mất đi động lực theo đuổi của đời người sao? Trên thực tế, ghen tỵ, đố kỵ và bất mãn vừa phải chưa hẳn không phải là việc tốt, nó có thể làm cho con người nhìn thẳng vào khuyết điểm và khiếm khuyết của mình cố vũ phần khởi cố gắng dũng khí để giành lấy. Nhưng, người ta nhất định phải tự biết năng lực của mình và phạm vi điều kiện cho phép, không thể miệt mài theo đuổi mục tiêu không thể thực hiện được, đây là điều thứ nhất. Hai là điều cần phải đặc biệt cảnh giác là ghen tỵ, đố kỵ và bất mãn quá mức, nó sẽ làm cho con người mất hết lý tính, lúc đó con người không phải xuất phát từ lập trường tự mình phần chần đi tìm, mà là từ phương diện cố gắng làm thế nào để quật ngã đối phương. Điều đó sẽ không chỉ gây ra bệnh tâm lý của mình, càng sẽ làm nguy hại người khác và xã hội. Cho nên, người ta nhất định phải lắng nghe tỉ mỉ những lời răn dạy nói trên của Democritos mấy ngàn năm trước đây.

8. Cầu gấp không thành

Xã hội hiện đại, tất cả mọi việc đều biến đổi nhanh. Người ta cắm đầu cắm cổ vào những việc hôm nay, còn ngày mai, ngày kia, tháng sau, thậm chí cả vài năm sau nên làm gì, cũng đều nằm trong kế hoạch trước. Thế là ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác bận tít tít.

Nhịp sống của mọi người cũng biến đổi ngày càng nhanh, trước tiên có cao trào hàng hóa vô

cùng tận làm cho người ta không kịp nhìn, làm cho người ta hao tổn sức lực và tinh thần để giành lấy. Hai là công cụ giao thông ngày càng tiện lợi nhanh chóng được chế tạo ra, khơi dậy nguyện vọng của người ta đến các nơi tham quan, thưởng thức các lối sống khác nhau, thế là người ta liền chạy đi hết trạm này đến trạm khác không ngừng.

Nhịp sống nhanh khiến đời người trở nên ngày càng phức tạp. Có một số người bắt đầu tham lam, cầu mong có thể có mọi quyền thế và của cải trên đời, chiếm hữu rất nhiều người đẹp, dùng để làm thỏa mãn dục vọng của mình. Có một số người thì chẳng hay biết gì cả, không biết trong xã hội biến đổi nhanh chóng này mình có thể cầu cái gì, có thể làm cái gì, cũng liền theo đuổi người ta, tùy ý để hành động.

Nhịp sống nhanh dẫn đến một biến đổi quan trọng về tâm trạng của con người, chính là mọi người đều có khuynh hướng nôn nóng cầu thành công. Người ta phổ biến đều ý thức được lĩnh vực của đời người rộng lớn vô hạn, sự huyền bí của vũ trụ vô cùng vô tận, sự vật mới lạ trên đời xảy ra luôn luôn, mà hưởng thụ của đời người cũng vĩnh viễn vô tận, nhưng thời hạn của đời người lại ngắn ngủi như thế, cho nên trong khoảng thời gian rất có hạn, người ta đều mong muốn có thể cố gắng tiếp xúc nhiều hơn, hưởng thụ nhiều hơn, giành được nhiều hơn, thành công nhiều hơn. Một cái nhiều một cái ít, tất nhiên đã tỏ rõ lượng tiềm tàng của cuộc đời tăng lên, lại nổi lên tâm trạng có tính phổ biến của con người muốn nhanh chóng thành công.

Nhưng sự thật của đời người đã chỉ cho chúng ta thấy, muốn nhanh chóng thành công thường không thành, thường thất bại, đây là chân lý không đổi từ ngàn xưa.

Lâm tiên sinh thời Tống có một lần dạo bước bên dòng suối. Đưa hết tầm mắt nhìn ra xa xa, cây thông và tre xanh khắp núi khắp đồng, thướt tha yếu điệu, gió nhẹ lướt qua mặt, chim chóc líu lo hót hiện ra một phong cảnh rừng núi ruộng vườn khiến người ta khoan khoái nhẹ nhàng. Lâm tiên sinh mắt nhìn về phía xa vời, từ từ bước, bỗng thấy hai ông lão đang ngồi riêng biệt từng người trên tảng đá lớn, buông cần câu cá. Nhưng thấy ông lão đầu tóc đều bạc hết, một lát liền nhắc cần câu lên, câu được một con cá đang nhảy nhót lung tung trên dây câu, một lát lại nhắc cần lên, hết con cá này đến con cá khác bị kéo lên. Còn một ông già khác buông câu, mặt trời sắp ngả về tây mà trong giỏ vẫn trống không, chẳng có thu hoạch gì cả.

Ông già này cuối cùng kiểm chế không nổi, đặt cần câu xuống, cung kính nhờ ông già kia chỉ bảo, nói: “Cá hai người chúng ta dùng để ăn như nhau, lại cùng thả câu trong cùng một dòng sông, vì sao hiệu quả hai người lại chênh lệch nhau lớn như thế?”.

Ông già kia thu ánh mắt đang chăm chú nhìn vào mặt nước lại, lấy tay nhẹ sờ chòm râu trắng, từ từ nói: “Khi tôi thả lưỡi câu xuống, trong lòng chỉ biết có tôi, không nghĩ đến cá. Mắt không đảo đi đảo lại, vẻ mặt không đổi, cá ở trong nước hoàn toàn không cảm thấy tôi là đang câu chúng, cho nên sẽ dễ mắc câu. Còn ông buông cần xuống, trong lòng nghĩ đều là cá, trong ánh mắt đưa đi đưa lại cũng đều là cá, tinh thần căng thẳng biến đổi nhiều, lòng mong cá lộ rõ ràng chân tướng, cá ở trong nước chẳng phải đều bị ông dọa chạy hết! Ông làm sao còn có thể câu được cá?”

Ông già này vừa nghe cảm thấy có lý, liền ngồi trở lại hòn đá to, theo lời chỉ bảo làm việc, quả nhiên thuận lợi liên tục đã câu được hết con cá này đến con cá khác. Lâm tiên sinh sau khi trở về đã đem những điều trông thấy ghi vào trong sách *Điền gian thư*. *Tạp ngôn*, cảm khái mãi không thôi.

Mọi người trên đời đều trông mong lấy được vật này giành được vật kia, trong lòng nghĩ đều là vật, trong mắt cũng đều là vật, toàn tâm toàn ý lộ ra cũng là tính bức thiết cần vật chất. Kết quả của bệnh nóng vội cầu mong thành công này thường đều không tốt - vật tuy chưa giành được, ngược lại gây ra xấu hổ cho mình. Vì thế, người ta sinh ra ở đời, trong quá trình tìm thấy một vật nào đó, phải bình tĩnh, xét đoán thời cơ, không nôn nóng cầu thành công, không nhất định cứ phải cầu cho bằng được, vận dụng tâm trí và tài năng một cách đúng đắn, mới có thể đạt được mục đích.

9. Kẻ hám lợi nung nấu ruột gan nói

Người ta đều có lòng hám lợi, cũng đều có ý hám của. Người ta sinh ra ở đời bận bịu tíu tít, suy cho kỹ phần nhiều cũng là vì hai chữ dục lợi. Nhưng thái độ làm người của con người còn thường phải nghĩ giành lợi phải có chính nghĩa, thỏa mãn ham muốn phải có khuôn phép, do vậy, hạn chế thậm chí kìm nén việc cầu dục lợi nào đó của mình trở thành bộ phận quan trọng của việc học để làm người của con người.

Song có một số người không cho là như thế, càng không làm như thế. Trong con mắt họ chẳng qua chỉ là lợi, điều họ mong chẳng qua là ham muốn, họ nhìn khuôn phép trên đời là thứ vô nghĩa, vứt bỏ mọi chuẩn mực hành vi không tiếc, chỉ vui vì giành được lợi, chỉ say sưa vì ham muốn được thỏa mãn, sa vào kẻ hám lợi làm bậy, việc này đối với đời người không có hại nào lớn hơn.

Thời xưa nước Tấn có một người hám lợi làm bậy, ông ta đến chợ, nhìn thấy đồ vật là lấy, trong miệng còn nói ra vẻ thông thạo: “Những thứ này tôi có thể ăn, những thứ này tôi có thể mặc, những thứ này có thể để tôi tiêu pha, những thứ này có thể làm đồ dùng của tôi”. Trên chặng đường đi vừa cướp vừa nói, đi hết chợ thì ông ta đã lấy đủ mọi thứ, quay người sắp sửa chuồn. Vị quan lại trong chợ theo sát ông ta ở phía sau, nhìn thấy tình trạng đó vội vàng lấy tay chặn ông ta lại, giơ tay đòi ông ta trả tiền các thứ hàng hóa đã cướp.

Người nước Tấn này nói một cách cười cợt nghịch ngợm: “Mỗi khi tôi cuồng nhiệt theo đuổi lòng tư lợi đến cực độ, thì hai mắt tôi mơ mơ màng màng, tí tách tóe ra những đốm lửa tắt cả mọi đồ vật trên đời hầu như vốn đã thuộc về tôi, tôi hoàn toàn không ý thức được là của người khác. Đại nhân, ngài cho tôi những thứ này thôi, đợi tôi giàu sang tự nhiên sẽ trả lại ngài”.

Vị quan lại vừa nghe ùng ùng nổi giận, giơ chiếc roi cầm sẵn trong tay đánh ông ta, đoạt lại những thứ ông ta đã cướp, rồi đi.

Hai bên đường có rất nhiều người đứng xúm lại xem, nghe những lời biện bạch của người nước Tấn này đối với hành vi cướp đồ đạc của ông ta, không ghìem nổi đã chỉ chỉ trỏ trỏ và phá lên cười chế giễu ông ta.

Người nước Tấn này đã làm hiệu tay chửi người, ngang nhiên và mặt không chút hổ thẹn nói: “Trên đời kẻ hám lợi tham của so với tôi còn nặng hơn vẫn còn vô khối người, họ thường trăm phương ngàn kế ngấm ngầm ăn cướp, còn tôi chẳng qua là công khai lấy giữa ban ngày, chẳng lẽ không tốt hơn họ sao? Có gì mà phải chê cười!”. Nói xong, đập đập hai tay, sờ sờ vào vết roi, khinh khỉnh bỏ đi.

Thói nết của vị nhân huynh này có thể gọi là rất kỳ lạ, cái hừng hực của lòng hám lợi, có thể làm cho những vật mà mắt ông ta nhìn thấy đều biến thành những vật của mình, không biết chủ của vật đó không phải là ông ta. Nhưng làm cho tất cả mọi vật tốt trên đời mà ông ta cảm thấy trong đầu đều là của ông ta có, không biết người bên cạnh còn có thể thừa lại cái gì.

Những thứ mà “lợi” và “ham muốn” mưu cầu vốn là những vật chất ở bên ngoài con người, nhưng cầu lợi và đạt được ham muốn lại là ý nghĩ và hành vi thuộc chủ quan con người. Dục vọng đối với mưu cầu vật chất bên ngoài quá thịnh sẽ có thể làm cho tâm trí con người không trong sáng, thậm chí sinh ra ảo tưởng, làm ra những việc đáng xấu hổ, đáng chê cười, đáng trách, đáng trừng trị theo pháp luật.

Nhiều tẩn bi kịch đời người ở trên đời chẳng phải chính là dẫn đến như vậy sao? Một số người dục lợi nung nấu ruột gan đã vứt bỏ tất cả mọi quy phạm đạo đức và pháp chế của xã hội, đi ăn trộm ăn cướp, đi cướp của giết người, cuối cùng thì phải kéo theo dây xiềng leng keng vào ngục, thậm chí phải đầu lìa khỏi cổ. Còn có một số người dục lợi tuy nung nấu ruột gan, nhưng đầu óc vẫn còn tương đối tỉnh táo, không làm những việc vi phạm pháp luật, nhưng suốt ngày mong phát tài, cảnh hấp dẫn ở trong đầu không ngoài làm giàu, dốc hết tâm sức lao vào việc kiếm tiền, bất cứ mọi hoạt động khác của đời người đều không gây được chút hứng thú nào của họ. Kết quả cũng vẫn là sức lực và tinh thần mệt mỏi ở chốn lợi dục, cái khát khao mong cầu vẫn không đến, cái cần tránh xa thấy đều kéo đến, đời người ảm đạm, không có chút hứng thú nào đáng kể. Kẻ nghĩ không thông suốt đành tự tìm vào con đường chết, bằng không thì chịu sống một đời trong nỗi khổ vĩnh viễn cầu mong không được.

Cho nên, việc cầu lợi thỏa lòng ham muốn là việc tuy con người không thể tránh, tuy là bộ phận tạo thành quan trọng của đời người, nhưng quyết không thể đạt đến mức độ “nung nấu ruột gan”, phải biết ghìem nén lòng hám lợi hám của không cần thiết, không có khả năng. Phải chủ động thực hiện mong muốn của mình trong phạm vi cho phép của xã hội, điều hết sức quan trọng là trong quá trình cầu lợi và theo đuổi dục vọng không thể lợi mình hại người khác.

Giành được cái lợi chính đáng, thỏa mãn được dục vọng bình thường là cơ sở hạnh phúc đời

người, người ta không thể không đi theo đuổi nó, nhưng cầu nó phải có đạo lý, chiếm nó phải có phương pháp, tức không thể không kiểm chế được.

10. Thuật đề phòng lừa đảo

Thế giới ngày càng tuyệt vời, ý muốn của người người muôn màu muôn vẻ, chìm nổi vật lộn trên đời một cách nhộn nhịp. Người thành công, đời người giành được thành tựu xuất sắc, hạnh phúc mỹ mãn mọi việc như ý. Kẻ thất bại đời người tằm tối, vấp vấp thất bại, vận đen, không thuận đủ điều. Thế là có một số người khi những cái giành được trong hiện thực có khoảng cách tương đối lớn so với mục tiêu mình mong cầu mà lại không có khả năng làm thay đổi, liền tìm mọi cách bước vào con đường không ngay thẳng, bắt đầu lừa đảo.

Con người là chúa tể của muôn loài, một khi bắt đầu làm việc lừa dối sẽ phát minh sáng tạo ra mọi cách lừa đảo, làm cho người đời không sao đề phòng nổi. Người ta trong cuộc sống có lẽ sẽ hiểu được sâu xa rằng: Làm sao phòng ngừa được không bị mắc lừa là một bài học quan trọng của đời người. Nếu có người không cho là đúng, vậy thì xin hãy xem tên lừa đảo cao siêu thời xưa đã thuận lợi ra sao.

Vào thời nhà Thanh, ở cửa Bắc Kim Lăng có một nhà hàng đổi tiền bạc, chủ yếu làm nghề buôn bán đổi tiền bạc. Một hôm, một ông già dáng vẻ điềm đạm đến cửa hàng đổi tiền, đang tranh cãi chất lượng màu của bạc với chủ tiệm, lắm nhảm mãi không thôi. Đúng lúc đó, một thiếu niên từ bên ngoài chạy đến, cung kính gọi ông già là bác, nói: “Thiếu gia nhà bác buôn bán ở Thường Châu là bạn đồng nghiệp với cháu, lần này anh ấy nhờ cháu mang đến cho bác một phong thư có kèm theo cả bạc nữa, đang muốn đến nhà, không ngờ lại gặp bác ở đây”. Nói xong đem sổ bạc và thư cùng đưa cho ông già, vái chào rồi quay người ra đi.

Ông già từ từ bóc bức thư rồi nói với người chủ tiệm: “Tôi người già mắt kém, nhìn không rõ, hay là nhờ ông đọc giúp cho một chút”. Người chủ tiệm lòng dạ ngay thẳng lấy lá thư từ đầu đến cuối đọc một lượt. Trong thư phần nhiều là những chuyện phiếm, chuyện vặt trong gia đình, cuối thư kèm theo một câu: “Ngoài ra xin biểu bạc ròng mười lạng, tạm cho cha dùng chi phí cho cuộc sống”. Ông già lim dim mắt nghe đến đây, mặt mày hớn hở liền lập tức nói với người chủ tiệm: “Ông và tôi cũng không cần phải tranh luận về phẩm chất của bạc nữa, ông đem những thỏi bạc kia trả lại tôi, sẽ dùng 10 lạng bạc ròng con tôi cho tôi này đổi tiền thôi”.

Người chủ tiệm cho là phải, liền lấy bạc đó đem cân, có khoảng 10 lạng 3 phân. Ngẫm suy nghĩ, con trai ông già này đại để do vội vàng đã đưa nhầm, không ghi rõ ràng, nên ông già chỉ biết có 10 lạng, sao lại không nhân cơ hội kiếm một chút lợi nhỏ? Liền lấy chín ngàn đồng đưa cho ông già, và nói rõ thời giá: bạc ròng 10 lạng đổi được 9.000 đồng. Ông già không nói gì lấy tiền, chào và đi khỏi.

Được một lát, một vị khách khác trong tiệm cười nói: “Ôi ông chủ tiệm, có thể ông đã mắc lừa rồi. Ông già đó tôi có biết, nhiều năm nay toàn dùng bạc giả lừa người để kiếm tiền, lúc đó tôi không tiện nói ra”.

Người chủ tiệm kinh hoàng liền lấy thỏi bạc dùng kéo cắt ra, bên trong quả nhiên đều là lõi chì đúc thành, kêu to lên là đã bị lừa, bức tức mãi. Ông ta quay người lại cảm ơn người khách kia đã mách bảo mãi và hỏi nơi ở của ông già kia. Người khách nói: “Nơi ở của ông già kia chỉ cách đây hơn 10 dặm, bây giờ ông có thể đuổi theo, nhất định có thể đuổi kịp, nhưng tôi không thể dẫn ông đi, sợ ông già kia trả thù”. Người chủ tiệm trả công ba đồng vàng, nhờ người khách cùng đi với ông, và nói một khi nhìn thấy ông già kia thì người khách có thể tránh đi.

Hai người vội vàng đuổi đến bên ngoài cửa Hán Tây, xa xa trông thấy ông già kia đang đem tiền sáng loáng bày trên chiếc quầy, đang cùng với vài người “đánh toan” uống rượu. Người khách nói: “Ông già kia là đúng đấy, ông nên đi nhanh bắt lấy ông ta thôi”. Nói xong quay người đi xa.

Người chủ tiệm tự mừng thầm, trong lòng nghĩ phen này có thể bắt được. Cất bước chạy xông vào trong quán rượu tóm được ông già kia, giơ tay lên đánh và quát lớn: “Ông, là một tên côn đồ lừa của nhiều năm, bây giờ lại dùng 10 lạng bạc lõi chì đổi lấy đi 9.000 đồng của tôi!”.

Tất cả mọi người trong quán đều đứng dậy, vây thành một vòng. Nhưng thấy ông già kia rất thản nhiên, biện bạch nói: “Tiền là tôi dùng 10 lạng bạc của con trai tôi gửi về để đổi, hoàn toàn không phải là có lõi chì nào cả. Ông chủ tiệm đã nói là bạc giả, vậy có thể đem ra để kiểm nghiệm được không?”.

Ông chủ tiệm đổi tiền bạc vừa nghe đã cười nhạt một tiếng: “Ông đã chết đến nơi còn ngang ngạnh phải không? Muốn xem thì xem, may tôi có mang lại đây”. Nói xong liền rút thỏi bạc giả đã cắt phá kia ra.

Ông già vừa xem liền nói to: “Đây không phải là bạc của tôi, bạc tôi mang đi đổi chỉ nặng có 10 lạng, cho nên đổi được 9.000 đồng. Hiện nay thỏi bạc giả này hầu như không chỉ là 10 lạng, hoàn toàn không phải là bạc của tôi. Ông chủ tiệm này phải chăng là đến lừa bịp tôi người đã có tuổi này chứ!”.

Mọi người trong quán rượu đều dồn về phía trước, đem thỏi bạc giả đặt lên cân tiểu li cân một lát, quả nhiên không chỉ có 10 lạng, mà là 10 lạng 3 phân. Mọi người nổi giận hết thấy đều chỉ trích ông chủ tiệm đổi tiền bạc là xấu bụng đã làm việc trái đạo lý đến mức như thế. Ông chủ tiệm thì ấp úng không nói nên lời, không tài nào bác lại được, mọi người đánh cho ông ta một trận và đuổi đi.

Từ câu chuyện này, chúng ta vừa có thể thán phục mẹo lừa người của ông già là phi thường, cũng có thể đồng tình tiếc thay đổi với trường hợp gặp phải của ông chủ tiệm đổi tiền bạc.

Nhưng điều quan trọng hơn là nên từ trong đó biết được một chút thuật đề phòng lừa đảo, để giành được an toàn trong sóng gió hiểm nguy của đời người. Vậy thì thuật đề phòng lừa đảo vạch ra từ trong chuyện này là gì? Rất đơn giản là: Không nên tham rẻ. Nghiên cứu tỉ mỉ câu chuyện này có thể biết người chủ tiệm sợ dĩ bị mắc lừa, chịu tổn thất lớn, mấu chốt là ở chỗ ông ta tham 3 phân bạc dôi ra kia, cho nên trước tiên vội vàng trả tiền cho tên lừa đảo, mà không đi xem xét kỹ lưỡng bạc thật giả. Về sau không có cách nào nói rõ được đối với 3 phân bạc dôi ra, đành bấm bụng chịu, bị đánh một trận đòn oan, lại còn bị người khác chỉ trích cho những điều khó nghe.

Cho nên Viên Mai đòi nhà Thanh sau khi kể xong câu chuyện này trong Tân tề hài đã viết một câu: “Chủ tiệm vì một ý tham, trúng kế ông già, buồn giận trở về”. “Một ý tham”, đây chính là nguồn gốc chung của cả những người xưa và nay bị mắc lừa, người đời nay càng không thể không cẩn thận đấy!

11. Bí quyết của “nghèo” cũng vui

Vui là một trạng thái tinh thần, cũng là một thay đổi có tính sinh lý, là cảnh tốt đẹp của đời người, là theo đuổi của mọi người. Người đời ai không ao ước vui? Ai không cầu mong vui lâu?

Nhưng, đưa mắt nhìn khắp thế gian, liệu có bao nhiêu người đang vui? Nhất là có thể vui lâu? Có thể gọi là “lông phượng móng lân” đã ít lại càng ít. Nghiên cứu nguyên nhân của nó, có lẽ ở chỗ người ta phần nhiều đem trạng thái tinh thần và tâm lý này liên hệ quá chặt chẽ với việc giành được vật chất nhiều hay ít, còn việc giành được vật chất có thuận với vận mệnh hay không lại đều là tương đối, trên thực tế về phương diện này người ta vĩnh viễn không có khả năng thỏa mãn. Do vậy, người ta trong trạng thái thiếu thốn đành thường mặt nhăn mày nhí, không có chút hứng thú. Người Trung Quốc xưa lại có một loại biện pháp xử lý vấn đề này, mọi người có thể tham khảo làm theo.

Nghe nói Tăng Tử, hiền nhân thời xưa, ở nước Vệ, nghèo đến mức chẳng có lấy một cái gì. Chiếc áo khoác ngoài ông mặc trong độn không phải là bông mà là sợi đay rối, vải bọc ngoài áo cũng rách nát không che khuất các sợi đay rối bên trong. Khuôn mặt của ông do bị đói lâu dài triền miên nên bị phù, chân tay bị chai dầy cộp. Trong nhà thường là ba ngày không thấy khói bếp, mười năm cũng không thể thay được chiếc áo mới. Tăng Tử nếu muốn đội mũ cho thật ngay ngắn, phải lúi cúi đứt quai mũ. Muốn kéo phẳng vạt áo thì cánh tay sẽ lộ ra, nếu kéo giày ngược lên phía trên thì gót chân sẽ lộ ra. Mặc dù áo mặc không che kín người, ăn không no bụng, Tăng Tử vẫn kéo đôi giày rách miệng ngâm Thương tụng, tràn đầy khí thế, tiếng vang vọng khắp nơi. Dù là Thiên tử cũng không thể tùy tiện gọi ông ra làm quan, các nước chư hầu cũng không thể cố nữu ông ta làm bạn được.

Về đời sống vật chất có thể gọi Tăng Tử là người cực nghèo cực khổ, nhưng ông không mảy

may tỏ vẻ người nghèo trí nhỏ tinh thần suy sụp, ngược lại nức lòng hăng hái, khí phách hiên ngang, ngâm thơ ca hát vui sướng biết bao! Từ đó ta thấy nhân cách của Tăng Tử cao thượng, không vì phú quý vinh hoa mà động lòng, không bị thu hút bởi quyền cao chức trọng, giữ vững cách xử thế theo nguyên tắc của mình, giành được sự tôn trọng và khen ngợi, cũng giành được niềm vui và hạnh phúc.

Nếu như cân nhắc tỉ mỉ nhân sinh quan của Tăng Tử, dễ dàng nhận thấy, việc làm của ông thực ra rất giản đơn, chính là tiến hành phân biệt việc giành được vật chất với trạng thái tinh thần và tâm lý, không làm cho sự thiếu thốn vật chất ảnh hưởng đến tinh thần và tâm lý, ngược lại dùng tinh thần và tâm lý để lôi kéo sự giành được vật chất lên. Nghĩa là dùng chí hướng cao xa, nhân cách trong sạch và lý tưởng cao cả mà làm cho đời sống nghèo khổ tỏa ra thứ ánh sáng kỳ lạ, khiến cho mọi người không chỉ tiếp nhận sự thực cuộc sống nghèo khổ của ông, mà còn ca ngợi đức tính phong phú và ranh giới tinh thần cao thượng của ông. Đây thật là chuyển hóa cái mục nát thành kỳ lạ.

Con người, trong giàu sang không nên gây khó dễ cho mình, không nên ham muốn một cách vô hạn, mà nên “vui lâu”. Nhưng điều đặc biệt quan trọng và cần thiết là con người trong nghèo khổ cũng nên vui, biết vui, giữ được niềm vui của họ.

Việc này không phải là không có khả năng, mấu chốt ở chỗ bạn có thể giữ được tính siêu việt của tinh thần và tâm lý hay không, giống như Tăng Tử đã giành được niềm vui của ông.

12. Lời trái tai phật ý là những lời vàng ngọc

Người là một loại động vật có tính xã hội, con người sống trong mạng lưới nhân tế, một đời của con người không thể tránh giao thiệp với đủ mọi dạng người, người ta nên khiêm tốn lắng nghe mọi lời khuyên trung thực và trái tai.

Nhưng con người có lòng ham vinh dự hão huyền rất mạnh, người thích a dua nịnh hót không thích những lời khuyên ngang tai trái ý. Cho nên, trên đời cũng sẽ xuất hiện một loạt kẻ tiểu nhân chuyên môn dòm ngó, phỏng đoán những điều người ta thích và những cái người ta ngưỡng mộ, sau đó làm hợp với ý họ chuyên nhặt những lời nghe vui tai, chuyên chọn những việc làm cho người khác vui vẻ để nói, làm cho người nghe khắp người dễ chịu, lòng đầy vui sướng. Từ đó, họ có thể thu được lợi ích nào đó, còn người được nịnh nọt lại họa lớn có thể rơi xuống đầu cũng không biết. Cũng có người tính tình ngay thẳng nhìn thấy việc bất bình dám đứng cảm đứng ra giúp đỡ, nghe những việc tồi tệ dám chỉ ra ngay trước mặt, đôi khi làm cho người nghe không thoải mái, thậm chí đỏ mặt tía tai không rút được khỏi thế bí. Người nói chưa chắc đã có suy nghĩ tư lợi nào, còn người nghe lại có khả năng vì thế tránh xa được tai ương giành được điều tốt.

Đây chính là đạo lý lời nói ngang tai là cái phúc của đời người, mà lời nói xuôi tai là cái họa của

đời người. Câu chuyện của Biển Thước và Thái Hoàn công thời xưa chính là đã thuyết minh điều này.

Một hôm, nhà danh y Biển Thước gặp Thái Hoàn công, quan sát kỹ một lúc, nói: “Bệ hạ mắc bệnh rồi, nhưng bệnh này còn đang nằm giữa da và thịt. Nếu như không nhanh chóng chữa trị đi, e rằng bệnh tình sẽ có thể nặng thêm”. Thái Hoàn công hơi cáu, thân thể của mình chẳng đau đớn gì, làm sao có thể có bệnh được? Liền nói một cách không nén nhịn được: “Ta không có bệnh!” Đứng trước uy thế của đấng quân vương, Biển Thước cũng không biết nói gì hơn, đứng một lát rồi xin cáo từ. Thái Hoàn công nói với hai bên tả hữu với giọng châm biếm: “Các thầy thuốc chỉ thích chữa bệnh cho người không có bệnh để lấy công”.

Mười ngày trôi qua, Biển Thước lại đến bái kiến Thái Hoàn công, nói một cách hơi sỗ ruột rằng: “Bệnh của bệ hạ đã vào sâu trong thịt rồi, nếu như vẫn không nhanh chóng chữa trị, sẽ có thể biến thành trầm trọng hơn”. Thái Hoàn công nghe những lời nói đó vẫn rất không vui, hoàn toàn không để ý tới. Biển Thước tự chuốc lấy điều không vui, đành ngượng ngáp rút lui.

Lại qua mười ngày nữa, Biển Thước lại gặp Thái Hoàn công, bị một trận kinh hồn bởi tình hình mình trông thấy, vội vàng tâu lên: “Bệnh của bệ hạ đã vào sâu đến dạ dày và đường ruột rồi, nếu vẫn không chữa trị, e rằng rất khó chữa khỏi”. Thái Hoàn công vẫn không thèm nghe ông, Biển Thước đành quay người tháo lui.

Mười ngày thoáng một cái đã trôi qua, Biển Thước vào cung, vừa nhìn thấy Thái Hoàn công đã quay người liền chạy. Hoàn công nghi ngờ việc đó, liền cử người đến hỏi Biển Thước đó là có làm sao? Biển Thước nói: “Bệnh nằm ở giữa da và thịt, tôi dùng biện pháp là nóng sẽ có thể chữa khỏi. Bệnh ở trong thịt tôi dùng phương pháp châm kim đá cũng có thể chữa khỏi. Bệnh ở trong dạ dày và đường ruột, uống thang Hỏa tể cũng có thể chữa khỏi. Còn bệnh đã vào trong tủy thì đó là việc của “quỷ thần” chăm sóc rồi, tôi không còn biện pháp gì để chữa bệnh được. Bây giờ bệnh của Hoàn công đã vào đến tận tủy, tôi chẳng còn lời gì đáng nói nữa”.

Năm ngày sau, Thái Hoàn công đột nhiên đau toàn thân, lập tức sai người đi tìm Biển Thước, lúc đó Biển Thước đã chạy trốn sang nước Tần rồi, Thái Hoàn công chẳng bao lâu vì không chữa trị nên đã chết.

Lời nói của Biển Thước đích thực là lời vàng ngọc, nhưng bên tai của Thái Hoàn công khi tự mình cảm thấy tương đối khỏe, đã trở thành những lời ngang tai phật ý. Cho nên, ông làm sao có thể nghe lọt tai, ngược lại trong lòng sinh ra ý ghét, cảm thấy Biển Thước muốn tham chút công lao. Đây là sự buồn rầu của người góp ý kiến, càng là tai họa của người được nghe, cuối cùng rơi vào một kết cục Biển Thước phải cuốn gói hoang mang lo sợ ra đi, còn Thái Hoàn công thì mắc bệnh nặng và chết thẳng cẳng.

Từ trong đó người đời có thể nhận được những trí tuệ nhân sinh nào? Một là cần phải biết lắng nghe ý kiến của người khác, nhất là phải có đủ bụng dạ và thái độ lắng nghe những lời ngang tai phật ý, đồng thời biết nghe lời nói phải, luôn luôn điều chỉnh suy nghĩ và hành vi của mình, làm

cho đời người càng thêm trôi chảy. Hai là phải cảnh giác kẻ xấu, đối với những lời thuận lòng vừa ý của người khác nói phải có thái độ phân tích, phải giữ một khoảng cách đối với những người hết sức thuận theo. Chỉ có như thế, mới có thể tránh được tai họa, đi vòng qua được bãi đá ngầm, giành được hạnh phúc trên đường đời.

13. Mọi ham muốn vật chất có thể có đủ cả được không?

Thế giới này là một thế giới phù hoa: có vô số vàng bạc tiền tài, có vô số hàng hóa làm cho người ta loạn xạ rối mắt, có đủ mọi kiểu hưởng lạc hiếm lạ kỳ quái, lại có ngôi quyền lực có thể tự do chi phối tài nguyên, sai khiến dân chúng, lại có cả những “thiên đường”, “tiên cảnh” và “thế giới cực lạc” mà người ta dùng tư duy dựng lên. Có thể nói, mọi thứ mà người ta mong cầu, thế giới này không có cái gì không có.

Đáng tiếc là đối tượng thỏa mãn ham muốn vật chất của con người đều có sẵn, nhưng người thật sự có thể được hoàn toàn thỏa mãn lại lác đác như sao buổi sớm. Con người trong hiện thực, trên thực tế vẫn là nằm trong sự đói khát của dục vọng, từ đó dẫn tới vô số câu chuyện miệt mài tìm kiếm làm cho người ta cảm động, cũng phát sinh vô số sự kiện bi thảm khiến người ta chán ghét và sợ hãi. Nhưng thế giới này vẫn đang sáng tạo ra vô số thứ có thể thỏa mãn ham muốn vật chất của con người, người ta cũng luôn luôn không mệt mỏi để giành lấy sự thỏa mãn ham muốn mới, đương nhiên cũng có nhiều người trong hiện thực không thể thỏa mãn ham muốn, đành say mê có ảo tưởng trong thế giới tinh thần.

Một hôm, có bốn khách du lịch tụ tập nhau lại cùng uống rượu và tán gẫu. Nhân lúc rượu đã ngà say mặt đỏ tai nóng, một người hàng năm buôn bán nhưng kiếm được lời chẳng đáng là bao, bỗng nhiên đặt mạnh chén rượu xuống, thở dài một tiếng rồi nói: “Tôi thật muốn làm Thứ sử Dương Châu!”

Ba người nghe xong ngậy người ra, cùng nhìn nhau phá lên cười. Họ hiểu rõ, Dương Châu là nơi giàu có đông đúc trong thiên hạ, vàng bạc của cải nhiều, có thể ngồi trên ghế Trưởng quan hành chính cao nhất Dương Châu, tay nắm quyền lớn, của cải tự nhiên sẽ ùn ùn đổ đến, việc gì phải dầm mưa dãi nắng quanh năm khổ tâm kinh doanh ở ngoài nữa?

Một người buôn bán đạt thành tích nhỏ trong họ, nói tiếp theo ý chí của anh: “Tôi chỉ muốn phát tài lớn. Làm quan tốt thì tốt đấy, nhưng tính nguy hiểm rất cao, chưa biết chừng lúc nào đó sẽ phải mất đầu như chơi, không bằng có nhiều tiền tự do tự tại hưởng thụ tùy ý”.

Người thứ ba nghe xong chí hướng của hai người, cũng buột miệng nói: “Tôi vừa không muốn làm quan, cũng không muốn phát tài, chỉ ước ao có thể cưới một con hạc tiên, phôi phôi bay thẳng vào vũ trụ, thanh thoi an nhàn ngao du trong cảnh tiên không bờ bến”. Người này ngẩng

lòng trong thương trường, không dính dáng với quan trường, đến trong chốn yêu đương cũng nhiều lần thua chạy, đành trông mong đi ngao du cảnh tiên ngoài trần thế.

Người cuối cùng ngửa cổ nốc một bát to rượu, cười ha hả rồi nói: “Thưa các vị, chí hướng của các vị không khỏi quá nhỏ bé phải không? Còn tôi ư, chỉ muốn dắt trong lưng mười vạn quan, cười hạc tiên bay thẳng đến Dương Châu!”.

Những người uống rượu cùng mâm tất cả đều ngây người ra, không ghìm nổi từ đáy lòng bắt đầu khâm phục ông bạn này: “lưng dắt vạn quan” chẳng phải là chỉ phát tài to sao? “cười hạc” v.v... tức là chí du ngoạn chốn cảnh tiên. Còn nơi “đi thẳng đến Dương Châu” lại chứa đựng ý ông ta khát vọng làm quan to. Cả ba cái đó đều cho cả một mình ông ta có cả, há chẳng phải làm cho người ta phải khâm phục sao?

Nhưng nghĩ lại một lúc, cả ba người không hện mà gập đầu lắc đầu nói “không đúng, không đúng”. Một đời người hoặc phát tài, hoặc thành tiên, hoặc làm quan, dù có giành được một thứ trong đó, cũng không dễ dàng lên trời xanh. Bạn là thần thánh phương nào mà muốn kiêm cả ba thứ, chẳng lẽ không đáng cười a!

Chỉ cần bình tĩnh quan sát người đời, người mà một đời thỏa mãn đầy đủ cả ba ham muốn này, quả thực rất hiếm thấy. Bởi vì trí tuệ của con người có hạn, điều kiện có hạn và thời gian của đời người cũng có hạn. Cho nên, bất cứ ai mặc dù không thể bóp nghẹt được dục vọng của mình, thì nên theo đuổi sự thỏa mãn của dục vọng, bởi vì đó cũng là một trong những nguồn động lực phát triển cá nhân và xã hội. Nhưng quyết không thể đem dục vọng mở rộng đến tất cả mọi lĩnh vực, đặc biệt là không thể bành trướng dục vọng của mình một cách không hạn chế. Nếu không hạn chế và thu hẹp dục vọng của mình về diện và về lượng, ắt sẽ làm cho bản thân mình rơi vào trong bể khổ mong cầu không đạt, hơn nữa trên đường đời vĩnh viễn rơi vào trong cảnh khốn khó, gập ghềnh, không thuận lợi. Bởi vì dục vọng của con người càng lớn càng nhiều, trong hiện thực lại không đạt được, đương nhiên sẽ dẫn đến sự phiền muộn về tinh thần và đau khổ về thể xác. Vả lại, dục vọng quá nhiều sẽ tạo nên sự tranh giành mạnh mẽ giữa mình với người khác, việc đó cũng có thể gây nên tai họa đời người rất lớn.

Cho nên, người ta không thể không có ham muốn, cũng không thể không thỏa mãn dục vọng, nhưng nhất định phải kiểm chế cường độ của nó, khống chế phạm vi của nó. Điều đặc biệt quan trọng là ngoài ham muốn về vật chất ra, người ta còn nên có ham muốn về tinh thần, miệt mài theo đuổi đối với những sự vật cao cả, thiêng liêng, thực thà tốt đẹp, ắt có thể cải thiện mạnh mẽ trạng thái sinh tồn của mình, làm cho đời người hạnh phúc thật sự, mỹ mãn và hoàn chỉnh.

14. Chỗ khó của việc nói

Nói chung, người ta sinh ra ở đời nói liên tiếp, nói không nghỉ, người biết chữ lại viết không

ngừng. Do vậy có nhà tư tưởng phương Tây cho rằng, loài người là loại động vật vận dụng ký hiệu ngôn ngữ.

Trong quá trình sống, người ta giao thiệp với đủ mọi loại người, phần lớn trước tiên đều phải thông qua việc nói hoặc ngôn ngữ viết trên giấy để câu kết với nhau. Nhưng người nói có diễn đạt ra được ý tứ họ muốn nói hay không, người nghe lại có hiểu được ý kiến của người nói hay không, thì là một vấn đề lớn.

Thường có thể thấy, có người nói mặt họ đỏ gay, nước bọt bắn ra tung tóe, nhưng phía người nghe vẫn tỏ vẻ lơ mơ hiện ra trên mặt, hoàn toàn không hiểu gì cả. Lại có trường hợp người nói rất bức vì phát hiện ra người nghe khi tiếp nhận lời của họ hoàn toàn sai - hiểu sai hết. Còn về những lời nói của người ta ngày tháng trôi qua sinh ra ý mới, người nghe cố ý xuyên tạc nó đi, người nói đã nói những lời trái với ý mình v.v... đều làm cho chỗ khó của việc nói càng thêm nổi bật.

Không nên xem nhẹ chỗ khó của việc nói, thực tế nó liên quan đến việc lớn của đời người là thuận lợi hay là gặp ghềnh khúc khuỷu, là hạnh phúc hay là tai ương, thậm chí có khi còn có thể nguy hại đến cả tính mệnh con người, việc này không thiếu các ví dụ trong lịch sử xưa nay ở trong và ngoài nước.

Hàn Phi tử thời tiền Tần ở Trung Quốc là người nhìn thấu triệt nhất đối với việc này. Ông đã kể một câu chuyện trong sách *Hàn Phi tử* như sau:

Nước Vệ là một nước nhỏ, thủ hạ của vua có một vị đại thần tên là Di Tử Hà, do năng lực và lòng trung thành của ông được vua nước Vệ yêu chuộng. Khi đó, nước Vệ có một điều luật người đi xe trộm của vua phải xử hình phạt chặt chân.

Một hôm, mẹ của Di Tử Hà bị ốm, sau khi biết tin đang đêm khuya, ông đã mạo xưng danh nghĩa của vua Vệ đi xe của vua về thăm mẹ bị ốm. Sau đấy, vua Vệ về chòm râu cười nói: “Di Tử Hà thật là người con có hiếu! Vì thăm mẹ ốm không tiếc thân bất chấp cả nguy hiểm phải chặt chân”.

Không lâu, vua Vệ dẫn Di Tử Hà đi dạo vườn quả, Di Tử Hà hái một quả đào, ăn một miếng, phát hiện vị ngọt khác thường liền dâng cho vua Vệ. Vua Vệ khen bèn nói: “Di Tử Hà thật lòng trung thành yêu kính ta, một quả đào mình hái không nỡ ăn hết đã tặng cho ta”.

Về sau, Di Tử Hà thất sủng, vua Vệ nghĩ đến những việc trước kia, nghiêng răng nghiêng lợi kể: “Hắn ta gan tày trời, đang đêm đi trộm xe của ta, còn đem một quả đào ăn thừa cho ta ăn!” bèn ra lệnh đem Di Tử Hà xử tử.

Khi tâm tình của con người tốt, quan hệ với người khác tốt, nhìn việc gì cũng đều vừa mắt, những lời nói ra cũng khoan hồng độ lượng khác thường. Còn một khi tâm tình trở nên xấu, quan hệ bị phá vỡ, liền thấy cái gì cũng đều là một mảng đen tối, những lời nói ra cũng ác độc

vô cùng, những việc làm cũng không ai có thể ngờ được. Cho nên khi được sủng ái Di Tử Hà làm việc gì đều được vua Vệ khen ngợi, còn khi thất sủng thì những việc tốt trước kia làm trong cửa miệng của vua cũng trở thành tội ác không tha thứ được. Lời nói khi hay khi dở, hành vi biến đổi thất thường đều phản ánh tâm trạng lên xuống và biến ảo của người nói và người hành động.

Cho nên, Hàn Phi tử tiếp tục nói: “Nếu đối phương là người thích danh vọng cao, mà bạn lại dùng việc có thể thu được lợi nhiều để thuyết phục họ, thế thì họ nhất định cho rằng chí hướng của bạn không khỏi quá hèn mọn, liền dãi ngộ bạn rất kém, mà còn tránh xa bạn. Nếu đối phương là người hám lợi nung nấu ruột gan mà bạn lại dùng danh vọng cao để thuyết phục họ, thế thì đối phương nhất định cho rằng con người này của bạn thật không có đầu óc, không sát thực tế, khẳng định cũng không trọng dụng bạn. Lại có một tình huống là đối phương bề ngoài ham danh vọng cao nhưng trong lòng lại thích theo đuổi lợi lộc nhiều, lúc này bạn dùng danh vọng cao để thuyết phục họ, thì bề ngoài đối phương thu dùng bạn, còn trên thực tế xa lánh bạn. Nếu bạn dùng lợi lộc nhiều để thuyết phục họ thì sao? Họ sẽ có thể ngầm dùng chủ trương của bạn, nhưng bề ngoài thì vứt bỏ bạn v.v...

Tóm lại, hoàn cảnh của người nói không tốt, nhất là khi đối phương là đế vương nắm quyền sinh quyền sát lớn càng là như thế. Bạn cần phải xét đoán tỉ mỉ chí hướng và ham thích của đối phương, phải phân biệt rõ đối phương thật như thế hay là giả như thế, bằng không thì người nói vừa phí thời giờ mà còn hãm mình vào chỗ nguy cơ dồn dập bốn bề.

Hàn Phi tử đã phân tích hoàn cảnh khó khăn của người nói, lại đưa ra những trí tuệ cần có của người nói. Ông viết, người can gián cần phải làm được mấy việc như sau: tô hồng tâm lý tự hào của đối phương, loại trừ tâm lý xấu hổ của họ. Khi họ có một số việc gấp nào đó của cá nhân, bạn có thể dùng đạo lý lớn hợp với lợi ích chung để cổ vũ họ làm việc riêng. Khi họ có ý đồ hèn hạ, lại không thể khống chế được mình, bạn sẽ liều mạng ca ngợi ý đồ này, chỉ ra không đi làm là đáng tiếc. Khi họ có cách nghĩ cao thượng, nhưng trên thực tế lại khó mà làm được, bạn sẽ chỉ ra những sai lầm của cách nghĩ này và chỗ hại của ý đồ này, cổ vũ họ không nên đi làm việc này.

Cho nên, Hàn Phi tử tổng kết nói: Cái khó của việc can gián không phải ở chỗ trí tuệ và tài năng hiểu biết của ta không đủ dùng; cũng không phải là tài nói của ta không đủ để diễn đạt ý tứ của mình, càng không phải ở chỗ ta không dám mạnh dạn vận dụng tài hùng biện của ta để trình bày đầy đủ ý kiến của mình. Cái khó của người can gián là ở chỗ khó tìm hiểu tâm lý người bị thuyết phục, lại dùng lời của bạn để bật lên được tiếng tơ lòng của họ.

Trong bài văn Thuyết nan, suy nghĩ của Hàn Phi tử trong suốt cả bài là quan hệ giữa người góp ý kiến với bậc đế vương, biểu hiện rõ ý mọi chỗ mọi nơi suy đoán ý của đế vương, luôn luôn phải nịnh lấy lòng đối phương. Do đó Tần Thủy Hoàng tài ba lỗi lạc khi nhìn thấy bài đó đã đập tay xuống bàn khen tuyệt, đồng thời cử đại quân tiến công gấp nước Hàn để ép họ phải giao ngay Hàn Phi. Mặc dù Hàn Phi suy đoán tâm lý của đế vương đã thấy triệt như thế, rèn luyện kỹ xảo nói như thế nào đã thuần thục đến như thế, nhưng cuối cùng vẫn chết dưới sự nghi kỵ của

đế vương và đồ kỵ của bạn bè đúng với cái gọi là dưới xuôi vàng cũng khó mà nhắm mắt được. Cái chết của Hàn Phi trên thực tế đã chứng thực rõ thêm cái khó của người nói.

Người đời thời nay, đương nhiên đã không có những đế vương có quyền lực tuyệt đối kia, nhưng quan hệ giữa người với người lại ngày càng phức tạp hóa, việc vận dụng ngôn ngữ của người ta cũng hiện ra đặc sắc khó mà điều khiển được. Nhưng trong một đời của con người mọi chỗ mọi nơi không tách rời ngôn ngữ, luôn luôn phải trao đổi tư tưởng với người khác, việc đó tạo thành bộ phận quan trọng của đời người.

Cho nên, người ta trong lời lẽ không thể không thận trọng, không thể không tìm xét tỉ mỉ nghệ thuật nói. Việc này đòi hỏi phải phân thành mấy tầng thứ để suy xét: một là những lời chúng ta nói có diễn đạt được ý tứ mình định nói ra không? Do đó phải cân nhắc từ ngữ cẩn thận. Hai là trình độ văn hóa, sự thông minh của đối phương có thể hiểu được ý tứ ta muốn bày tỏ không? Việc này sẽ đòi hỏi có tìm hiểu nhất định đối với đối phương. Ba là, những lời ta nói đối phương có thể có ý xuyên tạc để đạt được mục đích đen tối nào đó không? Việc này sẽ đòi hỏi ngoài ngôn từ phải đi sâu tìm tòi đối phương có mưu mô nào. Cuối cùng chúng ta còn phải xét đến vấn đề ngôn ngữ có ngữ cảnh, trong không khí khác nhau, trong tình huống hoàn cảnh, thời gian thay đổi, cùng ngôn ngữ như nhau có thể sinh ra ý nghĩa khác nhau, đây là vấn đề chúng ta cần phải coi trọng cao độ trong quá trình đời người.

Đời người không thể tách rời việc nói, người ta phải hiểu chỗ khó của việc nói, vận dụng khéo léo công cụ này để bắc cầu thông đến đời người hạnh phúc.

15. Gợi ý của “thuốc chống nứt nẻ tay”

Cuộc sống của vô số người trong lịch sử đã cấu tạo nên quyển “sách lớn” này, nó bao hàm những cuộc đời đắc ý hoặc sồn lòng, sinh tồn hạnh phúc hoặc bi ai vô cùng vô tận và những chuyện sinh tử biệt ly, buồn vui ly hợp, từ trong đó ngưng tụ lại hàng ngàn vạn lý lẽ của đời người, cách xử sự, trao đổi về kinh nghiệm và những lời khuyên răn. Mỗi người đều nên luôn luôn giở “sách lớn” này ra, từ trong đó hấp thu kinh nghiệm và những bài học đời người của những người xưa, làm cho mình nhìn đời người càng thấu triệt, càng rõ ràng hơn, có sự chuẩn bị tâm lý đầy đủ đối với những bước khúc khuỷu của đường đời, có kinh nghiệm và phương pháp đầy đủ đối với việc khắc phục khó khăn và trở ngại của đời người, như vậy hạnh phúc đời người sẽ có thể vẫy gọi từ xa.

Nhưng, mặc dù mọi người đều khát khao học tập kinh nghiệm sống của tiền bối, có một số người còn học thuộc lòng như cháo chảy đối với các điển tích đời người của các thời đại, trình độ nắm vững đối với các kỹ xảo sống cũng khiến người ta thán phục. Nhưng trong hoạt động đời người cụ thể lại không thể ứng dụng thành thạo, thậm chí không tài nào vận dụng

được nó. Lại có một số người còn có thể lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia”, sử dụng một cách sai lầm trí tuệ sinh tồn của người xưa, dẫn đến hậu quả có tính tai nạn của đời người.

Cho nên, người ta sinh ra ở đời, cố nhiên nên học kỹ nghệ sâu, từ trong kinh nghiệm và thực tiễn sống của người xưa, người đi trước và người khác nhận được gợi ý, bài học và kỹ xảo của cuộc đời. Nhưng quan trọng hơn vẫn ở chỗ vận dụng xác đáng, nghĩa là căn cứ hoàn cảnh cuộc đời của mình ứng dụng nó một cách khéo léo hợp lý, làm tiêu tan mọi khó khăn, nguy hiểm và tình cảnh không tốt khác của đời người. Về điểm này, người xưa có rất nhiều kinh nghiệm trao đổi.

Tương truyền nước Tống có một người kế thừa một phương thuốc bí truyền của tổ tiên truyền lại, thường hay làm một thứ thuốc cao có thể chống da dẻ nứt nẻ. Loại thuốc này có hiệu quả đặc biệt, cho nên nhà ông ta đời này qua đời khác đều dựa vào việc giúp cho những người giặt giũ sợi vải trên sông làm kế sinh nhai, bởi vì thuốc cao của họ có thể làm cho tay ngâm lâu dài trong nước cũng không thể bị nứt nẻ.

Một người ở vùng khác sau khi nghe nói việc này liền tìm đến tận nhà nói: bằng lòng chi ra một trăm đồng tiền lớn mua lại phương thuốc này. Người nước Tống này liền triệu tập cả nhà lại để bàn, nói: “Nhà ta đời đời giặt giũ sợi vải, tổng cộng cũng chỉ kiếm được không nổi mấy đồng tiền, ngày nay chỉ cần bán đứt phương thuốc này, liền có thể có được một trăm đồng tiền lớn, nên bán đi thôi”.

Người vùng khác này sau khi lấy được phương thuốc này, liền dâng thẳng lên vua Ngô. Không lâu sau quân đội nước Việt ồ ạt đến xâm phạm, vua Ngô lệnh cho ông ta làm Tướng quân, dẫn quân đội đi nghênh chiến. Mùa đông, quân đội hai nước đánh lớn ở trên sông, vì quân sĩ nước Ngô đều dùng thuốc cao phòng chống da nứt nẻ, cho nên sức chiến đấu rất mạnh, đã đánh quân Việt thua liểng xiểng. Vua nước Ngô vui mừng, ban thưởng cho ông ta một vùng đất lớn.

Mặc dù cùng là một loại thuốc cao như nhau, nhưng có người có thể dùng nó được phong đất thưởng lớn, mà có người thì chỉ có thể dùng nó để giặt giũ sợi vải kiếm ăn, mấu chốt là phương thức sử dụng khác nhau dẫn đến kết quả hoàn toàn khác nhau.

Từ đó ta thấy, cùng một loại phương pháp, kỹ năng, người sử dụng thích đáng có thể thu nhận được lợi ích rất lớn. Người sử dụng bình thường, chỉ có thể giành được hiệu quả bình thường. Còn người hoàn toàn không biết dùng, thậm chí vận dụng một cách sai lệch đi thì không thể mong đợi lợi ích gì, thậm chí còn dẫn đến tai nạn.

Người ta sinh ra ở đời ắt gặp rất nhiều, rất nhiều cái khó của đời người, mà kỹ xảo đời người kiểu “thuốc chống nứt tay” kia cũng rất nhiều. Lúc này, bạn không nên vội vàng xông trận gấp mà cần dò xét rõ vấn đề khó dễ của cuộc đời gặp phải cuối cùng là gì? Bản chất bên trong của nó biểu hiện ra bên ngoài như thế nào? Sau đó mới có thể đi sưu tầm biện pháp giải quyết tương ứng. Ví dụ như bạn nên khiêm tốn, không chút do dự xin các chuyên gia chỉ bảo, xin những người đã từng trải qua những trắc trở của cuộc sống dạy cho, tìm hỏi tất cả mọi người có kinh nghiệm Vận dụng kinh nghiệm sống phong phú của họ để nhìn thấu rõ hơn vấn đề khó

khăn cuộc đời của bạn, từ đó giải quyết nó một cách hiệu quả.

16. Thận trọng với lời nói và hành vi

Một đời người phải nói nhiều lời, cũng làm rất nhiều việc, những cái đó nhất định sẽ sinh ra đủ mọi ảnh hưởng. Có một số lời nói hay lưu truyền đi rất rộng rất xa, giành được danh dự cho người nói. Có một số hành vi làm tốt đã sinh ra hiệu quả rất tốt, cũng mang lại tiếng thơm cho người làm.

Nhưng người ta sinh ra ở đời, dù sao cũng không thể coi nhẹ một tình huống khác là lời nói có chỗ sai, hành vi cũng có chỗ sai. Lời nói một khi đã nói ra, người nói liền rất khó lại khống chế được sự truyền lan và ảnh hưởng của nó. Hành vi một khi đã thực hiện, liền giống như nước hắt ra không tài nào làm thay đổi và thu lại được. Từ đó ta thấy, người ta nhất định phải thận trọng với lời nói của mình, thận trọng với hành vi của mình, bằng không thì hối lại đã muộn. Người xưa lại có những bài học kinh nghiệm về phương diện này.

Thời Hậu Tấn, có một Tế tướng tên là Hòa Ngung. Thời trẻ ông là một công tử phong đăng, thích viết những lời ca đẹp nhưng tục, vì lời văn hay, nội dung lông bông dâm đãng nên lưu truyền rất rộng, ở thôn quê và chợ búa cả một vùng Biện Kinh và Lạc Dương, nhiều người đều truyền cho nhau hát mãi không biết chán. Về sau Hòa Ngung làm quan đến chức Tế tướng, cảm thấy những lời bài hát này có tổn hại đến thanh danh ngấm ngấm sai người đi thu lại và đốt đi.

Sau khi Hòa Ngung ở vào vị trí quan cao, ngược lại là đã thay đổi tác phong lông bông thời trai trẻ của mình, tỏ ra là người thận trọng, đạo đức cao thượng, nhưng những lời ca đẹp đã lưu truyền rất rộng rãi trong dân gian, khiến thanh danh của ông bị sỉ nhục. Về sau, đại quân Khiết Đan đánh vào Biện Kinh, chế giễu Hòa Ngung, gọi ông là “Tế tướng của khúc hát”. Việc đó thật như câu ngạn ngữ dân gian nói: “Việc tốt không ra khỏi cửa, việc xấu truyền đi ngàn dặm”.

Tôn Quang Hiền thời Tống, sau khi đem việc này ghi vào sách *Bắc mộng tảo ngôn* nói một cách rất cảm khái rằng: người chí nhân quân tử chẳng lẽ không lấy việc này làm răn sao?

Người nói lời hay, người làm việc tốt, phạm vi ảnh hưởng ra ngoài rất có hạn, mà còn dễ mất đi: Còn người nói những lời không tốt, làm những việc xấu thì dễ trở thành tư liệu đàm tiếu của người đời, mà một truyền thành mười, mười truyền thành trăm, trăm truyền thành ngàn, nhanh chóng mở rộng ra. Giống như Hòa Ngung, vị Tế tướng đáng thương này, những lời ca đẹp viết thời trai trẻ, thu lại đốt đi đều không thể hoàn toàn cấm hẳn được, dẫu rằng sau khi bước lên con đường làm quan, tính tình, nhân phẩm đều sửa chữa tốt, vẫn không tránh khỏi sự liên lụy danh dự bị tổn thất khó mà bù lại được.

Người thời nay hoàn toàn có thể tưởng tượng trong lúc đêm khuya thanh vắng, ông nằm trên giường chắc chắn sẽ trần trọc mãi không tài nào ngủ được, hối hận không nguôi đối với lời nói, hành động hoang đường quá khứ của mình. Nhưng thời gian trôi qua cảnh vật biến đổi, lời nói và hành vi quá khứ không thể thay đổi theo, lưu lại ảnh hưởng trong thế gian, không ngừng đánh vào tâm linh của ông, thậm chí còn làm cho người dân tộc khác khinh bỉ chê cười.

Cho nên, người xưa ước mong là “lập đức, lập công, lập ngôn” để thực hiện “ba điều bất hủ”. Cũng chính là người ta hoặc chuyên tâm vào việc tu dưỡng phẩm chất đạo đức, thực hành hoạt

động đạo đức, trở thành mẫu mực về phương diện đạo đức của người đời. Hoặc trong hoạt động chính trị “trị quốc an bang” lập được nhiều công trạng xuất sắc, trở thành công thần được muôn dân ngưỡng mộ. Hoặc múa may ngọn bút viết ra những trước tác hay và đồ sộ, kể ra những danh ngôn cách ngôn được mọi người đều tán thưởng, trở thành những cái được người đời tranh nhau truyền tụng. Ba con đường này đều có thể làm cho thanh danh của người ta truyền đi lâu dài, sự tích hoạt động được ghi vào sử sách, đây chính là vượt qua được giới hạn thời gian của sinh mệnh, giành được sống mãi tức “bất hủ”.

Cái gọi là “bất hủ ở đây, thao tác cơ bản nhất là ở chỗ “thận trọng với lời nói và hành vi”. Con người là thể tổng hợp của tinh thần và thể xác, thể xác ắt sẽ chết ắt sẽ mục nát, đó là tính chất của cơ thể có sinh mệnh quyết định, con người không thể làm thay đổi nó được. Nhưng tinh thần vì là không hình không vết, không có thực thể, cho nên có thể vượt khỏi sự ràng buộc của thể xác, tồn tại mãi với đời. Người theo đuổi “bất hủ”, “sống mãi”, về thực chất là tinh thần và ý thức “đi trước đến chết” đứng trên nền tảng tìm được bất hủ sau khi chết để nhìn lại sự sinh tồn và cuộc sống của mình, từ đó xác lập mục tiêu đời người cao cả, lấy nó làm phương hướng cố gắng của sinh mệnh, thực hiện cố gắng cần mẫn không mệt mỏi nâng cao ranh giới của tinh thần, luôn luôn thận trọng với lời nói và hành vi, cuối cùng thì thực hiện theo đuổi cuộc đời của mình - thực hiện “bất hủ”.

17. Lời nịnh hót hại người

Con người đều thích nghe lời khen, ghét lời nói xấu. Khi mình có một đức hạnh tốt nào đó mà người khác có thể truyền tụng ca ngợi, khi mình có một việc hài lòng nào đó mà được nhiều người đồng thanh ca ngợi, cảm giác thoải mái, vừa ý và hạnh phúc đó khiến cho người ta say sưa biết mấy! Đặc biệt là mình có một phần tốt khi người khác ca ngợi nói bốc lên mười phần, việc đó càng khiến cho người ta từ trong lòng xuất hiện niềm vui toàn thân khoan khoái.

Nhưng, khi người ta nghe được những lời phê bình, nghe được những lời chỉ trích, thì khắp người không tự do thoải mái, không thanh thản, không vui vẻ. Nhất là khi mình chỉ có một phần thiếu sót, mà người khác lại nói thành mười phần thì cơn tức giận của người ta từ trong lòng bốc lên, căng đỏ cả mặt, các đầu ngón tay có thể run lên.

Việc này e rằng là bẩm tính của con người. Nếu quan sát từ khía cạnh làm lành mạnh cuộc đời, thói thích nghe lời tốt ghét nghe lời xấu này rốt cuộc là tốt? Hay là xấu? Việc này rất khó đưa ra lời phán đoán chung chung. Bởi vì những lời khen của bậc cha mẹ, bậc thầy và bạn bè, có thể khích lệ người ta càng thêm cố gắng tiến lên. Còn những lời khen ngợi của một tổ chức, xã hội cả đến quốc gia nào đó cũng có thể cho người ta cảm giác vinh dự to lớn, cũng có thể chuyển hóa thành cơ chế động lực lớn mạnh của đời người, thôi thúc người ta vùng dậy. Đây đều là cái tốt của lời khen ngợi đối với việc phát triển đời người, nhưng cũng phải nhìn thấy một cách rõ

ràng rằng, lời khen ngợi quá mức sẽ trở thành lời đẹp tuyệt trần, nó thường có thể làm cho người được khen mê muội đầu óc, không biết mình “có thể ăn mấy bát cơm khô”, cho rằng mình đã thật sự hoàn toàn tốt đẹp rồi, như vậy ắt sẽ sinh ra tâm tư kiêu ngạo, không nhận rõ hiện trạng đời người chân thực, đã tạo nên trở ngại kiểu “sương mù dày đặc” đối với sự phát triển lành mạnh cuộc đời của mình.

Vì thế, người ta sinh ra ở đời, không thể không nhận những lời khen ngợi, nhưng nhất định phải cảnh giác với những lời nịnh hót hại người.

Thời xưa, Tề Tuyên vương rất thích bắn cung, hơn thế đặc biệt thích người khác ca ngợi ông có thể kéo được cung cứng. Mặc dù ông dùng hết sức lực toàn thân cũng chẳng qua chỉ kéo được cung mềm với sức căng 3 thạch, nhưng ông cho rằng cung mình thường kéo là loại cung cứng có sức căng 9 thạch trở lên.

Một hôm, trong quá trình ăn yến ở trước điện, Tề Tuyên vương trước mặt mọi người lại đem chiếc cung a chạm trổ hoa kéo đến tư thế cong tròn, quần thần ba lần hô “vạn tuế”, bò xồm ra trên đất. Tề Tuyên vương vô cùng đắc ý đem cung báu truyền xuống, ý muốn nói quần thần cũng có thể kéo thử một chút.

Các đại thần tay cầm cung báu, giả bộ cố hết sức lực nhưng chẳng qua cung đều chỉ kéo được một nửa, sau đó mọi người đều nói một lời: “Tâu Đại vương, cung này sức căng không dưới 9 thạch, ngoài Đại vương có thể dùng, chúng thần ai cũng không kéo nổi”.

Tuyên vương ngênh ngang, vẻ đắc ý hiện ra nét mặt, vê vê chòm râu, phá lên cười. Sự thực, Tề Tuyên vương chỉ có thể dùng được cung có sức căng 3 thạch, nhưng ông suốt đời lại cho rằng mình có thể kéo được cung có sức căng 9 thạch.

Nỗi buồn của tấn trò vui này của Tuyên vương ở chỗ nào? Ông là vua của một nước, tay nắm quyền sinh sát thưởng phạt, nhưng ông lại không tài nào giành được tình huống chân thực. Các đại thần vì để lấy lòng ông, đều không dám cũng không muốn vạch ra những “lời nói dối tốt đẹp” mà ông đang chìm đắm trong đó. Tuyên vương cố nhiên có thể thỏa mãn trong vòng vây của những lời đẹp tuyệt trần đến mức khắp người thanh thản, nhưng ở phía sau lưng, trong riêng tư lại có thể gặp phải biết bao nhiêu tiếng cười chê thầm vụng đây? Ghi chép nó vào trong sử sách, lại gây nên biết bao nhiêu cảm khái của người ta đối với sự ngu muội của ông? Do vậy, Tề Tuyên vương thỏa mãn tâm lý hiếu thắng tự phụ nhất thời lại rơi vào trò cười để lại hàng ngàn năm, thực tế là có hại rất lớn đối với ông, việc đó đều bắt nguồn từ những lời nịnh hót của các đại thần.

Cho nên, người ta sinh ra ở đời, nhất định phải từ chối những lời nịnh hót. Rắp tâm của kẻ nói lời nịnh hót, nói chung đều ở chỗ nói lấy lòng bạn để giành được một chút tư lợi nào đó, cho nên họ sẽ không đếm xỉa đến sự thật, bất chấp tình hình thực tế, ba hoa thiên địa, chuyên chọn những lời nói hay vừa lòng nói với bạn, khiến bạn không nén nổi lòng bắt đầu cảm thấy lâng lâng. Thoải mái thì thoải mái thật, nhưng lại làm bạn rơi vào cảnh hư ảo lạc quan tếu, cách ly

với tình huống chân thực, cứ như thế mãi ắt sẽ tạo nên đe dọa rất lớn đối với sự trót lọt của đường đời bạn. Người đời liệu có thể không thận trọng được ư?

18. Vẽ tranh cho kẻ cắp tâm khó lường

Thế gian rộng lớn, không có cái gì là không có. Con người phức tạp không có loại nào không có. Có một loại người họ chỉ mong cầu lợi riêng cho mình, mà không quản ngại làm hại người để lợi mình. Vì thế, họ trong đi lại với người khác, nếu như không có liên quan về lợi ích tới mình, thì có thể chung sống vui vẻ, nhưng hễ khi có quan hệ có giành được lợi ích nào đó, họ sẽ lập tức trở mặt không nhận quen nữa, luồn lỏi, suy đoán, tìm trăm phương ngàn kế phải mưu được toàn bộ lợi ích. Lúc đó, họ sẽ trở thành kẻ cắp tâm khó lường, mặc dù người ta khó mà đề phòng đối với họ nhưng vẫn là phải dò xét tỉ mỉ đặc trưng của việc suy nghĩ, nói và làm của loài người này, để trong đường đời dài đằng đằng khám phá ra những mảnh khõe của nó, ngăn chặn sự xâm hại của nó.

Thời xưa nước Ngụy có một nông phu đi cày trong ruộng, anh ta đang cày đi, cày lại bỗng nghe đánh “phạch” một tiếng, lưỡi cày chạm phải một vật. Người nông phu đào lên xem thấy là một hòn đá quý đường kính có đến hơn một thước, nhưng người nông phu hoàn toàn không biết, chỉ cảm thấy hòn đá này rất nặng, kỳ quái, liền bê về nhà nói với người hàng xóm. Người hàng xóm vừa nhìn đã nhận ra là một thứ ngọc quý hiếm có, liền nảy ra ý xấu, muốn mưu làm của mình, liền nói với người nông phu: “Đây là hòn đá kỳ quái, anh nếu đặt ở trong nhà, nhất định sẽ có thể làm cho cả nhà gặp tai ương, không bằng đem nó chôn lại vào trong đất”.

Người nông phu tỏ vẻ hoài nghi, không tin lời người hàng xóm, nhưng vẫn đem đặt nó chỗ trên đường qua lại của hành lang nhà. Đến đêm khuya, hòn đá quý bỗng nhiên phóng ra màu sắc sắc sỡ, chiếu sáng choang cả nhà. Cả nhà người nông phu sợ hết hồn vía, không biết là điềm báo gì, vội vàng chạy sang nói với người hàng xóm.

Người hàng xóm cố làm ra vẻ hoảng sợ nói: “Ghê thật! Đây là điềm quỷ thần giáng tội phạt tai đây, còn đặt ở trong nhà nữa ắt sẽ gặp tai họa lớn, phải nhanh chóng đem vớt hòn đá quái dị đó đi”. Người nông phu nghe theo lời người hàng xóm, quay người trở về nhà ôm hòn đá quý kia, chạy ra ngoài đồng, bỏ nó đi không thềm tiếc nữa.

Người hàng xóm ngấm ngầm theo đuôi người nông phu, không tốn một tí hơi sức gì đã thu được hòn đá quý, lập tức dâng lên cho Ngụy vương. Ngụy vương cũng không thể xác định được đây là vật gì, liền triệu thợ ngọc vào cung để giám định. Người thợ ngọc vào đến cửa chỉ mới nhìn qua từ xa đã cúi đầu bái lạy và chúc mừng: “Hồng phúc của đại vương to ngang trời đã được của quý vô giá như thế này”. Ngụy vương lại hỏi: “Hòn đá này đáng giá bao nhiêu tiền?” Người thợ ngọc liền trả lời: “Hòn đá ngọc này bỏ ra bao nhiêu tiền cũng không mua nổi. Dầu là

tiền bán hết năm tòa thành trì đi, cũng chỉ có thể được nhìn nó một lần thôi”.

Ngụy vương vui mừng lập tức trọng thưởng cho người hàng xóm còn cho ông ta nhận bổng lộc của chức Thượng đại phu lâu dài.

Người hàng xóm này là một kẻ rắp tâm khó lường điển hình, trông thấy người nông phu ngẫu nhiên được ngọc quý, đã cố ý nghĩ mưu làm của mình, không tiếc bán rẻ lương tâm, dùng lời nói dối lừa gạt người nông phu. Người nông phu đáng thương còn xem loại người này là hàng xóm đáng tin cậy, kết quả bị những lời nói dối của anh ta dẫn tới quay cuồng, theo lời anh ta nói vớt ngọc ra ngoài đồng. Kẻ rắp tâm khó lường cuối cùng thỏa lòng vừa ý, phát tài lớn, lại được nhảy vào quan trường. Lúc này, người nông phu có thể ngồi xổm ở đầu ruộng hút thuốc, dầm dẫm lưng vừa đau vừa mỏi, trong lòng thật khó hiểu: người hàng xóm này làm sao mà một bước lên trời được? Còn người hàng xóm kia với tư cách là kẻ rắp tâm khó lường tuyệt nhiên không thể chia cho người nông phu đáng thương này một xu nhỏ. Cho nên, người ta phải biết phân biệt người như thế nào là bạn bè chân chính, có thể thật sự giúp bạn, quan tâm bạn. Còn người như thế nào, là bạn ra sao, lời nói và hành vi của anh ta bề ngoài nhìn là tốt với bạn, về bản chất lại là mong đòi lợi ích của bạn. Khám phá ra thủ đoạn của kẻ rắp tâm khó lường, không rơi vào tròng họ bày ra, lên án anh ta ngay trước mặt, như thế ắt sẽ có thể tránh sa vào cảnh khốn khó của đời người và tạo nên tổn thất của mình.

19. Răn người thích tranh cãi

Nói chung, người đời đều thích cãi lý. Có một số người vì tranh giành lợi mà cãi lý với người khác, có một số người tỏ ra hơn khẩu khí nên tranh cãi với người khác. Lại có người thì tranh cãi với người khác để chứng tỏ ý kiến của mình uyên bác, những việc như thế không phải là ít.

Quan sát tỉ mỉ một chút, có một số tranh cãi là cần thiết, mà cũng nên làm như mình nắm chân lý, còn đối phương thì thuộc loại kiếm cớ gây chuyện. Để làm cho bộ mặt thật bày rõ ra trước thế gian, có thể tranh cãi. Nhưng nếu lý không ở phía mình, biết rõ đối phương nắm chân lý vẫn cố sống cố chết để tranh cãi, hòng đảo lộn trắng đen, làm lẫn lộn điều tai nghe mắt thấy, thì sẽ là vô ích mà còn có hại nữa. Việc này không chỉ làm tổn hại đối phương, còn có thể vì bạn cố giữ những cái sai lầm, dẫn đến đường đời của mình đều sai lệch hết.

Lại có một tình huống nữa là, đối với một số vấn đề không có một chút ích lợi nào, có một số người lại thích tranh cãi không thôi, tốn thời gian, tinh thần, tốn nước bọt họ hoàn toàn coi như không, có ý đồ giở một chút trò khôn vặt, khoe khoang tài hùng biện phi phạm của mình v.v... Việc này có thể là vô hại, nhưng hoàn toàn là vô ích. Người ta thường nói: im lặng là vàng. Có một số việc không nói tự rõ, đôi khi sự nín lặng của người ta trái lại càng có thể nói rõ vấn

đề, càng có thể giành được sự đồng tình và ủng hộ của nhiều người.

Nhưng tranh cãi, quả là việc nhiều người thích.

Tương truyền thời xưa nhà triết học lớn Trang Tử cùng với người bạn tốt là Huệ Tử đi dạo ra ngoài, vô tình đi đến bên sông Hào Thủy (nay thuộc tỉnh An Huy). Hai người ngồi trên một chiếc cầu, Trang Tử nhìn thấy vài con cá đang ung dung bơi đi bơi lại ở dưới sông, ông nói: “Bạn nhìn kìa! Mấy con cá vui vẻ biết bao nhiêu!”.

Huệ Tử quay mặt lại nói: “Ông không phải là cá, làm sao biết được cá rất vui vẻ?”.

Trang Tử hỏi vặn lại: “Ông không phải là tôi, sao mà biết tôi không biết cá vui vẻ?”.

Huệ Tử bác lại: “Tôi không phải là ông, cố nhiên không biết cảm giác của ông như thế nào. Nhưng ông cũng không phải là cá kia, ông làm sao có thể biết cá vui vẻ hay không vui vẻ?”.

Trang Tử trầm ngâm một lát, Huệ Tử trong lòng tràn đầy sung sướng, cho rằng keo này mình đã ở vào thế lợi. Ai ngờ Trang Tử khoan thai nói: “Thôi, chúng ta hãy nói lại từ đầu. Vừa rồi ông hỏi tôi làm sao biết được cá vui vẻ, từ đó có thể thấy ông đã biết tôi là người hiểu được cá vui vẻ. Còn về vì sao tôi biết, thì bây giờ tôi nói với ông, tôi đến trên cầu Hào Thủy, nhìn thấy cá bơi đi bơi lại trong nước, tự do tự tại, cho nên biết cá rất vui vẻ”.

Đây là một cách tranh luận của kẻ trí, nó không có mục đích có tính vụ lợi, mà thuần túy là một cách thi đấu của lý trí và tài hùng biện, nói chung có thể rèn luyện tư duy và năng lực diễn đạt ngôn ngữ của con người. Có thể nói, loại biện luận này tạm làm trò vui tư duy nào đó trong đời người mà thôi.

Có một loại biện luận khác, những lời nói ra của hai bên không đúng đề, không thể giao chiến; hoặc cả hai bên đều sai, càng tranh luận càng lơ mơ; lại có cả hai bên đều cãi chày cãi cối hòng dùng thế lực áp đảo đối phương, cuối cùng diễn ra một trận giao chiến từ tranh luận bằng lời đến xô xát đánh nhau, tiến đến cả hai bên đều thất bại đều bị thương tích. Việc đó sẽ chuyển thành tai họa của đời người.

Nghe nói ở Tân Thị (đất Sở thời Chiến quốc) có một người nước Tề, mù mà tính tình rất ngổ ngáo, ông ta đi hành khất khắp phố phường, nếu gặp người không nhường đường cho ông ta đi đã mở miệng chửi: “Ông mù à!”. Người trong thành thấy ông ta là người mù không thèm chấp vật với ông ta phần lớn đều cười cho qua chuyện.

Về sau lại đến một người nước Lương, cũng là một người mù, tính tình cũng đặc biệt hung hãn, ông cũng đi hành khất khắp phố. Một hôm, hai người gặp nhau, cùng va vào nhau rồi ngã lăn ra đất. Người mù nước Lương không biết người kia cũng là một người mù, bò dậy liền mắng: “Mắt ông cũng mù à?”.

Người mù nước Tề đâu có thể chịu để yên, chửi toáng một hồi, cứ nói đi nói lại tiếng mù mãi khiến cho người qua đường cười ầm lên không ngớt.

Lưu Nguyên Khanh nhà Nho học thời Minh sau khi viết xong câu chuyện này trong sách *Hiền dịch biên. Ứng hài lục* đã tuôn ra lời cảm khái rằng: “Hai bên nếu đều mơ mơ màng màng, lại trách vạ nhau, tranh luận mãi không thôi, thì phỏng có khác gì với hai người mù này?”.

Việc ở đây nêu lên là một kiểu tranh luận xấu nhất, nghĩa là hai bên đều giống người mù không biết rõ chân lý mà còn vướng víu với nhau, cùng không nhường nhau, kết quả là càng tranh cãi càng vô lý, càng tranh cãi càng mơ hồ mà vẫn không thôi, làm hại mình rất lớn lại bị người chê cười chế giễu.

Người ta sinh ra ở đời không tránh khỏi có thể phải tranh cãi, cần tranh cãi, nhưng cần phải phân biệt rõ trước như thế nào là tranh cãi có ích, chính đáng, như thế nào là tranh cãi vô ích, có hại. Nếu là cái trước có thể đi mà tranh cãi, thậm chí tích cực tranh cãi. Nếu là cái sau thì đừng có tranh cãi, không nên tranh cãi, không cần tranh cãi mà nên im lặng không nói thì hơn.

20. Mưu cầu tiền tài phải có cách

Cầu tài giành lợi là một trong những nội dung quan trọng nhất trong đời người. Thân thể con người phải ăn uống, nội tâm con người cần phải bổ sung, việc này không có ai không cần vật chất để thỏa mãn, mà xã hội sau khi phát triển lên, việc giành lấy và tiêu hao vật chất lại biểu hiện thành việc giành lấy và tiêu hao của tài và lợi.

Thế là, người đời không ai không khát mong cầu tài giành lợi cả. Hoặc cúi mặt xuống đất phoir lừng lên trời để tạo ra lương thực trong đất. Hoặc ăn gió nằm sương vận chuyển hàng hóa để kiếm lợi. Hoặc ngồi trong cửa hàng kinh doanh, vui vẻ chào mời khách để kiếm tiền. Xã hội hiện đại ngành nghề ngày càng nhiều, kỹ thuật càng hướng tới phức tạp, giống như bọt xối hút nước đem hàng chục triệu người phân hóa thành mấy ngàn nghề nghiệp, thu nạp vào nơi làm việc nhất định, người ta ngày đêm miệt mài lao động và làm việc, sau khi nuôi sống cả nhà, theo đuổi sự thoải mái của cuộc sống.

Nhiều người trong thế gian đều tìm hiểu được từ kinh nghiệm của những người lớp trước và tình huống hiện thực: Chỉ có chịu bỏ ra sức lao động, bao gồm thể năng và trí năng mới có thể nhận được sự đền đáp vật chất nhất định. Nhưng cũng vẫn có một số người khát vọng hoặc là trong một đêm thu được vô số vàng bạc châu báu mà phát giàu to, hoặc theo đuổi lao động ít mà thu được nhiều, thậm chí không lao động mà vẫn thu nhiều. Cuộc đời của những người trước có thể nói là đi theo con đường chính đáng bình thường, còn cuộc đời của những người sau thì bước vào con đường “tà đạo”. Có lẽ trên đời thật sự có những người dựa vào đầu cơ trục lợi thành công, tiền đồ của họ vẫn tràn đầy hiểm họa và tội ác, cuối cùng đời họ không được bình an, thực tế không có chút hạnh phúc nào đáng nói.

Thời xưa, có một người nghèo, một hôm đột nhiên nảy ra ý nghĩ kỳ lạ: “Tôi cần phải đến miếu thờ Thiên thần lễ bái thần linh nhiều hơn để cầu xin thu được của cải nhiều hơn, để cho đời tôi không phải lo ăn lo mặc”.

Có ý nghĩ đó, ông ta lập tức đem ra thực hiện ngay, ngoảnh đầu lại nói với em trai mình: “Anh sau này hàng ngày phải đến miếu để lễ bái Thiên thần, em phải chăm chỉ làm việc ở ngoài đồng, đừng để cho thu nhập của gia đình giảm sút”.

Ông ta dẫn người em trai ra đồng chỉ chỉ trỏ trỏ nói: “Chỗ này có thể trồng vừng, chỗ kia có thể trồng tiểu mạch, đại mạch. Bên kia có thể trồng lúa, cũng có thể trồng đậu tương, đậu đỏ”. Nói xong, ông ta đã bỏ mặc em trai ở lại ngoài đồng, đi thẳng luôn đến miếu thờ.

Bởi vì khao khát Thiên thần ban phúc, ông ta đã hao tổn tâm trí, tổ chức lễ chay trọng thể, thành kính cúng dâng hương hoa, quét một lớp nước thơm trên đất, ngày đêm không ngừng tế lễ khẩn cầu Thiên thần “thi ân giáng phúc” làm cho mình có thể phát giàu to.

Thiên thần đoan trang ngồi ở trên, sau khi nghe xong những lời cầu khẩn của ông ta, đã chau mày: người này mê mẩn như thế, cần phải chỉ ra sai lầm cho anh ta một chút, liền biến thành bóng dáng người em ông ta đi đến miếu. Người anh sau khi nhìn thấy đã cười to hỏi vặn lại: “Em không làm việc ở ngoài đồng, sao lại chạy đến đây?”.

Người em do Thiên thần biến thành liền đáp: “Em cũng muốn đến để cúng bái, cầu bái Thiên thần, Thiên thần rất vui đã ban cho em cái ăn cái mặc. Lúa má hoa màu, không cần bận tâm, có sự bảo hộ của Thiên thần, tự nhiên sẽ được mùa”.

Người anh nghe xong, rất tức giận, quở mắng nói: “Tôi chưa từng nghe, không trồng trọt ở ngoài đồng vẫn có thể thu hoạch lúa má hoa màu, trong gầm trời này đâu có chuyện đẹp như thế!”.

Người em do Thiên thần biến thành này hỏi vặn lại: “Anh cũng biết trên đời đâu có không gieo hạt giống xuống lại có thể thu được quả thực ư?”.

“Không gieo hạt giống không được quả”, cái lý đó thật quá rõ ràng, nhưng nhiều kẻ thấy của tối mắt thường không nhìn thấy hoặc quên đi lẽ sống rõ mồn một này, luôn muốn đột nhiên phát tài lớn, không cần bỏ ra hoặc bỏ ra công sức rất ít đã có thể giàu to, việc này trong hiện thực rất khó thực hiện. Làm thế nào đây? Với sự thôi thúc của lòng háms lợi mãnh liệt, một số người đành buộc phải mạo hiểm, cố tình chống lại pháp luật, rơi vào con đường phạm tội, hòng dùng thủ đoạn phi pháp để có của cải bấy lâu mong ước, việc này chẳng phải đang sa vào trong nguy hiểm của đời mình sao?

Cho nên “mưu cầu tiền của phải có cách” là phương pháp tốt nhất của đời người, cách ở đây là chỉ làm giàu thành thực, vững vàng chắc chắn, không tiếc mồ hôi và suy nghĩ, dựa vào thực lực và thực sự làm để kiếm lợi và làm giàu, đồng thời trong quá trình mưu cầu tiền của làm được

việc giữ quan hệ hài hòa với người khác và xã hội, ngoài việc mưu cầu tiền tài còn cần phải có theo đuổi mang tính tinh thần nhiều hơn. Đó mới là con đường lành mạnh thông tới đời người hạnh phúc thật sự.

21. Đối đãi thân thiện với người khác

Đi lại với người khác là một trong những nội dung quan trọng nhất trong đời người. Người Trung Quốc thường khi có một quan hệ thân thuộc, quan hệ địa phương và quan hệ xã giao nào đó thì có thể chung sống hòa thuận với người khác. Ví dụ như quan hệ giữa người lớn với trẻ con, giữa anh chị em trong gia đình nói chung thông thường có thể xử lý tốt, còn quan hệ với người đồng hương, bạn bè, bạn học đều có thể quán xuyến bằng quy tắc, khuôn phép nhất định, thể hiện rõ lòng tốt của mình v.v... từ đó đạt được chung sống hòa thuận.

Nhưng, người Trung Quốc đối với người xa lạ và người mình có hiềm khích, có mối oán hận nào đó, thì không có cách nào giữ được việc đi lại với họ bằng tâm trạng bình thường được. Luôn cảm thấy tổn hại lợi ích của người khác một chút cũng chẳng sao cả, ở nơi công cộng có buông thả một chút cũng không phải là không thể được; Còn đối với người có ầm ức đối với mình, thì vắt óc nặn trán hết mức, luôn luôn nhòm ngó đối phương, nhân chỗ sơ ý hoặc thời cơ sơ hở của họ thì báo thù một cách mạnh mẽ. Trong quá trình này, người ta không hề nói đến đạo đức, không tuân theo luật lệ, cũng vứt bỏ hết lương tâm, không trừ một thủ đoạn nào không dùng.

Một người nếu đối xử với người khác xấu như thế, thì cuối cùng ắt sẽ sinh ra nguy hại rất lớn đối với cuộc đời của mình. Trong sách *Sử ký. Hàn trường tử nhũ liệt truyện* đã ghi một câu chuyện như sau:

Có một người tên là Hàn An Quốc, vì phạm pháp nên bị bắt, đồng thời bị định hình phạt tù tội. Quan coi ngục huyện Mông tên là Điền Giáp là người bụng dạ hẹp hòi, nhân cơ hội làm nhục ông ta. Hàn An Quốc không nén nổi nói: “Ông cho rằng tro đốt sau khi cháy tàn thì không thể cháy lên lại lần nữa phải không?” ý nói là ông đừng làm nhục tôi như thế, làm người nên cần có một chút lương tâm.

Điền Giáp ngạo mạn nói: “Nếu thật sự cháy lên được, tôi đái lên một bãi nước tiểu sẽ có thể tưới tắt nó thôi!”.

Chẳng bao lâu, nước Lương thiếu trống một chức Nội sử, Hán Cảnh đế sai ra lệnh bổ nhiệm Hàn An Quốc làm Nội sử. Từ một người chịu hình phạt, ông bật dậy trở thành quan cao hưởng thụ 2000 thạch bổng lộc.

Sau khi Điền Giáp biết tin này, khiếp sợ đến nỗi đang đêm phải bỏ chạy trốn. Hàn An Quốc tung ra tin: “Điền Giáp nếu không trở về thực hành chức trách, ta sẽ giết chết cả họ nhà ông ta”.

Điền Giáp nghe tin đành để hờ nửa người trên đi đến tạ tội. Hàn An Quốc cười nói: “Ông bây giờ có thể đá ra một bãi nước tiểu để tưới rồi! Một con người như ông thế này còn đáng để tôi nhìn mặt không?”

Về sau, Hàn An Quốc dùng thái độ khoan hồng độ lượng đối đãi với quan coi ngục Điền Giáp.

Câu chuyện này đã khắc họa hết sức rõ ràng dứt khoát hai người có thái độ khác nhau trong quan hệ giữa người với người. Quan coi ngục Điền Giáp, dùng quyền lực nhỏ nhoi nắm trong tay, vênh váo hống hách, thực hiện báo thù đối với tội phạm, còn dùng giọng lưỡi trào phúng nói những lời như là “đá ra một bãi nước tiểu”. Rõ ràng ông ta khi xử lý quan hệ giữa người với người không có một chuẩn tắc nhất định ở trong đó, tùy theo ý muốn, đặc biệt là chỉ mưu cầu sự sảng khoái trước mắt và nhất thời, từ chối xem xét những việc tương lai có thể xảy ra.

Hàn An Quốc thì dự định được mình có thể “tro tàn sau khi chết sẽ cháy lại”, ông chịu khổ nhục để gánh trọng trách, cuối cùng được cất đầu dậy, từ thân phận của tội phạm đã trở thành quan cao. Nhưng sự khác nhau lớn nhất giữa ông với Điền Giáp ở chỗ: trong việc qua lại giữa người với người có một chuẩn tắc xác định nhất định, không tham cầu cái lợi trước mắt và khoái cảm do việc báo thù nhất thời mang lại, mà là phóng mắt nhìn về tương lai, hiểu sâu sắc cái lý “tro tàn sau khi chết sẽ bốc cháy lại”, lấy kết quả của việc suy nghĩ xa để chuẩn hóa hành vi hiện nay của mình. Cho nên, ông có thể bỏ qua cái hiềm trước, dùng thái độ khoan hồng đại lượng đối đãi với Điền Giáp vốn có nợ với ông.

Từ đó ta thấy, người ta sinh ra ở đời khi xử lý các quan hệ giữa người với người, đặc biệt là trong quan hệ giải quyết với những người có thù hận, có hiểu nhầm với mình, nhất định không thể làm theo tình cảm, nhất định không thể có lòng báo thù quá mạnh, đối xử thân thiện với đối phương có lẽ là cách chọn tốt nhất. Thái độ này có thể làm tiêu tan tình cảm oán hận của đối phương, làm tan tâm linh lãnh đạm khắc nghiệt đông cứng của đối phương, hóa thù địch thành bạn bè, chẳng phải cũng là một việc vui lớn của đời chăng? Nhưng một người muốn có đủ kỹ xảo đi lại của đời người này là không phải dễ dàng, mấu chốt của nó là phải làm được điều này: tư duy của con người, tầm nhìn của con người nhất định phải có tính vượt trước, cũng có nghĩa là trông thấy hậu quả tất nhiên mang lại của cái hành vi của đời hiện nay. Lấy tính chất của hậu quả để làm thay đổi, điều chỉnh hoạt động hiện tại của mình. Ví dụ như: đối xử xấu với đối phương, kết quả của nó chỉ có thể dẫn đến oán hận lẫn nhau, khâu này gắn chặt với khâu kia, không có lúc nào ngừng, nó ắt sẽ tạo nên tai họa lớn của đời người. Còn đối xử thân thiện với đối phương sẽ làm cảm động lương tâm của họ, kết quả ắt sẽ chuyển hóa thù địch thành bạn bè, hình thành bầu không khí hài hòa giữa người này với người khác, từ đó mang lại hạnh phúc cho đời người.

Vì vậy cần nhớ kỹ cái lý “tro tàn sau khi chết có thể cháy lại”, đối xử thân thiện với mọi người

trước mặt bạn!

22. Sự chuẩn bị của đời người

Trong cuộc sống của con người cần có các dự trữ vật chất, để dùng vào nhu cầu cấp bách nhất thời. Điều này có lẽ đã thành kiến thức chung của mọi người. Một đời của con người cũng nên làm tốt mọi chuẩn bị về tâm lý tinh thần và sinh lý vật chất, điều này e rằng cũng là điều mọi người công nhận. Nhưng, khi mọi chuẩn bị này hao phí quá lớn hoặc hầu như vĩnh viễn không dùng đến, nhiều người sẽ có thể sinh ra thái độ hoài nghi, cảm thấy có đáng lại tiếp tục như thế không? Vì sao phải lãng phí hoàn toàn những vật chất này? Vì sao phải mình dọa mình, luôn rơi vào trạng thái phòng bị? Thế là, người ta dần dần buông lỏng tâm lý phòng bị, tiến tới đem các vật chất chuẩn bị mà không dám đụng đến chuyển dùng vào việc khác. Có thể tình hình phát triển, thật sự việc gì cũng đều không xảy ra, thế thì cố nhiên rất tốt, tài nguyên của đời người hầu như được sử dụng tốt nhất. Nhưng tình hình phát triển, tai họa của đời người đột nhiên giáng xuống thì sao? Vậy thì vận mệnh bi thảm của người không hề chuẩn bị liền có thể suy đoán ra.

Đã từng có một Quốc vương thông minh, ông nuôi dưỡng rất nhiều ngựa chiến tốt, đều béo tốt khỏe mạnh, huấn luyện có chất lượng, có thể chinh chiến, nước láng giềng thường nhòm ngó lãnh thổ của Quốc vương, đã mấy lần xâm lược đều bị đánh bại vì Quốc vương có kỵ binh anh dũng thiện chiến.

Qua một thời gian rất dài, nước láng giềng không dám có bất cứ cử động nào, Quốc vương nhìn vô số ngựa chiến này, nghe tiền của hao phí hàng ngày các đại thần báo lên, tự suy nghĩ thầm: “Ta vốn tích cực nuôi dưỡng ngựa là để chống lại sự xâm phạm vào của nước thù địch. Hiện nay thiên hạ thái bình, ta vì sao lại phải nuôi dưỡng nhiều ngựa như thế này nữa?” trầm ngâm hồi lâu chần chừ khó định.

Bỗng nhiên, trong đầu Quốc vương lóe lên một ý nghĩ: “Vì sao không đem ngựa chiến phân tán xuống đến tận dân gian, một là để tiết kiệm chi phí của “quốc khố”; hai là có thể kéo cối xay nghiền cho dân, phục vụ dân chúng; ba là vẫn có thể giữ được loạt ngựa chiến này, khiến nó không bị tổn thất, thật là hay biết mấy!”.

Quốc vương lập tức hạ lệnh, đem ngựa chiến phân tán đến dân gian để dân chúng nuôi dưỡng và cai quản. Thế là, những con ngựa chiến kia liền quanh năm suốt tháng bận rộn tại các nhà xay nghiền bột ở thôn quê. Quốc vương nhìn thấy bảng chi tiêu quốc khố tâu lên giảm rất mạnh, vê vê chòm râu, cười lên một cách sảng khoái.

Thoắt cái đã mấy năm trôi qua, sau khi nước láng giềng nghỉ ngơi lấy sức lại mở cuộc xâm lược lớn. Quốc vương không hoang mang, hạ lệnh trăm họ trong dân gian nhanh chóng đem ngựa

chiến dắt về, đội ngũ kỵ binh uy vũ hùng tráng lại được tổ chức thành, còn lập tức xếp hàng xuất chinh, đương đầu với quân địch. Tiếng trống trận tiến công âm âm vang lên, ba tiếng pháo hiệu xung phong cũng đã phát ra, các kỵ binh thúc ngựa tiến lên phía trước, ai ngờ rằng từng con ngựa chiến đều chỉ quay vòng tròn ngay tại chỗ, bất kể dùng roi quất đánh ra sao, đều chẳng qua chỉ làm cho tốc độ quay vòng tròn của các ngựa chiến nhanh hơn một chút mà thôi, chính chúng không chạy như bay lên phía trước là vì các con ngựa chiến kéo cối xay nghiền bột đã quen rồi.

Kết cục bi thảm của trận chiến đấu này có thể đoán ra, Quốc vương thông minh khẳng định cũng không tài nào tỏ rõ sự thông minh của mình lại được nữa.

Từ đó ta thấy, sự dự trữ của đời người dư dật và lâu dài là quan trọng bao nhiêu. Trên thực tế vị Quốc vương này cũng hiểu biết đối với điều này, cho nên trong những năm hòa bình, ông không hạ lệnh giết mổ ngựa chiến, mà chỉ đem nó phân tán trong dân chúng. Nhưng ông thể hiện thông minh thì ngược lại bị mắc sai lầm của thông minh, kết quả của ngựa chiến kéo cối xay nghiền là không thể xung phong vào trận được, chỉ có thể quay vòng tròn ngay tại chỗ, từ đó đã bỏ lỡ việc lớn. Vì thế, vị Quốc vương này phải trả giá cả một quốc gia và sinh mệnh của vô số chiến sĩ cùng với cả sinh mệnh của bản thân ông. Toàn bộ nguyên nhân có lẽ chỉ ở chỗ ông không muốn chi ra tiền nuôi ngựa cần phải chi phí để làm tốt việc chuẩn bị đầy đủ, sao không bi thảm được! Sao không tiếc được!

Người ta muốn tránh bi kịch của vị Quốc vương này hiện lại trên đường đời của mình, thì phải trước hết nhận thức được trong quá trình sống làm tốt mọi chuẩn bị vật chất, tâm lý tinh thần là vô cùng quan trọng, một tí cũng không được cầu thả, có chuẩn bị mới có thể không có tai họa, có chuẩn bị mới có thể giảm bớt tai họa. Ngoài ra, còn phải bằng lòng và kiên trì chi ra phần phí tổn dùng vào việc chuẩn bị, không thể đau xót đối với việc đó, không thể cho rằng không chi phí được, càng không thể tùy ý cắt giảm hoặc cắt bỏ việc chi tiêu về phương diện này. Có thể gặp may việc gì cũng không xảy ra, cắt giảm chi tiêu dùng vào việc chuẩn bị khiến người ta cảm thấy sáng suốt, đúng đắn, mà còn thu được ích lợi không nhỏ. Nhưng không nên quên rằng, trong đời người chỉ cần xảy ra một lần tai họa ngoài ý muốn, mà bạn lại không có chuẩn bị, không có chuẩn bị tâm lý và chuẩn bị vật chất đầy đủ dùng vào việc chống lại tai họa này, thế là đã đủ, hạnh phúc một đời của bạn có thể bị chôn vùi tại đây, sinh mệnh của bạn thậm chí cũng vì thế mà bị mất, việc này sẽ không phải tiền lúc bình thường chi tiêu vào việc chuẩn bị có thể bù đắp lại được.

Cho nên, người ta sinh ra ở đời, không thể không làm tốt mọi công việc chuẩn bị, không thể không bỏ ra khoản chi tiêu cần thiết cho việc chuẩn bị này, đó là cơ sở cần thiết đời người đạt được trôi chảy và hạnh phúc.

23. Hành động khi tai họa lớn giáng xuống đầu

Trong đời người khó tránh có giờ phút tai họa lớn ập đến, nếu khi nó rơi vào bản thân mình, người ta có thể tìm mọi cách thoát khỏi tai họa. Bảo toàn tính mệnh là việc chọn lựa đầu tiên, giảm tổn thất vật chất đến mức thấp nhất là mục tiêu thứ hai, cuối cùng tránh được tai họa hoặc không tránh khỏi, hậu quả ra sao đều do cá nhân chịu đựng.

Lại còn một tình huống khác là tai họa rơi xuống đầu một đám người, nhân dịp đó liền hiện rõ cảnh tượng của đám người này: hoặc đoàn kết thống nhất, tập hợp trí lực và thể lực của mọi người cùng chống lại tai họa, chưa chừng cuối cùng khiến cho mọi người tránh được đau khổ của tai họa, nhưng chưa chừng cố gắng đó bị thất bại, tất cả mọi người đều phải nếm mùi thảm họa. Bất kể trong tình huống nào, trong lòng người ta đều vẫn có thể có một cảm giác yên dạ và vận may: trong đường đời trải qua vật lộn với thảm họa, người ta có thể cảm nhận sâu sắc được ý nghĩa và giá trị của quần thể đối với cá thể. Nhưng đưa mắt nhìn thế gian, việc đoàn kết thống nhất cùng chống lại tai họa này quá ít ỏi, ngược lại thường gặp là “tai họa lớn ập đến mạnh ai nấy chạy” dùng một cái là tan tác hết.

Đã từng có một người chuyên dựa vào nghề bẫy chim để sống, ông ta rất thông minh. Một hôm ông đến một vùng ao đầm, mắc một cánh lưới to, ở dưới đặt đầy các loại thức ăn mà chim thích. Bố trí xong xuôi, ông lặng lẽ ngồi ở một nơi xa, không nói không rằng chờ đợi.

Chưa đầy một lát, một đàn chim quả nhiên bay đến kiếm mồi, dưới cánh lưới đông nghìn nghịt đều là chim tung tăng nhảy nhót.

Người bẫy chim trong lòng rất vui, dùng sức vừa kéo chiếc thùng ở trong tay, cánh lưới đánh phật một tiếng chụp xuống, cả một đàn chim đông đều nằm gọn trong lưới. Người bẫy chim liền bước nhanh chân lên phía trước thu lưới, bụng nghĩ chở đầy chim mang về, ai ngờ trong lưới có một con chim lớn bỗng nhiên giương cánh, còn bẫy chim thì trong kinh hoàng cũng vỗ cánh không ngừng, ngay tức khắc cánh lưới to bị đàn chim mang theo bay bổng lên, bay thẳng về hướng đông.

Người bẫy chim mới đầu sợ quá ngã lăn kềnh ra đất, há hốc miệng không nói nên lời, phân vân không biết nên làm như thế nào, tiếp đó suy nghĩ một lát rồi chạy đuổi theo.

Đàn chim trong cánh lưới ở trên trời cố sức bay để thoát, người bẫy chim ở dưới tất chạy thực mạng đuổi theo. Những người khách qua đường ngửa mặt nhìn lên bầu trời hết sức kinh ngạc vì cảnh tượng kỳ lạ này. Lại nhìn thấy dáng bối rối của người bẫy chim đều rất khó hiểu, liền nói với ông ta: “Chim bay ở trên trời, ông chạy ở dưới đất, dựa vào đôi chân thì làm sao có thể đuổi kịp?”.

Người bẫy chim dừng lại, thở hổn hển, đầu cũng không ngẩng lên, nói: “Các người nói không đúng, những con chim kia đến lúc chiều tối, ắt sẽ mỗi con mỗi ngả trở về tổ của mình, phương hướng mà lung tung, cánh lưới lớn đó sẽ có thể rơi xuống”. Nói xong, ông tiếp tục co chân chạy đuổi theo. Mọi người đều lắc đầu, cảm thấy người bẫy chim này thật là có ý nghĩ viển vông.

Mặt trời lặn, trên bầu trời hiện lên ráng màu ngũ sắc. Người bầy chim ngửa mặt lên nhìn đàn chim trong lưới, thấy đàn chim ban nãy vẫn còn đồng lòng chung sức để bay, bây giờ có con muốn bay về hướng đông, có con lại muốn bay về hướng tây, có con muốn trở về rừng sâu, có con muốn đến vách núi, ngay tức khắc trở nên hỗn loạn. Không lâu, chỉ nghe rào rào một tiếng, cả cánh lưới chùng lên tất cả mọi con chim từ trên không rơi xuống. Người bầy chim hết sức vui mừng liền chạy bổ lên, bắt tất cả số chim trong lưới.

Câu chuyện này mặc dù nói về chim, nhưng chắc chắn cũng có thể dùng để chỉ về người. Khi tai họa lớn vừa ập đến, vì mục đích chung là tránh, người ta có thể vứt bỏ lợi ích cá nhân, đồng lòng hợp sức. Nhưng một khi tai nạn qua đi, hoặc dấu hiệu của tai nạn không rõ rệt, việc “tính toán nhỏ nhen” của cá nhân lại ào ào nổi ra, cái mà người ta nhìn thấy chẳng qua chỉ là tư lợi của cá nhân. Người ta miệt mài theo đuổi nhu cầu của mình, vừa rồi còn là tập thể cùng chung phần đấu, trong chốc lát liền tan biến thành mây khói.

Có ai không biết, kết quả của việc mỗi người một ngã, khiến cho tính yếu ớt của con người bộc lộ hết, là lúc người ta dễ bị tổn hại nhất. Việc đó sẽ giống như bầy chim ở trong lưới kia đang hăng hái bay, để chạy cho thoát thân đã dùng đôi cánh cùng đỡ cánh lưới lên, để thoát khỏi vận đen bị giết. Nhưng đến lúc cảnh mờ tối đến, cả đàn chỉ nghĩ về cái tổ nhỏ của mình, nơi lao tới chỉ là con đường về của từng con, thế là hợp lực liền tan rã, kết quả chỉ có thể là tai họa lớn bị giết thịt ập đến.

Con người có khả năng diễn lại thất bại của bầy chim, nhưng con người không phải là chim, hoàn toàn có thể có trí tuệ tránh tai họa. Ví như trong quá trình đời người, nên thu hút những kinh nghiệm sinh tồn của người đi trước một cách đầy đủ, nhất là phải dùng lý tính của con người làm thủ đoạn và đường đi, khi mưa thuận gió hòa, đời người trôi chảy, giữ được quan hệ xã giao tốt, hình thành mạng lưới của hợp lực xã giao nào đó, mà lúc mưa to gió lớn đến, tai họa của đời người đột nhiên ập đến, mọi người càng phải đoàn kết chặt chẽ, đồng tâm hiệp lực, cùng cứu trong lúc gian nan.

Việc này đòi hỏi phải xây dựng niềm tin vững chắc là đau khổ của mỗi người là đau khổ của mọi người, bất kể tai họa của ai đều là tai họa của mọi người, từ đó sinh ra sức dính kết lớn mạnh giữa người này với người kia, cùng cứu tai nạn của đời người. Việc này không chỉ vì làm như thế có thể chiến thắng và vượt qua được tai họa đời người, càng ở chỗ khi tai nạn không thể tránh khỏi ập đến, người ta vì có chỗ dựa không phải lẻ loi đối mặt với gian nan của đời người, từ đó hun đúc nên một thứ tình người ấm áp làm cho người ta vui sướng và an ủi, do vậy người ta liền nổ bùng ra sức sống mạnh mẽ và ý chí quật khởi, mình rơi vào tai họa mà vẫn có thể điềm tĩnh thản nhiên, vượt qua đen tối, có thể nhìn thấy ánh bình minh của cuộc đời le lói ở phía trước.

24. Có cái được ắt có cái mất

Người ta sinh ra ở đời, không ai không cầu mong giành được nhiều nhiều một chút, lớn thì đạt được của cải, được làm quan, lấy được vợ đẹp hoặc lấy được người chồng vừa ý; nhỏ thì nhận được một chút đồ vật vừa lòng, được một số vật có ích v.v... mọi người đều giành được trong đời.

Nói chung, người ta giành được cái gì đó, phải trả với một giá nhất định, điều này tương đối dễ hiểu, người ta bình thường cũng đều có thể bình tĩnh tiếp nhận sự thực này. Nhưng người ta vì lòng ham lợi sôi sục thường không thấy tính tất yếu muốn có cái được ắt có cái mất, luôn mong ngóng bên này cũng được, bên kia cũng giành, bên trên cũng muốn bên dưới cũng không để mất. Vừa làm quan - ngồi ngất nghe ở chốn công đường, lại thanh nhàn - “giao du chốn giang hồ”. Vừa có thể phát giàu to lại có thể an nhàn thoải mái. Tóm lại là lợi ở mặt nào cũng muốn, bất cứ cái gì tốt đều không để mất. Sự theo đuổi và nguyện vọng này tốt thì tốt thật đấy, có điều là mỗi người đều có thể lục soát lại một lần đối với việc từng trải của đời mình, xem xem liệu có thể có hay không!

Thời xưa nước Tề có một cô gái tuổi vừa đôi tám, đến tuổi gả chồng, có hai nhà đến xin kết thông gia. Con trai nhà phía đông người trông rất xấu, nhưng gia cảnh lại rất giàu có, con trai phía tây thì người trông rất khôi ngô nhưng gia đình lại rất nghèo.

Cha mẹ của cô gái thấy khó xử, chần chừ không thể quyết đoán, cuối cùng hai ông bà thì thầm bàn nhau vẫn là nhường cho con gái tự mình quyết định gả cho ai.

Cô gái nghe xong cha mẹ nói, cúi đầu, đỏ cả mặt, toàn thân không thanh thản. Người cha nhìn thấy dáng ngượng nghịu của con liền đưa ra cách giải vây: “Con gái ơi! Nếu con thẹn không nói ra được thì để lộ cánh tay ra để bày tỏ ý tứ của mình nhé. Để lộ cánh tay bên phải biểu thị con thích con trai nhà phía đông, còn để lộ bên trái biểu thị con yêu con trai nhà phía tây, được không?”.

Cô gái gật đầu đồng ý, nhưng cô đồng thời để lộ cả cánh tay của hai bên ra.

Cha mẹ vừa nhìn thấy rất là khó hiểu, cánh tay hai bên đều để lộ, rút cuộc người chọn trúng là ai? Cô gái đành mở miệng giải thích: “Con muốn ăn cơm ở nhà phía đông, còn ở tại nhà phía tây”.

Cô gái này muốn đem tất cả mọi việc tốt đẹp trong thiên hạ vơ hết vào một mình: nhà phía đông giàu có, cho nên đến nhà phía đông ăn cơm, hưởng thụ cao lương mỹ vị và cuộc sống giàu có; đức lang quân nhà phía tây khôi ngô, cho nên muốn đến đêm động phòng hoa chúc ở nhà phía tây để tận hưởng vẻ phong lưu của nhân gian. Đem tất cả mọi việc tốt trên đời thu hết vào trong túi, há chẳng khoái trá sao! Nhưng mong muốn tuy tốt đẹp, kết quả ắt không thành.

Lão Tử đã từng nói: “Trời đất không có nhân đức, cho rằng vạn vật là con chó cỏ”. Cái gọi là “con chó cỏ” là một loại động vật bện bằng cỏ dùng tế thần của người thời xưa, sau khi người ta tế lễ thần linh, liền đem chó cỏ vứt sang vệ đường, mặc người dẫm đạp. Ý của Lão Tử nói câu nói này là, trời đất tự nhiên không có cái gọi là lòng “nhân ái” có thể vô cùng quan tâm đối với

vạn vật, đặc biệt quý trọng đối với loài người. Con người không thể trông ngóng thần lực giúp đỡ, trên thực tế con người là không có gì nương tựa, một mình đối mặt với thiên nhiên biến ảo khôn lường, hoàn cảnh sinh tồn tàn khốc và xã hội hiểm nghèo.

Cho nên, người ta tuyệt đối không nên hy vọng quá đáng vận mệnh của mình đặc biệt tốt, có thần lực tương trợ, vì thế có thể thuận lợi mọi bề trong đường đời, cái gì cũng đều có thể thu nhận, cái gì cũng có thể đạt được, lúc nào cũng đều được thỏa lòng vừa ý. Bình tĩnh quan sát thế gian, người ta liền sẽ hiểu, đây là việc không thể có.

Do vậy, người ta sinh ra ở đời, nhất định phải thừa nhận mình có chỗ có thể, cũng có chỗ không thể, có thể có cái giành được, cũng khẳng định sẽ có cái không giành được. Con người có thể vui sướng vì những cái giành được, nhưng cũng không nên vì những cái mất mà đau buồn. Bởi vì đồng thời với cái có được giành được, cũng nhất định có thể để lỡ mất, đánh mất nó. Điều duy nhất người ta có thể làm là cố gắng giảm bớt cái bị lỡ, bị mất, khiến cho giành được nhiều hơn mà mất đi ít hơn, từ đó khiến cho đường đời gặp ghềnh khúc khuỷu cũng có lúc bằng phẳng và thênh thang.

Người ta trên đời thường vì không muốn mất đi cái gì mà cuối cùng tình huống không có một cái gì giành được xảy ra. Mất đi đương nhiên khiến người ta đau lòng, sẽ rơi vào trạng thái khó chịu, nhưng nếu nhất định sẽ như thế, thì nên坦然 tiếp nhận nó. Từ một ý nghĩa nào đó để xét, cuộc sống chính là quá trình mất đi và giành được tồn tại song song. Nếu như không cố gắng hơn thì có thể thất bại càng nhiều mà giành được tương đối ít. Đây chính là lĩnh vực mà mỗi người có thể thể hiện rõ năng lực chủ quan của bản thân mình.

Nhưng người ta vẫn phải nhớ kỹ một điều chí lý của đời người: có cái được ắt có cái mất.

Chương Năm

Cuộc đời của các nhà hiền triết thời xưa

Chương này sẽ nêu ra mười nhà tư tưởng lớn trong lịch sử Trung Quốc, từ theo đuổi đời người đến điều khiển cuộc đời của họ, từ tư tưởng sâu xa đến phương thức phương pháp xử lý vấn đề nhân sinh của họ, những gì cần có đều có đủ tất cả. Từ nội dung trong chương này, mọi người có thể nhìn thấy sự hiểu biết sâu sắc và những lời lẽ thể hiện trí sáng suốt nhìn thấy được tương lai xa xôi của Lão Tử đối với đời người. Có thể nhìn thấy sự theo đuổi kiên trì của Khổng Tử đối với quan niệm nhân sinh. Có thể nhìn thấy trạng thái đời người tiêu dao khoáng đạt của Trang Tử; có thể nhìn thấy cách xử thế của “Đại trượng phu” Mạnh Tử; có thể nhìn thấy hình bóng của Mặc Tử phấn đấu không ngừng cho mục tiêu đời người. Có thể nhìn thấy sự phân tích của Hàn Phi Tử đối với lý trí và sự cay nghiệt của đời người, còn có thể nhìn thấy nhà thuần Nho Đồng Trọng Thư quy nạp đời người vào trong cái khung lễ pháp nghiêm khắc ra

sao, lại có thể nhìn thấy sự cố gắng của nhà hiền triết Chu Hy quy hoạch sự theo đuổi và điều khiển đời người. Có thể nhìn thấy nhà Đại nho Lục Cửu Uyên hết sức tôn sùng đối với tác dụng có tính quyết định của tinh thần chủ quan trong quá trình đời người, đặc biệt là nhìn thấy cuộc đời cô phẫn, thê lương và kiên trì của Vương Phu Chi.

1. Cuộc đời của nhà triết học lớn Lão Tử

Lão Tử là nhà tư tưởng, người sáng lập phái Đạo gia cuối thời Xuân thu ở Trung Quốc. Nghe nói, Lão Tử họ Lý tên Nhĩ, tự Bá Dương, thụy hiệu là Đàm, là người ấp Khúc Nhân, xã Lê, huyện Khổ nước Sở (nay thuộc miền đông huyện Lộc ấp tỉnh Hà Nam). Ông đã từng làm chức Sở quan quản lý thư viện triều nhà Chu. Sau khi nhà Chu suy, ông đi Tây du đến cửa quan Hàm Cốc, Quan lệnh là Doãn Hỷ nói với ông: “Bây giờ Ngài sắp đi ở ẩn rồi, xin Ngài hãy viết ra những kiến giải của Ngài cho tôi”. Lão Tử từ chối mãi không xong, đã viết ra *Đạo đức kinh* (tức sách “Lão Tử” năm ngàn chữ), trình bày một cách hệ thống tư tưởng và chủ trương của ông. Nghe nói, Lão Tử viết xong sách này, tức khắc cưỡi trâu xanh ra khỏi cửa quan, nhanh chóng lướt qua không biết đi đâu.

Chính bản thân Lão Tử đã từng trải những biến đổi lớn của xã hội, đã hiểu sâu sắc việc đời biến ảo khôn cùng, đã chỉ ra cho mọi người nếu muốn đứng vững trong xã hội thì nên trở về với đại đạo, nắm vững tính chất của đạo để ứng phó với việc đời. Do đó phải không tranh giành, ở thế yếu, ở thế dưới, ở địa vị bất lợi, thông qua con đường này để đạt được địa vị và mục đích “tranh giành, ở thế mạnh, ở thế trên, có lợi”. Còn người ta nếu muốn giữ được mình sống, sống mãi để nhìn tương lai trong hoàn cảnh bên ngoài hiểm ác, thì cần phải suy nghĩ và sống theo phương thức của Đạo.

Nhiều lời dạy bảo trình bày dưới hình thức thơ triết lý của Lão Tử là khác với những quan niệm của người bình thường, đến nỗi thường bị người ta xem là những lời kỳ quái, chả bỏ cười. Nhưng người ta chỉ cần tĩnh tâm tiến hành thể nghiệm tỉ mỉ, cuối cùng có thể cảm nhận được những lời của Lão Tử là một trí tuệ lớn chân chính, một ý thức sinh mệnh mạnh mẽ, người ta nếu có thể hiểu nội dung chân thực của nó và khéo léo tiến hành điều khiển cuộc đời thực tế, nhất định có thể có thu hoạch không ngờ tới.

Hồi còn trẻ Lão Tử theo học với Thương Dung, nghe nói Thương Dung là một vị tiên đi mây về gió, ăn gió nằm sương, phép màu không giới hạn. Nhưng nhiều năm trôi qua, ông vẫn không truyền cho Lão Tử bất cứ đạo thuật nào. Bỗng một hôm, ông thè lưỡi ra hiệu trước Lão Tử, Lão Tử rất khó hiểu đối với dáng điệu kỳ lạ này của người thầy, suy nghĩ rất lâu, cuối cùng mới bừng tỉnh ngộ: lưỡi do mềm mới có thể tồn tại lâu dài, răng do cứng nên mòn sớm. Làm người cũng nên dùng mềm dịu xử thế, mới có thể tránh được tai họa, kéo dài tuổi thọ, mà còn giành được hạnh phúc.

Cho nên, Lão Tử ân cần dạy bảo người đời: Người ta khi sống thân thể mềm mại, sau khi chết thì cứng đờ. Hoa cỏ cây cối cũng lại như thế. Cây cỏ lúc mới sinh, thì cành lá mềm dẻo, nếu khô héo thì chết, sẽ cứng đi và ròn, vì thế những thứ cứng rắn thuộc về loại chết còn những thứ mềm yếu thuộc loại sinh tồn.

Nhưng, người ta sống vì sao cứng rắn không tốt, mềm dẻo mới được đây? Nói chung người ta luôn cho rằng, kẻ mạnh có thể dùng thế lực mọi nơi đều đắc ý, còn kẻ yếu thì vì hiền lành nên bị người ức hiếp bị người chà đạp. Nhưng theo Lão Tử, sự việc thật ra không phải như thế. Kẻ mạnh, vì sự cứng rắn của nó ắt bị nhiều người trách móc và công kích, cuối cùng nhất định vì cứng rắn nên bị tổn thất. Kẻ yếu ở vào địa vị thấp hèn dễ gây được sự đồng tình và thương hại, đức tính mềm dẻo của họ lại có thể tránh xa được sự tranh chấp và nguy hiểm của thế tục, cho nên kẻ yếu tất nhiên có thể sống cuộc sống lòng yên tĩnh, thanh thản, từ đó giữ được mình toàn vẹn, hưởng tận tuổi thọ thiên nhiên.

Nhiều người trong xã hội tự cậy mình cứng rắn rắp tâm muốn nổi trội hơn người, đến cuối cùng lại phải chết không yên ổn. Còn những người dùng nguyên tắc mềm dẻo xử thế, gặp việc không tranh trước, tránh né, kết quả lại bảo toàn được tính mạng, kéo dài tuổi thọ.

Lão Tử lặng lẽ quan sát sự biến đổi to lớn của vũ trụ và những tin tức về sống chết của nhân gian, lĩnh hội và tỉnh ngộ ra trí tuệ lớn của đời người là “kẻ cứng rắn là kẻ chết, kẻ mềm dẻo là kẻ sống”. Nhưng người hiện đại khi vận dụng vẫn nên thận trọng. Người ta sinh ra ở đời, giữ mềm dẻo, tỏ ra mềm dẻo đều chỉ nên là một phương pháp tự mình bảo vệ, mà tuyệt đối không nên diễn biến thành thứ triết học sinh tồn kiểu “rùa đen rụt cổ”.

Tương truyền năm 522 trước công nguyên, hai nhà tư tưởng lớn thời xưa của Trung Quốc, Khổng Tử và Lão Tử gặp mặt tại kinh thành Lạc Dương thời triều Chu. Khổng Tử giữ đạo đức cao cả là cái phúc của đời người. Lão Tử cho rằng tùy theo tự nhiên là cái phúc của đời người, mặc dù quan điểm khác nhau, nhưng lại tụ họp với nhau rất vui vẻ.

Lão Tử khuyên bảo Khổng Tử: nhà buôn hàng hóa rất nhiều cố ý che giấu của cải của mình, người quân tử đạo đức đạt đến tột đỉnh vẻ bề ngoài giống như người ngu. Ông ơi, nhất định phải loại bỏ vẻ kiêu căng và mạnh mẽ nhúng tay vào xã hội, thi thố tài cán dục vọng, những điều này đối với ông chẳng có ích gì.

Khổng Tử sau khi trở về đã đánh giá Lão Tử như sau: Đối với chim, cá, muông thú, tôi biết rõ chúng bay như thế nào, bơi lội như thế nào, chạy đến đâu, cho nên tôi dùng công cụ tương ứng để bắt chúng. Nhưng đối với rồng tôi lại không biết nó bay bổng lên như thế nào. Lão Tử chính giống như một con rồng: trong đám mây lúc ẩn lúc hiện, cao không thể nắm lấy, không tài nào nắm được.

Lão Tử bị nhà Nho xem là rồng này, tài học của ông đích thực giống như rồng bay bổng trong mây, ẩn mà không hiện khiến cho người ta khó mà nhìn thấu.

Trong tư tưởng của Lão Tử, đạo là phạm trù cao nhất, tính chất duy nhất có thể hiểu là thuận theo tự nhiên, ngoài ra người ta không thể nói nó là gì, chỉ có thể nói nó không phải là gì cả. Loại đạo cao sâu khôn lường này là cái gốc của vũ trụ, là cái nguồn của vận hành xã hội, cũng là khuôn mẫu của đời người.

Cho nên học giả Đạo gia này chỉ ra rằng, người ta chỉ có giữ nguyên tắc thuận theo tự nhiên để cư xử với mọi người, để sắp xếp cuộc sống của mình, mới có thể giành được hạnh phúc chân chính. Vì vậy, người ta không những phải cắt bỏ quan niệm thế tục lấy thỏa mãn vật chất làm hạnh phúc, cũng cần phải vứt bỏ tư tưởng Nho gia lấy theo đuổi đạo đức cao cả làm hạnh phúc.

Việc này làm sao có thể đây? Tranh quyền đoạt lợi, thêm muốn an nhàn, hầu như là bản tính của con người, mà khắc khổ với việc rèn luyện đạo đức lại tỏ ra trong sạch và cao thượng như thế, hai cách theo đuổi này đều làm cho người ta khó mà cắt bỏ.

Lão Tử để thôi thúc người ta lập lại cuộc sống của đạo, giành được hạnh phúc đời người chân chính đã phân tích một cách cặn kẽ: Lợi ích vật chất mà người đời tất tưởi cầu mong, thường thường mang lại cho người ta không phải là hạnh phúc mà là tổn hại sức lực tinh thần và tai họa của đời người. Ví như màu sắc lộng lẫy và âm nhạc hay hầu như có thể cho người ta hưởng thụ; mùi vị thơm ngon và đi săn bắn ngựa rong ruổi khắp nơi hầu như cũng có thể làm cho người ta giành được niềm vui rất lớn. Nhưng màu sắc quá sặc sỡ, âm nhạc quá ồn ã làm cho người ta “lóa mắt”, “điếc tai”. Mùi vị quá ngon, đủ để khiến người ta “ngấy miệng”. Cưỡi ngựa chạy rong ruổi khắp nơi, cuối cùng sẽ khiến người ta trong lòng “phát rồ”. Còn những báu vật hiếm có kia thường làm cho người ta đêm không ngủ được, ban ngày cũng không dám mơ đến. Như vậy, Lão Tử đã quy nạp thành một đoạn danh ngôn: “Tai họa không có gì lớn hơn không biết thỏa mãn, tội không gì lớn hơn tham không biết chán, cho nên, người biết thỏa mãn mới là người vĩnh viễn thỏa mãn”. Tai họa lớn nhất của con người là đều bắt nguồn từ ham muốn vật chất. Bởi vì một là, dục vọng của mỗi người đều không tài nào lấp đầy, người được A sẽ nghĩ đến B, được B lại nghĩ đến C cứ như thế mãi. Dục vọng thực tế là một chuỗi kéo dài đến vô tận, không có lúc nào thỏa mãn và khả năng thỏa mãn, nó ắt sẽ nhấn chìm mọi chúng sinh vào trong buồn phiền vô hạn, không có sức tự rút ra, còn đâu có thể nói đến hạnh phúc nữa? Hai là, người người theo đuổi sự thỏa mãn vật chất của mình, lại có thể tạo nên đấu tranh giữa người này với người khác, tranh giành giữa nhà này với nhà khác, nước này đánh nước kia. Xã hội thế là giống như ngọn núi lửa nổ ra thất thường, nguy cơ chông chênh. Thế gian giống như một bãi chiến trường sống chết vật lộn nhau, mọi người ghen tỵ nhau, anh lờm tôi, tôi lờm anh, cứ như vậy làm sao có thể giành được hạnh phúc đời người chân chính?

Vậy thì làm thế nào đây? Lão Tử cho rằng mọi người cần phải ghi tạc cái gọi là “Đạo lý biết thỏa mãn”, xem bản thân việc “biết thỏa mãn” là “đủ”, cái đã “đủ” này mới là cái “đủ” chân chính. Điều đó cũng có nghĩa là, bất kể việc giành được vật chất trong hiện thực và trạng thái thỏa mãn dục vọng như thế nào, người ta đều phải đem cái “không đủ” trong hiện thực đối thành đã “đủ” về nhận thức tâm lý, cái “đủ” theo tinh thần này mới là sự thỏa mãn căn bản nhất - “đủ lâu dài”. Như vậy, người ta sẽ có thể thoát khỏi sự âm ỹ tranh giành của thế gian, luôn giữ được tiết tháo không bị ham muốn khuấy động, thỏa mãn với những cái đã có, từ đó

vui sướng vô cùng, hạnh phúc tràn trề, tự do thoải mái.

Lão Tử nói: Người có đạo đức cao nhất từ trước đến nay không ra sức theo đuổi và biểu hiện ra sự cao cả của đạo đức, cho nên họ là người có đạo đức chân chính. Những người trông bề ngoài có vẻ có đạo đức, hết sức làm theo, tuân theo điều luật đạo đức do người tạo ra, thực ra thì là biểu hiện vô đạo đức. Bởi vậy, “đạo lý lớn” bãi bỏ, mới xuất hiện cái gọi là “nhân nghĩa”; trong gia đình có bất hòa mới sinh ra “hiếu thuận”; chính trị quốc gia có lộn xộn mới có cái gọi là “trung thần”. Tất cả mọi đạo đức của thế tục chẳng qua là sản phẩm của xã hội vô đạo!

Tương truyền thời xưa học giả Dương Chu có một lần gặp nhà triết học lớn Lão Tử ở nước Lương, ông rất cung kính mời Lão Tử đến nhà, hầu hạ xong quỳ dưới đất xin Lão Tử chỉ bảo cách xử thế. Lão Tử chậm rãi nói:

“Việc đi lại với người khác quan trọng nhất là không nên chỉ nhìn vẻ bề ngoài của người ta như thế nào, chủ yếu cần phải nhìn nội tâm của họ, người thời xưa chính là đã làm như thế. Còn kẻ “phàm phu tục tử” thì chỉ nhìn vẻ bề ngoài của người ta, vẻ bề ngoài hợp với mình thì gần gũi, vẻ bề ngoài không hợp thì xa lánh. Trên thực tế, ông nhìn một người, họ có thân thể, tay chân, đầu tóc, răng, ông đã cho họ là người, nhưng họ bên trong có một trái tim thú. Ông nhìn thấy vẻ bề ngoài của người khác đã gần gũi họ, sao không biết họ có trái tim thú, thế thì sẽ nguy hiểm. Còn những loài cầm thú có cánh, có sừng, có vuốt, biết bay biết nhảy, lại có thể có trái tim người, ông nhìn thấy vẻ bề ngoài cầm thú của nó, đã xa lánh nó, đó cũng là sai lầm”.

Lão Tử nhìn ra cánh đồng mệnh mông bên ngoài đã về đêm, tiếp tục nói: “Trước đây rất lâu, Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông và Hạ Hậu có người là mình rắn mặt người, có người là đầu trâu mũi hổ, không có vẻ bề ngoài của người, lại có thánh đức cao nhất. Còn những người như: Hạ Kiệt, Ân Trụ, Lỗ Hoàn và Sở Mục, hình dáng bề ngoài là người, nhưng trong ngực lại chứa một trái tim cầm thú. Nếu như người ta chỉ nhìn vẻ bề ngoài mà cho họ cũng là thánh đức, thế thì chẳng đã sai lầm to rồi không?

Dương Chu nghe xong những lời này của Lão Tử đã hiểu rõ rất nhiều đạo lý. Trên thực tế từ khía cạnh tránh họa để hiểu tư tưởng của Lão Tử, ông chỉ ra là người ta khi đi lại với người khác, nhất định phải biết mặt cũng phải biết lòng. Đối với người trong ngoài không như nhau nhất định phải chú ý, cần giữ một khoảng cách để tránh rước lấy tai họa, bất lợi cho mình. Nhưng, trên đời người ta phần nhiều là trông mặt gửi vàng, thường phải sau khi chịu đựng nhiều đau khổ, được bài học thực tế đích thực mới có thể bừng tỉnh ngộ.

Người đời đều thích phúc sợ họa, hy vọng trong một đời của mình vận khí tốt, hạnh phúc nhiều, ở trong tình cảnh thuận lợi, còn hết sức chán ghét và trốn tránh vận đen, tai nạn, bước gập ghềnh của đời người. Hơn nữa, trong quá trình sinh tồn người ta lại nghĩ hết tất cả mọi biện pháp mưu cầu hạnh phúc, tích tụ của cải, tranh lấy quyền thế, san phẳng đường đời. Nhưng điều đáng buồn là nhiều lúc, người ta cầu phúc lại được họa, trông mong giàu có lại phá sản, theo đuổi địa vị cao sang lại bị tai hại, có ý đồ thuận cảnh lại bị ngã đến thê thảm.

Hiện thực sinh tồn cay nghiệt, sao không làm cho người ta suy nghĩ nhiều?
Lão Tử đã cặn kẽ vạch ra đối với ý kiến trái ngược sâu xa này của phúc họa đời người. Ông dùng ngôn ngữ thông thường của thơ đã viết:

*Họa hề phúc chi sở y,
Phúc hề họa chi sở phục,
Thục chi kỳ cực?
Kỳ vô chính dã.
Chính phục vi kỳ,
Thiện phục vi yêu.
Nhân chi mê,
Kỳ nhật cố cửu.*

ý nói là trong tai họa của nhân gian ẩn náu sự mạnh mẽ của hạnh phúc, trong hạnh phúc đời người chôn vùi hạt giống của tai họa. Vì vậy, họa có thể chuyển hóa thành phúc, phúc cũng có thể chuyển hóa thành họa; bình thường có thể chuyển hóa thành kỳ dị, thiện cũng có thể dẫn đến ác. Lão Tử cho rằng người ta không hiểu rõ cái lẽ này đã rất lâu. Trong quá trình sinh tồn của con người, sự chuyển hóa của họa và phúc nhất định có cái rốt cuộc của nó, người ta cần cố gắng nắm vững quy luật của nó.

Câu chuyện “Tái Ông mất ngựa” thuyết minh rất rõ đạo lý phúc họa dựa vào nhau, ẩn vào nhau.

Thời xưa ở một nơi cách cửa ải không xa có một gia đình cư trú. Người con trai thường ngày thích cưỡi ngựa, thường là dù có việc hay không có việc đều cưỡi con ngựa mình thích chạy rong ruổi khắp nơi, người cha vốn là một bậc gia trưởng rất có kinh nghiệm sống.

Một hôm con ngựa của người con trai không rõ vì nguyên do gì, bỗng nhiên vượt chuồng chạy đến nơi người Hồ ở bên ngoài cửa ải. Mọi người hàng xóm đều đến an ủi anh ta, tỏ ra đáng tiếc. Người cha anh nói: “Họa này biết đâu có thể trở thành phúc chăng?”

Mấy tháng trời trôi qua, con ngựa của nhà anh không những chạy về, còn mang theo một con tuấn mã của người Hồ. Mọi người hàng xóm lại đều đến chúc mừng. Người cha anh nói: “Cái phúc này lại chưa chừng có thể biến thành họa đây?”.

Nhà có ngựa tốt, người con trai này lại thích cưỡi ngựa, không bao lâu lại xảy ra họa, người con trai bị ngã ngựa, chân bị gãy. Hàng xóm lại đến an ủi, cha anh lại nói: “Sao biết được “họa” này lại không thể biến thành phúc đây?”. Qua một năm, quân Hung nô ở ngoài biên ải rầm rộ đến xâm lược, tất cả thanh niên vùng lân cận đều chết trong chiến tranh chống lại người Hồ, duy chỉ có người con trai này do chân có tật mà tránh được lệnh gọi nhập ngũ, cùng với cha đã bảo toàn được tính mạng.

Người cha này trước sau đã dự đoán ba lần chuyển dịch phúc họa, tất cả đều ứng nghiệm, cho nên tục ngữ nói rất hay: “Tái Ông mất ngựa, đâu biết không phải là phúc?”

Tình huống họa phúc dựa lẫn nhau, ẩn trong nhau đòi hỏi người đời phải hiểu sâu xa quan hệ chặt chẽ giữa họa phúc, phải vượt khỏi giới hạn của không gian và thời gian để quan sát vấn đề, nghĩa là không chỉ nhìn thấy họa và phúc lúc này, chỗ này. Như thế, người ta sẽ có thể đứng ở tương lai, từ nhiều phương diện đối xử một cách đúng đắn với trạng thái họa phúc hiện tại, điều chỉnh tình trạng tâm lý và hành vi của mình hướng tới hoặc tránh đi. Như vậy sẽ giành được một loại trí tuệ sinh tồn khôn khéo nhất. Cho nên, Lão Tử sau khi chỉ ra đạo lý họa phúc chuyển đổi nhau, lại viết:

*Thị dĩ thánh nhân phương nhi bất cát,
Liêm nhi bất quệ,
Trực nhi bất tứ,
Quang nhi bất diệu.*

Lão Tử chỉ rõ, đã là họa có thể chuyển hóa thành phúc, phúc lại có thể chuyển hóa thành họa, vậy thì trí tuệ sinh tồn lý tưởng nên là: người ta có thể “cương cường chính trực” nhưng không thể lộ ra sắc sảo. Người ta có thể có tỏ rõ tài năng, nhưng không thể làm hại người khác. Người ta phải ngay thẳng, nhưng không thể bừa bãi. Người ta có thể có trí tuệ cao siêu nhất, nhưng không thể khoe khoang.

Trong thực tế những ý kiến này đều nói lên, đành rằng sự vật đều tất nhiên chuyển hóa sang phía đối lập, phúc họa nhất định vĩnh viễn đổi chỗ lẫn nhau, vậy thì trong quá trình sinh tồn người ta sẽ phải tránh quá cực đoan để ngăn ngừa tác dụng của quy luật “già néo đứt dây” xảy ra.

Cũng có nghĩa là, đã là phúc ắt sẽ chuyển hóa thành họa, vậy thì làm sao ta phải đi tìm phúc? Đã là phúc sau cái họa vẫn phải chuyển hóa về phía đối mặt sao ta lại phải tránh họa này để được họa kia? Cho nên, nhất định không nên cố sức đi tìm phúc tránh họa, con người chỉ cần thực hiện giữ được trạng thái hoàn toàn theo tự nhiên không tranh giành, không hành động không cầu mong, thì có thể loại bỏ được tai họa, giành được cảnh sinh tồn thuận lợi và đời người hạnh phúc.

Trí tuệ sinh tồn này của Lão Tử không tránh khỏi cách xa hiện thực một chút. Quan niệm họa phúc của các ẩn sĩ rất cuộc khác với cách nhìn của người bình thường. Mặc dù người ta có thể rút ra một số cái có ích ở trong đó, nhưng bản tính của con người thế tục chính là thích phúc ghét họa, tìm phúc tránh họa, việc này lại có thể gột hết hết sao đây? Trên thực tế, người ta nên cũng cần phải nắm chắc “điềm” họa phúc chuyển đổi nhau, khi mình đang trong phúc phải nhìn thấy nguy hiểm của họa. Khi mình gặp tai họa phải nhìn thấy hạnh phúc tương lai sẽ đến. Nhìn thấy họa trước có thể thôi thúc người ta dùng biện pháp trừ tai tránh họa, nhìn thấy phúc trước có thể kiên định niềm tin của người ta, cảm thấy đời người vẫn rất có triển vọng.

2. Cuộc đời của Thánh triết Khổng Tử

Khổng Tử tên là Khuru, tự Trọng Ni, sinh năm 551 trước công nguyên, mất năm 479 trước công nguyên, là nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà giáo dục cuối thời Xuân thu ở Trung Quốc, cũng là người sáng lập học phái Nho gia.

Theo lịch sử ghi chép, Khổng Tử lúc nhỏ “nghèo hèn”, nhưng từ 15 tuổi trở đi, đã xây dựng lý tưởng và chí hướng cao xa, quyết chí phấn đấu học hành, đã từng học Lễ với Lão Đan, học Nhạc với Trình Hoảng, học Cầm (đàn) với Sư Tương. Sau 20 tuổi trở đi, Khổng Tử đã từng làm ủy lại (phụ trách kế toán) và Thừa điền (chức quan nhỏ quản lý chăn nuôi trâu cừ), hơn nữa khi phụ trách kế toán có thể quản lý hết sức rành mạch đối với từng khoản mục, khi quản lý chăn nuôi trâu cừ có thể làm cho việc nuôi các con vật béo tốt khỏe mạnh.

Khổng Tử sau 30 tuổi, học vấn đã tới chỗ điều luyện đến đỉnh cao, ông đã mở ra con đường dạy học tư trong lịch sử Trung Quốc, đồng thời thừa hành nguyên tắc Hữu giáo vô loại (tức dạy đủ mọi lớp người không phân biệt chủng tộc, sang hèn), nói chỉ cần đem đến lễ mọn mười bó thịt khô, ta đều phải dạy bảo đối với họ. Người đời sau nói Khổng Tử có ba ngàn đệ tử, trong đó có bảy mươi hai người hiền đức có thành tựu học tập. Khổng Tử dùng Kinh Thi, Kinh Thư và Lục nghệ để dạy các đệ tử, trọng điểm là bồi dưỡng các đệ tử giữ gìn đức hạnh, đồng thời dẫn đệ tử chu du khắp các nước, trên đường đi vừa giảng và thảo luận, hỏi đáp không ngừng, làm cho các đệ tử không những có kiến thức sách vở, còn có kinh nghiệm thực tiễn, từ đó đã hình thành học phái Nho gia có ảnh hưởng rất sâu xa.

Khi Khổng Tử 50 tuổi, ở nước Lỗ từ Trung đô tể thăng lên đến các chức Tư không (quản lý công trình), Tư khấu (quản lý tư pháp), Hành nhiếp tướng sự (Quyền Tể tướng). Sau khi từ quan dẫn các đệ tử rời nước Lỗ, chu du các nước như Vệ, Tống, Trần, Thái, Tề, Sở trong thời gian 14 năm. Vào khoảng năm 484 trước công nguyên lại trở về nước Lỗ, từ đó dốc lòng dạy các đệ tử, chỉnh lý lại các sách cổ điển như *kinh Thi kinh Thư*, cắt và sửa *kinh Xuân thu*, khiến nó trở thành bộ sách lịch sử dạng biên niên đầu tiên ở Trung Quốc.

Khổng Tử không chỉ có ảnh hưởng to lớn đối với tinh thần của dân tộc Trung Hoa, cũng có đóng góp to lớn đối với sự phát triển nền văn minh thế giới. Một nho sinh thời Tống đã viết hai câu thơ:

*Thiên bất sinh Trọng Ni,
vạn cổ trường như dạ.*

Cho rằng nếu không có Khổng Tử, người Trung Quốc sẽ sống trong những năm tháng đen tối. “Đen tối” nói ở đây đương nhiên không phải là chỉ “không có ánh sáng” về ý nghĩa vật lý, mà là chỉ một trạng thái ngu muội vô văn hóa. Hai câu thơ này có lẽ có chỗ khen hơi quá mức, nhưng cũng bày tỏ đúng mức sự tôn sùng và ngưỡng mộ của người xưa đối với Khổng Tử.

Nhưng, bản thân Khổng Tử lại rất khiêm nhường, ông đã từng nói: Nếu nói đến Thánh và Nhân thì làm sao tôi dám nhận? Tôi chẳng qua là học tập và làm việc luôn không biết chán, dạy bảo người khác không biết mệt mà thôi. Công Tôn Hoa, đệ tử của ông nói: Đây chính là cái chúng tôi khó mà học tập được thật sự! Về sau trong sách *Mạnh Tử - Công Tôn Sửu* đã ghi một đoạn lời nói của Tử Công, một học trò khác của Khổng Tử: Học tập không biết chán, chính là chí; dạy người không biết mệt mỏi chính là nhân. Vừa có nhân lại có chí, Thầy (Khổng Tử) đã là bậc Thánh rồi.

Học không chỉ là học tập tri thức, mà còn là tu dưỡng nhân cách, Khổng Tử có thể giữ được nó mãi một cách tự giác. Dạy không biết mệt, không chỉ là có lo lắng phát ra từ trong lòng đối với sự vô tri của người khác, mà còn có thể đem hết khả năng của mình giúp đỡ người khác, đây chính là người có lòng nhân từ, mình làm nên giúp người làm nên, mình thành đạt giúp người thành đạt.

Việc hiếu học của Khổng Tử lúc sinh thời đã vô cùng nổi tiếng, ông trọn đời không có người thầy nhất định, bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu đều xin người khác chỉ bảo. Sách *Luận ngữ. Bát dật* ghi chép: Khổng Tử mỗi lần vào Thái miếu (tức miếu thờ Chu Công) gặp mỗi sự việc đều xin người khác chỉ bảo không chán. Có người liền chê cười ông: Ai bảo người con trai của Thúc Lương Hột (cha của Khổng Tử) hiếu lễ nghi? Vào Thái miếu, mọi việc đều phải hỏi người khác. Sau khi Khổng Tử nghe được, không chút hổ thẹn nói: “Đó chính là lễ nghi đấy!”.

Khổng Tử tổng kết ra một kinh nghiệm quan trọng về thái độ học tập là không những phải học tập những người có học vấn, có tài năng, còn cần phải biết lấy người vụng làm thầy, từ trong đó rút ra được bài học để răn mình, sửa đổi sai lầm, nâng cao học vấn và đạo đức của mình. Khổng Tử nói mấy người cùng đi đường với nhau, trong đó nhất định sẽ có người có thể cho mình nói theo. Ta chọn những ưu điểm của người ta để học, nhìn thấy những khuyết điểm của người khác để sửa đổi. Việc đó đương nhiên không chỉ là hiếu học mà còn là một cách biết học.

Khổng Tử đối với học tập như là đói cần ăn, khát cần uống, đến mức quên ăn quên ngủ, không biết tháng ngày trôi qua. Diệp công đã từng hỏi Tử Lộ, con người Khổng Tử này như thế nào? Tử Lộ không trả lời (thực ra là rất khó trả lời). Sau khi được nghe câu chuyện này, Khổng Tử đã nói với Tử Lộ: Vì sao anh không nói như thế này, ông ta là vì làm người, chăm chỉ đến mức quên cả ăn cơm, khi vui thì không biết buồn phiền, đến nỗi đều quên cả già nua sắp sửa đến, cứ như thế thôi.

Thái độ cuồng nhiệt đối với học tập này của Khổng Tử bắt nguồn từ nhận thức đúng đắn của ông đối với công dụng của học tập. Theo ông người ta chỉ có học tập, mới có thể từng bước thoát khỏi trạng thái ngu muội, biết được đạo lý “đổi nhân xử thế”. Khổng Tử nói: “Những bài thơ” (kinh Thi) làm cho tôi phấn chấn, kinh “Lễ” làm cho tôi có thể đứng vững trong xã hội, “âm nhạc” làm cho những điều tôi học được hoàn thành. Con người có mọi tri thức, mới có thể thật sự đứng vững trong xã hội, mới có khả năng trở thành “người có lòng nhân từ”. Hiếu học khiến Khổng Tử trở thành một nhà có học vấn lớn nổi tiếng thời xưa của Trung Quốc.

Khổng Tử không chỉ hiểu học, mà còn dạy bảo người khác không biết mệt, rất bằng lòng đem tri thức của mình truyền lại cho bất cứ người nào muốn học, bản thân việc này đã là sự biểu hiện rõ ràng tinh thần “nhân học”.

Thái độ dạy bảo người không biết mệt của Khổng Tử thật ra không phải là nhồi sọ một cách máy móc, ông rất chú ý “dạy theo năng khiếu”, căn cứ đặc điểm của từng người tiến hành chỉ bảo khác nhau. Có một lần, Tử Lộ hỏi Khổng Tử: Nghe được hai chủ trương hay, phải chăng lập tức bắt đầu hành động? Khổng Tử nói: Có phụ huynh có kinh nghiệm hơn anh ở đó, làm sao có thể lập tức đi làm ngay? Nên trước hết phải xin chỉ bảo. Nhiễm Hữu, một đệ tử khác của Khổng Tử cũng hỏi một vấn đề tương tự, Khổng Tử lại nói: Đúng, phải lập tức đi làm ngay. Công Tôn Hoa cảm thấy bối rối khó hiểu nói: Vì sao cùng một vấn đề mà Thầy lại có kiểu trả lời hoàn toàn ngược nhau? Khổng Tử nói: Nhiễm Cầu (tức Hữu) bình thường hàng ngày làm việc hay rụt rè, cho nên ta làm tăng thêm lòng dũng cảm cho nó. Trọng Do gặp việc vốn rất táo bạo, cho nên ta muốn ghìm bớt nó lại.

Nhan Hồi là một học trò được Khổng Tử vừa lòng nhất, nhưng cũng đôi khi bị phê bình thiện ý. Khổng Tử cho rằng Nhan Hồi quá ngoan ngoãn theo, đã nói: Nhan Hồi không phải là người có giúp đỡ đối với ta, anh ta không có ý gì không thích đối với những lời ta nói. ý nói là ý kiến của thầy giáo cũng không phải hoàn toàn đều đúng, học trò nên mạnh dạn chỉ ra, như thế cũng có ích đối với thầy giáo.

Khổng Tử cho rằng Tử Cống rất có tài hoa, nhưng quá thiên nặng về một mặt nào đó, không thể phát triển toàn diện, đã nói với Tử Cống một cách hình tượng. Anh chỉ là một khí cụ thôi! Tử Cống ngạc nhiên hỏi: Khí cụ gì ạ? Khổng Tử nói: Còn tốt, là một khí cụ khi cứng tế. Theo Khổng Tử, một người học để làm người, nhất định phải chú ý phát triển toàn diện, bằng không thì sẽ giống như một đồ vật chỉ giới hạn dùng vào một việc nào đó.

Khổng Tử có thể có sự hiểu một cách sâu sắc như thế đối với các đệ tử, lại tiến hành chỉ bảo đúng mức, đương nhiên các học trò của ông đều có thể nhận được ích lợi không nhỏ. Nhan Uyên (tức Hồi) ca ngợi Khổng Tử nói: Đạo của Thầy, càng ngược đầu lên nhìn, càng cảm thấy cao, càng dùng sức nghiên cứu, càng cảm thấy sâu. Thoạt nhìn hầu như là ở phía trước, bỗng nhiên lại đi đến phía sau rồi. Mặc dù những học vấn này là cao sâu và khó mà tóm bắt như thế, nhưng Thầy biết dẫn dắt chúng con từng bước, dùng mọi văn hiến (tài liệu lịch sử) để làm phong phú tri thức của chúng con, lại dùng lễ tiết nhất định để nâng cao phẩm đức của chúng con, làm cho chúng con muốn thôi học đều không thể. Những lời này của Nhan Uyên chính đã bày tỏ lòng kính phục và lòng cảm kích của các đệ tử đối với Khổng Tử.

Xét về căn bản, Khổng Tử “học không biết chán” là lấy việc làm cho mình trở thành người có lòng nhân từ làm mục đích. Khổng Tử “dạy bảo không biết mệt” là lấy việc làm cho người khác trở thành “người có lòng nhân từ” làm mục đích. Do vậy, hai phẩm hạnh này có thể làm cho Khổng Tử từ con đường học vấn đạt đến giới hạn của “lòng nhân từ”, lại dùng phương pháp của giáo dục thúc đẩy người khác trở thành “người có lòng nhân từ”.

Khổng Tử rất giàu lòng đồng tình, yêu quý sinh mệnh của người khác, hiểu rõ nỗi đau khổ của người đời, vui lòng giúp đỡ người khác.

Thời kỳ Ân Chu, bọn quý tộc quân chủ đều có nếp sống dùng người sống chôn theo người chết, kéo tận đến thời Xuân thu vẫn có việc dùng người sống chôn theo với người chết xảy ra. Tần Mục công bị ốm chết vào năm 621 trước công nguyên, mai táng ở xứ Ung (nay thuộc miền Nam huyện Phụng Tường tỉnh Thiểm Tây), số người sống chôn theo tới 177 người, trong đó còn có ba anh em “hiền lương” nổi tiếng với đời là Sử Am Túc, Trọng Hành và Thành Hồ. Sách *Tả truyện. Tuyên công năm thứ 15* ghi chép Ngụy Chuẩn nước Tấn có một ái thiếp, ông ta nói với người con trai rằng: Sau khi ông ta chết có thể để bà đi ra khỏi cung để lấy người khác. Nhưng khi bệnh lâm nguy, Ngụy Chuẩn lại làm ngược lại lời mình, lệnh cho con trai sau khi ông ta chết nhất định phải dùng người thiếp này chôn theo. May thay, người con trai của ông ta không nghe lời ông ta, sau khi người cha chết vẫn cho phép bà ta đi lấy người khác. Từ đó ta thấy, thời kỳ Xuân thu, nói chung người ta cũng phản đối phương thức dùng người sống chôn theo người chết cực kỳ tàn nhẫn này. Khổng Tử thì không những phản đối dùng người sống chôn theo, đến việc dùng tượng nộm hình người bằng gỗ hoặc đất nung chôn theo cũng đều rất ghét. Ông nói: Người đầu tiên tạo ra việc dùng tượng nộm bằng gỗ hoặc đất nung để chôn theo đáng phải đoạn tuyệt con cháu! Khổng Tử là một học giả lớn, lời chửi người thường không nói ra hết lời, nhưng chỉ người dùng tượng nộm bằng gỗ hoặc đất nung để chôn theo người chết sẽ “đoạn tuyệt con cháu” thì có thể thấy thái độ phản đối của Khổng Tử rất mạnh mẽ.

Thời đại Khổng Tử sống, trong xã hội vẫn có hàng loạt nô lệ không được xem là người, giá trị của họ thường thấp hơn súc vật. Nhưng có lần chuồng ngựa đột nhiên bị cháy, Khổng Tử vội vàng hỏi: Có bị thương người không? Mà không hỏi ngựa có bị thiêu cháy không? Việc này dùng cách nhìn của thời đại nay để xét hầu như hoàn toàn không có gì đáng nói, nhưng ở thời đó thì là một nỗi quan tâm và yêu quý mạnh mẽ vượt hẳn nếp sống của thế tục đối với sinh mệnh con người, đã biểu hiện tấm lòng rộng lớn vốn có của Khổng Tử với tư cách là một “người có lòng nhân từ”.

Thế giới tình cảm của Khổng Tử vô cùng phong phú, tràn ngập tình thương xót sâu sắc đối với người đời. Mỗi lần ông trông thấy người mặc đồ tang, người mặc lễ phục và cả người mù, dẫu là đối phương rất trẻ, cũng nhất định phải đứng dậy, vẻ mặt nghiêm túc cung kính và lễ độ. Khổng Tử nếu ngồi ăn cơm bên cạnh người có người thân vừa mất, từ trước đến nay vẫn không ăn no. Điều đó cũng chính là muốn nói, mặc dù không phải là người thân của mình tạ thế, Khổng Tử cũng rất đau buồn. Có một hôm, một nhạc công mù tên là Miện đến gặp Khổng Tử, đi đến mép phòng, Khổng Tử vội vàng nói với ông: Đây là bậc thềm. Đi đến cạnh chỗ ngồi, Khổng Tử lại nói: Đây là chỗ ngồi đấy. Sau khi mọi người đều ngồi xong xuôi, Khổng Tử bảo mãi không chán nói với nhạc công: người nào đó ngồi ở đây, người nào đó ngồi ở kia. Sau khi nhạc công Miện cáo từ ra về, Tử Trương liền hỏi: Đây phải chăng là phương thức nói chuyện với người mù? Khổng Tử trả lời: “Đúng, đây vốn chính là phương thức giúp đỡ người mù”.

Khổng Tử đặc biệt có thể hiểu rõ người khác, không những có thể chỉ ra những ưu khuyết điểm

đối với các đệ tử của mình như nhìn lòng bàn tay, mà cũng có thể phân tích cụ thể đối với những người hầu như không tốt, đặt mình vào chỗ họ suy nghĩ thay cho đối phương. Việc này trên thực tế cũng là sự vận dụng cụ thể “đạo lý tha thứ” suy bụng ta ra bụng người. Công Dã Trường, đệ tử của Khổng Tử, vì có chuyện nên bị bắt đưa vào nhà lao, Khổng Tử kinh qua xét hỏi, cảm thấy anh ta không có tội lỗi, do vậy đã gả con gái cho anh ta. Khổng Tử đối với bạn bè càng đối đãi thẳng thắn chân thành, giữ hữu nghị. Một người bạn cũ của ông tên là Nguyên Nhưỡng là một người rất tùy tiện, Khổng Tử đã từng vừa dùng chiếc ba toong gõ vào cái chân bó của ông ta vừa nói đùa: Cái con người này của ông khi trẻ đã không có nề nếp, sau khi lớn cũng chẳng có tiến bộ, cái thân già này của ông không chết, thật là một tên giặc! Nhưng khi mẹ của Nguyên Nhưỡng chết, Khổng Tử vẫn nhiệt tình giúp đỡ ông ta thu xếp quan tài làm việc tang, bản thân Nguyên Nhưỡng lại nháy lên quan tài, như điên như dại một mặt vỗ vào quan tài, một mặt xông vào Khổng Tử hát cười khì khì. Khổng Tử đã làm lơ như không nhìn thấy. Các đệ tử cảm giận bất bình nói: Bạn bè như thế sao còn không tuyệt giao đi? Khổng Tử trả lời: Chẳng phải nói, ban đầu là người gần gũi vẫn nên gần gũi hơn, vốn là bạn cũ vẫn là bạn cũ sao?

Khổng Tử xuất phát từ yêu mến con người dẫn đến quý vật. Có một lần, con chó của nhà ông chết, ông dặn Tử Cống đem chôn và còn dặn dò cẩn thận: Ta nghe nói, màn rách đừng vứt, dùng chôn ngựa. Mui xe cũ đừng bỏ dùng chôn chó rất tốt. Ta nghèo đến mức đến mui xe cũng không có, con sẽ lấy chiếc chiếu rách của ta đem đắp lên cho chó, đừng để đầu của nó lộ ra.

Khổng Tử hết sức đề xướng “Nhân chính”, yêu cầu những người quản lý quốc gia phải mến tiếc tính mệnh của dân chúng, quan tâm đời sống của nhân dân, làm cho đất nước giàu mạnh, thiên hạ yên bình.

Khi 51 tuổi, Khổng Tử làm chức Trưởng quan hành chính cao nhất (Trung đô tể) ở Trung Đô nước Lỗ (nay thuộc miền Tây huyện Văn Thượng tỉnh Sơn Đông) đã làm nên thành tích tương đối lớn, không bao lâu được thăng làm Tư không quản lý công trình, rồi lại từ Tư không chuyển thành Tư khấu quản lý Tư pháp, trong tay nắm quyền lớn. Nhưng ông đối đãi với mọi người ở quê hương vẫn rất kính cẩn vâng theo, giống như không biết nói chuyện. ở trong triều đình, ông giỏi trình bày chủ trương chính trị, nhưng lại vô cùng cẩn thận. Nói chuyện với cấp trên, Khổng Tử chính trực mà cung kính, nói chuyện với cấp dưới lại ôn hòa mà vui vẻ.

Khổng Tử làm chính trị, chủ trương dùng đạo đức cảm hóa dân chúng, phản đối đơn thuần dùng hình pháp. Ông nói: Đối với dân chúng, nếu như chỉ dựa vào ban phát mệnh lệnh, lại dùng hình pháp để cưỡng chế họ, dân chúng cũng chỉ có thể tránh được tội lỗi một cách tạm thời, lại không thể có lòng liêm sỉ và lòng người quy phục.

Khi làm quan, Khổng Tử thường xuyên xử lý các vụ kiện tụng, đồng thời cố gắng làm được công bằng hợp lý, nhưng ông theo đuổi là một mục tiêu cao hơn. Ông nói xét xử một vụ kiện, tôi và người khác không có gì khác nhau, nhưng phương thức tốt nhất là phải làm được không có người đến thưa kiện!

Khổng Tử đôi khi khoác lác nói: Giả như có người dùng tôi điều khiển việc hành chính quốc gia,

một năm thì đã tương đối, ba năm thì sẽ có thành tích rất lớn. Khổng Tử sở dĩ có lòng tin như thế là vì ông vững tin chủ trương nền “chính trị nhân từ” của mình là trên hợp với ý trời, dưới hợp với lòng dân.

Vậy thì nội dung cụ thể của “chính trị nhân từ” là gì?

Một lần, Tử Lộ hỏi như thế nào để làm tốt công việc quản lý quốc gia, Khổng Tử trả lời: Mình phải dẫn đầu dân chúng, sau đó làm cho họ làm việc cần cù, mãi mãi không nên lười biếng. Trong Cung làm Tổng quản của họ Quý, cũng hỏi Khổng Tử làm tốt chính trị ra sao, Khổng Tử truyền thụ kinh nghiệm nói: Phải dẫn đầu những người dưới quyền, không suy bì tính toán sai lầm nhỏ của người khác, cất nhắc nhân tài giỏi. Cho nên, theo Khổng Tử, muốn thực hành “nhân chính” với tư cách là người thống trị phải lấy mình làm gương, lời nói việc làm của bản thân phải thích đáng, không ra lệnh đối với dân chúng, sự việc cũng phải được thông báo. Nếu người ở địa vị quan chức, lời nói việc làm của bản thân không chính đáng, mặc dù nhắc đi nhắc lại, người khác cũng không thể tin phục. Khổng Tử luôn luôn nhấn mạnh người quản lý chính sự nếu có thể nghiêm chỉnh mình, quản lý việc nước sẽ quyết không có khó khăn gì. Nếu như đến mình cũng đều không nghiêm chỉnh được thì làm sao có thể nghiêm chỉnh người khác được?

Lỗ Ai công đã từng xin Khổng Tử chỉ bảo làm thế nào để quản lý tốt đất nước. Khổng Tử nói: chính là tuyển chọn và cất nhắc nhân tài. Lỗ Ai công lại hỏi: Làm thế nào mới có thể làm cho nhân dân phục tùng? Khổng Tử trả lời: bổ nhiệm những người ngay thẳng, cách chức những người gian ác, nhân dân sẽ phục tùng. Cách chức những người ngay thẳng, bổ nhiệm những kẻ gian tà, nhân dân không thể phục tùng. Từ đó ta thấy tuyển chọn người hiền đức bổ nhiệm người có tài năng cũng là bộ phận cấu thành hữu cơ trong chủ trương “Nhân chính” Khổng Tử đề xướng.

Khổng Tử còn cho rằng, lấy “Nhân” làm mục tiêu cơ bản làm chính trị, sẽ phải đạt được làm cho dân chúng trong thiên hạ có 3 điều: một là sinh mệnh có bảo đảm; hai là cuộc sống giàu có; ba là được giáo dục tốt. Có một lần, Khổng Tử đến nước Vệ, Nhiễm Hữu đánh xe thay ông, Khổng Tử tựa vào lan can quan sát quang cảnh hai bên đường, bất giác khen: Ôi, người đông đúc thật! Nhiễm Hữu nói: Người đã nhiều rồi, lại nên làm như thế nào? Khổng Tử nói: Làm cho họ giàu có lên. Nhiễm Hữu lại nói: Nếu như đã giàu có rồi sẽ làm gì đây? Khổng Tử trả lời: Giáo dục họ.

Khát vọng tha thiết đối với “nhân chính” khiến Khổng Tử vô cùng căm ghét đối với “bạo chính”. Một lần, Khổng Tử đi qua bên núi Thái Sơn, nhìn xa thấy có một phụ nữ đang khóc vô cùng thảm thiết bên một ngôi mộ hoang, Khổng Tử vịn vào một thành gỗ ngang ở trước xe yên lặng lắng nghe một lát, liền bảo Tử Lộ đi về phía trước đến hỏi han. Tử Lộ nói với người phụ nữ đó: Bà khóc thống thiết như thế, rốt cuộc là vì sao? Người phụ nữ đáp: Bố chồng tôi bị hổ ăn thịt, chồng tôi lại bị hổ ăn thịt, gần đây con trai tôi cũng bị chết dưới miệng hổ. Lại hỏi: Vậy thì vì sao bà không dọn đi? Người phụ nữ nói: Bởi vì những kẻ bắt phu, đòi thuế không thể đến nơi đây được. Tử Lộ nói lại với Khổng Tử, ông cảm khái nói với các đệ tử: Hãy lắng nghe cho kỹ,

“bạo chính” còn đáng sợ hơn cả mãnh hổ đấy!

Do Khổng Tử thường xuyên dùng đạo lý của “nhân chính” để dạy bảo các đệ tử, cho nên các học trò của ông cũng dần dần chịu ảnh hưởng rất sâu xa. Có một lần, nước Lỗ muốn sửa chữa kho bạc Trường Phủ, để có thể cất giữ được của cải lấy từ dân chúng nhiều hơn. Đệ tử của Khổng Tử là Mẫn Tử Khiên nói: Thôi, cứ để như cũ cũng được, vì sao cứ nhất định phải tu sửa? Khổng Tử tỏ ý khen nói: Con người này hàng ngày thường không hay nói, vừa nói đã nói rất đúng. Lại có một lần, Lỗ Ai công hỏi Hữu Nhượng: Mùa màng không tốt, tiền của nhà nước dùng không đủ, làm thế nào đây? Hữu Nhượng nói: Vì sao không thực hiện thuế suất mười phần thu một? Lỗ Ai công nói: Mười phần thu hai, ta còn không đủ dùng, làm sao có thể mười phần thu một được? Hữu Nhượng nói: Nếu dân chúng cái gì cũng đều đủ, làm sao Ngài có thể không đủ? Nếu dân chúng cái gì cũng đều không đủ, Ngài lại làm sao có thể đủ?

Khổng Tử còn có một tinh thần gánh vác “Việc trong thiên hạ là trách nhiệm của mình? Để cứu đời giúp dân, làm cho dân chúng trong thiên hạ đều có thể tắm trong ánh sáng của “nhân từ”, ông không quản gian lao không sợ hiểm trở đã biểu hiện ra một tinh thần hiến mình vĩ đại.

Khổng Tử vững tin không dè dặt đối với chủ trương “nhân chính lễ trị” của ông, nhờ sự gắng sức của quan niệm tinh thần này, ông có thể đối mặt với mọi nguy hiểm mà ung dung nói cười. Có một lần, Khổng Tử rời nước Vệ, chuẩn bị đến nước Trần, đi đến một địa phương gọi là Khuông (nay thuộc vùng tây nam huyện Trường Thán tỉnh Hà Nam). Người Khuông đã từng bị Dương Hóa nước Lỗ cướp và giết, chẳng may tướng mạo của Khổng Tử rất giống Dương Hóa, vì thế liền bao vây Khổng Tử và các đệ tử của ông 5 ngày, không cho họ đi. Các đệ tử đều có vẻ hoảng hốt lo sợ, chỉ có Khổng Tử vẫn bình tĩnh như thường, đồng thời còn an ủi các đệ tử: Sau khi Chu Văn vương chết, tất cả mọi di sản văn hóa chẳng phải đều bảo tồn ở ta đây phải không? Nếu trời muốn xóa bỏ những di sản văn hóa này, vậy thì ta cũng không thể giữ được những thứ văn hóa này nữa. Nếu như trời không muốn diệt hết những di sản này, thế thì người Khuông sao lại có thể làm gì được ta? Khổng Tử vững tin mình gánh vác sứ mệnh lịch sử, tự cho mình là “thay trời hành đạo”, điều này cố nhiên có màu sắc số mệnh sâu đậm, nhưng lòng tin và nghị lực của ông lại vẫn đáng được người đời sau ca ngợi. Về sau, nghe nói một đệ tử của Khổng Tử là Công Lương Nhữ có sức mạnh dẫn 5 chiếc xe, anh nói với mọi người: Tôi xem vẫn là phải chiến đấu thôi! Dù là phải chết cũng còn hơn bị vây khốn ở đây. Thế là anh dẫn đầu dũng mãnh liều với người Khuông một trận, người Khuông sợ hãi, do quý tộc Công Tôn Thú chiếm giữ Khuông thành đứng ra đàm phán điều kiện với Khổng Tử, sau đó mới giải được vây mất 5 ngày.

Lại có một lần khác, Khổng Tử dẫn các đệ tử rời nước Vệ, đến nước Tống, đang đi nhìn thấy một cây rất to. Khổng Tử cùng các đệ tử vừa nghỉ ngơi ở dưới gốc cây, vừa diễn tập các lễ nghi đã học. Tư - Mã Hoàn Đồi nước Tống sống vô cùng xa xỉ, đã từng làm cho mình một chiếc quách bằng đá, đã làm mất 3 năm mà vẫn chưa xong, làm cho những người thợ đều mệt mỏi và bị ốm. Khổng Tử đã vì việc đó từng đả kích ông ta một cách mạnh mẽ. Hoàn Đồi nghe nói Khổng Tử đến nước Tống lập tức dẫn một đoàn người ngựa đuổi đến, khí thế ầm ầm, chặt đổ cây to, rêu rao muốn giết chết Khổng Tử. Khổng Tử cùng các đệ tử đành đi khỏi, mọi người nói: Chúng ta phải chạy nhanh hơn một chút. Khổng Tử nói: Trời đã sinh phẩm đức thế này trên

con người của ta, nhất định sẽ phù hộ sự nghiệp của ta, Hoàn Đồi lại có thể làm gì được ta?

Còn có một lần nữa, Khổng Tử và các đệ tử bị bọn loạn binh bao vây ở biên giới nước Trần, lương thực mang theo cũng đã ăn hết sạch. Các đệ tử đi theo vừa đói vừa mệt, có một số đã bị ốm quật ngã. Còn Khổng Tử thì vẫn giảng bài như bình thường, còn đánh đàn ca hát. Tử Lộ rất không vui, hỏi Khổng Tử: Người quân tử có đạo đức có học vấn cũng có thể có lúc cùng khổ đến mức không còn biện pháp gì phải không? Khổng Tử đáp: Người quân tử không phải là không gặp nạn, nhưng chịu đựng nổi thách thức của khó khăn. Kẻ tiểu nhân không có đạo đức và học vấn dễ gặp khó khăn đã có thể buông thả mình, không từ việc gì không làm. Những lời này thật ra không thể an ủi được tất cả các đệ tử. Khổng Tử liền nói với Tử Lộ: Thời xưa có một bài hát, nếu hát lên là:

Vừa không phải hổ, lại không phải là tê giác,

Đi đi lại lại trên đồng không mông quạnh, là lý do gì?

Chúng ta người đang lâm vào tình cảnh khó khăn như thế, phải chăng đạo lý chúng ta đang tuyên truyền không đúng? Tử Lộ trả lời: Có lẽ là nhân đức của chúng ta không đủ, người khác không tin chúng ta. Có lẽ là trí tuệ của chúng ta không được, người ta mới không muốn thu nhận chủ trương của chúng ta. Khổng Tử lắc đầu nói: Do ời! Nếu có nhân đức thì có thể làm cho người ta tin, vậy Bá Di, Thúc Tề vì sao có thể chết đói hử? Nếu có trí tuệ thì làm được thông suốt, vậy trái tim của Tỷ Can vì sao có thể bị người ta khoét mất?

Tử Lộ ra khỏi, Tử Cống tiến lại. Khổng Tử lại hỏi: Thời xưa có một bài hát, nếu hát lên là: Vừa không phải là hổ, lại không phải là tê giác, đi đi lại lại trên đồng không mông quạnh là vì lý do gì?

Cũng hỏi lại Tử Cống. Phải chăng đạo lý chúng ta tuyên truyền không đúng, vì sao chúng ta bị vây ở đây? Tử Cống trả lời: Lý tưởng của Thầy quá cao, cho nên khắp nơi không thể tiếp thu. Thầy liệu có thể nhân nhượng một chút được không? Khổng Tử nói một cách không đồng ý: Tứ ời! Một người làm ruộng ưu tú có thể trồng trọt tốt, nhưng lại không nhất định có thu hoạch tốt. Một người thợ giỏi có thể làm ra các đồ dùng rất khéo léo, nhưng lại không nhất định đang đuổi kịp nhu cầu của người ta. Một người có triển vọng có chủ trương của mình, đồng thời có thể trình bày ra một cách rành mạch phân minh, nhưng người khác lại không nhất định sẽ tiếp nhận. Bây giờ anh không cố gắng bồi bổ thêm cho mình, lại ra sức tính toán người khác không tiếp nhận, chí khí của anh không khỏi quá nhỏ mọn!

Sau khi Tử Cống đi, Nhan Uyên lại tiến vào gặp Khổng Tử. Khổng Tử vẫn hỏi cùng một vấn đề, Nhan Uyên trả lời: Lý tưởng của Thầy rất cao, cho nên khắp nơi đều không thể tiếp thu. Nhưng, Thầy vẫn cố gắng tranh thủ thực hiện lý tưởng, người khác không tiếp thu, thế thì có quan hệ gì? Chính vì người khác không thể tiếp thu, nhưng Thầy vẫn cố gắng tranh thủ thực hiện lý tưởng, người khác không tiếp thu, thế thì có quan hệ gì? Chính vì người khác không tiếp thu, mới có thể khảo nghiệm công sức trau dồi của người có đạo đức, có học vấn. Không thể đưa ra chủ trương hay, đó là lỗi của chúng ta; có chủ trương hay mà không có người thực hành, đó là

nổi nhục nhã của người cầm quyền các nước. Người khác không thể tiếp nhận, lại có quan hệ gì? Người khác không thể tiếp thu, mới có thể khảo nghiệm công sức trau dồi của người có đạo đức, có học vấn.

Khổng Tử nghe xong, hết lời khen ngợi, nửa đùa nửa thật nói: Chính là cái đạo lý này đấy! Chàng trai nhà họ Nhan này, nếu anh có tiền, ta bằng lòng cho anh trông coi sổ sách. Sau đó, Khổng Tử sai Tử Cống đi cầu cứu quân nước Sở giúp đỡ, cuối cùng mới giải được vây.

Khổng Tử đầu tiên bị người Khuông bắt, sau bị Hoàn Đồi đuổi giết, lại gặp “tai họa ở Trần Thái”, sinh mạng bị uy hiếp, lại vẫn hết sức bình tĩnh, không hề dao động đối với lý tưởng và sự nghiệp của mình. Tư - Mã Thiên từng nói, Khổng Tử mang theo phương án trị quốc, du thuyết “hơn bảy mươi quân chủ”, cuối cùng không thể dùng. Đối với sự thất bại chính trị như thế, Khổng Tử cũng có thể thản nhiên tiếp nhận, đồng thời bền bỉ, vì nó mà ông đã từng chịu đủ mọi châm biếm và cười chê.

Có một hôm, Tử Lộ ngủ lại một đêm ở Thạch Môn, sáng sớm ngày hôm sau vào thành. Người gác cửa nói: Ngài từ đâu tới? Tử Lộ đáp: từ nhà Khổng Tử tới. Người coi cửa nói: Có phải chính là cái người biết làm không thành lại vẫn nhất định muốn làm không?

Lại một hôm khác, người điền nước Sở tên là Tiếp Dư đi qua xe của Khổng Tử hát lên: Phụng hoàng ơi, phụng hoàng ơi, vì sao đen đuôi như thế? Quá khứ không thể vót vát lại, tương lai vẫn còn kịp đuổi về. Thôi đi nhé, thôi đi nhé, kẻ cầm quyền hiện tại đang nguy ời là nguy! ý nói tất cả mọi cố gắng của Khổng Tử ngài đều phí công hết, không nên lại ngu dốt nữa. Khổng Tử sau khi nghe tiếng hát vội vàng xuống xe, muốn nói chuyện với Tiếp Dư, bực bạch nguyện vọng và theo đuổi của mình. Nhưng ông ta đã chạy đi mất hút, Khổng Tử bị một phen mất vui.

Còn một lần khác, Khổng Tử dẫn các đệ tử trên đường đi qua một đám ruộng, Trường Tử và Kiệt Nịch đang cùng nhau cày bừa, Khổng Tử sai Tử Lộ đến hỏi đường. Trường Tử hỏi lại Tử Lộ: Người ngồi trên xe chỗ kia là ai? Tử Lộ nói: Là Khổng Khuru. Lại hỏi: Có phải là Khổng Khuru nước Lỗ không? Tử Lộ nói: Đúng vậy. Trường Tử nói: Hừ! Người đó phải biết bến bờ ở đâu chứ! Nói xong liền cặm cụi làm việc. Tử Lộ đành quay sang hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch cũng hỏi lại Tử Lộ: Ông là ai? Tử Lộ nói: Tôi là Trọng Do. Lại hỏi: Ông là môn đồ của Khổng Khuru nước Lỗ phải không? Tử Lộ trả lời: Đúng thế. Kiệt Nịch nói: Việc đời này nay khắp nơi rối bời, ở đâu cũng đều giống nhau cả, ông cùng ai có thể làm thay đổi được nó? Thà ông đi theo chúng tôi, những người lẩn tránh cả cái xã hội này, còn hơn ông đi theo Khổng Tử, con người lẩn tránh người xấu? Sau khi nói xong, cũng tự lo làm công việc của mình trên ruộng. Tử Lộ quay về nói với Khổng Tử, Khổng Tử không vui nói: Chúng ta không nên chỉ chung sống với quần thể chim bay thú chạy, chúng ta nếu không giao thiệp với những đám người khác nhau, thì còn giao thiệp với gì nữa đây? Nếu như thiên hạ thái bình, ta đã không thể cùng các anh đi làm việc cải cách. ý nói là chính vì thiên hạ rối bời, những việc vô đạo nhan nhản khắp mọi nơi, cho nên mới không nên ẩn cư trốn đời, nhập bọn với chim muông, mà nên tích cực vào đời, cứu vớt xã hội, giúp đỡ dân chúng.

Từ đó ta thấy, học thuyết của Khổng Tử lấy “nhân” (nhân từ) làm hạt nhân, lấy việc thúc đẩy

con người thành “thánh”, thành “hiền”, thành “quân tử” làm mục tiêu. Người bình thường phần nhiều theo đuổi tiền tài vật chất nhiều, hoàn cảnh sống thuận lợi, hôn nhân mỹ mãn, tuổi thọ kéo dài, nhưng Khổng Tử cho rằng, duy chỉ có người “quân tử” cần mãi theo đuổi đạo đức cao cả trên tinh thần, mới có thể giành được hạnh phúc chân chính. Có một hôm, Khổng Tử ngồi ngay ngắn, nói đến đạo lý làm “quân tử” với các đệ tử. Ông nói: Phát tài và làm quan, đây là những cái mà người người đều hướng tới. Nhưng nếu như dùng thủ đoạn không đạo đức để đạt được, người quân tử cũng không làm.

Các đệ tử không hiểu: “Quân tử” vì sao có thể như thế? Những cái mà người đời mong muốn và cho là có thể mang lại hạnh phúc thì họ không theo đuổi. Những cái mà người đời ghét bỏ và cho là có thể mang lại đau khổ, họ lại không ra sức lẩn tránh. Hành động hướng tới và tránh như thế làm sao không làm cho người ta khó hiểu được?

Khổng Tử từ từ nói: Mấu chốt làm người quân tử là giữ vững nhân đức. Người quân tử nếu không có nhân đức, thì khó hoàn thành được thanh danh của mình. Cho nên, một người quân tử khi ăn cơm đều không quên nhân đức, lúc vui vàng cũng gắn liền với nhân đức, lúc đau khổ lang bạt kỳ hồ cũng giữ được nhân đức vững bền.

Ý kiến của Khổng Tử rõ ràng không sai: Hạnh phúc của người quân tử hoàn toàn không giống hạnh phúc của người đời. Người quân tử lấy việc giữ đạo đức làm hạnh phúc, mà người đời thì lấy việc giành được lợi ích vật chất làm hạnh phúc. Cho nên trong xã hội hiện thực, người quân tử dù khi rơi vào cảnh vô cùng bi thảm trong con mắt của người đời, cũng có thể thản nhiên được hạnh phúc. Còn người đời dù là ăn ngon mặc đẹp, toại nguyện và được thọ, trong con mắt của người quân tử cũng chưa hẳn là hạnh phúc.

Cho nên, khi Tư - Mã Ngưu hỏi đến biểu hiện bề ngoài của người quân tử, Khổng Tử không suy nghĩ gì thêm trả lời ngay: Người quân tử không lo, không sợ. Tư - Mã Ngưu cũng hơi khó hiểu, làm sao người quân tử lại có thể không lo không sợ được? Khổng Tử nói: người quân tử làm được “không thẹn hỏi lòng”, vậy thì còn có việc gì đáng lo và đáng sợ nữa?

“Lo” và “sợ” đều là trạng thái trái ngược của hạnh phúc, cái gọi là “không thẹn hỏi lòng”, tức là tất cả mọi lời nói việc làm trong hiện thực của người ta đều có thể được thuyết minh hợp lý trong quy phạm đạo đức ở trong lòng. Do đó, hoạt động của người ta giành được thành công cố nhiên không cần nói, dù là thất bại, mang lại nhiều đau khổ về thể xác, nhưng vì chúng phù hợp giá trị đạo đức, những “người quân tử” vẫn có thể thản nhiên nhận, không hề có chút ân hận, cũng không có lo âu và sợ hãi về tinh thần. Như thế sẽ đem trạng thái đau khổ mà người đời tránh chỉ lo là nó bất cập chuyển thành hạnh phúc.

Khổng Tử còn nói đến, người quân tử có thể “bình thản vô tư”, người tiểu nhân thì “hay buồn rầu”. “Bình thản vô tư” là có thể vượt qua tư lợi của mình và dục vọng vật chất mạnh mẽ của con người hiện thực, mọi chỗ mọi nơi theo lý để làm, để cầu được nhân đức, giữ được nhân đức làm sự thỏa mãn lớn nhất và hạnh phúc cao nhất của đời người, cho nên sẽ có thể đích thân ở trong hoàn cảnh ác liệt và đích thân chịu đau khổ của đời người mà vẫn giữ mãi được tâm trạng hạnh phúc “bình thản vô tư”. Còn về người “tiểu nhân” thì so đo tính toán với tư lợi của

mình, chăm chỉ tìm sự thỏa mãn ham muốn vật chất, luôn luôn hướng lòng ra ngoài, muốn cái này muốn cái kia, cho nên lời nói và việc làm của họ không có chuẩn tắc nhất định, chỉ chăm chăm trục lợi, không tài nào nhận được sự chống đỡ hợp lý trong tâm linh, nên đành lo ngại liên miên, suy hơn tính thiệt, khổ hết chỗ nói.

Như vậy, trong mắt của Khổng Tử, người “quân tử” có thể giữ được có nhân đức mới là hạnh phúc, còn những kẻ “tiểu nhân” có lẽ được ham muốn toại nguyện thì là đau khổ. Đạo đức có cao cả hay không trở thành tiêu chuẩn phân biệt hạnh phúc và đau khổ của Nho gia. Do vậy, có người “quân tử” lấy tâm lý và tinh thần đầy đủ làm hạnh phúc, cũng có kẻ “tiểu nhân” lấy thỏa mãn dục vọng vật chất làm hạnh phúc.

Theo Khổng Tử, ham muốn vật chất dẫn con người đến chỗ xấu, bừa bãi tình dục của mình, kết quả sẽ sinh ra xung đột với quy phạm đạo đức thiêng liêng, từ đó gây ra sự chỉ trích của người khác và xã hội, nó chỉ có thể đưa đời người đến vực thẳm đau khổ, đâu có chút gì hạnh phúc? Còn người ta nếu chuyên chú tu dưỡng đạo đức về tinh thần sẽ có thể làm trong sạch tâm hồn, nói những điều đáng nói, làm những việc đáng làm, phẩm chất đạo đức tự nhiên sinh ra hành động đạo đức. Có lẽ họ có thể vì thế gặp phải một số trắc trở và đau khổ thể xác, nhưng lại có thể được nhiều người và xã hội khen ngợi, điều đó chẳng lẽ không phải là hạnh phúc lớn nhất của đời người chăng?

Đây chính là Khổng Tử, một ông “Thánh” có máu có thịt, có tình có nghĩa, có lý tưởng có theo đuổi, có hành động đầy triển vọng.

3. Cuộc đời của nhà tiêu dao Trang Tử

Trang Tử tên là Chu sinh vào khoảng năm 369 trước công nguyên, mất năm 286 trước công nguyên, là nhà triết học nổi tiếng thời Chiến Quốc ở Trung Quốc, nhân vật đại biểu chủ yếu của học phái Đạo gia.

Nghe nói Trang Tử dựa vào nghề bện giày cỏ bán để duy trì cuộc sống, ở trong một ngõ nhỏ quá sơ sài, người mặt mày xanh xao. Có một lần nhà ông đã thiếu ăn mất mấy hôm, bất đắc dĩ ông phải đến nhà Lam Hà Hầu vay gạo. Lam Hà Hầu miệng nói đáp ứng cho vay, nhưng lại nói: Bây giờ tôi còn chưa có, đợi đến khi tôi lấy được bổng lộc thì sẽ cho ông mượn “ba trăm đồng vàng”. Trang Tử nghe xong liền phẫn nộ nói: Hôm qua khi tôi đến, trên đường đi láng máng nghe thấy một tiếng gọi tôi, nhìn kỹ thấy vốn là một con cá diếc rơi trong vết bánh xe đang gọi tôi. Tôi hỏi: Cá diếc ơi cá diếc, người làm sao bị khốn đốn ở đây? Cá diếc trả lời: Tôi là phu dịch của Đông Hải Long vương, do không cẩn thận bị rơi trong vết bánh xe khô khan này, xin ông kiếm một ít nước đến để cứu mạng sống của tôi. Tôi nói: Được! Ta sẽ đi xuống phía Nam để chặn dòng nước sông Tây Giang lại, làm cho nó chảy đến chỗ người đây, được không? Con cá

tức giận nói: Tôi chỉ cần một chút ít nước mà kịp thời đã có thể sống, ngài lại đi đến chỗ xa xôi như thế để lấy nước sông, tốt thì tốt thật đấy, nhưng đợi đến lúc dòng nước ngài tạo nên đến đây, tôi đã trở thành con cá chết khô đợi bán ở trong chợ rồi!

Ý tứ của Trang Tử kể câu chuyện ngụ ngôn này là chỉ trích Lam Hà Hầu không cứu gấp người vay, ông ta chỉ cần kê để nấu ăn cho đỡ đói thôi, mà Lam Hà Hầu lại lấy việc cho mượn “ba trăm đồng vàng” để lôi cuốn, lại thoái thác nói bây giờ không có, rõ ràng bày sò sò ra mưu đồ không tốt. Từ trong chuyện này, người ta có thể dễ dàng nhận ra cảnh khốn quẫn của cuộc sống hàng ngày của Trang Tử, nhưng đồng thời cũng có thể thấy rõ Trang Tử có trí tuệ cao siêu và tài năng hùng biện.

Trang Chu mặc dù nghèo khổ, nhưng lại xem giàu sang như rác rưởi. Sở Trang vương nghe người ta nói, Trang Chu là một người hiền tài, đã muốn thu nạp ông phục vụ cho sự nghiệp tranh bá của mình. Thế là liền sai sứ giả đem nhiều tiền bạc đến mời Trang Chu.

Sứ giả gặp Trang Chu, cung kính trình bày ý đến, dâng lên “nghìn vàng”, lại chuyển ý đồ của Sở Trang vương muốn mời ông làm “Khanh tướng”.

Trang Tử đặt sợi thừng cỏ trong tay xuống, cười nói: “Nghìn vàng” quả thực là một món của cải lớn. “Khanh tướng” đích thực là chức quan cao kính trọng. Nhưng, ông đã từng nghe thấy những con “trâu tể” chọn làm đồ tế lễ chưa? Hàng ngày dùng những thức ăn tốt nhất cho chúng ăn, trước khi tế lễ lại khoác lên nó bức “thêu hoa” xinh đẹp, nhưng cái đang chờ đợi chúng lại là vận mệnh bị giết thịt để tế tiên tổ. Lúc này con “trâu tể” dù có muốn làm một con lợn con cô đơn yếu đuối cũng không thể được. Ông nên nhanh chóng đi thôi! Tôi thà vui chơi trong nước bùn vẫn đục để tự vui, cũng không muốn bị quốc vương và chính trị ràng buộc suốt đời làm quan “để thỏa chí của mình thôi!”.

“Nghìn vàng” là thứ người đời tranh nhau giành lấy, nó có thể đổi lại mọi hạnh phúc cho đời. “Khanh tướng” vừa là cái mà người đời khát khao mong ước, càng là mục tiêu nhà Nho theo đuổi. Mặc dù người đời muốn là thăng quan phát tài, quyền thế ngút trời, còn nhà Nho hầu như cao thượng hơn, điều họ nghĩ là thi thố những điều mong ước ấp ủ trong lòng, quản lý quốc gia yên bình. Nhưng trong con mắt của Trang Chu, hết thảy những cái đó đều là một đồng “rác rưởi”, quan niệm hạnh phúc của ông chính là tự do thoải mái, không bị ràng buộc vì việc đời, để tiêu dao ở chốn không có nơi nào có”.

Trang Tử nói, người đời khó mà đi vào “tiêu dao”. Mấu chốt là ở chỗ con người luôn đi tìm vật chất ở bên ngoài, cho nên trước hết cần phải làm được việc “quên hết vật chất” đi. Điều này thật ra không phải chỉ ý vứt bỏ vật chất mà là muốn người ta không dừng lại ở vật chất, nghĩa là đừng “nghĩ ngợi” về việc được mất vật chất, mà nên có thì có, không cũng thôi, chỉ như thế thôi, xin đừng nên trong tâm linh phân biệt xằng bậy trạng thái tồn tại thực tế khác nhau của việc có và không, đặc biệt là quyết không thể lại hiện lên trong đầu óc việc bình xét giá trị tốt xấu giỏi kém, xấu đẹp, thiện ác, bởi vì những cái đó vừa vạy là động cơ thôi thúc con người đi tìm vật chất bên ngoài. Sau đó thì phải “quên nó”, “quên mình”, tức là không dừng lại ở quan hệ giữa người với người và thế giới khách quan, cũng không dừng lại ở thế giới chủ quan, toàn bộ

tinh thần và thể xác của con người hợp nhất với “Đại đạo” một cách tự nhiên, như vậy sẽ có thể hưởng hạnh phúc của “tiêu dao”.

Từ đó ta thấy, giành được chốn hạnh phúc “tiêu dao”, quyết không phải là chỉ người ta tách rời trần thế, thoát ly tất cả mọi quan hệ xã hội, cũng không phải như một số tôn giáo yêu cầu thông qua xám hối kiểu tự tìm đau khổ, hoặc chuộc tội tự hủy diệt để đạt được sự thăng hoa về tinh thần và tâm lý của mình, cuối cùng trở thành “Tiên”, thành “Phật”. Về bản chất “giao du thanh thoi” là muốn người ta đặt mình vào trong xã hội, hòa thành một khối vào trong quan hệ nhân tế, nhưng lại có thể không nghĩ ngợi về vật chất, không nghĩ ngợi về người khác, thậm chí không nghĩ ngợi về mình. Như vậy, ắt sẽ có thể giành được tự do tinh thần hoàn toàn, trong cuộc sống hiện thực trừ tai tránh họa, kéo dài tuổi thọ, hạnh phúc lạc quan.

Có một hôm Trang Tử ngủ, nằm mơ thấy mình đã biến thành một con bướm đáng yêu rất sống động, bay lên bay xuống an nhàn thanh thoi. Sau khi tỉnh lại, Trang Tử rất khó hiểu: Có phải mình nằm mơ mơ thấy bướm không? Hay là bướm nằm mơ mơ thấy mình đây? Bởi vậy, vạn vật và con người đều có thể “vật hóa” thành “một”, thành “đại đạo”, hiểu được điều này, đồng thời lấy nó xử lý, tức là đời người tới con đường hạnh phúc.

Trừ tai tránh họa, giành được hạnh phúc an nhàn thanh thoi như thế nào, là vấn đề chủ yếu của Trang Tử suy nghĩ, người ta cũng có thể thu nhận được nhiều gợi ý có ích trong sách Trang Tử.

Thế gian có rất nhiều hiện tượng kỳ lạ: Có nhiều người tài cao, năng lực giỏi, thanh danh truyền khắp thiên hạ, trong xã hội phấn đấu khắc khổ, có sự nghiệp thành công, nhưng đến cuối cùng, không chìm nổi bất định thì là gặp tai chuốc họa, thậm chí mất mạng. Còn có một số, không có chỗ đặc biệt lắm, cũng không có tài năng đặc biệt, bằng lòng với cái đã có, giấu tên giấu họ, nhưng chung cuộc lại thường khá, không tai không họa, an nhàn thanh thoi, cuối cùng tuổi cao mới chết.

Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm hiện thực này, Trang Tử đề ra người đời có thể dùng cách “vừa rỗng vừa rắn” để trừ tai tránh họa.

Có một hôm, một người thợ tên là Thạch đến nước Tề, đi qua địa phương Khúc Viên này, nhìn thấy có một cây sồi được người địa phương tôn thờ là “xã thần”, nhưng thấy tán cây của nó lớn đến mức có thể che được mấy ngàn con trâu, dùng dây thừng đo chu vi cây, to có đến mười trượng. Ngọn cây của nó cao gần đỉnh núi, thân cây cao đến tám mươi thước (xích) mới phân nhánh, nếu dùng nó để đóng thuyền, có thể đóng được hơn mười chiếc thuyền. Người đứng xem xung quanh, người đi kẻ lại như đi chợ, nhưng người thợ này đến việc nhìn cũng không thèm nhìn đã bỏ đi.

Đồ đệ của người thợ đứng ở bên cạnh cây đã xem đủ chán, rồi chạy đuổi kịp sư phụ, thở hổn hển nói: “Từ khi tôi cầm rìu đi theo thầy đến nay, vẫn chưa hề nhìn thấy qua một cây đồ sộ như thế này, nhưng thầy thì lại không thèm để mắt nhìn, một mực bỏ đi, đó là vì nguyên nhân gì?”.

Người thợ trả lời: Thôi, đừng lại nói đến nó nữa! Cây này không có một tí tác dụng gì. Dùng nó

đóng thuyền thì sẽ bị chìm, dùng nó làm quan quách thì rất nhanh chóng có thể mục nát, dùng nó làm các đồ đựng thì chốc lát sẽ có thể hỏng, dùng nó làm cửa có thể chảy nhựa mà lại không kín mối ghép, dùng nó làm cột nhà thì bị mối xông. Đây là loại cây không thể dùng làm vật liệu, không có tác dụng gì, cho nên nó mới có tuổi thọ dài như thế.

Người thợ về đến nhà, trên đường đi vất vả, buổi tối đã đi ngủ sớm, trong mơ nhìn thấy cây “xã thần” nói với ông: “Ông làm sao có thể dùng những cây có tác dụng để so sánh với tôi được? Những cây như cây sơn tra, cây lê, cây quýt, cây bưởi đều thuộc loại cây ăn quả, mỗi lần quả chín thì bị người ta hái, cành cây cũng theo đó bị tàn phá, cành lớn thì bị gãy, cành nhỏ thì bị kéo xuống. Đây đều là vì chúng có thể ra được những quả tươi ngon nên đã hại mình, cho nên thường không thể hưởng được tuổi thọ thiên nhiên đến cuối cùng mà giữa chừng bị chết yếu, tự chuốc lấy sự tàn phá của người đời. Các sự vật khác không có cái nào không như thế. Tôi có dụng ý tìm cách vô dụng đã rất lâu, hầu như không bị đốn chết, đây mới bảo toàn được tính mệnh. Cho nên cái vô dụng đã trở thành cái có ích lớn nhất của tôi. Giả như tôi có tác dụng, liệu còn có thể giành được tuổi thọ kéo dài, to đến như thế không? Huống hồ ông và tôi đều là “vật”, nhìn nhận sự vật giống như ông như thế làm sao có thể được? Ông chẳng qua chỉ là người không có ích hầu như gần chết, làm sao có thể thật sự hiểu được cái cây không có ích được?”.

“Cây sồi” sợ dĩ nó có thể tránh được bị chặt và chết yếu, lớn lên trông cành lá xum xuê, đồ sộ hùng vĩ như thế, mấu chốt là ở chỗ “vô dụng” của nó, vừa không thể đóng thuyền, đóng quan quách, làm đồ chứa, cũng không thể làm cửa, làm cột nhà, không có một chỗ nào dùng đến cũng đã hoàn thành được “tác dụng lớn” kéo dài tuổi thọ của nó.

Con người trong thế gian cũng là như thế, người có năng lực, người có tài ba, ắt có thể “xuất đầu lộ diện”, có địa vị cao trong xã hội. Nhưng cây to chuốc lấy gió, người kiên cường ắt chịu tổn thất, hoặc bị người khác ghen tỵ, hoặc bị cả đám người nổi dậy công kích, do vậy tai họa liên miên, tính mệnh khó giữ. Ngược lại, những người không có năng lực, người không có triển vọng làm nên, trong xã hội không khiến mọi người chú ý, không có tiếng tăm gì, trái lại có thể tránh được ghen tỵ của người khác, được hưởng cái điềm phúc yên ắng tĩnh mịch, tự do thanh nhàn, từ đó bảo toàn được tính mạng được hưởng hết tuổi trời.

Đạo lý sinh tồn của cây sồi mách bảo mọi người rằng, xử thế nhất định phải biểu hiện ra cái vẻ “vô dụng”, để tránh bị người ta công kích, tránh xa tai họa, giữ được thân thể vẹn toàn, đạt được hạnh phúc đời người. Đây cũng tức là do “tác dụng lớn” của cái “vô dụng”.

Có một người tên là “Zhi Li Shu” (Chi Li Sơ) học được rất tốt thứ triết học này. Ông ta có hình dáng rất làm cho mọi người khiếp sợ: Cái cằm ẩn giấu dưới rốn, hai vai cao quá cổ, tóc phía sau gáy chỉ ngược lên trời, cửa ra của các ngũ quan cũng đều hướng lên phía trên, hai đùi cùng mọc gộp vào với sườn ngực. Thường ngày, ông dựa vào việc may và giặt giữ quần áo cho mọi người để sống, lại giần cám sảy gạo cho người khác, tiền kiếm được có thể nuôi sống mười người. Đừng nhìn sự sống kỳ quái của ông, khi quốc gia gọi lính, ông ta vén tay áo vùng cánh tay đi đi lại lại trước mặt người tuyển lính. Quốc gia cần bắt lao dịch, Zhi Li Shu cũng vì thân thể tàn tật nên tránh được nỗi lo phải đi lao dịch. Nhưng quốc gia nếu phát chẩn gạo kê cứu tế cho người tàn tật thì Zhi Li Shu lại có thể được lĩnh đến ba chung lương thực và mười bó cỏ.

Người hình dạng tàn tật kỳ quái, vì cái “vô dụng” của họ đã được miễn trừ binh dịch có thể dẫn đến tử vong và lao dịch làm người ta bị mệt, còn vì cái “vô dụng” của nó, có thể được nhận cứu tế của xã hội. Hầu như so với người bình thường còn hạnh phúc gấp trăm. Đây cũng là ví dụ “vô dụng” dẫn đến có “tác dụng lớn”.

Nhưng, trong hiện thực, những người hoàn toàn vô dụng, hoặc bị mọi người khinh thường, hoặc tự sinh ra lòng tự ti mãnh liệt, hoặc bị xã hội coi thường thậm chí bị nhiều người chà đạp. Cho nên trong sách Trang Tử nêu lên, người ta muốn tiêu diệt tai tránh họa triệt để, còn cần vận dụng phương pháp có tầng thứ cao hơn.

Một hôm, Trang Tử dẫn học sinh đi trong núi lớn, bỗng nhiên trông thấy một cây to cành lá rất sum xuê, nhưng người đốn gỗ đứng ngay bên cạnh không động lòng. Hỏi lý do vì sao không đốn, họ trả lời nói: “Không có tác dụng gì”.

Trang Tử than rằng: “Cây này chính vì không ra thứ gì nên có thể hưởng được tuổi trời!” Mọi người cuối cùng ra khỏi rừng núi đến chỗ bạn của Trang Tử để ngủ lại. Người bạn kia rất vui mừng bảo người hầu làm thịt ngỗng để thết đãi. Người hầu hỏi: “Có hai con ngỗng, một con có thể kêu, còn một con không thể kêu, làm thịt con nào?” Người chủ nói: “Cứ làm thịt con không thể kêu kia”.

Ngày hôm sau, trên đường đi, các đệ tử hỏi Trang Tử: “Cây to hôm qua gặp ở trong núi, vì không ra thứ gì nên mới có thể hưởng thụ tuổi trời, như hôm nay ngỗng của chủ nhân lại vì không ra thứ gì nên bị làm thịt. Vậy xin hỏi Thầy, Thầy sẽ đối xử như thế nào?”

Trang Tử cười nói: “Ta sẽ nằm giữa hai cái trở thành hữu dụng và vô dụng, nhưng như thế vẫn không thể tránh gò bó và vất vả. Giá như có thể thuận theo tự nhiên mà tự do thoải mái vui chơi thì không phải như thế. Không có khen cũng không chê bai, lúc giống như rồng bay bổng lên, lúc giống như rắn ngủ qua đông, theo thời gian trôi qua mà thay đổi, không thiên về dừng lại ở một phương nào. Lúc tiến lúc lui, tất cả mọi việc đều lấy hòa thuận làm thước đo, sống ung dung tự đắc ở trạng thái ban đầu của vạn vật, sai khiến vạn vật mà không bị vạn vật sai khiến, như thế thì sẽ quyết không thể bị gò bó của mọi vật bên ngoài và vất vả”.

Trên thực tế ở chỗ này Trang Tử cung cấp cho người đời ba phương pháp sinh tồn để tiêu tai tránh họa: Một là, “dùng cái vô dụng”. “Cây to” lấy cái vô dụng của nó để hưởng thụ tuổi trời của nó, người đời cũng có thể dùng cái “vô dụng” để tránh xa tai họa. Nhưng đôi lúc cái “vô dụng” thuần túy vẫn có thể gặp phải phiền phức, giống như con ngỗng không biết kêu bị mổ thịt để đãi khách, con người “vô dụng” cũng có thể bị người khác làm nhục.

Cho nên người ta vẫn phải tuân theo nguyên tắc “giữa hai cái ra thứ gì và không ra thứ gì”, vừa không biểu hiện ra có triển vọng, có tài ba, có ích, cũng không hoàn toàn không có triển vọng, không có năng lực và vô ích. Cái trước thì tránh được ghen tỵ và đả kích của người đời, còn cái sau thì tránh được sự khinh rẻ và làm nhục của người khác.

Nhưng, người ta dù là có thể làm được “giữa hai cái ra thứ gì và không ra thứ gì” đi nữa, cũng không trọn vẹn hoàn toàn. Bởi vì người ta luôn là con người mình sa vào trong xã hội thế tục, còn phải tập trung tinh thần để ứng phó với mọi tổn thương ở bên ngoài có thể tạo nên cho

mình. Cho nên, muốn hoàn toàn trừ tai miễn họa, hưởng thụ tuổi trời, còn phải học được phương pháp “vừa rỗng vừa rấn”.

Phương pháp “vừa rỗng vừa rấn” đòi hỏi người ta phải giữ “Thiên đạo” và “Thiên đức” để tự kiềm chế và sống, đối với bất kỳ sự khen chê nào đều không động lòng. Vừa có thể là rỗng bay bổng lên mây, cũng có thể trở thành rấn ẩn nấu dầu vết trong đất. Từ việc không cố chấp giữ một cái gì, hoàn toàn lấy hòa thuận làm nguyên tắc xử thế, hoạt động trong cảnh hư vô vượt ngoài thói đời, làm chúa tể vạn vật mà không bị vạn vật gò bó. Như vậy, người ta ắt sẽ có thể “không có vất vả” dần bước vào vương quốc tự do thuần túy.

Từ đó ta thấy, phương pháp “vừa rỗng vừa rấn” tập trung vào một điểm, chính là muốn người ta chìm nổi thuận theo sự chìm nổi của vạn sự vạn vật, nhưng đây lại không phải là trôi theo dòng nước thuần túy tiêu cực bị động, mà là người ta phải trên cơ sở hiểu thấu triệt cái phổ biến của vũ trụ bao la và cái huyền bí của người và việc trong xã hội, cuộc sống của cá nhân thuận theo quá trình và trạng thái phát triển của sự vật, không mâu thuẫn với việc triển khai tự nhiên của vạn vật, cũng không trái với tiến trình tất nhiên của xã hội, như thế thì có thể không bị vạn vật sai khiến đồng thời lại sai khiến được vạn vật. Trong giới hạn đó, người ta đương nhiên có thể loại trừ được tất cả mọi tai họa, có thể sống hạnh phúc tùy theo ý muốn.

Xét từ khía cạnh hiện thực, phương pháp “vừa rỗng vừa rấn” khó tránh tỏ ra quá siêu thoát, mà còn mang tính tiêu cực rõ ràng. Nhưng, khi người ta đặt mình trong hoàn cảnh cực kỳ ác liệt, mà lại không có khả năng thay đổi, mà chống lại trực tiếp lại có thể gặp thảm họa giết mình, người ta có thể vận dụng thử phương pháp “vừa rỗng vừa rấn” để bảo hộ mình, tích tụ lực lượng, tránh họa cầu phúc.

Con người sống giữa trời đất, tai họa lớn nhất có lẽ chính là cái “chết”, đối với cái đó, Trang Tử cũng có cả một loạt ý kiến hoàn chỉnh của ông. Có một hôm, tai họa giáng xuống gia đình Trang Tử, đó là người vợ mà ông sống nương tựa vào, tình cảm rất sâu nặng qua đời. Người bạn tốt của Trang Tử là Huệ Tử vội vàng đến viếng, còn chưa bước vào cửa đã thấy Trang Tử ngồi xếp bằng, giơ chiếc chậu đất lên vừa gõ vừa hát, thật là thoải mái như không.

Huệ Tử trong lòng bỗng sinh ra không vừa ý liền nói: Ông đã chung sống với người vợ rất lâu, vợ ông sinh con đẻ cái và nuôi dưỡng đến nỗi già yếu mà chết, ông không than khóc thì thôi, lại “gõ chậu mà hát” chẳng phải thật quá đáng không!

Ông già Trang Tử dừng cái que nhỏ trong tay lại, ngẩng đầu lên nhìn Huệ Tử một cái, nét mặt đăm đăm nói: Ông nói không đúng. Khi bà ấy vừa mất, tôi không phải là không cảm thấy đau lòng? Có thể nghĩ kỹ một chút, con người này khi chưa sinh ra vừa không có sinh mệnh cũng không có hình thể, là cái gì cũng đều là “không có”. Bây giờ bà ấy chết, cũng như thế là từ có sinh mệnh có hình thể mà trở về với “không có”. Từ “không có” đến “không có” việc đó sẽ giống như bốn mùa xuân hạ thu đông thay đổi nhau theo tự nhiên. Bây giờ bà ấy đã yên ổn nằm ngủ giữa trời đất, mà tôi lại vây lấy bà ấy khóc lóc, tôi tự cho là không thông hiểu sự biểu hiện của “mệnh trời”, cho nên chi tôi đã chuyển ra gõ chậu để hát.

Trang Tử đem tính siêu việt tinh thần đối với họa chết quy kết thành thông với mệnh, tức là thật sự hiểu rõ sự hình thành và bản chất cấu thành sinh mệnh của con người. Cái gọi là trường sinh bất lão, chính là hòng làm cho hình thể và sinh mệnh vĩnh hằng. Cái gọi là hoảng sợ và đau buồn của con người đối với cái chết cũng chính là sợ sinh mệnh mất đi, thân thể suy tàn. Nhưng người ta có thể hỏi: trước khi mình có hình thể và sinh mệnh là trạng thái gì? Trang Tử cho rằng, con người vốn đã không có hình thể, không có sinh mệnh, chỉ vền vện trong ranh giới mờ mờ, bỗng nhiên biến đổi mà có được nguyên khí (sức sống), lại biến đổi tiếp mà có được hình thể, có được sinh mệnh. Con người sau khi chết, đã lại biến đổi trở về trạng thái ban đầu kia, quá trình từ sinh (có) đến chết (không), lại từ chết (không) đến sống (có) này thực tế là sự biến đổi theo tự nhiên hai hướng cùng thông nhau, đã là như thế, người sống sao lại phải vì sự trở về này của người chết mà khóc lóc? Người ta sao lại phải vì cõi đi về của cái phải chết mà lo lắng run sợ?

Trang Tử lại nói, người ta cố nhiên có thể thông qua trí tuệ sinh tồn hiểu thấu sinh tử tề nhất (sống chết như nhau) để vượt lên trên cái họa chết, nhưng điều quan trọng hơn vẫn là mọi chúng sinh cần phải nhận thức được hơn một bước là: xem cái chết là tai họa lớn nhất của việc sinh tồn của con người, bản thân việc đó là sai lầm. Chết chỉ vền vện là một trạng thái tồn tại thực, không có phân biệt của cái gọi là tốt xấu, hơn kém về giá trị, người ta quyết không thể chăm chăm đi đến gán ép phân biệt. Bởi vì người sống lấy việc sống làm vui, lấy việc chết là đáng buồn, biết đâu người chết không thể lấy việc sống là đáng buồn, mà chết là đáng mừng đây?

Có một hôm, ông già Trang Tử cưỡi ngựa đi đến nước Sở, trên đường đi nhìn thấy một cái đầu lâu, ông dùng chiếc roi gõ gõ, cảm khái nói: Tiên sinh, ngài là vì ham cầu sinh mệnh, mất đi chí lý mà trở nên như thế này ư? Hoặc là gặp phải việc mất nước, bị chém đầu bởi đao kiếm mà trở thành như thế? Hoặc có hành vi bất lương, lo lắng để lại nỗi nhục cho cha mẹ vợ con mà xấu hổ chết như thế? Hoặc là vì gặp phải tai họa đói rét mà trở nên như thế? Hoặc vì ngài hưởng hết tuổi trời mà chết trở thành đáng dấp thế này?

Trang Tử đi đã mệt, nói cũng đã mệt nhoài, bèn ngủ say ngáy khò khò bên chiếc đầu lâu. Nửa đêm, đầu lâu báo mộng cho Trang Tử, nói: Những nguyên nhân giả thiết ban ngày ông nói đều là mọi liên lụy gò ép người sống phải chịu, còn nếu là người chết, thì đã không thể có những gian nan khổ cực như thế. Ông có muốn nghe thử tình hình và đạo lý của người sau khi chết không?

Trang Tử đương nhiên rất bằng lòng. Đầu lâu liền nói tiếp: Con người một khi chết đi, ở trên không có sự thống trị của quân vương, ở dưới không có sự cai quản của quan lại. Bình thường không có sự vất vả của bốn mùa, ung dung nhàn nhã hưởng thụ thì giờ, căn bản không cần lo lắng năm tháng trôi qua. Dù cho cái vui sướng ngoạn mục về hướng nam để xưng vua cũng không bì kịp niềm hạnh phúc của tôi hiện nay.

Trang Tử lắc đầu không tin, thử thăm dò nói: Nếu như tôi làm cho thần trông coi sinh mệnh phục hồi lại hình thể vốn có của ngài, mọc lại da thịt của ngài, để ngài trở về quê hương gặp lại

cha mẹ, vợ con, hai bên bà con hàng xóm và các bạn bè, ngài có muốn không?

Đầu lâu mặt mày nhăn nhó tỏ ra rất lo lắng: Tôi làm sao có thể vứt bỏ cái sung sướng Nhìn về hướng nam để xưng vương mà lại chịu đựng nỗi lao khổ của nhân gian lại một lần nữa được? Đây đương nhiên là một câu chuyện ngụ ngôn, đầu lâu vốn không thể nói tiếng người, giảng đạo lý được. Trí tuệ sinh tồn mà Trang Tử trình bày ở đây là: Người ta sinh ra ở đời không nên quá giữ lấy cái sống mà nhìn họa chết quá lo sợ. Người sống thích với cái sống mà ghét cái chết, người chết cũng có thể bằng lòng với cái chết mà ăn năn với cái sống của họ. Cho nên chi, con người vừa nên thỏa mãn với cái sống, càng phải thuận theo cái chết, không phải cũng không nên lo lắng nhiều đối với họa chết.

Trí tuệ sinh tồn vượt lên họa chết này, có lẽ không phải là vật chất thực tại, nhưng vừa khéo giống như một chiếc thuyền tinh thần đưa con người đến bờ bên kia của quan niệm không có sống chết một cách nhẹ nhàng thoải mái. Con người hiện đại đích thực cần khám phá bản chất của cái chết, từ trong trí tuệ sinh tồn sống chết như nhau vén lên bức màn che thần bí trùm lên trên cái chết. Sau đó sẽ thấu hiểu tiếp trạng thái chết, từ tính bức thiết của cái chết ắt đến khích lệ ý thức phấn đấu lúc sống của mình nắm chắc hành trình sinh mệnh ngắn ngủi, khiến cho đời người càng thêm rực rỡ.

4. Cuộc đời của “đại trượng phu” Mạnh Tử

Mạnh Tử, tên là Kha sinh năm 373 trước công nguyên, mất năm 289 trước công nguyên, là người nước Trâu (nay thuộc vùng huyện Trâu tỉnh Sơn Đông), là nhà tư tưởng nổi tiếng thời xưa ở Trung Quốc, nhân vật đại biểu của học phái Nho gia.

Mạnh Tử là một người tràn đầy niềm tin đối với năng lực của mình, ông nói: “Nếu muốn bình trị thiên hạ, ở thời nay bỏ tôi thì còn ai đây?” Cho rằng nhiệm vụ nặng nề làm cho thiên hạ thái bình, Mạnh Tử tôi phải đảm đương mới được. Mạnh Tử đã có chí hướng cao xa như thế, cho nên vô cùng chú ý vấn đề nhân cách và khí tiết. Ông đề ra quan niệm đại trượng phu. Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo. Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu”.

Điều này có nghĩa là bậc đại trượng phu ở trong ngôi nhà nhân (tức nhân nghĩa) rộng rãi nhất thiên hạ, đứng trên vị trí lẽ đúng đắn nhất thiên hạ, đi trên đường lớn nghĩa sáng sủa nhất thiên hạ. Cho nên trong bậc đại trượng phu có đức và lòng tự tin đầy đủ, khi được chí, triển khai kế hoạch to lớn, mưu hạnh phúc cho sinh linh trong thiên hạ. Khi không được chí, cũng một mình có thể giữ vững nguyên tắc của mình, giữ được giàu sang không thể làm rối loạn lòng mình, nghèo hèn không thể làm thay đổi chí của mình, vũ lực không thể làm khuất phục khí tiết của mình.

Mạnh Tử nêu lên một học thuyết hoàn chỉnh về nhân cách và khí tiết - tinh thần đại trượng phu, mà bản thân ông chính là người thực hiện tinh thần này.

Nghe nói thời thơ ấu Mạnh Tử, nhà ở gần bãi nghĩa địa. Mạnh Tử ở tuổi thiếu niên thông minh hiếu học, hay bắt chước, thường học khóc đám ma và việc mai táng của những người ở trong nghĩa địa. Mẹ Mạnh Tử cảm thấy việc này không lợi đối với việc trưởng thành của con, thế là dọn nhà đến một nơi ở gần chợ. Nhưng khi Mạnh Tử làm trò chơi lại ra sức bắt chước tiếng rao hàng của người buôn bán. Mẹ ông cho rằng việc này không tốt, lại một lần nữa dọn nhà đến một nơi ở bên cạnh trường học, khiến Mạnh Tử từ bé đã có thể học tập mọi lễ nghi. Sách *Liệt nữ truyện* Mẫu nghi nói: Khi Mạnh Tử làm trò chơi đã luyện tập các việc cúng tế, lễ nghi và mọi cử chỉ. Lúc này mẹ Mạnh Tử mới thở phào nhẹ nhõm, cảm thấy nơi đây mới là nơi có thể cư trú. Đây chính là câu chuyện mẹ Mạnh Tử ba lần dọn nhà được lưu truyền rất rộng rãi trong xã hội thời xưa ở Trung Quốc.

Mạnh Tử khi mới đi học, tính nghịch ngợm không hiếu học. Một hôm, ông đột nhiên vô cớ nghỉ học về nhà. Mẹ Mạnh Tử hỏi: Vì sao không chăm chỉ học ở trường? Mạnh Tử vờ vịt nói: Con bị mất mấy thứ mới đi về để tìm lại. Mẹ Mạnh Tử nghe xong rất giận liền lấy dao chặt đứt vải đang dệt trên khung cửi. Mạnh Tử kinh sợ liền hỏi nguyên do, bà nói: Con phải chăm chỉ học tập, mới có tri thức, tương lai sẽ trở thành tài năng lớn. Hiện nay con luôn muốn giữa chừng thôi học, giống như mẹ chặt đứt vải trên khung cửi, không thể cứu vãn nổi. Bây giờ con không cố gắng, tương lai sau này đành phải làm những việc tạp nham. Từ đó về sau Mạnh Tử bắt đầu quyết tâm cố gắng học tập. Có một lần, nhà hàng xóm đang mổ lợn, Mạnh Tử hỏi mẹ: Nhà bên cạnh giết lợn để làm gì? Mẹ Mạnh Tử buột miệng trả lời luôn: Cho con ăn! Nói xong trong lòng hơi hối hận, thầm suy nghĩ: Khi mình có thai đứa bé này, chiếu trái không ngay ngắn không ngồi, đồ ăn thái không vuông vức không ăn, bây giờ nó đã lớn lại rất thông minh, nếu ta lừa gạt nó là điều thất sách về dạy con! Do vậy đã thật sự đi đến nhà hàng xóm mua thịt về nấu cho con ăn, chứng tỏ bà là người lời nói thống nhất với việc làm.

Mạnh Tử chính đã trở thành một học giả lớn dưới sự dày công dạy dỗ và bồi dưỡng của người mẹ như thế.

Sau khi Mạnh Tử lớn lên đã đến học ở Khúc Phụ, quê hương của Khổng Tử, tôn học trò của Khổng Cấp (tức Tử Tư), cháu của Khổng Tử làm thầy học, mà Tử Tư lại đã từng theo học nghề với Tăng Tử là học trò của Khổng Tử. Nghe nói Tử Tư đã từng viết sách *Trung dung*, có nhiều điều phát huy đối với học thuyết của Khổng Tử, Mạnh Tử thông qua môn đệ của Tử Tư nắm vững học thuyết của Khổng Tử một cách tương đối toàn diện, đã đặt nền móng chắc chắn cho việc gây dựng về học thuật của ông từ đó về sau này. Người đời sau còn đem học phái của ông và học phái của Tử Tư gọi chung là học phái Tư Mạnh. Khoảng sau hai mươi mấy tuổi, Mạnh Tử bắt đầu thu nhận rộng rãi các môn đồ truyền thụ học thuyết Nho gia, trước sau đã có hơn mấy trăm người thuộc về học phái của ông, trong đó có bảy người có thành tựu về học tập như Lạc Chính Tử, Vạn Chương, Công Tôn Sửu, Công Đô Tử, ốc Lô Tử, Trần Trăn, Sung Ngu, được Mạnh Tử và người đời sau ca ngợi.

Sau tuổi bốn mươi Mạnh Tử bắt đầu dẫn các đệ tử chu du các nước, hy vọng có thể tìm được những ông vua sáng suốt thu nạp phương án nhân chính của ông, cá nhân cũng có thể khai triển kế hoạch lớn. Trong quá trình du thuyết các chư hầu, Mạnh Tử dám nói thẳng không kiêng dè, đối diện với các vương hầu quyền thế nghiêng trời, Mạnh Tử đã giữ được tôn nghiêm nhân cách của mình, không hề tỏ vẻ a dua nịnh hót.

Có một lần, Tề Tuyên vương hỏi Mạnh Tử: Trước kia có thật có bầy tôi Thương Thang tù đầy Hạ Kiệt là vua, và bầy tôi Vũ vương đánh dẹp Ân Trụ là vua không? Mạnh Tử trả lời: Sử sách ghi chép như thế. Tuyên vương lại nói: “Là bầy tôi giết chết ông vua của họ. Việc đó làm sao có thể được? Mạnh Tử nói: Người phá hoại nhân ái gọi là giặc, người phá hoại đạo nghĩa gọi là tàn nhẫn. Con người như thế, chỉ có thể gọi là Kẻ độc tài. Tôi chỉ nghe thấy Chu Vũ vương đã giết tên độc tài Ân Trụ, từ trước đến nay chưa nghe nói ông ta là bầy tôi giết vua. Mạnh Tử dám nói thẳng trước mặt quân vương “bạo quân có thể giết”, đích thực có khí phách đại trượng phu không khuất phục trước uy vũ.

Mạnh Tử cả một thời gian dài với thân phận là người áo vải lẫn lộn giữa quyền quý, trước nay không vì địa vị mình thấp hèn mà sinh ra một li một tí nào băn khoăn về tâm lý, ngược lại ông lấy việc “uốn nắn sai trái trong lòng bậc quân vương” làm chí, khắp mọi chỗ mọi nơi giữ được tính độc lập của nhân cách, thể hiện rõ trong mình tràn ngập “tinh thần quang minh chính đại” (Hạo nhiên chi khí). Mạnh Tử đã bộc bạch lòng mình như sau: Những kẻ tiểu nhân nắm quyền chấp chính không đáng tốn công sức để khiển trách, hoạt động của họ cũng không đáng bận tâm trách móc. Đại nhân (nhân vật lớn) sẽ nên uốn nắn, sửa chữa ý nghĩ và hành động không chính đáng. Bởi vì ông vua có nhân, thì không có ai không nhân, ông vua có nghĩa, thì không ai không có nghĩa. Ông vua lập được chính thì không ai bất chính. Chỉ cần ông vua đoan chính, quốc gia sẽ có thể yên ổn. Mạnh Tử trên thực tế cho rằng, giải quyết vấn đề phải nắm chỗ căn bản, phải làm cho nhân nghĩa tràn ngập khắp nơi, dân chúng trong thiên hạ hạnh phúc sẽ nên chủ yếu làm công việc chấn chỉnh bậc quân vương.

Có một lần, Mạnh Tử không khách khí nói với Tề Tuyên vương: Ông vua nếu xem kẻ bầy tôi là tay chân của mình, thế thì kẻ bầy tôi cũng có thể xem ông vua là người tâm phúc. Ông vua xem kẻ bầy tôi là chó ngựa, vậy thì kẻ bầy tôi sẽ có thể xem ông vua là người bình thường. Ông vua xem các đại thần là bùn đất cỏ rác, thế thì các đại thần cũng có thể xem ông vua là thù địch. Trong tình huống quyền lực của ông vua cao đến tuyệt đối, Mạnh Tử dám đòi hỏi ông vua phải tôn trọng nhân cách của các đại thần, những lời đó khi ông vua nghe đương nhiên là không thích, Mạnh Tử không vì thế mà chùn bước, mà dựa vào khí phách kiên cường bất khuất là người thầy dậy vua một mình thực hiện trong thiên hạ.

Mạnh Tử đã từng triển khai cuộc tranh luận với mưu sĩ Cảnh Xuân, nội dung tranh luận là về loại nhân tài nào mới là đại trượng phu chân chính. Cảnh Xuân nói: Công Tôn Diễn và Trương Nghi chẳng lẽ không phải là bậc đại trượng phu? Họ vừa cẩu lên là các chư hầu đều đã phải sợ, họ vừa bình tĩnh lại là thiên hạ liền thái bình vô sự.

Công Tôn Diễn là người nước Ngụy, là thuyết khách nổi tiếng thời Chiến quốc đã từng đeo

tướng ẩn năm nước. Trương Nghi cũng là người nước Ngụy, đã từng du thuyết sáu nước liên minh chống Tần, là đại biểu của các nhà tung hoành đương thời. Cảnh Xuân cho rằng họ quyền thế kinh người, hễ động dậy đầu ngón chân là đều có thể khiến cho mặt đất rung chuyển, cho nên thật là một bậc đại trượng phu. Mạnh Tử không cho như thế là đúng, ông nói: Tôn Công Diễn, Trương Nghi, loại người này căn bản không thể được coi là đại trượng phu. Cảnh Xuân, ông chẳng lẽ chưa học qua lễ? Khi người con trai lớn lên sẽ đội mũ lễ lên, là người cha luôn phải hết sức chỉ dẫn, khi người con gái lớn lên phải đi lấy chồng, người mẹ phải khuyên nhủ, tiễn con đến tận cổng dặn dò con: “Đến nhà người ta con nhất định phải có lễ phép kính cẩn nghe theo, phải rất mực cẩn thận, không được làm trái ý chồng”. Đây là đạo làm vợ lấy thuận theo làm nguyên tắc lớn nhất. ý Mạnh Tử nói là, bọn Tôn Công Diễn, Trương Nghi đều là những người đón ý hùa theo quốc vương, nịnh nọt cầu vinh, là chính khách cậy quyền thế tác oai tác quái, dùng quyền lực hoặc bạo hành để khiến người khác thuận theo. Việc này trên thực tế là một kiểu của đạo làm vợ, đâu phải là những việc làm của đại trượng phu. Đại trượng phu chân chính là những người chính nghĩa ở trong lòng, dùng đạo nhân cảm hóa thiên hạ, họ bất kể là thái độ làm người hoặc là xử thế đều chú trọng “lý do đúng đắn, nói năng có khí thế”. Còn đại trượng phu mà Cảnh Xuân nói thì dựa vào việc lấy thế đè người, dùng quyền khuất phục người khác, trong hành động hiện ra ngoài biểu hiện vẻ hùng hổ, không ai bằng mình, vỗ ngực ta đây, ai theo ta thì sống, ai chống ta thì chết, trên thực tế đây chính là biểu hiện trong lòng họ không có chính nghĩa, tinh thần không có sức mạnh đâu có phải là đại trượng phu chân chính?

Trong ánh mắt của Mạnh Tử, Đại trượng phu chân chính lấy đức để thuyết phục người mà không lấy sức mạnh để đè ép người. Đại trượng phu đội trời đạp đất, nguyên nhân không phải ở chỗ họ có quyền lực tối cao, địa vị cao nhất, khí phách hơn người hay không, mà mấu chốt là ở chỗ họ bên trong có đức tính phong phú, bên ngoài có thể tuân theo tiêu chuẩn chính nghĩa, cho nên, Mạnh Tử mỗi khi đến một nơi nào, mỗi khi gặp một người nào luôn luôn nói nhiều đến vấn đề nhân nghĩa.

Vào khoảng năm 320 trước công nguyên, Mạnh Tử đến nước Ngụy, Lương Huệ vương khẩn thiết hỏi: Thừa Lão tiên sinh, Ngài không quản đường xa ngàn dặm quá bộ đến đây, chắc hẳn có thể mang đến lợi ích rất lớn cho đất nước tôi chăng? Mạnh Tử trả lời: Thừa Đại vương, Ngài việc gì phải vừa mở miệng nói đã nhắc đến lợi đây? Chỉ cần nói đến nhân nghĩa đã đủ rồi.

Khoảng năm 318 trước công nguyên, Mạnh Tử lại đến nước Tề, được nhận ưu đãi và tôn trọng hoàn toàn.

Tề Tuyên vương hỏi Mạnh Tử: Sự tích xưng bá của Tề Hoàn công, Tấn Văn công thời Xuân thu, Ngài có thể kể qua cho tôi nghe được không? Tề Hoàn công tên là Tiểu Bạch, Tấn Văn công tên là Trùng Nhĩ, ở thời Xuân thu đã từng lần lượt hoàn thành nghiệp bá. Tề Tuyên vương cũng rất muốn bắt chước, dùng mưu đồ phát triển. Nhưng Mạnh Tử lại không hề nói đến những việc này, và nói, các học trò của Khổng Tử không nói những sự tích của Tề Hoàn công và Tấn Văn công, cho nên không có truyền lại, tôi cũng chưa từng nghe qua. Tiếp đó, Mạnh Tử bèn nói nhiều với Tề Tuyên vương dùng sức mạnh của nhân đức như thế nào thống nhất thiên hạ mới có thể xưng vương thiên hạ, đã chỉ ra rằng: chỉ có làm cho dân chúng đều có tài sản cố định,

người ta mới có thể có lòng trung thành ủng hộ và yêu mến vua. Chỉ có được lòng dân, mới có thể xưng vương với thiên hạ. Cho nên, mấu chốt của việc quản lý đất nước và lấy được thiên hạ đều ở chỗ giữ được lòng nhân ái.

Mạnh Tử chu du khắp Tề, Lương, Tống, Đằng, cố gắng không mệt mỏi, kiên nhẫn dùng đạo lý nhân đức, nhân ái, nhân chính khuyên răn quốc vương các nước, tuy thường bị đối đãi lạnh nhạt, bị xem là “xa vời không thiết thực với sự tình”, không hợp thời, không trúng ý của quân vương. Nhưng ông trong tình thế càng không thuận ý chí càng thêm kiên định, không chịu để rơi “chí thanh vân”, chưa bao giờ tỏ vẻ buồn chán. Theo Mạnh Tử, đại trượng phu làm việc chỉ lấy điều nghĩa ở trong lòng làm tiêu chuẩn giá trị, chỉ cần làm điều nghĩa, dù là người khác không nghe, không theo cũng nhất định phải làm. Nếu như không hợp điều nghĩa, thì dù có nhiều người hết sức khen ngợi, thậm chí phú vinh hoa dễ như lật bàn tay, thế thì cũng quyết không làm. Thực tiễn chính trị của Mạnh Tử có lẽ là thất bại, nhưng tinh thần đại trượng phu Mạnh Tử đề xướng và phẩm chất và khí tiết của cá nhân ông thì lưu tiếng thơm muôn thuở, giới hạn tinh thần và mô thức thực tiễn đối với người Trung Quốc đời sau có ảnh hưởng rất sâu xa.

Sách *Mạnh Tử* ở thời Tống được Chu Hy liệt là một trong *Tứ thư* (tức bốn sách: *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử*, *Đại học*, *Trung dung*), về phía nhà nước thời Minh lại xếp sách *Mạnh Tử* chính thức vào *Thập tam kinh*, thi cử về khoa cử hai triều Minh, Thanh, sách *Mạnh Tử* đều là sách cần phải đọc. Từ Nguyên, Minh về sau Mạnh Tử càng được tôn là á thánh, cùng được hưởng tế lễ ở các Miếu Khổng khắp nơi cùng với Thánh nhân Khổng Tử, những điều đó đương nhiên đều không phải là khi Mạnh Tử sống có thể ngờ tới được. Điều cần phải nêu ra là, bất kể là đời sau có “khiêng kiệu đón rước” hay không, con người và sách của Mạnh Tử đều có tác dụng to lớn đối với việc đào luyện nhân cách và khí tiết hướng về dân tộc Trung Hoa cổ xưa.

5. Cuộc đời của Mặc Tử - con người bền bỉ bất khuất

Mặc Tử sinh vào khoảng năm 468 trước công nguyên, mất năm 376 trước công nguyên, ông là người nước Lỗ, cũng còn gọi ông là người nước Tống.^[1]

Ông là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà chính trị thời Xuân thu Chiến quốc ở Trung Quốc. Ông đã từng tự xưng là người hèn, cả một thời gian dài làm lao động chân tay, những việc ông nói và bàn cũng phần nhiều là công việc canh tác và dệt. Mặc Tử còn là một người thợ tài giỏi có hoa tay phi phàm lúc đương thời, tương truyền trong thời gian rất ngắn ông dùng một mảnh gỗ ba tấc gọt đẽo thành một chiếc ổ trục có thể chịu tải đến 600 cân (đơn vị đo lường của Trung quốc 1 cân = 0,5 kg). Ông còn đã từng chế tạo một con “điều hầu” (một vật bay) có thể bay liên tục ba ngày trong không trung. Những thành tựu khiến người ta kinh ngạc này làm cho Mặc Tử xứng danh ngang hàng với Công Tả Ban, người thợ nổi tiếng thời đó (tức Lỗ Ban).

Mặc Tử sau khi lớn lên, không thỏa mãn với cuộc sống làm nghề thủ công để mưu sinh, chăm chỉ phấn đấu học tập, cuối cùng đã trở thành một kẻ sĩ tri thức vô cùng uyên bác. Có một lần, Mặc Tử đánh xe đến nước Vệ, trong xe chất đầy các loại sách, người học trò là Huyền Đường sau khi thấy có vẻ ngạc nhiên hỏi: Thầy vì sao mang nhiều sách như thế này? Mặc Địch (tức Mặc Tử) trả lời: Trước kia khi Chu công là Tướng quốc, buổi sáng đọc sách “một trăm thiên”, buổi tối phải bàn luận “quốc gia đại sự” với 70 danh sĩ,... Ta bây giờ vừa không làm quan, lại không cày ruộng, thế thì dám không đọc sách ư?

Mặc Tử bản thân học rộng tri thức nhiều, ông yêu cầu các học trò không nên đọc sách cứng nhắc, cho rằng điều quan trọng nhất là nắm được nghĩa tinh túy trong sách, từ đó có thể phân biệt được điều phải điều trái. Có một lần, Sở vương nói lý luận của Mặc Tử quá chất phác thẳng thắn, không có gì là văn vẻ và khí thế của nhà hùng biện. Học trò của Mặc Tử là Điền Cầu giải thích: Nêu ra một lý luận, nếu dùng rất nhiều từ hoa lệ để chải chuốt, sẽ làm cho người ta chỉ chú ý về hoa lệ của ngôn ngữ mà quên lĩnh hội ý tứ sâu xa trong đó. Cho nên, Mặc Tử cho rằng việc học quyết không theo đuổi việc chấp nối ngôn từ, hùng biện nghe vui tai, mà mọi chỗ hiện ra rõ đặc sắc coi trọng thực tế, đề xướng vị lợi. Mặc Tử từng chỉ ra rằng, người ta đều đã từng đua nhau cùng ngợi khen báu vật “Ngọc quý của họ Hòa”, “Hạt châu của Tùy hầu”, thật ra không phải là “của báu tốt”, bởi vì chúng đều không thể mang lại lợi ích vật chất thực tế cho người ta.

Hoài bão cuộc đời của Mặc Tử chính là phải “dấy lợi cho thiên hạ, trừ hại cho thiên hạ”, nhưng làm thế nào mới có thể làm được việc này, Mặc Tử cũng đã trải qua một thời kỳ mò mẫm. Có một hôm, Mặc Tử nói, bản thân ông từng nghĩ và đã làm một nông phu hoặc thợ dệt, dùng thành quả lao động của mình giúp người đời tránh được nỗi khổ đói rét. Nhưng những thứ cá nhân sản xuất ra vẫn có hạn, căn bản không thể thỏa mãn được nhu cầu của vô số dân chúng nghèo khổ trong thiên hạ, cho nên ông cảm thấy vẫn nên nghiên cứu sâu sách của bậc thánh vương thời xưa, dùng “đạo của các bậc tiên vương” trên là khuyên những người thống trị, dưới là dạy cho dân chúng bình dân, khiến cho người người đều cố gắng làm việc, làm tốt việc sản xuất, như thế mới có thể thật sự thực hiện được hoài bão đời người của mình là “Dấy lợi cho thiên hạ, trừ hại cho thiên hạ”. Dựa theo nhận thức này, Mặc Tử cũng giống như Khổng Tử thực hành phương án “Nhân chính lễ trị” (quản lý đất nước bằng nhân từ và khuôn phép) ngày trước, năm “mười chủ trương lớn” du thuyết khắp nơi, từng đến các nước Lỗ, Tống, lại đi qua các nước Tề, Vệ, Sở, Việt.

Ông đã cố gắng không mệt mỏi bán rao lý luận của mình với quân vương các nước, hy vọng có thể thực hiện xã hội lý tưởng như sau: Người già mà không có con cái có thể được hưởng hết tuổi trời. Người cô độc không có anh em có thể có cơ hội mưu sinh. Người trẻ không có người thân có thể trưởng thành thuận lợi. Mọi người trong thiên hạ đều có thể thực hành “kiêm ái”, yêu người khác như yêu mình, yêu gia đình người khác giống như yêu gia đình mình, yêu quốc gia khác như yêu quốc gia của mình v.v... Tóm lại là phải làm cho mọi người trong thiên hạ đều đắm chìm trong bầu không khí hài hòa cùng yêu thương nhau, cùng giúp đỡ lẫn nhau và cùng có lợi, sống cuộc sống hòa bình, tiết kiệm, làm việc kết hợp nghỉ ngơi và hạnh phúc vui thú tràn

trề.

Mặc Tử suốt cả đời người không có việc gì đều không theo đuổi “Dấy lợi cho thiên hạ, trừ hại cho thiên hạ”, ông trước sau không nghĩ đến tư lợi của cá nhân, một lòng một dạ vì lợi ích của dân chúng trong thiên hạ xông vào chốn nguy hiểm. Trong sách *Lỗ vấn* ghi chép lại, Việt vương rất kính phục tài năng của Mặc Tử, để mời ông đến cư trú ở nước Việt đã chuẩn bị phong 500 dặm đất cho ông. Sau khi Mặc Tử biết tin, nói: Giá như Việt vương dùng chủ trương của tôi, tôi cũng chỉ cần ăn no cái bụng, đủ áo che thân mà thôi, đòi hỏi đất phong của ông ấy liệu có tác dụng gì? Giá như Việt vương không dùng lý luận của tôi, tôi tiếp nhận đất phong của ông ta chính là bán rẻ chủ trương của mình, vậy thì tôi càng không thể làm việc đó!

Có một lần, trên đường đi Mặc Tử đã gặp một người quen, ông ta thấy Mặc Tử sắc mặt tiêu tụy, tái mặt, dáng mệt lử, đã khuyên Mặc Tử: Hiện nay người trong thiên hạ đều không chịu làm việc nghĩa, ông sao lại chịu khổ một mình phẫn đấu? Mặc Tử trả lời vang lên mạnh mẽ rằng: Ví như một người nào đó có mười người con, chỉ có một đứa bằng lòng làm việc trên đồng, còn lại chín đứa khác thì thích nhàn không chịu làm việc. Vậy thì, đứa con làm việc này sẽ không thể không gắng sức gấp bội, bằng không thì mọi người đều sẽ đói. Ngày nay, người làm việc nghĩa trong thiên hạ ít ỏi thế này, đáng ra ông nên khuyên tôi càng cố gắng thực hiện việc nghĩa hơn mới đúng, ngược lại vì lý do gì lại khuyên ngăn tôi? Những lời nói này đã thể hiện đầy đủ quyết tâm không thể lay chuyển của Mặc Tử để thực hiện hoài bão đời người của mình.

Có một lần, người thợ điêu luyện Công Tả Ban chế ra loại khí giới đánh thành rất lợi hại cho nước Sở, Sở vương chuẩn bị dùng để tấn công nước Tống. Việc này dùng tiêu chuẩn “phi công” (không tiến công lẫn nhau) của Mặc gia để đánh giá đương nhiên là phi chính nghĩa, do vậy, Mặc Tử từ nước Tề vội vã lên đường, trèo non lội suối, đi suốt ngày đêm bất chấp mọi vết phỏng rộp máu nổi lên ở chân, đi mất mười ngày mười đêm, cuối cùng đã đến nước Sở. Ông đầu tiên gặp Công Tả Ban. Công Tả Ban có vẻ ngạc nhiên hỏi: Ông đến đây có điều gì chỉ bảo? Mặc Tử nói: ở miền Bắc có một người làm nhục tôi, tôi muốn bỏ ra giá mười dật vàng nhờ ông giúp tôi giết nó. Công Tả Ban nghe nói xong rất không vui nói: Tôi có chuẩn tắc đạo đức của mình, làm sao có thể vì ông mà đi giết người khác được? Mặc Tử tươi cười đứng dậy vái tạ, nói: Tôi nghe nói các ông chuẩn bị việc tấn công nước Tống mới không quản ngại gian khổ đến đây. Nước Sở đất đai rộng mênh mông, nhiều nơi còn chưa khai phá, lại muốn đi tấn công nước Tống đất đai rất ít, việc này sao có thể nói là “có trí” được? Nước Tống vô tội lại nhất định phải chinh phạt, việc này có thể nói là “nhân” không? Ông hiểu rõ đạo lý của việc “nghĩa” và “phi nghĩa” lại không khuyên ngăn hành động chiến tranh của nước Sở, việc này có thể gọi là “trung” không? Nước Sở tấn công nước Tống cũng không hẳn đã chắc chắn thắng, việc này có được xem là “mạnh” không? Công Tả Ban ông biết vì “nghĩa” mà từ chối đi giết một người vô tội, sao lại muốn giúp nước Sở tiến công nước Tống, giết hại vô số dân chúng, việc này được gọi là không biết “đồng loại”.

Công Tả Ban nghe xong những lời nói này vô cùng cảm phục, nhưng lại chưa có hành động thực tế gì. Mặc Tử đã nói: Làm sao ông không đi ngăn chặn việc chuẩn bị chiến tranh đánh Tống đi? Công Tả Ban đã trả lời: E rằng không kịp rồi, tôi đã đem kế hoạch tấn công báo cáo tể mĩ cho Sở vương rồi. Thế là Mặc Tử có ý muốn Công Tả Ban dẫn ông đến gặp Sở vương. Sau

khi yết kiến Sở vương, Mặc Tử nói: Một người nào đó bán thân họ có xe ngựa lộng lẫy lại muốn đi ăn trộm xe cũ của người khác, mình có quần áo sang trọng lại muốn đi ăn cắp quần áo cũ rách của người khác, Ngài cho rằng người này như thế nào? Sở vương cười nói: Người này nhất định là mắc tật trộm cắp. Mặc Tử nói tiếp: Đất đai mà Đại vương ngài có “rộng năm ngàn dặm”, còn lãnh thổ của nước Tống chỉ “rộng có năm trăm dặm”, việc này cũng giống như sự khác biệt giữa ngựa xe lộng lẫy với xe cũ nát. Trên đất đai của ngài sinh trưởng đủ mọi thứ thú quý hiếm, sản vật vô cùng phong phú, mà đất đai của nước Tống vô cùng xác xơ những thứ có thể sản xuất được rất ít, hai việc đó giống như sự khác biệt giữa quần áo sang trọng với những chiếc áo cũ rách. Đại vương ngài đã biết có những thứ tốt còn muốn đi lấy những thứ rách nát là mắc tật trộm cắp, lại không biết rõ tấn công nước Tống cũng là không đúng ư?

Sở vương thán phục sâu sắc đối với những lý lẽ này của Mặc Tử, nhưng sau khi suy nghĩ một lát lại nói: Tiên sinh ngài nói tuy rất hay, nhưng Công Tái Ban đã làm xong thang dài để công thành cho ta, nên ta vẫn muốn đi đánh chiếm nước Tống.

Thế là Mặc Tử đã thi toàn bộ quá trình đánh thành và giữ thành cùng với Công Tái Ban trước mặt Sở vương. Ông cởi hết áo và lấy thắt lưng trên người, uốn thành hình cung tạm xem như thành trì, dùng một số mảnh gỗ nhỏ làm khí giới giữ thành. Công Tái Ban dùng các loại vũ khí tiến công như thang dài, xe đâm, đá bay, nỏ xe, Mặc Tử thì dùng nhiều loại khí giới để phòng thủ, cho mãi tới lúc Công Tái Ban sử dụng hết tất cả mọi thủ đoạn công thành, mà phương pháp phòng ngự của Mặc Tử vẫn còn thừa dùng. Sau khi Công Tái Ban thua lớn trong lòng ấp ủ mưu mô nham hiểm nói: Tôi còn có một biện pháp giành thắng, nhưng tôi không nói. Mặc Tử nói tiếp: Tôi cũng biết rõ biện pháp ông không nói là gì, nhưng tôi cũng không muốn nói. Sở vương cảm thấy rất kỳ quái, liền hỏi: Hai ông nói những gì đấy? Mặc Tử trả lời: ý của Công Tái Ban chính là đem giết tôi, từ đó khiến cho nước Tống không nhận được phương pháp giữ thành của tôi, chống không nổi sự tiến công của quân Sở. Nhưng trước khi tôi đến đây đã cử đệ tử Cầm Hoạt Ly dẫn ba trăm đệ tử Mặc gia kịp đến nước Tống, hiện tại chắc chắn đang cầm những khí giới giữ thành tôi phát minh, chuẩn bị giáng một đòn phủ đầu đối với bọn đến xâm lược. Có lẽ tôi có thể bị giết hại, nhưng các đệ tử Mặc gia vẫn tồn tại, nước Tống cũng nhất định có thể chặn đứng được sự tiến công của nước Sở. Sở vương nghe nói xong, đành nói: Thôi, ta không muốn tiến công nước Tống nữa.

Mặc Tử trước nay chưa bao giờ kiêu ngạo tự cho mình là có công lao, chưa bao giờ theo đuổi tư lợi cá nhân. Lúc đó, sau khi Mặc Tử ngăn Sở tiến công Tống, lại đem trước tác của mình dâng cho Sở vương xem, nhưng Sở vương không có ý tiếp nhận chủ trương của Mặc gia, thế là Mặc Tử thu xếp hành lý, rời khỏi nước Sở. Sở vương sau khi nghe được báo cáo lo sẽ bị người trong thiên hạ cho là không biết dùng người “hiền năng”, liền cử đại thần Lỗ Dương Văn Quân đi xe đuổi kịp Mặc Tử, nói với ông ta: Sở vương chuẩn bị phong đất cho ông, hy vọng ông có thể cư trú tại nước Sở. Mặc Tử đã bày tỏ từ chối giống như trả lời phong thưởng của Việt vương, nói: Tôi có được một bộ quần áo che thân, một bát cơm ăn đỡ đói đã rất thỏa mãn rồi, cần một đám đất phong để làm gì? Nhờ ông thay tôi từ tạ Sở vương. Từ nay về sau Sở vương có thể đối ngoại vứt bỏ chính sách đánh chiếm, đối nội thì tiết kiệm yêu dân, thế thì còn tốt hơn so với việc cho tôi cái gì. Sau đó, Mặc Tử trên đường đi ghé qua nước Tống, vì ông có công ngăn chặn Sở đánh Tống, Tống vương có ý để ông làm Đại phu, nhưng Mặc Tử cảm thấy một cách nhảy bèn rằng

Tổng vương cũng không muốn thu nhận chủ trương của ông, do vậy không bao lâu đã dẫn các học trò rời Tống trở về nước Lỗ.

Mặc Tử suốt cả cuộc đời đều cứu đời với thân phận áo vải. Mặc dù dựa vào tài năng của ông, phú quý vinh hoa nào cũng đều có thể được dễ như lật bàn tay, nhưng Mặc Tử có cách suy nghĩ riêng của mình. Theo ông, việc quán triệt chủ trương của Mặc gia là điều cực kỳ quan trọng, tài sản và quan chức thì có coi ra gì. Quanh năm ông lo phiền chạy ngược chạy xuôi lo việc cứu đời, thường phải chịu đói khát, gặp nhiều khó khăn trắc trở, nhưng trước nay ông chưa bao giờ buồn rầu tiêu cực hoặc oán trách gì. Điều đó biểu hiện rõ ràng thể giới tinh thần của Mặc Tử vô cùng phong phú, ý chí cá nhân kiên cường hơn người.

Có một lần, một người tên là Vu Mã Tử nói với Mặc Tử: Ông đề xướng “kiêm ái” mọi người trong thiên hạ, thật ra không được thực hiện hoàn toàn. Tôi phản đối chủ trương “kiêm ái” cũng không đi hại người. Hai người chúng ta đều không làm cho lý luận hiện thực hóa, vì sao ông đã nói tôi nhất định sai mà riêng ông tự cho mình là đúng? Mặc Tử trả lời: Giá như một nơi nào đó bùng lên đám cháy lớn, một người chuẩn bị dùng nước cứu hỏa, còn một người khác thì muốn đổ thêm dầu vào lửa, hai người này đều chưa đem cách suy nghĩ của mình ra thực thi, ông cho người nào tốt hơn? Vu Mã Tử vội vàng biện bạch: Tôi giúp người dùng nước mà không giúp người làm lửa cháy to. Mặc Tử nghiêm nghị nói: Tôi cũng chỉ là thực hành chủ trương của mình mà quyết không giống ông. Đoạn đối thoại này thể hiện đầy đủ lòng tin vững chắc “dấy lợi trừ hại” của Mặc Tử.

Đến những năm về cuối đời Mặc Tử vẫn miệt mài không mỏi đi khắp nơi để du thuyết các chư hầu, hy vọng người trong thiên hạ đều có thể tương thân tương ái, giữa các nước không tấn công xâm lược nhau, về chính trị chọn dùng người hiền tài, mọi người đều có thể đem ý kiến và cách nhìn nhận “tấu lên” cùng với “thiên tử”, tấu lên cùng với “trời thiêng”, cả xã hội thực hiện nguyên tắc “tang táng tiết kiệm”, “tiêu dùng tiết kiệm” và “bỏ âm nhạc, vui chơi”, Lại thêm với dân chúng có thể kính nể quý thần, không tin thuyết định mệnh, làm cho trong xã hội không có người làm xằng làm bậy, chỉ có dân chúng chăm chỉ “canh cửi”,

Mặc Tử quan tâm sâu sắc lý tưởng vĩ đại của người đời và thực tiễn gian khổ của sức làm lụng của thân thể khiến ông nhận được sự tôn kính của rất nhiều người, đồng thời có thể tổ chức thành tập đoàn Mặc gia có tinh thần tôn giáo. Bản thân Mặc Tử cũng trở thành thủ lĩnh lớp đầu tiên - ông trùm. Sách *Hoài Nam tử. Thái tộc huấn* cũng gọi: “Một trăm tám mươi người” theo Mặc Tử, đều có thể vì thực hiện chủ trương của Mặc Tử mà “nhảy vào nước sôi lửa bỏng, chết không quay gót”, giàu tinh thần hy sinh chân chính.

Theo ghi chép của các sách *Trang Tử. Thiên hạ thiên* và *Lã thị Xuân thu. Cao nghĩa*, những người tham gia tập đoàn Mặc Tử, mặc áo vải thô, chân đi giày cỏ, suốt ngày làm việc cặm cuội, cơm ăn chỉ đủ no bụng, đồng thời còn phải tự giác đồng cam cộng khổ với dân chúng lớp dưới. Nội bộ tập đoàn Mặc Tử còn có kỷ luật nghiêm ngặt, những người Mặc gia cũng đều phải có tinh thần hiến thân quên mình hành đạo, phải thực hiện được “có sức cùng giúp”, “có tài sản cùng phân chia”, “có đạo cùng dạy”.

Sách *Mặc Tử*. *Canh trụ* có chép một việc nói là học trò của Mặc Tử là Cao Thạch Tử làm khanh ở nước Vệ, được bổng lộc rất hậu, mỗi lần nghị sự Cao Thạch Tử đều phải trình bày rõ chủ trương của Mặc gia, nhưng quốc vương nước Vệ hoàn toàn không để ý tới, Cao Thạch Tử ngay lập tức từ quan trở về quê. Ông gặp Mặc Tử bàn đến việc này, nói: quốc vương nước Vệ vì danh vọng của Thầy nên phong cho tôi làm khanh, cho tôi bổng lộc rất cao. Mỗi lần ở triều tôi phải trình bày chủ trương của Thầy, vì không được dùng cho nên từ chức trở về, quốc vương nước Vệ có thể nói tôi quá ngông cuồng chăng? Mặc Tử nói: Nếu nước Vệ không dùng lý luận của Mặc gia chúng ta, đương nhiên nên lập tức từ chức, dù rằng bị người khác chỉ trích là ngông cuồng, thế thì có quan hệ gì? Đây là sự việc điển hình của quan cao lộc hậu không thể làm lung lay ý chí của người theo Mặc Tử.

Canh trụ thiên còn ghi chép, học trò phái Mặc Tử là Canh Trụ Tử đến nước Sở làm quan, mấy người bạn học đến thăm ông ta, Canh Trụ Tử chiêu đãi rất kém. Mấy người này không vui lắm, sau khi trở về nói với Mặc Tử: Canh Trụ Tử làm quan ở nước Sở đối với Mặc gia chẳng có ích gì, chúng tôi đến thăm ông ta, chỉ cho ăn một chút xúu thôi. ý nói là Canh Trụ, con người này không thể “có tài sản cùng phân chia” đã vi phạm quy tắc hành vi của những người Mặc gia. Mặc Tử nói “Không nên đưa ra kết luận quá sớm”. Về sau Canh Trụ sai người đưa “mười dật vàng” cho tập đoàn Mặc Tử sử dụng. Mặc Tử cảm thán nói: Thật không nên nói những lời quá cứng nhắc, ví dụ này thuyết minh rằng những người Mặc gia nếu có thu nhập rất cao, sẽ phải lấy ra một phần lớn cung cấp cho tập đoàn Mặc Tử sử dụng để giúp đỡ cho dân chúng nghèo khổ, việc này có thể nói là một sự việc điển hình đặt quyền lợi chung lên trên quyền lợi riêng.

Lỗ vấn thiên lại ghi chép, Mặc Tử để học trò là Thắng Xước đến chỗ Hạng Tử Ngưu làm quan, Hạng Tử Ngưu đã trước sau ba lần phát động chiến tranh xâm lược nước Lỗ, cả ba lần Thắng Xước đều không tiến hành khuyên ngăn, thế là Mặc Tử tìm biện pháp nhờ người cách chức quan của Thắng Xước. Sự việc này nói lên rằng, những người Mặc gia nếu không thể thực hiện chủ trương và lý tưởng của Mặc gia, sẽ phải bị đuổi. Từ đó ta thấy, một đời của những người Mặc gia đều phải phục vụ cho sự nghiệp “Dấy lợi cho thiên hạ, trừ hại cho thiên hạ”, những người giành được quan chức có thể thực hiện được hoài bão này thì có thể làm quan. Nếu không làm được, vậy thì hoặc chủ động rút lui khỏi quan trường, hoặc bị các “ông trùm” tìm cách cách chức quan, trong đó ngời sáng lên chí khí vĩ đại vô tư hiên dăng của những người Mặc gia.

Một đệ tử khác của Mặc Tử là Cầm Hoạt Ly suốt ngày chạy sấp chạy ngựa với sự nghiệp thực hiện chủ trương của Mặc gia, tay chân đều nổi chai lên đầy cộp, trên mặt phờ nểng đen thui, một đời cần cù chăm chỉ, trước nay chưa bao giờ theo đuổi cảm quan hưởng lạc.

Từ những suy nghĩ và hành vi của Mặc Tử và các đệ tử Mặc gia để xét, “Dấy lợi cho thiên hạ, trừ hại cho thiên hạ” là mục tiêu phấn đấu chung của họ, vì điều đó họ có thể chịu khổ, cũng có thể cần cù làm việc, còn có thể hiên dăng cả sinh mệnh cho sự nghiệp, đích thực là tượng trưng của tinh thần dân tộc Trung Hoa.

6. Cuộc đời của Hàn Phi, con người lý trí

Hàn Phi sinh vào khoảng năm 280 trước công nguyên, mất năm 233 trước công nguyên, là người nước Hàn cuối thời Chiến quốc. Ông là nhà tư tưởng nổi tiếng thời xưa của Trung Quốc, là người tập hợp lớn của phái Pháp gia.

Hàn Phi xuất thân trong gia đình quý tộc nước Hàn, từng cùng với Lý Tư về sau làm Thừa tướng nước Tần tôn nhà tư tưởng lớn Tuân Tử làm thầy. Hàn Phi nói lắp, vụng nói, nhưng tư tưởng nhạy bén, tài văn xuất chúng giỏi viết sách, Lý Tư tự than thở không bằng.

Cuối thời Chiến quốc, quần hùng tranh giành nhau, nước Hàn ngày càng suy yếu, Hàn Phi với tư cách là công tử nước Hàn, đã nhìn ra và trong lòng bối rối đã mấy lần dâng thư lên Hàn vương, giải trình những điều tệ hại của nước Hàn, chỉ ra các phương pháp tốt để làm thay đổi, nhưng đều không được Hàn vương coi trọng. Hàn Phi bực nên đóng cửa viết sách, đã viết ra hơn mười vạn chữ gồm các trước tác như *Cô phần*, *Ngũ đổ*, *Nội ngoại trữ*, *Thuyết lâm*, *Thuyết nan*. Ông khảo cứu và giải thích rõ những biến đổi được mất của lịch sử, nghiên cứu sâu những biến đổi chính trị thất thường và cảnh đời của thế gian, tràn đầy trí tuệ chính trị và triết học.

Không bao lâu, các sách của Hàn Phi lưu truyền ở nước Tần được Doanh Chính về sau trở thành Tần Thủy hoàng đọc đến, ông vỗ bàn nói: “Ôi! Quả nhân phải gặp người này cùng vui chơi với họ, chết cũng không hận!” Lý Tư vừa khéo đang chờ ở bên cạnh, bắm cáo nói: “Đây là sách của Hàn Phi viết”.

Thế là, Tần vương liền cử một cánh quân lớn tiến công gấp nước Hàn, đòi Hàn Phi, Hàn vương không biết làm sao được, đành phải cử Hàn Phi đi sứ sang nước Tần. Tần vương trông thấy Hàn Phi vô cùng sung sướng, việc này gây nên sự ghen tỵ của Lý Tư và một số quan cao của nước Tần, họ cùng nhau tâu lên lời gièm pha trước mặt Tần vương: Hàn Phi là công tử của nước Hàn, lại làm sao có thể hiến công hiến sức cho Đại vương được? Nếu đem thả ông ta ra, tài trí của ông ta ắt sẽ được người khác dùng, việc đó là rất bất lợi cho Đại vương, thà lấy lý do là xúc phạm pháp luật đem giết ông ta đi là hơn. Tần vương ngầm nghĩ hồi lâu liền hạ lệnh giam Hàn Phi vào đại lao. Lý Tư nhân cơ hội đưa thuốc độc vào ngục, muốn Hàn Phi tự sát. Hàn Phi muốn gặp Tần vương không được, tự giết mình chết. Tần vương về sau tỉnh ngộ, cử người đến ngục tha cho Hàn Phi, nhưng thời gian đã muộn. Hàn Phi bị bạn học hại, chết ở nước khác, tuổi chỉ vừa bốn mươi bảy.

Pháp gia do Hàn Phi làm đại biểu là một học phái chính trị lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc, họ suy tôn pháp là cao nhất, cho rằng bất kể người ta thân sơ, sang hèn như thế nào, đều phải “nhất loạt phán đoán bởi pháp luật”. Cách nhìn này trong bầu không khí phân biệt nghiêm ngặt quan hệ máu mủ thân sơ, địa vị sang hèn nặng nề của xã hội xưa ở Trung Quốc là tương đối được người ta chú ý.

Tư tưởng của Pháp gia bắt nguồn từ các danh thần Quản Trọng và Tử Sản thời Xuân thu, đến những người như Lý Khôi, Ngô Khởi, Thận Đáo, Thân Bất Hại, Thương Ưởng đó đã trở thành một học phái rầm rộ. Trong đó Thận Đáo coi trọng thế, Thân Bất Hại nói về thuật, còn Thương Ưởng đề xướng pháp. Hàn Phi đã thu góp cả ba người lại, lại pha trộn thêm Lão học và Tuân học, tự thành một hệ tư tưởng đồ sộ nghiêm cẩn, nghiêm nhiên trở thành Nhất đại tông sư của Pháp gia.

Hàn Phi tử để thi hành chủ trương “phép nghiêm hình nặng” của mình, đã hết sức phản đối học thuyết của Nho gia về tính bẩm sinh của con người là “thiện”, chỉ ra tính người là “ác”. Ông nói, mỗi một người trong xã hội đều có “lòng dạ tính toán” không ai không tính toán cho mình, không ai không khát vọng thỏa mãn ham muốn riêng của cá nhân, dẫu là được cho là có quan hệ máu mủ rất thân cũng như thế. Hàn Phi tử nói: con trai hay con gái đều là máu mủ ruột thịt thân thiết của cha mẹ, nhưng lại bị đối xử khác nhau hoặc mừng hoặc giết đi. Đó là vì nguyên nhân gì? Đó là vì cha mẹ nghĩ đến tương lai con trai lớn lên có thể nuôi dưỡng và có lợi cho cha mẹ, còn con gái lớn lên thì cần sắm sửa của hồi môn rất hậu, từ đó mà có hại cho cha mẹ. Tóm lại là do lòng ích kỷ tạo nên. Từ đó ta thấy, quan hệ nội bộ gia đình được xem là Thiên luân mà còn như thế, còn người khách qua đường bình thường thì sao lại không dùng “lòng dạ tính toán” để đối đãi được?

Hàn Phi tử còn chỉ ra một cách sắc bén rằng: Người thầy thuốc chẳng phải là tình thân máu mủ của bệnh nhân, lại dám dùng miệng hút máu mủ trong vết thương của bệnh nhân, thật ra không phải vì lòng dạ nhân từ, mà vì như thế mới có thể thu được lợi lớn. Người thợ đóng xe ngựa suốt ngày mong mọi người giàu sang, người thợ mộc đóng quan tài thì trông mong người ta nhanh chết, thật ra không phải người thợ đóng xe ngựa nhân từ, còn người thợ đóng quan tài ác, mà là người ta giàu sang sẽ cần mua xe, như vậy người thợ đóng xe ngựa mới có thể kiếm được khoản tiền lớn. Còn người ta chết nhiều, quan tài cũng bán được nhiều, người thợ đóng quan tài mới có thể kiếm được nhiều tiền. Từ đó ta thấy, người thợ đóng xe ngựa hy vọng mọi người đột nhiên giàu to cũng thế, mà người thợ đóng quan tài mong người ta nhanh chết cũng thế, đều không có liên quan với phẩm chất đạo đức của họ cao thấp, mà là do sức sai khiến to lớn của cái lợi tạo nên. Do vậy, tất cả mọi việc trên đời không có việc nào không chịu sự chi phối của chủ nghĩa vị kỷ lạnh lùng. Theo Hàn Phi tử, thuyết giáo nhân nghĩa của Nho gia chẳng qua là một mớ lời nói suông cộng với những lời vô dụng, chẳng có bổ ích gì cho việc quản lý đất nước. Hơn nữa thật sự nhận thức được tính người là ác, lòng người hướng lợi thì có thể sử dụng luật pháp công bằng với mọi người, “thuật” ẩn trong lòng quân vương để đôn đốc thần dân, cùng với “thế” hình thành bởi quyền lực cực lớn để điều khiển thần dân, quản lý đất nước.

Học giả Pháp gia đứng trên địa vị lợi ích của quân vương và lập trường chính trị yên ổn để xem xét tất cả mọi vấn đề, vì thế nhìn cái chết của cá nhân là nhỏ nhặt chẳng đáng kể, sự tồn vong của quốc gia thì cao hơn tất cả, hiện rõ một cách đầy đủ mặt ác nghiệt của Pháp gia, Hàn Phi tử đã dùng ngòi bút tán thưởng viết.

Có một năm nước Tần xảy ra nạn đói lớn, ứng Hầu thỉnh thị Tần vương nói: “Trong vườn cây Hoàng gia chúng ta có nhiều rau dại và quả dại, đem chúng phát cho nạn dân đủ để cứu tế họ, xin Đại vương hạ lệnh cho. Chiêu Tương vương nói: “Pháp luật lớn của nước Tần chúng ta là làm cho những người dân chúng có công được thưởng, làm như thế đã vi phạm phép lớn của nước Tần, là cách làm loạn đất nước. Thà vứt bỏ những thứ đó đi mà khiến cho đất nước được quản lý tốt còn hơn đem phát những thứ trong vườn cây cứu nạn mà dẫn đến đất nước đại loạn”.

Có một cách nói khác là Tần vương biểu thị đối với ứng Hầu là: “Phát những thứ trong vườn cây Hoàng gia cho dân chúng, là làm cho những người có công và không có công đều đến tranh giành, thà để cho họ chết mà làm cho đất nước yên ổn, còn hơn để cho dân chúng sống tiếp dẫn đến đất nước đại loạn, ông hãy nên vứt bỏ kiến nghị này đi thôi!”.

Cách đề xuất “Sống mà loạn không bằng chết mà quản lý được” này đã bộc lộ đầy đủ tính ác nghiệt của tư tưởng Pháp gia. Từ trong đoạn miêu tả này của Hàn Phi tử, người ta cũng dễ dàng nhận được một số điều khiến người ta thấm thía: Những đế vương vì giữ vững chắc sự thống trị cá nhân không tiếc thế gian máu chảy thành sông, thân phơi đầy đồng, mà toàn bộ lý do có lẽ chỉ là một số cái thần kinh quá nhạy, đại loại như phổ biến cứu tế thiên tai, có thể làm cho người có công hoặc không có công đều nhận thưởng. Việc này có tàn nhẫn không? Nếu xuất phát từ góc độ chính trị, Hàn Phi tử chỉ rõ, đây chính là sự tỉnh táo bình tĩnh.

Hàn Phi tử có thể nghiệm và miêu tả cực kỳ sâu sắc đối với sự hiểm hóc chính trị. Ông chỉ ra rằng, giữa bầy tôi với ông vua hoàn toàn không có cái gọi là “trung” và “nhân ái”, có việc chỉ là lợi ích điều khiển, là một loại quan hệ buôn bán có tính toán kỹ lưỡng. Cho nên, các đại thần đem hết sức làm việc vì vua, chẳng qua là muốn được tước lộc. Ông vua phân chia lợi cho đại thần, chẳng qua là muốn bảo toàn thiên hạ của mình. Điều này sẽ quyết định “chính trường” như một nơi nguy hiểm, hơi không để tâm một chút thì thân mình rơi vào trong tai họa không thể tự rút ra được.

Hàn Phi tử đặc biệt nêu ra những khó khăn của bầy tôi dâng lời. Ông nói, nếu như bàn luận về các đại thần với vua, ông vua sẽ có thể cho là muốn ly gián quan hệ của ông ta với đại thần. Bàn luận những kẻ gian tà tiểu nhân với vua, ông vua lại có thể cho là muốn mượn việc này để nâng cao giá trị thân phận của mình. Bàn luận về những người ông vua yêu thích, ông vua có thể cho là người dâng lời muốn tìm chỗ dựa. Nói về những người ông vua căm giận, ông vua lại có thể cho là đang thăm dò ông ta. Tóm lại là người dâng lời rất khó xử, không biết làm thế nào. Trước kia, vua nước Trịnh thời Xuân thu là Trịnh Vũ công muốn thôn tính nước Hồ, đã cố ý đem con gái gả cho vua nước Hồ làm vợ. Một hôm, ông hỏi các đại thần: Nước ta quân mạnh ngựa khỏe, có thể dùng binh ra nước ngoài, các khanh thử nói xem, nên đánh nước nào? Đại phu Quan Kỳ Tư nói: Tốt nhất là đi đánh nước Hồ, Trịnh Vũ công cả giận đã bêu đầu để dân chúng đều biết. Vua nước Hồ nghe được tin này hết sức vui mừng, cho rằng nước Trịnh xem mình là nước thân thuộc, không thể dấy binh đánh chiếm, dần dần buông lỏng mọi cảnh giác và biện pháp phòng ngự. Nhưng nước Trịnh đột nhiên ra quân, thừa lúc họ không chuẩn bị, vừa đánh đã tiêu diệt nước Hồ.

Trịnh Vũ công mưu cao chước giỏi, vờ tha để bắt thật, Đại phu Quan Kỳ Tư đáng thương bị mất mạng một cách khiến người ta chẳng hiểu gì, cho đến chết cũng khó mà nhắm mắt. Đây chính là chính trị nguy cơ dồn dập bốn bề.

Cho nên, Hàn Phi tử nói, những người “mưu sĩ” và người “giỏi pháp luật” ngay thẳng không bị bịa đặt ra tội không sao hiểu nổi, bị mưu sát, thì là bị thích khách mua chuộc ám sát.

Những danh thần của Trung Quốc bị oán sát có khá nhiều người như Quan Long Phùng, Trình Hoảng, Tỉ Can, Ngũ Tử Tư, Ngô Khởi, Thương Ưởng, Phạm Tuy, Văn Trọng v.v... và v.v... Một chuỗi dài oán hờn trên “chính đàn” như luôn luôn tố ra những hiểm ác chính trị với người đời, chính đàn nhiều tai lầm họa. Chính bản thân Hàn Phi tử đã chết dưới sự ghen tỵ của bạn học cũ là Lý Tư và những lời gièm pha, lại trở thành thêm một oán hờn cô độc của chính đàn Trung Quốc.

Hàn Phi tử tổng kết nói: Rồng là một động vật, khi thuần phục có thể cưỡi lên chơi. Song ở dưới hầu của nó có một cái vẩy ngược dài hơn một thước, nếu người ta không cẩn thận đụng vào nó, ắt có thể bị rồng làm bị thương. Mà ông vua cũng có “vẩy ngược”, những người làm chính trị hoàn toàn không thể đụng vào cái “vẩy ngược” của ông ta, bằng không thì địa vị sẽ hết sức nguy hiểm, tính mệnh sẽ sống buổi sáng chưa biết buổi tối sẽ ra sao.

Làm sao ngăn trở được ông vua có “vẩy ngược”, trên chính đàn, phàm là người ở ngôi trên đối với người ở ngôi dưới để xét, đều có “vẩy ngược”, đây chính là nguyên nhân sâu xa của con đường làm quan gặp ghềnh, nguy cơ chông chát và tai họa không ngừng. (*Hàn Phi tử. Thuyết nan*).

Hàn Phi tử đã từng kể một câu chuyện “Ôm gốc cây đợi thỏ”, nói nước Tống có một người nông dân, ngẫu nhiên nhặt được một con thỏ đụng vào cây nên chết, thế là vứt bỏ hết mọi nông cụ, không làm việc cày bừa và trồng trọt nữa, suốt ngày đứng ở bên cạnh gốc cây to, mơ tưởng hàng ngày đều bắt được thỏ đụng vào cây chết, kết quả đương nhiên là thỏ thì không được, còn mình thì trở thành chuyện cười của người trong cả nước.

Mục đích của Hàn Phi kể câu chuyện này là chế giễu những kẻ thủ cựu không biết cải cách. Theo Hàn Phi, mỗi thời đại có những vấn đề khác nhau và những phương pháp khác nhau giải quyết vấn đề, nếu đem phương thức xếp gỗ làm tổ, dùi đá lấy lửa của thời thượng cổ dùng ở thời sau nhà Hạ, ắt sẽ bị các ông Cỗn, ông Vũ cười cho. Nếu đem toàn bộ cách trị thủy của Cỗn và Vũ dùng ở thời Ân Chu, ắt sẽ bị Thương Thang và Chu Võ vương cười cho. Cũng như thế, nếu có người ca ngợi những việc làm của Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Võ và muốn dùng nó vào thời nay, cũng ắt sẽ bị các “thánh mới” cười cho. Cho nên, quản lý quốc gia không thể y hệt như cũ mà phải có biện pháp mới, bằng không chính là kẻ “ôm cây đợi thỏ”.

Hàn Phi tử chỉ ra rằng, quy luật chung của giới tự nhiên gọi là đạo, quy luật đặc biệt phân biệt các sự vật gọi là lý, sự vật đều có quy luật khách quan phát triển của nó, con người xử sự lập thân, quản lý và yên ổn đất nước cần nên tôn trọng quy luật khách quan, làm việc theo quy luật

khách quan, mà không nên mê tín quỷ thần và chiêm bốc. Hàn Phi tử nêu ra ví dụ nói: Nước Triệu và nước Yên xảy ra chiến tranh, vua hai nước đều thành tâm cầu thần chiêm bốc, kết quả đều là “đại cát”, nhưng nước Yên bị bại trận. Lại có một lần nữa, nước Triệu tấn công nước Yên, kết quả của điềm bói vẫn là “đại cát”, nhưng hai nước Ngụy và Tần phát binh tấn công nước Triệu, nước Triệu thua to, cắt đất cầu hòa, vua cũng buồn bực tức tối mà chết. Việt vương Câu Tiễn đã từng vô cùng tin chiêm bốc, nhưng bị bại trận bị bắt làm tù binh. Về sau trở về nước đã không tin chiêm bốc quỷ thần nữa, mà làm sáng tỏ pháp chế và gần dân, kết quả là dân giàu nước mạnh, khởi binh tiêu diệt nước Ngô.

Từ đó ta thấy, quỷ thần là không đáng dựa, chiêm bốc là không có tác dụng, con người phải nên dựa vào chính mình, nhận thức quy luật khách quan phát triển của sự vật, cố gắng phấn đấu mới có thể thu được thành công.

Hàn Phi tử dùng tầm nhìn lạnh lùng, thái độ lý trí bình tĩnh đã tiến hành xem xét thấu triệt và phân tích sâu sắc đối với xã hội, chính trị và đời người hiện thực, đến nay người ta đọc lại nó vẫn rung động lòng người và làm cho người ta tỉnh ngộ sâu sắc.

7. Cuộc đời của nhà thuần nho Đồng Trọng Thư

Đồng Trọng Thư sinh năm 170 trước công nguyên, mất năm 104 trước công nguyên, là người Quảng Xuyên (nay thuộc huyện Tảo Cường, Hà Bắc) sống vào thời giữa Tây Hán, xuất thân trong một gia đình rất giàu có, từ nhỏ đã có tinh thần học tập tương đối khắc khổ, đồng thời giữ mãi cho đến những năm tuổi già.

Nghe nói trong nhà Đồng Trọng Thư có một vườn hoa và vườn rau rất lớn, Đồng Trọng Thư chỉ vui đùa vào việc học tập, ba năm đều chưa hề vào trong vườn để chơi. Sách *Hán thư. Đồng Trọng Thư truyện* ca ngợi nói: “Ba năm không nhòm ngó đến vườn, tinh thần của ông như thế”. Lại trong sách *Thái bình ngự lãm* gọi ông nghiên cứu học vấn đã vào trạng thái say mê, đến con ngựa mình thường cưỡi cũng không phân biệt nổi đực cái. Mang theo tinh thần nghiên cứu khắc khổ này, nghiệp học của họ Đồng ngày càng tiến, thanh danh hiển hách, được người thời đó tôn là “Khổng Tử thời Hán”, nhiều môn đồ theo ông. Khi Đồng Trọng Thư mở trường dạy học, phải treo một bức màn che ở nhà chính, ông ngồi giảng bên trong, học sinh thì nghe ở bên ngoài, Đồng Trọng Thư nếu có việc thì cử người đệ tử ông thích là Lã Bộ Thư dạy thay. Do vậy, có một số học trò nghe giảng mấy năm, cũng chưa từng nhìn thấy mặt ông, từ đó dễ dàng nghĩ tới thanh danh lúc đó của Đồng Trọng Thư rất cao.

Thời Hán Cảnh đế, Đồng Trọng Thư làm chức Tiến sĩ, về sau lại dùng Thiên nhân tam sách đối thoại với Vũ đế nổi danh trong thiên hạ, đồng thời thăng tước là “Giang đô vương tướng” được làm việc với anh Vũ đế là Dị vương. Đồng Trọng thư dùng học thuyết nhân nghĩa của Nho gia

cảm hóa được Dị vương vốn thường ngày rất xa hoa và được kính trọng. Về sau, Công Tôn Hoàng bất hòa với Đồng Trọng Thư muốn giả mượn bàn tay của Giao Tây vương tàn bạo trừ khử ông, đã cố sức tiến cử Đồng Trọng Thư đến chỗ Giao Tây vương làm quan, nhưng nhân phẩm và học thức của ông cũng đã cảm hóa được Giao Tây vương, Đồng Trọng Thư cũng không vì việc đó mà bị hại. Nhưng để tránh họa kế, Đồng Trọng Thư đã cáo bệnh được phép thôi làm quan, sau khi về nhà đóng cửa nghiên cứu học vấn viết sách không ngừng, hơn thế còn thu nhận rộng rãi môn đồ, giảng dạy không ngừng.

Danh vọng của Đồng Trọng Thư ngày càng cao, mặc dù ở nhà, nhưng triều đình vẫn thường sai người đến hỏi ông về chính sự. Có một lần, điện Cao viên ở Trường Lăng, nơi tế tổ Hoàng đế, phát sinh hỏa hoạn lớn, không lâu, Cao miếu ở Liêu Đông cũng phát sinh hỏa hoạn. Đồng Trọng Thư nghe nói việc này, liền dùng lý luận Thiên nhân cảm ứng và Tai dị khiến cáo tiến hành phân tích đối với sự việc đó, cho rằng hai lần hỏa hoạn này là “Trên trời” không vừa lòng đối với những việc làm của Vũ đế, nên giận dữ giáng tai họa xuống. Ông viết xong bản tấu trình còn chưa sửa chữa, đặt ở trên bàn viết. Lúc đó, Chủ Phụ Yển đến nhà Đồng Trọng Thư chơi, lén lút lấy bản tấu trình đi và trình thẳng lên Vũ đế. Vũ đế xem xong dùng dùng nổi giận, đem bản tấu trình ra trước các đại thần cùng xem và bàn định trách nhiệm của hành vi tội lỗi. Lúc đó Lã Bộ Thư cũng có mặt, ông không biết là Thầy học viết, nên nói với Vũ đế: Thật là những lời nói nhảm nhí. Thế là Vũ đế sai người bắt Đồng Trọng Thư giam vào ngục, chuẩn bị cực hình xử chém đầu. Về sau nhờ sự khuyên can của các quan (kể cả Lã Bộ Thư), Vũ đế mới tha cho Đồng Trọng Thư, nhưng cách chức quan “Giang đô vương tướng” của ông. Từ đó, Đồng Trọng Thư cũng không dám dùng lý luận như kiểu tai dị khiến cáo để ám chỉ vào việc chính trị đương thời nữa.

Năm 104 trước công nguyên, Đồng Trọng Thư bị ốm chết, chôn tại phía tây Trường An, kinh đô thời Tây Hán. Có một hôm, Hán Vũ đế đi qua mộ, đã đặc biệt xuống ngựa tỏ ý thương tiếc. Từ đó, khoảnh mộ này của Đồng Trọng Thư liền được người đời sau gọi là “Hạ mã lăng”.

Thời Hán về sau, địa vị của Đồng Trọng Thư ngày càng cao, thời Nguyên được mời vào “cùng thờ ở Thánh miếu”, thời Minh lại phong họ Đồng là “Tiên nho”, trong dân gian càng có người xây Đồng Tử miếu lập tượng Đồng Tử và treo hoành phi Xiển đạo thuần nho.

Đồng Trọng Thư thích ứng với trào lưu lịch sử của chính trị xã hội Trung Quốc từ nhà Hán về sau phát triển theo phương hướng thống nhất lớn, dùng học thuyết âm dương ngũ hành lúc đó lưu hành trong thế gian để trình bày Nho học, khai thác ngọn nguồn của hệ thống lý luận của mình từ trong sách *Xuân thu*, lợi dụng phương thức “đối sách” với Hán Vũ đế thúc đẩy Nho học từ một học phái trong nhiều học phái “thời tiên Tần” dần dần nâng lên địa vị “độc tôn”, từ đó trở thành nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn trong lịch sử Trung Quốc.

Quan điểm nổi tiếng nhất của Đồng Trọng Thư là cái gọi là Thiên nhân cảm ứng, cũng có nghĩa là mỗi một cử động của nhân gian, vận động chính trị của quốc gia sẽ ảnh hưởng đến “Trời”, khiến “Trời” giáng tai nạn xuống để khiển trách hoặc hiện ra “triệu chứng tốt lành” để khen thưởng. Do đó, “Trời” (Thiên) và “Người” (Nhân) là cùng loại, cùng đôi, cùng thông mà hợp với

nhau thành một khối.

Vì sao có thể như thế? Đồng Trọng Thư chỉ rõ, vạn vật và loài người đều là do “trời” sáng tạo ra, cho nên con người hợp với số trời: Xét từ phương diện hình thể, thân và đầu của người giống dung mạo của trời, tóc dày đặc như các vì sao, tai mắt giống mặt trời, mặt trăng, mũi miệng thở giống như lưu động của gió giữa trời đất. Xét từ phương diện trí tuệ, sự thông minh tài chí của con người giống như “thần minh” của trời đất. Xét từ các cơ quan sinh lý của người, trong người có “ngũ tạng” vừa khéo phù hợp với “ngũ hành” của trời. Người có tứ chi vừa khéo phối hợp với bốn mùa của trời. Mắt của người luôn luôn nhắm mở vừa như trời có ngày và đêm. Xét từ phương diện tập quán của người, con người vừa có mặt cương nghị, lại có mặt nhu mì, việc này giống như trời có sự thay đổi mùa đông mùa hè. Người có buồn vui giống như trời có âm dương. Người có các hoạt động tư duy trong lòng, giống như biến đổi của trời có quy luật, hành vi của người ta tuân theo quy tắc đạo đức nhất định, việc này cũng thống nhất với tính chất của trời đất.

Con người đã là do “trời” sáng tạo ra, lại phù hợp với tướng mạo của “trời” như thế, cho nên mỗi lời nói việc làm, mỗi suy nghĩ của con người đều phải lấy “trời” làm mẫu, đạo của trời chính là đạo của người. Đồng Trọng Thư nói, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín là đức hạnh quy định của con người, người ta cần phải hết sức tuân theo, ông vua cũng phải ra sức đề xướng và thực hành.

Như vậy, những suy nghĩ của Đồng Trọng Thư bấy lâu đã rõ ràng chân tướng: ông hết sức suy tôn tính thiêng liêng của “trời”, hết sức đem “trời” liên hệ với “người”, mục đích ở chỗ chứng minh quy phạm luân lý của nhân gian bắt nguồn từ trời, cho nên người ta cần phải tiếp nhận nó, thực hiện nó.

Vấn đề thiện ác của tính người là một vấn đề khác mà Đồng Trọng Thư chú ý. Đồng Trọng Thư phản đối cách nhìn chỉ người là thiện hoặc là ác một cách chung chung, cho rằng người đời có thể phân thành ba loại: Một là trời sinh ra đã là thánh thiện. Hai là người “tài hèn sức kém” dù cố gắng như thế nào đều không thể thay đổi được tính “ác” của mình. Ba là “dân trung bình” có thể bỏ “ác” giữ “thiện”.

Đồng Trọng Thư dùng ví dụ nói, nếu đem tính người xem là “lúa thóc”, vậy thì “thiện” sẽ giống như “gạo”, thóc lúa có thể xay sát thành gạo, nhưng không thể nói bản thân thóc lúa chính là gạo. Tương tự, tính người có thể tu dưỡng thành “thiện”, nhưng không thể cho rằng tính người vốn chính là thiện. Đồng Trọng Thư còn cho rằng, việc luyện tính thiện của con người có một quá trình, cần thời gian tương đối dài, không thể làm một keo là thành, mà còn cần có “thánh nhân” ở bên ngoài chấm, khi người ta có thể giữ đúng nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, con người sẽ đạt được “thiện”.

Đồng Trọng Thư còn chỉ ra rằng, quy phạm xã hội và đạo đức luân lý thuộc loại như trung hiếu nhân nghĩa sở dĩ phải tuân theo, chủ yếu là vì chúng hợp với ý “trời”, có tính thiêng liêng trời phú cho, cái đó gọi là: “Tam cương của vương đạo, có thể cầu ở trời”. Hơn nữa, quy tắc nhân

sinh thuộc loại trung hiếu nhân nghĩa và bản tính con người cũng là phù hợp tự nhiên, cho nên có tính hợp lý của tự nhiên. Theo Đồng Trọng Thư, bản tính của con người quý hơn vạn vật chính ở chỗ “biết nhân, tuân theo lễ”, vì vậy theo đuổi và thực hiện “Tam cương ngũ thường” chính là yêu cầu bên trong của bản tính con người.

Kinh qua sự trình bày tỉ mỉ của Đồng Trọng Thư, “Tam cương” (vua là rường của bày tôi, cha là rường của con, chồng là rường của vợ) “Ngũ thường” (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) đã trở thành quy phạm luân lý cơ bản của xã hội phong kiến Trung Quốc, đã sản sinh ảnh hưởng to lớn đối với sự hình thành và tính chất riêng của nền văn minh Trung Hoa. Đối với chính trị, Đồng Trọng Thư biểu hiện nhiệt tình khác thường.

Đòi người nếu có ham muốn theo đuổi quyền thế, nguyện vọng mạnh mẽ theo ý chí của mình phân phối tài nguyên, sai khiến người khác và giành được lợi ích cá nhân tương đối tốt, thì chính trị sẽ là thủ đoạn thực hiện tốt nhất ham muốn và nguyện vọng này của loài người.

Nhưng, những người làm chính trị các đời trước, không ai không cảm thấy sâu sắc rằng, trên đường làm quan nguy cơ dồn dập bốn bề, tai nạn chồng chất. Mọi người đều khát khao mong muốn quyền thế càng lớn, muốn chỉ huy càng nhiều người, càng nhiều vật chất, càng nhiều mặt, giữa họ với nhau ắt sẽ sinh ra xung đột. Mà chính trị lại vốn có thủ đoạn có tính cưỡng chế bạo lực, thế là, trên đường làm quan việc lừa gạt lẫn nhau đã trở thành thường như cơm bữa trong nhà, thói phòng nịnh hót trở thành quen mắt quen tai. Càng bởi vì chính trị của Trung Quốc cả một thời kỳ dài là một mình Hoàng đế nắm quyền sinh sát thưởng phạt, do vậy những người làm quan tuy có thể được vinh hiển, có thể phát giàu, nhưng lại thường giữ được buổi sáng lo buổi tối, đêm ngủ không yên, bởi vì họ không biết được lúc nào sẽ có thể bị tước quan chức, chịu hình phạt đưa vào ngục, cả đến đầu rơi gia đình tan nát.

Vậy thì, dẫn mình vào trong vòng xoáy chính trị, lại phải làm như thế nào mới có thể giữ được mình vẹn toàn, tránh được tai nạn, tiếp tục tồn tại mà lại có thể từng bước lên cao? Đối với những việc đó nhà đại nho Đồng Trọng Thư có những nhận xét sâu sắc.

Ông mở ra một phương pháp bảo toàn tính mệnh cho những kẻ làm bày tôi là phải tận tâm tận lực phục vụ cho ông vua. Ông nói, quan hệ giữa vua với bày tôi giống như quan hệ trời với đất, âm với dương, đúng như thế giới tự nhiên “trời quý trọng dương mà khinh rẻ âm”, đất vì địa vị thấp hèn của nó cho nên phải thờ trời, là kẻ bày tôi thì phải đem hết khả năng của mình hầu hạ ông vua, không tiếc đem cái chết để tỏ lòng trung thành. Hơn nữa, mình làm được việc gì tốt, tuyệt đối không thể tự cho là công của mình, phải quy nó thuộc về bề trên. Khi xảy ra việc xấu, dù không phải là trách nhiệm của mình, cũng phải ôm vào thân mình. Đặc biệt là mình có ý kiến gì hay, kế hoạch gì hay, tuyệt đối không thể nói với ông vua trước mặt nhiều người, mà nên kín đáo bẩm với bề trên, do ông vua đứng ra tuyên bố.

Từ cách đặt bày chính trị của Đồng Trọng Thư, người ta dễ dàng thấy tính tàn khốc của chính thể chuyên chế và cảnh bi thảm của các bày tôi trong thời đại ông vua là đấng tối cao.

Vì những cố gắng về học thuật và chính trị của Đồng Trọng Thư, Nho học trở thành học thuyết

chính thống của xã hội thời xưa rộng ra ở Trung Quốc. Tư tưởng của Đồng Trọng Thư trong lịch sử Trung Quốc cũng sinh ra ảnh hưởng to lớn kéo dài mãi không dứt.

8. Cuộc đời của nhà hiền triết Chu Hy

Chu Hy sinh năm 1130 mất năm 1200, tự là Nguyên Hối, những năm cuối đời tự xưng là Hối Am, biệt hiệu Tử Dương, người huyện Vụ Nguyên tỉnh Giang Tây. Chu Hy thời niên thiếu sớm thông minh, 8 tuổi học Hiếu kinh, đã viết lời bình ở lề sách: “Nếu không như thế này, thì không phải là người”, lập chí làm người con có hiếu, người bầy tôi trung. Khi chơi với các trẻ nhỏ khác, thường có thể dùng ngón tay vẽ “Bát quái” ở trên cát, làm mọi người kinh ngạc. Năm 10 tuổi học sách *Mạnh Tử*, rất thích thưởng thức những “lời của Thánh nhân với tôi cùng một loại” ở trong đó, âm thầm quyết tâm muốn trở thành “thánh nhân” và người hiền tài.

Chu Hy 18 tuổi đậu Cử nhân, 19 tuổi thi đỗ Tiến sĩ, 24 tuổi bước vào con đường làm quan. Thời gian tham gia chính trường, ông đã dùng lời nói thẳng tâu lên, chủ trương chống lại kẻ địch bên ngoài, phát huy đạo Khổng Mạnh, khôi phục cải cách chế độ xưa nên tiếng tăm lừng lẫy, nhưng cũng vì phê bình triều chính mà làm mất lòng quyền thần Hàn Đà Trụ, học thuyết của ông bị chỉ trích là “Ngụy học”, bị cấm nghiêm ngặt, bản thân Chu Hy và các môn đồ bị tố cáo là nghịch đảng. Nhưng Chu Hy không chút nao núng, lấy sự tích của Khổng Tử gặp nguy tại Trần, Thái vẫn không ngừng giảng dạy” để tự cổ vũ mình, vẫn hàng ngày giảng dạy không ngừng. Sự kiện này trong sử sách được gọi là Khánh nguyên đảng cấm.

Năm 1200, Chu Hy bị ốm chết trong tiếng ca Sở bốn bề, hưởng thọ 71 tuổi. Sau khi Chu Hy mất, danh dự được khôi phục lại, địa vị cũng ngày càng cao, thời Tống Ninh tông truy tặng tên thụy cho Chu Hy là Viết Văn, tặng Trung đại phu. Thời Tống Lý tông truy tặng Chu Hy là Thái sư, phong Huy quốc công.

Sau triều Nguyên, lý học mà Chu Hy là đại biểu chủ yếu nâng lên thành học thuật chính thức của nhà nước, hai triều Minh, Thanh càng được đặt lên địa vị chính tông của Nho học, đề các bài thi theo chế độ khoa cử cũng ra từ trong sách *Tứ thư tập chú* do ông biên soạn, tư tưởng của ông đối với người Trung Quốc và xã hội cũng sinh ảnh hưởng lâu dài không ngừng.

Một đời của Chu Hy trên đường làm quan có thể gọi là sóng gió, gập ghềnh không bằng phẳng, nhưng về học thuật lại có gây dựng rất lớn, có thành tích rất to lớn. Ông nghiên cứu rất sâu đối với kinh tế, triết học, sử học, Phật học, nhạc luật và khoa học tự nhiên như thiên văn, địa lý, địa chất, đem Nho học truyền thống thay đổi thành lý học, trở thành “nhất đại tông sư”. Một đời Chu Hy chuyên cần, viết sách không ngừng, chủ yếu có các sách như *Chu dịch bản nghĩa*, *Thi tập truyện*, *Tứ thư tập chú*, *Thái cực đồ thư giải*, *Thông thư giải*, *Tây minh giải*, nội dung giảng dạy học của ông được môn đồ là Lê Tĩnh Đức biên tập thành sách *Chu Tử ngữ loại* đã có ảnh hưởng cực lớn đối với xã hội phong kiến thời cuối ở Trung Quốc và các phần tử trí thức.

Chu Hy còn là một nhà giáo dục lớn, ông đã tu sửa lại hai thư viện Bạch Lộc Động và Nhạc Lộc lúc đó thuộc bốn thư viện lớn của toàn quốc, sáng lập thư viện Khảo Đình nổi tiếng toàn quốc, đồng thời tụ tập học trò giảng dạy học, có hàng ngàn học trò theo học.

Chu Hy là danh nhân văn hóa vĩ đại trong lịch sử Trung Quốc. Học thuyết của ông được đánh

giá cao và hết sức tôn sùng của quan phương và dân gian. Thanh Thánh tổ Huyền Diệp (Xuan ye) nói: “Duy chỉ có Chu Tử đời Tống ghi chú rõ kinh sử,... đều rõ ràng có căn cứ, mà được lẽ công bằng, đến nay đã hơn năm trăm năm, từng chữ từng câu của nó không có chỗ nào có thể bàn để sửa chữa. Xem thế thì sau Khổng Mạnh có thể gọi là có ích với đạo Nho là công lớn của ông”. Lời đánh giá này có thể gọi là đạt tới đỉnh cao.

Chu Hy từ nhỏ lập chí trở thành bậc Thánh hiền, học thuyết của ông tự nhiên lấy việc thôi thúc người ta trở thành Thánh, thành hiền làm cơ sở. Chu Hy cho rằng người bình thường do xem Thánh hiền hết sức thiện mỹ, cao không thể leo tới, cho nên thường xem việc “thành Thánh” là con đường đáng sợ của đời người. Có người thậm chí cam chịu thụt lùi, dứt khoát vứt bỏ lý tưởng và theo đuổi cao cả, vội vàng tính việc công danh phú quý, theo đuổi thỏa mãn vật chất ở mức độ lớn nhất, rơi vào cảnh đời chán chường uể oải. Chu Hy chỉ ra rằng, loại người xem Thánh hiền cao không thể leo tới, có thể trông mà không thể với tới này, thực tế tìm cho mình cái cớ để vứt bỏ trách nhiệm xã hội, thậm chí làm xằng làm bậy. Do vậy, Chu Hy muốn người ta lập chí thì phải lập chí cao xa, làm người thì phải làm người trở thành Thánh hiền, đó là “Người có học phải lập chí, mà học thì phải làm Thánh hiền”.

Muốn làm “Thánh hiền”, thì trước hết phải hiểu rõ như thế nào là “Thánh hiền”? Chu Hy đã từng so sánh mấy loại nhân cách lý tưởng khác nhau: Phật giáo tôn sùng là “thành Phật”, điều Đạo gia hướng tới là “đưa con trung thành”. Theo Chu Hy điều mà những nhân cách lý tưởng này quan tâm chỉ là “thanh tịnh vô vi” (trong sạch thuận theo tự nhiên) và “viên mãn tự túc” (đầy đủ trọn vẹn) của bản thân cá thể, đối với việc khuyến bảo giáo hóa dân chúng trăm họ và việc phá cũ lập mới của phong tục xã hội thì vứt bỏ không dă động đến, vứt bỏ trách nhiệm xã hội và sứ mệnh lịch sử, do đó họ hoàn toàn không phải là một loại nhân cách mẫu mực lý tưởng.

Học giả Pháp gia trong lịch sử Trung Quốc suy tôn nhân vật dạng Quản Trọng, họ chú trọng “thuật của vương bá” và quy tắc pháp luật, hy vọng dùng các biện pháp này để làm cho nước giàu quân mạnh, giáo hóa dân chúng, uốn nắn thói đời, giải quyết các vấn đề xã hội, hầu như so với mẫu nhân cách Phật giáo tôn sùng hay hơn. Nhưng Chu Hy cho rằng, họ xem nhẹ tu dưỡng đạo đức của bản thân cá thể và tự mình hoàn thiện nhân cách, vì thế cũng không phải là một loại giới hạn lý tưởng. Chu Hy lại chỉ ra rằng, có một số nhà Nho vừa biết rõ tính quan trọng của việc tự mình dưỡng đạo đức (tức “minh đức”) lại chú trọng giáo hóa dân chúng trăm họ, uốn nắn thói đời (tức “tân dân”), nhưng không đạt được giới hạn “dùng ở mức thiện nhất”, do vậy vẫn không thành “Thánh nhân”. Người là “Thánh nhân” không những tự mình tu dưỡng đạo đức đạt đến giới hạn cao nhất, mà còn dùng sức mạnh mẫu mực của họ giáo hóa, dẫn dắt dân chúng trong thiên hạ, còn có thể “dùng sức từ trên bản nguyên”, bằng mọi cách quan sát một cách đầy đủ cái gốc của vũ trụ, cội nguồn của sinh mệnh, từ đó “dùng lại ở mức thiện nhất”.

Vậy thì “bản nguyên” là cái gì? Lại phải “dùng sức từ trên bản nguyên” ra sao để trở thành “Thánh nhân”? Theo Chu Hy, vạn vật trong trời đất đều có một người sáng tạo và làm chúa tể. Người sáng tạo có nghĩa là trước kia ở trên thế giới thực tại có một “chủ của tạo hóa”. Chúa tể có nghĩa là bất kể vũ trụ tự nhiên hay là xã hội loài người đều có một loại quy tắc nào đó cần

phải như thế. Chu Hy cho rằng bản thể này vừa là người sáng tạo vừa là người chứa tế tức là “thái cực”, còn gọi là “thiên lý”.

Chu Hy cho rằng, “thái cực” là “siêu động tĩnh”, nhưng lại bao hàm cái lý của động tĩnh, “khí” hiện ra dưới “thái cực” chuyển động theo cái lý động tĩnh này, bèn sinh ra âm dương, dương biến âm hợp, đã xuất hiện ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Hai khí âm, dương và ngũ hành cùng kết hợp với nhau sẽ tạo thành vạn vật và loài người. Do vậy, theo Chu Hy, bản chất của vật thể và bản tính của con người đều là “Thái cực”, đều là biểu hiện bề ngoài của “Thiên lý”. Mà nội dung của “Thiên lý” hoặc “Thái cực” là “thiện nhất”, là tên gọi chung của quy phạm đạo đức: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Như vậy, người ta nếu từ trên “bản nguyên” nhận thức được tính của con người và tính chất của vật hoàn toàn hợp nhất, nhận thức được việc thực hiện nhân, nghĩa, lễ, trí, tín thì trên hợp với “Thiên lý”, dưới phù hợp với bản tính, thế thì sẽ có thể đạt được sự thống nhất của niềm tin bên trong với hành vi bên ngoài, sự thống nhất của tâm linh với thể xác, sự hợp nhất của “người” và “trời” (“Thái cực” và “Thiên lý”), như vậy, con người sẽ có thể đạt được hoàn toàn tự giác về đạo đức và hoàn toàn tự nhiên trên hành vi, con người cũng sẽ thành “Thánh nhân”.

Nhưng, con đường trở thành “Thánh” vô cùng gian nan, theo Chu Hy, mặc dù “thiên lý” coi là bản chất của con người bắt đầu từ ngày con người sinh ra đã tồn tại một cách nội tại trong thân thể con người, nhưng điều này không có nghĩa là con người đã có thể hiện rõ một cách tất nhiên bản chất hoàn toàn thiện. Ngược lại, đại đa số người thường bối rối không biết đối với việc đó, do đó trong cuộc sống hiện thực một mực theo đuổi sự thỏa mãn thú vui xác thịt, thực hiện những việc làm đi trạch với bản tính con người. Cho nên mỗi một người trong quá trình sinh mệnh của mình, việc đầu tiên cần coi trọng là nhận thức đối với bản chất của chính mình, tìm hiểu chỗ tồn tại của bản chất đối xử của con người. Chu Hy gọi nó là “truy thiên lý đến cùng”, đường lối và thủ đoạn của nó là “cách vật chí tri” (nghiên cứu đến cùng để biết ngọn nguồn của sự vật).

Do vậy, Chu Hy muốn mọi người ở mọi chỗ mọi lúc nhận thức được “thiên lý”, khi đọc sách nên nhận thức “thiên lý” từ trong những lời truyền lại của thánh hiền. Lúc bình thường bàn luận các nhân vật xưa nay, nên từ trong sự tích của họ phân biệt thiện ác, tìm lấy một “thiên lý”. Việc ứng xử với công việc và tiếp nhận vật chất trong cuộc sống của con người cũng nên xem xét lại xem có thỏa đáng hay không, vẫn là tìm “thiên lý”. Tóm lại là, Chu Hy yêu cầu người ta bất kể tiếp xúc với vật gì, bất kể ý nghĩ trong lòng là gì, cũng bất kể làm việc gì, đều phải có một mục tiêu kiên quyết không sờn, tức là nhận thức được “thiên lý” đó không có chỗ nào không có, không có lúc nào không có, đồng thời quán triệt trong từng lời nói việc làm hàng ngày, quán triệt trong hoạt động thực hiện “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, như vậy, sẽ có thể chen thân vào hàng “Thánh nhân”.

Chu Hy lại chỉ ra rằng, trở ngại chủ yếu khiến người ta khó mà thành thánh thành hiền là mọi người đều có ham muốn vật chất, cho nên phải đặc biệt chú ý vấn đề phân biệt “thiên lý và ham muốn của con người”. Theo Chu Hy, mùa hè mặc áo vải đay, mùa đông mặc áo lông, che thân giữ ấm, đói thì ăn cơm, khát thì uống nước, những việc đó đều là lẽ đương nhiên, là thiên

tính của con người, không có gì đáng bàn cãi. Nhưng có người sau khi che thân đủ ấm lại theo đuổi quần áo quý giá, ngoài việc đói ăn khát uống ra lại đòi hỏi sơn hào hải vị, đây lại là ham muốn của con người rồi. Do đó sự khác biệt giữa thiên lý và dục vọng của con người mấu chốt không phải ở chỗ ham muốn có đòi hỏi hay không, mà ở chỗ ham muốn của con người có thích đáng hay không. Dục vọng mà phù hợp với mức độ nhất định thì là thiên lý, nhưng vượt quá mức độ nhất định thì là ham muốn của con người rồi. Sau khi phân biệt rõ ràng đâu là thiên lý, đâu là ham muốn, người ta sẽ cần phải tự giác dựng xây nên tín ngưỡng đối với thiên lý trong nội tâm, đồng thời tự nhiên nổi lên nguyện vọng theo đuổi. Sau đó cần phải hình thành thái độ khinh thường đối với ham muốn của con người và quyết tâm loại trừ những cái xấu đến tận gốc. Chu Hy cho rằng quá trình người ta áp ủ thiên lý và ham muốn giống như quân hai bên chống chọi nhau bên này thắng thì bên kia bị diệt, bên kia thắng thì bên này bị diệt. Trong cuộc sống người ta đối với ham muốn của con người phải giống như đối với kẻ thù, luôn luôn giữ cảnh giác, chủ động phát động tiến công không chút buông lỏng, phải tiêu diệt nó hoàn toàn mới an lòng, mới vui vẻ.

Chu Hy khuyên răn mọi người, trong quá trình áp ủ thiên lý và ham muốn của con người, đặc biệt phải có bản lĩnh biết chữ kính. Kính ở đây là chỉ có bản tính thuần thiện ở trong người và thể hiện một cách tự nhiên trong ý nghĩ, nghe ngóng, lời nói và hành động của mình, cả đến ăn mặc, vẽ mặt, cử chỉ, không một chỗ nào không thể hiện là thiện, đạt đến ranh giới có tính siêu việt vừa là đạo đức vừa là hết sức tự nhiên. Điều đó cũng chính là việc tu dưỡng đạo đức của thế giới tinh thần và hành động thực tế bên ngoài của người ta đều là tự giác tự nguyện, vừa không bị ép bởi sức ép bên ngoài, lại không có bất cứ mục đích tư lợi nào, điều này gọi là trong ngoài như một. Trong quá trình cuộc sống, một người hoặc là để lấy lòng người nào đó, hoặc để mưu cầu lợi lộc, hoặc bị ép bởi hoàn cảnh mà biểu hiện ra một số cử chỉ và hành vi vô cùng đạo đức, việc này tuyệt nhiên không nói lên được sự tu dưỡng đạo đức của người này rất cao. Ngược lại, loại người này thường là bọn miệng đầy nhân nghĩa đạo đức, nhưng bụng dạ toàn là của kẻ trộm cướp dĩ điểm. Người ta dưới sự cám dỗ mạnh mẽ của ham muốn vật chất có thể giữ được lòng không nao núng, hành vi không lệch, có thể ngợi khen là biết chữ kính, nhưng đây vẫn không phải là ranh giới cao nhất. Nếu trong tình huống không hề có chút cám dỗ hoặc cưỡng ép bên ngoài nào, người ta vẫn có thể bất phóng túng lòng mình, cảnh giác với ham muốn riêng tư, giữ được quy phạm đạo đức, mà còn có thể rất tự nhiên, đây mới thật sự có bản lĩnh biết chữ kính (kính nhường).

Học thuyết của Chu Hy phong phú mà thâm thúy, ảnh hưởng rất sâu xa. Sách *Tống sử. Đạo học truyện* cho rằng Nho học Khổng Mạnh trước tiên gặp hại đốt sách chôn sống nhà Nho của triều Tần, về sau bị Hán Nho chia cắt, ở thời Ngũ Tán sáu triều lại bị chèn ép bởi Phật học và Lão học, bị người đời lạnh nhạt. Lạc học của Trình Hạo và Trình Di ra đời trên tiếp nối với dòng Nho học, còn Chu Hy thì tiếp nối thẳng với Trình Hạo và Trình Di, tiếp nối chính thống Nho học của Khổng Mạnh làm rạng rỡ nó, công lao của ông không thể mai một. Đối với một vĩ nhân trong lịch sử nhận được lời bình luận cao như thế, đối với một nhà tư tưởng lớn mà học thuyết ảnh hưởng cả nửa giai đoạn sau của xã hội Trung Quốc thời xưa như thế, chúng ta nên có sự coi trọng đầy đủ, phân tích tỉ mỉ hơn đối với học thuyết của ông nhất bỏ những chỗ rắc rối phức tạp của nó, tìm kiếm ý nghĩa tinh hoa của nó để dùng cho con người hiện đại.

9. Cuộc đời của nhà Nho lớn Lục Cửu Uyên

Lục Cửu Uyên tự là Tử Tĩnh, hiệu Tượng Sơn sinh năm 1139 mất năm 1192, người Kim Khê, Vũ Châu, Giang Tây, là nhà tư tưởng nổi tiếng thời kỳ Nam Tống ở Trung Quốc. Lục Cửu Uyên có tất cả 6 anh em, ông là em út, cả sáu người đều hoặc có thành công trong việc học, hoặc có nhân phẩm nổi trội hơn người. Nghe nói. Lục Cửu Uyên có bẩm tính khác thường, khi mới 4 tuổi có một lần đã hỏi cha một vấn đề như sau: Biên giới của trời và đất ở đâu? Người cha không thể trả lời được, ông đã suy nghĩ sâu xa đến nỗi quên ăn quên ngủ. Điều còn nghi vấn này luôn ẩn sâu ở nơi sâu kín trong lòng ông. Khi Lục Cửu Uyên lên 10 tuổi, một lần đọc sách cổ, trong đó có hai chữ “vũ trụ”, người giải thích nói: bốn phương trên dưới là vũ, từ xưa đến nay là trụ. Lục Cửu Uyên bỗng nhiên bừng tỉnh nói: Hóa ra vũ trụ chính là vô cùng vô tận, con người và vạn vật trong trời đất đều tồn tại trong vô cùng vô tận. Ông còn dẫn ra lý luận như sau: Việc trong vũ trụ chính là việc trong phần của tôi, việc trong phần của tôi chính là việc trong vũ trụ. Câu chuyện này nhiều người cho rằng không đáng tin, là những lời thối phồng đối với Lục Cửu Uyên, nhưng quan niệm bao hàm trong những lời này đích thực hoàn toàn thống nhất với tư tưởng của Lục Cửu Uyên sau khi trưởng thành.

Lục Cửu Uyên khi 34 tuổi đậu Tiến sĩ, khi 37 tuổi nhận lời mời của nhà sử học Lã Tổ Khiêm cùng anh là Lục Cửu Linh đến chùa Nga Hồ, Tín Châu (nay là xã Nga Hồ huyện núi Kẽm Thượng Nhiêu) gặp mặt Chu Hy, đồng thời tiến hành biện luận học thuật, ông làm một bài thơ để nói rõ những chỗ khác nhau giữa lý luận của ông với học thuyết của Chu Hy.

Qua bài thơ, Lục Cửu Uyên khen lý luận của mình trực tiếp gợi ý và phát huy con người vốn là lòng thiện, đối với việc học trước hết phải “lập tâm trước” là việc “giản dị dứt khoát” có thể lưu truyền rộng rãi lâu dài. Còn lý luận của Chu Hy muốn người ta phải bắt tay vào từ việc nhận biết vạn vật để hiểu ra “thiên lý”, đối với việc học phải “Xem rộng đọc nhiều” là sự nghiệp phân tán rời rạc xét đến cùng sẽ chìm đắm xuống. Lòng tự tin và vẻ đặc ý của Lục Cửu Uyên có thể nói là nhảy múa trong từng chữ từng hàng trong bài thơ ấy.

Về chính trị Lục Cửu Uyên từng đề xuất dùng cái gọi là “thang tứ vật” (cũng gọi là “thang tứ quân tử”) để “chữa trị đất nước”. “Tứ vật” là: Nhiệm hiền, sử năng, thưởng công, phạt tội. Có nghĩa là kẻ cầm quyền muốn quản lý tốt đất nước cần phải bổ nhiệm những người có tài đức, khiến cho người có tài có thể phát huy tác dụng một cách đầy đủ, đồng thời khen thưởng người có công, trừng phạt kẻ phạm tội. Bốn vị thuốc này hầu như không có chỗ nào thật hay lắm, thực tế vẫn là lời nói tầm thường. Chủ trương chính trị của Lục Cửu Uyên bình thường như thế, đương nhiên trên bước đường làm quan rất khó thăng tiến, cho nên Lục Cửu Uyên đem toàn bộ thời gian tinh lực đầu tư vào việc nghiên cứu học vấn và truyền dạy cho các đệ tử. Khi 43 tuổi, ông nhận lời mời của Chu Hy đến thư viện Bạch Lộc Động dưới chân núi Lư Sơn giảng bài, chủ

yếu giảng chương “Quân tử hiếu được nghĩa, tiểu nhân chỉ biết tư lợi” trong sách *Luận ngữ*”.

Trung tâm diễn giảng của Lục Tượng Sơn (tức Cửu Uyên) là trình bày rõ sự khác biệt của “quân tử” và “tiểu nhân”. Ông cho rằng, sự khác nhau của hai loại người này chủ yếu không ở hành vi, mà là ở “chí”, tức động cơ và giới hạn của tinh thần. Ông nêu ví dụ nói, quốc gia mở khoa thi chọn kẻ sĩ, người trúng mới có thể làm quan, phần đông kẻ sĩ tất tả chạy giữa chốn khoa trường, mặc dù mọi người làm cùng một loại hành vi, nhưng “chí” của họ lại khác nhau nhiều, từ đó phân ra “quân tử” và “tiểu nhân”. Ví như có một số người tham gia thi cử, có ý là mưu cầu công danh lợi lộc, cũng tức là “chí đặt ở lợi”, do thế trở thành “kẻ tiểu nhân chỉ biết tư lợi”. Còn một số người khác bước vào trường thi, mục đích là vì hiến công hiến sức tốt hơn cho trăm họ trong thiên hạ, phấn đấu cho sự trong sáng chính trị của quốc gia, đó là “chí biết nghĩa” trở thành người “quân tử chỉ biết nghĩa”. Hai loại người này thông qua thi có lẽ đều giành được công danh, nắm được quyền lớn, nhưng từ ranh giới tinh thần để xét, thì loại trước là thấp hèn, còn loại sau là cao thượng. Loại tiểu nhân nên bị lên án, loại quân tử nên trở thành tấm gương.

Theo ghi chép, bài giảng của Lục Cửu Uyên giành được thành công trước nay chưa từng có, người nghe giảng ở dưới thậm chí cảm động đến chảy nước mắt. Đối thủ về học thuật của ông lại là người bạn tốt của ông là Chu Hy đặc biệt đem bài diễn thuyết này khắc bia giữ lại và tự mình đề lời跋, có thể nói là tôn sùng đến tột bậc.

Khi 49 tuổi, Lục Cửu Uyên xây dựng Học xá tại núi ứng Thiên, học trò bốn phương nghe tin tụ tập về đây nghe giảng, quy mô dạy học của Lục Cửu Uyên rất lớn, quang cảnh nghiêm mật, theo sách *Niên phả* ghi chép: “Tiên sinh thường ở trong phương trượng. Hàng ngày sáng sớm tiếng trống ở Học xá nổi lên, Lục Cửu Uyên ngồi kiệu đến nơi giảng. Học trò vái chào xong, ông lên ngồi giảng, vẻ mặt rạng rỡ, tinh thần phấn chấn; học trò lại dùng một biển nhỏ ghi họ tên năm sinh của mình theo thứ tự lần lượt vào, nhìn theo đó để ngồi, ít cũng không dưới vài chục người, mọi người ngồi nghiêm túc không tiếng sột soạt. Trước tiên dạy tinh thần tĩnh trí, bót phóng túng, tu dưỡng đức tính, khiêm tốn nghe giảng, các học trò đều chấp tay lắng nghe, ông không chỉ giảng kinh sách, mà mỗi khi khêu gợi tư tưởng của một học trò nào đó cũng tách ra dùng lời lẽ nhẹ nhàng để chứng minh..... Lúc bình thường, ông hoặc đọc sách, hoặc gảy đàn, ngày đẹp trời thì từ từ đi dạo xem thác nước. Cao nhất là đọc kinh huấn, ca Sở từ và thơ văn cổ, ung dung thoải mái. Mặc dù nắng hè oi bức, áo mũ vẫn chỉnh tề, trông ông như một vị Thần. Từ trong đó ta dễ dàng nhận ra Lục Cửu Uyên lấy việc giảng giải kinh điển làm phương pháp, lấy việc khêu gợi lương tri lương năng vốn có của con người làm mục đích, muốn mọi người tập trung tinh thần, bồi dưỡng đức tính. Cuộc sống thường ngày của Lục Cửu Uyên thì rất là thanh thoi an nhàn, hoặc đọc sách, gảy đàn hoặc ngắm cảnh ngâm thơ. Mặc dù là trong nắng hạ nóng bức cũng ăn mặc mũ áo dàu ra dấy, chẳng trách được người ta khen là “trông ông giống như Thần”.

Điều căn bản của tư tưởng Lục Cửu Uyên ở chỗ bắt nguồn từ hai chữ “dưỡng tâm” của Mạnh Tử, cũng chính là tự kiểm tra lại quan niệm đạo đức tiên nghiệm bên trong của mọi người, đồng thời luôn giữ lấy không chênh lệch, thông qua tu dưỡng tinh thần để bảo tồn nó, phát

huy nó khiến cho cá nhân có lòng tự giác và tự tin đầy đủ, lĩnh hội được giá trị to lớn của con người trong trời đất. Để “dưỡng tâm”, ông thường nói khi mình không có việc gì, luôn ngồi im lặng nhắm mắt, vòng tay để định thần, thu thập tinh thần, tự làm chúa tể, tuyệt đối không theo đuổi sự vật bên ngoài. Một hôm, ông nói với học trò: đối với người học tập nên tăng cường thời gian ngồi nhắm mắt im lặng. Một học trò của ông nghe xong cảm thấy hết sức hứng thú, thế là đã ngồi trong nhà liên tục nửa tháng trời, suốt ngày suốt đêm, không chút lơ là. Có một hôm, anh ta bỗng nhiên cảm thấy trong lòng trong sáng, tinh thần sảng khoái, thế là liền xuống nói với Thầy. Lục Cửu Uyên nhìn chăm chăm vào mắt anh ta rất lâu rồi nói: Anh đã “đắc lý”. Phương thức “đắc lý” này của Lục Cửu Uyên rất giống “Đốn ngộ” (Hiểu ngay) của Thiền tông, do vậy đối thủ tranh luận về học thuật của Lục Cửu Uyên thường chỉ học thuyết của Lục Cửu Uyên (Lục học) là “Thiền học”, dạy người suốt ngày ngồi im lặng, gấp sách không xem, những lời phê bình này đương nhiên cũng có chút căn cứ.

Lục Cửu Uyên mất tại nhiệm sở ở Kinh Môn khi vừa 54 tuổi. Ông đã từng viết một bài thơ để nói rõ chí hướng của mình.

*Ngưỡng phủ phan Nam Đẩu, phiên thân ý Bắc Thần,
Cử đầu thiên ngoại vọng, vô ngã giá ban nhân.*

Dịch ý:

*Ngẩng đầu núp Nam Đẩu, trở mình tựa Bắc Thần,
Ngửa đầu nhìn ngoài trời, không ai như tôi cả.*

Ông còn nói:

Ai đó dù không biết lấy một chữ, cũng cần phải tỏ ra vẻ chững chạc và oai nghi của mình.

Từ hai đoạn thơ này ta thấy, Lục Cửu Uyên có thể nói lòng còn cao hơn trời. Theo ông con người nên có chí lớn như thế, có lòng tự tin như thế, phải nhận ra giá trị độc đặc của sự tồn tại của mình mà không thể thay thế được. Cho dù mình không có năng lực, không có tiền, không có địa vị không quyền lực, không có văn hóa cũng phải làm một con người một cách đường đường chính chính.

10. Cuộc đời của Vương Phu Chi - con người cảm phần lẻ loi

Núi Đại La thuộc làng Cao Tiết xã Kim Lan huyện Hoàn Dương tỉnh Hồ Nam, cỏ mọc um tùm, tre xanh lay động, một vườn mộ không lớn, phía trước dựng một tấm bia mộ của người mất tự đề khi còn sống, ở trên khắc tỉ mỉ mấy hàng chữ lớn cao và thẳng: Bao Lưu Việt Thạch chi cô phần, nhi mệnh vô tòng trí. Hy Trương Hoàn Cự chi chính học, nhi

lực bất năng xí. Hạnh toàn quy vu tư khuru, cố hàm tuất dĩ vĩnh thế.
(Ôm ấp nỗi căm phẫn của Lưu Việt Thạch, mà mệnh không theo đến cùng. Mong nền chính học Trương Hoành Cự mà lực không với tới; May trọn vẹn trở về với gò mộ này, giữ mãi mối lo nghĩ đời đời).

Lưu Việt Thạch là hiệu của Lưu Côn thời Tây Tấn, ông lập chí muốn dùng bầu nhiệt huyết của mình chống chọi với Lưu Thông và Thạch Lặc. Trương Hoành Cự là hiệu của nhà tư tưởng lớn thời đầu Tống Trương Tải. Trương Hoành Cự từng nói: “Vị vãng thánh kế tuyệt học, vị vạn thế khai thái bình”, tức về học thuật lập chí phải kế tục huyết thống học thuyết thành Thánh thành Hiền của Nho gia, mà làm cho rạng rỡ.

Trong việc quản lý đất nước phải vì muôn dân trăm họ mở ra cuộc sống thái bình phồn thịnh muôn năm. Vương Phu Chi bên ba trong sự nghiệp chống Thanh, tức lấy Lưu Côn làm tấm gương sáng. Ông miệt mài viết tác phẩm lấy Trương Tải làm mẫu mực. Ông tự than thở không bằng, nhưng trên thực tế là tự vừa ý, Vương Phu Chi về công lao sự nghiệp, tuy không có công tích lớn long trời lở đất, nhưng tinh thần không sợ gian nan, không sợ hy sinh của ông đã cảm hóa mọi người rất sâu sắc. Còn học thuật và học thức của ông trong lịch sử phát triển tư tưởng ở Trung Quốc đã dựng lên công tích vĩ đại. Lương Khải Siêu với ngòi bút tràn ngập tình cảm mãnh liệt đã viết: “Các học giả năm trăm năm trở lại đây, người thật sự thông hiểu nguyên nhân giữa trời với người, chỉ có riêng mình Thuyền Sơn mà thôi”.

Lời đánh giá này thật là đúng mức.

Vương Phu Chi (1619 - 1692) tự Nhi Nông, hiệu Khương Trai, vì những năm cuối đời ẩn cư tại Thạch Thuyền sơn, Chung Tả, Tương Tây (nay thuộc Khúc Lan, huyện Hoành Dương tỉnh Hồ Nam), vì thế người đời sau gọi ông là Thuyền Sơn tiên sinh.

Vương Phu Chi từ nhỏ được mọi người khen là thông minh hơn người, năm lên 4 tuổi đã vào học trường tư thực, bảy tuổi học hết Ngũ Kinh, 14 tuổi thi đậu Tú tài. Năm 1639, Vương Phu Chi 21 tuổi theo hai người anh đến Vũ Xương dự cuộc thi hương, bị hỏng thi không đậu. Khi đó ở phương Bắc có nghĩa quân nông dân do Cao Nghinh và Trương Hiến Trung lãnh đạo họp đại hội tại Huỳnh Dương, áp sát ngay vùng trái tim của vương triều Minh. Mà binh mã của triều Thanh bên ngoài quan ải lại mắt nhìn thềm thường như hổ đói, vương triều Đại Minh trong ngoài đều khốn đốn, nằm trong tình thế bấp bênh.

Sự nguy cấp của dân tộc và quốc gia khiến Vương Phu Chi tạm thời trút bỏ buồn rầu do khoa cử thất bại mang đến, lấy các tổ chức “Đông Lâm”, “Phục Xã” làm mẫu mực, cùng với những thanh niên có nhiệt huyết như Quách Quý Lâm, Quán Dã Trung, Văn Tiểu Dũng đã lập thành đoàn thể mang tính chính trị “Khuông Xã”, lập chí phải cải cách xã hội.

Năm 1642, Vương Phu Chi 24 tuổi lại lần nữa đến Vũ Xương tham dự thi hương, đã đậu Cử nhân xếp thứ 5.

Vương Phu Chi thời kỳ này tuy có chí hướng to lớn cứu đời cứu dân, nhưng say sưa với công danh khoa cử, hy vọng từ khoa trường bước vào quan trường để thi thố hoài bão của mình.

Tháng 11 cùng năm, Vương Phu Chi cùng với anh trai chọn đường Nam Xương lên Bắc Kinh tham gia thi hội, nhưng đường lên phía Bắc đã bị cắt đứt, vương triều Đại Minh sắp bị lật đổ, triều đình hạ chiếu đẩy lùi thời gian thi hội. Vương Phu Chi hậm hực trở về quê, từ đó cũng không tham gia thi khoa cử nữa.

Năm 1643, quân của Trương Hiến Trung đánh vào Hồ Nam, chiếm lĩnh Hoành Dương, đặc biệt mời anh em Vương Phu Chi tham gia nghĩa quân. Vương Phu Chi từ chối hợp tác, lánh vào rừng sâu ẩn náu. Nghĩa quân liền bắt cha của Vương Phu Chi làm con tin, Vương Phu Chi có tiếng là người con có hiếu, tự làm thương tổn thân thể, để người khiêng về quân doanh, để bày tỏ không thể theo lệnh tông quân. Năm sau, đại quân của Lý Tự Thành tiến vào Bắc Kinh, vua Sùng Trinh nhà Minh treo cổ tự vẫn trên núi Mô Sơn, không bao lâu, quân Thanh dưới sự dẫn dắt của Ngô Tam Quế đánh bại Lý Tự Thành, tiến vào chiếm Bắc Kinh. Vương Phu Chi nghe tin thay đổi lớn này mang theo tâm tình hết sức căm hờn đã viết bài thơ Bi phần thi, sau đó cứ mỗi khi Tiểu vương triều Nam Minh bị hủy diệt, ông đều dùng văn cũ làm Bi phần thi để bày tỏ chí trung thành. Theo truyền thuyết, khi Vương Phu Chi đi chơi phố thường đi một đôi guốc gỗ, bất kể có gió tuyết mưa sương hay không đều mở chiếc ô (dù), có ý là đầu không đội trời của triều Thanh, chân không đạp đất của người Thanh.

Về sau Vương Phu Chi tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống Thanh đã cùng với các bạn tốt của “Khuông Xã” phát động khởi nghĩa Hoành Dương, lại xuống miền Nam tham gia Tiểu vương triều Nam Minh, nhưng đều không có cách nào cứu vãn nổi vận mệnh bị tiêu diệt của vương triều Minh, quân Thanh dần dần lan rộng khắp cả hai bên bờ sông Trường Giang. Lúc đó, quân Thanh chiếm lĩnh Hồ Nam ra lệnh để tóc, muốn tất cả mọi người dân tộc Hán đều phải để tóc theo kiểu của người Mãn. Lúc này, những người có học có khí tiết, có hoài bão nô nức “xuất gia” để chống lại việc để tóc. Một người bạn của Vương Phu Chi là Phương Dĩ Trí đã cạo đầu đi tu tại chùa Thanh Nguyên, Cát An, Giang Tây, và đã mấy lần khuyên Vương Phu Chi cũng xuất gia đi tu để tránh nguy hiểm. Vương Phu Chi có chủ trương riêng của mình, ông vừa không để tóc cũng không đi làm hòa thượng, mà là giấu họ giấu tên, đổi áo thay mũ lưu vong trong rừng núi hoang vu giữa Linh Lăng và Thường Ninh, ở nhà hang gọi mình là người Dao, tránh sự thống trị tàn khốc của triều Thanh.

Năm 1675, Vương Phu Chi dời đến ở dưới chân núi Thạch Thuyền sơn, tự dựng nhà tranh để sống hàng ngày và gọi nó là Tương Tây thảo đường. Vương Phu Chi lấy những hòn đá ngoạn cường trên núi Thuyền Sơn để tự ví mình kiên trinh vô cùng, trong đời sống vật chất hết sức nghèo khổ, đã khắc phục vô vàn khó khăn, cầm bút viết trước tác không ngừng, hè qua đông tới, trên bàn viết đã chất từng đống từng đống bản thảo. Theo sự thống kê của người đời sau, trước tác của Vương Phu Chi nhiều đến kinh người, tất cả gồm hơn trăm loại, hơn bốn trăm quyển, khoảng hơn tám triệu chữ, đã để lại cho người đời sau tài sản tinh thần quý báu.

Quan sát một đời của Vương Phu Chi có thể nói là bắt đầu từ một thư sinh trở thành nghĩa sĩ chống Thanh rất ngoạn cường, lại chuyển thành Nho sinh vùi đầu cặm cụi viết trước tác. Ông tự mình nhìn thấy sự sụp đổ của vương triều Đại Minh, lại tự mình trải qua khổ nạn thống trị của dân tộc khác, những vấn đề trăn trở trong lòng ông là: “Vì sao vương triều Đại Minh như đất mục, bị quân nông dân vừa phá đã đổ ngay? Chế độ chính trị thống trị Trung Quốc đã xuất

hiện thực trặc gù, làm thế nào mới có thể làm cho thiên hạ thái bình, đời sống người dân hạnh phúc?”

Vương Phu Chi đầu tiên nêu ra thuyết “Tôn quân” (tôn trọng vua). Theo ông, cần phải nghiêm ngặt theo quan hệ đẳng cấp trên dưới xử lý tất cả mọi quan hệ của xã hội, bằng không thì sẽ có thể phá hoại trật tự đẳng cấp trên dưới, đảo lộn quan hệ vua tôi, ắt sẽ làm cho thiên hạ hỗn loạn lớn. Mà “Thiên tử” sở dĩ phải tôn trọng là vì họ nhận mệnh của trời để quản lý quốc gia, cho nên là phụ mẫu của thần dân. Do đó cướp ngôi của Thiên tử, đoạt quyền của Thiên tử sẽ là “loạn thần tặc tử” ắt mọi người phải đứng lên chống lại.

Những ý kiến này của Vương Phu Chi rõ ràng là nhắm vào hiện thực nhà Minh bị diệt vong và đối với việc Lý Tự Thành thay nhà Minh tự trở thành Thiên tử nêu lên dị nghị. Cho đến đây, Vương Phu Chi vẫn là một nhà bình luận chính thống của nhà Nho. Nhưng Vương Phu Chi đã từng tự mình trải qua sự hủ bại của Tiểu vương triều Nam Minh, có cảm nhận rất sâu đối với tệ hại chính trị quân chủ tập quyền cao độ. Vì vậy, sau khi đưa ra thuyết “Tôn quân”, Vương Phu Chi lại nêu lên, cần phải hạn chế quyền vua, để tránh ông vua lạm dụng quyền lực đem tai họa lại cho thần dân.

Theo Vương Phu Chi, thiên hạ không phải là tư hữu của một mình Thiên tử, ngôi Vua cũng không phải là của một họ nào đó độc chiếm. Giống Tần Thủy hoàng tự cho mình là Thủy Hoàng đế, có ý đồ con của ông là Nhị thế, cháu của ông là Tam thế cho đến tận Vạn thế. ý đồ dùng “Thiên hạ là của riêng của một người” này bị đập tan tành trong hiện thực: triều nhà Tần đến Nhị thế (đời thứ hai) thì bị diệt vong. Do vậy ngôi vua không phải là của riêng của một họ, mà có thể “thuyền nhượng” (nhường ngôi), chuyển kế và thay đổi. Người ta nếu như có thể “tu thân để chờ mệnh”, chú trọng tự tu dưỡng đạo đức, chờ đợi thời cơ, tuân theo quy luật khách quan thì có thể tiếp nhận mệnh trời mà kế thừa “đế vị”. Cách nói này của Vương Phu Chi chắc chắn là sự phủ định đối với thuyết quân chủ chính thống muôn đời một hệ theo truyền thống, thực chất là đem việc kế thống trị có thể nắm quyền hay không liên hệ với thành tích của họ trong khi nhậm chức, mà không chỉ là huyết thống quyết định đế vị. Đây là cách nhìn cấp tiến nhất có thể đạt được về chính trị của các phần tử trí thức thời xưa của Trung Quốc.

Vương Phu Chi còn chỉ ra thêm Thiên tử phải trên tiếp nhận “thiên mệnh”, dưới được dân chúng ủng hộ và yêu mến, sẽ không thể một mình nắm cả quyền lực mà phải phân quyền với bách quan, địa phương cũng phải có phân phối quyền lực thích đáng với trung ương. Bởi vì xét từ kinh nghiệm lịch sử “trên thống trị hết thì loạn, phân quyền thống trị thì quản lý tốt”, điều động tích cực của cả trên lẫn dưới, mới có khả năng quản lý tốt đất nước (Thượng thống chi tắc loạn, phân thống chi tắc trị).

Những ý kiến này của Vương Phu Chi chính là nhắm vào vương triều Minh chuyên chế tập quyền cao độ cung cấp cho người đời sau một bài học thất bại.

Trong quá trình tổng kết bài học kinh nghiệm nhà Minh bị diệt vong, Vương Phu Chi đã nhạy bén phát hiện ra tệ hại của tâm tính nói suông của giới tư tưởng. Hồi đó, quan điểm “không” có

thể sinh ra “có” của Đạo gia, Phật gia và Lý học gia bao trùm trong giới học thuật mà Chu Đôn Di tin thờ, cho rằng cái “có” của thể giới vạn sự vạn vật đều là sinh ra từ trong cái “không” của hư không (trống rỗng), quan niệm này làm cho người ta không chắc chắn, không bàn việc cụ thể, không coi trọng thực tế, dẫn đến bầu không khí của xã hội đi vào trống rỗng.

Vương Phu Chi chỉ rõ, nếu như nói: “Có” sinh ra từ “không”, sẽ giống như nói trời đất là một cái túi rỗng, kích động vào nó thì có thể sinh ra gió, vậy thì ai đi kích động nó? “Ai” này chẳng lẽ không phải là “có” phải không? Trên thực tế, trên đời không có cái “không” tuyệt đối, cái “không” mà người ta nói tức là “hư không”, thật ra không phải là “không” tuyệt đối, nó chứa đầy “khí”. Bởi vì “khí” trong “hư không” là loãng thưa, nhỏ bé, không có hình dáng, vừa nhìn không thấy, lại sờ không tới, người ta liền cho là “không có”, nhưng thực ra thì là “có”. Ví dụ một xe củi đốt cháy hết, hầu như đều không có cái gì nữa. Trên thực tế, một bộ phận của nó biến thành hơi nước, đi vào nước trong tự nhiên, một bộ phận cháy thành than, đi vào đất. Có một số chưa cháy hết vẫn là gỗ. Như vậy, Vương Phu Chi đã chứng minh thể giới không phải là “hư” không phải là “vô”, mà là “thực” và “có”. Do đó, người ta phải nhìn thẳng vào hiện thực, mà không thể giẫm lên “hư vô” bay bổng. Phải coi trọng “quốc kế dân sinh” mà không phải là mơ tưởng hảo huyền. Phải thực sự cầu thị mà không phải làm việc theo tưởng tượng. Vương Phu Chi từ đó đã phát triển “thực học”, thúc đẩy lịch sử tư tưởng của Trung Quốc phát triển. Vương Phu Chi từng nêu ra một luận đoán nổi tiếng: Thiên địa chi hóa nhật tân, có nghĩa là bản tính của trời đất cố nhiên không thể thay đổi, nhưng sự biến đổi của trời đất ngày càng đổi mới. Ông nói: Nước của sông ngòi hôm nay hầu như vẫn giống thời xưa, nhưng nước hôm nay không phải là nước thời xưa. ánh sáng của ngọn nến, hôm nay hầu như giống hôm qua, nhưng lửa hôm nay không phải lửa hôm qua. Tương tự, bão táp hôm nay cũng không phải bão táp của hôm qua. Từ đó có thể suy ra, mặt trời mặt trăng hôm nay không phải là mặt trời, mặt trăng của hôm qua, toàn bộ thể giới vạn vật đều biến đổi ngày càng mới. Có một số biến đổi rõ rệt, người ta có thể nhìn thấy, phát hiện được còn một số biến đổi nhỏ nhặt, vừa nhìn không thấy lại phát hiện không ra, nhưng chúng đều đang biến đổi thì không có gì đáng nghi ngờ. Ví như tóc và móng tay móng chân trên người, người ta có thể nhìn thấy nó đang biến đổi, cái mới mọc ra, cái cũ rụng. Còn sự biến đổi của da thịt của người thì không dễ dàng phát hiện. Nhìn bề ngoài nó không có bất cứ biến đổi gì, nhưng trên thực tế lại đang thay đổi hàng ngày, việc đó gọi là “biến đổi ngày càng mới”, vạn sự vạn vật đều có một quá trình đầy cũ sinh mới, từ một sự vật cũ biến thành sự vật mới.

Nguyên nhân “biến đổi ngày càng mới” của sự vật ở chỗ nào? Vương Phu Chi cho rằng đây là do “hai đầu” bên trong sự vật dẫn tới. “Hai đầu” tức là thể thống nhất của mâu thuẫn hai mặt mà vạn sự vạn vật đều chứa đựng, như âm và dương, rắn và mềm, động và tĩnh, tụ và tán. Những cái “hai đầu” này đồng thời tồn tại, không có trước sau, như không thể chỉ có “trời” mà không có “đất” hoặc chỉ có “đất” mà không có “trời”. Hơn nữa cái khác biệt của “hai đầu” sinh ra cùng cảm ứng nhau, do đó cùng cọ xát nhau, cùng rung động giữa cái này với cái kia, tác động lẫn nhau, từ đó sinh ra mọi biến đổi của trời đất vạn vật và nhân loại.

Vạn vật đã đều là “ngày càng mới”, xã hội đương nhiên cũng không ngoại lệ, cho nên quản lý quốc gia sẽ phải “Đổi mới theo thời thế”, “định luật pháp tùy theo thời gian”, mà không thể

khư khư giữ cái cũ không thay đổi, phục cổ thụ lùi. Vương Phu Chi ước mong Trung Quốc có biện pháp chính giáo mới, kết cấu chính trị mới, quan hệ vua tôi mới xuất hiện, thay đổi cảnh tượng xã hội, làm cho vùng đất Thần Châu bị dị tộc thống trị tràn đầy sức sống phơi phới trở lại.

Vương Phu Chi rất coi trọng quan hệ giữa “tri thức” và “hành” (làm), ông cho rằng việc “học” của người quân tử dựa vào “hành”, bắt nguồn từ “hành” cũng là vì “hành”. Do vậy, mục đích của giáo dục và theo học hoàn toàn ở việc ứng dụng, những tri thức học được phải có giúp ích cho việc quản lý, có tác dụng đối với việc quản lý quốc gia và giáo hóa dân chúng. Còn người ta nghiên cứu lịch sử cũng không phải vì say sưa với quá khứ, mà mục đích ở chỗ hấp thu những bài học kinh nghiệm lịch sử. Ông cho rằng các trường học mà các châu huyện lập hồi đó rất tệ hại, còn thư viện của dân gian (tức trường học của dân gian) thì nên cổ vũ nó phát triển. Vương Phu Chi nhiều lần tham gia thi khoa cử, biết rất rõ các thói hư tật xấu xuất hiện ở trong đó, do đó ông hết sức chủ trương cải cách chế độ khoa cử, vì sự phát triển của quốc gia và dân tộc chọn ra các nhân tài có ích.

Vương Phu Chi là nhà trí thức lớn, đối với việc theo đuổi học vấn có cách nhìn riêng biệt của ông. Ông chỉ ra rằng, thái độ học tập nhất định phải miệt mài đến nơi đến chốn, siêng suy ngẫm để nghiên cứu sâu sự huyền bí của sự vật, phải có tinh thần theo đuổi đến cùng. Đối với sách cổ, vừa có thái độ thực sự nghiên cứu, lại không hằn phải câu nệ với sách cổ. Ông dẫn lời Mạnh Tử: Hoàn toàn tin vào sách vẫn không bằng không có sách. Ông còn chỉ ra, việc giành được tri thức phong phú của con người phải tuần tự tiến dần từng bước, gọt nhọt từng ngày, mưu toan không tốn công sức, nhanh chóng đoạt được ngay, thế là học không tốt. Vương Phu Chi còn đặc biệt nêu lên vấn đề quan hệ giữa suy nghĩ biện luận với học tập. Theo ông học và suy nghĩ là dựa vào nhau, xúc tiến lẫn nhau. Học không thể trở ngại suy nghĩ, trái lại học càng uyên bác, suy nghĩ biện luận sẽ có thể càng thâm thúy. Suy nghĩ cũng giúp ích cho học. Khi quá trình suy nghĩ của người ta cảm thấy khó hiểu, thì có thể phát hiện sự cần thiết của việc học rộng, từ đó việc học càng siêng năng hơn.

Vương Phu Chi nói như thế, cũng làm như thế. Ông một đời chăm chỉ đọc nhiều sách, lại suy nghĩ mọi vấn đề một cách thâm thúy, trong hàng loạt lớn bản thảo ông viết, vừa thể hiện rõ tri thức uyên bác của ông, lại lấp lánh ánh sáng trí tuệ, đặc biệt là liên hệ sự biến đổi mạnh mẽ của xã hội cuối triều Minh đầu triều Thanh, tiến hành công việc tìm nguồn gốc, tìm nguyên nhân và tổng kết bài học kinh nghiệm, làm tăng thêm tài sản to lớn cho kho báu Trung Quốc, sản sinh ảnh hưởng sâu xa đối với việc đẩy lên trào lưu tư tưởng khai mông của Trung Quốc.

Chương Sáu

Các trạng thái đời người hiện đại

Đọc xong 5 chương trước luận bàn về xưa nay, trong và ngoài nước, trong chương này bạn đọc có thể cùng tác giả làm một chuyến du ngoạn cuộc đời vượt không gian và thời gian.

Hơn mười năm qua, tác giả một mực cặm cụi nghiên cứu thảo luận lý luận của triết học sinh tử, giật mình nhìn lại cảm thấy mình hầu như đã bước vào con đường lầm nào đó: đem vấn đề nhân sinh trừu tượng hóa, lịch sử hóa, lý tưởng hóa, điển tịch hóa v.v... Cho nên mấy năm gần đây tác giả đã cố gắng vượt ra khỏi đồng sách, đi ra khỏi thư phòng giao tiếp với đủ mọi nhân vật, tham quan du lịch sông núi, chùa chiền miếu mạo, thành phố thôn quê khắp nơi, dự định làm cho vấn đề nhân sinh càng cụ thể, càng hiện thực, càng chân thực, càng sinh động hơn. Thế là, tác giả đã mở ra một con đường đem việc nghiên cứu thảo luận đối với lý luận nhân sinh và việc phân tích cụ thể quá trình đời người hòa chung vào một mối. Dùng tầm nhìn về đời người và lý tính của đời người được hình thành từ lý luận đặt nền móng thăng hoa cho quá trình đời người cụ thể. Lấy cái mới mẻ sinh động và cụ thể của đời người bồi bổ, thúc đẩy lý luận nhân sinh. Hai việc cùng hòa trộn vào nhau, sẽ có thể khai thác một thế giới mới của đời người.

Hy vọng bạn đọc trong quá trình bước vào cuộc du lịch đời người với tác giả cũng có thể vừa coi trọng việc bồi dưỡng và nâng cao lý luận nhân sinh, cũng tích cực bình phẩm tỉ mỉ hoạt động đời người cụ thể, một khi đã phá thông sự ngăn cách hai việc đó, chắc chắn sẽ lĩnh hội được giới hạn sinh tồn tuyệt vời không sao kể hết.

Đây chính là những điều chương này giới thiệu với bạn đọc.

1. Chỗ khó của việc giao tiếp với nhau

Người ta sinh ra ở đời phải tiếp xúc với đủ mọi loại người. Người Trung Quốc quan hệ với cha mẹ có thể làm theo đạo hiếu. Giao thiệp với bạn bè có thể tuân theo nguyên tắc “thực lòng tin tưởng”, nhưng giao tiếp với người xa lạ thì sao? Chúng ta hầu như không có một nguyên tắc gì để theo.

Một vị giáo sư, khó khăn lắm mới chen vào được toa tàu có giường nằm, tìm được chỗ, nhưng thấy đã có mấy người ngồi chen nhau ở trong đó, túi lớn túi nhỏ và valy đã xếp đầy cả giá để hành lý, còn vừa bàn luận viển vông cao xa, vừa đối xử lạnh nhạt. Vị giáo sư này chen vào trèo lên, dọn dẹp cái nọ cái kia hòng kiếm được một chỗ trống để nhét chiếc túi du lịch nho nhỏ của ông vào. Mấy người đến trước liền chửi ầm lên, ra sức cản lại, không bằng lòng, một tí cũng không châm chước.

Vị giáo sư đáng thương rất lúng túng không biết làm thế nào, biết rằng cãi nhau cũng vô dụng. Bỗng nhiên ông nghe ra giọng nói của mấy người đến trước giống mình, liền buột miệng nói: “Các ông người Phúc Kiến phải không?”

“Đúng! Đúng! Làm sao ông biết?” Mấy ông này liền thôi chửi giống như phanh xe gấp.

“Tôi cũng là người Phúc Kiến, quê tại Phủ Điền”. Vị giáo sư này rất kiêu hãnh nói.

“Chúng tôi cũng ở đó. Trời ơi! Chúng ta là đồng hương chính tông!” Hai người mắt tròn, phút chốc giọng thay đổi hẳn.

Một người nhiệt tình nhường chỗ ngồi, nói những chuyện xưa của quê hương với giáo sư. Còn một người khác thì thu gọn hành lý của họ lại, đem túi du lịch của giáo sư đặt vào ngay ngắn, lại nhảy xuống, tham gia vào tán chuyện những việc bình thường trong nhà.

Những người xa lạ vừa rồi còn không thể câu kết với nhau, trong chốc lát vì dính dáng đến quê hương, mỗi quan hệ địa phương này mà trở thành người quan hệ thân thiết. Họ vừa mới rời một ly một tí không nhường bước, mà đến giờ lại chủ động bước lên giúp đỡ nhau.

Người Trung Quốc chỉ có chuyển hóa đối phương thành người có quan hệ thân thuộc, máu mủ cùng huyết thống, người có quan hệ địa phương với mình, mới có thể giao tiếp với họ, mới có thể đối đãi nhiệt tình.

Cho nên, người Trung Quốc sợ đi đến những nơi lạ và xa xôi, không muốn giao thiệp với những người xa lạ không tài nào dính dáng bất cứ quan hệ nào, lòng đề phòng người khác lớn hơn rất nhiều nguyện vọng giao tiếp với nhau. Do đó, người Trung Quốc khi sống chung với người xa lạ cũng sẽ không có thái độ nhiệt tình, không có ràng buộc đạo đức, thậm chí không từ một việc xấu xa nào hại người lợi mình.

Lý Đỉnh Quốc tiên sinh của Đài Loan đã kể một câu chuyện: Một người nước ngoài ngồi trong chiếc xe taxi nhìn thấy người lái xe lái xe chạy xông xáo ngang dọc một cách lỗ mãng, muốn giành lên trước thì phải chen lên, gặp đèn đỏ báo muốn lén chuồn thì dẫn ga xông thẳng lên. Tiếng chửi mắng của khách qua đường, lời kêu ca của các lái xe khác, anh ta cũng làm ngơ không thèm để ý.

Người nước ngoài có vẻ ngạc nhiên: “Trung Quốc các bạn chẳng phải là nước tôn trọng lễ nghi, là nước cổ có nền văn minh ư? Người Trung Quốc các bạn chẳng phải đều chú trọng lịch thiệp ư? Khi ăn cơm, mọi người đều khiêm nhường không muốn ngồi trên, khi ra cửa cùng giờ tay lễ phép nhường nhau, bình thường cũng rất biết điều, làm sao lại xe chạy thì bất chấp tất cả, không hề có chút cử chỉ nhún nhường vậy?”.

Người lái xe nói: “Tôi không hề quen biết họ, vì sao phải nhường?”.

Một lời hết sức mới lạ, người Trung Quốc chỉ chú trọng nhún nhường trong phạm vi những người có quan hệ với mình, “không cùng họ tộc với tôi, ắt lòng họ sẽ khác”, không có quan hệ gì với tôi, người đó ắt phải đề phòng. Thế là có người đã làm ra các loại sản phẩm giả, kém một cách yên lòng để làm hại người, bịp người lừa người, bởi vì tôi không quen biết họ, thì có sao đâu? Có người thì đổ rác bừa bãi, vứt vỏ hoa quả bừa bãi một cách thoải mái, làm tổn hại môi trường và người qua đường, bởi vì họ đều là những người lạ, không quan hệ gì với mình v.v...

Người ta sinh ra ở đời, thật khó. Làm một người Trung Quốc cũng đặc biệt khó. Hãy nhìn lại xã hội truyền thống, người ta phần nhiều làm việc sản xuất nông nghiệp, đàn ông làm ruộng, đàn bà dệt vải, tự sản tự tiêu, có liên quan gì với người khác? Phương thức sống tự tập trong gia đình, quây quần bên họ tộc, khiến cho đối tượng người ta giao thiệp phần nhiều là những người có quan hệ với mình, trong đó những nguyên tắc cần tuân theo thì đều là do lịch sử, truyền thống, tục lệ quy định hết, người ta chỉ việc theo đó làm việc là được rồi. Nhưng sau khi đi vào xã hội công thương hiện đại, tất cả đều biến đổi, tất cả đều lưu động, người ta cũng không thể đóng khung trong vùng đất quen thuộc, trong phạm vi nhóm người quen thuộc nữa, họ phải lưu động, thậm chí bức thiết mong muốn phiêu bạt ở nơi xa xăm, nhưng họ vì thế đều phải giao thiệp với những người xa lạ!

Do vậy, người Trung Quốc đã sử dụng binh khí cuối cùng của việc giao thiệp với người xa lạ: nhận làm cha nuôi mẹ nuôi, kết nghĩa anh em chị em, làm cho người xa lạ chuyển hóa thành người có quan hệ thân thuộc với mình, dù là giả dối, thêm nữa chính là kết bè kéo phái tổ chức thành đoàn nhóm. Những nơi trên thế giới có người Trung Quốc thì đều có bang phái đoàn nhóm, người Trung Quốc hy vọng dùng phương thức này trong phạm vi nhỏ tái tạo bầu không khí giữa người với người quen thuộc, khiến cho người xa lạ cũng có thể giúp mình.

Việc này thật là mệt! Thật là mệt! Nhưng lại có cách nào hơn?

Người ta sống ở trên đời chính là sinh tồn, trưởng thành và phát đạt trong sự giao thiệp với mọi người. Sự giao thiệp giữa người này người khác này trong xã hội hiện đại sẽ dồn dập tới tấp và phức tạp chưa bao giờ có. Người Trung Quốc cần học được việc cắt đứt cưỡng rốn thân thuộc có máu mủ huyết thống, mang theo một trái tim đồng tình, tấm lòng nhân đạo, tấm lòng tuân theo kỷ cương giữ đúng khuôn phép để đi lại giao thiệp với tất cả mọi người, nối liền người này với người kia, cùng thương yêu, giúp đỡ nhau, cùng chung xây dựng quan hệ nhân tế và bầu không khí xã hội hài hòa, làm cho đời người thông suốt thuận lợi, tràn ngập vẻ ấm áp tình người.

2. Sự lúng túng của chí hướng

Con người hiện đại đang đứng trước một xã hội giống như ống kính vạn hoa, nó biến ảo khôn lường khiến cho người ta phải rối mắt. Con người hiện đại lại đều giống như con thiêu thân lao vào lửa, phải thoát khỏi quan hệ gia đình huyết thống một cách vội vã để bước vào vũ đài lớn của cuộc sống xã hội, để thi thố khả năng của mình. Cho nên người ta từ bé đã có rất nhiều chí hướng và theo đuổi tất thấy đều đẹp để đến chói mắt kinh người. Nhưng thật sự bước vào xã hội, người ta mới phát hiện tất cả đều ác nghiệt, những lý tưởng và theo đuổi vốn có ban đầu không những chỉ là một chuỗi bong bóng xà phòng xinh đẹp mà thôi. Lúc đó người

ta thật sự hiểu được cái lúng túng của chí hướng

Ngô Minh đã từng trải qua gian nan vất vả không thể diễn đạt bằng lời được, cuối cùng thông qua kỳ thi đại học giống như trận đánh giáp lá cà lớn, đã bước được vào ngưỡng cửa đại học. Ngồi trong một lớp học rộng rãi sáng sủa, đông tai lắng nghe các giáo sư có trí tuệ và học thức phong phú giảng bài, anh đích thực cảm thấy hạnh phúc vô cùng.

Có một giáo sư họ Lý chuyên giảng về lịch sử thế giới là thầy giáo Ngô Minh kính phục nhất, nghe bài của ông thật là một sự hưởng thụ: Lúc như suối chảy róc rách, hết vấn đề này tiếp đến vấn đề kia nói ra lưu loát như từ trong nguồn ùn ùn chảy ra, lúc như đầm xanh vạn trượng trong suốt, học vấn uyên thâm khôn lường, nhưng lại giảng giải từ nông đến sâu, lời văn dễ hiểu rõ ràng rành mạch. Hơn thế, giáo sư Lý lên lớp trước nay không bao giờ mang theo sách giáo khoa và bài giảng, mỗi lần giảng đều ung dung từ trong túi áo móc ra nhiều tấm phích, lại cố ý dùng tay ép ép mái tóc gọn ghẽ, mắt sáng như đuốc nhìn thẳng vào hàng trăm đôi mắt ở dưới bục giảng đang khao khát tìm kiếm tri thức, bắt đầu từ từ giảng.

Mỗi lần gặp buổi giáo sư Lý lên lớp giảng, Ngô Minh nghe như đại như say, vở ghi cũng ghi chép hết sức tỉ mỉ. Lâu ngày, anh từ kính phục phát triển đến ngưỡng mộ, từ ngưỡng mộ đến hướng về ông, sùng bái ông, cuối cùng thì ngấm ngấm hạ quyết tâm: sau khi tốt nghiệp nhất định phải làm thầy giáo, làm một thầy giáo giống như giáo sư Lý.

Một hôm, Ngô Minh ngẫu nhiên đi qua một tòa nhà lớn các thầy giáo ở xen kẽ nhau, trong hành lang chật hẹp, bày đầy các lò đun than quả bàng của các gia đình, trên tường bị khói tích từ năm này qua năm khác hun thành một màu đen xì, giữa ban ngày cũng đều phải bật đèn sáng mới có thể đi qua được.

Lững thững đang đi, Ngô Minh bỗng nhiên nhìn thấy thần tượng trong lòng anh - giáo sư Lý khom lưng đang chọc tàn tro trong lò đốt than quả bàng. Nhưng nhìn thấy ông đang mặc một chiếc áo kiểu cụ già, ở dưới chỉ mặc một chiếc quần soóc vải xanh lam, lộ ra hai ống chân mảnh khảnh che đầy lông chân, trên khuôn mặt gầy gò vẫn đeo một chiếc kính cận độ điếu cao, nhưng luôn luôn phải rút ra chiếc khăn tay nhăn nhoe để lau hơi nước bám ở trên đó. Giáo sư Lý hoàn toàn chưa phát hiện ra người học trò quý mến đứng ở bên cạnh, vẫn hết sức chăm chú vào việc xếp vỏ bào và các mẫu gỗ nhỏ vào trong lò than quả bàng, sau đó cẩn thận nhóm lửa lên, từ trong thùng giấy ở bên cạnh gấp ra những tảng than đóng thành bánh sẵn dùng cho gia đình, tính toán tỉ mỉ xếp vào trong lò, lại dùng một chiếc quạt, dùng hết sức để quạt.

Lò than quả bàng trước tiên xông lên từng làn khói nồng nặc làm cho giáo sư Lý đáng kính kia bị sặc phát ho và nước mắt nước mũi giàn giụa. Không lâu, nhờ sức gió, trong lò xông lên một ngọn lửa sáng, chốc lát trên bức tường đen thui hiện lên một cái bóng lớn thoáng qua của giáo sư Lý. Một lát sau, những mẫu than bị ngọn lửa củi đốt cháy dần dần bị đỏ lên đến khi củi cháy thành than tàn, các mẫu than lằng lằng hiện ra ngọn lửa xanh lè lù mù.

Giáo sư Lý nhìn đắm đắm vào ngọn lửa than hồng hồng, nở nụ cười tự đáy lòng.

Giáo sư Lý đặt chiếc quạt cũ xuống, vòng tay về phía sau dấm dấm vào lưng đau mỗi, thuận tay đặt lên lò một ấm nước, quay người đi đến chiếc ghế ở bên lò than, từ trên thót cầm lên một miếng thịt mỏng to bằng bàn tay cẩn thận lật đi lật lại ngắm nghía hồi lâu, cuối cùng quyết định dùng dao cẩn thận thái. Dao thái rất nhẹ nhàng, rất dịu dàng, tiếng dao lại rất gấp bách, thịt thái ra từng sợi nhỏ như sợi tóc.

Khi tiếng dao thái ngừng lại, trên thót bỗng chốc đã nhô lên một đồng sợi thịt. Giáo sư Lý thanh thoi được một hồi lâu, lùi lại sau một bước, nhìn ngang nhìn ngửa thưởng thức, cười híp cả mắt lại. Ngô Minh ở bên cạnh nhìn thấy tình cảnh đó, trong lòng tự nhiên thờ dài một cái: Đời này vẫn là không làm thầy giáo thì hơn.

3. Thắng hay thua?

Sáng sớm nếu bạn đi dạo ở công viên, quảng trường, cảnh tượng hùng tráng nhất không gì hơn là trai gái, già trẻ xếp thành hàng lối đang luyện tập các loại khí công, võ thuật và nhảy múa v.v... Ngày nay vô số người gần như sùng bái các loại khí công một cách say mê, nào là Hương công, Mộc lan quyền, nào là Mật công, Tam Thanh công v.v... Kéo dài tuổi thọ, trị bệnh chữa tật, lại còn tránh tai khử họa, đã trở thành mục tiêu theo đuổi nhất trong một đời của người Trung Quốc hiện đại.

Giả tiên sinh và vợ là bà Ngô cùng dạy học ở Đại học, giảng dạy môn Lịch sử phát triển tư tưởng triết học Trung Quốc. Môn học này liên quan đến tư tưởng phức tạp của mấy trăm nhân vật, xuyên suốt mấy ngàn năm phát triển lịch sử quanh co khúc khuỷu, chải chuốt cho rõ ràng thực tế không dễ dàng. Nhưng hai vợ chồng giáo sư sử dụng tới pháp bảo “Chủ nghĩa duy vật chiến thắng chủ nghĩa duy tâm” thì tất cả mọi vấn đề hầu như đều có thể giải quyết dễ dàng, tất cả mọi thắc mắc đều được giải đáp có đầu có đuôi.

ở thời kỳ Tiên Tần (tức trước nhà Tần), Giả tiên sinh chỉ ra: “Có cuộc đấu tranh của chủ nghĩa duy tâm chủ quan Mạnh Tử là đại biểu với chủ nghĩa duy vật Tuân Tử đứng đầu. ở thời Lưỡng Hán (tức Tây Hán và Đông Hán) có cuộc đấu tranh của thuyết mục đích thần học Thiên nhân cảm ứng của Đổng Trọng Thư với thuyết Nguyên khí tự nhiên của Vương Sung. Còn đến thời Tùy Đường đã nảy ra cuộc đấu tranh của chủ nghĩa duy tâm của Phật giáo với chủ nghĩa duy vật bài Phật do Liễu Tông Nguyên, Hàn Dũ và Lý Cao là đại biểu. Đến thời kỳ Tống Minh thì xuất hiện cuộc đấu tranh của chủ nghĩa duy vật của Trương Tải là đại biểu với chủ nghĩa duy vật của Trình Hạo Trình Di và Chu Hy là đại biểu”. Giáo sư Ngô còn nói với các nghiên cứu sinh: “Thời Minh Thanh có sự quật khởi tư tưởng của chủ nghĩa duy vật của Vương Phu Chi và Đái Chấn, tiến hành phê phán sâu sắc đối với tất cả mọi chủ nghĩa duy tâm trong lịch sử, đã hoàn thành lịch trình phát triển triết học cổ đại Trung Quốc.

Vị giáo sư chỉ nói lèo tèo vài lời, vậy mà đã nói mạch lạc rõ ràng sự phát triển tư tưởng của mấy ngàn năm, các học sinh cảm kích đến mức im lặng chỉ cúi đầu vào ghi chép, và tự nhiên đã tạo dựng được một niềm tin vững chắc: Lịch sử của tư tưởng triết học Trung Quốc chính là lịch sử của chủ nghĩa duy vật đấu tranh sống mái với chủ nghĩa duy tâm và giành được thắng lợi vẻ vang.

Hai vị giáo sư Giả và Ngô rất hài lòng đối với sự nhận thức của học sinh, đã cho điểm cao trong bài thi không chút do dự.

Đông đến hè qua, mấy chục năm đã trôi đi, hai vợ chồng giáo sư từ tuổi thanh niên tràn đầy lòng hăng say, rồi tuổi trung niên con đường học vấn đều trôi chảy, rồi sắp sửa về già, cuối cùng đã đến tuổi nghỉ hưu. Làm thế nào để an dưỡng tuổi thọ thiên nhiên trở thành một vấn đề mới mà hai vợ chồng giáo sư cùng quan tâm. Vừa đúng lúc đó, trong xã hội dấy lên đợt sóng rầm rộ luyện Mộc lan quyền, tập khí công, hai vợ chồng giáo sư rất nhanh chóng đã trở thành tín đồ trung thành và người thực hiện khí công dưỡng sinh.

Giả tiên sinh thích nhắm mắt luyện khí trước máy thu hình, còn bà Ngô thì kiên trì sáng sớm đi ra khỏi nhà hít thở khí ban mai, buổi tối ở nơi đồng không mông quạnh hít thở khí buổi tối để tăng việc gây nguyên khí trong cơ thể, làm thông kinh lạc. Kết quả là sức công của bà vợ tiến triển nhanh chóng chẳng bao lâu bà Ngô đã bước vào giai đoạn kỳ diệu “tịch cốc”.

“Tịch cốc” có nghĩa ra sao? Pháp sư Đạo giáo cho rằng, trong cơ thể con người có “Tam trùng”, một ở trong đại não, một ở “Minh đường”, còn một thì ở “Phúc vị” (Bụng và dạ dày), chúng đều dựa vào các loại ngũ cốc để tắm bổ, khiến cho người ta sinh ra dục vọng thể tục mãnh liệt, là tai hại của việc kéo dài tuổi thọ cần phải dùng “tịch cốc”, tức dùng cách không ăn các đồ ăn (thực phẩm) để xua đuổi nó. Bà Ngô đã bồi kết nguyên khí, làm thông kinh lạc, thậm chí có thể làm như cái thai, chỉ ăn uống khí trong cơ thể, do đó bèn có thể thực hiện cách “tịch cốc”. Hơn mười ngày trở lại, hàng ngày bà chỉ ăn bốn loại: 1 quả quýt, 1 quả chuối tiêu, 1 quả cà chua, 1 quả táo, cũng không ăn bất cứ thức ăn chín nào của nhân gian nữa.

Giả tiên sinh đầu tiên đối với bản lĩnh cao cường của bà vợ tỏ ra khâm phục sát đất, hầu như muốn bỏ tập quán luyện công ở trước máy thu hình của mình, học tập theo bà vợ. Nhưng sau đó lại nghĩ, không đúng, không đúng. Ông trình trọng nói với vợ: “Hãy dừng lại, dừng lại, chúng ta đã giảng dạy một đời chủ nghĩa duy vật thắng chủ nghĩa duy tâm, mà bà lại không ăn không uống “vật chất” như thế, chỉ ăn uống “khí gì, chẳng phải chính là chủ nghĩa duy tâm đánh bại chủ nghĩa duy vật ư?”.

Bà Ngô đang nhắm mắt ngồi nghiêm trang, hai tay nâng lên nâng xuống dịu dàng, nghe thấy tiếng nói liền mở to hai mắt nói: “Ông vẫn giảng một đời chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm mà đến đạo lý “khí” là vật chất chứ không phải là tinh thần đều không hiểu ư? Tôi không ăn các thứ, nhưng ăn “khí”, việc đó chẳng phải đang nói lên rằng chủ nghĩa duy vật có thể hoàn toàn chiến thắng chủ nghĩa duy tâm sao?”.

Giả tiên sinh lúng búng chẳng nói nên lời, bà Ngô theo thường lệ ăn một quả chuối tiêu làm bữa ăn trưa.

4. Hữu phận vô duyên và hữu duyên vô phận

Nếu có “Thượng đế” thì sản phẩm kỳ diệu nhất của ông ta phải là tình yêu của nam nữ: Người ta có thể âm thầm yêu nhau, cũng có thể yêu nhau sôi nổi. Có thể là yêu của tâm hồn và thể xác, cũng có thể chỉ là yêu của tinh thần. Có thể là yêu của tâm hồn tương tư một bên, cùng có thể là yêu lấy được của hai tình cảm cũng vui. Có thể là yêu rất ngây thơ của đôi bạn thơ ấu, cùng có thể bất kể đến tuổi tác chênh lệch quá nhiều, địa vị cao thấp, khu vực xa gần, thân thiết yêu nhau một cách bất chấp tất cả.

Nhưng nam nữ yêu nhau đến mức thân hết chỗ nói sẽ có khả năng đột biến đến thù nhất hận nhất, thậm chí dần dần gây thành bi kịch ở trần gian. Anh Lưu là một công nhân tốt, thông minh hay làm, luôn luôn được lãnh đạo phân xưởng coi trọng. Anh ta dáng người cao, khuôn mặt góc cạnh rõ ràng, là dạng người có khí chất nam nhi được các cô gái yêu thích. Cô Ngô làm việc cùng một phân xưởng với anh, xinh đẹp, hoạt bát đã từ lâu ngằm để mắt đến anh. Anh Lưu khí phách mạnh mẽ, tự nhiên đối với niềm vui của nam nữ cũng hướng về cô ta, rất nhanh hai người cùng rơi vào yêu đương và đã vụng trộm ăn nằm với nhau. Nhưng anh Lưu vẫn cảm thấy mình với cô Ngô tính cách và sở thích không ăn ý lắm, giữa họ với nhau không có cảm giác ý hợp tâm đầu.

ở phân xưởng bên có cô Vương, người rất xinh đẹp, tính tình diễm đạm lịch sự, một dịp ngẫu nhiên cô đã quen với anh Lưu. Anh ta cảm thấy cánh cửa yêu nhau thật lòng của nhân gian đã hé mở với anh, họ có thể chuyện trò với nhau hàng vài tiếng đồng hồ không hề biết mỏi mệt, một ánh mắt, một động tác nho nhỏ, phía bên kia đều có thể hiểu ý tứ chứa đựng ở trong đó, hai người đã nảy sinh tình cảm sâu xa gắn bó keo sơn, không phân bên này bên kia.

Anh Lưu tham dự kỳ thi đại học, và chỉ một lần đã trúng tuyển, nhận được giấy báo về, anh mang theo niềm vui sướng đi đến nhà máy làm một ca cuối cùng. Vui quá hóa buồn, sau khi mở máy chạy, anh vẫn dùng vải lau để lau chùi, bánh răng liền cuốn vải lau vào, vải lau lại quấn lấy tay anh, bốn ngón tay đều bị máy cắt đứt.

Nằm ở bệnh viện, anh Lưu nước mắt lưng tròng, liền xé luôn giấy báo nhận vào đại học. Hai cô gái lần lượt kẻ trước người sau đến thăm, không hề để ý đến bàn tay tàn tật của anh, vẫn giữ tình cảm sâu sắc như trước. Ban đêm, ánh trăng trong sáng chiếu qua cửa sổ xuống trước giường bệnh, anh Lưu mở to đôi mắt, mất ngủ. Xét về tình cảm anh Lưu càng nghiêng về cô Vương hơn, anh cảm thấy thật sự đạt được đỉnh cao nhất của việc nam nữ yêu nhau với cô. Nhưng xét từ hiện thực, anh đã chung chạ chung gối với cô Ngô, có trách nhiệm đạo nghĩa đối với cô.

“Chao ôi!” Anh Lưu thở dài sườn sượt nói: “Tôi và cô Vương là hữu phận vô duyên, mà với cô Ngô là hữu duyên vô phận rồi!”

Anh Lưu và cô Ngô kết hôn, không bao lâu sinh được quý tử, cuộc sống vợ chồng rất yên ổn. Nhưng anh Lưu vẫn cảm thấy có khoảng cách về tình cảm, vẫn say mê đối với cô Vương.

Cô Vương được biết người mình yêu đã kết hôn, vô cùng đau khổ, bất đắc dĩ cũng bắt đầu tìm người yêu. Cha mẹ, anh và em gái trong nhà, lãnh đạo và đồng nghiệp ở đơn vị thu xếp việc này rất nhiệt tình, đã gặp hơn mười chàng trai, nhưng cô Vương đều cảm thấy không bằng anh Lưu của cô, không thể phát triển quan hệ hơn. Một hôm, sau buổi ca đêm cô Vương và anh Lưu tình cờ gặp nhau trên đường có bóng cây, đối mặt nhau mà lúng búng không nói nên lời, mà ánh mắt lại luôn luôn trao đổi tình cảm nồng thắm như xưa, tâm hồn từ gặp nhau, hỏi han nhau đến hai bên lại thu nhận, hòa hợp, cuối cùng thì hòa thành một khối.

Từ đó, họ lại bắt đầu yêu trộm nhớ thầm nhau, hẹn hò luôn luôn, tình ý triền miên. Một ngày không lâu tiếng đồn truyền đến tai cô Ngô đã là vợ của anh Lưu, cô ta mới đầu hoàn toàn không tin, cô ta yêu chồng đến như thế, làm sao có thể xảy ra sự việc đó được? Một đêm, cô ta đi theo sau chồng, tận mắt nhìn thấy cảnh thân mật của hai người, cô không thể không tin nữa. Cô ta giận đến run người, muốn tóm lấy hai người họ rồi làm ầm lên một phen, nhưng đành nén lại nên thôi.

Ngày hôm sau, cô ta mặt bình thản như thường, chờ cho chồng đi làm, đưa con đi học. Buổi trưa, cô đun sôi một ấm nước to trên bếp, xách đến phòng ngủ, nhằm vào anh Lưu đang ngủ say tưới cho một mẻ, không hề để ý đến anh Lưu kêu la thảm thương nữa. Cô cảm thấy anh Lưu là người mình yêu nhất, mà mình không thể giữ được, thế thì cũng không thể khoanh tay nhường cho người khác một cách tốt lành hoàn toàn.

Tình cảm nam nữ trong nhân gian là “chung” nhất: hai bên có thể bỏ ra tâm hồn và thể xác, cả đến những gì quý giá nhất. Việc yêu nhau của nam nữ trong nhân gian lại là “riêng” nhất” hai bên hoàn toàn chiếm hữu và có, không cho phép người ngoài chấm mút xà xẻo dù chỉ là một chút.

Đây chính là chỗ hết sức lạ lùng của âm với dương, đực với cái và nam với nữ.

5. Cách “quan sát sinh ý”

Phóng mắt nhìn thế gian, những người không hiểu rõ cái lý của sinh mệnh thực tế là hơi đáng buồn. Nhiều người lúc nào cũng bận rộn vào việc phân biệt: Trước tiên đem phân biệt rõ người và vật (như núi sông đại lục, cỏ cây thực vật), cho rằng người là một loại chất hữu cơ, có sức sống của sinh mệnh, còn vật thì không có sinh mệnh, là một chất vô cơ. Thứ nữa thì nhìn người và thú vật có sự khác biệt một trời một vực, người là một loại động vật cao cấp, loài thú

tuy cũng có sinh mệnh, nhưng lại là động vật bậc thấp. Tiến thêm nữa chính là đem phân biệt “tôi” và “anh ta”, cho rằng tôi là tôi, còn anh ta là anh ta, tôi và anh hoàn toàn khác nhau, khác nhau rõ rệt thậm chí như nước và lửa không thể dung. Dùng thể giới quan và nhân sinh quan như thế để đối nhân xử thế, cùng tiếp xúc với vạn vật, đâu có thể không cố tình cướp đoạt tài nguyên thiên nhiên? Đâu có thể không sát hại sinh linh không chút băn khoăn? Lại đâu có thể không giành giệt nhau một mất một còn trong xã hội.

Do đó, tôi nghĩ đến cách của cái gọi là “quan sát sinh ý” của Chu Đôn Di đề xướng, nó có thể dùng để loại bỏ màng ngăn cách giữa người và vật, thành tri giữa người với người, làm cho dòng sinh mệnh hợp thành một khối, tạo dựng nên nhân sinh quan sinh thái và thái độ xử thế.

Cái gọi là “quan sát sinh ý” tức là thân nhiên lặng lẽ quan sát núi sông đại lục, từng ngọn cỏ, từng bụi cây và sức sống dạt dào của từng con vật ở trong đó, từ trong vạn vật phối phối đi lên, đua nhau sinh trưởng, biến hóa vô cùng thấm nhuần được đức hiếu sinh của trời đất và lòng nhân nhân ái của vũ trụ bao la. Từ đó, xem xét lại bản thân con người lần nữa hiểu được trời đất, vạn vật, người và ta đều là một khối, đều là sự hiện rõ của sinh mệnh tự nhiên, không có trở ngại và hố ngăn cách. Nhà hiền triết Kim Khê Tượng sơn tiên sinh có câu: “Vạn vật dày đặc trong một tắc vuông”, “vạn vật đều có sẵn trong ta”, như vậy thì làm sao có sự phân biệt vật ta, người này người kia? Đạt được giới hạn này cũng sẽ trở thành ông thánh có tấm lòng rộng lớn.

Thời Bắc Tống có hai anh em Trình Hạo và Trình Di cùng theo học với nhà đại Nho Chu Đôn Di. Lâu ngày, họ phát hiện thấy trước cửa sổ nhà thầy giáo cỏ dại mọc um tùm, rất không gọn gàng sạch sẽ, hơn nữa thầy giáo vẫn thích một mình đứng trước cỏ cây trầm ngâm suy nghĩ. Một hôm, hai anh em cố gắng mạnh dạn hỏi: Vì sao không nhổ hết cỏ rậm đi? Thầy giáo vờ vờ chòm râu trả lời: “Giống ý của mình”.

Hai anh em suy nghĩ hồi lâu mới vỡ lẽ ra: bản chất của vũ trụ là “sinh sinh chi đức”, trời đất vừa sáng tạo ra vạn vật lại vừa nuôi vạn vật lớn lên, một ngọn cỏ một bụi cây, một con sông một ngọn núi, một con người một con vật không cái nào là không hiện rõ đức hiếu sinh của trời đất, về kết cục và nguồn gốc đều là một. Do vậy, những bụi cỏ ở trước cửa sổ nhà Thầy giáo không nhổ đi chính là để “quan sát sinh ý” - Đức hiếu sinh của trời đất, điều đó không chính là ý của mình ư?

Về sau, Trình Hạo là anh đã chừa bỏ được thú cưỡi ngựa đi săn bắn. Mấy chục năm sau người em là Trình Di trở thành thầy dạy học của vua - Giảng dạy ở Sùng Chính điện. Một hôm nghe tin Hoàng đế không nỡ làm thương hại con kiến ở trong chậu rửa mặt, liền nói: Bệ hạ nếu có thể lấy lòng nhân ái sinh vật này mở rộng tới khắp mọi nơi, ắt có thể trở thành vương đạo. Lại một lần khác, giảng bài xong, Hoàng đế đi dạo trong vườn ngự thuận tay bẻ một cành liễu, Trình Di trông thấy, liền đi về phía trước can ngăn: Lúc này đang là lúc cảnh xuân tươi đẹp, vạn vật đều đua nhau sinh trưởng, tràn ngập sức sống không thể bẻ gãy nó.

Năm 1061, Chu Đôn Di đi đến Kiều Châu nhận chức Thông phán. Trên đường qua Lư sơn, thấy bên dưới chân núi có dòng suối trong, nước chảy róc rách, phong cảnh đẹp đẽ thanh tú, không

tránh được nhớ tới Khe Liêm của quê hương, thế là liền dựng một lều tranh ngay bên cạnh suối nước biếc, lại còn đặc biệt viết bốn chữ Liêm Khê thư đường.

Con người bình thường trong trạng thái thiếu thốn vật chất, không tránh khỏi mặt ủ mảy ê, để tìm được con đường làm thay đổi nó, người ta phải hao tâm tổn sức chiếm lấy và cướp đoạt đối với vật chất. Còn nhà Nho thì bằng lòng với cái nghèo trong sạch, lấy ăn no mặc ấm mà không xa xỉ làm “đại phú”, lấy khang ninh mà không làm quan làm “đại quý”, do đó tránh được nỗi đau khổ bám đuổi vô cùng tận mà người bình thường do bị ham muốn vật chất và nhục dục sai khiến nên mắc vào. Chỉ có như thế mới có thể tĩnh tâm để đọc các sách mình yêu thích, ung dung lặng lẽ ngồi nhìn cảnh đẹp của sông núi, cầm kỳ thư họa, cùng nhau trò chuyện thơ văn với nhau, ung dung sống giữa trời đất, dùng sinh mệnh nhỏ bé của mình hòa trộn vào trong sức sống vĩnh hằng của thiên nhiên bao la thì sao lại không vui?

Đọc nhiều sách cổ, tôi không tránh được cũng muốn bắt chước các bậc hiền triết thời xưa đi “quan sát sinh ý”. Một hôm, trời vừa tảng sáng tôi liền từ Nông xá dạo bước đi ra, vượt qua từng dãy nhà ngói, bước trên một con đường xi măng nhỏ ngoài đồng sau làng. Bỗng nhiên những thứ che chắn tầm mắt đều không còn nữa, những nơi rất xa mà mắt vẫn nhìn tới, mấy trăm mẫu đất lúa mì nhấp nhô hiện ra trước mắt, tinh thần của tôi hết sức phấn chấn vì nó.

Sống ở thành phố lâu, tai nghe tiếng người tiếng xe ồn ào, mắt nhìn không quá mấy mét, vì bị các công trình kiến trúc che chắn. Còn đặt mình trong cánh đồng trải ra bằng phẳng này, tầm nhìn mở rộng khác thường, liên tiếp từng làn sương cuộn cuộn bay lượn, khác nào như đặt mình vào cảnh tiên, mùi vị mà mũi ngửi được là hỗn hợp của mùi thơm mát của tiểu mạch, mùi tanh tanh của bùn đất và mùi khói bếp nhạt, khiến tôi tâm hồn nhẹ nhõm. Mảnh đất này rõ ràng là người ta đã càn cù canh tác hàng trăm hàng ngàn năm, dần dần san bằng các ngọn núi, rồi cải biến chất đất, cuối cùng biến thành mảnh đất cạn phì nhiêu.

Nhưng nhìn thấy tiểu mạch đang nhuộm vàng đón gió nhẹ nhàng đang nhấp nhô như làn sóng, vài đám ruộng bông non xen lẫn vào giữa, thân cây nho nhỏ nhú lên hai lá tròn tròn, thân thiết ôm choàng lấy ánh nắng ban mai, không khí trong lành ngon ngọt và những giọt sương óng ánh, một dáng dấp đầy thỏa mãn và hạnh phúc. Xa xa chim đỗ quyên bắt đầu hót không biết mỗi, những thanh âm trong trẻo trầm bổng trên cánh đồng xanh biếc mãi mãi không ngớt. Rất nhiều loại côn trùng nhỏ bò đi bò lại, bận tít tít không ngừng, thật là một cảnh xanh tươi và sinh động bày ra trước mặt.

Tôi tập trung tư tưởng suy nghĩ, sức sống vạn vật tràn trề, toàn bộ những điều kỳ diệu của vũ trụ bao la chẳng phải đã bày ra trong dòng sinh mệnh lớn hợp lại thành một khối tại đây ư?

Tâm hồn tôi trở nên trong trẻo, những bước chân của tôi bất giác chậm lại, cuối cùng tôi ngồi trên một bờ ruộng, cảm thấy một cách sâu sắc cái tâm của trời đất trong thăm kín - “sinh sinh chi đức”. Vạn vật và con người chẳng phải đều là sự bày ra lòng yêu nhân từ của nó sao? Người ta nếu như chân thật đem sinh mệnh của mình hòa vào trong dòng sinh mệnh lớn này, thì làm sao có thể làm tổn hại, giày xéo, phá hoại mọi vật của tự nhiên được? Lại làm sao có thể lừa gạt lẫn nhau, đấu đá lẫn nhau gây nên vô số tranh chấp của con người và xã hội?

Đây chính là trí tuệ của cuộc sống và triết học sinh tồn của cách “quan sát sinh ý” có thể cống hiến cho loài người.

6. Ở “nhà lao”

Trên mảnh đất trống cỏ mọc um tùm, những hố nước trũng xuống, rác rưởi bừa bộn, ban lãnh đạo nhà trường đưa ra quyết tâm phải xây dựng một tòa “nhà hùn vốn”, hay gọi bằng cái tên đẹp hơn là: nhà nước xuất ra “cái chính”, nhà trường dồn “một ít”, tư nhân tập trung vốn “một số”. Do tính tích cực của việc điều động xuất vốn của cả ba bên, nên tòa nhà ở rất nhanh đã đặt móng.

Những giáo viên và viên chức tham gia hùn vốn mong ngóng trông chờ mỗi mắt, từng tầng từng tầng của tòa nhà lớn nổi lên khỏi đất. Nhiều người hàng ngày phải vừa đi dạo vừa xem, trông về phía những bức tường lớn bằng gạch nung cùng với xi măng cát sỏi ở trước mặt, nhìn kỹ khoảng không gian kia sẽ thuộc về mình, trong lòng đang tính liệu tiến hành tổ chức như thế nào “tổ ấm yên vui” ngọt ngào như từ nơi không xa đang vẫy gọi!

“Toà nhà hùn vốn” so với kế hoạch cũ đã kéo dài gần một năm, nhưng vẫn tính là đã hoàn thành, mọi người đã tránh được một trận “hỗn chiến” lớn giữa người này người nọ có thể gây ra và tệ biểu quả kiểu “tù mù”, xấu xa đen tối do việc phân chia nhà trường gặp trước đây, bởi vì dựa vào việc bỏ vốn ra bao nhiêu, thời gian bỏ vốn dài ngắn, nhất là cấp bậc hành chính cao thấp của mọi người, nên phân nhà ở rộng bao nhiêu mét vuông từ lâu đã được phân chia xong trên bản vẽ.

Ai nấy đều gạt đi cái sốt ruột bao lâu chờ đợi và kêu ca phàn nàn, vui mừng hơn hở, mọi nhà tổng động viên, bận rộn mời thợ đá, thợ nề, thợ kính thủy tinh, thợ ống nước v.v... và v.v..., ra sức tính toán kỹ càng sửa sang lại các gian phòng. Có nhà đem toàn bộ các cửa sổ bằng gỗ vốn lắp sẵn lấy đi, đổi thành các cửa sổ kính màu khung hợp kim nhôm phẳng lì nhấp nháy ánh sáng. Có nhà đem phá bỏ tường ngăn trong phòng làm thay đổi toàn bộ vị trí không gian trong nhà, có nhà thì đem quét lại một lớp sơn mới lên trên lớp sơn vốn có của phòng làm cho nó hoàn toàn đổi mới.

Mấy năm ngóng trăng ngóng sao, nguyện vọng ở nhà mới cuối cùng đã thực hiện. Các giáo sư và viên chức đã nhờ học trò và mượn nhân công đến khuân vác đồ đạc dọn vào nhà mới.

Người ta đứng mãi ở chỗ ở mới đang tỏa ra mùi sơn mới, mở những chiếc cửa sổ kính màu, đưa mắt nhìn xa về phía bãi cỏ xanh mơn mớn lớn trong khuôn viên trường, hít thở từng hơi, từng hơi không khí tươi mát, trong lòng trào lên cảm giác ngọt ngào, trong mấy năm đã phải bỏ ra sức lực và tiền bạc, giờ đây tất cả hầu như đã được đền đáp lại.

Buổi tối, sau khi xem hết chương trình truyền hình ở phòng khách rộng rãi thoáng đãng, người ta trở về phòng ngủ mới sạch sẽ, nằm trên những chiếc giường đệm mút mềm mại, ngủ ngon lành khác thường, đến nằm mơ cũng không thể hơn thế.

Không may đêm đó, kẻ trộm trèo lên mái che mưa cửa sổ, dùng dao cạy cửa nhà mới, trong một đêm ăn trộm liền năm nhà. Những phòng khách bố trí lịch sự tao nhã bị lục tung lên, các đồ gia dụng mới bày đặt bị cạy tả tơi hết, mất tiền mất của không thể đếm xuể.

Sáng hôm sau mọi người dậy, người bị mất trộm nhìn thấy tình cảnh này, ngây người ra như tượng gỗ, căm giận đến cực độ. Những người chưa bị mất trộm ùn kéo đến an ủi xóm giềng, nhưng nhìn thấy cảnh tượng lộn xộn này, tim tự nhiên cũng đập thình thình, ngầm cho là may mắn!

Bỗng nhiên, tất cả mọi người đều lấy lại được tinh thần, nhao nhao chạy thẳng đến cửa hàng bán đồ sắt. Thời gian đến giữa trưa, trên con đường xi măng nhỏ trước “tòa nhà hùn vốn” này đã xếp một dãy dài những lan can sắt vừa mới mua về. Các công nhân bận rộn, còn các giáo viên và viên chức thì đang lần lượt phối hợp, cho mãi tới lúc ráng chiều hiện ra ở phía chân trời, thì các cửa sổ rộng rãi sáng sủa của hơn mười nhà được lắp lan can sắt các kiểu dáng mới xong. Sau khoảng một tuần lễ, hầu như toàn bộ các cửa sổ của tòa nhà này đều hoàn toàn thay đổi, tất cả đều lắp lan can sắt lên, không chỉ có cửa sổ mà cả cửa lớn cũng đều đổi thành cửa sắt.

Ngày nay nhìn lại “tòa nhà hùn vốn”, từng dãy từng hàng, lan can sắt mỗi cái một kiểu hầu như đã kéo dài vô hạn, người ta mở cửa sổ, chỉ có thể nhìn phong cảnh qua khe hở của các thanh sắt, đây đâu phải là nhà ở, rõ ràng là một nhà giam! Nhà ở mới hầu như đã biến thành lồng nhà lao của người ta, mà đây chính là tự tay mình tạo nên!

Bi kịch của đời người hiện đại là ở chỗ: Vô số thông tin giới thiệu với mọi người hàng hóa và phục vụ kiểu cách đổi mới vô cùng tận, gây nên khát vọng ham muốn mạnh mẽ của người ta. Song hiện thực là phũ phàng, tài nguyên có hạn, năng lực và điều kiện của mỗi người cũng khác nhau, cho nên dục vọng của con người thật sự có thể thỏa mãn có thể nói là ít ỏi. Đa số người có thể bình tĩnh tiếp nhận sự thực này, ghìm nén ham muốn vật chất để cân bằng với năng lực của mình. Nhưng vẫn có một số người ham muốn vượt quá xa khả năng và điều kiện của họ có thể giành được, thế là liên bí quá hóa liều, dùng thủ đoạn phi pháp để mưu cầu tiền tài, từ đó dần dần gây nên hiện tượng tội phạm phổ biến người ta khó mà đối phó. Mọi người đành đem mình nhốt vào trong cái “lồng nhà lao” một cách gượng ép.

Điều đáng buồn của đời người hiện đại còn ở chỗ: công việc bận rộn, lĩnh vực vô cùng nhiều, thông tin dồn dập mỗi người mỗi ý không bao giờ ngớt, khiến cho mọi người mệt nhoài ra, sự thờ ơ giữa người này với người kia ngày càng nghiêm trọng. Sự ác liệt của cạnh tranh xã hội, sự thờ ơ lạnh nhạt giữa con người càng làm cho lòng người sinh ra sợ hãi, người ta khao khát chốn “tĩnh độ” (cực lạc) tuyệt đối an toàn yên ổn. Do vậy, người ta tự nguyện nhốt mình trong

không gian bao vây bởi những thanh sắt, tấm sắt, cửa to, cửa nhỏ, tường gạch và bê tông cốt thép, thông qua truyền hình để tiến hành đối thoại hư ảo với xã hội, sống một cuộc sống giả không động chạm tới vật thực.

Đây rõ ràng là: nhà mới vừa xây xong, lồng nhà lao cũng khánh thành, người ta cam tâm tình nguyện tự do chọn làm “tù nhân”.

7. Dòng sinh mệnh

Một ngày đầu mùa hạ, tôi và anh Tuyết Sánh kết bạn đi lên miền Bắc, dưới sự hướng dẫn của ông Phó Tế Phong, chúng tôi đến thị trấn Cảng thành phố Thụy Xương, nhìn nước sông Trường Giang bao la mịt mù. Nhưng thấy một con rồng lớn vàng óng từ phía chân trời xa xa lao về phía đông. Hai bên bờ sông cây xanh soi bóng, thỉnh thoảng có những chiếc xe chở hàng chạy qua kéo theo những đám bụi vàng nổi lên. Một chiếc tàu cuốc cát bên sông thỉnh thoảng thả xuống chiếc gầu cuốc to tướng, nước sông chảy xiết lập tức đẩy nó đi xa đến hai, ba mét. Các loại tàu chở hàng, tàu khách cùng với những chiếc thuyền nhỏ chạy bằng động cơ đi lại như mắc cửi, hoạt động kiếm lời của thế tục đã khiến cho con sông này chịu đựng tải trọng quá nhiều quá nặng, sông Trường Giang tràn đầy chất thơ mộng dưới ngòi bút của người xưa như đã mất đi tự bao giờ, đi mãi không bao giờ trở lại!

Tôi đứng lâu ở một dốc núi nhỏ bên bờ sông, bắt chắp trời nắng chang chang trên đầu, gió sông phe phẩy, cảm xúc bật ra trí nhớ, trên mặt sông liên tiếp từng làn dập dềnh không dứt, tiếp đến thời kỳ Tam Quốc, rõ ràng nhìn thấy Tào Mạnh Đức, Lưu Hoàng Thúc và Tôn Trọng Mưu dẫn thiên binh vạn mã kéo đến hai bờ Trường Giang, áo giáp giáo sắt, khói lửa chiến tranh. Lại liên hệ đến thời cuối Thanh, mang máng như Đại soái thư sinh Tăng Quốc Phan chỉ huy vô số dũng sĩ vùng Tương mấy lần bỏ thuyền đổ bộ lên thị trấn Cảng dưới chân tôi đây, đã đánh nhau vất vả với quân Thái Bình, đã nhiều lần chiến bại, lại có thể nhiều lần bại, nhiều lần xông lên. Suy nghĩ kỹ một chút chỗ tài giỏi, chỗ hơn người của ông họ Tăng chính là ở chỗ ông không chỉ là một người vũ dũng mà ông còn là một thư sinh xem đủ kinh Thi kinh Thư, có đầu óc quản lý nữa. Do đó, nguồn tư chất về tinh thần còn to lớn mà kéo dài hơn nhiều so với sức mạnh vật chất, giống như nước sông Trường Giang mênh mông cuộn cuộn này ở trước mắt, tiếp tục truyền thống văn hóa mấy ngàn năm, ùn ùn không ngớt, chảy tuôn muôn dặm.

Ngủ lại ở một thôn nhỏ ngoại thành Thụy Xương, đêm ở nông thôn tĩnh mịch, thỉnh thoảng bị những tiếng còi tàu và tiếng ầm ầm của tàu hỏa chạy phá tan. Đêm không ngủ được, mặc cho ý nghĩ bay lộn trong không trung. Tôi luôn cảm thấy Trường Giang nước chảy cuộn cuộn không ngớt là tượng trưng sức sống thịnh vượng của dân tộc Trung Hoa, cũng là nguồn sinh mệnh của người Trung Quốc. Trong dòng chảy không ngừng của nó, không biết đã chứa bao nhiêu sự kiện lịch sử làm rung động lòng người, đã cuốn theo biết bao nhiêu cuộc ly hợp buồn vui của nhân gian. ở đáy sông sâu không thể dò đã chôn vùi biết bao nhiêu hài cốt của anh hùng hào

kiệt, chứa đựng bao nhiêu máu, nước mắt và mong đợi.

Tất cả đều qua rồi! Nhưng sự phong lưu chốn nhân gian đời đời kế tục, không có lúc nào kết thúc, không có ngày ngừng lại, đây chẳng phải chính là dòng sinh mệnh ư?

8. Mong cầu vật chất là như thế

Người ta sống ở đời, e rằng việc mong cầu vật chất, được hưởng vật chất, điều khiển vật chất là nội dung quan trọng nhất. Bởi vì con người có thể tiếp tục sinh tồn hay không là do có thể giành được thức ăn hay không quyết định. Con người có thể sống được rất thoải mái hay không cũng do có thể chiếm được tư liệu sinh hoạt nhiều hơn, tốt hơn hay không quyết định. Con người có thể có quyền lực cực lớn, tùy ý chỉ huy nhiều người hay không thì phải xem họ có thể điều động vật chất và tài nguyên của xã hội được hay không quyết định. Cho nên, trong quá trình của cuộc đời, có vật chất, nhận được vật chất nhiều hơn trở thành mục tiêu mà hầu như mỗi người đều miệt mài theo đuổi. Nhưng đòi hỏi quá mức, người ta thường sinh ra tâm lý sùng bái mù quáng đối với vật chất, lấy vật chất không phải là để dùng mà là để tích trữ, mong cầu vật chất không phải được giá trị sử dụng của nó để cải thiện đời sống, mà là giữ vật chất làm sự thỏa mãn về tâm lý. Thế là, người ta không sử dụng vật, ngược lại bị vật sử dụng và khống chế. Việc đó chính gọi là con người bị vật nô dịch.

Ngô tiên sinh và Lưu tiên sinh là láng giềng cùng ở một đơn nguyên, Ngô tiên sinh ở tầng hai, Lưu tiên sinh ở tầng năm. Hai người thường gặp nhau ở cầu thang, cùng chào hỏi nhau vài câu, lịch thiệp nhã nhặn với nhau trở thành cái gọi là “người quân tử giao tiếp nhạt như nước lã” (Quân tử chi giao đạm như thủy).

Lưu tiên sinh có một chiếc xe đạp Phượng hoàng mới khoảng tám mươi phần trăm, hàng ngày không ngại gian khổ vác lên vác xuống, hơn thế mỗi lần đi xe lại phải dùng giẻ lau chùi từ đầu đến đuôi hết sức cẩn thận, sau đó lại dùng dầu bóng bôi lên một lần nữa. Gióng chính của khung xe quấn thành những cái tua dài thêu bằng chỉ đen, các bộ phận như chuông xe và ghi đông cũng có một vài đồ trang sức nhỏ xinh đẹp. Lưu tiên sinh làm xong những việc này, lùi lại sau một bước, giơ vòng tay về phía sau dấm dấm vào lưng đang mỏi, nhìn chiếc xe bóng loáng bày ra trước mắt, cười một cách vui vẻ. Sau đó lại khom lưng, dùng vai vác chiếc xe, khó khăn từng bước từng bước đi lên tầng năm.

Một lần, Lưu tiên sinh lau chùi xe xong, đang chuẩn bị làm việc chuyển đi, Ngô tiên sinh ra khỏi cửa trông thấy thế liền buột miệng nói: “Không biết là xe hầu hạ ông? Hay là ông hầu hạ xe?”

Lưu tiên sinh ngoái đầu lại nói: “Ông không hầu hạ xe, thì làm sao xe hầu hạ ông được?” Rồi cúi xuống vác xe chuẩn bị lên lầu.

“Là ông cưới xe? Hay là xe cưới ông?” Ngô tiên sinh lại nói.

Lưu tiên sinh thản nhiên trả lời: “Ông không để xe cưới, làm sao có thể có xe cưới được?” Một hôm, khi Lưu tiên sinh vác xe không cẩn thận bị sẩy chân ngã trên cầu thang. ở bệnh viện, ông sờ cái đầu băng bó đang rất đau đớn, lo lắng hỏi người nhà: “Cái xe đạp ra sao, không việc gì chứ?”

Việc đầu tiên của Lưu tiên sinh sau khi khỏi bệnh ra viện lại là vác chiếc xe xuống lầu, ngắm nghía tỉ mỉ. Nan hoa bị cong và ghi đông bị vẹo đi người nhà đã nhờ thợ sửa chữa và điều chỉnh từ lâu. Nhưng Lưu tiên sinh thấy có mấy đám sơn đen bị bong rơi đau lòng mãi, đã dùng giẻ lau đi lau lại mãi, lại lấy dầu bóng bôi lên, hòng che lấp mấy vết hằn này.

Ngô tiên sinh vừa lúc từ trên tầng hai xuống, hỏi một cách quan tâm: “Ông ngã không việc gì chứ?”

“Không sao, không sao cả”, Lưu tiên sinh không cảm nổi lòng, day day vào chỗ đau ở sau gáy nói: “Ông xem, xe của tôi không bị hỏng một tí nào”.

Ông dùng một tay khác nắm chặt lấy chỗ bị tróc sơn, nói một cách hết sức kiêu hãnh.

9. Gió lay động hay là phước lay động

Từ thư phòng đơn giản của tôi ở Lầu Thần du nhìn thẳng ra ngoài, mùa hè của Nam Xương oi bức đã tấp tểnh bước tới. ánh nắng gay gắt chỗ cửa sổ như chọc vào mắt, trong Lầu Thần du thì sóng nóng như thiêu. Bận bè xung quanh bốn bề tới tấp bị dọn đi, các hộ ở ngôi nhà ký túc xá học sinh cũ này phải dọn đi tất cả, tin tức ép tôi nuốm nợp kéo đến, rất phiền lòng. Nhưng bình tĩnh, lại cũng được hưởng dụng vô cùng. Bởi vì những tiếng ồn ào ở hành lang và ở bên cạnh trước đây, tiếng va chạm của nồi xoong bát đĩa, lại còn mùi khói mùi mỡ của cơm và thức ăn v.v... đến nay cũng đều không nghe thấy, không ngửi thấy nữa, Lầu Thần du đã trở thành nơi thật sự có thể thần du với đúng tên của nó, mặc dù cách đây không lâu tôi suýt nữa mất nó.

Tập trung tâm thần, chuyên tâm vào sách vở, ngao du trong lĩnh vực vô bờ bến của tinh thần, mọi sự việc phiền phức của thế tục có thể không nghe không hỏi, chỉ có tâm hồn tỏa ra toàn bộ vẻ yên tĩnh, phong phú và sức hấp dẫn của nó. Đến đây tôi bắt đầu tin truyền thuyết có liên quan với Đại hòa thượng Tuệ Năng không bịa chuyện vu oan cho người khác.

Câu chuyện này nói là ở thời nhà Đường, người sáng lập Nam thiền là Tuệ Năng vân du đến chùa Pháp Tính của Quảng Châu, trong chùa nhiều hòa thượng đang tập trung tinh thần nghe pháp sư ấn Tông giảng kinh Niết Bàn. Bỗng nhiên, một cơn gió mát thổi qua, vài phước trước

tượng Phật lay động mãi không thôi. Một hòa thượng đang ngồi trong đó nói: “Đây là phước đang lay động”. Một hòa thượng khác thì nói: “Không phải thế. Đây là gió lay động”. Hai người tranh luận mãi không ngớt, không ai thuyết phục nổi ai. Tuệ Năng không nhịn nổi liền đi lên phía trước nói: “Không phải gió lay động, cũng không phải phước lay động, mà là lòng của hai vị đang lay động!”.

Lời nói nhẹ nhàng như truyền trí tuệ làm cho người khác tỉnh ngộ, lại như hết sức mới lạ, mọi hòa thượng đều bừng tỉnh ngộ.

Các hòa thượng bừng tỉnh đương nhiên là tính vĩnh hằng và tính siêu việt theo đúng như phép Phật. Tôi chờ đợi con người trong thế tục có thể tỉnh ngộ một chút điều gì đây? Chúng ta cần phải phân tách thế giới vật chất của hiện thực với thế giới tâm lý của tinh thần ra một chút, mặc dù hai cái liên quan mật thiết với nhau, nhưng chúng ta lại có thể giữ vững khoảng cách của hai cái. Trong hiện thực có thể quan sát được một số việc như sau: thiên tai nhân họa, khó khăn gian khổ đôi khi không đề ngã nổi thể xác của con người, trái lại là phá hủy tinh thần của con người. Vết thương lòng to lớn xé ruột xé gan đó, sự cụt hứng sau khi tinh thần hoàn toàn bị đánh đổ đó, sự im lặng như tờ của mọi ý nghĩ đều tất đó sẽ mang đến cho loài người bao nhiêu thảm họa nặng nề. Lúc đó, sao chúng ta không vận dụng cách phân ly thế giới tinh thần và vật chất kiểu Tuệ Năng một chút?

Thảm họa trong hiện thực, đương nhiên chúng ta phải cố gắng làm nó tiêu tan. Nhưng khi đột nhiên gặp phải tai họa mà sức người không thể làm thay đổi, thì chúng ta phải nên giữ được khoảng cách của thế giới tinh thần và thế giới thực tại, dùng sự hòa hoãn và yên tĩnh của tâm hồn giảm nhẹ đau khổ của thể xác, lấy dũng khí và kiên nghị về tinh thần chiến thắng thảm họa, cuối cùng giành lấy hạnh phúc của đời người.

Các tiền nhân của dân tộc Trung Hoa đã trải qua vô vàn chiến loạn, thiên tai và nhân họa, trong điều kiện tự nhiên khốc liệt, đã sinh sôi và phát triển không ngừng, năng lực hàn gắn vết thương đó, trí tuệ tuyệt vời tìm đường sống chống cái chết đó, tinh thần tự lập, tự cường và phấn đấu không mệt mỏi đó, đến nay vẫn là kỳ tích trong lịch sử văn minh nhân loại. Trong những cái này đương nhiên cũng có tác dụng của trí tuệ sống của cách phân hai thế giới tinh thần và thực tại.

Khi chúng ta chìm nổi trong thế gian mê mông không có một cái gì để nương tựa, khi chúng ta đối mặt với vận mệnh bi thảm không có cách nào làm thay đổi, chúng ta có thể thông qua “phòng tuyến” xây dựng trên tâm lý để tiến hành một lần chống trả anh dũng, chúng ta cũng có thể trong lĩnh vực tinh thần thâm thúy vô bờ bến nghỉ ngơi ngắn một chút, để được bổ xung, sau đó lại đối mặt với thảm họa của xã hội và đời người lần nữa, dũng cảm bơi tới bờ bên kia của hạnh phúc.

10. Người không dễ dàng

Xã hội ngày nay, cái gì cũng đều không thần thánh, cái gì cũng đều có thể làm giả. Giá trị hỗn loạn, quan niệm đa dạng, hơn kém đẹp xấu, tốt xấu khó phân biệt, khiến cho con người hiện tại đều có thể đòi người ta làm một số việc hầu như không thể làm được. Vì lợi ích của mình, người ta có thể vứt bỏ hết bất cứ nguyên tắc, luật lệ nào, thậm chí bất chấp cả lương tâm, mà lại mở hết cửa thuận tiện, thế là nhiều người như cá gặp nước, không từ một việc xấu xa nào, cái gì cũng có thể làm.

Nhưng, trên đời này vẫn có một giáo sư họ Từ hoàn toàn không thế.

Giáo sư Từ dạy đại học mới đó mà đã hơn ba mươi năm. Giáo sư nghiên cứu học vấn không chút cầu thả, quanh năm suốt tháng, đến bạc đầu vẫn theo đuổi đến cùng với kinh sách. Ban ngày ông lục tìm tài liệu trong đồng sách của thư viện, buổi tối thì khêu đèn gạt mồ hôi như tắm, hoặc đọc sách nghiên cứu tỉ mỉ, hoặc cầm bút viết bài. Thành quả đã xuất bản của giáo sư không nhiều, thường vài năm mới có một luận văn ra đời, nhưng một bài đã viết ra là không có bất cứ điều gì phóng đại, tràn đầy sự hiểu biết sâu xa của cá nhân, phát ra những điều mà những người đi trước chưa hề phát biểu, gợi ý cho những người sau những điều chưa hề biết. Còn về trước tác, một đời giáo sư Từ cũng chỉ xuất bản có một quyển sách, nhưng là kinh động lòng người, không người nào có thể thay thế, trong lĩnh vực này không người nào dám đứng ngang ông. Do đó, danh tiếng của giáo sư ngày càng tăng cao trong giới học thuật.

Đứng trên bục giảng, ông giống như một vị đại tướng chỉ huy thiên binh vạn mã, lưng đứng thẳng tắp, hai mắt sáng quắc, thỉnh thoảng vung vẩy chiếc que thô sơ bằng tre. Đứng trước hơn hai mươi học sinh ở phía dưới bục giảng, ông lúc thì nghênh ngang đắc ý giọng lên bổng xuống trầm, tiếng nói vang vọng khắp nhà, lúc lại nhắm chặt hai mắt, tiếng khe khẽ. Các học sinh có lúc ngơ ngác nhìn nhau, trong lòng cảm xúc nói: Thầy giáo đã hoàn toàn chìm đắm trong ranh giới tươi đẹp tự mình tạo nên.

Giáo sư yêu cầu rất nghiêm ngặt đối với học sinh, ở trên lớp không cho phép xuất hiện bất cứ tạp âm nào, không cho phép người nghe giảng thiếu tập trung chú ý, càng không cho phép học sinh có các động tác nhỏ như chụm đầu thì thầm, nháy mắt ra hiệu. Khi thi càn hoàn toàn không nể nang, 59 điểm là 59 điểm[2], thêm 1 điểm cũng không cho phép. Bài làm dù có trả lời tốt đến mấy, cũng không nên ước mong quá đáng giành được điểm đủ dưới ngòi bút của giáo sư Từ. Lâu ngày, các học sinh khâm phục cộng với sợ đối với thầy giáo, hoàn toàn không dám nói bậy làm bậy. Người chăm học, ở trên lớp được thưởng thức tỉ mỉ bài giảng hay tuyệt vời mà hàm chứa ý sâu xa của giáo sư. Kẻ không chăm học cũng trở hai mắt không dám đứng ngoài cuộc nhìn, nhiều nhất cũng chỉ “thần du” trong đầu một chút, mà không dám có một chút buông thả.

Trong lớp có một học sinh được mọi người công nhận là đầu sỏ nghịch ngợm nhất, bướng bỉnh nhất, mặt trơ trán bóng nhất. Lúc bình thường, anh ta đối với ai cũng đều cười cợt nghịch ngợm, đánh nhau, không từ một lời nào không nói, không từ một việc nào không làm, nhưng

đặc biệt duy nhất đối với thầy Từ thì anh ta sợ như sợ cọp, tôn trọng như thần minh. Một hôm tan học, anh ta chuồn ra khỏi lớp trước tiên, vội vàng bước vào buồng vệ sinh muốn đi tiểu, giáo sư Từ cấp cập bài giảng cũng bước vào cửa. Người học sinh đáng thương này vừa nhìn thấy giáo sư Từ, thần kinh căng thẳng, tiểu tiện liền đái không ra, bí đái đến mức đỏ chín cả mặt. Giáo sư Từ không hề để ý, hoàn toàn không cảm thấy có điều gì không thỏa đáng, chậm chạp đặt cặp sách xuống, đi tiểu, rửa tay rồi mở cửa bước ra.

Người học sinh đang bối rối này, đợi giáo sư Từ đi xa, mới mở cửa đi ra một cách khó khăn, tựa vào tường thở hổn hển, rút thuốc lá ra châm rồi hút mạnh vài hơi, thấy thở đều đều, sau đó mới lại đi vào buồng vệ sinh lần nữa, cuối cùng đã đi tiểu bình thường.

Giáo sư Từ đối với cuộc sống và đời người có cách nhìn và nguyên tắc riêng của ông, bất kể là đối nhân xử thế đều cứng nhắc mà kỷ lưỡng. Lúc bình thường, hàng ngày lúc 7 giờ sáng và 7 giờ tối, người ta luôn có thể nhìn thấy ông đang ngẩng đầu uốn ngực đi dạo bước trên cùng một nơi. Nhưng thấy giáo sư mắt không nhìn ngang ngửa, không tùy tiện nói cười, nhìn thấy người quen, bạn đồng nghiệp cũng như khách qua đường, tiếp tục bước đi những bước ung dung của ông.

Giáo sư còn có nhiều người thân thuộc trải khắp các nước ở hải ngoại, thường thường tiện thể mang cho ông một số vải quần áo rất đắt, không bao lâu chiếc tủ gỗ long nã to trong nhà giáo sư đã đầy ắp, trong đó đủ mọi loại complet nổi tiếng. Nhưng giáo sư một đời chỉ thích mặc bộ quần áo kiểu Tôn Trung Sơn bằng vải kaki màu xám, mà cổ áo luôn luôn cài khuy, bất kể là mùa đông gió rét thấu xương, hay là những ngày hè nóng cháy da thịt, đều không thể làm thay đổi tập quán của ông.

Giáo sư Từ nét mặt vụng về, đầu tóc chải chuốt chỉnh tề, sống mũi thẳng, môi nhô, nếp nhăn trên mặt dày đặc, ánh mắt lại như có vẻ hùng hổ dọa người.

Các học sinh đều than thở: Thầy thật là người thanh cao, cô độc và kiêu ngạo, cũng không phải là người dễ dàng.

11. Thú vui câu cá

Câu cá là thú vui mà trên từ quan lại dưới đến bình dân đều có thể hưởng thụ. Bởi vì dụng cụ của nó rất đơn giản - một cần tre nhỏ, một sợi dây, một lưỡi câu mà thôi. Nơi câu thì rất nhiều, như khe suối, ao hồ, sông ngòi, biển cả mọi nơi đều có thể buông câu. Nhưng phân biệt tỉ mỉ một chút, mặc dù đều là câu cá cả, nhưng mục đích của người ta lại không giống nhau. Người giàu mà sang, lấy việc thả câu để tiêu nhàn, hưởng cái phúc thanh vắng, còn người nghèo hèn thì mong ngóng câu được vài con cá, tối về có thể được húp bát canh cá thơm ngon. Đương nhiên, người ta câu cá phần nhiều vẫn là cầu mong kiêm cả hai việc đó. Tạm tránh những tiếng ồn ào của thế gian, núp dưới bóng cây xanh ở bên suối, buông câu

trong nước mát, xua đuổi mọi phiền não, đó là một trong những mục đích. Nếu lại may mắn câu được vài con cá, về nhà chần rau sạch, rán mỡ, luộc, cả nhà được ăn canh cá tươi ngon, chẳng phải cũng vui, cũng sung sướng ư?

Tôi từ trước đến nay không có thú câu cá, bởi vì tôi chịu không nổi sự chờ đợi dài đằng đẳng, cảm thấy rõ ràng là lãng phí thời gian, tốn vài đồng bạc (tiền Trung Quốc), khắp nơi đều có thể mua được cá, sao lại phải tốn thời gian hao tổn tinh thần đi câu cá? Lúc bình thường giờ xem các sách cổ, trái lại là say sưa kể lại đối với mấy việc phi thường có liên quan với câu cá.

Tương truyền thời Thương Chu có một ông lão họ Khương tên Thượng, hiệu Phi Hùng, người ta thường gọi là Khương Thái công. Thời trẻ, ông tu đạo tại động Ngọc Hư núi Côn Lôn, năm 72 tuổi vâng lệnh Thầy dạy xuống núi, đầu tiên ra sức phục vụ Trụ vương, thấy Trụ vương tàn bạo bất nhân bèn bỏ quan đi ẩn ở sông Vị, suốt ngày ngồi buông câu ở bên dòng suối. Người ta thấy ông suốt ngày không thu được gì liền hỏi nguyên nhân, ông nâng chiếc cần câu lên chỉ nhìn thấy trên dây buộc một cái móc câu thẳng, ử rử rỏ nước xuống. Mọi người đều ngạc nhiên, móc câu thẳng câu cá thế nào được? Khương Thái công vờ vờ chòm râu cười với ý sâu xa, cũng không trả lời.

Hậu Chu Văn vương đi thăm người hiền tài ở sông Vị, cuối cùng tìm được một vị hiền tài lớn, mời làm Tể tướng quốc, phù Vũ vương dấy binh đánh Trụ, nhiều lần lập công, diệt Thương Trụ lập nên vương triều Chu, tiếng truyền ngàn thu.

Khương Thái công câu cá, ý không phải ở cá mà là đang chờ đợi người tìm người hiền tài, là ở chỗ công danh quyền thế. Do đó mà dùng lưỡi câu thẳng để câu, người mong muốn sẽ mắc câu. Cá đương nhiên không thể đến, Thái công thì ung dung giết thời gian, yên lặng ngồi đợi cơ hội trở thành có thể lực. Một ngày trở thành vị trí bày tôi tốt bậc, ngay tức khắc bùng bùng khí thế, việc buông câu tự nhiên sẽ không còn cần nữa.

Thời Chiến quốc, Trang Tử buông câu, tình hình và ý nghĩ của ông hoàn toàn ngược lại với Khương Thượng. Nghe nói Trang Tử thường đi đến bờ sông Bộc câu cá, tinh thần mặc dù yên tĩnh, nhưng ý nghĩ của ông lại có thể đoán được là ở cá, bởi vì hàng ngày ông phải lấy việc đan giày cỏ để sinh sống, hơn nữa thường phải vay mượn sống qua ngày, câu cá đương nhiên không phải là không có ý ở việc kiếm cá, nên lưỡi câu của ông khẳng định là phải nhọn sắc mà còn uốn cong cong nữa.

Sở vương cử hai Đại phu đi gặp Trang Tử, hứa với ông sẽ dùng làm chức quan cao bổng lộc hậu hĩnh, mong Trang Tử có thể cảm ơn nhanh chóng lên đường. Trang Tử nghe nói, tay vẫn nắm cần câu không để ý, cười nói: “Tôi thà giống như con rùa đen lê đuôi trong bùn lầy, mà không muốn ở “trên miếu đường” bị một nhọc vì chính trị!”

“Quan cao” có nghĩa là quyền thế lớn nhất, “lộc dày” có nghĩa là của cải đếm không xuể, chúng đều là những cái người đời nằm mơ mong cầu. Nhưng Trang Tử gạt đi như rác rưởi, thà chịu đói chịu rét buông câu ở bờ sông, mà không muốn bị ràng buộc vào việc chính trị của đất nước. Thật là nhất trần gian, ngoài sức tưởng tượng của người đời.

Đọc xong đoạn truyện này trong sách *Trang Tử. Thu thủy thiên*, tôi cũng tự nhiên say mê đối

với việc đi câu. Một ngày trời thu đẹp, tôi theo bố vợ, anh rể một đoàn tất cả 6 người cùng đi đến hồ Tỳ Bà thuộc huyện Dư Cấn để thả câu.

Trong 5 người, cháu rể là Kế Vũ có thể gọi là thần câu cá, theo nó nói, trước kia đã từng có ngày câu được hơn ba mươi cân cá (1 cân Trung Quốc bằng 0,5 kg). Bố vợ tôi và người anh vợ có thể gọi là cao thủ câu cá. Anh rể và đứa cháu cũng thường hay đi câu, không tính là cao thủ nhưng cũng có thể gọi là lành nghề. Chỉ có tôi, từ trước đến nay chỉ thả câu hai lần, có thể gọi là người hoàn toàn xa lạ đối với việc câu. Mặc dù vậy, tôi vẫn dạt dào hứng thú, thật sự muốn thể nghiệm một chút việc Trang Tử vì sao không muốn làm quan to, từ chối nhận lộc dầy, chỉ muốn hưởng thụ giới hạn cái vui của việc thả câu.

Thời tiết thay đổi nóng nực khác thường, Kế Vũ lắp cần câu xong, mắc mồi câu vào lưỡi câu, sau đó truyền đến tay tôi, tôi thả dây câu xuống nước. Một khắc trôi qua, không có bất cứ động tĩnh nào. Nửa giờ lại trôi qua, vẫn không có một dấu hiệu nào. Ba tiếng đồng hồ đã qua, cả sáu người chúng tôi đều không câu được một con cá!

Nói thực ra là trong ba tiếng đồng hồ, mồi câu trên lưỡi câu của tôi thường bị cá ăn mất, nhưng tôi không biết lúc nào, trong trạng thái như thế nào nên giật cần lên, cho nên, những con cá xảo quyệt ăn mồi kia vẫn tự do qua lại trong nước, khẳng định có thể không nhận được cười, đều chê tôi, một người gốc đi câu cá này?

Trong tình huống không còn cách nào hơn, Kế Vũ tuyên bố chuyển dời trận địa. Vợ nó, tóc dài quét vai, theo ngồi bên cạnh, hai mắt mở tròn xoe, là một vị khách xem hết sức quan tâm. Cô giúp việc thu thập các đồ vật linh tinh, theo tôi cùng “đại quân” câu cá thất bại di chuyển đến bờ bên kia hồ.

Thả cần câu xuống chưa lâu, ông anh vợ tôi giật lên được một con cá rô to bằng nửa bàn tay, bởi vì nó quá nhỏ lại thả vào trong hồ, nhưng tinh thần mọi người đều phấn chấn vì nó. Lúc này “Thần câu” Kế Vũ cuối cùng đã tỏ ra tài nghệ cao siêu, câu lên được một con cá vền nặng khoảng nửa cân. Tiếng phàn phật ra khỏi nước của cá quả thật làm xúc động lòng người, gọi ra cho tôi và mọi người cố gắng điều chỉnh cần câu, bắt đầu chăm chú theo dõi.

Ở chỗ không xa, tiếng ồn ào lớn truyền đến, bố vợ tôi câu được một con cá trắm hơn hai cân! Chưa đầy một lát Kế Vũ lại câu được một con cá vền, khắp nơi tiếng cười đồn dập còn tôi vẫn là một chiếc cần câu không, chẳng có thành tích gì.

Bỗng nhiên, tôi cảm thấy chiếc cần câu rất nặng, rất nặng, tôi hết sức thận trọng, không chút động dấy. Tim tôi đập thình thịch, suy nghĩ: lúc này có thể kiếm được con cá lớn nhất rồi. Tôi kích động gọi đứa cháu ở bên, nó ngấm một lúc nói: đó là một vật linh tinh.

Tôi thất vọng kéo chiếc lưỡi câu lên khỏi mặt nước, rõ ràng ở trên móc vào một cành cây mục. Mặt tôi hơi đỏ lên, nhìn trộm ra xung quanh, phát hiện mọi người không ai để ý. Việc này thường hay gặp trong khi câu cá, nhưng lại xem nó là một con cá lớn như tôi thì e rằng sẽ ít có.

Lẫn vào trong đám các thợ câu cá lành nghề này, tôi trái lại thật sự như là Nam Quách tiên sinh thời xưa, mặc dù không biết thổi khèn, nhưng trong đội thổi khèn ba trăm người của Tề Tuyên vương, vẫn có thể sống ung dung an nhàn, được xếp bừa vào cho đủ số lượng.

Tôi vất vả lắm mới vớt bỏ hết các thứ bỏ đi, mắc mồi vào rồi lại quăng xuống nước, lưới câu hầu như so với trước chịu nghe lời hơn, đã rơi xuống nước ở chỗ xa xa. Khoảng chưa đầy năm phút đồng hồ, tôi lại cảm thấy cần câu lôi không nhúc nhích, nó ghì chặt ở dưới đáy hồ, lắc không động đậy. Tôi nghĩ: phen này lại hỏng hết mồi, lại kéo lên một cành cây mục. Đứa cháu ngồi bên, đỡ lấy cần câu chỉ thử nhấc lên xem nặng nhẹ ra sao một lát, liền nói to: “Đây là một con cá to!”, lời nói vừa dứt, chỉ thấy dưới nước hiện ra chiếc lưng cá hồng hồng, nó bơi đi bơi lại cuống cuồng, hồng thoát khỏi lưới câu. Tôi vội vàng chạy đi lấy chiếc vợt cá, anh rể tôi đang câu ở một chỗ xa cũng đặt cần câu xuống chạy vội đến giúp đỡ. Mọi người cùng giúp sức, dùng chiếc vợt vớt gọn con cá to này lên.

Con cá to này lồng lộn giãy giụa trong cái vợt lưới, nhưng chỉ thấy một mảng màu hồng, là một con cá chép màu tơ vàng nặng đến ba cân!

Người dân Trung Quốc trước lúc giao thừa đều thích treo những tờ tranh tết chứa đựng ý phúc lộc thọ, bình an cát tường. Trong đó có một bức tranh mà người ta thích treo nhất là tranh gọi là Niên niên hữu dư. Trong tranh vẽ hai đứa trẻ béo và trắng, trong tay mỗi đứa đều đang ôm một con cá chép lớn màu vàng hồng hồng to khỏe, trên mép cá vẽnh ra hai chiếc râu cong, toàn bộ bức tranh toát ra vẻ tung bừng vui nhộn. Người câu cá “xa lạ” như tôi này lại câu lên được chính là loại cá chép to màu vàng hồng này! Sao lại không khoái, không vui được!

Điểm lại thành tích, thần câu Kế Vũ đã câu được hai con cá vền và một con trắm nhỏ. Bố vợ tôi câu được hai con cá trắm lớn và một con cá vền. Tay lành nghề là anh vợ tôi chỉ câu được một con cá nhỏ phải thả lại vào trong hồ, còn anh rể thì đáng thương, đến một cái vẩy cá cũng không sờ tới. Ông già coi hồ nói tôi đã câu lên được “con cá tinh” trong hồ, bởi vì trước nay chưa bao giờ đánh bắt được loại cá này, cũng rất khó được nhìn thấy loại cá này. Đến thần câu Kế Vũ thường xuyên đến đây câu cá, cũng chưa từng câu được loại cá này, thật kỳ lạ, tôi đã câu được, sao không lấy làm lạ được? Anh rể tôi nói: Con cá này hơi biết dãi khách, rõ ràng đã tự dẫn thân đến lưới câu.

Không biết việc giải thích này đúng hay sai, cứ ghi lấy lời này đợi để kiểm tra lại.

Tôi nghĩ thú câu cá không ngoài hai điều: Một là để hưởng thụ cái phúc thanh nhàn tự do. Lúc bình thường mọi người đều bận rộn, tinh thần căng thẳng cao độ, thân thể hết sức mệt mỏi, thỉnh thoảng đến chỗ nước mát cây xanh, ung dung ngồi câu cá, có thể toàn thân nhẹ nhõm, loại bỏ được mệt mỏi. Hai là được giành lấy sự hưng phấn.

Quá trình câu cá chính là không ngoài việc giành lấy sau khi mong đợi lâu dài, rồi lại mong đợi sau khi giành lấy. Hai trạng thái này đều khiến cho người ta hưng phấn, kích động và vui sướng. Khi mong đợi, người ta hoàn toàn tập trung chú ý vào cái phao nổi, trong đầu óc thường hiện lên trạng thái giãy giụa của con cá, gây cho người ta hướng về nó. Cá mắc câu, đầu

tiên là vùng vẫy ở trong nước, trên mặt nước, lúc này cần câu rung động, thông qua tay truyền khắp toàn thân thể người ta, đây là giờ phút hạnh phúc nhất của người câu cá, tìm đập với việc nhảy nhót của cá trong nước đua nhau tác động, khiến cho người ta cảm thấy đời người là tốt đẹp như thế, giành được là hạnh phúc như thế.

Khương Thái công câu cá chỉ mong hưởng thú thanh nhàn tự tại. Trang Chu tiên sinh câu cá thì kiêm cả hai thú vui đều có. Đời người không thể không buông câu mà đi câu tuy không nhất định phải thu được cá, nhưng cần phải đi tìm được thú vui của nó.

Bởi vì trong quá trình câu cá có thể lĩnh hội được và có được cái vui đó, mới là buông câu chân chính.

12. Thú thôn dã

Tôi đã sống mười năm ở nông thôn, trong thời gian đó lúc nào cũng đầy ắp công việc lao động chân tay nặng nhọc khổ hết chỗ nói, sự thiếu thốn vật chất đói bụng ăn bừa, và đời sống tinh thần thiếu thốn, trống rỗng buồn chán v.v... Quá trình đời người quả thực giống như trào ra nổi khổ cay đắng.

Năm 1978 tôi trở lại thành phố, tức học đại học đến lên dạy đại học đã gần hai mươi năm, đã sống một cuộc sống tuy không giàu có nhưng cơm áo cũng không thiếu, tuy có lúc thương tổn tinh thần và thể xác mỗi một nhưng cũng có lúc ung dung thanh thoi, chất lượng đời người đích thực đã nâng lên không ít. Nhưng nếu như nói đến vui hoặc không vui theo cảm nhận chủ quan, thì tôi vẫn cảm thấy khoảng thời gian ở nông thôn là vui vẻ hơn, cuộc sống ở thành thị hầu như không thích thú lắm.

Đó là vì lẽ gì? Trạng thái đời người tồn tại thực của con người trong hiện thực luôn luôn có khoảng cách với cảm nhận chủ quan của đời người. Sự thiếu thốn của nông thôn cố nhiên không thể so sánh với xã hội ăn chơi ở thành thị, nhưng trong cảm giác chủ quan của tôi, niềm vui đời người mạnh mẽ đều ở nông thôn, bởi vì cái vui trong cái khổ, trong cái khổ đi tìm cái “vui” trong cái vui, mới cho người ta ấn tượng hết sức sâu sắc, mới có mùi vị mãi mãi. Còn chìm đắm trong cái ồ yên vui, thực tế là không biết cái vui của nó, không cảm thấy cái vui của nó, thậm chí không thể gọi là vui. Cho nên việc ra sức so sánh, làm theo trong đời người là tiền đề thể nghiệm khổ và vui, là cơ sở cảm thụ đời người.

Trong ký ức của tôi, cái vui ở nông thôn ghi lòng tạc dạ nhất là sau khi làm lụng hết sức vất vả, ngủ một giấc ngắn dưới gốc cây long não lớn.

Mùa vụ bận rộn nhất ở nông thôn là lúc gặt vụ, một mặt lúa chiêm xuân phải thu hoạch, mặt khác lúa muện phải cấy, kèm theo một loạt các công việc đồng áng như cày, bừa, san phẳng, rải

phân... Lúc này, già trẻ trai gái cả thôn đều dậy từ lúc trời chưa sáng, đi ra ruộng mạ để nhổ mạ, đến khoảng bảy, tám giờ trở về nhà ăn cơm sáng. Sau đó ra đồng hoặc gặt lúa hoặc cấy, đến 12 giờ trưa thì ăn cơm dưới bóng cây ở đầu ruộng, nghỉ một lát lại xuống đồng làm việc. Cho mãi đến lúc ráng chiều giăng đầy bầu trời, mọi người mới dẫn thân thể mệt mỏi của mình về nhà.

Khói bếp màu vàng sữa trong thôn lập tức nổi lên bốn phía, những ngôi nhà tối om om ló lên chút ít ánh đèn lù mù, người ta tắm rửa bùn đất bám đầy người, ngồi vào ghế bưng một bát to lên, thổi phù phù, ăn lấy ăn để toát hết cả mồ hôi, cuối cùng hút vài điếu thuốc sợi vàng “thượng hạng”, thu dọn một lát, đặt mình nằm là đã ngủ say ngay. Ngày thứ hai, thứ ba vẫn lại lặp lại như thế, đây chính là toàn bộ sinh hoạt của nông dân miền Nam Trung Quốc trong thời gian hai vụ gặt nhau.

Sau giai đoạn căng thẳng nhất kịp thời vụ của lúc gặt vụ, thông thường người ta lại có thể về nhà ăn cơm trưa. Cường độ lao động rất lớn, bữa ăn sáng mà bà con thường ăn là bánh tẻ có trộn lẫn với gạo nếp, cắt thành từng miếng, dùng rau xanh luộc với nước, cho thêm vào một ít muối và dầu vừng, ăn một bát to bánh tẻ, quả thực có thể làm cho người ta suốt cả buổi sáng không có cảm giác đói nữa. Buổi trưa mọi nhà cũng bày ra mọi đồ ăn tốt nhất ngoài ngày tết, thông thường là cơm tẻ trắng, thịt muối hong khô, đậu phụ, cá ướp rượu và mấy loại rau. Tôi sau khi làm vất vả, bữa bữa đều ăn tới mức trán bóng láng lên, từng giọt mồ hôi lăn xuống, miệng cay như xé vì ớt, nhưng vẫn ăn không thôi. Sau đó lau miệng, vác chiếc chõng tre, lén đi đến chỗ dưới gốc cây long não ở đầu thôn tìm chỗ nghỉ tránh nắng.

Xung quanh làng ở nông thôn thường vẫn giữ lại những đám cây cổ thụ rộng lớn, mặc dù cây cối ở các chỗ khác đều bị chặt trụi hết, nhưng cây cối vây quanh làng cũng không được động đến. Bà con đều tin rằng những cây này là cây quý theo phong thủy, không được động đến, động đến ắt gặp tai họa. Các thôn trang thuộc đồng bằng Ba Hồ thường bao bọc bởi cây long não cổ thụ to, có một số cây bốn, năm người ôm không xuể, tán cây như nóc nhà, mặc cho mặt trời nắng gay gắt như lửa của tháng sáu, tháng bảy cũng không xuyên thấu được cành lá dày đó.

Chõng tre, ghế gỗ rộng mấy lớp bày ra, người lớn trẻ con đều mình trần hoặc ngồi hoặc nằm. Chỗ gò đất nhỏ chen chúc người ắt là có một tay cao thủ đang kể chuyện về xưa nay, lại đang lôi ra nào thần thánh, nào quỷ, nào tiên.

Tôi đuổi người nằm thoải mái, suốt ngày vì cong lưng cấy lúa nên lưng đau mỗi lập tức cảm thấy dễ chịu nhiều. Tai vừa nghe chuyện “Đại nguyên soái Tiết Nhân Quý chinh Đông”, mắt nhìn lên những chiếc lá cây long não nhỏ vừa dài vừa tròn đang nhảy nhót và ánh mặt trời lấp lánh. Gió mát thổi hiu hiu, lá cây đung đưa dòn dập, mọi người đều đồng thanh hú dài “u - u này!” mạnh mẽ, nghe nói làm như thế có thể gọi lại được gió mát.

Vừa nghe vừa nhìn, tầm nhìn của tôi dần dần lu mờ không rõ nữa, mí mắt cũng trĩu xuống khác thường, thần trí cũng ngẩn ngơ, hơi thở lắng xuống, giấc ngủ say đã đến. Không biết qua được bao lâu, tôi mở hai mắt, ánh mặt trời bừng bình vẫn nhảy nhót chỗ các

kẽ lá cây, từng làn gió mát phe phẩy thổi tới, hầu như không còn chút khí nóng nào, mọi người ở xung quanh tất cả đều không thấy bóng dáng đâu nữa, các bà con tốt bụng không nỡ đánh thức tôi dậy, tất cả đều xuống đồng làm việc một cách im lặng. Cho đến hôm nay, tôi vẫn nhớ tới làn gió mát hiu hiu dưới gốc cây long não to, nhớ tới các bà con chất phác, lương thiện đó một cách da diết. Lúc nghỉ ngơi ngắn sau khi thân thể hết sức mệt mỏi đó, lúc ăn lấy ăn để sau khi lao động vất vả đó, tình cảm thân thiết đó khiến cho người ta thật sự lĩnh hội được sự vui mừng và sung sướng của nhân gian.

13. Suy nghĩ lan man trong “Tiệm rượu Hàm Hanh”

Khi nhỏ, hầu như không có sách nào đáng đọc, trừ các sách *Hồng bảo thư* lớn, nhỏ ra, chỉ có sách của Lỗ Tấn là đáng mua, đáng xem mà thôi. Cha mẹ tôi đã mua một số quyển lẻ, khi rồi tôi luôn giở những quyển sách nhỏ mỏng này ra xem một cách hiếu kỳ. Tập tạp văn tiểu thuyết với tựa đề *Gào thét* đã cho tôi ấn tượng sâu sắc. Mặc dù tình cảnh, ngôn ngữ, ăn mặc cử chỉ của người ta trong đó đều hoàn toàn không giống với tình hình xung quanh tôi, nhưng tôi vẫn có thể chìm đắm trong thế giới của kẻ nông cuồng lưu luyến khó dời, trơ mắt nhìn chiếc bánh bao dính đầy máu tươi trong quán trà của lão Thuyên và bác Hoa, và cười khoái trá một phen theo cử chỉ khôi hài của A.Q. Nhưng mà tiểu thuyết tôi thích thưởng thức nhất ở trong đó vẫn là *Khổng Ất Kỷ*.

Lỗ Tấn tiên sinh 12 tuổi đã đến tiệm rượu Hàm Hanh ở mặt phố làm người hầu bàn, nhìn thấy khách đến quán rượu có hai loại: Một là bọn “áo ngắn”, bây giờ gọi là “cu li”, phần nhiều đứng sát chiếc quầy hình thước thợ hăm một bát rượu, mua thêm một đĩa đậu mùi hồi hương, nhân lúc nóng uống cho đỡ mệt. Một loại khác là khách mặc “áo dài”, tức chỉ những người tương đối giàu có, họ có thể đi vào phòng bên cạnh của mặt tiệm, mua rượu mua trà ngồi uống từ từ.

Khổng Ất Kỷ lại là một người duy nhất mặc áo dài đứng tựa quầy uống rượu, tự nhiên gây nên sự hiếu kỳ của cậu bé Lỗ Tấn. Mà ông này đã từng là người đọc sách đầy miệng những chữ “chi hồ giả dã”, sa vào là kẻ cắp vẫn phân biệt rõ ràng những lời “ăn trộm sách không thể gọi là ăn trộm... trộm sách!... Những việc của người có ăn học, có thể gọi là ăn trộm sao?” lại có thể tạo nên thích thú đậm đà của những khách uống rượu, do đó Khổng Ất Kỷ đã trở thành nhân vật chính của truyện ngắn nổi tiếng này của Lỗ Tấn. Mặc dù Khổng Ất Kỷ từ người có ăn học đã trở thành kẻ ăn cắp ăn trộm, bị người ta đánh gãy chân, cuối cùng dùng bàn tay chống đất để đi, chết trong nghèo khổ, nhưng tính thật thà, lòng nhiệt tình và khảng khái của ông ta đã để lại trong tôi ấn tượng tốt đẹp không thể phai mờ mãi mãi.

Đọc chuyện Khổng Ất Kỷ đã ba mươi năm rồi, cuối cùng tôi và một người bạn đã đến được tiệm rượu Hàm Hanh, mà trong lòng đã lưu ý từ lâu. Tiệm rượu này trong tưởng tượng của tôi phải là nhìn ra một con đường lát đá phiến xanh đen dài dài, ở giữa vì xe cút kít nghiêng thán

này qua năm khác nên để lại những vết bánh xe rất sâu. Hai bên đường xếp đầy các cửa hàng làm bằng gỗ tròn và tấm ván. Những người qua lại hầu hết là những người dân cày và thợ linh tinh mình trần, tay cầm đòn gánh và dây thừng, chân bước vội vàng, đương nhiên còn có khách mặc áo dài và áo khoác ngoài, chân bước ung dung hoặc thân sĩ ngồi trên kiệu. Tiệm rượu Hàm Hanh ngày nay thì nằm trên đại lộ ngựa xe như nước, người qua kẻ lại đông đúc náo nhiệt đều là các ông, các bà, các tiểu thư mặc âu phục đi giày da, trang điểm xinh đẹp!

Tôi lắc đầu, tập trung tinh thần, ngược đầu nhìn tấm biển đáy sơn màu đen, khảm nổi bốn chữ lớn Hàm Hanh tửu điểm (Tiệm rượu Hàm Hanh) màu vàng, bước vào trong tìm được một chiếc bàn nằm ở vị trí trong cùng, ngồi xuống và trước tiên quan sát tỉ mỉ.

Chiếc quầy lớn hình thước thợ ở trước phố vẫn như trong tiểu thuyết miêu tả, nhưng ở trong chỉ xếp đầy một loại đồ ăn như đậu tằm ngũ hương, lạc mặn, đậu phụ nhự, tương, không có thiết bị hâm nóng rượu mà khi xưa Lỗ Tấn tiên sinh đã tả.

Phần mặt trước của tiệm rộng khoảng hơn ba mươi mét vuông xếp đầy những chiếc bàn ghế sơn vécni bóng, điều đó đủ thấy bây giờ không còn người đứng uống rượu nữa. Mỗi chiếc bàn đều ngồi ba đến năm người khách, trên bàn chất đầy vỏ lạc, vỏ đậu tằm, đầu tôm, vỏ trứng vôi và trứng muối v.v... Trong không gian đầy mùi hôi kỳ lạ, đây là mùi của loại đậu phụ nhự rán người vùng này thích ăn tỏa ra. Mọi người mặt đỏ lịm, mồm nhồm nhoàm đầy thức ăn, nhai tóp tép, nói cười, quát tháo xem như bên cạnh không có ai nữa.

Từ cửa sổ tôi ngồi kề nhìn vào bên trong có một sân nhà rộng khoảng ba mét, dài khoảng bốn mét, bao quanh lấy một căn phòng lịch sự xây hai tầng, sự bố trí, khách ăn, rèm che ở trong đó rõ ràng là cao hơn tiền sảnh rất nhiều. Tôi nghĩ, có lẽ đây chính là “phòng bên cạnh” mà hồi ấy Lỗ Tấn nói chỉ có “khách áo dài” mới có đủ tiền bước vào chăng?

Rượu và đồ ăn đều phải tự mình mua vé sẵn, rồi đến trước quầy hình thước thợ để bung. Chúng tôi đã mua lạc và đậu tằm mỗi loại nửa cân, rượu Thiệu Hưng một cân, ngoài ra còn mua thêm đậu phụ cứng, tôm, cá ướp rượu, đậu phụ nhự v.v... Sau khi nhận đồ ăn bung đến bàn, trước mắt bỗng chốc chất lên như một quả núi nhỏ. Tôi lo người khác nói hai chúng tôi là “khách bụng to” đỏ cả mặt nhìn xung quanh nhà khắp lượt! Thật là “châu chấu đòi đấu với voi”, khách ăn của bàn bên, khách ăn bàn bên của bàn bên, đồ mua hầu như đều nhiều hơn chúng tôi, mà còn nhiều hơn rất nhiều.

Thôi, ăn thôi. Chúng tôi bung lên bát rượu lớn dốc hết sức chạm nhau, uống một ngụm lớn thật đã, rượu lạnh ngắt, uống vào hơi bị sặc, nhưng uống xong vài ngụm thì có thể thưởng thức được độ cay và mùi thơm của nó. Tôi chịu không nổi phải lắc đầu than vãn, nếu như tiệm rượu Hàm Hanh hồi Lỗ Tấn đem hâm nóng rượu lên một chút thì hay biết mấy!

Bầu không khí trong tiệm ngày càng náo nhiệt, người người cúi đầu vào bát to uống rượu, ăn mạnh thức ăn, chúng tôi đương nhiên cũng không ngoại lệ. Đang ăn, tôi hầu như nhìn thấy Khổng Ất Kỷ đứng ở bên cạnh quầy cười híp cả mắt đang chia đậu mùi hôi hương cho bọn trẻ ăn, mỗi đứa một hạt, bọn trẻ ăn hết đậu vẫn không tản đi, mắt đều đang nhìn vào chiếc đĩa. Khổng Ất Kỷ vẻ luống cuống, xòe rộng năm ngón tay chụp chặt chiếc đĩa, cúi xuống nói:

“Không còn nữa, ta đã không còn nữa”. Rồi thẳng người lên lại nhìn đậu lắc đầu nói: “Hết rồi! Còn đâu nữa? Hết thật rồi!”

Lấy lại tinh thần tôi nhìn trước mặt, đậu tằm và lạc chất thành đồng, từ trước đã không phân rõ có bao nhiêu, càng không phải lo “còn đâu nữa? Hết thật rồi!” Những người khách ở bên cạnh đứng dậy đi, trên bàn bừa bãi ngổn ngang, những đồ ăn thừa còn nhiều hơn số lượng đã ăn. Một ông già mặt thản nhiên, đem hốt tất cả chúng vào trong một chiếc thùng gỗ lớn một cách lạnh nhạt, nhưng thấy các vật bỏ đi đã đầy thùng.

Nghĩ rằng Khổng Ất Kỷ nghèo thì nghèo thật đấy, nhưng nếu bỏ ra đủ bốn đồng tiền, hâm một bát rượu Thiệu Hưng thượng hạng, lại chi thêm một đồng nữa mua một đĩa nhỏ đậu mùi hồi hương thì tăng bốc lên như được của quý, rót rượu uống và nhắm nháp mùi vị một cách từ từ. Mặc cho thời gian trôi qua, chỉ có sự ấm áp của rượu, mùi thơm dài lâu của đậu hồi hương là có thể hưởng thụ từ từ.

Đáng thương cho người hiện đại, họ luôn luôn làm không hết việc, chẳng có mấy thời gian hao phí vào việc ăn cơm. Mặc dù sự phong phú của đồ ăn thì những người như Khổng Ất Kỷ khó mà tưởng tượng được, nhưng việc ăn uống lu bù kiểu ăn sống nuốt tươi thì làm sao có thể thưởng thức được mùi vị nữa? Làm sao có thể cảm nhận được vị ngon?

Từ đó ta thấy, sự phong phú đầy đủ của vật chất không hẳn đem lại sự hưởng thụ cho đời sống con người, nếu như bạn thiếu sự an nhàn thoải mái. Đỡ Khổng Ất Kỷ lão tiên sinh ở dưới Cửa tuyền dật, chắc ông cũng sẽ đồng ý ý kiến này của tôi.

14. Đi tìm sự tĩnh mịch bên bờ Tây hồ

Cùng đi du lịch với một hai người bạn thực là việc vui lớn của đời. Kết bạn và đi cùng với anh Tuyết Sánh điều tôi mong muốn nhất là đi tìm sự tĩnh mịch. Bởi vì anh Tuyết Sánh chính là một người lòng dạ yên tĩnh như nước, còn tôi chìm nổi trong nhân gian, đã hết sức chán và mệt mỏi đối với sự huyên náo của trần thế rồi. Đôi lúc trong lòng có thể cảm thấy rằng: Người hiện đại thật đáng thương, họ muốn yên tĩnh một chút mà không dễ. Cảnh ồn ào huyên náo phát triển ngày càng mạnh, không ngớt. Trung Quốc rộng lớn, đến đâu tìm được nơi tĩnh mịch? Có lẽ chỉ có bên bờ Tây hồ mới có thể tìm thấy chăng?

Trời thu trong sáng dịu mát, chúng tôi ngồi xe lửa đi về phía Bắc mất hơn mười tiếng đồng hồ, đã đến được thành phố Hàng Châu được mệnh danh là “Trên có thiên đường, dưới có Tô, Hàng” (tức Tô Châu và Hàng Châu). Xa cách gần mười năm trời, ngoài lầu lớn của nhà ga là do người Nhật Bản xây dựng năm nào ra, bộ mặt của thành phố đã hoàn toàn đổi khác. Các nhà cao tầng mọc lên san sát trên đường ngựa xe như nước. Trên quảng trường tiếng trống vang trời, hoạt động bán hàng hóa hết sức sôi động. Các quảng cáo màu sắc sặc sỡ chỗ nào cũng có, khách du lịch đi lại đông đúc náo nhiệt như nước chảy không ngừng. Một khí thế thành phố dốc toàn lực hướng tới hiện đại hóa, bầu không khí thương trường đậm đà đang lao đến trước mặt, làm cho người ta rối mắt, lòng ham muốn bình thường bỗng nhiên hiện ra.

Tôi tự nhiên không chịu được luồng “hơi đồng” này, rẽ theo hướng bắc đi thẳng đến bờ Tây hồ. Nước Tây hồ ánh sáng trong vắt như đang dang rộng hai tay chào đón các du tử vô cùng mệt nhọc trong trần thế, những bóng cây lưa thưa ở giữa hồ cũng như đang vỗ về tâm hồn người ta bị lòng ham lợi nung nấu đến nỗi khó mà bút ra được.

Nhưng đi dạo theo ven hồ, những điều nghe và thấy vẫn không thể làm cho người ta nén được nỗi xúc động bùng lên trong lòng. Từng đôi, từng đôi nam thanh nữ tú dạo qua trên các lối nhỏ ven hồ, họ ôm nhau hôn nhau như chỗ không người. Chủ các thuyền nhỏ trong hồ đi mời chào, lôi kéo các du khách bên hồ như con thoi, tiếng ồn ào đòi giá và trả giá không ngớt bên tai. Trong các đình đài lầu các điểm xuyết bên đường chen chúc đầy người cắn hạt dưa, uống nước ăn bánh trái, cả đến gặm chân giò và đùi gà rán Kentucky, trên mặt đất ngổn ngang bừa bộn.

Một cảnh tượng phồn vinh thay, một cảnh huyên náo của thế tục, một mảnh đất phong thủy quý hiếm ra tiền!

Cảnh sắc của hồ và núi chống cự không nổi dục vọng của thế tục, chỉ có trở thành vật làm nền. Vẻ tĩnh mịch, phẳng lặng của hồ, vẻ đẹp của ánh trăng thu đọng lại trên hồ làm sao có thể chống lại tiếng gọi của cảnh tượng phồn hoa muôn màu nghìn vẻ và “tiếng oanh” thỏ thẻ?

Hầu như chỉ có nước Tây hồ, mặc dù chứa vô vàn chất bẩn và phế thải hiện ra màu xanh nhợt, nhưng vẫn không mất đi vẻ đẹp tự nhiên nhã nhặn trầm tĩnh của nó. Chúng tôi ngồi trên chiếc

ghế gỗ bên cạnh đèn trắng nhìn ra xa, nhưng chỉ thấy sương mù bao phủ dày đặc mịt mù, sóng vỗ dồn dập. Liều xanh bên hồ và hoa tươi điểm xuyết như cảnh tiên chốn nhân gian. Trong lòng tôi tự nhiên bật ra lời khen ngợi: Thật giống như một cô gái Tây hồ xinh đẹp dễ thương, nhã nhặn lịch sự, tình ý kín đáo lặng lẽ, cử chỉ rất đáng yêu.

Nhìn đến đây, nghĩ đến đây, chúng tôi hầu như tìm được một nơi tĩnh mịch trong thế tục huyên náo, mặc cho tâm trí thoát ra khỏi sự ràng buộc của thể xác ngao du thỏa thích.

“Toe, toe -”, tiếng còi inh tai nhức óc ở sau tôi bỗng kéo tâm trí trong du đăng tự do trở về với hiện thực. Quay người lại nhìn thấy phía trước chiếc xe Tallinken thân xe dài màu sơn đen bóng lộn, phía sau có các chiếc xe Benz và Shelpley hào nhoáng lóa mắt, thậm chí còn có cả những chiếc xe tắc-xi Hồng Kỳ chiều dài tăng hơn, xếp thành đoàn xe kéo dài. Phía trước nhất một chiếc Darlingken, trên nóc xe dựng hai búp bê trai gái mắt xanh tóc vàng, mình mặc bộ đồ cưới bằng lụa, trên thân các xe đi sau treo những bông hoa kết bằng giấy bạch kim thiếc đỏ lấp lánh và vàng ánh, trong xe ngoài đôi tân hôn, ngồi chật ních những chàng trai cô gái tưng bừng vui nhộn mặc đồ âu phục đi giày da hoặc ăn mặc quần áo lộng lẫy. Xe chạy rất chậm, vừa vì du khách đi lại như mắc cửi, chen chúc khó qua, càng vì phô trương, chỗ này bóp còi, chỗ kia bóp còi là để thu hút được sự chú ý của mọi người.

Không đầy một tiếng đồng hồ mà chúng tôi đã nhìn thấy sáu đoàn xe như thế, từ từ qua một cách vênh vang đắc ý, đều chạy đến khách sạn Lou WaiLou nổi tiếng vùng Giang Nam. Tâm trạng của người đời thích khoe khoang và lòng cầu mong vui vẻ nhộn nhịp, sơ qua có thể nhìn thấy ở đây. Tôi tự nhiên không nén nổi từ đáy lòng ngâm lên một bài thơ cổ:

*Sơn ngoại thanh sơn lâu ngoại lâu,
Tây hồ ca vũ kỷ thời hưu.
Huân phong xúy đắc du nhâm túy,
Trực bả Hàng Châu đương Biện Châu.*

Dịch ý:
*Lầu "Ngoại Lâu" bên thềm núi biếc,
Tiếng múa ca vang mãi Tây hồ.
Gió xuân thổi ngất say du khách,
Đã tưởng Hàng Châu tựa Biện Châu.*

Đã mấy trăm năm trôi qua, nhưng tình ấy cảnh ấy vẫn y nguyên, làm sao không khiến cho người ta cảm khái muôn phần?

Đoàn xe ầm ĩ huyên náo không ngừng chạy qua, nước hồ phẳng lặng hình như cũng vì nó mà rung lên, sự ồn ào của thế tục khiến cho tâm hồn con người khó yên ổn, thế giới này còn có nơi tĩnh mịch nào không?

Nhà thơ thời Minh, Vương Trĩ Đăng cũng có bài thơ nói:

*Hồ biên lục liễu ánh giang lan,
Nhật nhật tầm phương bích thủy loan.
Xuân mãn hảo hoài du ý lãn,*

*Oanh liêu ngâm hứng khách tình nhân.
Ba trung họa phảng tôn trung tửu,
Đê thượng hành nhân ngạn thượng sơn.
Vô hạn phong hoài phan nhất túy,
Túy khán vũ điệp nhiều hoa gian.*

Dịch ý:
*Liễu xanh bên hồ soi bóng nước,
Ngày ngày nhìn ngắm nước xanh lơ.
Xuân hết rồi du chơi cũng biếng,
Tiếng oanh kêu gọi khách du nhân.
Người vui trong rượu thuyền trong sóng,
Trên bờ lũ lượt người lên núi.
Gió quẩn làm cho như ngất say,
Say nhìn bướm múa cánh vờn hoa.*

Nghĩ lại năm ấy, bên bờ Tây hồ quang cảnh mênh mông, chỉ có một ít du khách lèo tèo giẫm chân lên những đám cỏ thơm tùy ý tham quan. Những chiếc thuyền trang trí lộng lẫy chạy trong hồ, không dấy lên sóng nhỏ. Chỉ có dăm ba “túy khách” uống rượu, mơ mơ màng màng nhìn, núi in bóng trong nước, nước chạy vòng quanh núi, những bóng liễu bên bờ càng tô thêm màu xanh của nước hồ...

Vẻ tĩnh mịch và diễm nhiên khiến du khách say lòng đó, người hiện đại biết đến đâu mà tìm?

15. Tìm nơi “tĩnh thổ” dưới ngọn núi “Fèi Lái”

Thế giới này ngày càng không trong sạch. Người hiện đại giành được đời sống chất lượng cao, lại làm cho trái đất này chất đầy rác rưởi và đồ phế thải. Người hiện đại có thể làm cho nhà ở của mình sạch sẽ khác thường, nhưng lại mắc kẹt nơi công cộng nước bẩn tràn trề, rác rưởi ngập đất, càng khó khăn phải nhắc đến ô nhiễm môi trường không khí, nước sông, hồ, biển biến chất. Ngày nay thật là trời không cao, không xanh, núi không xanh không rậm rạp um tùm, người không trong sạch không sáng khoái. Con người hiện đại đáng thương, họ đi đến đâu tìm được chốn tĩnh thổ đây? Tôi ngồi xe lửa đến Hàng Châu, hy vọng tìm được một nơi “tĩnh thổ”.

Đường phố Hàng Châu vô cùng sạch sẽ, nhưng dòng người và dòng xe cộ như nước chảy không ngừng hầu như không hề để ý đến. Người ta vừa đi vừa vứt xuống vô số giấy gói đồ ăn, đủ mọi loại hộp và túi nilông. Xe lớn xe nhỏ phun khói xả vào bầu không khí và dòng người qua lại một cách trắng trợn, nếu như không có các triền núi nổi lên liên miên xung quanh bốn phía và Tây hồ Hàng Châu rộng lớn thì những khí bẩn và vô số rác rưởi này làm sao có thể chịu đựng nổi?

Nước Tây hồ, dưới làn gió nhẹ thổi gợn lên những làn sóng lăn tăn, một luồng khí tanh của nước tràn ngập cả không gian, nước hiện màu xanh, thỉnh thoảng có thể phát hiện thấy những con cá chết phơi bụng trắng đang lật đi lật lại, đủ mọi các loại vỏ đồ hộp và túi đựng thực phẩm ở trong nước cũng lắc lư theo gió, mặc dù những người công nhân vớt bên này, vớt bên kia luôn, vẫn đành chịu đối với sự xuất hiện của nó.

Tôi rất cuộc nên đi đến nơi nào để tìm chốn “tịnh thổ”? Đương nhiên vẫn phải đi đến Linh ẩn, đó là một chốn “tịnh thổ” của Phật giáo.

Đánh xe chạy về phía Tây, trong các triền núi nhấp nhô xuất hiện một bãi đỗ xe lớn. Dòng người như triều dâng, tiếng xe hết trận này đến trận khác, du khách kết thành từng đoàn, dưới sự dẫn dắt của các hướng dẫn viên du lịch có mang theo cả loa, từng đoàn từng đoàn đi vào. Các du khách như ong vỡ tổ bay đi khắp trời, phía ngoài bức tường bao to, cao bỗng nhiên treo một tờ thông báo, ở trên viết:

Giá vé vào cửa: 7 đồng.
Giá vé xem trang phục thời xưa của Trung Quốc: 1 đồng.
Giá vé xem triển lãm tạo hình hang Long Môn: 1 đồng.
Vé bảo hiểm: 1 đồng.
Tổng cộng: 10 đồng.

Trước cửa bán vé xếp một hàng dài, tôi đưa một tờ bạc 10 đồng, nhưng nói rõ là không xem triển lãm nào cả, chỉ đi, ý muốn nói là chỉ muốn mua vé 8 đồng thôi. Cô bán vé không ngần ngại liền quăng tờ bạc 10 đồng ra và nói: “Không xem các chỗ khác, thì thôi đừng vào nữa!”

Giọng nói lạnh lùng, hắc xì dầu đến nỗi làm cho bạn không thể nói được điều gì hơn. Du khách ở phía sau la ầm lên: “Làm sao? Nhanh lên!”. Tôi chẳng còn biết làm sao được đành phải đổi sang một cửa bán vé khác, không dám nêu lên yêu cầu gì nữa, mua được một chiếc vé giá 10 đồng, đi vào cửa Linh ẩn. Sau đó mới phát hiện ra, đây chỉ mới là đi vào cửa đầu tiên, vào chùa Thiền Linh ẩn còn phải chi thêm 8 đồng nữa để mua chiếc vé thứ hai.

Chùa Linh ẩn bắt đầu xây dựng vào năm Hàm Hòa thời Đông Tấn, nghe nói có một Thiền sư người Ấn Độ là Cao tăng Tuệ Lý vân du (ngao du) đến đây, trèo lên ngọn Fèi Lái nhìn thấy cảnh đẹp của hình dáng núi non, cây cối rậm rạp xanh tươi, ngẩn ngơ trong lòng, buột miệng nói: “Đây là ngọn núi nhỏ thuộc dãy núi Linh Tụ nước Trung Thiên trúc (Ấn Độ) không biết vì sao bay đến, hang tiên Linh ẩn, nay đã khô phục nó chưa?” Núi quê hương của đức Phật tổ Thích Ca Mâu Ni, bay thẳng hơn một vạn dặm trên tầng mây đến bờ Tây hồ rơi xuống tạo nên ngọn Fèi Lái (Bay đến) nhỏ nhắn xinh xắn, sao không khiến cho vị Thiền sư này yêu nó, quý trọng nó, lưu luyến với nó được? Cho nên tạm thời dừng lại dựng am để ở và gọi là Linh ẩn.

Đi vào được cửa núi, quả nhiên thấy một nơi “tịnh thổ” của đất Phật, trong lòng tôi vui sướng, dồn hết sức thở ra hết luồng khí vẫn đục đã phải chịu khi vào cửa, tinh thần cảm thấy khoan khoái nhẹ nhàng. Nhưng thấy các rặng núi vây quanh, cây cối xanh tốt, đá núi lởm chởm, tượng Phật khắp nơi. Trong ngọn Fèi Lái có vô số hang động, trên vách dốc đứng bị khói hương năm

này qua năm khác xông một màu xanh đen. Lối đi trong động chịu hàng ngàn hàng vạn du khách giẫm lên, bằng phẳng nhẵn bóng, khi dịch bước phải hết sức cẩn thận. Đủ mọi loại tượng đá của Phật, Bồ Tát và La Hán đều có hết. Mọi người đều trèo lên, tới tấp sờ vào tay hoặc đầu gối của tượng Phật. Tôi có điều khó hiểu, du khách đứng bên cạnh giải thích rất nhiệt tình rằng sờ vào các bộ phận đó sẽ có thể phát tài lớn.

Tôi không khỏi ngạc nhiên. Nghĩ tới hơn hai ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni, về già có thể khoe với thiên hạ, về sang là Thái tử của một nước, đã không do dự vứt bỏ tất cả mọi vương vít của thế tục, từ biệt vợ đẹp con thơ, đi vào rừng sâu kiên trì tu luyện, dốc lòng đi tìm phương pháp và con đường giải thoát mọi nỗi khổ của sinh, lão, bệnh, tử. Tu hành gian khổ sáu năm, không thu hoạch được một chút gì. Cuối cùng, dưới gốc một cây bồ đề tốt tươi thề rằng: “Tôi nay không chứng tỏ được “đại giác” trên trời, thà có thể để cho thân này tan nát, cuối cùng không ngồi dậy được”. Bảy ngày bảy đêm, khi ánh ban mai mới hiện ra, rốt cuộc ông đã hoàn toàn thông suốt, hoàn toàn giác ngộ, đã trở thành Phật tổ.

Phật tổ kết quả hiểu ra được những điều gì? Nói chung cho rằng là cái gọi là “Tứ đế”. “Đế” có nghĩa là chân lý, Phật tổ cho rằng, trong thế gian tràn ngập hiện tượng thật của mọi đau khổ, đó là thực tế, cho nên gọi nó là “Khổ đế”.

Người ta sinh ra đã chịu khổ, lớn lên thì khổ cực, già thì buồn khổ, chết là khổ nhất. Vậy thì đời người lúc nào không khổ? Chỗ nào không khổ? Bể khổ mênh mang, đâu là bờ?

Phật giáo cho rằng, nguyên nhân đời người khổ hết chỗ nói là con người có thể xác, có tinh thần. Thể xác làm cho con người tràn ngập đủ mọi dục vọng vật chất, còn tinh thần làm cho con người tham lam hưởng thụ. Cho nên, tai nạn hiện thực của con người cũng thế, mọi phiền muộn, lo sợ, lao tâm cực độ về tinh thần cũng thế, thậm chí cả giết chóc tàn khốc, sống chết thay nhau trong nhân gian cũng thế, đều là vì nguyên nhân con người có thân mình.

Đây thật là cách nhìn của “đại triệt đại ngộ” (hoàn toàn thông suốt, hoàn toàn giác ngộ), thử nghĩ xem: Không có thân thể đâu có có dục vọng (ham muốn), không có dục vọng đâu có khổ? Không có khổ chẳng phải đã giải thoát ư? Nhưng người ta làm sao có thể không có dục vọng được? Làm sao có thể không có thân thể được?

Sự tồn tại của thân thể biểu hiện thành các loại ham muốn vật chất hùng hực, do đó muốn làm tiêu tan và bóp chết dục vọng của con người thì bước đầu tiên là tập phép Phật. Cho nên, người ta nếu như muốn bước vào cửa Phật, việc đầu tiên phải làm sẽ là “thụ giới” (chịu giới luật). Không nên cho rằng đây chỉ là một nghi thức cạo đầu, ý nghĩa chân thực của nó là từ đây chừa bỏ “thất tình lục dục” của con người, như có cái gọi là “Ngũ giới”: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói xằng bậy, không uống rượu. Cộng thêm với “không bôi dầu thơm lên người”, “không nghe nhìn ca múa”, “không nằm giường lớn sang trọng” là “Bát giới”, lại cộng thêm “không ăn không có giờ giấc, đó là “Cửu giới”, lại còn có “không nhặt vàng bạc của quý” sẽ thành “Thập giới” - Luật tôn giáo trong lịch sử Trung Quốc lại nêu lên “Tăng giới” của nam giới, nhiều thì vô kể, ít thì ba ngàn điều ra oai cho sợ, sáu vạn việc nhỏ nhặt trong sinh hoạt, giới hạn thấp nhất cũng có thể phân thành 250 điều răn. “Ni giới” của nữ giới, nhiều thì

cũng vô kể, lùi xuống một bước xét, có tám vạn điều ra oai cho sợ, mười hai vạn việc nhỏ nhặt trong sinh hoạt, ít nhất cũng có thể chia ra thành 380 điều răn v.v...

Những điều răn (giới) phiền phức như thế, mục đích đều ở chỗ bóp chết hết tất cả mọi dục vọng của đời người, sau khi tất cả mọi suy nghĩ hành vi, theo đuổi khát vọng, giành được hưởng thụ của đời người đều chừa hết, con người còn là gì nữa? Chỉ là một người chết!

Nội dung của cái sống đã chừa bỏ tất cả, thì cái sống sẽ chỉ có thể thay đổi mà trở thành chết. Nhưng mà cái chết này không gọi là chết mà được gọi là vào cõi Niết bàn.

Người ta vứt bỏ “bao da thối” đi, sẽ nhảy ra khỏi Ngũ hành, tránh được cái khổ luân hồi đến sống ở thế giới cực lạc phương Tây, hưởng thụ hạnh phúc vĩnh hằng. Cho nên cái gọi là “tịnh thổ” của Phật giáo, không những chỉ sự trong sạch mát mẻ của hoàn cảnh, mà còn chỉ không có một chút xâm nhiễm và vết bẩn của sự ham muốn vật chất, tiền tài và quyền thế của nhân gian. Nhưng đến được Linh ẩn, nơi đất Phật này ngược trông bốn bề đều là từng tốp từng tốp người cầu tài, cầu vận may, cầu con cái, cầu thăng quan tiến chức và cầu phúc, sao không cảm khái mà than thở được?

Trông thấy chỗ đầu gối tượng Phật bị những người cầu tài sờ vào đến mức bóng loáng, tôi ngậm than thở: lòng người không ngay thẳng, chỗ mà Phật giáo mong tiết dục nhất chính trở thành chỗ người ta mong cầu ham muốn nhất, thế gian còn có chỗ “tịnh thổ” không?

Hứng thú chui vào hang động của tôi không cầm nổi, tôi liền quay người men theo lối nhỏ trong núi trèo lên. Nhưng nhìn thấy rằng cây mọc lên trong núi đá kỳ lạ, những cây cổ thụ cao chót vót, từ trong kẽ nứt lớn thò ra những dây leo to như thùng nước, cong queo quấn trên các cây to, cảnh tượng hùng vĩ, càng nghĩ càng thấm thía. Những con chim nhỏ không rõ tên nhảy nhót trong rừng, mùi lá mục và không khí ẩm thấp trong rừng tỏa ra xung quanh, đôi khi vẫn có thể ngửi thấy mùi thơm của các loại hoa rừng. ở trong núi tĩnh thoả có vài du khách đang dạo bước, tình huống này so với đoàn người như nước triều trên các đường lớn và trong hang động có sự tương phản rõ ràng, càng hiện rõ sự tĩnh mịch và trong sạch trong rừng. Trên ngọn núi Fèi Lái đứng sừng sững đơn độc này, tôi hầu như tìm được một nơi “tịnh thổ” của nhân gian, tự nhiên từ trong đáy lòng tỏ ra khâm phục đối với Thiền sư Tuệ Lý, vị cao tăng Ấn Độ đó.

Núi không cao lắm, một lát đã leo đến đỉnh núi, tôi ngồi trên một dây leo to ngoằn ngoèo như rồng rắn, nghỉ một lát, hít thở sâu không khí ngọt ngào trong rừng, tâm hồn thanh thoi, toàn thân khoan khoái.

Bỗng nhiên, tôi phát hiện ở phía trước có một cây, trên thân cây có từng vòng, từng vòng màu trắng bạc. Hết sức kỳ lạ, tôi dùng tay nhắc kính ra lau chùi sạch sẽ rồi lại đeo vào nhìn lại, quả không sai, tôi liền đi đến gần để quan sát tỉ mỉ.

Tôi sững sờ hết cả người. Khắp thân cây có khoảng mấy ngàn đồng tiền làm bằng kim loại bị

người ta dùng những hòn đá gõ rồi khảm vào. Vòng ngoài của những đồng tiền kim loại màu bạc bị đập bẹp, lật ra ánh màu xỉn xấu, một bên khác thì cắm sâu vào trong thân cây, dùng tay nhổ ra không hề lung lay tí nào. Lại nhìn sang phía bên cạnh, từng cây từng cây một, từng sợi từng sợi dây leo một, đều là từng vòng, từng vòng màu trắng bạc, trở thành rừng “cây tiền” đúng với tên của nó!

Cảm giác “tịnh thổ”, trong phút chốc bị phá vỡ tan tành. Những cây to đáng thương này sống lặng lẽ, hiển dăng một cách vô tư bóng cây xanh và không khí tươi mát trong lành cho nhân gian, làm cho người ta vui mắt vui tai, lại nhận được sự đền đáp thương tích đầy mình. Tôi không nén nổi than thở: Những cây này có tội gì mà bị tai họa lớn này?

Song nghĩ kỹ lại một chút cũng dễ hiểu. Người ta lễ Phật cầu tài ở trong hang động, ý vẫn còn chưa hết, lại leo lên đỉnh núi Phật được xem như rất linh thiêng này, đóng lên trên thân cây mấy đồng tiền kim loại cầu xin đức Phật pháp lực vô biên rủ lòng từ bi rơi xuống những trận mưa tiền để thỏa mãn lòng ham muốn suốt đời.

Đứng trông những “cây tiền” bốn bề xung quanh, tôi cảm thấy buồn cười, trong lòng buồn bã, thế gian rộng lớn mênh mông đi tìm chốn “tịnh thổ” ở nơi nào?

Chương Bảy

Nhân sinh học và tinh thần nhân sinh

Chương này là phụ lục, về nội dung khác với những chương trước, chủ yếu là từ lý thuyết giải thích vấn đề nhân sinh. Sau khi tiếp nhận hàng loạt những vấn đề nhân sinh tượng trưng cụ thể của lịch sử và hiện thực, bạn đọc cần suy ngẫm sâu thêm một số vấn đề có tính lý luận có liên quan với nhân sinh, điều đó có thể mở rộng tầm nhìn, mở mang chí khí, vượt lên giới hạn mới của đời người.

Chương này bàn ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu nhân sinh học trước mắt của Trung Quốc, nêu lên mấy vấn đề nhân sinh học Trung Quốc cần phải giải quyết, đồng thời chỉ ra con đường phát triển của nhân sinh học Trung Quốc. Đương nhiên, đây đều là hiểu biết nông cạn của tác giả, bạn đọc cũng có thể sau khi đọc đưa ra phán đoán của mình đối với những vấn đề này, nêu lên cách nhìn của mình. Chương này cũng tiến hành giải thích có tính khái quát đối với năm vấn đề lớn trong quá trình đời người, hy vọng có thể cung cấp cho bạn đọc một số gợi ý bổ ích.

Cuối cùng, chương này còn chuyên giới thiệu và nhận xét đối với ý tưởng nhân sinh, theo đuổi nhân sinh và con đường nhân sinh của Văn Thiên Tường, hy vọng bạn đọc có thể thu nhận được từ trong đó những điều có ích.

Mỗi người đều có sinh mệnh, đều phải sinh tồn và sinh hoạt, đều nên có cuộc đời vẻ vang của

mình. Nhưng chỉ có những người có thể thường xuyên xét lại sinh mệnh và sinh hoạt của mình, khiêm tốn học hỏi các nhà triết học bậc thầy xưa và nay, trong và ngoài nước và thu nhận được gợi ý thực tế, mới có thể mong đạt được mục tiêu này, đồng thời vượt qua được những trắc trở và khó khăn trong cuộc đời, giành được hạnh phúc và cuộc sống suôn sẻ.

I - Suy nghĩ về mấy vấn đề trong nghiên cứu nhân sinh học Trung Quốc

1. Ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu nhân sinh học Trung Quốc hiện nay

Từ cuối thế kỷ 20 đến thế kỷ 21, do Trung Quốc sẽ lấy việc xây dựng và kiện toàn cơ chế thị trường làm hạt nhân vận hành toàn xã hội, do đó nằm trong một thời kỳ chuyển đổi lớn. Bối cảnh lịch sử này tất nhiên làm cho tính quan trọng của việc nghiên cứu nhân sinh học của Trung Quốc nổi bật lên, đồng thời làm cho nó trở thành môn “hiển học” trong nghiên cứu khoa học xã hội toàn Trung Quốc.

Nói cụ thể là có ba nguyên nhân:

Trước nhất là nhân sinh quan và mô thức nhân sinh truyền thống làm như mấy ngàn năm xưa của Trung Quốc cơ bản đã mất, mà nhân sinh quan và mô thức nhân sinh đã từng chiếm địa vị chủ đạo của Trung Quốc đương đại lại bị thách thức nghiêm trọng. Trong lịch sử phát triển lâu dài của Trung Quốc, đã từng xuất hiện nhân sinh quan truyền thống lấy giá trị quan của Nho gia làm hạt nhân, trên cơ sở làm nổi bật của nhiều nhân sinh quan các nhánh khác, nó đã chiếm địa vị thống trị hơn hai ngàn năm. Loại nhân sinh quan này lấy luân lý làm hạt nhân, lấy việc thành “Thánh”, thành “Hiền” làm mục tiêu, lấy việc thực hành đạo đức làm nội dung của đời người, đối với người Trung Quốc trong hiện thực để xét, nó có tính cuốn hút rất lớn, trở thành nhân sinh quan và mô thức nhân sinh người ta tin phục và tuân theo hàng trăm hàng ngàn năm trở lại đây.

Bắt đầu từ thời cận đại, loại nhân sinh quan này lại bị thách thức nghiêm trọng: năm 1840, nó bị sự phê phán của vũ khí phương Tây. Phong trào “Ngũ Tứ” năm 1919, nó lại bị phê phán có tính trí tuệ của tầng lớp trí thức Trung Quốc sau khi tự kiểm điểm lại mình một cách lý tính. Năm 1968 nó lại một lần nữa bị phê phán “phi lý tính” của việc “phá bỏ bốn cái cũ”, “phê phán Lâm Bưu phê phán Khổng Tử”, cộng thêm với việc phổ cập chữ Hán viết đơn giản hóa, việc đọc sách cổ dần dần trở thành việc của các chuyên gia mới có thể làm được. Trong đủ mọi tình huống khiến cho nhân sinh quan truyền thống Trung Quốc đã mất đi địa vị chủ đạo trong xã hội Trung Quốc hiện tại, cũng mất đi giá trị chỉ đạo đời sống của mọi người, trong giáo dục luân lý của gia đình nó vẫn lơ mờ có một chút hình bóng, nhưng trong đời sống hiện thực, đại

đa số người Trung Quốc đã rất xa lạ đối với nó. Loại nhân sinh quan thứ hai đã từng chiếm địa vị chủ đạo trong xã hội Trung Quốc là nhân sinh quan và mô thức nhân sinh của Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy chủ nghĩa cộng sản làm hạt nhân xây dựng nên, qua phong trào cải cách ruộng đất, loại nhân sinh quan này nhanh chóng chinh phục được dân chúng Trung Quốc. Qua chiến tranh “Chống Mỹ viện Triều”, Trung Quốc đã làm thay đổi địa vị đã từng bị các nước mạnh ức hiếp hàng trăm năm, từ đó làm cho nhân sĩ tầng lớp trí thức Trung Quốc tiếp nhận nhân sinh quan này. Nhưng cuộc “Đại cách mạng văn hóa” đến đã tạo nên sự phá hoại tương đối lớn đối với nó, còn sau cải cách mở cửa năm 1978; trào lưu tư tưởng bên ngoài tới và nhân sinh quan “đa cực hóa” của phương Tây ủa vào ồ ạt, đối với nó cũng tạo nên xung đột. Trong xã hội Trung Quốc ngày nay, nhân sinh quan và mô thức nhân sinh lấy chủ nghĩa cộng sản (thực tế tức “tinh thần Lô Phong” và tinh thần toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân) làm hạt nhân ngày càng ý thức hình thái hóa, nền nếp và sức cuốn hút của nó đang giảm xuống một cách nguy hiểm.

Thứ đến là, trước mắt Trung Quốc đang ở trong thời kỳ chuyển dịch xã hội lớn, từ cơ chế kinh tế kế hoạch chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường, việc phân phối tài nguyên sẽ chủ yếu do cơ chế thị trường điều tiết, việc này ắt sẽ dẫn đến phát triển hình thức sở hữu đa cực hóa, dẫn đến tăng cường ý thức chủ thể của con người, cũng ắt sẽ làm cho lĩnh vực và phương thức sinh hoạt của con người đa dạng hóa, trên thực tế mỗi một người Trung Quốc đều đứng trước vấn đề chuyển đổi và xây dựng lại nhân sinh quan. Tình hình khách quan này sẽ thúc đẩy rất mạnh mẽ sự phát triển của việc nghiên cứu nhân sinh học Trung Quốc.

Thứ ba là theo hiện trạng của việc nghiên cứu nhân sinh học Trung Quốc trước mắt để xét, nó đã lạc hậu quá nhiều với sự phát triển của hiện thực xã hội, lạc hậu quá nhiều với thực tiễn sinh hoạt của mọi người. Đây không chỉ do việc thảo luận nghiên cứu nhân sinh học của Trung Quốc bị nhiễu loạn của nhân tố phi học thuật lâu dài, tính khoa học của nó không được làm nổi bật, do đó cả một thời gian dài chưa thể trở thành một môn khoa học độc lập. Càng vì hiện nay người nghiên cứu nhân sinh học ở Trung Quốc phần nhiều là người “chuyển ngành”, thiếu sự đào tạo về xã hội học có hệ thống, thiếu sự chuẩn bị kiến thức về các mặt như văn hóa nhân loại học, hành vi học, tâm lý học. Trạng thái lạc hậu của việc xây dựng khoa học cố nhiên làm cho người ta lo lắng, nhưng việc đó lại là thời cơ và dịp phát triển khoa học nhanh chóng. Chỉ cần những nhà nghiên cứu nhân sinh học Trung Quốc nhìn thẳng vào thiếu sót, cố gắng phấn đấu, hình thành hợp lực, sẽ có thể đón được thời kỳ phát triển lớn của nhân sinh học Trung Quốc. Đặc biệt là tính chất khoa học của nhân sinh học quyết định nó vừa có tính lý luận rất mạnh, lại có tính hiện thực và tính thao tác rất mạnh, vì vậy sự phát triển của nó chắc chắn sẽ được sự chú ý và hoan nghênh của nhân sĩ các tầng lớp xã hội.

2. Nhân sinh học Trung Quốc muốn phát triển lành mạnh phải giải quyết tốt năm vấn đề

Một là vấn đề quan hệ của nhân sinh quan với nguyên tắc luân lý đạo đức. Hai là vấn đề quan hệ của nhân sinh quan với hình thái ý thức chính trị. Cần phải nhìn thấy, sinh hoạt luân lý và sinh hoạt chính trị là bộ phận tạo thành quan trọng của đời người, chúng thường tạo thành nội dung đời người chủ yếu của một người, đồng thời hao phí phần lớn thời gian sinh tồn của người ta; nhưng, chúng ta đồng thời phải ý thức được một cách sáng suốt rằng, sinh hoạt luân lý và sinh hoạt chính trị chỉ là bộ phận tạo thành mà không phải toàn bộ của đời người, chỉ là bộ phận quan trọng trong đời sống của một bộ phận người mà không phải là bộ phận quan trọng trong đời sống của tất cả mọi người. Chỉ là bộ phận quan trọng trong thời hạn sinh mệnh đặc biệt của một bộ phận người mà không phải là bộ phận quan trọng của tất cả mọi người đều phải chuyên tâm trong một đời. Về điểm này, chúng ta đã từng có bài học kinh nghiệm quan trọng. Như trong những năm 50 và 60, con người được xem là “người luân lý”, tất cả mọi cái của đời người đều lấy nguyên tắc của luân lý để bồi bổ thêm, sinh hoạt của con người hoàn toàn đạo đức hóa, kết quả là nội dung của đời người khô khan nghèo nàn, tính phong phú của đời người bị chèn ép và bóp méo. Mà trong thời kỳ cách mạng văn hóa mô thức nhân sinh của chính trị bao trùm lên tất cả, con người sa vào “người chính trị”, một đời người hầu như đều tràn ngập hoạt động chính trị, vì mục đích chính trị, 800 triệu nhân dân đều là nhà chính trị. Việc này tương tự cũng chèn ép các nội dung phong phú khác của đời người, việc bóp méo đời người cũng do đó đạt đến mức độ khủng khiếp.

Do vậy, chúng ta cần phải phân biệt riêng sinh hoạt chính trị, sinh hoạt luân lý và đời người, cho dù đời người có thể có tính chính trị, có tính luân lý, nhưng chính trị hay luân lý chỉ là bộ phận tạo thành của đời người chứ không phải tất cả, đời người có nội dung phong phú rộng lớn, không thể dùng chính trị hoặc luân lý để che lấp toàn bộ đời người. Xử lý tốt những quan hệ này, nhân sinh học tự nhiên sẽ từ chỗ bám vào luân lý học trong cả một thời gian dài trước kia nay tách ra độc lập để thật sự trở thành một môn khoa học riêng biệt, đồng thời đạt được sự phát triển cần có.

Thứ ba là vấn đề quan hệ của nhân sinh quan với nhân tử quan. Người Trung Quốc chịu giới hạn của tâm trạng truyền thống, thường không muốn đối mặt với tử vong, không muốn suy nghĩ đến tử vong, dù là khi có việc tử vong lớn giáng xuống, cũng phải sắp xếp các việc như dùng pháo, tiệc rượu, “bạch hỷ sự” để làm loãng bầu không khí của việc chết. Người thầy vĩ đại của Nho gia Khổng Tử lại có lời dạy rõ ràng lưu truyền nghìn xưa: Vị tri sinh, yên tri tử (không biết sống, sao biết chết) chọn thái độ tồn tại nhưng không bàn đối với việc chết. Nhưng về thực chất, sống chết là định nghĩa lẫn nhau, không có sống thì không có chết, không có chết cũng không có sống. Người ta chỉ có nhìn thẳng vào chết, suy nghĩ về chết, luôn luôn cảm nhận chết, mới có thể thật sự đối diện với sống, hiểu rõ sống và sống tốt hơn. Do đó, một người có nhân tử quan đúng đắn mới có thể xây dựng nên nhân sinh quan hoàn chỉnh; thiếu mất nhân tử quan thì không thể có nhân sinh quan chân chính, toàn diện. Từ việc kiến tạo khoa học để xét, việc phát triển mạnh nhân sinh học Trung Quốc cần phải xây dựng trên nền tảng phát triển của nhân tử quan, bằng không thì tính hoàn thiện và tính hữu hiệu của khoa học đều sẽ chịu tổn hại rất lớn.

Thứ tư là vấn đề “chân không” của nhân sinh quan và “rừng rậm” của nhân sinh quan cùng tồn tại song song.

Trong xã hội Trung Quốc hiện nay có nhiều người lấy “Vô nhân sinh quan” (không cần có nhân sinh quan) làm nhân sinh quan của mình, theo đuổi thứ triết học của đời sống như sống thỏa thích đến chết, đi theo cảm giác, tự nhiên lịch sự một phen, tôi đem tuổi thanh xuân đánh cuộc với ngày mai, thứ tồn tại thực tế này có thể gọi nó là “chân không của nhân sinh quan”. ở tình huống khác là xã hội Trung Quốc đang ở trong thời đại thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa, mọi người không những chỉ có ý thức trước hiện đại, cũng có ý thức hiện đại. Còn có ý thức sau hiện đại, cộng thêm việc tuôn vào và khuấy động của các trào lưu tư tưởng phương Tây và đa cực hóa của phương thức sống hiện ra, đã khiến cho mỗi một con người hầu như rất bé nhỏ, thường nổ ra xung đột thế này thế kia. Tình trạng này có thể gọi nó là “rừng rậm của nhân sinh quan”. Hai hiện tượng mâu thuẫn đồng thời tồn tại song song trong xã hội Trung Quốc, tạo nên đề tài lớn quan trọng của nhân sinh học Trung Quốc cần đi sâu vào nghiên cứu và giải quyết. Trên thực tế xã hội phải phát triển lành mạnh, người ta muốn giành được cuộc sống hạnh phúc cũng cần phải giải quyết vấn đề quan trọng lớn này.

Thứ năm là vấn đề quan hệ của mặt có tính lý luận với mặt thực dụng hóa của việc nghiên cứu nhân sinh học.

Việc nghiên cứu có hệ thống của nhân sinh học Trung Quốc bắt đầu hơi muộn, nhiệm vụ ở phía trước lại nặng nề như thế, đương nhiên phải coi trọng việc thảo luận nghiên cứu và xây dựng về mặt lý luận, nhưng đồng thời lại phải gắn chặt với đời sống hiện thực, giải đáp hàng loạt vấn đề nhân sinh nêu lên trong quá trình sinh hoạt của mọi người. Nhân sinh học nếu như không chỉ đạo người ta xử lý như thế nào các vấn đề của đời sống, thì giá trị tồn tại của nó sẽ rất đáng nghi ngờ. Do vậy, nhân sinh học phải nghiên cứu vấn đề “thiết kế cuộc đời”, chỉ đạo người ta nhận rõ tố chất bẩm sinh của mình (như trí thông minh, hứng thú, tính tình) và điều kiện sau khi sinh (như giáo dục, gia đình, hoàn cảnh), từ đó thiết kế cho mình tương lai nên đi theo con đường nào, nên phát triển mình như thế nào, ở lĩnh vực nào mới có thể thực hiện tốt nhất lý tưởng của mình, thi thố tài năng của mình. Nghiên cứu nhân sinh học còn cần phải phát triển khoa học “Nhân sinh chẩn đoán học”, nó giúp người ta nhìn thẳng vào những trắc trở trên đường đời, hóa giải mọi phiền não, sốt ruột, lúng túng và cả đau khổ, lo âu và thất vọng. Nhiệm vụ của nó còn ở chỗ làm tiêu tan nỗi khó xử của đời người, uốn nắn đời người thuộc dạng bệnh trạng, để làm cho người ta có thể vượt qua mọi trở ngại của đời người giành được cuộc đời hạnh phúc.

3. Đối mặt với vấn đề nhân sinh phức tạp: Con đường phát triển nhân sinh học Trung Quốc

Là một môn khoa học độc lập, nhân sinh học Trung Quốc còn tương đối non trẻ. Là môn khoa học được sinh ra từ trong xã hội chuyển đổi, nhân sinh học Trung Quốc lại gánh vác nhiệm vụ tương đối gian khó, đứng trước thách thức của mọi vấn đề nhân sinh phức tạp mỗi người một ý kiến. Trong bối cảnh này nhân sinh học Trung Quốc rút cuộc nên phát triển như thế nào?

Trước tiên phải coi trọng tài nguyên quý báu có liên quan vấn đề nhân sinh trong nền văn hóa truyền thống của Trung Quốc có lịch sử lâu đời nội dung phong phú nhiều màu sắc, dân tộc Trung Hoa lại lấy việc làm thực tế, chú trọng cuộc sống hiện tại do đó nổi tiếng với đời, lịch sử mấy ngàn năm đã tích trữ, tích lũy được những tư liệu tư tưởng nhân sinh, thực tiễn nhân sinh tương đối phong phú. Đây là một kho báu to lớn cần được những người làm công tác về nhân sinh học Trung Quốc khai thác, chỉnh lý và giải thích đến nơi đến chốn, để cung cấp những trí tuệ tuyệt vời cho người Trung Quốc hiện đại và cả các dân tộc trên thế giới suy nghĩ và giải quyết mọi vấn đề nhân sinh.

Ví như về vấn đề mô thức nhân sinh (kiểu mẫu đời người) trong nguồn tư liệu văn hóa truyền thống của Trung Quốc sẽ có thể xem xét kỹ để phân chia thành 6 loại:

Một là “đạo đức nhân sinh” (mẫu đời đạo đức) lấy tư tưởng Nho gia làm cơ sở, cho rằng một đời của con người nên lấy việc nâng cao giới hạn đạo đức của mình và chăm chú miệt mài thực hiện đạo đức làm toàn bộ nội dung, bắt đầu từ “tu thân” đến “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” sẽ là con đường đời người ta phải đi qua. Đối mặt với tử vong, người ta cũng nên từ ba thái độ bất hủ “lập đức, lập công, lập ngôn” để đối xử với nó, thực hiện được vì lý tưởng đạo đức, nguyên tắc của đạo đức mà dũng cảm hiến dâng mình, đó gọi là “sát thân thành nhân” (bỏ mình cho vẹn điều nhân), “xả thân thủ nghĩa” (chịu chết cho trọn điều nghĩa).

Hai là “Chính trị nhân sinh” (mẫu đời chính trị) lấy việc làm chính trị để thực hiện mục tiêu chính trị nào đó làm toàn bộ nội dung của đời người, chủ yếu lấy tư tưởng pháp gia làm cơ sở. Cho rằng con đường làm quan mặc dù là hiểm ác, quan trường tuy bẩn thỉu, nhưng quyền lực to lớn, chỗ ngồi làm cho người đời sợ hãi vẫn đáng để người ta giành lấy. Vì vinh hoa phú quý, vì thăng quan tiến chức trên hàng vạn người, người ta có thể lấy sinh mệnh ra để đặt cược. Những người tin phục mô thức nhân sinh này, có nhiệt tình chính trị cao, chính trị có nghĩa là sinh mệnh, tất cả mọi suy nghĩ, tất cả mọi điều mừng giận buồn vui của đời người và cả mọi hạnh phúc và đau khổ của đời người không có cái gì không triển khai xoay quanh chính trị.

Ba là “tiêu dao nhân sinh”, chủ yếu lấy tư tưởng Đạo gia làm cơ sở. Trong lịch sử có nhiều người nhìn thấu hồng trần, người vào đời gặp trắc trở, thường thường quay ra gửi gắm tình cảm vào nơi núi sông, hướng tới một cuộc sống không bị ràng buộc, thoát khỏi tất cả mọi ồn ào và phiền não của thế gian, chuyên tâm hun đúc tinh thần, tính tình và tình cảm trở về với chân thực mộc mạc, đây là môn học sinh tồn của những người ranh giới đời người tương đối cao. Trong lịch sử còn có nhiều người hoặc thất bại trong khoa trường, quan trường hoặc phá sản trong sòng bạc, trên thương trường, hoặc ngã lòng trong yêu đương giữa trai gái, thế là cũng tuyên bố nhìn thấu hồng trần, đời quay về với thanh vắng, khát vọng thoát khỏi sự ràng

buộc của việc đời, sống một cuộc sống tự do tự tại không gò bó, không tranh giành với ai.

Bốn là “hiệp nghĩa nhân sinh”, chủ yếu lấy tư tưởng của Mặc gia thời xưa làm cơ sở, là kiểu mẫu đời của những võ sĩ, hiệp khách và các nghĩa sĩ theo đuổi. Họ chỉ cần trông thấy bất bình trên đường, liền muốn rút dao giúp đỡ, vì chủ nhân (người chủ), ân nhân có thể đầu rơi máu chảy, nhảy vào chỗ chết không sòn. Trong cuộc sống, họ giúp kẻ yếu kiềm chế kẻ mạnh, can thiệp vào những việc bất bằng, cướp của kẻ giàu cứu người nghèo. Nhận định chuẩn mực “nghĩa” nào đó cao hơn giá trị tồn tại của sinh mệnh, vì vậy có thể khảng khái lao vào chỗ chết.

Năm là “tôn giáo nhân sinh” lấy tư tưởng Phật giáo làm cơ sở. Người thực hiện kiểu mẫu đời này, đều xem tất cả mọi sinh hoạt của kiếp này là cái nghiệp của kiếp trước, trong đời người lấy việc sùng bái tượng gỗ làm nội dung chủ yếu, bằng lòng vì hạnh phúc của kiếp sau vứt bỏ mọi hưởng thụ của kiếp này nên đi tới rừng sâu núi thẳm cần cù tu luyện làm điều thiện tích đức, dùng giới luật nghiêm khắc kiềm chế thậm chí triệt hết tất cả mọi ham muốn đời người của mình, cuối cùng lấy cái chết của thể tục để thực hiện đến cõi Niết bàn của cửa Phật, đi tới “thế giới cực lạc ở phương Tây”.

Sáu là “phóng đảng nhân sinh”, lấy tư tưởng của Dương Chu và thời Ngụy Tấn đã viết thành sách *Liệt tử*. *Dương Chu thiên* làm cơ sở, theo đuổi triết học sinh mệnh là cực khổ và ngăn ngừa nên ăn chơi kịp thời, xem thỏa mãn đầy đủ dục vọng là mục tiêu cuối cùng và nội dung chủ yếu của đời người.

Do đó, trong sinh hoạt biểu hiện thành ăn chơi thỏa thích, thèm muốn hưởng lạc, thể xác phóng đảng, say mê tử sắc, đời người được mấy tắc gang. Sự ngăn ngừa của sinh mệnh và chết chóc luôn luôn đến gần, càng lộ rõ tính quan trọng và bức thiết của việc thỏa mãn dục vọng của con người.

Nguồn tư liệu nhân sinh truyền thống của Trung Quốc cực kỳ phong phú, cần phải gây được sự chú ý cao của các học giả nhân sinh học Trung Quốc hiện đại đi sâu nghiên cứu, chúng có thể giúp chúng ta nhìn thấu rõ hiện tượng nhân sinh hiện đại, có thể trở thành điều răn cung cấp cho chúng ta giải quyết vấn đề nhân sinh phức tạp, cũng có thể chuyển hóa thành trí tuệ nhân sinh cung cấp cho người hiện đại dùng ứng thế xử thế. Hơn nữa thảo luận nghiên cứu nguồn tư liệu nhân sinh truyền thống Trung Quốc cũng là cơ sở vững chắc xây dựng nhân sinh học, là mấu chốt bảo đảm đặc sắc nhân sinh học Trung Quốc.

Thêm nữa còn phải coi trọng nguồn tư liệu lý luận nhân sinh và thực tiễn nhân sinh của phương Tây.

Lý luận nhân sinh và thực tiễn nhân sinh của phương Tây nội dung phong phú, hình thức đa dạng, mà còn liên hệ hết sức chặt chẽ với việc phát triển của thời đại và xã hội, tỏ ra biến đổi nhiều. Nhân sinh học Trung Quốc muốn phát triển, muốn giải quyết tốt vấn đề nhân sinh phức tạp của thời đại hiện nay thì cần phải nghiên cứu thảo luận một cách toàn diện mà tỉ mỉ những nét đặc sắc khác nhau của lý luận nhân sinh phương Tây, những thái độ và quan niệm nhân sinh khác nhau của các nhân sĩ trong và ngoài nước v.v... để tìm được loại nhân sinh quan và mô thức nhân sinh nào đó có tính phổ biến trên thế giới, tăng cường khôi phục lại, cống hiến

cho tiến bộ của văn minh nhân loại.

Xét từ bản chất, lý luận nhân sinh của phương Tây về ý nghĩa chân chính là chủ nghĩa nhân bản, mà lý luận nhân sinh Trung Quốc là chủ nghĩa đạo bản. Lý luận nhân sinh phương Tây biểu hiện tinh thần nhân cách trên hết của chủ nghĩa lý tính. Lý luận nhân sinh Trung Quốc thì biểu hiện tinh thần gương cao nhân cách “cùng hợp ý với trời”. Lý luận nhân sinh phương Tây có tinh thần thể hiện sinh mệnh phi lý tính, lý luận nhân sinh Trung Quốc thì tỏ rõ tinh thần tu dưỡng giới hạn nhân sinh. Lý luận nhân sinh phương Tây là lấy “chết làm gốc”, còn lý luận nhân sinh Trung Quốc là “xem cái chết như không”.

Mục đích của lý luận nhân sinh Trung Quốc và phương Tây khác nhau, không có nghĩa là hai cái hoàn toàn công kích nhau, xung khắc nhau như nước với lửa, hoàn toàn ngược lại, dùng lại ở sự phát triển của xã hội hiện đại, loài người đang đứng trước nhiều vấn đề nhân sinh chung và giống nhau, do đó hai bên hoàn toàn có thể cùng bổ sung, cùng ngấm và hòa hợp với nhau, cố gắng tích cực cho việc sắp đặt sinh mệnh và xây dựng nhân sinh quan của con người hiện đại.

Lý luận nhân sinh Trung Quốc lấy “đạo” sinh không ngừng làm cơ sở tốt cùng của giá trị đời người và lý luận nhân sinh phương Tây tiến hành từng lớp từng lớp đào sâu đối với kết cấu tâm linh hoàn toàn có thể kết hợp hữu cơ với nhau để hình thành con đường phát triển chung của lý luận nhân sinh thế giới. Lại ví dụ như nhấn mạnh nhận thức lý tính, cần mẫn thăm dò quy luật bên trong của sự phát triển thế giới là đặc sắc của lý luận nhân sinh phương Tây, còn làm nổi bật tính hạn chế của bản thân lý tính, chú ý nhận biết sự hài hòa kết cục của con người với tự nhiên thì là chỗ mạnh của lý luận nhân sinh Trung Quốc. Sự kết hợp của hai bên giúp ích cho con người hiện đại trong thực tiễn đời người cố gắng hết sức cứu sự phá hoại của lý tính tạo nên đối với thiên nhiên và tâm linh nhân loại trong quá trình chinh phục thế giới bên ngoài, từ đó đạt được sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người.

Lại như người hiện đại vừa tiếp nhận gợi ý của lý luận nhân sinh phương Tây, đi sâu phân tích các tầng nấc tâm linh của con người, cảm nhận những điều mới mẻ sinh mệnh của mình và nhân loại. Đồng thời lại cần học tập lý luận nhân sinh truyền thống của Trung Quốc, chú ý bồi dưỡng và nâng cao ranh giới sinh mệnh con người, thống nhất hài hòa tốt đẹp hai loại này chắc chắn sẽ làm cho đời sống loài người càng hạnh phúc hơn.

Cuối cùng, sự phát triển nhân sinh học Trung Quốc còn dựa vào việc sáng tạo mới lý luận của những người làm công tác nhân sinh học Trung Quốc. Mấu chốt của việc sáng tạo cái mới này là ở chỗ đứng trên sự phát triển xã hội, chính trị, kinh tế hiện thực thay đổi, đặc biệt là sự thực của kinh tế thị trường xác lập, hấp thu nguồn tư liệu của lý luận nhân sinh Trung Quốc và phương Tây phong phú sâu sắc, áp dụng phương pháp mới, tìm kiếm con đường mới, kiến tạo các loại nhân sinh quan lành mạnh vừa phù hợp với sự phát triển toàn nhân loại, lại thích hợp với sự phát triển của mỗi người, đồng thời dẫn dắt mọi người tiếp nhận mô thức nhân sinh đúng đắn.

Theo tình huống hiện thực của Trung Quốc đương đại để xét, trong quần chúng xã hội ít nhất

tồn tại bảy loại mô thức nhân sinh khác nhau.

- Đời người màu đỏ: những người sống theo kiểu mẫu đời này, có lý tưởng cao cả, có tinh thần hiến thân, tinh thần trách nhiệm xã hội và ý thức đạo đức rất mạnh mẽ, vô tư giúp đỡ người khác, làm việc quên mình không kể đến đền đáp thù lao.

- Đời người màu trắng: những người sống theo kiểu mẫu đời này thiếu lý tưởng và mục tiêu đời người cụ thể, trong đời sống cũng không có những nguyên tắc xác định nào cả, lấy không có nhân sinh quan làm nhân sinh quan của mình, hành vi của họ ở mức độ rất lớn chịu sự chi phối của bản năng hoặc bị khống chế của hoàn cảnh và điều kiện bên ngoài. Trong đó có một số người là người có tố chất văn hóa rất thấp, căn bản không biết như thế nào là nhân sinh quan. Còn một số người khác thì vì gặp phải trắc trở lớn trong đời, sinh ra chán nản, vứt bỏ nhân sinh quan, bằng sự trống không đó của nhân sinh quan sống theo đuôi người khác.

- Cuộc đời màu xám: những người sống theo mẫu đời này tuân theo triết học nhân sinh ăn chơi kíp thời, sống thỏa thích đến chết, đem tuổi thanh xuân đánh cuộc với ngày mai, không tiếc thời gian và sinh mệnh để giành lấy sự thoải mái và vui sướng nhất thời. Cho rằng cái gọi là đời người vẫn là tự nhiên lịch sự một phen trong thế gian, sống mà không thỏa mãn nhục dục không bằng chết sau khi đã thỏa mãn nhục dục một thời.

- Cuộc đời màu da cam (vàng): những người sống theo mẫu đời này, có lý tưởng và theo đuổi đời người rõ ràng xác định, nhưng họ lấy lợi ích của cá nhân và sự yên vui của gia đình làm trung tâm, cái mà họ theo đuổi là trên đường đời của mình thông suốt thuận lợi, gia đình giàu có hòa thuận, cá nhân được tôn trọng, làm việc trôi chảy, quan vận may mắn v.v... Họ có quan niệm đạo đức, cũng có tinh thần trách nhiệm xã hội nhất định, nhưng không vứt bỏ danh lợi của cá nhân.

- Cuộc đời màu đen: những người sống theo mẫu đời này có tâm lý tương đối đen tối. Họ căm ghét xã hội, căm thù người khác, không nhìn quen cũng không muốn nhìn tất cả mọi thay đổi trong cuộc sống, đối với từng người, ngay cả đối với mình đều bất mãn, tính cách buồn bực tức tối, hướng nội, hành vi của họ có tính tùy tiện, tính chống lại xã hội, tính phá hoại.

- Cuộc đời màu tím: những người sống theo mẫu đời này giàu ảo tưởng, đem hạnh phúc đời người gửi gắm vào tương lai hư ảo, tương đối bi quan đối với hiện thực, tương đối thất vọng đối với năng lực sinh tồn của mình, có khuynh hướng và hành vi “xuất thế”; là một mẫu đời thuộc dạng có suy nghĩ nhưng không hành động.

- Cuộc đời màu xanh: những người sống theo mẫu đời này khát vọng sự tỉnh mịch của tâm hồn, hướng tới hòa thành một khối với tự nhiên, theo đuổi cuộc sống yên ổn vững chắc, mưu toan cắt đứt mọi quan hệ giữa người với người, thoát khỏi tất cả mọi ràng buộc xã hội, phát triển đến tốt độ, liền bỏ nhà xa đời, hoặc khổ hạnh hoặc dốc lòng tu luyện để đổi lấy sau khi chết bước vào “Thiên đường”, muốn hoàn toàn thoát khỏi mọi phiền não của thế giới. Xét thấy xã hội Trung Quốc đang nằm trong thời kỳ biến động lớn, chuyển đổi lớn, phương

thức sống, quan niệm sinh tồn và mô thức nhân sinh của mọi người lại hiện ra xu thế đa dạng hóa, việc nghiên cứu của nhân sinh học Trung Quốc hiện tại nhìn thẳng vào hiện tượng này và nhanh chóng đưa ra phản ứng ra sao? Mấu chốt là phải giải quyết tốt vấn đề điều khiển khống chế của nhân sinh quan và mô thức nhân sinh, mà hạt nhân là điều khiển quan hệ của “cái tôi bé” với “cái ta lớn”. Con người vừa là sự tồn tại của cái tôi riêng vừa là sự tồn tại của loài, nhưng trước tiên là sự tồn tại của cái tôi riêng. Bởi vì không có con người trừu tượng, có chỉ là Trương Tam, Lý Tứ cụ thể. Cho nên, chỉ tồn tại nhân sinh quan, mô thức nhân sinh cụ thể, trong những cái cụ thể này có thể bao hàm tính phổ biến, tính xã hội, tính nhân loại.

Do đó, một nhiệm vụ rất quan trọng của nhân sinh học Trung Quốc ở Trung Quốc hiện tại chính là từ trong lý luận và thực tiễn đưa ra nhân sinh quan và mô thức nhân sinh có tính xã hội và tính nhân loại, không bài xích phương thức sinh hoạt của tôi riêng để tiến hành dẫn dắt, điều khiển khống chế đối với mọi người toàn xã hội, khiến cho nhiều người tiếp nhận phổ biến, tự giác dùng nó để quy phạm hóa cuộc sống của riêng mình.

Việc nghiên cứu nhân sinh học của Trung Quốc trước kia, và môn triết lý nhân sinh mở phổ biến trong các trường đại học và chuyên nghiệp, đã từng có tác dụng rất tốt, chỗ còn thiếu sót là ở chỗ, không đứng trên cơ sở con người là cái tôi riêng hiện thực, cụ thể, đồng thời trên cơ sở đó để nghiên cứu vấn đề nhân sinh, mà là xuất phát từ con người trừu tượng, con người của tương lai và con người siêu nhân khiến người ta phổ biến cảm thấy huyền hoặc và không hợp thực tế. Mặt khác, trong xã hội hiện thực lại có nhiều người theo đuổi nhân sinh quan không từ thủ đoạn nào chiếm lấy lợi riêng, ra sức làm nổi lên tính độc lập của con người, thậm chí dựa vào việc phá hoại hạnh phúc của người khác và ổn định của xã hội để thỏa mãn ham muốn của một cá nhân mình. Đây lại là một cực đoan khác - coi thường tính xã hội của con người và sự tồn tại của loài - tạo thành bi kịch nhân sinh có tính xã hội.

Ngày nay, đòi hỏi bức thiết người làm công tác nhân sinh học Trung Quốc vận dụng lý luận và thực tiễn của mình để giải quyết vấn đề này: vừa phải thực hiện tự do của đời người tôi riêng, lại phải làm cho nó cùng thống nhất với sự phát triển của quần thể và tiến bộ xã hội. Nhân cách lý tưởng của Thánh nhân hoặc Chí nhân, Thần nhân được tôn sùng trong lý luận nhân sinh truyền thống Trung Quốc nghiêng về con người trừu tượng hoặc siêu nhân. Từ trên phương diện lý tưởng để xét, sự cao cả của lý luận đó làm cho người ta phải kính phục từ đáy lòng, quy phạm chặt chẽ của chuẩn tắc của nó làm cho người ta phải khen để mà nhìn thôi, ranh giới đời người tự mình hoàn thiện của họ làm cho người ta khen mãi không ngót. Nhưng trong hiện thực, ngoài một thiểu số có tài ngang dọc mới có thể đạt được ra, đông đảo chúng sinh không thể nào theo được nó, kết quả liền dẫn đến hiện tượng “miệng đầy nhân nghĩa đạo đức, nhưng lòng dạ đầy những trai trộm cắp gái dĩ điểm”; Trong những năm 80 của thế kỷ 20, ở Trung Quốc đã xuất hiện cao trào nghiên cứu nhân học, hạt nhân thảo luận nghiên cứu là các vấn đề về nhân tính và bản chất của con người v.v... Cao trào nghiên cứu nhân học này là những suy nghĩ chỉ trích việc chà đạp không thương tiếc đối với nhân tính, nhân quyền, sự tôn nghiêm và tự do của con người trong cách mạng văn hóa. Lần thảo luận này không nghi ngờ gì đã nâng cao được vẻ tôn nghiêm của con người, giá trị của con người và tính chủ thể, tính độc lập của con người. Nhưng thảo luận đến chót lại sinh ra một tệ hại khác, nhất là có một số người hiểu

phiến diện, khiến cho nhân sinh quan có tính phản xã hội và tính phản nhân loại lưu hành trở lại. Những người này chỉ nêu bật tính cá nhân, tính đặc biệt riêng, chỉ đòi hạnh phúc của riêng mình mà không đếm xỉa đến người khác và xã hội, người theo đuổi kiểu sống này nhiều ắt sẽ nguy hại đến sự ổn định và phát triển của xã hội.

Nhân sinh học Trung Quốc cần phải tổng kết kinh nghiệm lịch sử, trên cơ sở hấp thu nguồn tư liệu lý luận nhân sinh truyền thống Trung Quốc và lý luận nhân sinh phương Tây, dẫn dắt mọi người xây dựng nhân sinh quan và mô thức nhân sinh hợp lý, vừa uốn nắn lại nhân sinh quan chỉ nhìn thấy tính trừu tượng và tính xã hội của con người mà xem nhẹ tính cụ thể, tính tôi riêng của con người, lại phải uốn nắn lại nhân sinh quan chỉ nhìn thấy tính cụ thể, tính tôi riêng của con người mà không đếm xỉa đến tính trừu tượng và tính xã hội của con người. Muốn cho hai bên thống nhất lại một cách hài hòa, làm cho xã hội phát triển ổn định, cần phải bắt tay vào từ hai phương diện dưới đây:

Trước tiên phải cố gắng xây dựng cơ chế tìm hiểu và nổi thông tính đồng tình giữa các nhân sinh quan khác nhau và phương thức sinh tồn khác nhau. Phải làm cho mọi người ý thức được rằng, do xã hội hiện đại biến đổi nhiều, nguồn thông tin qua lại nhanh chóng và thuận tiện chưa từng có, một người trong một đời quyết không thể chỉ tin theo và thực hiện một mô thức nhân sinh, mà là nhiều loại mô thức. Hơn nữa, một người có thể đồng thời có nhân sinh quan khác nhau để ứng phó với cuộc sống biến đổi ngày càng phức tạp. Tình huống này khiến cho việc nghiên cứu nhân sinh học phải nhìn thẳng và thừa nhận hiện thực nhân sinh quan và mô thức nhân sinh đa dạng hóa, cũng phải để cho quần chúng hiểu xu thế như thế, từ đó biểu hiện sự đồng tình và hiểu đối với nhân sinh quan và mô thức nhân sinh của người khác khác với của mình, khoan nhượng nó tồn tại, mà hoàn toàn không cần cũng không nên mưu toan sử dụng một loại hoặc vài loại nhân sinh quan nào đó tự cho là đúng đắn có tính chân lý mà đi bóp nghẹt nhân sinh quan khác, để quy phạm cuộc sống của tất cả mọi người. Việc đó không chỉ là tổn công vô ích, mà còn có thể gây nên sự xung đột và căng thẳng giữa người với nhau và giữa xã hội.

Hai là với tiền đề thừa nhận nhân sinh quan và mô thức nhân sinh có tính đa dạng cùng tồn tại, nhiệm vụ quan trọng của những người nghiên cứu nhân sinh học là xây dựng lại nhân sinh quan và mô thức nhân sinh có tính phổ biến và tính công cộng làm cho mọi người tiếp nhận và thực hiện, giữ được sự thống nhất với sự phát triển toàn xã hội và mục tiêu sống của người khác, khiến cho các loại nhân sinh quan và mô thức nhân sinh độc lập không đến nỗi sinh ra xung đột kịch liệt. Việc này sẽ cần phải xây dựng một cơ chế hướng dẫn xã hội lớn mạnh, làm cho nhân sinh quan và theo đuổi cuộc đời của cá nhân không làm cản trở hạnh phúc của người khác và ổn định của xã hội. Cũng có nghĩa là phải dùng nhân sinh quan và mô thức nhân sinh có tính công cộng, tính phổ biến để hướng dẫn mọi người xây dựng thái độ sinh tồn đúng đắn, mà quyết không bóp chết nhân sinh quan và mô thức nhân sinh vốn có của từng người.

II - Phân tích khoa học năm vấn đề lớn của đời người

1. Đời người là gì?

Từ xưa đến nay, con người đã giống như người khách qua đường giữa trời đất, vội vội vàng vàng đi qua thế gian, vũ đài lớn này của đời người. Các nhà triết học thì không ngừng suy nghĩ và xây dựng nên lý luận của họ đối với đời người. Nhưng rốt cuộc đời người là gì, hầu như không có một định nghĩa nào được mọi người thừa nhận phổ biến. Bởi vì trên đời không tồn tại thứ gọi là người, chỉ có bạn, tôi, anh ta (chị ta) đang sống hoặc chết, tức con người của cá thể đơn độc. Mặc dù con người đều sống trong xã hội, thuộc cùng loại, nhưng sự trải qua của mọi người về thời gian và về không gian đều không thể đồng nhất, cơ năng sinh lý của họ cũng không hoàn toàn ngang nhau. Cho nên đời người mà họ thể nghiệm sẽ nhất định sai khác nhau rất nhiều, vì vậy cũng sẽ khó mà tạo thành một quan niệm đời người hoàn toàn thống nhất nào đó, biểu hiện trên lý luận, đương nhiên sẽ không có định nghĩa về đời người đồng nhất.

Do vậy, chúng ta chỉ có thể cho đời người một định nghĩa thuộc phạm vi và lĩnh vực, mà không tài nào đưa ra một định nghĩa thuộc khái niệm. Vì thế, chúng ta cũng chỉ có thể thảo luận nghiên cứu từng mặt của đời người, quá trình và nội dung của nó, mà không thể đề ra một lý luận hoàn chỉnh của đời người có thể quy phạm, chỉ đạo tất cả mọi người. Đương nhiên, con đường ảnh hưởng đời người hiện thực của mọi người vẫn có, ví như phân tích kinh nghiệm đời người, quá trình đời người và lý luận nhân sinh khác nhau trong lịch sử, đồng thời bày ra cho người đời, từ đó khiến cho mọi người nhận được gợi ý, khi sắp xếp con đường đời của mình có đối tượng bắt chước tham khảo, đây là ý đồ chủ yếu của bài này.

Trên thực tế, tác giả cho rằng, trước tiên phải biết đời người không phải là gì, sau đó mới có thể hiểu rõ ràng đời người là gì.

Mọi người đều có sinh mệnh, nhưng sinh mệnh chính không phải là đời người. Nguyên nhân rất đơn giản là, không những con người có sinh mệnh, tất cả mọi sinh vật đều có sinh mệnh. Bản chất của sinh mệnh chẳng qua là hình thái đặc biệt của thời gian trên thân thể sinh vật, thể hiện thành quá trình thu hút, tiêu hóa, hấp thu và bài tiết đối với vật chất và sức sống của sinh vật.

Mọi người đều đang sống, nhưng đời người không hoàn toàn có nghĩa là sống. Bởi vì những người có từng trải cuộc sống, thật ra không có nghĩa là họ có đời người. Những người ngớ ngẩn bẩm sinh, những người thần kinh không bình thường sau khi sinh và những người trong tình trạng hoàn toàn vô tri, mặc dù cũng đều đang sống, thậm chí cũng có thể sống với mức sống giống như người bình thường, nhưng họ thật ra không biết cuộc sống là gì, cần phải sống ra sao, chỉ là chịu sự điều khiển của bản năng hoặc sự trợ giúp của bên ngoài để sống, việc đó thậm chí không xứng với cuộc sống của con người chân chính, còn nói gì đến đời người.

Đời người vừa không phải là sinh mệnh, lại không phải là cuộc sống, thế thì nó là gì đây?

Xét về căn bản, đời người cần phải bao quát ba phương diện: Một là con người không ngừng nhìn lại và cảm thấy đối với sinh mệnh và cuộc sống của mình, là con người nắm chắc đối với lý tính và cảm tính một đời của mình. Hai là lý tưởng và theo đuổi của con người và quan niệm cuộc sống, quan niệm giá trị, quan niệm thẩm mỹ, quan niệm đạo đức của con người v.v... từ đó nảy ra. Ba là mọi hoạt động hiện thực của đời người từ những quan niệm này dẫn đến, tức toàn bộ thao tác của đời người.

Chúng tôi cho rằng, con người chỉ có luôn luôn không ngừng tiến hành suy nghĩ lý tính đối với giá trị tồn tại của sinh mệnh và ý nghĩa cuộc sống của mình, đồng thời trên cơ sở này xác lập lý tưởng và niềm tin của mình, chuẩn tắc giá trị và cả thái độ sống của mình, mới có thể sinh ra hành vi của đời người đúng đắn, từ đó mở rộng sự nghiệp của cá nhân, giành được thành công của đời người, có được cuộc đời của mình.

Mỗi người bình thường đều nên có cuộc đời của mình. Bởi vì con người không thường xuyên tự xét lại sinh mệnh và cuộc sống của mình, vứt bỏ năng lực lý tính của mình, chỉ dựa vào bản năng ở đời, thế thì có khác gì với sinh vật và động vật khác?

Cho nên, con người sẽ phải đem sự tồn tại sinh mệnh của mình nâng lên sự tồn tại của đời người, đem quá trình của cuộc sống đặt vào độ cao của nhân sinh quan tiến hành xem xét kỹ lưỡng, không ngừng tự kiểm điểm và tìm tòi, từ đó luôn luôn uốn nắn phương hướng và tốc độ con tàu của cuộc sống, như thế mới không đến nỗi sống uổng đời này, bỏ phí thời gian, cũng mới có thể sống hạnh phúc, tăng thêm đầm ấm. Từ đó ta thấy, một người muốn có đời người riêng của mình, mấu chốt ở chỗ phát huy năng lực lý tính và năng lực cảm ngộ, trong đó có một vấn đề quan trọng là chịu thừa nhận và chuyển đổi của giá trị đời người.

Tác giả cho rằng, quá trình đời người có thể triển khai và tiến hành trong phạm vi này: tri thức, tình cảm, lý trí. Đối với ba phương diện có thể có cách nhìn khác nhau, nhưng đây đích thực là ba phương diện chủ quản đời người và làm phong phú đời người. Tức có nghĩa là, muốn làm cho đời người có ý nghĩa, thì cần phải có đủ ý chí lương thiện, tình cảm cao thượng hoặc hứng thú cao thượng, sức phán đoán tỉ mỉ và tri thức rộng mà sâu. Ba mặt này cần phải được hợp lại trọn vẹn với nhau một cách nhuần nhuyễn. Trong đời sống hiện thực, hiện tượng tách rời, không ăn khớp của ba phương diện này thường thường xuất hiện. Một người có tri thức uyên bác trong một ngành nghề, lại có thể là một người không có chút đạo đức, hoặc là một người có hứng thú thấp hèn. Ví dụ như hiện nay trên thế giới đang tồn tại nhiều hiện tượng lợi dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến tiến hành tội phạm khiến cho mọi người đau lòng.

Trên ý nghĩa cao nhất, cần phải kiên trì nguyên tắc của đời người là ưu tiên luân lý đạo đức. Một người chỉ có phẩm tính lương thiện, mới có thể có tình cảm cao thượng. Dưới tiền đề này, tri thức có lẽ không là bảo đảm cuối cùng của hạnh phúc đời người. Chúng ta không có học thức uyên bác cũng có thể làm người. Nhưng nói tiến hơn một bước là, tri thức có thể làm cho nguyên tắc đạo đức rõ ràng và làm cho nó được kiên định, đồng thời tính phổ biến của tri thức có thể thúc đẩy tình cảm cao thượng. Tri thức chỉ có thể đi ủng hộ và thúc đẩy đạo đức và tình

cảm kiện toàn hóa, mà không phải phát triển đơn phương, mới có thể nâng sinh mệnh của con người lên được.

2. Đời người phải phân giai đoạn

Bàn đến hạnh phúc mỹ mãn của đời người, thì cần phải chú ý: đời người phải phân giai đoạn, giải quyết các vấn đề nhân sinh khác nhau. Mỗi người đều có một quá trình phát dục, trưởng thành và suy thoái của mức độ sinh lý, lý trí, nó quyết định đời người phải phân chia thành một số giai đoạn khác nhau, ở mỗi giai đoạn của đời người, con người gặp phải là trạng thái sinh tồn khác nhau, phải giải quyết vấn đề nhân sinh khác nhau, nếu lẫn lộn không rõ ràng thì có hại rất lớn. Con người vẫn luôn không thể trong thời kỳ thiếu niên phát dục chưa đầy đủ đã muốn ăn vụng quả cấm, muốn như cặp uyên ương đùa giỡn? Người ta cũng không thể trong thời kỳ thanh tráng niên mong ngóng lĩnh tiền dưỡng lão, an dưỡng tuổi trời? Đương nhiên, cũng không thể ở thời kỳ sắp già lại vẫn muốn đi leo núi, đi lính ra chiến trường. Do đó, trong quá trình xét lại sinh mệnh và cuộc sống của mình, người ta trước hết phải nghĩ đến tuổi sinh lý và tuổi tâm lý của mình, sau đó xác định các vấn đề nhân sinh cụ thể để giải quyết nó.

Ví dụ như con người ở thời kỳ trẻ sơ sinh, việc người không biết, việc đời chưa hiểu, chỉ là xuất phát từ bản năng đi tìm vú mẹ, dùng tiếng khóc để biểu thị sự khó chịu hoặc đau khổ của mình. Lúc này, hầu như là thời kỳ sinh trưởng của sinh lý và tâm lý thuần túy, nằm trong trạng thái sinh tồn người khác nghĩ thay nó, làm giúp nó, còn nói gì đến vấn đề nhân sinh. Theo thời gian trôi qua, bé sơ sinh lớn lên, trở thành nhi đồng. Con người trong giai đoạn này không ai không mang hứng thú rất lớn, có ham muốn hiểu biết mạnh mẽ đối với tất cả mọi thứ của cả thế giới, đồng thời với việc sinh trưởng phát dục của thân thể, trí lực hiện ra trạng thái tiến vùn vụt.

Nhưng con người ở thời kỳ này vẫn không thể ý thức được một cách tự giác đời người của cá nhân, sự sinh trưởng của nó chủ yếu dựa vào gia đình và xã hội. Con người bước vào thời kỳ thiếu niên cuộc sống của nó thường biểu hiện là vô lo vô nghĩ, nhưng đã bắt đầu có tự giác, có suy nghĩ đối với đời người. Lúc này vấn đề nhân sinh quan trọng nhất là một mặt là làm cường tráng thể trạng lớn lên thuận lợi. Mặt khác thì cần phải hết sức thu nhận tri thức mọi mặt trong nhà trường và trong xã hội đặt cơ sở chắc chắn cho sự phát triển đời người về sau.

Con người tạm chia tay với thời kỳ thiếu niên hoàng kim liền đón nhận thời kỳ thanh niên tràn ngập niềm tin và phấn chấn muốn tiến thủ. Trong giai đoạn đời người quan trọng này, con người dần dần có nhận thức tương đối sâu sắc đối với mình, cũng có tìm hiểu tương đối toàn diện đối với sự huyền bí của thế giới bên ngoài và kinh nghiệm sinh tồn của người khác. Người ta dần dần từng bước nhận rõ ý nghĩa chân thực của cuộc sống, đồng thời có hàng loạt tưởng tượng và hành vi thao tác thực tế như thế nào để giành lấy đời sống hạnh phúc mỹ mãn. Trên thực tế vấn đề khó lớn nhất của đời người đang ở chỗ trong quá trình sinh tồn và sinh hoạt của

người ta luôn luôn gặp mọi thách thức, trong quá trình đón nhận những thách thức của đời người này, người ta điều động một cách đầy đủ năng lực tâm trí của mình để cố gắng phấn đấu, giải quyết một vấn đề sẽ thưởng thức được một phần mùi vị của đời người, không giải quyết được cái đó cũng là một thể nghiệm của đời người, con người chính là đã chín chắn lên như thế. Giá như người ta sinh ra ở đời, không hề có vấn đề khó nào phải giải quyết, không hề có thách thức nào trong đời sống, thế thì thể năng và trí năng của người ta sẽ tàn lụi đi, mà đời người cũng trở nên trống trải, cuộc sống này chẳng có giá trị gì.

Sau khi thời kỳ thanh niên hoàng kim đi qua, con người liền bước vào thời kỳ tráng niên âm thầm, con người ở thời kỳ tráng niên đã không có những mong mỏi và tình cảm mãnh liệt bột phát nhiều như thời thanh niên như thế, cũng không có hào phóng phong lưu như người còn trẻ. Những người ở trong thời kỳ này, càng chú ý đến vũ đài xã hội tìm cơ hội thành công và có thể phát huy năng lực của mình. Họ càng chín chắn, đối với đời người đã hình thành cách nhìn tương đối cố định. Họ gánh vác công việc càng nặng nề, phải nuôi gia đình, phải giúp đỡ người già, phải dạy dỗ con cái v.v... Những việc này càng quyết định con người ở thời kỳ này càng âm thầm hơn, lòng dạ rất sâu xa, trạng thái đời người khác với thời trai trẻ thích biến đổi nhiều, người đứng tuổi nói chung đều thích cuộc sống ổn định, vội vã đi tìm nơi ẩn náu an toàn của đời người, bức thiết mong muốn có được nơi an thân lập mệnh. Những việc này đều là những vấn đề nhân sinh người đứng tuổi gặp phải.

Thời kỳ đứng tuổi xây dựng thành tựu và lập nghiệp đi qua, con người lại bước vào tuổi dưỡng lão. Người già cùng với tuổi tác dần tăng, phần nhiều ý chí lớn và mạnh mẽ đều tiêu tan hết sạch, từ việc quan tâm đối với thế giới bên ngoài chuyển sang coi trọng đối với việc chăm sóc thân thể của mình. Từ góc độ đời người để xét, người có tuổi một mặt đương nhiên nên tìm cách kéo dài tuổi thọ, nhưng lại cần tìm mọi cách phát huy nhiệt tình còn lại, quan tâm đến sự biến đổi của xã hội, dùng kinh nghiệm và cách nhìn đời phong phú của mình can thiệp vào sinh hoạt xã hội, tránh cô độc và ăn không nằm khoèo, những việc này đều là kẻ thù đáng sợ nhất làm hao mòn tuổi thọ.

Từ đó ta thấy, con người ở các thời kỳ tuổi tác khác nhau, thể năng và trí năng sai khác nhau rất lớn, lại gặp phải hoàn cảnh sinh tồn khác nhau, vấn đề nhân sinh khác nhau, do đó, phải chú ý xác lập mục tiêu theo đuổi và lý tưởng của đời người khác nhau áp dụng hành vi điều khiển cuộc đời khác nhau, chỉ có như thế đời người mới sinh động và có hương vị, con người mới có thể thể nghiệm quá trình nhân sinh khác nhau, đến khi chết cũng sẽ cảm thấy không sống ổng phí cuộc đời này.

3. Vấn đề đau khổ của đời người

Bàn về con người sinh ra không tránh khỏi vấn đề đau khổ của đời người.

Một đời của con người có thể gặp phải rất nhiều, rất nhiều đau khổ của đời người, hơn nữa hầu như không tài nào tránh khỏi. Có một số người phải ngập lặn trong đau khổ của đời người, một số người khác thì vì chịu không nổi nên chán đời. Trên thực tế, người ta nên xây dựng một quan niệm và phương thức hành vi đối xử đúng đắn với đau khổ của đời người, giảm bớt cả đến loại trừ mọi đau khổ đời người mang khó khăn đến cho đời, hạ thấp mọi đau khổ của đời người làm cho người ta sinh ra khó chịu của tâm lý và thể xác mạnh mẽ.

Trong lịch sử, nhiều học phái và nhà tư tưởng đều cho rằng, người ta sinh ra ở đời chính là đau khổ, cuộc sống của con người mãi mãi không thể thoát khỏi đau khổ, con người tức là đau khổ, đau khổ tức là con người. Ví như Phật giáo cho rằng, đời người có thể phân thành bốn đoạn: sinh, lão, bệnh, tử, bốn trạng thái này đều là khổ. Thế nào gọi là sinh khổ? Con người được hình thành trong thai mẹ, rau thai hẹp thai phải cuộn cong lại, đã phải chịu đựng cái khổ của việc đè ép. Người mẹ ăn canh nóng, thai hầu như bị tưới nước sôi lên người. Người mẹ uống nước lạnh, thai lại như bị ướp nước đá. Hơn nữa ngôi thai ở gần ruột và bàng quang, thai thực tế phải chịu đựng cái khổ ngột ngạt của mùi chất thải, chỉ có điều không thể nói ra được.

Khi con người sinh ra, đột nhiên tách khỏi bụng mẹ ấm áp, bị tung vào thế giới thờ ơ, lạnh lẽo và thâm hiểm, da dẻ mềm mại của trẻ sơ sinh bị bao bọc bởi quần áo tã lót như thể dùi châm vào, bởi vì không thể nói được, đành dùng tiếng khóc lớn để tỏ ra phản kháng. Con người dần dần lớn lên, về của cải có người giàu người nghèo, về địa vị có người cao người thấp, về tướng mạo có người xấu người đẹp, mọi trạng thái đời người khác nhau đều gây nên đau khổ hết mức của con người, đó là sinh khổ. Hai là lão khổ. Con người từ thơ ấu đến thanh niên, tráng niên (đứng tuổi) rồi đến tuổi già, thời gian như tên bay, tháng ngày như thoi đưa, mới nhìn còn là thanh niên cường tráng, thắm thoát mái tóc đã bạc phơ, lưng còng già yếu rồi, thực có thể gọi là cảnh già thúc đẩy con người, trong bất thành linh con người sẽ già nua đợi chết, thật là nhìn thấy hoa rơi mà chẳng biết làm sao được, đó là lão khổ.

Lại còn “bệnh khổ”. Con người có sinh mệnh, có thể xác thì tất nhiên sẽ có bệnh. Có hai loại bệnh đau đớn: một là bệnh sinh lý, hai là bệnh tâm lý. Thể xác của con người không có bệnh này thì có bệnh khác, một đời không có lúc nào dừng lại. Về tinh thần con người không tránh khỏi có buồn rầu, buồn bực ít vui, đau buồn không biết làm sao được, tạo nên bệnh tâm lý. Từ đó ta thấy, một đời của con người không phải có bệnh sinh lý thì có bệnh tâm lý, hoặc cả hai loại bệnh đồng thời phát ra, đem lại cho con người nỗi đau khổ rất lớn, đó là bệnh khổ. Cuối cùng là tử khổ. Con người rất sợ chết, nhưng lại nhất định phải chết, hoặc chết vào tuổi già, hoặc chết non yếu, hoặc bị sái gân sái cốt, bị tai họa nước lửa, chiến tranh mà chết.

Cái chết hết sức khác nhau, nhưng kết cục lại mãi mãi như nhau, há chẳng buồn sao! Đó là tử khổ. Nói như thế, đời người hoàn toàn không phải chỉ có một chỗ một nơi có đau khổ, mà là không có lúc nào, không có chỗ nào không có đau khổ. Dù rằng tử vong giáng xuống, cũng không giải thoát được đau khổ, bởi vì còn có Lục đạo luân hồi, chết chẳng qua là trung gian và chiếc cầu đưa con người sa vào trạng thái sinh tồn của đau khổ khác.

Như vậy thì làm thế nào để giải thoát được nỗi khổ của đời người? Phật giáo cho rằng, đời

người có nhiều đau khổ hoàn toàn là con người mình tạo nên “nghiệp”, mình được “quả”, con người có “tham” (tham lam), “sân” (tức giận) và “si” (ngu đần), từ đó hãm mình vào trong bể khổ mênh mang.

Cho nên, loại bỏ nỗi đau khổ của đời người thật ra không phải ở chỗ cải tạo thế giới hiện thực và làm thay đổi mọi điều kiện người ta sống ở trong đó, mà là ở chỗ diệt hết tất cả mọi dục vọng, cách suy nghĩ và hành vi của con người. Nhưng, con người có thể xác, thì sẽ có dục vọng. Con người có tinh thần, thì sẽ có theo đuổi, loại bỏ dục vọng của con người, đâu có phải dễ. Do đó, Phật giáo chỉ ra thế giới bên ngoài cả đến bản thân con người đều là hư ảo không thực. Bởi vì, một là thế giới này biến động không dừng một chỗ, mãi mãi di động cho nên là “hư”. Hai là bất kỳ sự vật vào của thế giới này đều là nhân duyên hòa hợp tạo nên, không phải là vật thực, cho nên là “không”. Ví dụ như xét về thời gian, một vật gì đó bạn nói là A, nhưng nó từ lâu đã biến thành B, bạn nói nó là B thì nó lại biến thành C, có khi đến thành D, E v.v..., vĩnh viễn trong biến đổi, không tài nào nắm được một cách thật sự.

Từ không gian để xét, một vật thực tế, ví dụ như một quyển sách, nó hầu như là sách, nhưng lại không phải sách, bởi vì sách là do giấy tạo nên, giấy lại do chất xenlulô thực vật chế tạo ra, thực vật thì là do hạt giống trưởng thành nên, hạt giống lại là do một loại gì đó tạo nên, v.v... và v.v... Cái trước là duyên của cái sau, cái sau là nhân của cái trước. Bất cứ một vật nào đều có thể tiến hành tìm hiểu thứ tự vô cùng này, đều là do nhân duyên vô cùng hòa hợp tạo nên, bởi vậy thế giới này vốn là “không” và “vô”, chúng sinh hà tất phải nắm giữ? Chúng sinh lại làm sao có thể nắm giữ được? Đấy gọi là tất cả đều là không, ta làm sao cầu mong được, ta cũng không có chỗ để tìm, đã là không có chỗ tìm, cũng sẽ diệt hết mọi dục vọng tình cảm, không có nó cũng không có ta, lúc đó con người sẽ thoát ra khỏi Lục đạo luân hồi hướng tới Thế giới cực lạc từ cõi Niết bàn mà hoàn thành Phật quả.

Bàn đến vấn đề đau khổ của đời người, sẽ không thể không nhắc đến người thầy lớn của chủ nghĩa bi quan, nhà triết học Đức Schopenhauer. Ông cho rằng, đời người chính là khổ nạn, thế giới chính là địa ngục. Căn nguyên nỗi khổ của đời người, Phật giáo cho rằng là dục vọng của con người, còn Schopenhauer thì nói là ý chí sinh tồn. Do mọi theo đuổi của ý chí sinh tồn của con người sinh ra là không có giới hạn, nó luôn luôn được một đời mười, mãi mãi không thỏa mãn, cho nên đau khổ thuộc vĩnh hằng, hạnh phúc thì thuộc ngắn ngủi.

Muốn tránh khỏi đau khổ của đời người, thì phải triệt để phủ định ý chí sinh tồn. Trên vấn đề cách loại bỏ đau khổ đời người, Phật giáo đòi hỏi người ta nhìn thấu hồng trần, thông qua tu luyện niệm Phật để thoát khỏi bể khổ không bờ bến. Schopenhauer thì mong thông qua sự chuyển hướng của ý chí để thoát khỏi đau khổ, ông chỉ ra ba cách làm cụ thể:

Một là làm nghiên cứu triết học và sáng tạo, dùng triết học để chất lọc ý chí, hiểu ra sâu sắc chân lý của đời người.

Hai là làm công việc sáng tạo nghệ thuật, dùng cái đẹp của nghệ thuật để loại trừ đau khổ.

Ba là tín ngưỡng tôn giáo, đem tất cả mọi cái của mình gửi gắm ở đời sau, từ đó không nhớ đến đau khổ nữa. Schopenhauer lại chỉ ra thêm rằng, triết học là cái của lý trí, nó chỉ có thể làm trấn tĩnh ý chí, giảm nhẹ đau khổ, lại không thể trừ tận gốc mọi đau khổ. Nghệ thuật có thể làm cho con người từ trong sự nô dịch của dục vọng giải thoát ra được, đạt được giới hạn “vô ngã” (không có cái tôi) chủ thể và khách thể hòa chung thành một khối, nhưng đây chỉ là một thiếu sót thiên tài nghệ thuật có thể đạt được. Còn tín ngưỡng tôn giáo thành kính mới là hình thức phổ biến nhất, có hiệu quả nhất con người thoát khỏi mọi đau khổ.

Đạo Cơ Đốc thì cho rằng, loài người mới đầu không có bất kỳ đau khổ nào, thủy tổ của họ là Adam và Eve sống một cuộc sống dạng đào viên ngoài đời không phải lo âu trong vườn Eden. Về sau, Adam và Eve nghe xúi bẩy và sai khiến từ một con rắn xảo quyệt đã ăn vụng “quả trên cây phân biệt thiện ác” mà Thượng đế không cho phép họ ăn, ăn vào mắt đã sáng lên và có quan niệm đúng sai, thiện ác, tốt xấu, đẹp xấu, Thượng đế dùng đòn nể giận đã chỉ vào Eve nói:

Ta phải tăng nỗi khổ sở mang thai của con nhiều hơn nữa. Con sinh đẻ con cái phải chịu nhiều khổ sở. Con phải nhớ nhung chồng con, chồng con sẽ cai quản con. Lại nói với Adam, con đã nghe lời vợ, ăn quả trên cây mà ta dặn con không được ăn. Nó sẽ bị nguyên rủa vì duyên có của con, con nhất định suốt đời lao khổ, mới có thể kiếm được miếng ăn từ trong đất. Đất sẽ mọc lên cho con những bụi gai và cây tật lê, con cũng phải ăn những cây rau cỏ trên đồng ruộng. Con phải đổ hết mồ hôi đầm đìa trên mặt mới có được miếng ăn, cho mãi đến lúc trở về với đất, bởi vì con sinh ra từ đất, con vốn là đất bụi, vẫn phải trở về với đất bụi. (*Thánh kinh. Sáng thế kỷ*).

Do Thủy tổ của loài người ăn vụng “quả trí tuệ”, vì thế nên trước mặt Thượng đế đã mắc phải tội chuộc mãi không hết - “nguyên tội” (tội nguyên sơ), bất cứ người nào cũng đều mang dấu ấn của loại tội này giáng sinh xuống trần gian, đàn ông đàn bà đều phải chịu trừng phạt của đau khổ. Con người muốn thoát khỏi đau khổ, con đường duy nhất chỉ có thụ lễ theo Thượng đế, sám hối với Thượng đế, để được sự tha thứ của Thượng đế, sau khi chết được lên Thiên đàng, bằng không chỉ có thể xuống địa ngục, chịu khổ nạn mãi mãi.

Sự bắt nguồn và phương thức giải thoát đối với nỗi đau khổ đời người của Phật giáo, Schopenhauer và đạo Cơ Đốc đều có mặt sâu sắc của nó, nhưng cũng có sai lầm rõ rệt. Phật giáo nói nỗi đau khổ đời người bắt nguồn từ ba thứ độc là “tham lam, tức giận và si đần” (tham, sân và si), Schopenhauer cho là “ý chí sinh tồn”, còn đạo Cơ Đốc thì chỉ ra là bắt nguồn từ “tội nguyên sơ” của loài người. Họ đều không ý thức được rằng, nỗi đau khổ đời người mặc dù có nhân tố chủ quan và tiên nghiệm, nhưng càng có nguyên nhân về khách quan, cho nên họ sẽ không thể cung cấp cho người ta con đường chân chính hữu hiệu tránh khỏi nỗi đau khổ đời người.

Xét về căn bản, nỗi đau khổ của đời người có phân ra đau khổ xác thịt và đau khổ tinh thần. Hai loại đau khổ này thường xuyên tác động đan xen nhau: đau khổ thể xác có thể dẫn đến đau khổ tinh thần, đau khổ tinh thần có thể chuyển hóa thành hoặc làm nặng thêm đau khổ thể xác. Nói

chung, mức độ sức khỏe, điều kiện sinh tồn và ranh giới tinh thần của con người là ba nhân tố lớn quyết định có đau khổ đời người hay không.

Một người suốt ngày ốm đau hậm hực, tự nhiên không có chút hạnh phúc nào đáng nói, tự nhiên cảm nhận sâu sắc đời người đau khổ quá nhiều.

Cho nên, trên đường đời coi trọng thu hút dinh dưỡng, coi trọng rèn luyện sức khỏe là vô cùng quan trọng. thường có người nói: “Thân thể là tiền vốn làm sự nghiệp”, cho nên phải coi trọng. Quan niệm này trông bề ngoài có vẻ như rất quan tâm đối với sức khỏe, thực tế thì là một cách nhìn sai lầm.

Xem thân thể của con người là tiền vốn, sự thành công của đời người sẽ là sự đền đáp lại của việc đầu tư tiền vốn bằng thân thể này, đây là đem việc vụ lợi của nhân gian làm mục tiêu, nên đem sức khỏe của thân thể xem là thủ đoạn, hoàn toàn là một loại quan niệm sinh tồn rối rắm. Trong bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, thân thể đều là cái gốc, đều là mục đích, mà không phải là ngọn, càng không phải là thủ đoạn. Chỉ có xây dựng quan niệm bản vị thân thể con người như thế, mới có thể thật sự coi trọng vấn đề sức khỏe của bản thân mình, tránh được nỗi đau đời người, giành được hạnh phúc đời người.

Điều kiện sinh tồn của người ta thường có thể chia ra thành hai loại hình khác nhau:

bẩm sinh là cố định và sau khi sinh có thể thay đổi. Những người sinh ra trong gia đình giàu có, dựa vào tài sản của cha mẹ, tổ tiên, họ liền có thể sống một cuộc sống sung túc. Những người sinh ra trong gia đình nghèo khổ, thì mới mở mắt ra đã phải sống những ngày túng bấn. Đây là điều kiện sinh tồn có sẵn mà người ta vừa sinh ra đã gặp phải. Có nhiều người đem toàn bộ sức chú ý của mình đặt vào mặt này, đem điều kiện sinh tồn gian khó của mình tất cả đều quy nó vào việc không có cha mẹ tốt, không có di sản hậu hĩnh, cho nên hoàn toàn không dám chuyên tâm làm thay đổi tình trạng sinh tồn tương đối kém này, kết quả cũng chỉ có thể trong cảnh khốn quẫn giạt gấu vá vai ở mọi chỗ mọi nơi đi hết cuộc đời đau khổ của mình.

Thái độ nhân sinh này là rất không tốt, người ta muốn theo đuổi hạnh phúc đời người, tránh đau khổ đời người thì phải nhìn thấy bất cứ điều kiện sinh tồn nào của con người đều không phải không thay đổi, đều là có thể tăng giảm. Người có điều kiện sinh tồn tốt, nếu không cố gắng, mức sống sẽ giảm xuống rất nhanh, sẽ nếm đủ mọi đau khổ đời người. Còn người điều kiện sinh tồn kém, nếu biết vận dụng đầy đủ năng lực tâm trí của mình, sẽ có thể thay đổi điều kiện sinh tồn, làm cho nó dần dần khá lên, từ đó giành được cuộc sống tương đối giàu có.

Do đó, trên điều kiện sinh tồn, người ta nhất định phải có thái độ tích cực đầy hứa hẹn, có tinh thần phấn đấu vật lộn, mới có thể tránh nỗi đau khổ đời người.

Ranh giới tinh thần của con người chủ yếu do dày công tu dưỡng văn hóa, chí khí, trí tuệ, kinh nghiệm đời người tạo nên. Người có ranh giới tinh thần cao một mặt có thể nhìn xa trông rộng, khi nỗi đau khổ đời người còn chưa đến liền có dự kiến, và áp dụng hành động tránh nó xảy ra. Mặt khác, khi nỗi đau khổ đời người giáng đến, họ lại có đủ trí tuệ phân tích nó, rất nhanh chóng làm tan biến nó hoặc chuyển hóa sự khó chịu lớn nhất mà nó tạo nên cho con

người.

Ngược lại, người có ranh giới tinh thần thấp, hoặc là vì thiếu văn hóa, trí tuệ, gặp phải thậm chí chuốc lấy rất nhiều đau khổ đời người, hoặc lại vì không có phong thái, ý chí nên chịu đựng không nổi đau khổ đời người, những cái này thường làm tăng khổ nạn của đời người. Do vậy, người ta sinh ra ở đời trau dồi ý chí phong phú, to lớn, tăng cường học tập và huấn luyện tri thức, nghiêm chỉnh đối xử với tri thức sinh tồn của người trước là vô cùng quan trọng, mức độ cao thấp của ranh giới đời người là một trong những nhân tố chủ yếu quyết định quá trình người có đau khổ hay không.

Tóm lại, đời người mặc dù có đau khổ, mặc dù không tránh khỏi đau khổ, nhưng người ta sống hoàn toàn không phải vì chịu đựng đau khổ, mà là vì giành được hạnh phúc. Một người nếu có mục tiêu giá trị đời người xác định không đổi, đồng thời bằng lòng vì nó mà hy sinh tất cả, như thế thì họ có năng lực chịu đựng đau khổ và khắc phục đau khổ đời người to lớn, họ có thể trong làm việc quên mình để thực hiện mục tiêu giá trị, vượt lên đau khổ đời người, không nhớ đến đau khổ đời người, thoát khỏi đau khổ đời người. Có một số người vì không thường xuyên xem xét lại đối với sự sinh tồn và đời sống của mình, cũng sẽ không có mục tiêu theo đuổi giá trị, cả quá trình của đời người đều đầy rẫy sự tùy tiện, năng lực chịu đựng và khắc phục nỗi đau khổ đời người của loài người này sẽ rất thấp, sẽ có thể chìm đắm trong nghịch cảnh, trở thành kẻ yếu trong cuộc sống.

Ngoài ra, một người nếu như từ việc trau dồi tố chất tinh thần cao độ thăng hoa thành tình yêu cháy bỏng sâu sắc đối với sinh mệnh, thì có thể có ánh mắt đẹp rà soát lại nỗi đau khổ đời người, đồng thời hưởng thụ được tình cảm cao cả và vẻ khoáng đạt của tâm linh giành được khi vật lộn với đau khổ đời người. Người bạn gần gũi nhất của nỗi đau khổ đời người là sự trống trải và nhu nhược.

Trong đời sống hiện thực, nhiều người vì trốn tránh đau khổ đời người, trăm phương ngàn kế tìm sự kích thích cảm quan và mê hoặc tinh thần, trên thực tế đây là bệnh tự sát kinh niên, và không thể thật sự thoát khỏi đau khổ đời người, trái lại chỉ có thể là “Rút dao chém xuống nước, nước càng chảy xiết, nâng cốc tiêu sầu, sầu càng sầu hơn”. Cứ như vậy rơi vào tuần hoàn ác tính đáng sợ, cuối cùng đi tới vực thẳm tự hủy diệt.

Cũng có không ít người vì không chịu nổi đả kích của đau khổ cuộc đời mà bước vào con đường tự sát. Họ cho rằng cái chết cuối cùng giải thoát được cái khổ của đời người, cũng có lẽ họ được giải thoát, nhưng lại để lại cho người thân, bạn bè, các thầy và bạn học của họ lại có bao nhiêu nỗi đau khổ đời người đây? Cho nên phương thức của cái gọi là trốn tránh, giải thoát đau khổ đời người này chỉ có thể là làm tăng đau khổ của người đời.

Lỗ Tấn tiên sinh trong *AQ chính truyện* đã miêu tả một người tên là AQ, bí quyết đời người của anh ta là Phép thắng tinh thần. Thắng Tây giả dùng chiếc ba toong gõ gõ lên anh ta mấy cái, anh ta không dám chống lại bằng hành động hiện thực, mà chỉ ở sau lưng kêu lên vài câu “con đánh bố”, cũng đã thấy mãn nguyện. Cái tinh túy của phép này là điều chỉnh tâm lý, nghĩa là khi

yêu cầu của bản thân mình không phù hợp với trạng thái bên ngoài, không phải là làm thay đổi trạng thái tồn tại của vật bên ngoài, mà là điều chỉnh nhu cầu tinh thần của mình, khiến cho quan niệm tâm lý dần tới cân bằng với trạng thái của vật bên ngoài.

Việc này có tính tiêu cực rất lớn, phấn đấu của đời người là phải hết sức thực tế, là phải dũng cảm làm thay đổi trạng thái tồn tại của ngoại vật phù hợp với nhu cầu của nhân loại, cho nên Phép thắng tinh thần không thể trở thành nguyên tắc phổ biến của đời người. Nhưng lại cần phải nhìn thấy, trong điều kiện đặc biệt nhất định, nhất là trong tình huống ham muốn vật chất của con người quá mạnh đến nỗi vượt quá khả năng hiện thực, chú ý điều chỉnh dự vọng của cá nhân, khiến nó dần tới cân bằng với điều kiện hiện thực, vẫn là vô cùng cần thiết, nó có thể giảm bớt rất nhiều, rất nhiều đau khổ của đời người.

4. Vấn đề tính ba mặt của đời người

Người hiện đại muốn nhận thức và hiểu tính ba mặt của sinh mệnh. Nói chung sinh mệnh trong con mắt của người ta chẳng qua là một quá trình của một con người từ lúc sinh ra đến lúc chết. Sinh mệnh của một người chỉ có một lần, cách nhìn này là không hoàn toàn. Cấu thành của sinh mệnh trên thực tế có tính ba mặt, không hiểu rõ và không biết điều này, đối với đời người đều có hại rất lớn.

Như thế nào gọi là tính ba mặt của sinh mệnh? Một là sinh mệnh sinh lý, tức là quá trình sinh mệnh có thể dùng thời gian để đo lường. Những người coi trọng sinh mệnh sinh lý, thường thường say mê với cách dưỡng sinh, thích rèn luyện thể dục, thích chăm sóc việc ăn uống, thích uống các loại thuốc bổ. Những việc đó không có gì đáng chê trách, cũng là một trong những nội dung quan trọng của đời người. Nhưng, người ta nếu như chỉ coi trọng sinh mệnh sinh lý thì cuộc đời của họ sẽ có vấn đề, bởi vì con người đến tuổi 100 xưa nay hiếm, sinh mệnh sinh lý của mỗi người đều là hữu hạn, ngắn ngủi, dù tìm hết tất cả mọi biện pháp để kéo dài tuổi thọ của mình đi nữa, trình độ và phạm vi đạt hiệu quả đều rất có hạn.

Do đó, người ta nên và cũng cần phải coi trọng mặt thứ hai của sinh mệnh - sinh mệnh nội hàm. Sinh mệnh nội hàm tức là tổng hòa các sự kiện một đời của con người kinh qua, trong quá trình sinh tồn sự kiện một người từng kinh qua càng nhiều, sinh mệnh nội hàm của họ càng phong phú. Ngược lại thì sinh mệnh nội hàm nghèo nàn. Có thể nói, sinh mệnh sinh lý là một lượng tương đối cố định, còn sinh mệnh nội hàm thì là một lượng tương đối có thể biến đổi.

Vì thế những người có sinh mệnh sinh lý ngắn mà sinh mệnh nội hàm phong phú, giá trị đời người của họ sẽ phải lớn hơn những người có sinh mệnh sinh lý dài mà sinh mệnh nội hàm nghèo nàn. Nói cách khác, người có sinh mệnh nội hàm phong phú trên thực tế đã kéo dài sinh

mệnh sinh lý của họ. Hơn nữa tính có thể điều khiển của sinh mệnh nội hàm đặc biệt lớn, người ta nếu như dám dũng cảm đón nhận thách thức đời người, đối mặt với hoàn cảnh sinh tồn khắc nghiệt, thích đời người biến động, sẽ có thể làm phong phú sinh mệnh nội hàm của họ. Mặt thứ ba của sinh mệnh gọi là sinh mệnh siêu việt, tức là người ta sau khi chết có thể nhận được sự tưởng nhớ của mọi người và sự tôn sùng của xã hội. Sinh mệnh nội hàm của con người dù phong phú đến mấy, cũng có thể vì bị giới hạn của sinh mệnh sinh lý mà trở thành hữu hạn. Do đó, người ta còn phải coi trọng sinh mệnh siêu việt, tức là thông qua sự hiến dâng vô tư cho loài người, đưa ra những phát minh khoa học phi thường, viết ra các tác phẩm bất hủ, hoặc tìm kiếm các phương thức khác để thực hiện sự vĩnh hằng và bất hủ của mình.

Mỗi một con người hiện đại đều nên đồng thời coi trọng tính ba mặt của sinh mệnh, xem nhẹ hoặc vứt bỏ bất cứ mặt nào của sinh mệnh, đều sẽ sinh ra nguy cơ sâu sắc về ý nghĩa đời người trong biến động xã hội lớn lao. Ví dụ nói, nhiều người coi trọng sinh mệnh sinh lý, việc đó rất tốt, nhưng lại không thể chỉ giới hạn ở đó, mà nên coi trọng sinh mệnh nội hàm hơn. Bởi vì con người vẫn là có sinh có tử, cần phải từ con đường làm phong phú sinh mệnh nội hàm để vượt qua giới hạn của sinh mệnh sinh lý. Việc đó đòi hỏi người ta phải dũng cảm sáng tạo cái mới, tiếp nhận thách thức mới, khai thác không gian mới của đời người, hiện ra một cách đầy đủ tiềm năng của mình trong các quá trình tuyển chọn của đời người. Đương nhiên, theo đuổi làm phong phú sinh mệnh nội hàm cũng cần phải nắm mức độ nhất định, chớ để chín quá hóa nẫu, nếu như thoát ly thực tế, chìm đắm trong dục vọng tày biển thì không thể tự rút ra được. Thiếu sự sắp đặt tinh thần sẽ luôn luôn hiện lên nỗi ngao ngán của đời người, nhất là vì theo đuổi, kích thích sinh mệnh càng nhiều mà hăng hái mạo hiểm, việc này sẽ không đáng chọn. Do đó, người ta lại phải coi trọng sinh mệnh siêu việt, tức là theo đuổi đối với giá trị tinh thần qua con đường sáng tạo để đạt được mục tiêu cuối cùng đời người là vĩnh hằng và bất hủ.

5. Vấn đề “tử vong quan” (quan niệm về tử vong)

Bàn về đời người, bàn về vấn đề đau khổ của đời người, sẽ không thể không đề cập đến vấn đề tử vong của con người. Đây không chỉ là vì tử vong là đau khổ lớn nhất của đời người, hơn thế, bản thân nó là bộ phận cấu thành quan trọng của đời người. Cũng có nghĩa là “sinh” phải định nghĩa từ “tử” (chết) mới có thể hiểu được, mới là sinh mệnh tồn tại thật chân chính. Do đó coi trọng “tử”, tìm hiểu “tử” là cần thiết của mọi người có nhân sinh quan lành mạnh.

“Tử” (chết) là một tử không may mắn, tốt lành ở Trung Quốc, mọi người đều tránh nó. Nhà triết học cổ đại Trung Quốc là Khổng Tử khi trả lời các đệ tử vấn đề thế nào là “tử vong” có một đoạn đối thoại rất có ý nghĩa mà ảnh hưởng rất sâu xa như sau:

Quý Lộ hỏi đến việc thờ quỷ thần, Khổng Tử nói: Vị năng sự nhân, yên năng sự quỷ? (Người sống còn chưa thể gánh vác hết công việc, làm sao có thể gánh vác công việc người chết). Tử Lộ lại mạnh dạn hỏi đến việc “tử” (chết). Khổng Tử nói: “Vị tri sinh, yên tri tử?” (Đạo lý của

việc sinh còn chưa làm rõ ràng, làm sao có thể hiểu được việc chết? Theo Khổng Tử, đạo lý của việc sinh đã khó mà chưa hiểu được đến tận cùng, lại làm sao có thể (hoặc cần phải) đi nghiên cứu sâu vấn đề của việc chết? Quan niệm này có tác dụng nhất định đối với việc người ta chuyên tâm khai thác sự nghiệp khi còn sống, không nhớ đến tính khủng bố của việc chết, nhưng xét về căn bản là có khiếm khuyết.

Trong cuộc sống hiện thực, từng giờ từng phút đều có người sinh, cũng có người chết, chết là một bộ phận tạo thành rất quan trọng trong đời sống con người, là nhân tố quan trọng tạo thành bản chất đời người. Con người sau khi sinh ra, từng giây từng phút trôi đi, nhìn ngoài mặt là sinh, nhưng thực chất lại là quá trình đang rảo bước tiến về cái chết, từng phút từng giây qua đi, có nghĩa là con người cách cái chết gần hơn. Vì vậy, sinh bao hàm chết, chết lại chứa đựng sinh, từ góc nhìn này khảo sát vấn đề sinh tử, sẽ có thể hiểu rõ ràng một đạo lý: Thà nói “Việc chết còn chưa rõ, sao hiểu được hết việc sinh?”, còn hơn nói “Việc sinh còn chưa rõ, sao hiểu được việc chết?”.

Trước tử vong, người ta đầu tiên sẽ phát ra đủ mọi điệu thở than, như “Đời người như biển ảo, cuối cùng trở về với hư vô”, “Đời người như hạt bụi, hạt sương, đạo trời vời vợi nghìn trùng”, “Đời người sống gửi một đời, bỗng chốc như bụi bay” v.v... Những lời than thở này lưu truyền từ nghìn xưa, mới nhìn như tiêu cực suy đồi, thực ra thì chứa đựng ham muốn yêu mến tha thiết và mãnh liệt của loài người đối với sinh mệnh, đương nhiên cũng chất chứa vẻ thê lương đáng tiếc của người ta đối mặt với cái chết. Về khách quan, sinh mệnh của mỗi người là hữu hạn, ngắn ngủi. Về chủ quan, mỗi người đều mong đợi trường sinh, thậm chí vượt khỏi tử vong, từ hữu hạn đạt đến vô hạn và vĩnh hằng. Tồn tại thực tế của cái chết này và khát vọng của con người đối với đời người, mâu thuẫn của hữu hạn, tạm thời với vô hạn, vĩnh hằng, xuyên suốt toàn bộ lịch sử sinh tồn của loài người. Có một số người tìm được chìa khóa giải quyết mâu thuẫn này, họ sẽ có thể cảm thấy cuộc sống được đầy đủ, có ý nghĩa, lúc sắp chết cũng có thể mỉm cười, hiện ra vẻ hòa nhã ung dung. Còn người không giải được mâu thuẫn này thì trước tử thần hoặc là hết sức sợ hãi hoặc là bi quan, tinh thần suy sụp.

Vậy thì chết là gì? Loài người từ lâu đã nhận thức chết là từ góc độ sinh lý học. Thời kỳ xa xưa, người ta cho rằng một người không thể động dậy nữa, chính là đã chết. Về sau phát hiện người ta không có khí (thở) mới là chết. Loài người tiến hóa, ý thức được rằng tim ngừng đập thì chết. Còn y học hiện đại thì lấy não chết là tiêu biểu của người chết. Loại định nghĩa của chết luôn không ngừng thay đổi, trên thực tế thì có nghĩa là vô số người chưa chết bị xem là xác đã chết, đã đem cho vào quan tài đóng đinh chôn vào trong đất. Đây chính là nguyên nhân vì sao trong nhiều truyền thuyết cũ xưa, trong tiểu thuyết có tình tiết có nhiều ma quỷ phá quan tài nhảy ra như thế, đây đương nhiên không phải là ma quỷ, mà là người sống bị người ta nhầm cho là người chết.

Hơn nữa, quá trình khoa học nhận thức việc chết vẫn còn tương đối dài, não tử vong (chết não) khẳng định chưa phải là định nghĩa cuối cùng của người chết, cũng có nghĩa muốn nói là việc người sống xem là người chết sẽ còn tồn tại tiếp tục một cách dài lâu. Sự sinh tồn của loài người chính là lạ lùng như thế, chính là bi thảm như thế. Cho nên, loài người ngoài cái chết của sinh lý ra, càng nên coi trọng ý nghĩa triết học và xã hội học qua tử vong, ý thức được mất khả

năng tinh thần của mình, cũng là một loại chết. Khía cạnh của nhận thức tử vong này vô cùng quan trọng, người ta từ đây bèn có thể xây dựng một loại trí tuệ về tử vong khoa học mà hợp ý, tích cực phát triển và vận dụng tư duy lý tính, trong tình huống tử vong không ngừng đến gần, luôn luôn xem xét lại đời người, ngưng đọng được tính bức thiết và tinh thần phấn đấu khi sống.

Trước tiên mọi người phải ý thức được rằng, chết là không thể tránh, nó thể hiện chính là quy luật phổ biến của vũ trụ mới cũ thay nhau, phát triển vĩnh hằng. Cho nên, vấn đề quan trọng không ở chỗ con người có thể tránh hoặc tránh tử vong như thế nào được hay không, mà ở chỗ nhìn thẳng vào mình, chết vì cái gì mới là xứng đáng, đón nhận cái chết giáng đến như thế nào mới là có giá trị nhất. Trong thực tế, trên quan niệm phải phá bỏ một cách nhìn, tức là cho rằng người chết có nghĩa là tất cả đều trở về không. Mặc dù con người không thể thoát khỏi thói rửa về thể xác, nhưng lại có thể thực hiện điều thần kỳ về tinh thần. Đạo Cơ đốc và chủ nghĩa tồn tại của thuyết có thần phương Tây khuyến khích người ta quy theo Thượng đế, mong mỗi từ chỗ Thượng đế hoàn toàn vĩnh hằng và có lòng thiện cao nhất được chia hưởng “vô hạn” và “vĩnh hằng”. Phật giáo thì yêu cầu người ta thông qua hàng loạt tu hành, cuối cùng thoát ra khỏi vòng luân hồi sinh tử, qua thành Phật để thực hiện vĩnh hằng. Các đạo sĩ trong Đạo giáo thì mưu toan hòa hợp âm dương của trời đất, ngưng đọng tinh hoa của vũ trụ, luyện chế được thuốc tiên trong vạc lò làm cho con người trường sinh bất tử. Những việc này đều là phương thức theo đuổi của loài người mong muốn thoát khỏi tính hữu hạn của mình, vượt qua cái chết để thực hiện vĩnh hằng.

Nhưng, từ ngoài đời người và tồn tại sinh mệnh của mình ra, đi tìm tính vĩnh hằng là có tính giới hạn rất lớn. Khi người ta một lòng hướng về Thượng đế, say mê trong bầu không khí tôn giáo thì con người là đang hao mòn sinh mệnh quý giá, không nhớ cuộc sống của đời này kiếp này. Khi người ta sống trong cảnh tối đánh trống sáng khoa chuông, tụng kinh gõ mõ qua một đời, con đường thành Phật xa vời như thế, mà nội hàm của sinh mệnh thực đã khô cạn. Khi người ta uống những thứ thuốc Tiên nước Thánh được cho là có thể giành được trường sinh bất tử, thực tế thì chính là đang làm tàn tạ sinh mệnh của mình.

Vậy thì, người ta phải có quan niệm tử vong như thế nào?

Trước hết cần phải coi trọng vấn đề tử vong. Đưa mắt nhìn khắp thế gian có thể phát hiện: Thiên hạ vui vẻ hơn hở, đều vì lợi đến, Thiên hạ rối loạn đều vì lợi đi. Trên thực tế đây là một việc hiểu rất hẹp hòi và lệch lạc, có thể dẫn đến việc điều khiển cuộc đời sai lầm. Xét về căn bản, nội dung của đời người thực tế do hai bộ phận lớn tạo thành: Một là sinh tồn và cuộc sống, hai là sự ngưng lại của sinh mệnh và tử vong. Cho nên một người chỉ chăm chú vào việc sống, chưa hẳn có thể sống rất tốt, mà chỉ có hiểu thấu triệt chết, mới có thể sống tốt hơn.

Nghiên cứu nguyên nhân của nó thì người ta nếu như hoàn toàn vùi đầu vào trong cuộc sống kinh tế, cuộc sống vật chất và cuộc sống giao tiếp giữa người với người hàng ngày, không có tầm nhìn và theo đuổi có tính siêu việt thì sự chuyển đổi đời người của họ sẽ nhất định có hạn, khi tử vong giáng đến không thể tránh, họ thường thường đành chịu mang theo vẻ đau buồn và than thở đáng tiếc rằng: Làm sao tôi còn chưa được hưởng lạc đầy đủ, đã phải xa rời thế giới phồn hoa này? Trên thực tế, công khai một cách vững chắc tính ngắn ngủi và tính hữu hạn của

sự sinh tồn của con người, làm cho chúng ta có thể trực tiếp đối mặt và suy nghĩ vấn đề tử vong là vô cùng quan trọng. Nhà triết học Đức M. Heidegger cho rằng, đời người của chúng ta bị tri giác hàng ngày thống trị, trong đó biểu hiện quan trọng nhất là quan niệm thời gian, xem thời gian là quá trình một chiều trôi đi mất không thể đảo ngược là thích ứng với hoạt động rườm rà của tri giác hàng ngày đối với sự vật bên ngoài. Mà trên thực tế, thời gian vốn thật không phải là một chiều, trôi đi mất, mà là không có phân biệt của tương lai, hiện tại và quá khứ, là hiện tại vĩnh hằng.

Như vậy, sinh mệnh và tử vong của con người sẽ không phải nằm ở hai đầu của thời gian, mà là cùng đan xen với nhau. Tử vong xuất hiện ra khi thế giới của con người tất cả đều ẩn giấu đi hết, nên là khả năng sinh tồn vốn có của con người không thể vượt qua, là thế giới trống không. Cho nên, tử vong là vận mệnh của loài người, ý nghĩa sinh tồn của con người được quy định là đem sinh mệnh của con người ném vào tử vong lại bật trở lại. Thế là sinh tồn vốn thực của con người là dũng cảm gánh chịu lấy vận mệnh của loài người, mà không phải là chạy trốn trước tử vong. Ông vạch ra rằng, để chăm sóc và bảo hộ sự sinh tồn ngắn ngủi của con người, người ta cần phải cứu vớt trái đất, bảo hộ vùng trời, mong chờ đấng thần thánh, chỉ dẫn kẻ sinh mệnh ngắn ngủi, tiến hành cuộc nhảy múa chung lông lẩy của trời, đất, con người và thần thánh, chỉ có như thế mới có thể sống trên trái đất này một cách đầy thi vị.

Nói một cách chân thực là loài người có đặc tính là phải chết, đặc biệt là tính ngắn ngủi của sinh mệnh, khiến cho người ta theo đuổi hưởng thụ thoải mái, không có gì đáng trách, đây cũng là cơ chế thúc đẩy tiến bộ văn minh của nhân loại. Vấn đề là ở chỗ, khi con người lấy hưởng lạc làm mục tiêu duy nhất của sự sinh tồn, cuối cùng ắt sẽ sinh ra cảm giác mất, cảm giác chán đời và lời than thở “nhìn thấy hoa rơi mà đành chịu vậy”, bởi vì mục tiêu đời người này quá thế tục, quá cảm tính và quá vật chất hóa. Hơn thế, cái gọi là hưởng lạc cao cấp, thực là như chỉ nhìn thấy hoa ở trong gương, trăng ở dưới nước mà không thể với tay được tới. Bởi vì hưởng lạc được hay không là một lượng biến đổi, việc theo đuổi ham muốn thì không dừng lại, lấy nó làm mục tiêu đời người, bất cứ ai đều không nên hy vọng có thể nhận được sự bình tĩnh tâm lý trong phút chốc.

Vì vậy, người ta phải cố gắng có quan niệm tử vong (tử vong quan) khoa học mà hợp ý, nó có thể giúp con người xây dựng một mục tiêu đời người có tính siêu việt. ở đây trước hết chỉ tầm nhìn có tính siêu việt, tức người đang sống phải đứng trên điểm gốc là sau khi chết để suy nghĩ vấn đề nhân sinh để xác lập con đường sinh tồn của chính mình. Hai là còn phải có lý tưởng đời người có tính siêu việt, nó có thể kích thích người ta cố gắng phấn đấu cả một đời chứ không phải nhất thời, đồng thời khiến nó trở thành nơi xếp sắp sinh mệnh vĩnh hằng của mình. Ba là còn phải có điều khiển đời người có tính siêu việt, nghĩa là không lấy hưởng lạc vật chất làm trạng thái đời người duy nhất và cao nhất, mà là sáng tạo ra vật vĩnh hằng nào đó, nó ngưng tụ tâm huyết của mình, mang theo tiêu chí của cá nhân mình, nhờ đó người ta liền vượt qua giới hạn của tử vong, giành được sự bất hủ và vĩnh hằng.

III - Giá trị hiện đại của tinh thần nhân sinh văn sơn

Sau khi đọc xong “nhân sinh quan” và “nhân tử quan” con người hiện đại cần phải xây dựng lên, chúng ta có thể kéo dài tầm nhìn, lấy sự tích đời người của Văn Thiên Tường chiếu sáng ngàn thu trong lịch sử Trung Quốc để làm tăng thêm một bước sự hiểu biết của mình.

Ngày nay cách sự việc “sát thân thành nhân” (bỏ mình để cho vẹn điều nghĩa) của Văn Thiên Tường đã có thời gian hơn bảy trăm năm. Gần tám thế kỷ trở lại đây, mọi việc làm của Văn Thiên Tường, thơ văn của ông, tinh thần của ông luôn luôn cổ vũ các chí sĩ thương dân yêu nước của dân tộc Trung Hoa đối mặt với sự xâm lược và áp bức của nước ngoài, tai họa trong nước, anh dũng bất khuất, vùng dậy chống cảnh ngang trái, từ đó khiến cho dân tộc Trung Hoa có thể hết lần này đến lần khác khôi phục lại trước sự tấn công xâm lược của bên ngoài, đứng sừng sững ở phương đông của thế giới. Vì vậy, phân tích và khái quát tinh thần Văn Sơn có ý nghĩa lý luận và ý nghĩa hiện thực vô cùng quan trọng đối với việc chúng ta thật sự tìm hiểu chủ nghĩa yêu nước, thật sự nắm bắt tính đặc biệt của tinh thần dân tộc Trung Hoa.

Nói chung, chủ nghĩa yêu nước được cho rằng chủ yếu chỉ người ta vùng dậy chống lại sự xâm nhập của kẻ thù bên ngoài, có tình cảm nồng nàn đối với tổ quốc của mình, tràn đầy lòng quyến luyến sâu nặng đối với dân tộc, đối với giang sơn của quê hương, đối với cha ông. Giới học thuật phổ biến cho rằng chủ nghĩa yêu nước này cấu tạo thành hạt nhân của tinh thần dân tộc Trung Hoa.

Tác giả cho rằng, cách nhìn cũ này là không đúng, ít nhất là không chuẩn xác. Bởi vì chủ nghĩa yêu nước là một loại tinh thần các dân tộc trên thế giới phổ biến đều có. Dân tộc Pháp có chủ nghĩa yêu nước, dân tộc Đức có chủ nghĩa yêu nước, tính mạnh mẽ của nhiệt tình yêu nước của dân tộc Daiwa (Đại Nhật) và dân tộc Do Thái biểu hiện ra thậm chí làm cho người đời phải khâm phục mãi. Từ lịch sử và hiện thực để xét, chủ nghĩa yêu nước đã không bám hút vào một dân tộc riêng nào đó một cách tất nhiên, mà ngày càng trở thành một khái niệm chính trị khu vực và khái niệm của chủ nghĩa quốc gia.

Ví dụ như dân tộc Hoa Kỳ là một tụ hợp của nhiều dân tộc trên thế giới, người ta lại dạt dào tình cảm yêu nước mạnh mẽ đối với nước Mỹ v.v...

Cho nên, đem chủ nghĩa yêu nước quy kết một cách chung chung là hạt nhân của tinh thần dân tộc Trung Hoa là không đúng, cách nhìn này trên thực tế đã làm cản trở chúng ta tiến hành tìm hiểu và nắm chắc chuẩn xác đối với tinh thần dân tộc Trung Hoa. Trên thực tế, chủ nghĩa yêu nước của các dân tộc, các quốc gia đều có đặc thù và biểu hiện khác nhau, nó mới thật sự là bộ phận cấu thành hữu cơ của tinh thần dân tộc đó. Cũng có nghĩa là chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Trung Hoa có tính riêng biệt tự thân của nó, có cái khác với bản chất riêng và hình thái biểu hiện của dân tộc Pháp, dân tộc Đức và dân tộc Hoa Kỳ, nó mới thật sự là nhân tố cấu thành của tinh thần dân tộc Trung Hoa, mới là cái mà chúng ta cần phải nghiêm chỉnh thảo luận nghiên cứu và nắm bắt.

Thế thì, chúng ta đi tìm đặc tính riêng biệt này như thế nào? Cần phải khai thác và tìm kiếm từ

trong lời nói, việc làm của các chí sĩ yêu nước trong lịch sử dân tộc Trung Hoa, từ góc nhìn đó để xét, nghiên cứu tinh thần nhân sinh của Văn Sơn sẽ có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Bởi vì một đời của Văn Thiên Tường đã thể hiện đặc tính riêng của chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Trung Hoa, do đó cũng trở thành nhân tố cấu thành của tinh thần dân tộc Trung Hoa.

Tinh thần nhân sinh Văn Sơn có thể khái quát và tổng kết từ nhiều góc độ, nhiều mặt, nhưng tác giả cho rằng, ít nhất có ba mặt có liên hệ hữu cơ dưới đây:

1. Tinh thần “thiên hạ là trách nhiệm của mình”

Văn Thiên Tường có thể nói là một nhân vật điển hình do văn hóa Nho gia nhào nặn nên. Ông từ nhỏ học sách Thánh hiền, sớm đã thai nghén tinh thần “Thiên hạ là trách nhiệm của mình”, do đó đã bước vào con đường “học giỏi để làm quan” của Nho gia, thông qua khoa cử đỗ Trạng nguyên, mà chức vụ cao đến Tể tướng. Ông vừa là tín đồ trung thực của Nho gia, cũng là cụ thể hóa và hiện thực hóa nhân cách lý tưởng của Nho gia. Về sau, ông với tư cách là một thư sinh dựng cờ nghĩa, mưu toan cứu vãn vận mệnh chìm đắm của vương triều Nam Tống, thực tiễn một đời của ông chính là những lời dạy xưa của sách *Đại học*, từ tu thân đến tề gia, đến trị quốc, đến bình thiên hạ. Mặc dù hoài bão to lớn trị quốc bình thiên hạ của ông cuối cùng thất bại, nhưng Văn Thiên Tường lại do nhân cách cao thượng, đạo đức trong sạch của ông và giữ vững lý tưởng của mình nên mọi người đều truyền tụng, sự tích của ông lưu truyền đời đời, trở thành anh hùng dân tộc một thời.

Quan niệm “Thiên hạ là trách nhiệm của mình” của Nho gia có lịch sử lâu đời, là một trong những hạt nhân của lý luận của họ. Từ tinh thần bền gan vững chí biết là nó không thể mà vẫn làm của Khổng Tử đến danh ngôn của Mạnh Tử Lạc dĩ thiên hạ, ưu dĩ thiên hạ (cùng vui, cùng lo với thiên hạ). Từ câu thơ của Phạm Trọng Yểm Thiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc (Lo cái lo trước thiên hạ, Vui cái vui sau thiên hạ), đến những lời hào tráng của Cố Viêm Vũ Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách (Sự hưng vong của thiên hạ, kẻ thất phu có trách nhiệm), đặc biệt là câu đối của chí sĩ Đông Lâm nêu: Phong thanh, vũ thanh, đọc thư thanh, thanh thanh nhập nhĩ. Gia sự, quốc sự, thiên hạ sự, sự sự quan tâm (Tiếng gió, tiếng mưa, tiếng đọc sách, mọi tiếng đều vào tai. Việc nhà, việc nước, việc thiên hạ, mọi việc đều quan tâm) v.v...

Không có cái nào không xuyên suốt ý thức tư tưởng “Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, không có cái nào không toát ra tinh thần “Thiên hạ là trách nhiệm của mình” mạnh mẽ. Một đời của Văn Thiên Tường chính là sự khắc họa của tinh thần này, ông cuối cùng bại trận bị bắt làm tù binh, sau khi bị cầm tù thời gian dài, ông đã anh dũng hy sinh vì nghĩa lớn, tấm gương của ông là sự thể hiện cao nhất của tinh thần “Thiên hạ là trách nhiệm của mình”.

Thực chất của tinh thần “thiên hạ là trách nhiệm của mình” là ở chỗ cá nhân phải vượt ra khỏi giới hạn của sự được mất, cái sống cái chết của cá nhân, đứng trên tầm cao của dân tộc hưng suy và quốc gia hưng vong để nhìn vấn đề, để quy phạm lời nói, việc làm, suy nghĩ và ý tưởng của mình. Sau nữa, tinh thần “thiên hạ là trách nhiệm của mình” còn đòi hỏi người ta phải có sự sẵn sàng ân cần cuối cùng đối với gia đình, gia tộc và toàn thể dân chúng, có nỗi đau như cắt đối với cảnh lầm than của sinh linh, tai họa của dân chúng, và từ đó phát ra động lực đòi người to lớn, phấn đấu cho hạnh phúc của dân chúng, sự ổn định yên vui của xã hội, cho dù gan óc có lầy dốt cũng không tiếc. Những việc này chính là yêu cầu cơ bản của quan niệm cốt lõi của tư tưởng Nho gia là “nhân ái”.

Quan sát kỹ cuộc đời của Văn Thiên Tường, không có chỗ nào không cảm nhận được tinh thần “thiên hạ là trách nhiệm của mình” mạnh mẽ, chính là nó đã thôi thúc Văn Thiên Tường vứt bỏ tất cả mọi tư lợi, loại bỏ tất cả mọi tính toán cá nhân, cống hiến toàn bộ sức mạnh, kể cả sinh mệnh đáng quý nhất của mình cho người khác, cho dân tộc, cho nước nhà.

2. Tinh thần “đại trượng phu”

“Đại trượng phu” hoàn toàn không phải chỉ chủ nghĩa “đại nam tử” ức hiếp phụ nữ của thế tục, càng hoàn toàn không phải chỉ cái dũng của kẻ thất phu lỗ mãng, mà là chỉ một nhân cách vĩ đại, một khí tiết anh dũng bất khuất, không hề biết sợ hãi. Ngày nay người ta nói chung đều dùng “phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” (giàu sang không thể mê hoặc, nghèo khó không thể lung lay, vũ lực không thể khuất phục) để chỉ Văn Thiên Tường, nhưng hoàn toàn quên mất câu “Thử chi vị đại trượng phu” (Đây gọi là đại trượng phu) trong đoạn thoại của Mạnh Tử (sách *Mạnh Tử. Đằng Văn công hạ*). Văn Thiên Tường có thể chửi thẳng vào mặt bọn gian thần nịnh hót quyền thế ngút trời ở triều đình mà không chút sợ hãi. Ông có thể đối mặt với quân Nguyên như hổ sói, bán gia sản lấy tiền, tụ tập hàng vạn người, kiên quyết xông ra chiến trường chống quân Nguyên.

Ông có thể không sợ gian nguy và an nguy của sinh mệnh, xông vào đại bản doanh của quân Nguyên, đối mặt với cái chết đang ập đến, hô to: “Ta là Tế tướng, Trạng nguyên Nam triều, nhưng đang nợ một cái chết để báo đền đất nước, dù bất cứ hình phạt tàn khốc nào, ta cũng không sợ”, chính là vì ông có sẵn tinh thần đại trượng phu, dù là tướng lĩnh của quân Nguyên nhìn thấy Văn Thiên Tường hiên ngang lâm liệt cũng phải khiếp vía gọi là trượng phu. Văn Thiên Tường đích thực xứng đáng là một trượng phu chân chính, một trượng phu vĩ đại, một trượng phu lớn. Do vậy, muốn tìm hiểu Văn Thiên Tường, nắm bắt tinh thần Văn Sơn, cần phải trước hết làm rõ như thế nào là đại trượng phu, tinh thần đại trượng phu là gì? Từ đại trượng phu xuất phát từ “Đạo đức kinh” rất sớm, Lão Tử nói:

Phù lễ giả, trung tín chi bạc nhi loạn chi thủ.

Tiền thức giả, đạo chi hoa nhi ngu chi thủy.
Thị dĩ, đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc.
Xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử.

Dịch ý:

"Lễ" là sản vật của lòng trung tín không đủ, là nhân tố khởi đầu họa loạn.

Cái gọi là sáng suốt của việc nhìn thấy trước, chẳng qua là cái giả dối của "đạo", là sự bắt đầu của ngu muội.

Cho nên bậc đại trượng phu lập thân thực thà, mà không ở chỗ khe khắt, giữ lòng mình ở chỗ chất phác, mà không ở chỗ giả dối. Do vậy phải vứt bỏ khe khắt giả dối mà chọn thực thà chất phác.

Đại trượng phu ở đây là chỉ người có trí tuệ lớn, họ không phân biệt bừa vạ sự vạ vật, cũng không phê phán vạ sự vạ vật một cách chủ quan, giữ được sự thấu suốt hoàn toàn của chủ thể với khách thể, vì vậy không cần đạo đức lễ nghi của xã hội và trí tuệ nhỏ nhoi của cá nhân. Từ đó ta thấy, đại trượng phu với ý nghĩa này không phải là nhân cách và khí tiết mà Văn Thiên Tường ra công ra sức phỏng theo và giành được. Tinh thần đại trượng phu mà Văn Thiên Tường thật sự tin phục là đoạn văn trình bày trong sách *Mạnh Tử*:

Nên ở trong ngôi nhà rộng rãi nhất trong thiên hạ (tức nhân), đứng trên vị trí đúng đắn trong thiên hạ (tức lễ), đi trên đường lớn sáng sủa nhất thiên hạ (tức nghĩa). Khi đắc chí cùng dân chúng men theo con đường chính thẳng tiến, khi không đắc chí cũng tự mình kiên trì nguyên tắc của mình. Giàu sang không thể làm rối loạn lòng mình, nghèo hèn không thể thay đổi ý chí của mình, quyền thế vũ lực không thể khuất phục khí tiết của mình. Đó gọi là đại trượng phu.

Sách *Văn tử*. *Tinh thành thiên* cũng nói: Người gọi là đại trượng phu, bên trong mạnh mà bên ngoài sáng, bên trong mạnh như trời đất, bên ngoài sáng như mặt trời, mặt trăng. Trời đất đều đầy sương, mặt trời mặt trăng đều chiếu sáng.

Đại trượng phu ở ý nghĩa này là chỉ người ta vì bên trong có đức tính đầy đủ, bên ngoài tuân theo quy phạm đạo đức và chuẩn tắc xã hội một cách tự giác, vì thế có thể khi đắc chí tỏa ra một cách đầy đủ tâm trí và thể năng của cá nhân, mưu lại hạnh phúc cho dân chúng trong thiên hạ, khi không đắc chí cũng giữ vững nguyên tắc không dao động, thực hiện được giàu sang không thể làm rối loạn lòng mình, nghèo hèn không thể làm thay đổi ý chí của mình, uy vũ không thể khuất phục được khí tiết của mình.

Đây chẳng phải chính là sự khắc họa chân thực cuộc đời của Văn Thiên Tường đó sao? Văn Thiên Tường từ bé đã lo cho nước cho dân, sau khi làm quan, bất kể là ở triều đình hay là nhận chức quan địa phương đều có sự quan tâm sâu sắc đối với nỗi đau khổ của dân chúng và sự an nguy của quốc gia. Còn sau khi chống quân Nguyên thất bại bị bắt làm tù binh, không hề động lòng đối với sự cám dỗ của quan cao lộc hậu, trong hoàn cảnh sinh tồn tột tệ vẫn sống ung dung, càng không chút sợ sệt đối với sự uy hiếp của tử vong, biểu hiện sự vĩ đại của nhân cách và khí tiết của một đại trượng phu một cách chân chính.

Vấn đề hiện tại là, Văn Thiên Tường thông qua phương pháp như thế nào trở thành đại trượng phu? Đại trượng phu là một loại nhân cách và tinh thần cao cả rồi cuộc là gì? Đây không chỉ là mấu chốt để hiểu rõ tinh thần Văn Sơn, còn là mấu chốt để hiểu rõ chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Trung Hoa và đặc chất tinh thần của nó.

Năm 1281, Văn Thiên Tường bị cầm tù trong nhà lao của “Ty Binh mã”, bị quấy nhiễu của bảy loại khí là: thủy khí, thổ khí, nhật khí (khí Mặt trời), hỏa khí, nhân khí (hơi người), uế khí (khí bẩn), ông tự gọi dùng một loại “chính khí” nên đã chiến thắng sự quấy nhiễu của các loại khí xấu đó. Để bày tỏ ý chí của mình cũng để ca ngợi chính khí này, Văn Thiên Tường đã khoa bút viết bài Chính khí ca mà mọi người đều ưa thích.

Qua bài thơ ta thấy, loại chính khí nâng đỡ Văn Thiên Tường chiến thắng bất cứ gian nan hiểm trở nào chính là “Hạo nhiên chi khí” (tinh thần ngay thẳng cương trực) mà Mạnh Tử nói, còn Mạnh Tử cũng xem “hạo nhiên chi khí” là thuộc tính căn bản của đại trượng phu. Cho nên muốn có tinh thần đại trượng phu, trở thành một đại trượng phu chân chính, thì cần phải bồi dưỡng “Hạo nhiên chi khí”. Nhưng “Hạo nhiên chi khí” là gì? Chính Mạnh Tử đã nói “khó nói được thật rõ ràng”, cho rằng “Loại khí này, vĩ đại nhất, cứng rắn nhất, dùng phương pháp chính đáng bồi dưỡng nó, không có một chút tổn hại, sẽ có thể tràn khắp trời đất, không chỗ nào không có.

Loại khí này phải phối hợp chính nghĩa với đạo Thánh hiền, thiếu nó, thì không có sức mạnh. Loại khí đó sinh ra khi thường xuyên tập hợp hành vi chính nghĩa, không phải là hành vi chính nghĩa ngẫu nhiên có thể giành được. Chỉ cần làm một việc trong lòng lấy làm hổ thẹn, thì loại khí đó sẽ khô kiệt”.

Việc đó nói lên rằng, “Hạo nhiên chi khí” tuy khó nói rõ ràng, nhưng tính chất cơ bản của nó là vĩ đại nhất, cứng rắn nhất, việc mấu chốt bồi dưỡng nó là ở chỗ phối hợp chính nghĩa với đạo Thánh hiền, đồng thời phải tiến hành bồi dưỡng đạo đức một cách kiên trì, không thể nóng vội làm hỏng việc, cũng không thể làm một việc trong lòng cảm thấy hổ thẹn, v.v... Cách nói này là thống nhất với “Trời đất có chính khí” trong bài Chính khí ca của Văn Thiên Tường chỉ ra.

Do đó có thể biết, “Hạo nhiên chi khí” trước hết là một tinh thần của đạo đức, nhưng lại không phải là ý thức tinh thần thông thường chuyên thuộc cá nhân, về thực chất nó là một loại vật chất của tinh thần, tinh thần của vật chất. Nói một cách ngắn gọn là vật chất hóa quan niệm đạo đức, bằng không thì sẽ không thể vĩ đại nhất - tràn ngập cả trời đất - tràn ngập cả vũ trụ bao la. Cũng không thể cứng rắn nhất - không gì phá nổi - giàu sang không làm xáo trộn lòng người, nghèo hèn không thay đổi ý chí, quyền thế sức mạnh không khuất phục.

Do đó, “Hạo nhiên chi khí” được hợp thành từ việc phối hợp chính nghĩa với đạo Thánh hiền, vừa là quan niệm của tinh thần, lại là thực thể của vật chất. Mấu chốt hiểu điều này là ở chỗ vượt ra khỏi cái khung tư duy của “thuyết nhị nguyên tâm vật” của phương Tây. Từ sau thời cận đại “gió Tây tràn vào phương Đông”, thuyết “nhị nguyên tâm vật” của phương Tây được

thai ghen từ phương thức tư duy phân tích cũng dần dần được người Trung Quốc hiện đại tiếp nhận. Dưới sự chi phối của phương thức tư duy này, người ta phân biệt tinh thần và vật chất rất rõ ràng, vật chất là vật chất, mà tinh thần là tinh thần, hai cái không được lẫn lộn.

Đương nhiên cũng có cách nói tinh thần biến thành vật chất, vật chất biến thành tinh thần. Nhưng đây chẳng qua chỉ là chỉ người ta có quan niệm tinh thần nào đó, liền có thể bột phát ra sức mạnh to lớn, chuyển biến thành hành vi hiện thực, đây vẫn là phương pháp phân tích tinh thần và vật chất.

Các nhà hiền triết xưa của Trung Quốc không nhìn vấn đề như vậy, cái họ có là phương thức tư duy “thiên nhân hợp nhất” (thiên nhiên và con người hợp nhất) hữu cơ, cho rằng có cái thứ ba không thể chia cắt do tinh thần và vật chất cùng kết hợp với nhau, “Hạo nhiên chi khí” là một trong những cái đó.

Chính vì nó không phải là thực thể vật chất thuần túy, mà là vật chất của tinh thần, cho nên, nó có thể vượt lên trên sự ràng buộc và giới hạn của thể xác cá nhân, mà cùng qua lại, cùng nổi thông, cùng hòa hợp thành một khối với “tinh thần trời đất”, cho nên đại trượng phu có sức mạnh nhân cách vô cùng tận, không chỉ đến từ việc tu dưỡng đạo đức của cá nhân, còn bắt rễ từ trong chính khí của trời, có thể thu hút sức mạnh trong sự lưu động biến hóa của vũ trụ Lại còn vì “Hạo nhiên chi khí” không phải là tinh thần thuần túy, mà là tinh thần của vật chất, cho nên nó mới có tính cứng rắn không gì có thể phá vỡ, có thể chống đỡ bất cứ đau khổ nào của thể xác, mọi dằn vặt của bên ngoài thậm chí cả những buồn thương và mất mát tử vong giáng đến mang lại.

Văn Thiên Tường chính là đại trượng phu có “hạo nhiên chi khí”, triều nhà Nguyên đã dùng chức Tế tướng để dụ hàng, nhưng bị ông từ chối. Quân Nguyên dùng giày vò thể xác để áp chế, Văn Thiên Tường vẫn đứng vững.

Quân Nguyên lại nhiều lần đem cái chết ra uy hiếp, Văn Thiên Tường vẫn không chút sợ sệt, thật sự đã làm được giàu sang không làm thay lòng đổi dạ, quyền thế và sức mạnh không làm khuất phục, khi bị gian thần chèn ép, giáng chức quan đầy ra ngoài Văn Thiên Tường trước nay chưa hề lung lay lòng yêu nước thương dân của ông, trong đời sống tù đầy gian khổ, cũng chưa hề thay đổi chí hướng của mình, tỏ ra một cách đầy đủ phẩm chất cao thượng nghèo hèn không đổi chí. Tất cả những cái đó đều làm nổi bật lên sự cao cả và đáng quý của tinh thần đại trượng phu, cũng làm cho Văn Thiên Tường trở thành người anh hùng dân tộc soi sáng ngàn thu.

3. Tinh thần “ba bất hủ”

Năm 574 trước công nguyên Thúc Tôn Báo đã chỉ ra rằng: “Báo tôi nghe nói Thái thượng có lập đức, sau đó là lập công (công danh), sau nữa là lập ngôn (viết trước tác, sáng lập học thuyết), mặc dù đã lâu nhưng vẫn không bị phế bỏ. Đó được gọi là bất hủ” (Xem *Tả truyện*). Cái gọi là “Lập đức, lập công, lập ngôn” đều là muốn thoát khỏi giới hạn của thể xác cá nhân, thực hiện sự vĩnh hằng về tinh thần.

Người Trung Quốc xưa từ rất sớm đã từ trong việc sinh tử của vạn vật hiểu ra được con người không thể có khả năng trường sinh bất lão, mọi người đều phải đối mặt với cái chết sẽ tới. Về thể xác đã không thể đạt được “vĩnh sinh” (sống mãi), vậy thì về tinh thần có thể thực hiện được bất hủ hay không? Thúc Tôn Báo cho rằng là có thể, đồng thời chỉ ra ba con đường: phẩm đức cao cả có thể làm cho người ta đời đời truyền tụng, kiến công lập nghiệp (xây dựng thành tựu và lập nghiệp) có thể để cho dân chúng được lợi lâu dài, ngôn luận tinh túy có giá trị vĩnh hằng, do đó đều có thể làm cho con người vượt lên trên sinh mệnh sinh lý ngắn ngủi, sống trong thế gian một cách vĩnh hằng. Các bậc thầy lớn của Nho gia rất tán thưởng đối với quan niệm “bất hủ” này, đồng thời phát huy hơn nữa, Khổng Tử đã chỉ rõ: “Người quân tử mà thanh danh cho đến khi chết vẫn không được người khác khen ngợi, đó là việc đáng tiếc”.

Việc khen ngợi ở đây thực tế là chỉ thanh danh truyền lại cho đời sau, điều người quân tử băn khoăn là sau khi chết lặng lẽ không có tiếng tăm gì, cái họ theo đuổi là sau khi chết có ảnh hưởng to lớn, sâu rộng, sự tích được người đời truyền tụng. Theo Khổng Tử muốn xứng danh thì cần phải có phẩm chất đạo đức cao cả, một con người khi sống giàu có vang lừng khắp nước, mọi người đều biết thanh danh của họ, nhưng sau khi chết có thể rất nhanh chóng bị người ta quên hết. Một con người có thể khi sống nghèo túng không được như ý, khổ hết chỗ nói, nhưng chỉ cần họ có đạo đức cao thượng, toàn tâm toàn ý mưu cầu hạnh phúc cho dân chúng, thì có thể sau khi chết thanh danh hiển hách, được mọi người tôn kính.

Khổng Tử nói: “Tề Cảnh công có bốn ngàn con ngựa, đến khi ông chết, dân chúng đều cho rằng ông ta chẳng có đạo đức gì đáng ca ngợi. Bá Di, Thúc Tề chết dưới chân núi Thử Dương, đến nay dân chúng vẫn còn ca ngợi họ. Đó chính là cái ý nghĩa này!” (sách *Luận ngữ. Quý thị*). Tề Cảnh công vì không có đức chết nên mục nát, còn Bá Di, Thúc Tề vì có nhân đức chết nên bất hủ. Do vậy, quan niệm “ba bất hủ” có thể nói là một trong những tư tưởng hạt nhân của Nho gia, thực chất nó là một loại nhân sinh quan xuất phát từ quan niệm của cái chết. Trong một đời của Văn Thiên Tường, nhất là sau khi bị bắt làm tù binh, suy ngẫm rất nhiều, cũng bàn rất nhiều đối với vấn đề của tử vong, trong đó mục đích và ý đồ chủ yếu trong lòng chính là tinh thần “ba bất hủ” của Nho gia, nổi tiếng nhất đương nhiên là bài thơ Quá linh đình dương của ông.

Bài thơ này đã diễn đạt tình cảm buồn căm ruột đau như cắt của Văn Thiên Tường nhìn thấy non sông tươi đẹp bị vó ngựa sắt của quân Nguyên giày xéo, càng nói rõ thái độ rõ ràng dứt khoát của ông đối với cái chết: Bất cứ ai cũng đều khó tránh thoát cái chết, nhưng hoàn toàn có thể thông qua sự cố gắng phấn đấu khi còn sống để “để lại tấm lòng son rạng rỡ với sử xanh!”, thực hiện sự bất hủ. Ngày 8 tháng 12 năm 1282, vua Nguyên là Hốt Tất Liệt (Hubilie) tự mình triệu kiến Văn Thiên Tường hứa phong chức “Trung thư Tể tướng” và “Khu mật sứ” để dụ Văn

Thiên Tường đầu hàng.

Văn Thiên Tường nói: “Ngoài cái chết ra, ta không làm gì khác”, từ lâu đã đưa ra ý niệm phải chết. Ngày hôm sau, Văn Thiên Tường ung dung bước lên pháp trường, khẳng khái hy sinh. Trước lúc bị sát hại, ông đã viết bài tự ca ngợi tuyệt bút, buộc vào trong dải áo. Bài văn đó nói: “Khổng Tử nói thành nhân, Mạnh Tử nói trọn nghĩa, chỉ có giữ nghĩa tận, nhân mới đến. Ta đọc sách Thánh hiền, học được điều gì? Từ nay về sau, hầu như không hổ thẹn! Tổng Thừa tướng Văn Thiên Tường tuyệt bút” (*Bài ca dải áo*), “nghĩa tận nhân đến” là tột bậc về phẩm chất đạo đức, chính cái đó có thể dẫn tới bất hủ.

Còn thơ văn của Văn Thiên Tường đều tuyệt, được mọi người ưa thích, đọc nó khiến cho người ta huyết mạch căng đầy, tinh thần hào hùng bột phát, đó là sự bất hủ của ngôn luận. Từ đó ta thấy, Văn Thiên Tường dùng năng lực tâm trí và mọi việc làm của mình, đặc biệt là bầu nhiệt huyết thực hiện lý tưởng bất hủ của nhà Nho, trở thành khắc họa chân thực nhất của tinh thần “ba bất hủ”.

Phân tích từ lý thuyết, thực chất của tinh thần “ba bất hủ” vẫn là đòi hỏi người ta nhảy ra khỏi giới hạn của cái sống (tức “sinh”), khi còn đang sống đã đứng ở chỗ sau khi “chết” để xem xét đời người, dùng những cái nhận được có tính tinh thần và tính quan niệm sau khi chết thúc đẩy mình vứt bỏ những cái nhận được có tính vật chất khi sống.

Tinh thần này không giống với ý chí rộng lớn của tinh thần “Thiên hạ là trách nhiệm của mình”, cũng khác với vẻ hào phóng rộng mở của tinh thần đại trượng phu, nó phát ra một tinh thần bi tráng nào đó. Người bình thường đều thích sống ghét chết, còn người có tinh thần “ba bất hủ” thì vì đạo nghĩa có thể ung dung đến với cái chết. Người bình thường đều tham hưởng lạc vật chất khi sống, còn người có tinh thần “ba bất hủ” thì có thể vứt bỏ vinh hoa phú quý đi không tiếc, cam chịu bần hàn, đau khổ và giày vò.

Đây là một loại theo đuổi cao cả có tính tinh thần và tính siêu việt, nó có thể thôi thúc tâm hồn con người trở nên trong sạch, hành vi đoan chính, tư tưởng ngôn luận trong sáng, làm cho con người không ngừng thăng hoa đến một ranh giới đời người cao hơn. Văn Thiên Tường chính là một vị anh hùng dân tộc có tinh thần “ba bất hủ” như thế, cho nên có thể vượt ra khỏi cái vòng yêu thích, mong cầu, tiến đến hoặc né tránh của người bình thường, lấy tinh thần bền bỉ bất khuất chiến thắng mọi khó khăn, dùng thái độ không hề biết sợ đối mặt với tử vong, ông đã dựng lên một công tích vĩ đại cho người đời sau, người đang sống nhận được sự khích lệ có tính tinh thần, còn Văn Thiên Tường đã khuất thì giành được sự bất hủ.

Xét theo một khía cạnh khác, quan niệm “ba bất hủ” về thực chất chính là một loại “tử vong quan” (quan niệm về cái chết) kiểu nhà Nho. Nho gia cho rằng “trời đất” có “đức hiếu sinh”, sự sinh trưởng, phát dục của vạn vật, sự sinh sản không ngừng của loài người, đều thể hiện bản chất của trời đất - Nhân ái, cho nên mỗi người đều nên quý trọng sinh mệnh, chú trọng tu dưỡng đạo đức khi sống, sống một cách tốt lành, dùng tất cả sự đời để phối hợp với “thiên đức”.

Vì vậy, nhà Nho kiên trì phản đối cái chết vô nghĩa, phản đối việc kết thúc sinh mệnh cá nhân do người tạo ra, thương tiếc những tổn thất to lớn về người và tài sản do chiến tranh mang đến cho đông đảo người. Theo các bậc Thánh hiền của Nho gia, đây không chỉ làm trái với đạo đức nhân luân, mà còn là sự khinh nhờn đối với trật tự của trời đất và phép lớn căn bản của vũ trụ. Nhưng đồng thời Khổng Tử lại có thuyết “sát thân thành nhân” (chết cho vẹn điều nhân), Mạnh Tử có lý luận “Xả sinh thụ nghĩa” (chịu chết cho trọn điều nghĩa) khích lệ người ta vì thực hiện đạo nghĩa mà ung dung đến với cái chết. Điều đó phải chăng là không ăn khớp với triết học sinh mệnh của Nho gia? Hoàn toàn không phải, cách chết này thực chất là thông với sống (tức sinh). Trong con mắt của nhà Nho, một người nếu như có thể vì đạo nghĩa mà hiến thân, thì có thể giành được sự bất tử. Cái chết đó chính là khâu thông tới sống, lấy cái chết mà hoàn thành sự sống muôn thuở. Khi Văn Thiên Tường ngâm nga câu thơ nghìn xưa:

*Nhân sinh tự cổ thù vô tử,
Lưu thư đàn tâm chiếu hãn thanh!*

(ý thơ:
*Đời người từ xưa đến nay ai mà không chết,
Hãy để lại tấm lòng son rạng rỡ với sử xanh!)*

Ông hoàn toàn thấm đượm tinh hoa của triết học sinh mệnh của Nho gia, đồng thời quyết tâm trở thành người thực hiện quan niệm triết học này, trên thực tế, Văn Thiên Tường thông qua cái chết thể xác của mình, đích thực đổi lại sự sống mãi có tính tinh thần, con người và sự nghiệp của ông đã trở thành bộ phận không thể cắt rời của lịch sử dân tộc Trung Hoa, đời đời được mọi người tôn kính và ca ngợi.

Nói tóm lại, mấu chốt để hiểu mọi việc làm của Văn Thiên Tường là nắm bắt một cách sâu sắc tinh thần “thiên hạ là trách nhiệm của mình”, tinh thần “đại trượng phu” và tinh thần “ba bất hủ” mà ông biểu hiện ra. Mà chính ba tinh thần này lại tạo thành tính chất đặc biệt của chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Trung Hoa, do đó trở thành yếu tố tạo thành của dân tộc Trung Hoa. Từ đây, chúng ta có thể thấm nhuần đầy đủ sự vĩ đại của nhân cách, khí tiết và tinh thần của Văn Thiên Tường, càng có thể nhận thức được một cách tha thiết tính bức xúc và ý nghĩa quan trọng của việc nghiên cứu tinh thần nhân sinh của Văn Sơn.

Bậc tiên hiền đã mất từ lâu, nhưng người kế thừa sau này có thể không cố gắng phấn đấu được không? Giương cao tinh thần dân tộc Trung Hoa, không thể chỉ dựa vào việc hô khẩu hiệu, tiến hành một phong trào tuyên truyền nào đó, nó trước hết đặt nền móng vào việc làm rõ cái gì là tinh thần dân tộc Trung Hoa, bản chất và hình thái biểu hiện của nó là gì, chỉ có quy nạp sau khi thảo luận nghiên cứu khoa học mới có thể được người Hoa toàn thế giới nhất trí thừa nhận, trở thành sức ngưng tụ lớn mạnh của dân tộc.

Trái lại, nếu chọn thái độ giả dối khó hiểu, đem một số nhân tố tinh thần không phải chỉ có

riêng của dân tộc Trung Hoa xem là yếu tố tinh thần của dân tộc Trung Hoa, như thế thì sẽ không thể có sức kêu gọi, không thể hình thành hạt nhân ngưng tụ của tinh thần dân tộc. Tình huống này cũng đồng thời thích hợp với việc nghiên cứu thảo luận và giương cao đối với chủ nghĩa yêu nước. Cần phải tìm ra tính đặc thù của chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Trung Hoa một cách thực sự cầu thị, mà không phải là đem chủ nghĩa yêu nước có tính phổ biến xem là hạt nhân của tinh thần dân tộc Trung Hoa. Việc này không những có thể hình thành sai lầm về lý luận, mà còn có thể làm cho người ta vấp phải rắc rối trong đời người thực tế. Từ khía cạnh này để xét, nghiên cứu tinh thần Văn Sơn, giương cao tinh thần Văn Sơn sẽ có ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

Mùa xuân 2001

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

[1] *Tương truyền Mạc Tử vốn là người nước Tống, nhưng về sau sống ở nước Lỗ lâu dài.*

[2] *Ở Trung Quốc cho điểm 0 - 100 điểm. Bài thi đạt 60 điểm mới đạt điểm trung bình, không phải thi lại.*